

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

*

Dịch giả : HÒA THƯỢNG THÍCH HÀNH TRỤ

KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO

Phật Lịch – 2553 (Năm 2009)

Printed for free distribution by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

LỜI GIỚI THIỆU

(Thay lời tựa)

Trong đạo Phật về tôn TỊNH ĐỘ(1) có bảy bộ kinh (2) là nguyên tắc (3), cũng như biện chứng pháp (4), đã có truyền tích từ xưa đến nay giữa các nước như : Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản v.v... Nhưng được lưu hành và căn bản đặc điểm hơn, chỉ có ba bộ :

1. - Kinh Vô Lượng Thọ.

2. - Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

3. - Kinh A Di Đà

Mà kinh Di Đà đây, xưa kia kết tập bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) (5), lại được phiên dịch (6) và số sao (chú giải) (7) ra chữ Tàu.

Nước ta tại Bắc Việt có thầy Sa Môn hiệu là Thông Duệ (Trú Trì chùa Phước Long, làng Phù Lãng, huyện Vũ Giang, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã khắc bản ấn hành từ đời vua Tự Đức (1847-1883).

Đến nay (1952-1953), lại được thầy LÊ PHƯỚC BÌNH dịch âm và dịch nghĩa ra tiếng Việt.

Đã biết trong tôn TỊNH ĐỘ có nhiều phương pháp tu trì mà dễ nhất không pháp nào hơn pháp "Trì danh niệm Phật" của kinh này. Nó rất được phổ biến nên dù ở trình độ nào, cũng đều có thể thực hành được cả...

Mặc dù ở đời, trường hợp của mỗi người có khác nhau (như kẻ làm quan, người làm ruộng v.v...) nhưng, nếu biết tin tưởng lời Phật dạy, thì ai cũng có thể vừa tu tập theo pháp môn niệm Phật này, vừa sinh hoạt hằng ngày, cho đến việc gia đình, xã hội cũng không bỏ dở.

Mà pháp môn niệm Phật đây, chính là pháp phương tiện để thực hiện được TỰ TÁNH DI ĐÀ, DUY TÂM TỊNH ĐỘ, nếu ai chuyên niệm được nhất tâm không tán loạn.

Hơn nữa, lời vàng của đấng Thích Tôn đã thốt ra đâu

phải là nguồn triết lý viển vông không bổ ích. Nếu chúng ta chịu khó công phu tu tập, thì sẽ thấy lợi ích rõ ràng. Từ xưa tới nay, biết bao người đã đạt mục đích (giải thoát hiện tiền vãng sanh tịnh độ) như trong kinh này đã nói.

Quý bạn cứ tin đi, trong tre lúc nào cũng có lửa, nếu bạn gia công cạo (cưa) thì lo gì lửa nọ không nẩy ra. Lý nhưt tâm niệm Phật cũng thế. Phật với ta đồng một thể tánh : Phật là người đã làm được ; thì không lẽ gì mà chúng ta đây không làm được. Vậy chúng ta cứ niệm, cứ tu đi, theo lời đức Thích Tôn đã dạy, đã thực hành cũng như mười phương chư Phật đã nói, đã thực hành và cũng đều khen ngợi pháp môn niệm Phật của tông Tịnh độ này.

Điều căn bản và duy nhưt là phải hiểu sự, lý cho rõ ràng và luôn luôn thực hành không gián đoạn thì kết quả chắc chắn không sai.

Thế thì pháp môn niệm Phật này há không phải là một điểm phúc của chúng ta trong đời hiện tại... mãi đến tương lai ư?

Sau khi dịch xong, thầy Sa Môn LÊ PHƯỚC BÌNH có đưa bản thảo đến nhờ tôi khảo đính, và chú thích để phổ biến quần chúng. Tôi nhưt tâm tùy hỷ vì nhận thấy pháp môn này rất xứng hợp thời cơ, nên nơi đây tôi xin trân trọng giới thiệu cùng quý bạn.

Và tôi nguyện đem công đức này hồi hướng lên tam bối cửu phẩm, cầu cho tứ ân tam hữu, cả pháp giới chúng sanh, đồng sanh an dưỡng quốc, phổ nguyện đồng sanh an dưỡng quốc.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

PHƯỚC HẬU TỰ

CẦN THƠ TRÀ ÔN

Ngày vía đức Địa Tạng Bồ Tát năm Quý Ty

Phật lịch : 2516 Dương lịch : 1963

Hoà thượng THÍCH KHÁNH ANH

- (1) Tịnh độ tông là một học phái giữa Phật giáo nước Tàu, chủ trương về niệ̣m Phật vãng sanh, thờ đức Phộ̀ Hự̃n làm sơ tổ. Đời Tậ̀n ngài Huệ Việ̃n xướng lên pháp môn Tịnh độ tại núi Khuộ̀n Lư, tỉnh Chiệ́t Giang, đoàn kết thành Liện Xã, đượ̣c 123 người niệ̣m Phật vãng sanh Tịnh độ.
- (2) Bảy bộ kinh: 1.- Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đặ̉ng Giác Kinh (hai cuộ́n). 2.- Đại A Di Đà Kinh (hai cuộ́n). 3.- Vô Lượng Thọ Kinh (hai cuộ́n). 4.- Quán Vô Lượng Thọ Kinh (một cuộ́n). 5.- A Di Đà Kinh (một cuộ́n). 6.- Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiệ̃p Thụ̣ Kinh (một cuộ́n). 7.- Cộ̀ Âm Thỉnh Tam Đà La Ni (một cuộ́n).
- (3) Nguyên tặ́c: có sự có lý (chiệ́t môn, nhiệ̃p môn) mà niệ̣m Phật tức là niệ̣m tâm.
- (4) Biệ̣n chứng pháp: Có tâm có cảnh, tịnh hạnh tịnh nguyện, mà tâm tịnh tức độ tịnh.
- (5) Kinh A Di Đà phiên dịch đây thuộc về Đại thừa Bồ Tát tạng, xem cái dưới đây:

BA LỚP KẾT TẬP	}	1.- Tiểu thừa Thỉnh văn Tạng 4 lần kết tập	}	a) Vương xá-thành	{	trong hang	}	sau Phật	{	7 ngày
				b) Tỳ xá ly thành —				sau Phật		niết bàn 100 năm.
				c) Ba tra lợi phát thành —					sau Phật	
				d) Ca thấp di la thành	{	1.- Sau Phật 100 năm			2.- Sau Phật 500 năm	
		2.- Đại thừa Bồ-tát Tạng	}	Trí độ luận chép rằng: Sau khi Phật tịch các đức đại Bồ tát như Văn thù, Di lặc v.v... dẫn A nan Đà đến núi Thiết vi đề kết tập Đại thừa Tam-tạng, tức gọi là Bồ tát tạng.						
		3.- Bí mật Tạng kết tập	}	Không thấy nói là năm nào và kết tập tại chỗ nào.						

(6) Ngài Cưu ma la thập dịch vào đời Đạo Tậ̀n 397 — 400.

(7) Tộ̀ Văn Thệ giải số sao vào khoảng đời nhà Minh Gia tị̃nh 1522 — 1566.

LỜI NÓI ĐẦU

ĐỨC PHẬT THÍCH CA vì một **ĐẠI SỰ NHƠN DUYÊN**, ứng hiện ra đời. Ngài tùy theo căn tánh của chúng sanh, thuyết pháp 49 năm, đàm kinh hơn 300 hội. Giáo pháp của Ngài đại khái chia ra làm **NĂM THỜI TÁM GIÁO**. Trong đó lại đưa ra một môn niệm Phật, gồm thu tất cả, không luận kẻ hạ căn, người thượng-trí; hàng cư sĩ hay phái xuất gia. Thật là một phương tiện «quyền thiết song hành» mà xưa nay các Thánh-hiền đều khen ngợi.

Ở Việt Nam chúng ta, tuy pháp môn này được nhiều người tu tập, nhưng ít có bản kinh nào luận về sự, lý rõ ràng như bản kinh «**DI ĐÀ SỚ SAO**» chữ Hán mà hôm nay tôi bạo dạn phiên dịch ra tiếng nước nhà, mong giúp ích phần nào cho các bạn đồng tu tịnh nghiệp, hầu cùng nhau gây dựng chánh nhơn ở nơi «**LIÊN ĐÀI CỨU PHẨM**» ngày mai, dù biết rằng mình còn tài hèn học cạn, văn bút thô sơ.

Với lối dịch âm và nghĩa đối chiếu áp dụng ở đây, các bạn sơ-cơ có thể dò học dễ dàng ấy cũng là một phần trợ duyên nhỏ mà tôi thành tâm cống hiến.

Rất mong quý độc giả sau khi đọc xong bản dịch này, góp ý kiến cho những điều khuyết điểm.

Đa tạ !

Dịch giả căn chí

KÍNH LẠY :

Ngôi Phật, ngôi Pháp, và ngôi Thánh Hiền Tăng.

Ngưỡng cầu Tam bảo từ bi gia hộ đệ tử phiên dịch kinh này được hợp pháp, hợp cơ, lưu thông xa gần, kẻ thấy người nghe đều được lợi ích.

CẦU NGUYỆN :

Thế giới sớm hòa bình,
Chúng sanh mau giải thoát.

Kính lạy ! mười phương ba đời tất cả ngôi thường trú Tam bảo chúng minh !



KỆ KHAI KINH

Pháp mầu vô thượng rất thâm sâu,
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay < nghe thấy > chuyên trì niệm,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Kính lạy : ĐỨC BỒN SƯ THÍCH CA MẦU NI PHẬT

PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ⁽²⁾ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO⁽¹⁾

QUYỀN THỨ NHỨT

Đất Cờ Hàng (3) chùa Vân Thê (4) Sa Môn Chu Hoàng (5) thuật lại.

Giải kinh này bằng lời Sớ Sao, với đại văn chia ra làm năm phần lớn.

A.— Thông tự đại ý (chung bài suốt đại ý của kinh).

B.— Khai chương thích văn (mở từ bài thích từ chữ).

C.— Kết thích chú ý (kết lại để giải đại ý chú vãng sanh).

Sắp như thế này thì thuận theo các kinh thông thường có ba phần là :

THÔNG TỰ, CHÁNH TÔNG và LUU THÔNG, mà chính cũng thuận theo ba môn Tịnh nghiệp là : 1.- Tín. 2.- Hạnh. 3.- Nguyện (6).

A. — THÔNG TỰ ĐẠI Ý phân ra làm năm :

- 1.- Minh tánh (Nói rõ tự tánh).
- 2.- Tán kinh (Khen ngợi kinh này).
- 3.- Cảm thời (Cảm thích thời cơ).
- 4.- Thuật ý (Tỏ ý mình giải kinh).
- 5.- Thỉnh gia (Cầu Phật giúp thêm).

I.— MINH TÁNH

CHÁNH VĂN : Bản thể của tự tánh là : Linh (linh-thiêng). Minh (sáng suốt). Đồng (ròng rang). Triệt (thông thấu). Trạng (trong trẻo). Tịch (vắng lặng). Thường (còn). Hằng (lâu) chẳng phải trước, chẳng phải thanh, không lui, không tới, rất lớn thay cái chơn thể của nó không thể nghĩ bàn được, phải chăng chỉ có tự tánh của chúng ta mới như vậy ?

CHÚ GIẢI : Phần suốt bày ý kinh, về đại văn chia ra làm năm : Từ ban đầu « Minh tánh » cho đến thứ năm là « Tỉnh-gia ».

Nay trước nói : « Minh tánh » — Bởi kinh này hoàn toàn làm sáng rõ tự tánh và lý giải của các kinh cũng không lìa tự tánh nên lấy tự tánh làm mục tiêu.

« Linh » là tánh linh giác (khôn biết). « Minh » là trí sáng-suốt — Mặt trời, mặt trăng tuy có ánh sáng, nhưng không được gọi là : Linh thiêng vì là vô tình. Nay chỉ trong bản tánh rất sáng suốt, rất hay lạ khó lường với sự sáng suốt ấy không thể lấy chi so sánh cho cùng tột, nên nói là « Linh » và « Minh ». Nghĩa là vừa khôn thiêng vừa sáng biết.

« Triệt » là thông suốt. « Đồng » là sự thông suốt cực-diêm. Mặt trời, mặt trăng tuy chiếu khắp, nhưng không thể soi khắp dưới lòng chậu úp, thế là thông suốt mà chưa được hoàn-toàn thông suốt vì còn bị chướng ngại. Nay tánh « Linh Minh » đây soi khắp đất trời, thấu trong vàng đá, bốn phương trên dưới không hề chướng ngại. Vì là bản tánh sáng suốt thông thấu, không chỗ nào là chẳng thông suốt như « Thiên-nhãn thông, Tha tâm thông ».

Cái thông đây không phải như đối với sự ngăn cách mà nói rằng thông, nên gọi là « Đồng Triệt ».

« Trạng » là không nhiễm. « Tịch » là không lay động. Đại địa tuy « Tịch » nhưng không thể bảo là « Trạng » (vì còn nhuộm máu chiến tranh, núi lở đất động). Nay chỉ có bản tánh rất vắng lặng, trong sạch, vì không cặn bã.

Sự vắng lặng ấy không thể lấy chi so-sánh cho cùng tận nên gọi là « Trạm Tịch ».

« Hằng » là hằng lâu. « Thường » là sự hằng lâu cực-diêm. Đại địa tuy bền chắc nhưng không tránh khỏi kiếp hoại (7), thế là lâu mà chưa thật lâu, vì còn « chung nhi phục thi ». Nay tánh « Trạm Tịch » đây, với trước từ vô thi, kéo sau vẫn vô-chung, suốt xưa, suốt nay, không hề biến đổi, bởi vì thường còn mãi mãi, không bao giờ chẳng thường : chẳng phải như cái thường đối với cái tạm mà nói rằng lâu, nên gọi là « Thường-Hằng ».

Phi Trục là nói có, thì tánh nó không thọ một mảy trần. Phi Thanh là nói không, thì tánh chẳng bỏ một sự, pháp.

Không « Lui », là buông ra thời không biết nó tới đâu ? Không « Tới », là rước lại cũng không biết nó từ đâu đến đây ?

Nghĩa là cái tánh « Linh minh » « trạm tịch » này không thể dùng sự : Thanh, trước tới, lui để tìm cầu gì được. Nói thanh, trước, tới, lui là ý gồm cả lành, dữ, Thánh, phàm, hữu, vô, sanh, diệt, tăng, giảm, đồng và dị v.v...

Hai câu : « Lớn thay chơn thể »... ấy là lời khen ngợi, chữ « Đại » là ngay nơi thể đặt tên, dù hai nghĩa : Biến và thường ; do vì tánh, hể ngang ra thì nó đầy khắp mười phương là « đại », mà dọc thì nó tột cả ba đời là « đại », lại không còn pháp nào so sánh đặng. Không phải như cái đại đối với tiểu mà nói là đại.

Chữ « Chơn » là không vọng ; do vì ba cõi đều giả dối, duy có tự tánh đây là chơn thật, vì không phải như trò huyễn-ảo, như pháp diệt vong mà chính là không có cái chi có thể phá hoại nó được, nên nói là « Chơn » tức là « Chơn như bất biến ».

Chữ « Thể » là tột cả muôn pháp không ra ngoài thể như-tâm. Thể gồm cả tướng và dụng. Chung lại gọi là « Chơn thể ». Câu : « Không thể nghĩ bàn được » là : Như trên đã nói « Minh »

mà lại « Tịch ». « Tịch » mà lại « Minh », thanh, trực, không bày, tới lui, đầu có, thể là bật đường lòng tưởng, miệng nói, không còn nghĩ bàn được nữa.

Nói: Không thể nghĩ bàn đó, nghĩa là: với pháp tánh nó không có cái tướng gì để tưởng dặng; nên hề tư tưởng thời loạn sanh (sanh tán loạn). Như trong kinh nói: Người vừa móng tâm, thì trần lao (phiền não) khởi trước, thật thế. Lại nói pháp tánh vốn không có cái tướng suy tưởng đầu có suy tưởng cũng hoài công. Trong kinh nói: Pháp đây không thể nghĩ lường phân biệt mà có thể biết được. Nên nói: Tâm muốn duyên, thì lự đã mất, nghĩa là không thể đề ý tưởng tượng gì được.

Câu « không thể bàn » là: Vì lý viên, lời lệch, lời thốt, lý mất. Nên trong kinh nói: Phạm có nói năng đều thành hý-luận cả (8). Lại vì lý viên dung lời chênh lệch, lời không thể tốt lý. Nên trong kinh nói: Dẫu cho mỗi mỗi thân đủ vô lượng miệng, mỗi mỗi miệng thốt ra vô lượng lời. Tài ngôn luận như nàng Thiện thiên Nữ (9) nói đến cùng kiếp đi nữa, rốt cục cũng không thể hết, thật vậy. Nên nói: Miệng muốn bàn thì lời đã mất.

Lại nguyên tên kinh là « Bất khả tư nghĩ » (không thể nghĩ bàn) nên dùng bốn chữ này để gồm khen văn trước. Vì cái danh tốt bực của lời chí lý vậy.

Câu rốt sau là kết lại. Nghĩa là: Ý nói cái không thể nghĩ bàn như vậy đó, là sẽ chỉ cho vật gì? Duy có tự tánh mới xứng đáng thôi.

Nói « tánh » có hai phần: 1. - Gồm trong phần vô tình, gọi là Pháp tánh (10). 2. - Riêng trong phần hữu tình, gọi là Phật tánh. Nay nói tự tánh, tức là chỉ Phật tánh mà nói vậy. « Tánh » mà nói rằng: « Tự », là pháp bản nhiên như thế vì không do tạo tác mới có; vì chính cái của ta sẵn có chớ không phải thuộc về kẻ khác.

Song tự tánh đây vốn có nhiều tên: cũng tên là « Bồn-tâm », cũng tên là « Bồn giác », cũng tên là « Chơn trí », cũng tên là « Chơn thức », cũng tên là « Chơn như », nhiều tên không cùng. Tóm lại mà nói đó, tức là một tâm « Linh tri », « Linh-

giác » của mỗi người sẵn đủ vậy. Nay nói cái mà không nghĩ bàn được đây, duy có nhưt tâm mà thôi ; chứ không có vật chi khác, duy có cái thể không nghĩ bàn đây cùng với nhưt-tâm đồng vậy.

Nếu căn cứ kinh đây, thì câu đầu tức là « Vô-lượng-Quang », vì rỗng suốt không ngăn ngại. Câu thứ hai tức là « Vô lượng Thọ », vì thường còn không biến đổi. Câu thứ ba, câu thứ tư, tức là tâm linh tuyệt đối đăi. Quang và Thọ hòa nhau, vì tất cả công đức đều là vô lượng. Câu thứ năm là tóm lại để khen. Tức trong kinh đức Phật Thích Ca đã nói : Như ta khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà. Câu rốt sáu xa kết về tự tánh. Nghĩa là : Toàn thể của Phật A Di Đà, tức là tự tánh của mỗi người.

Lại nữa, câu đầu là nói thể sáng suốt không chỗ nào chẳng chiếu, tức là « Dụng Đại », câu thứ hai là vắng lặng không đâu chẳng trùm khắp, tức là « Tướng Đại ». Câu thứ ba, thứ tư, là bất hân hai bên vì tuyệt đối, tức là « Thể Đại ». Câu thứ năm, tóm lại để khen, chính chỗ gọi rằng : tức ba, tức một, đều mất, đều còn, lời tả cùng nghĩ không thấu, không thể suy xét nói bàn. Câu rốt sáu cũng kết về tự tánh vậy.

Lại câu đầu nói « Chiếu », tức là « Đức giải thoát ». Câu thứ hai nói « Tịch », tức là « Đức bát nhã ». Câu thứ ba, thứ tư nói « Tịch chiếu không hai » tức là « Đức pháp thân » (11). Câu thứ năm là tóm khen, câu rốt là kết về lệ như trên nên biết.

Lại dùng bốn pháp giới để phối hợp đó, thì thanh, trược, tới, lui là « Sự pháp giới » ; Linh minh, trạm tịch là « Lý pháp-giới » : Linh minh, Trạm tịch bất biến (tự tánh không biến đổi) mà tùy duyên (của 8 thức), thanh, trược, tới, lui dù tùy duyên (của 8 thức) nhưng bất biến, tự tánh không biến đổi) là « Lý sự vô ngại pháp giới », Bất khả tư nghĩ là sự sự vô ngại pháp-giới (12) Do kinh đây có phần gồm thuộc về Viên giáo, vì cũng có ít phần Sự-sự vô ngại vậy. Rốt sáu nói « Tự tánh », cũng là gồm kết bốn pháp giới về một « Lý nhưt-tâm » vậy.

2.— TÁN KINH (phân làm hai phần)

1. Tổng tán : Khen chung cả bốn kinh.
2. Biệt tán : Khen riêng pháp trì danh.

TỔNG TÁN

CHÁNH VĂN : Lóng đục thành trong, trở trái làm mặt, vượt khỏi « Ba Kỳ » trong một niệm ; bằng các thánh nơi chút lời, rất mau thay chỗ diệu dụng... cũng không thể nghĩ bàn đặng, duy có kinh A Di Đà, mà đức Phật Thích Ca ngài nói đây thôi.

CHÚ GIẢI : Như trên đã nói : « Thề linh minh trạm-tịch » vốn không thanh, trước, mặt, trái, rốt ráo bình đẳng, duy là « Nhứt tâm ».

Nay so về môn sanh diệt để nói : Bởi sự nhận thức của mọi người chẳng đúng với « Tánh thật biết » vẫn một cái chân-như, vì nó không phân biệt, nên tâm bất giác khởi ra vọng chấp trước ; thế rồi bị vô minh che lấp, bỏ mất cội gốc là tánh chơn-như, trôi lăn theo ngọn ngành, là tâm sanh diệt, khuấy loạn cái Chơn Thề, nên gọi là « Trước » ; như lóng bùn cát làm cho trong sạch lại, thời gọi là « Thanh », tức là chỉ chuyển cõi Ta bà ngũ trước này, trở thành cõi Tịnh độ là nước thanh thới vậy.

Bị vô minh kéo dắt, bỏ tánh giác, theo vọng trần, trái xa chơn thề gọi là « Bối ». Bày giờ quày bỏ đường đời, trở lại lui về, thế gọi là « Hưong ». Tức chỉ xây lưng cõi Ta bà, để trở mặt về nước Cực Lạc vậy.

Song đây là chỉ ngay trong một thời kỳ chúng sanh, từ khi mê đặng ngộ mà nói, thì dường như có những sự lóng đục thành trong, trở trái làm mặt, chớ kỳ thật ở nơi « Tự tánh », thì không đục, không thất, cũng không thêm không bớt ; thế nên khi đục, lúc trong, mà tánh nước không đổi khác ; bỗng sau thoát trước mà người chẳng hai thân. Nên có câu : Tu chứng tức chẳng không ; nhưng nhiễm ở thời chẳng đặng chứng.

Ba kỳ là ba kiếp lớn A-Tăng-Kỳ; chữ « Tăng-Kỳ » sẽ thấy giải ở văn sau. Nói Ba-Kỳ là : a)- Căn-cứ theo lịch sử do Đức Thích-Ca thành đạo thì từ cổ Phật Thích-Ca đến Đức Phật Thi-Khí, trải qua bảy muôn năm ngàn đức Phật; b)- Từ Đức Phật Thi-Khí đến Đức Phật Nhiên-Đăng, trải qua bảy muôn sáu ngàn vị Phật; c)- Từ Đức Phật Nhiên-Đăng đến Đức Phật Tỳ Bà-Thi, trải qua bảy muôn bảy ngàn Đức Phật, nên nói ba-kỳ. Trải đủ nhiều kiếp lâu xa càng lâu xa để hành Bồ-Tát-Đạo, mới siêu sanh-tử mà nay không vượt ra ngoài một niệm mau khỏi đường sanh-tử. Một niệm là gì. Tức tâm năng niệm của ta niệm Phật A-Di-Đà đây vậy.

Chữ « Thánh » là Phật và Bồ-Tát. Từ địa-vị phạm phu trông lên bực Thánh, cách lại càng cách, thế mà nay không ngoài chút lời được tiến ngay lên bực « Thánh bất-thối » chút lời là chút lời sở niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà đây vậy.

Tột thay!... hai câu là lời khen ngợi. Chữ « Chí » nghĩa là « Tột » ý nói rộng lớn tột bực không chi hơn đặng.

Chữ « Diệu » là nghĩa bốn câu trên chung gọi là « Diệu-Nghĩa ».

Dụng là « Lực-Dụng ». Luận rằng tâm như khó sạch, vẫn đục như sông Huỳnh (13). vọng-tướng khó tiêu, dong-ruồi dưng ý ngựa. Bởi trải nhiều kiếp như hăng sa vô-số lượng, mãi luân-hồi không thôi, dầu đọc hết văn trong ba tạng 12 bộ kinh, mà đường giác càng xa. Nay có thể làm cho đục thành trong, trái nên mặt, một niệm mau siêu, chút lời liền chứng, lực-dụng nhiệm-mầu đến thế, đâu nghĩ bàn được. Dụng từ thể-tướng sanh ra, nên chỉ nói diệu-dụng mà gồm cả.

Câu rốt sau là kết về tự-tánh, ý nói chỗ diệu-dụng như thế, sẽ sánh với kinh nào? Chỉ có kinh A-Di-Đà của Phật Thích-Ca nói đây mới đủ dùng so-sánh.

Hoặc có người hỏi : Không luận kinh « Tiều-thừa », chỉ như các kinh « Đại-thừa » chất nhiều như núi, vì sao riêng khen diệu-dụng của kinh này ?

Đáp : Trong tạng kinh tuy có đủ nghĩa đầy, nhưng chưa có kinh nào rõ-ràng và giản-dị như kinh này, cho nên xưng-tánh mà luận, chánh trực mà nói, thì đâu chẳng phải là « Viên-đốn-giáo » ; (14) nhưng với cái điều [« Lóng đục... trở trái... », thì Viên-đốn kia chưa bày tỏ ra cách phương-tiện ấy. Còn các pháp-môn khác : hoặc có pháp quá rộng khơi khó giữ-gìn, hoặc quá sâu xa khó dò nôi. Nay chỉ dùng chút lời bằng niệm danh hiệu Phật, liền chứng nhập nhưt Tâm, đã được vãng-sanh, tiến ngay đến chỗ thành Phật, thế thì chính nơi phương-tiện mà thành pháp « Viên đốn » vậy. Thần-công, thắng-lực ấy, không thâu về kinh này, chờ về kinh nào ?

Lại vấn trước là « Tánh-đức », vấn đây là « Tu-đức » vấn trước là « Tự-tánh » sẵn thanh-tịnh, vấn đây là « Ly-cấu » mới được thanh-tịnh, nhấn đến tánh-tịnh, chương hết v.v... hòa lẫn nhau như một không hai, như trong phần giáo sau sẽ nói.

BIẾT-TÁN (phân ra làm bốn phần)

- 1.- *Tiên xuất thuyết kinh sở dĩ* : Trước chỉ lý-do nói kinh.
- 2.- *Thống-luận Tịnh-Độ công-đức* : Gồm bản công-đức Tịnh-Độ.
- 3.- *Đặc thị trì danh vi yếu* : Chỉ có trì danh là hơn.
- 4.- *Quảng hiển trì danh sở bị* : Rõ nhờ trì danh rất rộng.

TIÊN XUẤT THUYẾT KINH SỞ DĨ

CHÁNH-VẤN : Thế nên đức Thế-Tôn ta trước nói ra ba thừa san hội về nhưt thật, đã đồng phần cho của báu, lại còn đặc-biệt ban ơn mầu.

CHÚ GIẢI : Nương văn trên nói : Kinh này có đủ công-đức, không thể nghĩ bàn như thế ; thành thử Phật nói kinh này là vì có lẽ đó.

Chữ « Sạ » là Tạm. Nghĩa là : Tạm thời quyền nói, chờ chưa phải nói đến chỗ cứu-cánh.

Tam-thừa là : Thừa vốn không ba, quyền nói có ba là : Thinh-vấn, Duyên-giác và Bồ-tát.

Chung là đối với Tam mà nói. Thật là đề đối với quyền mà nói nghĩa là đức Thế-Tôn ta khi mới thành ngôi Chánh-giác, diễn nói kinh « Đại-Hoa-Nghiêm », nhưng giáo lớn khó thích-hạp với căn cơ nhỏ, nên Phật tùy căn-cơ của chúng-sanh, mà Ngài nói pháp tam-thừa, sau rồi mới hội « Quyền » về « Thật » đồng ban trao pháp đại-thừa, cho nên nói đồng phần cho của báu. Đây là chỗ đại-khải cả 5 thời giáo (15) của Như-Lai nói trong một đời 49 năm. Nhưng trong ấy lại đưa ra một môn niệm Phật : Môn này không luận kẻ đại-căn người tiểu cơ, hề ai niệm Phật là liền được vãng-sanh. Cũng không đợi đến lúc căn-cơ thuần-thục mới hội Quyền về Thật, miễn được vãng-sanh liền đặng bực Bất-thối. Dụ như : Người được tiến-cử vào chức vị mà chẳng cần phải do nơi phẩm-trật (thi đậu bằng-cấp) và kẻ con nhà thừa-ấm (16) sẵn bực lớp, nhứt định làm quan. Vì ơn trên ban ra bằng một cách phi-thường, nên gọi là ơn đặc-biệt cũng như lạ-lùng. Lại ân-mầu ấy gồm có 2 nghĩa :

1.- *Pháp niệm Phật là trong ân-mầu.*

2.- *Pháp tri-danh niệm Phật lại là ân-mầu trong ân-mầu.*

THỐNG-LUẬN TỊNH-ĐỘ CÔNG-ĐỨC

CHÁNH-VĂN : Đức Thế-Tôn chỉ ra 48 lời nguyện, và mở dạy 16 pháp-quán : Nguyện nào cũng quy về pháp phò-độ, Quán nào cũng chú-trọng về lý diệu-tâm.

CHÚ-GIẢI : Văn trên khen pháp-môn Tịnh-Độ rất thù thắng : văn đây đối với pháp-môn Tịnh-Độ, trước nêu các kinh, sau đem so sánh với kinh này, thì kinh này lại là thù-thắng hơn, 48 nguyện và 16 pháp-quán đã chép đủ trong hai kinh là ý nói từ nguyện đầu đến nguyện rốt sau, nguyện nào cũng đều tiếp dẫn chúng-sanh đồng sanh về cõi Tịnh-Độ. Từ Quán đầu đến Quán cuối cùng, Quán nào cũng đều là Quán không. Quán giả và Quán trung đạo (17), để rõ tột lý nhứt-tâm. Do nhứt tâm đây phát sinh ra đại-nguyện nương đại-nguyện, mà thành ngôi chánh-giác, rồi dùng bản nguyện ấy, trở lại độ chúng-sanh để đồng chứng về lý nhứt-tâm.

Đối Pháp-môn Tịnh-độ, so-sánh cả hai kinh (Đại-bồ và Quán-kinh) ý gồm như thế.

ĐẶC THI TRÌ DANH VI YẾU (phân ra làm hai phần)

1.- *Giáo luận yếu ước*: So luận về chỗ cốt yếu.

2.- *Câu minh lợi ích*: Xét rõ điều lợi ích.

GIÁO LUẬN YẾU ƯỚC

CHÁNH-VĂN : Lại dùng nguyện môn rộng lớn, quý nhất là tại chỗ biết trước ; với Pháp quán sâu màu, chỉ bằng giữ lấy chỗ đón : Biết trước là chuyên cầu về nước kia. Giữ chỗ đón là duy cần sự trì-danh. Vì hễ niệm danh hiệu Phật, thì đã gồm đủ các đức tốt ; còn chuyên trì-danh, cũng tóm thâu được muôn hạnh-màu.

CHÚ-GIẢI : Chính nơi văn trước so-sánh kinh Đại-bổn, Quán-kinh mà luận thi biết pháp trì-danh rất là ngắn gọn. Nói « Rộng lớn » là 48 lời nguyện bao trùm cả kể u, người hiền, gồm hết bậc Thánh hạng phạm, rộng lớn thênh-thang, xa khơi không bờ mé ; pháp-môn man-mác như thế, muốn vào quyết có chỗ dò lần, nên chỉ quý ở chỗ biết trước. Trong truyện nói : Biết chỗ trước sau thời mới gần đạo vậy (18).

Nói « Sâu Màu » là : Vì quán-môn chia ra 16 pháp, sự tu không phải một ; vả lại diệu-quán rất tinh-vi, kể sơ-tâm khó xét thấu. Nếu cần-thận ắt đặng lý-màu nên phải giữ chỗ yếu-ước. Ông Kha-Tử đã nói : Giữ chỗ yếu-ước mà làm ra việc to rộng là đạo hay vậy (19).

Thế nào là biết trước ? Do biết sanh về nước kia, gần gũi phụng-sự đức Như-Lai đại nguyện như thế, ngộ hầu khá trông mong, miễn được thấy Phật Di-Đà lo gì chẳng tỏ ngộ. Thế nên nói sự cầu nguyện vãng-sanh là việc làm cần-kíp trước hết.

Thế nào là giữ chỗ yếu-ước ? Bởi do pháp quán tuy là 16, nhưng chỉ nói đến một chữ Phật là đủ. Phật tuy rất tội duy nhất tâm tức là đó (là Phật). Nay nghe tên Phật, như tâm chấp trì, chính rằng rất đón dễ không tổn công nhiều, vì muôn pháp chỉ duy tâm, hễ tâm đã thanh-tịnh, thì việc nào lại không xong ; vận lòng quán-tướng trong một sát-na, mà nào y-báo nào chánh-báo đều được rõ ràng, hễ móng-niệm muốn vãng-

sanh, liền được sanh về nước kia. Thế là với pháp-quán khó thành, ta chẳng tụ tập mà thành. Cho nên pháp « tri danh niệm Phật » để làm chỗ giữ tu rất là yếu-ước vậy.

Ngài Thiên-Như đã nói: Lòng Phật Thích-Ca quá thương, khuyên chúng-sanh niệm ngay danh hiệu Phật A-Di-Đà ấy vậy.

Nói « niệm danh-hiệu » là: Phật có vô-lượng phước đức, nay chỉ niệm có bốn chữ danh hiệu là A-Di-Đà Phật cũng đủ bao trùm hết cả, do vì đức Phật A-Di-Đà tức là toàn thể của nhưt-tâm, mà tâm nó gồm cả các đức nào: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bồn-giác, Thi-giác (20), Chơn-như, Phật-tánh, Bồ-đề, Niết-bàn, cho đến trăm ngàn vạn tên, đều chỉ trong một tên Phật A-Di-Đà đây, thâu gồm được tất cả.

Nói « Chuyen tri » là: chúng-sanh học Phật cũng có vô-lượng pháp tu hành; nay chỉ một pháp tri-danh, đủ dùng gồm ráo. Bởi vì tri-danh hiệu Phật, tức là tri lấy nhưt tâm, mà tâm đây nó gồm hết trăm hạnh như: Tứ-đế, Lục-độ, cho đến tám muôn bốn ngàn số hằng-sa, số vi-trần, tất cả hạnh-môn, tâm thâu nhiếp được hết, nên gọi là giữ chỗ yếu-ước.

CŨU MINH LỢI ÍCH (phân ra làm ba phần):

- 1.- *Nhơn thành.* (Thành cái nhơn niệm Phật).
- 2.- *Quả chứng.* (Chứng cái quả niệm Phật).
- 3.- *Tổng kết.* (Chung kết nhơn-quả tốt).

NHƠN-THÀNH

CHÁNH-VẤN: Tu đến đây muôn niệm-lự (vọng-niệm) đều thôi. Xét tột, nhơn được vậy là bởi nhưt-tâm bất loạn.

CHÚ GIẢI: Trước khi chưa tu pháp « niệm Phật », thì trong ý-thức niệm nào niệm nấy toàn là niệm theo trần-lao (tức là niệm chúng-sanh), gọi rằng trong một sát-na có đến chín trăm cái niệm sanh và diệt; cứ trong mỗi một niệm lại có bốn giai đoạn là: Sanh, Trụ, Dị và Diệt. Như thế phân-tích ra từ số từ mục, thì nó nhiều đến bằng những con số vô-lượng vô-biên. Vì dầu dùng con mắt bằng « thiên nhãn thông »

đi nữa cũng không thể dờm cho thấu hết số niệm trần lao ấy !
Nên gọi là « muôn niệm lự » vậy. Những muôn niệm-lự đây
hể niệm trước diệt thì niệm sau sanh, thoát đi thoát lại, dùng
trăm kể trừ đó, nhưng rốt cục không thể trừ được.

Thế mà nay nhờ sức tri-danh, chánh niệm vừa dậy lên,
thì tạp-tướng tự-nhiên trừ hết. Dù như sư-tử ra khỏi hang,
trăm loài đều ẩn nấp. Ánh mặt trời chiếu sương, ngàn rừng
mất tuyết trắng, gọi là muôn vọng-niệm đều thời.

Thế nên Ngài Vĩnh-Minh nói : Có người tu pháp-quán
sở-tức (21) vọng-tướng không thời ; tu pháp-niệm danh hiệu
Phật liền được tiêu vọng-tướng. Nghiệm xét cả hai, thì nhờ
pháp niệm Phật đây, mà niệm tư-lự thời dứt lại càng thời dứt,
cùng nguồn tột gốc nên nói rằng « Xét tột ». Đến chừng được
« nhưt tâm bất loạn » tức là thành tựu cái nhưn tu-pháp « niệm
Phật tam-muội ».

QUÁ - CHỨNG

CHÁNH-VĂN : Mới biết chưa bước lia ngạch cửa,
mà ao báu hoa nở bốn màu, chẳng ra khỏi ngõ sân mà
đất vàng cây ngọc quanh bảy lớp, chỗ đức Di-Đà thuyết
pháp giở hoa sen nở hóa-sanh, chim quý với chim
thường rập tiếng, nhà tranh cùng nhà ngọc chung màu.

CHÚ GIẢI : Bất luận ở đâu, người tu pháp niệm Phật
mà đã được nhưt tâm bất-loạn, mới biết từ bảo-thọ, liên-hoa
cho đến cả y-bảo, mỗi mỗi món trang nghiêm kỳ-diệu, đều
không phải là cảnh ngoài tâm, tức là tâm tịnh, độ-tịnh thế,
hà tất phải đợi tai nghe lời vàng mới là Phật Di-Đà thuyết-
pháp? Cõi Ta-bà ẩn-hoại mới gọi tịnh-độ văn-thành hay sao ?
— Thế thì chim quý, chim thường, nhà ngọc, nhà tranh (22) có
gì hơn, có gì kém, có chi tịnh, có chi uế ? — Nên nói : Cảnh
Tây-phương tịnh-độ ở ngay trước mắt là thế.

TỔNG - KẾT

CHÁNH-VĂN : Số là, với cái niệm mà không là
chơn-niệm ; với việc sanh, mà hiểu vào vô-sanh. Bởi
niệm danh Phật tức là niệm tâm ta, còn sanh nước kia,

không lia sanh côi đây. Vì rằng tâm, Phật và chúng-sanh tuy ba mà vẫn đồng một thể ; giữa dòng và hai bên đều không nhứt định ở một chỗ nào nên gọi : Tự-tánh giác là Phật Di-Đà, duy tâm tịnh là côi Tịnh-độ.

CHÚ GIẢI : Tiếp văn trên nói ; Cái lẽ mà được nhơn tốt quả mầu, như thế, là phần chính do tu pháp tri-danh niệm Phật đến chỗ nhứt Tâm, niệm tốt thành không niệm, niệm mà không niệm mới là chơn niệm. Lại cái thể niệm vốn không, niệm thật không niệm, gọi là chơn niệm vậy.

Câu « sanh vô sanh » là : Vì rõ thể sanh không có, thì sanh mà không sanh, không sanh mà sanh, thể gọi là dùng tâm niệm Phật chứng nhập bực nhứt vô-sanh (23) như trong bài « Giáo-Khởi » văn sau có nói rành. Nên biết trọn ngày niệm Phật, chính là trọn ngày niệm tâm, rõ-ràng vãng-sanh, nhưng lặng-trang không có gì là lai vãng.

Câu « Tâm, Phật và chúng-sanh » đó, kinh nói : « Tâm và Phật cùng chúng-sanh cả ba không sai khác ». Bởi vì « tâm niệm Phật » tức là Phật A-Di-Đà, Phật A-Di-Đà tức là tánh Phật của chúng-sanh, vì đồng một bản-thể « Biến chánh-giác » nên chỉ Chúng-sanh trong tâm của chư Phật, trở lại niệm lấy chư Phật trong tâm của chúng sanh, nếu « Mê » phải cầu « Giác », mà giác thì vẫn đồng nhau, nên nói đồng một thể.

Câu : Giữa dòng và hai bên là Cõi Ta-Bà dụ ở bên này, cõi Cực-Lạc dụ ở bên kia. Ban đầu nhằm khổ ưa vui ; rồi đến cái chấp phân-biệt khổ vui đều mất, sau rốt cũng không trụ nơi phi khổ, phi vui, thể là hai bên đã không chấp trước, chặng giữa lại cũng không đề lòng. Tự tánh sẵn có đức Phật A-Di-Đà, duy-tâm sẵn có côi Tịnh-độ, ý cũng như đây. Thể thời pháp Thiên và pháp Tịnh-độ, cả hai tuy khác lối tu, nhưng đồng về một chỗ là « tánh », vì không lia tự tâm, mà tự-tâm tức là Phật, tức là Thiên.

Vậy ai kia chấp Thiên chê Tịnh-Độ, chính là tự chê bản-tâm của mình, cũng là chê Phật, và chê pháp Thiên của mình đương tu nữa ; mà họ cũng chẳng biết, tự nghĩ xét đó thôi !

QUẢNG HIỀN TRÌ DANH SỞ BỊ

CHÁNH-VĂN : « Lý-nhứt-tâm » đây, dù nó trọn phần về bậc Thượng trí, nhưng nó cũng thông cả « Sự, tướng » phần nào. Vì chiều theo cho hiệp với kẻ độn-căn (căn-cơ chậm lụt cũng như tối dạ).

CHÚ-GIẢI : Với « Lý-nhứt-tâm, Sự-nhứt-tâm » sẽ thấy rõ ở văn sau. Nay nói tự-tánh Di-Đà, duy-tâm Tịnh-Độ, chính là chỉ ngay về « Lý-nhứt-tâm bất loạn » trong kinh này nói thôi. Bậc thượng trí có thể vâng tu, kẻ độn-căn chưa kham lãnh nổi. Nên nói « nhứt tâm » đây, không những chuyên-chú về lý, mà cũng thông-đồng đến Sự nữa : Vì với « Sự-nhứt-tâm » ai cũng làm được, chính như : Kẻ ngu-phu, ngu-phụ (24) dù là bất-tiểu, chớ cũng có thể tham-dự biết được, làm được. Vì Pháp-trì-danh niệm Phật này ví như trời khắp che, đất khắp chở, trong bầu đại-tạo (vũ-trụ) không bỏ một vật nào.

3. — CẨM THỜI (phân ra làm ba phần)

- a) Tông thán. (Than chung chấp đây bỏ kia).
- b) Biệt thán. (Than riêng chấp lý hay chấp sự).
- c) Kết thán. (Kết lời than phiền).

TÔNG-THÁN

CHÁNH-VĂN : Ngặt vì bọn bảo-thủ thói ngu, chấp lấy Sự mà không chịu nghe Lý, còn hạng tà trí tiểu huệ chấp Lý mà bỏ Sự. Chấp Sự mê Lý như trẻ nhỏ đọc sách của cò thánh ; chấp Lý bỏ Sự, như học trò nghèo lượm đặng bằng-khoán của bác nhà giàu.

CHÚ-GIẢI : Văn trên nói : Phật vì lòng thương độ cả kẻ trí người ngu. Văn đây nói : Chúng-sanh không noi theo ý Phật, thì dù có khéo dạy, mà nó cũng không khéo học, nên đáng thương thay !

« Thủ-ngu » là : Đã ngu-mê mà lại đành giữ chặt sự ngu, không chịu cải đổi. Tiểu huệ là có hơi thông được chút đỉnh, chừ chưa phải là thông. Bởi vì Sự là nương nơi Lý để phát

sanh ; Lý mà đặng Sự mới rõ-rệt, có Sự có Lý để giúp lẫn nhau không nên riêng bỏ một bên nào, còn chấp đây, chấp kia cũng đồng là một hạng ngu tẻ !!

Trẻ nhỏ là : Dụ kẻ hoàn-toàn ngu-mê, vì còn trẻ con chưa mở trí, chỉ biết đọc chữ chứ không hiểu nghĩa. Chính như bảo trọn ngày niệm Phật mà chả biết ông Phật mình niệm đó là gì ?

Trò nghèo là : Dụ kẻ mới biết đọc hiểu chút đỉnh. Xưa có người nghèo đi đường lượm được cái băng-khoán. Thấy trong ấy bên nào là : ruộng, vườn, nhà, cửa, vàng, lụa, gao, lúa, món món số mục ; vui mừng quá đỗi tự-hào rằng mình giàu to. Đâu biết rằng chỉ đếm số mục vật báu của người khác trên mặt tờ giấy mà thôi, chớ với mình có ăn thua gì. Chính như đấy bảo : Mặc dầu nói khoác rằng biết tức Phật, tức Tâm, nhưng rõ-ràng Tâm mình chưa phải là Phật. Thế nên, so về Lý thì không thể niệm, so về Sự thì trong cái không thể niệm, chúng ta vẫn niệm mãi. Do vì niệm tức không niệm, Lý, Sự đều tu, ngay nơi bản-trí (trí mình) mà cầu Phật trí (25). Ừ ! được như vậy rồi mới gọi là bậc Đại-trí chớ.

BIỆT - THÁN

CHÁNH-VĂN : Song, dầu tu niệm Phật bằng cách sự-tướng, mà niệm được nối luôn luôn, cũng không mất công vào bực Thánh. Còn tu chỉ bằng cách chấp Lý mà tâm chưa được thật sáng-suốt, trở lại chịu cái hại lạc về ngoan không.

CHÚ GIẢI : Văn trên nêu cả hai bệnh : Chấp Lý bỏ Sự chấp Sự bỏ Lý. Văn đây đối với hai bệnh riêng chỉ lỗi kia. Nghĩa là : Chấp Sự mà tin tâm không thiết, vốn không đủ luận. Giả sử tu niệm Phật bằng cách chuyên trì danh hiệu, mỗi niệm mỗi niệm nối nhau, không có gián-đoạn, dầu chưa hiểu đế-lý của nhứt-tâm chứ cũng đã được thành-tựu tịnh-thân, đã được tịnh-thân, thì chắc được vắng-sanh vậy, dù là phàm-vị thấp. Chính như nói : Người học trò thi đậu bằng cách nêu tên ở chỗ chót bảng, dù là hạng bét nhưng cũng không đáng hổ, chỉ sợ trên bảng không có tên mình mới thẹn

thời ! Thì ai lại nõ nào chấp lấy cái thủ-ngu đó để chịu thiệt-thời nơi mình ấy ư !

Chỉ như chấp Lý mà tâm được sáng suốt cũng không cần luận ; ví dầu chỉ cấp-tiến bằng thói cuồng huệ (26), đâm dính vật ngoan không (27) với tâm mình mà mình chưa tỏ ngộ, lại vội khinh thường niệm Phật, coi rẻ sự vãng-sanh phải bị hại chẳng nhỏ. Chính chỗ rằng : Cho là chẳng có chi hết, như cái cối không trống rỗng kia, rồi bác đi, cho là không có cái lý nhưn-quả chi ; thì nó tự chuốc lấy những họa-ương rất lớn và nhiều lắm ! Như trời cao lồng lộng, rừng cỏ rậm ri-ri !! (28).

Hoặc có người hỏi : Vì sao không trách tội kẻ độn-căn (tối đốt) trái lại cứ dẫn ép kẻ lợi-căn (sáng lạnh) ?

Đáp : Vì người lợi-căn hay ý tài cao cả lên chân. Múa mỏ thường tự hào có tài trí giỏi hơn kẻ độn-căn. Sở dĩ nay lập ra lời chỉ-trích, là muốn cho họ biết rằng : vẽ cọp không thành, trở lại thua một thê (29). Mong họ biết lỗi hồi tâm niệm Phật, chớ nào phải dẫn ép chi dẫu, mà thiệt ra là thương tiếc lắm mới nói !

KẾT THÁN

CHÁNH-VĂN : Đến nỗi đề đực Phật như đuổi tay luống cần, dường như mẹ dựa cửa ngóng-trông. Đối trên, nõ đứng-dưng lời Phật dạy ; Đối dưới, đành phụ tánh linh của mình, từ đời này cho đến nhiều đời, một bước sai trăm bước vẫn sai, (30) đành lòng lục đục giữa khờ thú, bó tay lần hồi đến tử-môn, không ai cứu-vớt, không chỗ nương về, thật đáng thương và đáng tiếc !

CHÚ GIẢI : Duỗi tay là thuở xưa « Mạnh Tử » nói : Chị dâu bị đắm nước, em trai chõng nắm lấy tay chị để vớt lên. (31) Dựa cửa là : Mẹ của ông Vương Tôn-Cồ bảo ông rằng : Con mai ra đi mà chiều chưa về, thời má đã đứng tựa nơi cửa này đề ngóng trông (32).

Nay nói chúng-sanh chìm đắm dưới bể khổ. Phật ra đời tế-độ như duỗi cánh tay xuống vực sâu để cứu vớt. Thế mà chúng-sanh bỏ tánh chơn-giác, theo vọng trần, Phật thương

tưởng như mẹ tựa cửa trông con. Tuy cứu vớt rất cần, nhớ thương quá thiết, nhưng mà chúng-sanh kẻ thì đắm đuối mãi chẳng ngóc đầu, người thì xa xăm luôn không lui gót, thật là phu bạc lời giáo-huấn của đức Từ-Tôn.

Dưới danh thua thiệt tánh linh của mình là : Hễ có tâm quyết sẽ thành Phật ; nên chi Phật dạy cái phép « niệm danh Phật », là muốn cho mỗi người niệm lấy tự tâm của mình. Để thành lấy quả Phật nơi tự tánh mình. Thế mà chúng làm ngơ tỏ lờng không tin, thì đầu chẳng phải là để cho tánh linh mình bị thua thiệt ư !

« Đời nay và nhiều đời » là : Đời đời đọa lạc không cùng.
« Một bước sai, trăm bước cũng sai » là : Đời nay bước trái bỏ qua thì sau này nhiều kiếp khó gặp.

Vào khổ thú là : Tỷ như bày đời của ruồi xanh, chịu khổn khổ lúc nhúc ăn đồ dơ trong cau xí (Dụ : Chúng-sanh đắm mê ngũ-dục, không cầu xuất ly ngoài tam-giới).

Đến chốn tử-môn là : Dụ loài trâu, dê bị lừa đến chỗ làm thịt, không ai cứu vớt, không chỗ nương vè, đầu chẳng thương ư !! ?

4.— THUẬT-Ý (phân ra làm ba phần)

- a) Quý kỹ bất-đức (Thẹn mình chẳng có đức tài gì).
- b) Minh kỹ sở thượng (Tỏ chỗ mình quý chuộng).
- c) Nguyên kỹ thích kinh : Xét chỗ mình giải kinh này.

QUÍ KỸ BẤT ĐỨC

CHÁNH-VĂN : Chu-hoàng này đã là kẻ hạ phàm, lại nhằm đời mạt pháp chỗ xuất thân hẹp hòi hẻo-lánh, bề học-thức cạn-cột muộn-màng, chẳng thông lý nhiệm, vốn hồ lời suông, bán vẽ (ích chi cho bụng kẻ đối. Đá yên-thạch khó đối mắt người cò-hồ (người thợ nghề buôn).

CHÚ GIẢI : Văn trước nói niệm Phật, được lợi-ích như thế, không niệm Phật mắc hại như thế, nên thuật lại ý mình chỉ trọng pháp-niệm-Phật. Văn đây, trước lấy độn-căn để tự xét cũng như tự phê-bình. Mặt-pháp là : Pháp rốt, một thời sau hai thời chánh-pháp và tượng-pháp (33) là than mình sanh nhầm thời kỳ không có Phật. Hạ phạm là : Bảo thân không tốt.

Hẹp-hòi là : Chỗ thấy không rộng. Học muộn là : Trí hiểu không được sâu. Với sự còn chưa hiểu, hưởng nữa biết lý ? — Nghĩa là : Lợi nói không đủ để làm cho người tin vậy.

Vốn hồ là : Vì tự biết mình thấp cạn, hồ-thẹn với lời nói suông, nghĩa là : hồ lời nói đi quá việc làm (34).

Bánh vẽ : Dễ hiểu, dụ như lời nói suông.

Đá yên : Là thứ đá giống như ngọc, mà không phải ngọc.

Cổ-Hồ là : Người buôn bán bên nước Tây-Vức, khéo biết ranh các thứ ngọc báu. Thuở xưa có người lượm được viên yên thạch, tự cho là ngọc Du-Cần, rồi làm bộ kiêu dóc, để dối lèo mắt người, mongặng giá cao. Hôm nọ đem bán-tĩnh (khoe) với người Cổ-Hồ. — Hồ nói : Đây chỉ là đá chớ không phải ngọc đâu anh ạ ! Người kia lấy làm xén-lên rút lui. Dụ như đối với đạo chỗ thấy còn hẹp-hòi, mơ-hồ không thật, chỉ làm trò cười trước mắt tinh đời của người thiện tri-thức (35).

MINH KỶ SỞ THƯỢNG

CHÁNH VĂN : Kính vưng theo lời tiên-sắc của Phật, dốc lòng phụng-sự kính này, trông về nước Cực-Lạc là quê-hương, ngửa mấn đức Từ-Tôn như cha mẹ.

CHÚ GIẢI : Đã tự xét mình độn-căn, thì với sự làm ắt noi theo bực cổ-đức. Chữ « Chi » là Kính. Tiếng ngọc của Vua trong đời, lời vàng của Phật ra khỏi đời ! đều gọi là chữ « Sắc ». Dốc lòng phụng-sự, là Phụng-sự triệt-đề. Nước Cực-Lạc mà nói là quê-hương : Vì cõi Tịnh-Độ vắng-lặng, chính là chỗ của mỗi người để an-thân lập-mạng. Mà lại bỏ lia quê cũ, trôi-giạt xứ người, như kẻ du tử lạc-loài, duy có một niệm lo trở về với quê cha đất tổ mà thôi.

Đức Từ-Tôn mà nói là hồ-thị (nhờ cậy) hay cha mẹ : Vi cha là chỗ nhờ của ta, mẹ là chỗ cậy của ta, (36) Phật dùng lòng đại-từ, đại-bi tiếp-dẫn chúng-sanh, mang ta bằng thai-thánh, nuôi ta bằng sữa-pháp. Ngay nơi trong tâm ngoài thân của chúng ta nay đây, đâu chẳng nhờ ơn-lực ấy mà dựng thành-lập nên người. Đức cù-lao trời cao chẳng tột, (37) thế mà ta lại nỡ bỏ gốc sanh-thành, như con minh-linh dưỡng-tử đi theo họ khác. (38).

Vậy chỉ phải thật lòng cảm-mộ trọn đời, (39) hầu hạ đời bên, (40) sớm thăm tối viếng, không nên trái lời (41).

NGUYÊN KÝ THÍCH KINH

CHÁNH-VĂN : Vì ôm lòng kiem-lợi, đạo quý chỗ hoằng-thông. Tiếc thay các bộ sớ-thích của Tồ xưa, ngày nay ít thấy bản nào còn trọn đủ ! — Duy có vài tập chú-giải còn lưu-hành nơi đời, lời tuy thiết mà nghĩa quá hẹp, lý hơi bày nhưng không được rõ. Luật không tột đến chỗ hoằng-công, đâu có thể phát khởi tín-tâm cho quần chúng ?

Vì thế, tôi vội quên chỗ tri-kiến hẹp-hòi, hết lòng suy-nghi, gồm thấu bộ loại năm kinh ; căn cứ ngay nơi một hạnh Văn-Thù ; hội về ý chỉ màu-nhiệm. Có phần thuộc về kinh « Tạp-Hoa » ; sâu-suốt các pháp môn, thời rộng gồm cả các bộ ; không một bộ nào mà chẳng tiêu-dung về tự-tánh. Nhưng có nguyện nào cũng hồi-hướng về quả Bồ-Đề. Con nay tỏ chút lòng thành, cúi mong chư Phật gia-hộ.

CHÚ GIẢI : Chưa chi làm lợi cho mình, mà có thể lợi cho người trước hơn là, Bồ-Tát phát tâm, hành đạo, nên chẳng nỡ chỉ lo được yên lành riêng cho một mình, là vì lòng mẫn ỏm cánh cánh lấy cái nghĩa-vụ kiem-lợi ; mà với cái bản-phận làm việc kiem-lợi đó, tưởng không chi hơn là làm việc hoằng-pháp trước nhứt. Nhưng lời chú-sớ của kinh này, nay phần nhiều đã lạc mất, xét về trước không còn manh mối ! Tuy chỉ còn một hai bản lưu hành ở đời, nhưng chỉ lược chỗ đại-khái, chớ chưa lột hết được ý-nghĩa nhiệm-mầu.

« Hoảng-công » là công-đức không thể nghĩ bàn. Vì người mà không biết kinh đây có đủ công-đức rộng lớn như thế, nên nghi mà không tin ; dầu tin cũng không chơn-thật. Thế nên bất đắc dĩ, tôi mới làm lời sớ sao này.

Chỗ tri-kiến hẹp hòi là : Chỗ thấy ngoài da Phật-Pháp, nói da thừa ở ngoài là chỗ hiểu vào chẳng sâu, dụ như chỗ thấy cạn cọt vậy. Chỗ thấy biết quá nông cạn ; đầu dễ gì so lường nghĩa lý sâu mầu của Phật ; nhưng vì tâm cứu đời nó quá u ám-cần, bắt hối thúc nên vội quên mình què hèn dốt nát.

Lòng suy nghĩ : Tâm là chủ của sự suy nghĩ : (42) Vua Nghiêu vua Thuấn là bực Thánh, còn hết lòng suy nghĩ với việc làm, chúng ta là người bực nào khá để thường mà dặng ?

Bộ loại là : Những bộ chuyên nói về Cực-Lạc như kinh « Đại-Bồn » v.v... năm kinh. Văn-Thù là kinh « Văn-Thù Bát-Nhã », chuyên nói về Pháp xưng-danh-hiệu « Nhất hạnh tam-muội ».

Kinh « Tạp-Hoa » (43) là do kinh « Hoa-Nghiêm » lấy tánh-hải làm tông, rõ-ràng không phải giáo-pháp quyền-thiền vậy. Các bộ là dẫn các kinh, luận đề chứng cứ, là đề tỏ rằng không phải lời ức-kiến (44), rõ như trong hai môn ; « Nghĩa Lý » và « Bộ-Loại », đến trong văn kinh sau có biện.

Tiêu-dung về tự-tánh là : Nói không chuyên về « Sự-tướng » vì xét tốt chỗ về đến nơi đến chốn thì thấy đều tiêu-hóa, dung-hội về nơi bản-tánh của mình. Bởi vì cả thế gian và xuất thế gian, không một pháp nào lọt ra ngoài tự-tâm dặng ; y-báo, chánh-báo (45) nơi cõi Tịnh-độ mỗi mỗi cũng đều là bản-giác diệu-minh.

Vì như các chiếc bình, xuyến, kiềng, vòng, hình thức của mỗi món đồ tuy khác, nhưng cũng chỉ một chất vàng làm ra ; Nước nơi khe, ngòi, sông, suối, tuy là mỗi chỗ dù riêng, chứ dòng nào cũng chảy về một biển. Chính nghĩa là : không vật nào chẳng từ pháp-giới này lưu-xuất, và không vật nào chẳng trở về nơi pháp-giới này.

« Hồi-hương Bồ-Đề » là : Phạm chỗ tu-niệm hành-đạo đều nguyện về vãng-sanh, gọi là « Hồi-hương ». Nhưng, hương không phải hương về đâu khác hơn là chỉ hồi-hương về Tịnh-độ, hồi-hương về tịnh-độ tức là hồi-hương về tự-tánh của mình.

Hai câu rớt sau là nối văn trước, khởi văn sau : Trước khi muốn làm việc lành, ắt cầu chư Phật gia-hộ. Bồ-tát còn thế, hưởng là kẻ phạm-phu ? !

Tinh, nghĩa là không hai ; Thành là không dối. Bồ-đức có nói : Lòng tinh thành rất tốt, sẽ được quý thần dẫn giúp (46) hưởng chi ngôi Tam-bảo đại-từ thương xót chúng-sanh cũng như con đó, hễ việc làm có lợi-ích cho chúng-sanh, lòng tinh thành cầu Phật, Phật đâu không gia-bì !

5.— THỈNH - GIA

CHÁNH-VĂN : Kính lạy Đức Giáo-Chủ thuyết-pháp cõi Ta-Bà, đức Đại-Từ-Tôn tiếp dẫn cõi Tây-phương và kinh « Bát-khả tư-nghi Phật-hộ », Xá-Lợi-Phất, Văn-Thù cùng các vị Thánh trong hai cõi, sáu phương khắp cõi Phật số vi trần, quá-khứ hiện-tại và vị-lai, các ngôi Tam-bảo vô số tận đều chứng biết. Cúi xin rủ lòng từ-bi nhiếp-thọ lời cầu của con. Con nay đối đem kiến-thức cõi uế-độ để so lường tâm thanh-tịnh của Phật Như-Lai. Ngrỡng vãng sức đại oai-thần của ngôi Tam-Bảo gia hộ cho kẻ phạm-phu được thành thánh-trí : khiến mỗi lời của con đều hợp với thánh ý của Phật, đặng lưu-thông xa gần, lợi ích cho loài Hàm-Linh, kẻ thấy, người nghe tùy-hỷ, đều được vãng-sanh, đồng chứng lên quả « Tịnh-Quang Vô-Thượng-Giác ».

CHÚ-GIẢI : Tiếng « Qui-Mạng » lệ thường như tiếng Ba-la-mật, là cách nói đảo ngược. Chữ « Qui » có hai nghĩa :

1.- Nghĩa Qui đầu, ý nói người đời chỉ có thân-mạng là vật rất trọng hơn hết, nay đem cả thân-mạng để kính lạy, là một lòng thành-kính không hai tâm vậy.

2.- Nghĩa Quy nguyện : Ý rằng đem thân và mạng về lạy cầu tức thân-nhiếp cả sáu căn (47) về nơi nhứt-tâm.

Đức Thích-Ca là giáo-chủ cõi Ta-bà, đức A-Di-Đà là giáo-chủ cõi Tây-phương, vì do thủ-xương pháp niệm Phật, nên lay đức Thích-Ca trước hết. Kể làm tôi con mà được phong chức Hầu, còn không quên nơi gốc, (4) Phạm-phu muốn vào bực Thánh, há dặng phu ơn Phật hay sao ? Thuở xưa có người sắp qua đời đốt nén hương, trước cùm-dương đức Thích-Ca, chính là ý đây vậy.

Giáo-chủ thuyết-pháp là : Vì với việc thuyết-pháp độ-sanh, trong một cõi không thể có hai đức Phật ; nên gọi là giáo-chủ. Nghĩa là : làm chủ một giáo-pháp.

Tiếp dẫn là vì chúng-sanh nhớ niệm Phật, được Phật duỗi tay tiếp-dẫn, dụ như người đi đường, gặp người yếu-đuối thì dìu-dỡ, người quên đường thì chỉ dẫn. Lại có hai nghĩa : Một là tiếp dẫn lúc sống, thì giúp đỡ cho đạo tâm yên-tĩnh. Hai là tiếp dẫn lúc chết, thì dẫn dắt thần hồn vãng-sanh.

Đại Từ-Tôn : Như mẹ nhớ con gọi là « Từ ». Lòng từ không chỉ hơn gọi là « Đại ». Chữ « Tôn » nghĩa như chữ chủ vậy. Lẫn nhau đề nói cũng có thể gọi đức Thích-Ca là Từ-Tôn cõi này, đức Di-Đà là giáo-chủ cõi kia. Gồm hai đức Như-Lai đó gọi là ngôi « Phật Bảo ». Kinh này nguyên tên là « Bất-khả tư-nghi Phật hộ-niệm » là ngôi « Pháp bảo ». Chúng nghe kinh này như Ngài Văn-Thù, Ngài Xá-Lợi-Phất v.v... gọi là ngôi « Tăng bảo ».

Nói chữ « Bảo » là lược có sáu nghĩa . 1.- Hiếm có ; 2.- Lia dơ ; 3.- Sức quý ; 4.- Rõ đẹp ; 5.- Rất tốt ; 6.- Chẳng đổi. Trong bộ « Yếu tập » có nói đủ nghĩa này.

Suy xét cho cùng tốt hai cõi : Ta-bà và Cực-lạc, bốn góc trên dưới mười phương, nhần đến cõi Phật nhiều như số vi-trần khắp tất cả xứ ; quá-khứ, hiện-tại, vị-lai và khắp tất cả thời. Trong đó có ngôi Tam-bảo ngang trùm mười-phương dọc suốt ba giới, cũng nhiều đến số vô-cùng-tận.

Lại Tam-bảo cũng chia : có sự, có lý, có khác, có đồng như văn sau giải rõ. Nay văn đây nói trong ngoài, mình và người đều nương về ngôi ấy. Bực Bồ-Đức nói : Sau khi Phật diệt-độ phạm các hàng đệ-tử có tác-thuật kinh luận chi, sách vở gì, đều phải trước kính lễ ngôi Tam-Bảo.

Bởi vì cảnh thánh cao màu, lời Phật kín-nhiệm, mà muốn dùng trí mọn của phàm-phu, để tự-tiện so-bàn, khác nào lấy ngao lương biển nương ống đờm trời (49), lường tự nhọc-nhẫn, phần được không mấy. Thế nên cần phải kính ngòai Tam-Bảo, thăm mong gia-hộ.

Oai-thần đó, như kinh nói : Phật-lực không thể nghĩ bàn, Pháp-lực không thể nghĩ bàn ; Hiền-thánh lực không thể nghĩ bàn. Thế nương thần-lực của Tam-Bảo, có thể khiến tâm ngu, bỗng thành Thánh-trí. Miệng phàm thuật lại thăm hiệp được tâm Phật vậy.

Xa gần là : Gồm cả « Xứ » và « Thời ». Xứ là : Từ một góc cho đến cùng khắp mười phương. Thời là : Từ một sát-na cho đến tột đời vị-lai, đều gọi là từ gần đến xa.

Hàm-linh, gọi tất cả loài : Hữu-tinh vì lựa không phải loài vô-tinh như cây đá.

Thấy nghe tùy hỷ là : Hễ đối kính đây, mà được mắt thấy, hoặc tai nghe cho đến tạm thời tùy thuận, sanh tâm hoan-hỷ, là đã trồng căn lành sẽ đồng được vãng-sanh về nước kia vậy.

Tịch Quang là : Cõi chơn Tịnh-Độ của Như-Lai. Người mà được sanh về nước kia rồi, thấy Phật nghe Pháp, giác-ngộ được pháp « Vô-Sanh-Nhẫn » : nhậnặng bản-tâm của mình, vì thể và dụng của bản-tâm ấy Tịch-Chiếu không hai nên gọi là « Thường-Tịch-Quang ».

Quả « Vô-Thượng-Giác » là : Phật chứng quả « Viên-mãn đại-giác » vượt khỏi hàng nhị-thừa và các vị Bồ-Tát. Trên quả đây lại không quả nào cao hơn nữa nên gọi là « Vô-thượng-quả », tức là chứng « Nhất-thế chủng-trí » (50) của Phật. Nên trong kinh nói : Đều đặng bất thối chuyển nơi quả « A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-Đề ». Thế đủ biết rằng : Miến đặng vãng-sanh thời quyết-định thành Phật. Cho nên nói đồng chứng lên quả « Tịch-Quang Vô-thượng » cầu xin chư Phật gia-bị ý gồm như thế.

Từ trước đến đây là lời « Thông-tự đại-ý » của một bộ kinh đã xong.

B.— KHAI-CHƯƠNG THÍCH-VĂN

(phân ra làm hai)

- 1.- Lược Tiêu. Dón nêu 10 nguyên-tắc.
- 2.- Tường thích. Giải rõ mười môn ấy.

1.- LƯỢC TIÊU

Sắp giải kinh này chung nêu mười môn :

- 1.- Giáo khởi sở nhơn : Cái nhơn vì giảng-giáo.
- 2.- Tạng giáo đẳng nhiếp : Gồm thâu tạng, giáo, phần.
- 3.- Nghĩa lý thâm quảng : Nghĩa lý rất rộng sâu.
- 4.- Sở bị giai phạm : Thích-hợp các giai-phạm.
- 5.- Năng-thuyên thể tánh : Chuyén bán về thể-tánh.
- 6.- Tôn thủ chỉ qui : Chỉ rõ về tôn-thủ.
- 7.- Bộ loại sai biệt : Bộ loại sai khác nhau.
- 8.- Dịch thích tụng trì : Người dịch, giải, tụng, trì.
- 9.- Tổng thích danh đề : Chung giải tên kinh này.
- 10.- Biệt giải văn nghĩa : Giải riêng nghĩa từ văn.

CHÚ GIẢI : Với sự giải kinh này so theo ý lời Sơ kinh Hoa-Nghiêm lược làm mười môn : Tám môn trước thuộc về nghĩa môn, hai môn sau là chánh thích về kinh văn.

Lại nữa với việc chia 10 môn để giải đây Đại-đồng Tiêu-dị với « Ngũ trùng huyền nghĩa » (51) của ngài Thiên-Thai vì là chia ra thành 10 môn, thâu lại còn 5 môn, nên có chỗ nhiều và ít vậy thôi.

2.- TƯỜNG-THÍCH (Giải thích rõ 10 môn trên)

Trước từ Giáo khởi sở nhơn đến 10 là Biệt giải văn nghĩa.

GIÁO-KHỞI SỞ-NHƠN (phân ra làm hai phần) :

- 1.- Tổng ; Giải rõ phần chung.
- 2.- Biệt ; Giải rõ phần riêng.

1.- TÔNG

CHÁNH-VĂN : Trước nói rõ phần Tông là chỉ vì nhân-duyên của một việc lớn mà đức Như-Lai Ngài phải xuất hiện ra thế-giới này. Giáo-pháp của Ngài thuyết ra trong một đời, tóm chỗ đại-ý : chỉ vì muốn khai-thị cái tri-kiến của Phật cho chúng-sanh ngộ-nhập. Nay kinh này cố-ý chỉ ngay cho chúng-sanh : dùng tâm niệm Phật để vào chỗ tri-kiến của Phật.

CHÚ GIẢI : « Đại sự nhân-duyên » (52) là dẫn câu văn trong kinh « Pháp-Hoa ». Kinh kia nói lý-do đức Như-Lai ra đời, bản-ý Ngài muốn độ tất cả chúng-sanh đều được thành Phật. Vì bất-đắc-dĩ mà Ngài phải quyền-biến nói ba thừa, đến sau căn-cơ của các đệ-tử thuần-thục, Ngài mới hội ba thừa qui về nhưt-thật, mới vừa cái bản-ý của Ngài. Nên biết : Từ nói kinh « Hoa-Nghiêm » về sau, kinh « Pháp-Hoa » về trước, trong khoảng thời-gian đó tuy Phật thuyết có nhiều Pháp-môn cao, thấp, không đồng ; nhưng đâu chẳng phải là vì một đại-sự nhân-duyên đây. Trừ ngoài một đại-sự ấy, lại không có một đại-sự thứ hai nữa.

Nay kinh này nói : Hễ nhưt-tâm tri danh hiệu của Phật A-Di-Đà, tức được bực bất-thối-chuyên. Đây là chỉ ngay tự-tâm của phàm-phu rốt-ráo được thành quả Phật. Nếu tin chắc như thế, cần gì phải trải qua ba thừa để học, lâu xa nhiều kiếp để tu, mà chỉ không vượt ra ngoài một niệm, mau chứng quả Bồ-Đề, đâu không phải là đại-sự hay sao ?

2.- BIỆT

CHÁNH-VĂN : Biệt là chuyên theo kinh này cũng có mười nghĩa :

- 1.- Vì lòng đại-bi thương xót chúng-sanh, nên Phật nói kinh này để làm cầu bến cho đời mạt-pháp.
- 2.- Vì trong vô-lượng pháp-môn riêng rút ra một phương-tiện tối thắng này.
- 3.- Vì chê khờ khen vui, để cho chúng phàm-phu trong đường sanh-tử dấy lòng ưa cõi vui, nhằm cõi khờ.

- 4.- Vì giáo-hóa dẫn-dắt hàng nhị-thừa chấp không chẳng tu Tịnh-độ.
- 5.- Vì khuyên các người mới phát tâm hành Bồ-Tát Đạo, nên gắng tới niệm Phật, để được gần gũi Như-Lai.
- 6.- Vì thân nạp hết căn lợi, độn thảy đều được độ thoát.
- 7.- Vì hộ trì người tu hành nhiều chướng nạn, để khỏi bị sa-đọa.
- 8.- Vì chính chỉ ngay nơi cái tâm hữu-niệm, đặng chứng vào cái lý vô-niệm.
- 9.- Vì cách chỉ dạy rất khéo là như cầu văng-sanh mà thật ra là ngộ quả « Vô-sanh ».
- 10.- Vì chỉ rõ đường tắt tu-hành, lại đường tắt trong đường tắt nữa.

CHÚ-GIẢI : Với lời giải-thích sẽ thấy văn sau, mà mỗi bài nổi lên có lớp-lang liên-tiếp, dụ như sợi dây chuyền trông kể nhau hùn.

- 1.- Bởi chúng-sanh mê đắm, Phật vì đó làm cầu bến.
- 2.- Sở dĩ làm cầu bến được, là vì nhờ có phương-tiện tối-thắng.
- 3.- Sao là phương-tiện tối-thắng ? Vì có cái tài độ chúng phạm-phu.
- 4.- Không những chỉ độ chúng phạm-phu, mà cũng độ cả hàng nhị-thừa Thánh-nhơn nữa.
- 5.- Chẳng những hàng nhị-thừa, mà cũng độ cả đến Bồ-Tát kia.
- 6.- Đâu những riêng độ trong loài người, mà cũng phổ-độ tất cả chúng-sanh ở các loài.
- 7.- Chẳng những chỉ độ chúng-sanh lúc bình-thường, cũng độ cả trong khi bị chướng nạn.
- 8.- Tuy rằng độ-sanh rộng lớn như thế, thật ra không ngoài một niệm của chúng-sanh đặng vào lý « Vô-niệm ».

9.- Đã nói hữu niệm đặng lý « Vô-niệm » , thì cũng ngay nơi vắng-sanh đặng chứng quả « Vô-sanh ».

10.- Vì gồm suốt chín môn trước, để biết Pháp-môn tri danh niệm Phật đây là đường tắt (tri danh) trong đường tắt (các pháp niệm Phật).

Lại do vì đường tắt trong đường tắt đây, mới có thể làm cầu, bến cho đời mặt-pháp.

Thế là trước, sau thứ lớp, đầu cuối xoay vần, cho nên nói « Cũng như dây chuyền ».

CHÁNH-VẤN : Một : Vì lòng đại-bi thương xót nên làm cầu, bến cho chúng-sanh đời mặt-pháp là khi Phật thành đạo đã đương đời ác-trước, hướng chỉ nhằm đời mặt-pháp, chính ở vào thời kỳ đấu-tranh kiên-cố, lần hồi thắng-mãng, (môn mới) san lại càng san, đều nhờ thần-lực kinh này cứu vớt chúng-sanh sau để muợn ở đời tốt, kiếp tàn, như vậy, đâu chẳng phải là lòng từ-bi cực-điễm dự-phòng đề pháp tế-độ ư !

CHÚ-GIẢI : Đã đương đời ác-trước là thế-giới này, đến khi mà con người ai cũng sống còn chỉ có hai vạn tuổi, tức đã bắt đầu vào cái thời kiếp-trước. Thuở đức Thích-Ca ra đời, người sống chỉ còn trăm tuổi, đã là khá thương ! — Vì trải qua đời ác-trước đã lâu lắm !

Chính vào thời-kỳ đấu-tranh là : Năm trăm năm trước nhất, về thời kỳ giải-thoát kiên-cố ; dần dần mỗi số ; Năm trăm năm thứ nhì là thời kỳ tu Thiên-định ; 500 năm thứ ba ; người thông-thái học đạo ; 500 năm thứ tư, dựng lập chùa tháp. Nay chính đương thời-kỳ thứ năm là đấu tranh kiên-cố (53) lại là đáng thương !

Sau lại càng sau là nhẫn đến khi mà thời kỳ pháp diệt hết, lại càng đáng thương hơn nữa. — Thế nên Phật nói kinh này, lược kê lòng đại-bi có ba điều cảm-khái chí-mật-thiết :

1.- Thuở Phật còn tại thế, vì rất thương chúng-sanh trong số kiếp ngũ-trước ác-thế này, nên Ngài nói pháp tri-danh niệm Phật là pháp mà chúng-sanh lấy làm khó tin, đây là lòng đại-bi thương xót chúng-sanh lần thứ nhất.

2.- Sau khi Phật diệt-độ về sau, kể tu-hành phần đông là hạng phước-huệ càng ngày càng kém, tội-chướng mỗi bữa mỗi thêm nhiều, làm gì mong thấy được Phật, nên Phật nói kinh này là để chúng-sanh đời sau tuy không được thấy Phật và Phật đã diệt, nhưng pháp tri-danh niệm Phật vẫn còn; hễ ai có lòng tin-niệm, thì chóng khỏi đường sanh-tử, được vãng-sanh thấy Phật Di-Đà, đây là lòng đại-bi thương xót chúng-sanh lần thứ hai.

3.- Như trong kinh « Đại Bồn » nói : Sau Phật diệt-độ khoảng lâu xa đến cuối đời mạt-pháp, các bồn kinh to dài-dòng, và đạo-pháp khó tu, đều lần hồi tiêu-diệt hết, vì chúng-sanh không đủ sức để học tu kinh pháp ấy ! Chỉ riêng còn một bồn kinh này ở đời độ-sanh, đến rốt sau mới diệt. Thế thì đủ biết : lúc nước ngập nhầy trời, còn có thuyền từ cứu vớt, đem khuya tắm tối hãy còn được huệ sáng-soi. Đây là lòng đại-bi thương-xót chúng-sanh lần thứ ba vậy.

Vì như đấng cha lành lo nghĩ cho đoàn con dại, vì lòng thương vô hạn, dành để lại nghề nuôi sống, có thể vói chặt-sâu xa, dòng-dõi thừa sót, đến nỗi gia-sản điều-tàn thân hình bần-khố, cũng còn chỗ nhờ cậy. Nên nói lòng từ-bi rất tốt, phòng đề pháp tế-độ chúng-sanh.

CHÁNH-VẤN : Hai : Đặc-biệt là vói vô-lượng pháp-môn đưa ra một môn phương-tiện tối-thắng.

Vào đạo có nhiều môn vốn không lựa chọn, nhưng vói chỗ đèo cao, đồng bằng, đường cong, nẻo thẳng, thì khó dễ tự phân, nên ở trong vô-lượng pháp-môn, chỉ có một môn niệm Phật là phương-tiện tối-thắng, lược kê có bốn :

- a) Phương-tiện thứ nhất : Vói kiếp không gặp Phật ra đời, song mà thường được thấy Phật.
- b) Phương-tiện thứ hai : Dầu chưa đoạn hoặc-nghiệp, cũng được thoát kiếp luân-hồi.
- c) Phương-tiện thứ ba : Không nhọc công tu các hạnh khác, mà đặng chứng pháp Ba-la-mật .

d) Phương-tiện thứ tư : Không phải trải qua nhiều kiếp, mà chóng được giải-thoát.

CHÚ-GIẢI : Pháp-môn là : Cái thể của đạo, nó kín-nhiệm thậm-thâm, phải từ cửa mới bước vào được. Mà lập pháp-môn không đồng vì mỗi căn-cơ khác nhau nên nói vô-lượng ; khéo-léo dắt-dẫn, khiến được nhập môn, gọi là phương-tiện. Mà nói chữ « Thắng » là phương-tiện trong phương-tiện. Tức trong « Quán-kinh » chỗ nói rằng khác đó là đây.

Nhiều môn là : Có người hỏi rằng : Với những pháp-môn khác đều có thể vào đạo được, hà-tất riêng tu môn niệm Phật mới được vãng-sanh ?

Đáp : Các môn tuy nhiều nhưng có khó và dễ khác nhau, thể nên không ngại chi với cái không lựa-chọn mà có thể nói lựa chọn.

Hiềm đường đèo ải gập-ghenh khó đi. Khúc đường quanh quẹo khó đến, là dụ các pháp-môn kia. Bằng-thẳng thì dễ đi, là dụ như pháp-môn niệm Phật, ai cũng có thể tu-tránh được. « Thắng mau thì đi dễ đến » là dụ tu pháp-môn niệm Phật mau vượt khỏi đường sanh-tử. Như bà Vi-Đề-Hi xem khắp cả các cõi Phật trong mười phương, mà chỉ muốn nguyện sanh về thế-giới Cực-Lạc Phật A-Di-Đà.

Thường được thấy Phật là trong « Khởi-Tín-Luận » đã chỉ rõ pháp « Chơn-Như Tam-Muội » (54) và hai môn « Chỉ » (55) « Quán » rồi. Lại nói có người mới học pháp-quán này, tâm còn hèn-nhát, chò rằng cõi Ta-Bà không được thường gặp Phật. Sợ tín-tâm không vững ; đức Như-Lai có phương-tiện rất hay đề nhiếp-hộ tín-tâm kia, bảo họ chuyên lòng niệm Phật, liền đặng sanh về cõi Phật, thường được thấy Phật. Như trong tạng-kinh nói : Chuyên niệm đức Phật A-Di-Đà ở thế-giới Cực-Lạc Tây-Phương, sẽ được vãng-sanh không hề lui sụt. Còn kinh Di-Đà đây nói : Bảy ngày nhưt tâm chắc được Phật hiện trước mặt.

Cho nên biết rằng trên hội Linh-Sơn, Phật Thích-Ca đã nhập-diệt, còn hội Long-Hoa thì đức Di-Lạc (56) chưa ra đời,

Trong kỳ khoảng giữa không có Phật ra đời mà vẫn được thấy Phật, đây là pháp phương-tiện tối-thắng thứ nhất.

Được ra khỏi luân-hồi là do nơi vọng-hoặc sanh hành-nghiệp, (57) có nghiệp cảm-thụ quả-báo, rồi phải trôi-lăn qua lại trong sáu đường, để chịu khổ mãi không thôi. — Y theo pháp khác tu-hành, đến chừng vọng-hoặc hết, mới được thoát-ly luân-hồi. Nhưng mà trong thời-kỳ tu-tập đó với những nỗi đau-thai chuyển kiếp giữa thế-gian, cũng chưa chắc giữ cho được khỏi cái khổ thăng-trầm. Duy có pháp-môn niệm Phật đây, dầu còn mang nghiệp cũng được vãng-sanh. Vì, một là do sức niệm Phật của mình, hai là nhờ thần-lực cao cả của Phật bảo-đảm, nhiếp-thọ. Một phen mà được sanh về nước kia, liền vượt ra khỏi ngoài ba cõi, không còn bị luân-hồi trong sáu thú. Nên kinh nói: Chúng-sanh niệm Phật, được sanh về đó rồi đều chứng lên bậc « Bất-thối-chuyển ». Đây là pháp phương-tiện tối-thắng thứ hai.

Đặng pháp Ba-la-mật là các vị phát- tâm hành Bồ-Tát đạo, có vị đã trải qua trong hằng-sa kiếp, để tu pháp lục-độ, vạn-hạnh, mà cũng chưa hoàn-toàn công-hạnh được ! — Thế mà nay đây chỉ có nhưt tâm niệm Phật: muốn việc trần tự nhiên dứt bỏ, tức là pháp « Bồ-thí Ba-la-mật ». Nhưt tâm niệm Phật: Các việc ác tự dứt, tức là « Tri-giới Ba-la-mật »: Nhưt tâm niệm Phật lòng được nhu-hòa mát-diệu, tức là « Nhẫn-nhục Ba-la-mật ». Nhưt tâm niệm Phật: vĩnh-viễn không bị thối lui, đọa-lạc, tức là « Tinh-tấn Ba-la-mật ». Nhưt tâm niệm Phật: Không sanh các vọng-tướng, tức là « Thiền-định Ba-la-mật ». Nhưt-tâm niệm Phật: Chánh-niệm rõ-ràng, tức là « Bát-nhã Ba-la-mật ». Suy xét cho cùng tốt thì không ra ngoài nhưt tâm niệm Phật mà muốn hạnh được đầy đủ cả. Như trong kinh Đại-Bồn, Ngài Pháp-Tạng có phát-nguyện rằng: « Khi ta thành Phật, chúng hữu-tình trong nước ta, nếu không được thần-thông tự-tại Ba-la-mật, thì ta không lãnh lấy ngôi chánh-giác làm chi ». Đây là pháp phương-tiện tối-thắng thứ ba.

Chóng đặng giải-thoát là: Trong bộ « Tri-độ-luận » nói: Có các vị Bồ-Tát tự nhờ mình thuở trước ché bai pháp Đại-Bát-Nhã, nên đọa trong ba đường dữ, rồi ra đi tu, đã trải

qua nhiều kiếp. Tuy hành các hạnh khác, nhưng không diệt được tội, sau gặp bạn tri-thức dạy niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà, mới tiêu được tội-chướng siêu-sanh Tịnh-Độ. Lại trong kinh « Thập-tru đoạn kết » có nói : Khi ấy trong pháp-hội có bốn ức chúng Bồ-Tát, tự biết mình lắm đời về trước đã chết đây lại sanh kia, liên-miên không dứt, là bởi nguồn gốc do lòng tham muốn ; nghĩ thế chán-ngán, rồi muốn sanh về cõi nước nào không còn lòng ham muốn. Phật bảo : Bên Tây-phương cách đây vô số quốc-độ có đức Phật hiệu là « Vô-Lượng-Thọ », dân chúng trong cõi kia rất thanh-tịnh, không có lòng : dâm, giận và ngu-si, vì hóa-sanh bằng hoa sen, chớ không do cha mẹ sanh đẻ như cõi này : các người hãy cầu sanh về cõi kia. Thế nên trong kinh « Đại-Bồ-n » nói : Bồ-Tát muốn làm cho chúng-sanh kịp mau an-trụ trong đạo quả vô-thượng Bồ-Đề đây, thì cần phải phát-triển cái nghị-lực tinh-tấn, để nghe tu theo pháp-môn này.

Nên biết rằng : Tu các pháp vi như con kiến bò lên núi ; tu môn niệm Phật này cũng như thuyền đi thuận nước, xuôi gió (58) ; thế sự mau, chậm cách nhau như trời với vực. Bực Cồ-Đức có nói : Muốn tu chỉ một đời được chứng quả, thì phải đề tâm nơi pháp này. Đây là pháp phương-tiện tối-thắng thứ tư.

CHÁNH-VĂN : Ba : Vì chê khờ khen vui, để cho chúng phàm-phu trong đường sanh-tử, sanh lòng ưa cõi vui nhàm cõi khờ.

Bởi các chúng-sanh mê quên tự-tánh, cam chịu luân-hồi, đã từ nhiều kiếp đến nay, mà cũng chưa tỉnh ngộ, nên đức Phật mới chỉ bày hai cõi «Khờ», «Vui», mở lập hai môn «Chiết» và «Nhiếp», chê khờ khen vui, khiến cho ưa vui, nhàm khờ, tâm Bồ-Đề đã phát, tịnh-nghiệp mới thành.

CHÚ-GIẢI : Nếu cứ theo pháp-môn bình-đẳng mà luận, thì có chi là sạch có chi nhơ, và hồng ưa, nhàm. Thế làm gì có lập ra hai môn « Chiết » và « Nhiếp » ? — Nhưng, nay với chúng phàm-phu còn ở trong sanh-tử, mê mất chơn-tâm rượt theo cảnh trần, trải lâu chịu đủ cách luân-hồi, quay-cuồng mãi không biết bao lần lên xuống, đành lòng cam chịu, chưa

từng có một niệm giác-ngộ tấn-tu, đề cầu nguyện giải-thoát. Nếu nay đã ngăn không giúp họ sự ưa vui, nhằm khổ mà lại muốn cho họ giác-ngộ ngay nơi tự-tâm, thì có khác nào ếch ruộng, cá giếng, (59) đã không cho thêm nước, mà lại trách nó sao chẳng trời lên... thì càng thêm chìm đắm đối với sự trách có ích gì? — Vì thế, nên chính trong cái lẽ không khổ, không vui, mà đức Phật chỉ rõ ra có cảnh khổ cõi vui, dùng pháp « Chiết-phục » để diệt-trừ mọi nỗi khổ, bày môn « Nhiếp-Thọ » làm cho được an vui. « Chiết-phục » là khuyến-khích chúng si-mê, làm cho họ sanh tâm nhàm lia; « Nhiếp-Thọ » thì nương đỡ những chúng biếng trễ, khiến họ sanh lòng ưa muốn. Vậy sau những chúng đã ở lâu trong cảnh khổ bần-sinh (ngũ-dục), mới chề là cảnh nhơ-nớp, vừa nghe cõi Phật thanh-tịnh trang-nghiêm mới phấn-chấn cầu sanh. Chúng đó mới biết rằng: Cõi này là đồng lửa lớn, cõi kia là ao nước mát. Thì lẽ tất nhiên là những chúng-sanh đã bị lửa phiền-não thiêu đốt từ lâu, nay há chẳng nên tránh cõi này mà về cõi kia ru. Phương-tiện độ-sanh lẽ phải như thế, đã sanh về nước kia thấy Phật nghe Pháp, đặng « Vô-sanh-nhãn » mới ngộ bản-tâm mình đây, xưa nay vốn là bình-đẳng.

CHÁNH-VĂN : Bốn : Vì đề giáo-hóa dẫn dắt hàng nhị-thừa chấp không, chẳng tu Tịnh-độ là bởi do hàng nhị-thừa vừa chứng được lẽ « Ngã-không » liền sanh lòng đắm-trước (ưa thích), nghe nói đến việc làm cho cõi Phật thanh-tịnh, là phải giáo-hóa chúng-sanh thì lòng họ không ham muốn. Nên nay khiến họ hồi bỏ tâm Tiều-thừa, đề hương về Đại-thừa là phát ý niệm Phật cầu nguyện vãng sanh.

CHÚ-GIẢI : Vừa chứng được lẽ « Ngã-không » là hàng tiều-thừa chỉ mới giác-ngộ được trong thân ngũ-uẩn không có cái ngã làm chủ, chớ chưa biết cả ngũ-uẩn cũng là không nữa, nên mới chấp cảnh là có, rồi chỉ muốn tránh cảnh khổ òn-ào, trốn về cảnh vui vắng-lặng. Nếu nghe nói đến cảnh Tịnh-Độ, đề cho chúng-sanh niệm Phật sanh về bằng cách hóa sanh, thì lòng không ưa thích. Như các hàng Thinh-Văn, không thấy được thân-lực Phật Lô-Xá-Na, và không được dự vào đại-hội

của các vị Bồ-Tát, là vì bồn ý họ không hoan-nghinh về chỗ nói công-đức thanh-tịnh các cõi Phật trong mười phương. Bực Cồ-Đức nói : Hàng tiều-thừa không nhận cái lối nói có cõi Phật khác (Di-Đà). Bên đại-thừa thì nói có vô-số cõi Phật. Đức Thế-Tôn gọi bực tiều-thừa là hàng « Độc-thiện kỳ-thân », (60) cũng kêu là bọn « Độn-căn A-La-Hán ». Cho nên Phật dạy họ quày tâm đoạn-diệt, (61) tu hạnh Tịnh-Độ, mới biết lòng bi-tri-sức hạnh-nguyện của Phật, Bồ-Tát rộng lớn như thế, vô cùng như thế. Tâm không ngại cảnh, cảnh chẳng ngại tâm, tất cả các pháp, bồn-tánh nó tự không, thành thử trọn ngày độ-sanh, nhưng trọn ngày không chấp độ. Thế mà những kẻ chỉ riêng tu Thiền-định, không nguyện vãng-sanh, thật là lầm lầm vậy ! !

CHÁNH-VĂN : Năm : Vì khuyên các người mới phát-tâm hành Bồ-Tát đạo, nên gắng tu niệm Phật, đề được gặp Như-Lai là bởi bực mới phát tâm hành Bồ-Tát đạo (62), tâm đại-thừa ấy mới kiến-lập nhưng sức thắng-nhẫn chưa thành ; cũng như chim con lông cánh còn yếu, chỉ nên chuyền cành ; và đứa con bé thơ, cần phải gần bên mẹ, khi mà Bồ-Tát đã vào hội chánh-định-tụ gần gũi đức Thế-Tôn, mới đặng nhẫn-lực, chứng pháp « Vô-sanh » trọn thành quả Phật.

Bây giờ ngồi thuyền đại-nguyện vào biển khổ độ-sanh. Như trong « Trí-Độ-Luận » đã nói : Và chẳng tu Bồ-Tát đã đến bực lục-trụ, mà còn thối mất tâm đại-thừa, nhiều kiếp làm Thinh-Văn. Xem như « trứng cá », « bông xoài » đủ làm gương soi rỏ.

Nên biết pháp niệm Phật là cha của Bồ-Tát, vì sanh đẻ ra pháp-thân, cho đến cả Thập-địa Bồ-Tát, trước sau chẳng lìa pháp niệm Phật, thì bực sơ tâm Bồ-Tát đâu nên tự cho là đủ, mà không nguyện vãng-sanh ư ?

CHÚ-GIẢI : Bộ « Trí-Độ-Luận » nói : Chúng cụ-phước phàm-phu (63) dẫu có lòng đại-bi muốn sanh trong đời ác-trước để cứu-khổ cho chúng-sanh, thật là vô-lý. Vì sao ? — Vì phiền-não quá mạnh, mà chưa được sức nhẫn, tâm duyên theo cảnh

sắc, thỉnh ràng buộc, phần minh đã đọa trong tam-đồ, thì đâu có thể cứu được người ?

Dầu cho được sanh trong loài người, nhưng đối với quả Phật cũng khó đặng. Vì nhờ có tu phước-đức bố-thí, tri-giới từ kiếp trước, nay hoặc đặng làm vua, làm quan, bị cái phước giàu có bắt phải ham sướng mê vui ! Vì dầu có gặp thiện tri-thức cũng không chịu tin theo, vì ngu-mê phóng-túng ; tạo nhiều tội ác, do đây phải đọa-lạc nữa.

Lại du như hai người đối với việc cứu kẻ bị đắm nước : một người vội nhảy ngay xuống nước để cứu, thì cả hai bị chìm luôn. Một người biết dùng phương-tiện : Đi lấy thuyền bè bơi ra cứu-vớt, cả hai đều khỏi nạn. Người mới phát tâm Bồ-Tát muốn độ-sanh cũng lại như thế. Cần phải gần-gũi Như-Lai, được thuyên từ là pháp « Vô-sanh-nhẫn » rồi, mới có thể vào biển khổ cứu-độ chúng-sanh, như người kia được thuyền ; cứu đặng nạn chết đắm.

Luận ấy nói : Vì như đứa bé nếu mà lia mẹ, thì nó sẽ té xuống hầm, xuống giếng, hoặc khát sữa phải chết. Lại như chim con lông cánh còn yếu, chỉ nên nương cây chuyền cành, khi lông cánh đã cứng-cáp rồi, mới có thể bay liệng giữa hư-không thung-dung tự-tại được.

Cũng như phạm-phu chưa có sức nhẫn, chỉ nên chuyên niệm Phật A-Di-Đà, cho được chánh-định (tam-muội). Lúc lâm-chung được chánh-niệm, quyết-định vãng-sanh, thấy Phật, đủ sức nhẫn rồi, trở lại trong cõi này để cứu-độ chúng-sanh.

« Chánh định tu » là : Đề lựa riêng biệt với tà-định và bất-định. Vì phạm-phu, tà-ma, ngoại-đạo nhưt định không có phần đấy ; bực sơ phát-tâm tu-hạnh Bồ-Tát, hoặc tấn lên Đại-thừa, hay lui xuống Tiểu-thừa cũng chưa nhưt-định. Nay được An-dưỡng của Phật A-Di-Đà rồi, không luận phạm-vị cao hay thấp, đều đặng bực bất-thối-chuyên cả, mới gọi là chánh-định. Chữ « Tu » là nhóm, tức là một nhóm người chánh-định. Chính trong kinh nói : « Các người bực thượng-thiện nhóm hội ». Vì rằng đã vào trong hội này là được thấy Phật nghe pháp.

Bồ-Tát lục-trụ còn lui mất tám Đại-thừa là : Ông Thân-Tử phát-tám tu-hạnh Bồ-Tát, đã chứng được bực trụ thứ 6 (trong thập trụ) của Biệt-giáo ; nhưn gặp lúc người Bà-la-môn xin trông con mắt (64) nhần không được, liền thối tám Đại-thừa, luân-hồi trong năm đưong (65).

« Nhiều kiếp làm Thịnh-văn » là có nhiều vị như Ông Xá-lợi-Phất chẳng hạn, đã phát-tám từ đời Phật Đại-thông-tri Thắng, do nhần không được, nên phải lui sụt tám Đại-thừa, đọa xuống hàng Thịnh-văn nhiều kiếp bằng số vi trần điếm đến nay.

Nên trong kinh nói : Bầy cá rờng-rờng, bông xoài, Bồ-Tát sơ phát tám ba sự đây, trong cái nhưn thì nhiều, đến chừng kết quả chẳng còn bao nhiêu. Dẫn lời đây để chỉ rõ bực sơ tám Bồ-Tát cần phải gần-gũi đức Như-Lai đặng chổ nương dựa vững vàng, để khỏi bị lui sụt vậy.

Pháp niệm Phật là cha của Bồ-Tát : Trong kinh « Hoa-Nghiêm » quyển thứ mười một nói : Ông Oai-Quang đồng-tử, nhưn thấy tướng của đức Như-Lai mà đặng mười món lợi-ích : Món đầu nói : Đặng pháp niệm Phật tam-muội (66) gọi là pháp-môn « Vô-biên-hải-tạng ». Lời sơ kinh ấy nói : Pháp niệm Phật tam-muội là cha của Bồ-Tát, nên trước nhưn nói đó, Bởi do Bồ-Tát dùng pháp phương-tiện làm cha (67) mà pháp niệm Phật đây chính nhần thật-sự, vì đó là phương-tiện ; Lại niệm Phật được thành Phật, vì đó là hột giống Thân-sanh (68).

Thập-địa trước sau là : Trong văn Thập-địa từ trước đến sau, địa nào cũng nói tất cả việc ra làm, không rời pháp niệm Phật. Lại nói bực « Viễn-Hành » địa (69) Bồ-Tát tuy biết tất cả cõi nước cũng như không có, mà hay dùng hạnh thanh-tĩnh nhiệm-mầu, để làm trang-nghiêm cõi Phật. (70) Trong kinh « Như-Lai bất tư-nghì cảnh-giới » nói : Ông Bồ-Tát đến lúc rõ biết chư Phật và tất cả pháp đều duy một tâm lượng, thì đặng sức nhần tùy thuận, (71) hoặc đưoc vào bực sơ-địa ; đến khi bỏ thân liền sanh vào thế-giới « Diệu-Hỉ », (72) hoặc sanh trong cõi Cực-Lạc thanh-tĩnh của Phật, nên Ngài Long-Thọ là đơ bực

so-địa (73) mới được vãng-sanh. Ông Ma-Ta-Kiệt là do đặc pháp nhãn mới được vãng-sanh, chỉ như đức Văn-Thù, Phổ-Hiền (74) v.v... Cho đến hết thấy các vị đại Bồ-Tát đồng lắm không thể kể xiết, mà cũng đều phát nguyện vãng-sanh, hưởng chỉ bực sơ-tâm Bồ-Tát mà không cầu vãng-sanh ư ?

Ngài Vĩnh-Minh nói : Muốn gá thân nơi đài sen, đề lia hẳn cái khổ bào thai nơi bụng mẹ, sanh về nước Cực-Lạc là quốc-độ của chư Phật, đã đặc pháp thần-thông du-hí, (75) thì những người ấy đều là đã hiểu rõ được tự-tâm rồi, không vị nào mà không dạy chúng vãng-sanh.

Ngài Thiên-Như nói : Các người nếu giác-ngộ được tự-tâm rồi, thì với việc vãng-sanh về Tịnh-độ dầu sức mạnh bằng ngàn trâu, không thể kéo lại được. Thế thời ông Sơ-phát-tâm Bồ-Tát, tuy là hiểu rõ nhưng còn cách Phật rất xa, nên chính phải cầu-nguyện vãng sanh không nên trễ vậy.

CHÁNH-VĂN : Sáu : Vì thân nhiếp cả các căn lợi, độn cũng đều thoát là bởi các pháp-môn khác, có môn quá cao thời kẻ hạ-cơ không phần nhờ, có môn quá thấp thời không hợp với sức Thượng-căn, thế nên đức Phật ban đầu nói kinh « Hoa-Nghiêm », các bực tiều-căn như đui như điếc. Ông Ưu-Ba-Ly đem trì như lửa đom-đóm đề xết, kết thêm tội cho hai thầy Bí-Sô. Chỉ có một pháp môn niệm Phật này, thượng-cơ bay hạ-căn cũng được gồm thân, vì đều thích-hợp ; khá gọi rằng : Như vị thuốc A-Dà chữa lành muôn chứng bệnh ; lò lớn đúc thành ngàn món đồ ; đầu không phai là cửa từ bi mở rộng, pháp phổ-độ không bỏ sót một căn-cơ nào ?

CHÚ-GIẢI : Như đui là : Đức Như-Lai lúc ở trong rừng Thệ-đa (76) diễn nói kinh « Đại-Hoa-Nghiêm », lúc ấy các bực Thượng-Đức Thịnh-Văn như các ông Thân-Tử, Mục-kiền-Liên v.v... lãnh-hội không nổi, dù như đui như điếc, không thấy không nghe chi cả (77) cho đến bực Tích-Hạnh Bồ-Tát còn nói là phơi mang (78). Đấy rõ biết rằng vị pháp-môn cao, đạo lý đại, mà căn-cơ thì tiều,

Kết thêm tội là : Trong kinh Tịnh-Danh nói : Có hai thầy Bí-Sô phạm giới căn-bản, bằng trường-hợp vô-tâm đến phát lồ sám-hối ; Ông Ưu-Ba-Ly y luật tiêu-thừa để định tội, làm cho hai ông chẳng giải được lòng nghi (79), Ông Tịnh-Danh quả rằng : Ngài Ưu-Ba-Ly ! Ngài chớ đem pháp thường làm nhiễu-loạn tâm kia, chớ thêm tội cho hai thầy Bí-Sô ấy. Đức Vĩnh-Gia (80) phê-bình trí soi xét của Ngài Ưu-Ba-Ly như lửa đom-đóm, rằng đã không thể khai-ngộ chỗ mê lầm của hai ông, mà trở lại làm tăng thêm nữa. Đây rõ biết rằng vì pháp-môn thấp, mà căn-cơ thâm, giáo-lý lại thiên.

Ngoài ra như đem pháp Bất-tịnh-quán, làm trao cho anh thợ rèn, pháp số-tức đem dạy cho người giữ mồi (81) không lợi ích chi cả. Chỗ lập môn kia, đây (Đại-thừa, Tiêu-thừa) cũng lại đều khác ; mà căn-cơ có cao, thấp, có lớn, nhỏ thế nó không hợp hết được. Chỉ có pháp môn niệm Phật này, đã có ba bậc, lại có chín phẩm, nên thấy đều độ thoát. Thấu trên người bậc thượng, thời ba tâm (82) tròn phát, để đi ngay vào quả « Vô-sanh ». Thấu dưới người bậc hạ, thì mười niệm thành công, cũng được sanh về nước kia vậy. Chính rằng : Không ngoài một pháp, mà khéo hợp các cơ. Những trang hào-kiệt khỏi bị cái xấu hổ bằng cách dẫn xuống, kẻ thường dân lại được sự lợi ích với lên, số là đối với pháp tri danh niệm Phật đây không có căn-cơ nào mà chẳng thấu ; nghĩa là : Gồm nhiếp hết các loài hữu tình ấy vậy.

A-Dà-Đà (83) là tên vị thuốc bên Tây-Vực; chỉ một vị thuốc ấy, có thể trị lành các chứng bệnh. Dù như chỉ một pháp tri danh niệm Phật, mà rồi các bệnh : ngũ-dục, tam-độc, vô-lượng phiền-não, cho đến những bệnh cố-chấp chênh-lệch của tiêu-thừa ngoại đạo đều tiêu trừ tất cả.

Lò lớn là : Trong một lò lớn hầm đúc muôn món, đều thành đồ cả. Dù như : Chỉ một pháp tri danh niệm Phật, tùy theo căn-cơ dầu lợi, dầu độn, là hạnh tu của mỗi người, chớ cũng đều được vắng-sanh về trong chín phẩm đều đặn bậc bất thối cả.

Rộng lớn là : Trong sách Châu-Dịch, quẻ kiên nói là Đại-sanh, quẻ khôn nói là Quảng-sanh. Nay pháp môn tri

danh niệm Phật không một chúng-sanh nào mà chẳng độ. Dù như trời khắp che, đất khắp chở, đều nuôi gồm chứa cả muôn loài. Lòng chí từ không phân biệt lựa chọn, nên gọi là pháp « Phổ-Môn ».

CHÁNH-VĂN : Bảy : Vì hộ trì người tu-hành nhiều chướng nạn đề khỏi bị sa-đọa là : Bởi đời mặt pháp rồi, nên người tu-hành hay mắc nhiều chướng-nạn, nếu một phen thiếu chánh-kiến, liền sa ngã vào các đường tà. Nhờ nguyện lực oai-thần đức Phật kia gia-hộ cho người tu, ở trong hào-quang cao cả che chở, khỏi bị ma sự khuấy rối, và Phật Ngài hộ niệm cho mãi đến lúc Đạo thành. Cho nên biết rằng hễ chánh niệm phân minh, ma-vương không khuấy rối, ví như đồ hình con Bạch-Trạch từ quái, gương bán đẹp yêu (yêu không trốn đặng) (84).

CHÚ-GIẢI : Đa chướng nạn là gì ? Người tu-hành trong khi ngồi thiền-định, quán-tướng kích-phát, nên ngũ-âm nó hay sanh ma-chướng (85). Như trong kinh « Lăng-Nghiêm » có chỉ 50 thứ ma. Có câu : Không sanh tâm tưởng Thánh, gọi là Thiện-cảnh-giới ; bằng móng tâm tưởng Thánh liền mắc vào bọn tà. Nên biết hễ tâm chánh-kiến hơi kém, thì tà ma lừng lên, đã không ích mà lại còn bị tổn hại, muốn tấn lên trở lại sa xuống. Do đây, những kẻ căn-cơ thấp kém không dám học đạo (tham-thiền).

Thế mà nay đây người niệm Phật sẽ nhờ đại-nguyện, đại-lực của Phật nhiếp-thọ, hộ-trì cho. Oai thần của Phật không thể so lường, không có thiên-ma nào dám can-phạm đến, dầu có Ma-sự sắp đến rồi thì nó cũng tự tiêu-diệt.

Lại trong kinh nói : Người niệm Phật có Hào-quang của Phật soi vào mình, ánh sáng chung quanh cách bốn mươi dặm, nên ma không thể xâm-phạm được do vì nhờ sức Phật A-Di-Đà và mười phương Phật thường hộ-niệm, mãi từ ngày phát-tâm, cho đến khi thành Đạo, từ trước đến sau mỗi việc đều lành cả. Bởi do chánh niệm phân-minh, dầu ma có đến cũng dễ biết dễ trừ ; chẳng phải sánh như hạng người đắm ưa ngồi tịnh, chấp lấy cảnh không, trong tâm không tự chủ, gặp ma không biết, đề đến nổi nhập tâm ấy vậy.

Đồ hình Bạch-trạch và gương báu là : Dùng hai dụ đây để rõ ý rằng : Chẳng những chỉ nhờ sức hộ-trì của chư Phật, mà là cần nhờ sức niệm của mình nữa. Có con Thần thú (chúa yêu) tên Bạch-Trạch biết nói tiếng người rõ được tánh tình muôn vật, các tà-tinh hễ trông thấy bóng nó liền trốn mất. Nên nói : Nhà nào có đồ hình Bạch-Trạch, quyết không có các loài yêu quái như vậy.

Lại con tinh trên núi, con quỷ ngoài đồng, chúng nó có thể biến đủ thứ hình (86), để dối gạt mọi người, nhưng nó không thể biến hiện hay là tàng hình trước gương báu được. Dụ như người niệm Phật : hễ chánh niệm hiện tiền, trí-huệ sáng-suốt, tất cả thiên-ma, tâm-ma (87), đều không dám khuấy phá được.

CHÁNH-VĂN : Tâm : Vì chính chỉ ngay nơi cái Tâm hữu-niệm, đặt chứng vào lý vô niệm là : Tâm vốn vô niệm, mà có niệm thì sai. Nhưng vì chúng-sanh từ vô-thỉ đến nay tập-quán vọng-tướng quá lâu đời, chưa dễ gì vội dứt liền đi được, nay dạy cho chúng niệm Phật, chính như : Lấy thuốc độc nọ để giải thuốc độc kia, và dùng binh ta để dầy lui binh địch ; bệnh lành, giặc yên, cũng như thân hết bệnh, lại không có thân mạnh vào khác ; tức là : Nguyên kẻ giặc cướp chính là con ruột của nhà ta.

CHÚ-GIẢI : Trong « Khởi-Tín Luận » nói : Tâm vốn ly niệm, mà khởi niệm lên để niệm Phật, đâu khởi tự làm khuấy rối lại tâm mình ư ? Trong « Phật-Tạng-Kinh » nói : Không cảm-giác không quán-niệm gọi là : Niệm Phật. Không nghĩ tưởng : Không nói năng gọi là niệm Phật, mà khởi niệm để niệm Phật, đâu không trở lại trái với tâm Phật ? Nay đây bảo rằng : Bặt các niệm giác-quán (vọng-niệm), là thiết tướng niệm Phật, lý ấy rất đúng. Song tâm tuy ly-niệm, nhưng mà đã bị vô-minh nhiễm-ô tâm-thê, vọng-niệm nối chuyển, như chứng bệnh bảy năm (88), dân loạn lâu ngày, nên gọi tập-quán (thói quen). Nay muốn gắng-gượng dẫn ép khiến cho nó lập tức yên-tĩnh, thì ra dứt động về tịnh, càng dứt càng động. Dầu thô-niệm tạm

ngừng, nhưng tế-niệm vẫn còn tíc-tắc. Thế mà nhận cho là phải, đâu chẳng lầm lẫn ư ?

Đã còn địa vị phạm-phu, chưa có thể dứt vọng-lự, quên duyên trần (89), đâu không ngay nơi duyên-lự ấy đề tấn-tu, cho nên dùng tâm niệm Phật đề tấn-công vọng-niệm : Niệm một tiếng Phật đã cải đổi được trăm ngàn muôn ức các tạp-niệm kia vậy. Hướng chi vọng từ chơn khởi, như sóng do nước sanh ; tức niệm tức không, rõ-ràng bày nguyên bản-thể vô-niệm. Không phải ngoài vọng-niệm mà riêng dựng quả Bồ-Đề. Nên nói muôn pháp lưỡng đối, chỉ là nhứt tâm, nếu ngộ được lý nhứt tâm, thì mắt ngộ đâu cũng đều là Bồ-Đề cả.

Dụ như thân bệnh, khi lành rồi gọi đó là thân mạnh, dân loạn yên rồi gọi đó là lương dân, nếu bỏ vọng-niệm đề riêng tìm chơn tâm, thì bác nào thầy thuốc làm chết thân người bệnh rồi mới trị lành bệnh, và nhà chánh-trị toan giết cả nước rồi mới an-ninh cho dân, đâu có lẽ vậy ư ?

CHÁNH-VẤN : Chín : Vì cách chỉ dạy rất khéo là như cầu văng-sanh mà thiết ra là ngộ lý vô-sanh bực thất-địa Bồ-Tát vừa gọi là đặc cái hiện-tướng vô-sanh-nhãn, bực Bát-địa mới dựng lý vô-sanh. Nếu muốn diệt gấp sự hữu-sanh đề cầu lý vô-sanh, càng cầu càng xa. Nay phải dùng pháp cầu-sanh Tịnh-độ mới ngộ được lý vô-sanh, vào chỗ có, mà được chỗ không, tức nơi phạm thành bực Thánh, khá gọi rằng : « Lời hay thấu đạo lý, thuốc quý đời xác tiên ».

CHÚ GIẢI : Vừa hiện tướng là : Như trong kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười địa, địa nào cũng đều có nói rằng dựng vô-sanh ; nhưng chánh-thức là về bực Bát-địa mới thiết dựng, còn Thất-địa chỉ nói là Tịnh-vô-lượng, thân, khâu, ý mới dựng Vô-sanh pháp-nhãn Quang-minh.

Lời sơ giải-thích văn trên của kinh ấy lại nói : Bát-địa Bồ-Tát mới chính thức dựng Vô-sanh pháp-nhãn. Chứ đối với « Vô-sanh pháp-nhãn của kinh kia, thì, ở đây bực thất-địa Bồ-Tát là mới được cái minh-tướng của « Pháp-nhãn » nó hiện-tiền, chứ thực ra là chưa thiết dựng. Như lời sơ trong Quán-

kinh nói : Vô-sanh tức thuộc bực sơ-trụ, ý lược đồng như đây. Nhấn đến Bát-địa, lia tất cả những điều phân biệt của Tâm-ý và Ý-thức, mới gọi là thiết được bực vô-sanh pháp-nhãn. Vậy nên biết : Với quả vô-sanh-nhãn, bực Thánh như thất-địa còn khó được, huống chi là chúng phàm ư ? !

Càng xa là : Nhàm chán sự sanh sống là khổ, vội muốn kíp diệt cái có sanh sống đó để về nơi cái không sanh, nhưng cái diệt đó nó không phải chơn diệt, thì chỉ thêm hoài công nhọc-nhãn, rốt rồi thành ra trôi lẩn trở lại. Tỷ như cái đình nghiệp làm trâu chưa hết, dầu phá cho hư cái xe nọ... chủ lại sắm nữa, lời xưa đã dụ rõ thế.

Kinh này nói : Chuyên lòng niệm Phật, phát nguyện vãng-sanh, đã sanh về nước kia rồi, hoa nở thấy Phật, tự biết được bản tâm của mình vốn là không sanh, thì dầu có phương-tiện cầu sanh cũng chẳng ngại gì ? — Nên có câu : Tưng-bưng cầu sanh, mà không hề trái với lý vô-sanh ; trọn ngày nguyện sanh mà tâm vẫn chưa từng sanh thế mới gọi là thiết được quả vô-sanh.

Do nơi hữu-sanh mà tỏ được lý vô-sanh, nên nói vào chỗ có, mà đặt chỗ không ; có sanh là thuộc về phàm-phu, nhưng nhờ có sanh mới chứng được quả vô-sanh, nên nói : Từ nơi phàm thành được Thánh. Tới đường về nhà, tiếm siêu mật độ, (ai đi nấy đến bằng một cách ngấm kín), khó nghĩ khó bàn, nên nói : Lời hay thấu lý đạo ; bỗng chốc đổi đời, như : Từ nơi đất bằng, bay lên cảnh tiên, người thường dần trở thành người sang cả, nên nói : Thuốc quý đổi xác tiên. Thế mà bỏ lời hay (lời Phật dạy niệm Phật), chấp lấy lời lương, bỏ vị thuốc tiên mà uống lấy thuốc độc, há chẳng đáng thương lắm ru ?

CHÁNH-VẤN : Mười : Vì chỉ rõ đường tắt tu hành, lại đường tắt trong đường tắt.

Đây có hai nghĩa : Nghĩa thứ nhất là các môn học đạo, muôn dặm xa xuôi ; còn niệm Phật vãng-sanh, xưa kêu là đường tắt. Song, một pháp niệm Phật lại có nhiều môn. Nay pháp trì-danh đây thiết

là trong đường tắt, tắt mà càng tắt. Ví như : Chim Hạc tung mình, đâu kịp Đại-Bằng cất cánh, ngựa Ký ruồi vó, đâu bằng Rồng chúa vươn bay, không gặp không đi mà mau, mà đến, là tắt trong đường tắt vậy.

CHÚ-GIẢI : Hai nghĩa ấy : 1) So sánh với nhiều môn tịnh-nghiệp. 2) Là lựa kinh Tiêu-bôn, để riêng biệt với kinh Đại-bôn giữa Bôn-Bộ, nên nói đường tắt trong đường tắt. Đường tắt là gì ? — Tức là con đường ngắn đi bằng ngang mau đến, gọi là tắt. Đường ngắn là ví dụ pháp môn niệm Phật, sức làm rất dễ-dàng ; mau đến là ví dụ niệm Phật công thành rất mau chóng.

Ngài Thiên-Đạo Đại-sư có làm bài kệ nói : « Duy có đường tắt tu hành là chỉ niệm A-Di-Đà Phật, thế thôi ». — Nên nói : Tu các môn khác, gọi là : Đọc ra ba cỡi, còn niệm Phật cầu vãng-sanh, kêu là ngang ra ba cỡi. Dụ như con kiến hay con mọt chẳng hạn, ở trong cây tre, đục bề dọc thì phải trải qua từng mắt, từng lóng khó thông, đục bề ngang thì một lỗ thấu phủng ra ngoài liền. Thế đem các môn tu khác so với môn tu niệm Phật này, thì, pháp-môn niệm Phật rất là mau kết-quả hơn cũng như thế.

Song pháp-môn niệm-Phật lại còn chia ra làm nhiều môn như trong văn sau sẽ giải : Tứ Thật-tướng niệm-Phật, có bốn môn, cho đến muôn hạnh hồi-hương v.v...

Với tánh « Phật Thật-tướng », dầu rằng mỗi người sẵn có. Nhưng vì chúng-sanh phần nhiều bị nghiệp-chướng quá nặng, số người tỏ ngộ được tánh Phật ấy thì chỉ phần ít, nên sau đây kê ra vài môn, như : Tu pháp niệm-Phật bằng cách « Quán-tướng-Phật » đến lúc cất tượng đi, hoặc khi chẳng có tượng trước mắt, thì lại không thấy cái như tu ấy, thành ra gián đoạn. Tu pháp niệm-Phật bằng cách « Quán tướng » thì tâm thô cảnh tế, diệu-quán khó thành. Tu pháp niệm-Phật bằng cách làm muôn hạnh thì sự làm quá ư bề-bộn, chỉ cho khỏi nặng đầu sa đầy.

Duy có một pháp niệm-Phật bằng cách tri-danh đây là tiện lợi thẳng tắt. Hễ niệm Phật được nối liền, liền được vãng-

sanh. Cỗ-Đức đã nói : Miễn được thấy Phật A-Di-Đà, lo gì không tỏ ngộ « Tánh Phật Thật-Tướng ». Thế là không mong cầu ông « Phật Thật-Tướng » mà ông « Phật Thật-Tướng » hiện bày rõ rệt. Nên pháp-môn niệm Phật là đường tắt của pháp tu-hành, mà pháp tri-danh lại là đường tắt trong pháp niệm Phật vậy.

Chim Hạc liệng đã hơn chim thường, mà đầu bằng chim Đại-Bằng một phen cất cánh ; ngựa Kỳ ruồi dong tuy hay hơn ngựa khác nhưng đầu kịp rờng bay. Hai vật trên đều dụ pháp niệm Phật, hai vật dưới đều dụ pháp tri-danh niệm Phật vậy.

« Chẳng mau chẳng đi » là, trong kinh dịch lời hệ từ nói : Lý của kinh-dịch, không suy-nghĩ không tạo làm, là cái lẽ vắng lặng không lay động hễ có cảm là liền thông-suốt cả trong thiên-hạ, nếu chẳng phải bực tri-thần trong thiên-hạ thì ai mà dự biết việc đây ? Duy có bực Chí-Thần mà thôi, vì bực Chí-Thần không gấp mà mau chóng, và không đi mà đến liền. Ý nói gấp rồi mới mau, đi rồi mới đến là cái vật tầm thường.

Thề xú quẻ cỏ thi là vắng vắng-lặng, không suy-nghĩ không tạo làm, nhưng hễ có cảm liền thông, thế mới gọi không gấp mà mau, không đi mà đến ; có cái hay màu-nhiệm hơn muôn vật, nên gọi là Chí-Thần. Dẫn lời Kinh-Dịch đây để chỉ rõ : Các pháp-môn niệm Phật, tuy đồng nói vắng-sanh, nhưng vì sức tu hơi khó hơn, và thời gian cũng lâu hơn, thế là tỷ phải đi gấp, mới đến mới mau được. Tu pháp tri-danh niệm Phật này thì không kể năm, tháng, không luận nhiều công, miễn niệm làm sao chỉ trong bảy ngày cho được nhứt-tâm, liền sanh về nước kia, chẳng biết sao mà lẽ thần-diệu hay đến tốt bực như thế này !

Nên lời « sao » trong Phạm Phổ-Hiền Hạnh-Nguyện có nói : Trong Đại-Tạng có trên cả mấy bản, hoặc Kinh, hoặc Luận, cũng đều nói cái tu nhân niệm Phật. Song đều dạy phải siêng tu, chứa công bồi đức cho nhiều, mới được vắng-sanh. Kinh này chỉ dạy tri danh hiệu được nhứt-tâm, liền lên bực bất-thời, đâu không phải tắt mà lại tắt sao ?

CHÁNH-VĂN : Nghĩa thứ nhì là trong « Vô-lượng-thọ » kể nhiều y báo, chánh-báo, chép đủ các pháp tu-trì. Nay kinh Di-Đà đây chọn chỗ giản-tiện, bỏ chỗ phiền-phức, lấy chỗ tóm-tắt, bao gồm chỗ sâu rộng, không nói chi khác, chỉ dạy pháp tri-danh, miễn sao niệm được nhất-tâm, là liền sanh nước Cực-Lạc. Nên nói : Giản-dị càng giản-dị, nhiệm-mầu càng nhiệm-mầu, đường tắt trong đường tắt vậy.

CHÚ-GIẢI : Với kinh « Vô-lượng-thọ » sẽ thấy rõ trong hai môn « Bộ-Loại » và « Dịch-Thích », bởi đối với kinh này, nên người đời kêu kinh kia là Đại-Bổn, vì bộ tuy đồng nhưng rộng, hẹp có khác nhau. Kinh kia vì người ưa rộng. Phật nói rộng ; kinh này vì người ưa hẹp, Phật nói hẹp. Nhưng lời tuy tóm-tắt mà lý rất rõ-ràng, sự dẫu đơn-sơ, mà công được bội-thăng. Như trong kinh Đại-Bổn rộng luận việc làm các điều phước thiện, còn kinh này chỉ nói hễ chấp tri danh-hiệu, tức là đa-phước, đa-thiện. Kinh Đại-Bổn còn phân ba bậc ; mà kinh này nói, hễ được sanh về nước kia, đều được bậc « Bất-thối-chuyển » nơi quả Bồ Đề. Thế nên pháp tri-danh niệm Phật, chẳng những là chỗ thiết-yếu trong các pháp-môn niệm Phật, mà chính là chỗ rất thiết-yếu trong bộ kinh Di-Đà này. Nên nói : Pháp, trong các pháp thậm thâm vi-diệu, pháp nhiệm-mầu trong các pháp nhiệm-mầu, đường tắt trong những con đường tắt ấy vậy.

CHÁNH-VĂN : Như trên trong khoa Biệt nói mười nghĩa, lại lấy chín nghĩa trước là Thông (chung), một nghĩa sau là Biệt (riêng). Gồm luôn cả nghĩa của phần Tổng văn trước đề làm Sở nhưn lập giáo của kinh này.

CHÚ-GIẢI : Thông là : Những kinh chung cùng nói rõ về pháp-môn Tịnh-Độ, đều vì đồng một nhưn đây. Biệt là : Riêng chỉ nói rõ về kinh này, chú trọng pháp tri-danh, do vì dùng pháp tri-danh làm nguyên nhân. Tổng là : Tức như văn trước tóm nói rõ tất cả các kinh, đều vì một đại-sự làm nguyên-nhân.

Còn nói về cái ý mà Phật Thích-Ca. Ngài nói ra kinh này là cốt vì : 1) Đề dạy chúng-sanh niệm Phật ; 2) Đề dạy

chúng-sanh tri-danh niệm Phật; 3) Để dạy chúng sanh niệm Phật bằng cách tri-danh mà được vào tri-kiến của Phật, cho rõ nhưt tâm bất loạn, đây là một đại-sự mà thôi; vậy nên đây hiệp lại ba cốt yếu trên để làm chỗ sở nhơn lập-giáo của bộ kinh này.

TẠNG-GIÁO ĐẲNG NHIẾP (phân ra làm ba phần) :

- 1.- Tạng-nhiếp. Kinh này thuộc về tạng nào ?
- 2.- Giáo-nhiếp. Kinh này thuộc về giáo nào ?
- 3.- Phần-nhiếp. Kinh này thuộc về phần nào ?

1.- TẠNG-NHIẾP

CHÁNH-VẤN : Đã biết Phật nói kinh này có nguyên nhân như thế ; nhưng chưa biết kinh đây đối trong : Phần Tạng-Giáo nó thuộc về đâu ?

Nói về Tạng có hai : 1.- Tam-Tạng ; 2.- Nhị-Tạng.

Trước nói : 1. Tam-Tạng là :

- a) Tạng Tu-Đa-La.
- b) Tạng Tỳ-Nại-Da.
- c) Tạng A-Tỳ-Đạt-Ma.

Nay kinh đây (Di-Đà) thuộc về Tạng Tu-Đa-La. Bởi các kinh cũng đều có thân thuộc lẫn nhau, nhưng kinh Di-Đà đây không phải như các kinh kia.

CHÚ-GIẢI : Tiếng Phạm nói : Tu-Đa-La. Tàu dịch : Khế-Kinh, tức là Tạng-Kinh, sẽ giải thấy trong đề-mục văn sau. Tỳ-Nại-Da, Tàu dịch là « Điều-Phục », tức là Tạng-Luật. A-Tỳ-Đạt-Ma, Tàu dịch là : « Đối-Pháp », tức là Tạng-Luận.

Hai tạng trên đều có nhiều nghĩa, ở đây không cần lắm, nên không dẫn giải. Thuộc về Tu-Đa-La là ở trong ba tạng : Kinh, Luật, Luận, mà Kinh Di-Đà đây thuộc về tạng kinh.

« Lẫn thuộc nhau » là như kinh Hoa-Nghiêm thuộc về tạng kinh mà gồm cả tạng Luật và Luận, vì trong các phẩm

thập tạng nói rõ về việc Giới-Luật ; còn các phẩm Văn-Minh nói rõ về Luận-nghị. Kinh Phạm-Võng thuộc về Tạng-Luật mà gồm cả Tạng-Kinh, vì phần trên của phẩm Tâm-Địa rộng nói ngôi bực của các vị Bồ-Tát. Còn kinh khác so theo đây nên biết.

Kinh đây đã chẳng gồm Giới-Luật lại cũng không kiêm luận-nghị, vì từ đầu chỉ cuối, chuyên nói về pháp-môn niệm Phật, cầu sanh Tịnh-Độ, nên nói kinh đây, không phải như các kinh kia.

CHÁNH-VĂN : Nhị-Tạng là :

a) Bồ-Tát tạng.

b) Thỉnh-văn tạng.

Nay kinh Di-Đà đây thuộc về Bồ-Tát tạng ; các kinh cũng có lẫn thuộc nhau ; nhưng kinh đây không phải như các kinh kia.

CHÚ-GIẢI : Tạng Bồ-Tát và Tạng Thỉnh-Văn sẽ thấy rõ trong phần « Thích-Văn » sau có giải. Tạng mà phân làm hai là do vì tạng kinh có Đại-thừa, Tiểu-thừa, nên phân ra làm hai hạng đề đầu thuộc, đó là pháp ; nếu ước về người thì có ba bực (tam-thừa), cũng phải phân ra ba tạng, vì bực người Duyên-Giác, phần nhiều chẳng nương nơi kinh giáo nên gồm trong bực người Thỉnh-Văn, cho nên chỉ có hai tạng.

Nay thuộc về Bồ-Tát tạng, là vì kinh đây diễn nói pháp Đại-thừa, như : y-báo, chánh-báo đều trang-nghiêm, tín, nguyện vãng-sanh v.v... tất cả đều là hạnh tự-lợi, lợi tha, là bản phận của Bồ-Tát, đề giáo-hóa chúng-sanh, làm cho cõi Phật được thanh-tịnh.

Lẫn thuộc là : Như kinh Hoa-Nghiêm thuộc về tạng Bồ-Tát, cũng gồm cả Thỉnh-Văn tạng, vì kinh kia bao hàm tất cả các bực. Kinh Di-Đà đây bực nhị-thừa chẳng đặng vãng-sanh (cõi Tịnh-độ) nên nói không phải như các kinh kia.

Có người hỏi : Thế sao trong văn-kinh nói : Đức Phật Di-Đà kia có chúng đệ-tử Thỉnh-Văn ?

Đáp : Đây chỉ tạm có, chớ rốt thì không, đến sau trong « Thích-Văn » sẽ biện rành.

Lại hỏi : Chán bỏ cảnh khổ, tìm về cảnh vui, dường như riêng về phần tự-lợi, đâu phải hạnh Bồ-Tát ?

Đáp : Cầu sanh về Tịnh-Độ, chính là để thấy Phật nghe pháp, đặng vô-sanh-nhẫn rồi, trở lại cõi này cứu khổ chúng-sanh ấy là hành Bồ-Tát, chớ không phải cái đạo của Thích-Văn, như trong bộ Thập-Nghi-Luận, Ngài Thiên-Thái đã nói.

2. - GIÁO - NHIẾP

CHÁNH-VĂN : Giáo là : Y theo Ngài Hiền-Thê định phân giáo pháp có năm phần là : Tiểu, Thi, Chung, Đốn và Viên. Nay kinh Di-Đã đây thuộc về Đốn-Giáo, mà cũng gồm cả hai giáo trước là Chung và Viên.

CHÚ-GIẢI : Năm giáo là : 1. - Tiểu-thừa giáo :

Nói pháp chỉ chuyên nói « Nhơn-Không », (91) dầu có luận nói « Pháp-Không » chút ít, nhưng cũng chẳng mấy rõ-ràng; vì y nơi lục thức, tam độc để thành lập cái căn bản Nhiễm, Tịnh, (92) nên chưa tột thấu nguồn gốc của « Pháp-Không » (93).

2. - Đại-thừa Thi-giáo : Do thời thứ hai chỉ nói « Pháp-Không » thời thứ ba nói cả ba thừa, nhưng không hứa định tánh « Xiển-Đề » (94) được thành Phật, là lời thuyết pháp chưa tột chỗ cực điểm của bậc Đại-thừa, nên gọi là : Thi-giáo. Trong đó có người thành Phật, có người không thành Phật, nên lại gọi là : Phần-giáo. Với chỗ nói thi, phần nhiều nói về Pháp-tướng, ít luận đến pháp tánh. Dầu có nói tánh, cũng còn là con số tướng. Bởi y nơi tám thức sanh diệt để kiến-lập ra các nghĩa loại có nguyên-nhơn : Sanh-tử và Niết-bàn.

3. - Đại-thừa Chung-giáo : Do chỉ ra lý diệu-hữu của Trung-Đạo, nên nói định tánh « Xiển-đề » đều sẽ thành Phật, mới nói tột chỗ cực điểm của Đại-thừa, nên gọi là :

Chung-giáo ; vì đúng với thật-lý, nên lại gọi là « Thật-giáo ». Với chỗ nói thì phần nhiều luận về pháp-tánh, ít luận đến Pháp-tướng. Dầu có nói đến « tướng » đi nữa, nhưng cũng hội về « tánh ». Bởi căn-cứ nơi Như-Lai-Tạng tánh nó tùy theo vọng-duyên của tám thức, để thành lập ra các nghĩa.

4. - Đốn-giáo : Giáo này hoàn-toàn không nói đến pháp-tướng chỉ nói rờng về Chơn-tánh, hễ là nhứt-niệm bất-sanh tức gọi là Phật chứ không trải qua thứ lớp từng bực gì nữa.

5. - Viên-giáo : Giáo này thống-nhứt cả bốn giáo trước, sự lý hoàn-toàn trọn vẹn. Bởi lập trường lý-luận như thế này : Pháp-giới nhiều vô cùng tận, biên tánh trọn vẹn hợp hòa, không ngăn ngại nhau, với nhơn-duyên sanh khởi vì một tức tất cả ; tất cả tức một, tướng tức tánh, tánh tức tướng, tánh tướng nhiếp lẫn nhau. Như cái lưới ngọc (95) của trời Phạm-Vương mỗi ảnh chiếu trùng nhau thay nhau làm chủ-quan, khách-quan bằng cách nhiều đến vô cùng vô-tận.

Năm giáo nói trên rõ như trong lời Huyền-Đàm kinh Hoa-Nghiêm đây sợ nhiều không dẫn.

Kinh này thuộc về « Đốn-Giáo ». Trong môn nghĩa-lý sau có giải.

Cũng gồm cả trước sau hai giáo là trước thông « Chung-giáo » bởi do tất cả chúng-sanh niệm Phật dù là định-tánh Xiển-Đề đều sẽ làm Phật.

Sau gồm « Viên-giáo » là cũng trong môn nghĩa lý có giải.

3. - PHẦN - NHIẾP

CHÁNH-VĂN : Phần là mười hai phần giáo. Như : phần Tu-Đa-La ; phần Kỳ-Dạ v.v... Nay kinh này thuộc về hai phần : Tu-Đa-La và Ưu-Đà-Na.

CHÚ-GIẢI : Phần là từng phần, bởi vì nhứt-đời thời-giáo của Phật có chia ra từng phần, đều có chỗ sở-thuộc.

« Kỳ-dạ » Tàu dịch « Trùng-tung ». Ưu-Đà-Na Tàu dịch « Vô-vấn-tự-thuyết » trong 12 bộ, đây sợ nhiều, không dẫn (96).

Nói thuộc hai phần : 1.- Thuộc phần « Tu-Đa-La » vì là Khế kinh, 2.- Thuộc phần « Ưu-Đà-Na » vì là không đợi ai thừa thỉnh mà Đức Phật Ngài tự kêu ông Thân-Tử và chúng hội nói cho nghe.

NGHĨA LÝ THÂM QUẢNG (phân ra làm ba phần) :

- 1.- **Nhiếp-đốn.** (Gồm cả Đốn-giáo).
- 2.- **Phần-viên.** (Gồm một phần Viên-giáo).
- 3.- **Bàng-thông.** (Lan rộng các giáo).

1. - NHIẾP - ĐỐN

CHÁNH-VĂN : Đã biết rằng kinh này thuộc về « Đốn-giáo » và có ít phần thuộc về « Viên-giáo » ; chứ chưa biết nghĩa lý hoàn-toàn như thế nào.

Trước nói kinh này thuộc về « Đốn-giáo » đó, số là bảo : « Pháp-trì-danh » liền « được vãng-sanh, mau siêu, chóng chứng », vì không quanh-co, (lâu dài, chậm trễ) nên kinh Di-Đà chính thuộc « Đốn-giáo ».

CHÚ-GIẢI : Chính thuộc nghĩa « Đốn » là : Vì tất cả kẻ phàm muốn chứng lên bậc Thánh, sự đó rất khó lắm ! Vì đường đạo lý quá xa. Nay chỉ có một « pháp trì danh » liền đặng vãng-sanh, đã vãng-sanh rồi, tức thì đặng bậc « Bất-thối ». Khá gọi rằng : Đời chỉ trọn thành, một đời đặng xong. Vì như đem ngôi báu trao ngay cho kẻ thường dân, chẳng trải qua giai-cấp và cũng không phải như lối vòng do của Tiệm-giáo, thì đâu sánh kịp, nên gọi kinh này thuộc về nghĩa « Đốn ».

CHÁNH-VĂN : Hoặc có người hỏi thắc-mắc rằng : Kinh này « Đốn-giáo » là tâm không sanh một niệm gì hết, tức gọi là Phật. Như năm pháp, ba tự-tánh đều không tám thức, hai món vô ngã đều trừ. Thế mà nay « Pháp trì danh niệm Phật » đây thì lại có niệm ; đã có niệm : thế nào gọi là « đốn » được ?

Đáp : Do nhứt tâm bất loạn, chính gọi là vô-niệm ; nếu còn có niệm, chẳng gọi là nhứt tâm, nhưng đã được nhứt tâm rồi, thì pháp nào là pháp chẳng vắng-lặng ?

CHỮ-GIẢI : Năm pháp là : 1.- Danh ; 2.- Tướng ; 3.- Vọng-tướng ; 4.- Chánh-trí ; 5.- Như-như (97).

Ba tự-tánh là : 1.- Danh-tướng : là tánh biến kể-chấp, 2.- Vọng-tướng : là tánh duyên tha khởi. 3.- Chánh-trí như-như : là tánh viên thành-thật (98).

Bát-thức là : A-lại-da, Mat-na và sáu thức ; (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) hiệp thành tám thức.

Hai vô-ngã là : Nhơn vô-ngã và pháp vô-ngã (99).

Sắp về trước, cũng đều thuộc vào trong năm pháp cả. Rõ thấy trong kinh Lăng-Già và các kinh, đều không, đều trừ, cả năm pháp ấy có chỗ gọi rằng : Thân Phật là vô-vi (không hình tướng) không mắc vào các con số, gọi là Phật Thân. Một niệm không sanh, tức gọi là Tâm-Phật ; ấy là tôn-chỉ của « Đốn-Giáo ». Nay nói niệm Phật, thời niệm hiệu Phật, thuộc về Danh, còn đối thân Phật, thuộc về Tướng, nhờ niệm Phật kia, thuộc về Vọng-tướng. Dầu cho tịnh niệm nối nhau, được vào pháp « Tam-ma-Địa » (chánh-định) đi nữa ; nhưng cũng còn thuộc về danh-từ « Chánh-trí như-như ».

Vả lại phân biệt là Phật, thuộc về thức-tinh. Năng-niệm là Tâm, sở-niệm là Cảnh, thuộc về Nhơn và Pháp ; thế còn chưa trừ được tướng hữu-ngã, huống là với tướng vô-ngã, lẽ nào trừ được ư ?

Chỗ không, chỗ trừ của « Đốn-Giáo » kinh này đều có cả. Do vì chỗ có niệm, cho nên họ thắc mắc là chưa phải « Đốn » ; chớ đây chính bảo là vô-niệm kia mà ! Bởi do nhứt-tâm bất-loạn ; thời chẳng chấp có tâm đề niệm ; chẳng chấp không tâm đề niệm ; chẳng chấp cái tâm bằng cũng có cũng không đề niệm ; và chẳng chấp cái tâm bằng chẳng phải có chẳng phải không đề niệm. Vậy thử hỏi lia bốn câu ấy ra, lại có gì là niệm. Thế thì tuy gọi rằng niệm Phật, chớ vẫn niệm mà vô-niệm vậy. Niệm mà vô-niệm, thế mới gọi là nhứt-tâm. Cái tâm như thế tâm nó cũng không tâm nữa kia, chỉ cưỡng kêu là nhứt, chớ thật ra tướng Nhứt cũng còn không, đâu tìm được những con số mà người bảo : 5, 3, 8, 2. — Thế thời lý nhứt-tâm bất-loạn đây, chẳng khác nào « nhứt-niệm bất-sanh » đâu nên nói kinh này chẳng phải là « Đốn » ?

2.- PHẦN VIÊN

CHÁNH-VĂN : Một phần thuộc « Viên-giáo » là lập-trường của Viên-giáo, vì trong bốn món pháp-giới, ba món trước chung lẫn cả các giáo, một món sau riêng thuộc về Viên-giáo. Nay kinh này : Viên-giáo toàn-nhiếp, nó có một phần nhiếp thuộc về Viên-giáo. Bởi vì nó chỉ có ít phần Viên-giáo, nên gọi thuộc « Phần Viên ».

CHÚ-GIẢI : Bốn pháp giới là : 1. - Sự pháp-giới ; 2. - Lý pháp-giới ; 3. - Sự-lý vô ngại pháp-giới. Với ba pháp giới này các kinh đều có ; 4. - Sự-sự vô-ngại pháp-giới (100) đây, thì đặc-biệt nhất là riêng một kinh Hoa-Nghiêm có thôi, nên gọi là « Nhứt-thừa Biệt-giáo », Sự và Lý vô-ngại thì đồng với « Đốn » và « Chung ». Còn sự-sự vô-ngại thì chẳng đồng hai giáo kia (đốn và chung) vì riêng ngoài nhứt-thừa trong « đồng-giáo » kia, nên gọi là « Biệt » (riêng) chớ không phải biệt là « Biệt-giáo » trong bốn giáo : Tạng, Thông, Biệt, Viên (101).

Nay kinh Di-Đà đây có một phần thuộc Viên-giáo là do kinh Hoa-Nghiêm thì hoàn-toàn là Viên-giáo ; còn kinh Di-Đà đây, chỉ có ít phần thuộc Viên-giáo. Đối với phần ít ấy, xin sơ-lược kê nói ra có 10 nghĩa :

1. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : cả trong khí giới, từ mây bụi, mây lông đến một vật hữu hình, vô-hình đều diễn nói pháp-âm mâu-diệu. Kinh Di-Đà nói : Nước, chim, cây, rừng đều rao pháp « Ngũ-căn », « Ngũ-lực », « Thất-giác-chi », « Bát-thánh-đạo » các pháp-môn (sẽ rõ ở sau).

2. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Trong mây vi-trần đủ cả mười phương-pháp-giới huy-hoàng vô-tận. Đây thì như trong kinh Di-Đà-Đại-Bổn nói : Với trong một cây « Bảo-Thọ », thấy 10 phương cõi Phật như bóng trong gương.

3. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Chẳng hề cử-động ra khỏi chốn « Tịch-diệt đạo-tràng », mà đã đi khắp pháp-giới, nên nói thề-tướng vẫn yên-lặng như xưa, vốn không hành-động chút gì sai khác, thế mà các pháp-giới nhiều như số vô-đẳng vô-lượng, đều đã đi khắp tất cả. Đây thì như trong kinh Di-Đà Đại-Bổn nói : Đức Phật A-Di-Đà vẫn thường ở tại cảnh Tây-phương tịnh-độ, mà cũng có ở khắp cả cõi trong mười phương.

4. - Kinh Hoa-Nghiêm nói lời ví dụ rằng : « Cây thuốc chữa » (102) nếu ai thấy cây ấy, mắt được thanh-tịnh, cho đến nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cả sáu căn, không căn nào mà chẳng thanh-tịnh. Chúng-sanh thấy Phật cũng lại như thế, là do thấy đức Phật Viên-Giác, (103) nghe pháp Phổ-môn nhờ thần-lực, sáu căn mới được thanh-tịnh vậy.

Kinh Di Đà nói : Đức Phật A-Di-Đà ngồi nơi cây « Bảo-Thọ » đạo-tràng, với cây báu ấy kẻ thấy, người nghe, sáu căn đều được thanh-tịnh.

5. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Chúng-sanh trong tám nạn, (104) đều siêu lên bực Thập-địa, kinh Di-Đà nói : Các chúng-sanh trong Địa-ngục, Nga-quỉ Súc-sanh, hễ có niệm Phật đều được vãng-sanh.

6. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Một tức tất cả, nên đức Như-Lai có thể đối với một thân, đề hiện ra nhiều đầu bằng số « vi-trần », ở trong nhiều cõi Phật bằng số « bất-khả-thuyết », trong mỗi một cái đầu, hiện ra vô số lưỡi, trong mỗi mỗi lưỡi thốt ra vô số tiếng tăm, cho đến nào văn, tự, câu, nghĩa đầy cả pháp-giới. Kinh Di-Đà thời như trong Đại-Bồ-n nói : Nước Cực-Lạc kia có vô-lượng hoa báu, trong mỗi đóa hoa phóng ra ba mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn ánh quang-minh ; trong mỗi quang-minh hiện ra 36 ức na-do-tha trăm ngàn thân Phật, khắp vì mười phương chúng-sanh để thuyết tất cả pháp.

7. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Đức Lô-Xá-Na, Đức Thích-Ca đều hiện ra hai tướng : Thắng-ứng thân, và Liệt-ứng thân (105). Đây thì như trong Quán-Kinh nói : Đức Phật A-Di-Đà hiện thân cao lớn bằng số 60 muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần ; mà lại thấy thân Liệt-ứng bằng một trượng sáu thước trên « Ao bát công-đức thủy » (sẽ giải rõ ở sau).

8. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Đức Lô-Xá-Na Phật làm Giáo-chủ. Đây thời như Ngài Thanh-Lương nói : Đức Phật A-Di-Đà tức là Đức Bồ-n-sur Lô-Xá-Na.

9.- Kinh Hoa-Nghiêm nói : Kinh Hoa-Nghiêm là kinh « Đại Bất Tư-Nghì » còn kinh Tịnh-Danh và các kinh là « Tiểu-Bất Tư-Nghì » mà kinh Di-Đà thì lại là kinh « Bất-khả Tư-Nghì công-đức » vậy thôi, chứ chớ phân là « Tiểu hay Đại » gì!

10.- Lập trường của kinh Hoa-Nghiêm là nói : Chính nơi tâm phạm-phu để thành ngay trí bất-động của chư Phật. Kinh Di-Đà đây nói : Không ngoài pháp niệm Phật bằng cách xưng-danh mà được Phật hiện tiền. Thế thì kinh Di-Đà bằng bực với kinh Tịnh-Danh và các kinh... đồng một loại với kinh Hoa-Nghiêm.

Vì Viên-giáo trọn thâu kinh này (Di-Đà). Kinh này một phần thuộc Viên-giáo, bởi do nghĩa có ít phần thuộc Viên-giáo, nên mới gọi là « Phần-viên ».

3.— BẢNG THÔNG (phân ra làm hai phần) :

1.- Quán-kinh.

2.- Chư-kinh.

QUÁN - KINH

CHÁNH-VĂN : Trước nói kinh này thông-đồng với kinh « Thập-Lục-Quán » đó là bởi có người chấp rằng : 16 pháp quán gọi là Định-Thiện, với chấp-tri danh hiệu gọi là Tán-Thiện. Nay vì lẽ thông-đồng mà nói, thì trong đây có hai nghĩa : 1.- Tổng ; 2.-Biệt.

Trước nói Tổng là Kinh Thập-Lục-Quán cả 16 pháp diệu-quán, đều chú về lý nhứt-tâm. Kinh Di-Đà đây trọng về lý nhứt-tâm, chính hiệp với ý kinh kia. Vì kinh kia nhứt-tâm tác-quán, kinh này nhứt-tâm xưng-danh ; thế đâu đặng với cả hai đồng qui về LÝ NHỨT-TÂM, mà lại tán dương kinh kia, dẫn ép kinh này. Rõ như trong lời Sơ Ngài Tịnh-Giác đã nói...

CHÚ-GIẢI : Bảng-thông là, không phân biệt Đốn-giáo hay Viên-giáo, chỉ lấy nghĩa-lý thông đồng nhau giữa các kinh Đại-thừa mà thôi. Do vì kinh Thập-lục-Quán là kinh chuyên-môn nói về Tịnh-Độ, nên dẫn đề nói trước.

Định-Thiện, Tán-Thiện là : Ngài Cồ-Sơn phân-phán ra, cho 16 pháp-quán là Định-Thiện. Đối với kinh đây pháp tri-danh cho là Tán-Thiện (106), chứ đây bảo rằng : « Nhứt-tâm bất-loạn » có sự, có lý, chính nơi « Sự nhứt-tâm » đã chẳng phải hoàn-toàn Tán-Thiện thay, huống chi là « Lý-nhứt ».

Chính hiệp với ý kia, là kinh kia dạy tu 3 pháp-quán như vậy : Tâm quán không tức không, quán giả tức giả, quán trung tức trung, vượt hẳn lớp lang thế là đặc « Tam-quán nhứt-tâm ». Kinh Di-Đà này dạy tu niệm Phật bằng cách « chấp-tri danh-hiệu » đến khi dặng cái « Nhứt-tâm bất-loạn », thì cả năng-tri, sở-tri, đều không thể có, đó gọi là « Không-quán » ; Chính đương lúc không mà năng, sở rõ ràng, đó gọi là « giả-quán » ; chẳng phải giả, chẳng phải không mà thường không, thường giả, bất khả tư-nghì, đó gọi là Trung-đạo-quán. Bởi vì riêng giữ một danh-hiệu Phật đề niệm, liền được nhứt-tâm, đã nhứt-tâm thì, có gì thứ lớp ! — Đây chính là nghĩa ba quán viên-tu. Thế thời kinh kia dùng nhứt-tâm quán-tướng làm tôn. Kinh đây dùng nhứt-tâm tri niệm làm chủ, vì Quán tức là niệm, niệm tức là quán. Vậy hai kinh chỗ nói đã đồng nhứt-tâm, sao riêng với kinh này chệ là Tán-Thiện !

Cho nên pháp-môn này tên là « Pháp niệm Phật tam-muội », cũng tên là « Nhứt hạnh tam-muội », cũng tên là « Chư Phật hiện-tiền tam-muội », cũng tên là « Bát-nhã tam-muội », cũng tên là « Phổ-đẳng tam-muội ». Nói « Tam-muội » nghĩa là Chánh-định. Kinh Di-Đà này đã thông-đồng với nhiều « Pháp tam-muội » như thế sao dám chệ là Tán-Thiện ? Nói cho đúng lý : Tu quán-tướng nếu chẳng dặng nhứt-tâm, thì pháp quán ấy cũng thành là Tán ; Tu tri-danh nếu được nhứt-tâm, pháp tri-danh ấy tức thành là định. Đừng tính ở quán-tướng hay tri-danh, mà chỉ tính ở chỗ dặng nhứt-tâm cùng không nhứt-tâm mà thôi.

Như lời sơ của Ngài Tịnh-Giác nói : Đối với Quán-kinh, Ngài Trí-Giả đại-sư cho ba môn tịnh-nghiệp (107) thuộc về Tán-Thiện, 16 pháp diệu-quán thuộc về Định-Thiện ; chớ chưa nghe Ngài chệ pháp tri-danh là Tán-Thiện bao giờ ! Ông Cồ-Sơn phê-phán kinh Di-Đà Tán-Thiện, theo ý tôi (Vấn-Thê)

không nhận cái thuyết kia. Và như lời Sớ trong phẩm Phổ-Môn giải rằng : « Nhứt-tâm xưng danh » có sự, có lý, chuyên niệm đức Quan-Âm, lòng niệm không gián-đoạn, gọi là « Sự nhứt-tâm ». Nếu đạt được tâm này, bốn tánh (108) không sanh, vì tương-ưng với « Pháp không huệ » gọi là « Lý-nhứt-tâm ». Trong phẩm Phổ-Môn kia nói thiếu hai chữ « Bất-loạn » Ngài Trí-Giả còn dùng hai chữ « Không-huệ » (huệ chơn-không) để giải; hướng chỉ kinh Di-Đà nói : « Nhứt-tâm bất-loạn thì đâuặng ché là Tán-Thiện ?! Theo ý ngu tôi xét : Ngài Trí-Giả khi nhập-diệt, còn xưng danh hiệu Tam-bảo, ngài Chương-An khi lâm-chung, cũng niệm Phật A-Di-Đà, và niệm hai vị đại-sĩ Quan-Âm, Thế-Chí.

Hai Thầy Trò của ngài Trí-Giả đồng « Xưng-danh niệm-danh », như thế thì hẳn không đặng đem hai chữ « Tán-Thiện » để gán cho « pháp trì-danh », của kinh này, xét đó, càng thêm tin chắc.

CHÁNH-VĂN : Kế đây nói nghĩa riêng. Hoặc có người thắc-mắc cho rằng :

1. Kinh Di-Đà đây chỉ nghe danh suông của Phật.
2. Kinh Di-Đà đây nói thân Phật là liệt-ứng.
3. Kinh Di-Đà đây nói hoa sen chừng đặng bánh xe.
4. Kinh Di-Đà đây nói tội ngũ-nghịch không được vãng-sanh.
5. Kinh Di-Đà đây thuộc về hạ phẩm.

Họ nạn như thế vì họ không biết hai kinh (Quán kinh với A-Di-Đà kinh) thật đồng một nghĩa, và họ không biết kinh A-Di-Đà lại càng độc yếu hơn nữa.

CHÚ-GIẢI : « Chỉ nghe danh suông » là có người thắc-mắc cho rằng : Trong Quán-kinh dạy tướng tướng-hảo của Phật. Còn kinh Di-Đà đây chỉ chấp-trì bốn chữ danh-hiệu suông chớ không thấy thân tướng-hảo của Phật nên họ cho là Tán-Thiện.

Song trong kinh này đã nói : « Đức Phật A-Di-Đà cùng các Thánh-chúng hiện ở trước mặt người kia ». Đã nói Phật hiện thời đâu không tương-hảo ? — Hướng cùng Thánh-chúng, chủ và bạn đều hiện bày ? Số là kinh kia do tác-quần thấy Phật. Kinh đây do tri-danh thấy Phật, dù chỗ tu như không đồng, chớ chỗ thấy Phật thì một.

« Thân-liệt-ứng », là có người nói mắc mỏ rằng : Trong Quán-kinh nói thân Phật cao đến sáu mươi muôn ức na-do-tha, hằng-hà sa do-tuần (109). Còn kinh này không nói, họ nghĩ là « Thân-liệt-ứng » cho nên gọi là Tán-Thiện.

Song trong kinh Đại-Bổn nói : Lúc bấy giờ đức Phật A-Di-Đà phóng hào-quang lớn, chiếu khắp tất cả thế-giới, Ông A-Nan thấy dung-thể của Phật lớn cao vòi vọi như núi vàng ròng, cao vọt lên trên tất cả thế-giới. Thế thì trong Quán-kinh chỗ nói còn cuộc hạn trong một thế-giới ; nay kinh này nói tất cả thế-giới là cao lớn hơn biết bao, đâu nên nói là Thân-Liệt-Ứng ! ?

Kinh Đại-Bổn lại nói cây báu nơi đạo-tràng (110) của Phật A-Di-Đà toàn dùng các món báu tự-nhiên hợp thành, cây báu ấy, không phải thân tượng sáu ngời dưới cội cây Bồ-đề, thời đâu nên nói là Thân-Liệt-Ứng ! ?

Lại trong Quán-kinh nói : Phật kia hoặc hiện thân một tượng sáu, hay tám thước ; hoặc hiện thân cao lớn đầy giữa hư-không. Thế là tùy cơ-cảm của chúng-sanh, nên chỗ thấy có lớn nhỏ không nhất định ; thành thử Cổ Đức nói : Dầu liệt-ứng, dầu thẳng-ứng, dầu sanh-thân, dầu Pháp-thân, nhưng cũng không phải hai thân. Hướng chỉ trong kinh đây không thấy nói ra thân Phật lớn, nhỏ chơi cả sao dám quyết định đặt-điều cho là Thân Liệt-Ứng ?

« Hoa-sen chừng bằng bánh xe », là có người bảo rằng : Trong Quán-kinh nói : Hoa sen lớn mười hai do-tuần ; còn kinh đây nói : Hoa sen nhỏ hạng bằng bánh xe, cho nên gọi là Tán-Thiện.

Song họ đâu biết cái nghĩa bánh xe lớn nhỏ không nhất-định. Như trong kinh Đại-Bồ-đề nói : Bánh xe lớn đến trăm ngàn do-tuần, (111) đâu những « mười hai do-tuần » mà thôi ; rõ như trong văn sau có biện.

« Tội ngũ-nghịch không được vãng-sanh », là có người đưa ra nạn-đề rằng. Trong Quán-kinh nói : Tội ngũ-nghịch được vãng-sanh ; còn kinh Đại-Bồ-đề nói : Chỉ trừ tội ngũ-nghịch không được vãng-sanh. Họ chê kinh này công tế-độ hẹp-hòi, nên họ cho là Tán-Thiện.

Nhưng họ đâu biết dưới câu : « Chỉ trừ tội ngũ-nghịch » có thêm bốn chữ « Phỉ-báng chánh-pháp » nữa. Nghĩa là : Tội ngũ-nghịch mà gồm « Phỉ-báng chánh-pháp », mới bị trừ ra. Tuy người đủ tội ngũ-nghịch, (112) mà không « phỉ-báng chánh-pháp », vị tất là không được vãng-sanh ?

Bởi do « Phỉ-báng » thời không tin, vì không tin nên không được vãng-sanh. Sở-đĩ có câu : Nghi thời Hoa-sen không nở, thật thế.

Trong Quán-kinh không nói : « Phỉ-báng chánh-pháp ». Nếu như gồm có phỉ-báng ấy cũng không được vãng-sanh vậy. Lại trong Quán-kinh về phạm « Hạ-hạ » trong văn ngũ-nghịch nói : Người phạm tội ngũ-nghịch, khi lâm-chung niệm danh hiệu Phật mười tiếng, liền được vãng-sanh. Thế là pháp Quán-tướng chưa thành chỉ nhờ mười niệm..., vậy tội ngũ-nghịch cũng được vãng-sanh đó, chính là nhờ có niệm danh hiệu mới được vãng-sanh mà thôi.

Hướng nữa trong kinh Đại-Bồ-đề nói : « Những tội đọa Địa-ngục, Ngạ-quỉ, Súc sanh, cũng sanh về trong cõi của ta » ; Những người đọa trong Địa-ngục đó, không phải là người ngũ-nghịch chớ gì ?

« Chỉ thuộc về hạ-phạm » là có người thắc-mắc rằng : Trong Quán-kinh nói về ba phạm hạ : Phạm đầu, nói đối với người trí-thức, dạy bảo chấp tay, hoặc vòng tay đề niệm « Nam-mô A-Di-Đà Phật ». Về phạm thứ ba nói, Thiện-hữu dạy rằng : « Nếu người kém trí-thức không thể niệm Phật bằng cách chấp vòng tay, thì nên chỉ niệm danh hiệu ». Thế thì pháp tri-danh

được vãng-sanh đó, dường như chỉ ở phạm hạ ! Họ đâu có biết pháp tri-danh có Sự, có Lý. Lý lại có thấp có cao. Nay nói người vãng-sanh về hạ-phạm đó chỉ là sự thiện, nếu thành lý-quán, thời đồng với ba quán viên-tu của kinh kia, kế hiệp không hai, lo gì phạm-vị không cao. Huống chi trong văn hạ-phạm, chính chỉ cho người ác, người ngu có niệm Phật được về ở đó, chớ không phải nói về người thiện và người trí tri-danh, mà cũng ở phạm hạ đâu. Nên biết hai kinh (Di-Đà và Quán-kinh) vẫn đồng một nghĩa.

Độc-yếu là lược giải có ba ý :

1.- Trong Quán-kinh chép rõ về thân Phật tuy nói rằng thân ấy tức là Báo-thân, tức Pháp-thân, nhưng mà với số na-do-tha (113) hằng-sa đó không phải là không có con số đề kê, với hóa-thân (ứng-hóa hay sanh-thân) cao lớn bao nhiêu, (114) còn đợi 13 lời vấn đáp đề biện-giải điều nghi sau. Kinh đây chỉ nói Quang-minh vô-lượng, Thọ-mạng vô-lượng. Thế thì không thuộc về các con số nào mà chỉ ngay về pháp-thân thôi, đây là món độc-yếu thứ nhứt vậy.

2.- Với 16 pháp diệu-quán, tuy rằng : Tâm tức quán, quán tức tâm, nhưng mà trước phải quán mặt trời, kế quán đến nước, đến đất, đến hàng cây, đến bảo tọa, sau mới quán vào thân Phật. Thế thì không phải không thứ lớp, biết bao là bộn bề. Còn kinh này nói : Không cần tu các hạnh-nghiệp đó, chỉ chuyên về một pháp tri-danh, thoát được nhứt-tâm, liền thấy Phật hiện trước mắt. Đây là món độc-yếu thứ hai vậy.

3.- Sanh về ba phạm Thượng, có thể đạo khắp mười-phương, thừa-sự chư Phật ; còn hai phạm Trung và Hạ không thấy dạy như thế. Chớ kinh đây nói : Tri-danh được vãng-sanh liền được mỗi sáng ra đi cúng-dường chư Phật khắp mười phương rồi liền trở về nước kịp trong giờ ăn buổi mai. Đây là món độc-yếu thứ ba vậy.

Người đời nghe nói hai kinh đồng một nghĩa còn sanh nghi thay, huống lại nghe nói kinh này độc-yếu hơn, càng thêm sợ hãi. Cho nên nói kinh này là pháp mà người đời « Nan-Tin » (khó tin) và cũng nói kinh này là kinh « Bất khả tử nghị công-tức vậy ».

CÁC KINH

CHÁNH-VĂN : «Lại nói thông-đồng trong các kinh », là ý nghĩa của kinh này cùng thông-đồng nhau với các kinh Đại-thừa : Như kinh Tịnh-Danh, kinh Pháp-Hoa v.v... Song người mà đã thấy được chỗ lan rộng thông - đồng nhau như thế thời mới biết nghĩa lý kinh này bao trùm, thâm-thúy, rộng xa chứ không nên coi như các kinh thiên-cận (Tiểu-thừa) mà tự mắc tội lỗi !!

CHÚ-GIẢI : Kinh Tịnh-Danh, kinh Pháp-Hoa v.v... Kinh đây nói : Nhứt-tâm tri-danh đặng sanh về nước kia (Cực-lạc) tức là đồng với « Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh ». Đây là nghĩa kinh Tịnh-Danh.

Lại kinh này nói : « Nhứt-tâm tri-danh tức là đồng với « Dụng thâm-tâm niệm Phật »... nhấn đến « một mình vào nhà người nhứt-tâm niệm Nam-mô Phật, đi khất-thực không bạn, cũng nhứt-tâm niệm Phật, một tiếng niệm Nam-mô Phật, đều đã thành quả Phật ». Đây là nghĩa trong kinh Pháp-Hoa.

Chữ « Đẳng » v.v..., là lược dẫn các kinh, như : Kinh Văn-Thù nói : « Tu pháp nhứt hạnh tam-muội », kinh Đại-Phẩm nói : « Nếu người tán-tâm niệm Phật... Nhấn đến hết khổ, được phước kia không hết ». Đây là nghĩa kinh « Bát-Nhã ».

Như kinh nói : Trong 21 ngày cuối đầu lễ niệm danh hiệu các đức Phật trong mười phương. Đây là nghĩa kinh Viên-Giác.

Như nói : Năm trăm (500) người con ông Trưởng-giả, xưng niệm danh hiệu của bảy lớp (7 đời) Phật, (115) bèn đặng thấy thân Phật vàng chói, liền chứng quả A-La-Hán. Đây là nghĩa trong kinh Quán Phật tam-muội.

Như nói : Ông Bồ Tát tu sáu phép niệm (116) mà phép niệm Phật là thứ nhứt. Lại nói : Buộc lòng niệm nghĩ nhớ Phật, vì nhờ sức nhơn-duyên ấy, mà đoạn được phiền-nã. Đây là nghĩa trong kinh Niết-Bàn.

Như Phật bảo Phu-Vương rằng : Ngày nay nên niệm Phật A-Di-Đà ở thế giới Cực-Lạc Tây-Phương, thường cần tinh-tấn.

sẽ được quả Phật. Lại nói : Tu mười tám đề hồi-hương cầu vãng-sanh, khi mạng-chung ắt được sanh về cõi nước Phật kia (Phật A-Di-Đà). Đây đều là nghĩa trong kinh Bảo-Tịch.

Chỉ như kinh này cũng đồng nhau với nghĩa Viên của kinh Hoa-Nghiêm thì đã thấy ở văn trước rồi.

Với nghĩa niệm Phật, không thể kể xiết. Như trên là chỉ ngay đại-ý của một bản kinh mà nói thế thôi. Nếu bàn rộng về nghĩa kinh, thời như : Kinh Tịnh-Danh nói : Nơi phương trượng (thất) của ông Duy-Ma dung- nạp cả ba mươi hai ngàn (32.000) tòa sư-tử. Nay kinh này nói : Cõi Tịnh-độ đức Phật A-Di-Đà, mười phương sanh về đó, nhiều như những hạt mưa, đều sanh trong « Ao-thất-bảo » không hề chật-hẹp ; tức là nghĩa kinh Tịnh-Danh.

Trong phẩm « Như-Lai-Thần Lực » nói : Đức Phật Thích-Ca cùng các Hóa-Phật ở mười phương đồng hiện ra tướng lười rộng dài cho đến cõi trời Phạm-Thiên, vì để khen ngợi kinh Pháp-Hoa. Kinh này nói : Chư Phật ở sáu phương đều hiện tướng lười khen ngợi đức Phật A-Di-Đà, cũng lại như thế, tức là nghĩa kinh Pháp-Hoa. Lược dẫn một phần ít, đồng với các kinh Đại-thừa, còn bao nhiêu nữa sợ nhiều không dẫn nói.

Lại luận « Khởi-Tín » trong phần nhân-duyên lời Sớ nói : Bạc Thập-Tín sơ-tâm có bốn môn cơ : Dùng sự lễ bái sám-hối để diệt tội giúp cho bạc sơ-cơ (Thiên-nhơn-cơ). Dùng tu-tập pháp chỉ-quán để giúp cho bạc trung-cơ, (Thịnh-Văn cơ và Duyên-Giác cơ). Dùng pháp cầu sanh Tịnh-Độ để giúp cho bạc thương-cơ. (Bồ-Tát cơ). Cơ đầu là những chúng-sanh nhiều nghiệp-chướng. Cơ bạc trung là phạm-phu, nhị thừa. Thế thì biết Pháp-môn Tịnh-Độ là pháp tu của bạc Đại-Thừa Bồ-Tát. Nghĩa lý bao trùm tổng-kết văn trên. Chữ « Tội lỗi » là những người khinh chê kinh này, tức là khinh chê các kinh Đại-Thừa, mắc tội vô-lượng.

SỞ BI GIAI PHẨM (phân ra làm hai phần)

- 1.- *Liệu giản* (So chọn)
- 2.- *Tổng thâu* (Tóm thâu)

1. - LIỆU GIẢN

CHÁNH-VĂN : Đã biết kinh Di-Đà đây vẫn đón, nghĩa đủ, lời gần, ý xa. Nhưng chưa rõ nó sẽ giúp cho căn-khí nào, và có bao nhiêu từng bậc ?

Trước nói về cách (Liệu-Giản) là so chọn đề phân biệt, thì ban đầu (kế sau là giai-cấp) là ba hạng người không phải căn-khí : 1. - Người vô-tín ; 2.- Người vô-nguyện ; 3.- Người vô-hạnh ; trái lại, đều là người có căn-khí (căn-cơ).

CHÚ-GIẢI : Trước nói căn-khí có phải, có quấy. Sau phân riêng giai-cấp, có thắng (hơn), có liệt (thua), cốt yếu là muốn cho chúng-sanh biết, đừng buông quấy, theo phải, bỏ liệt, dùng thẳng.

Tin : là tin rằng chúng-sanh với Phật không hai ; chúng-sanh niệm Phật chắcặng vãng-sanh, rốt-ráo thành Phật. Như trong kinh đã nói : « Các người đều phải tin theo lời ta ». Phải vậy !

Nguyện : là vì tin đây không phải chỉ tin-suông. Mà phải như con nhớ mẹ, nhìn theo triu-mến, quyết muốn vãng-sanh. Như trong kinh đã nói : « Nên phải phát-nguyện, nguyện-sanh về quốc-độ_kia ». Thật thế !

Hạnh : là vì nguyện không phải chỉ nguyện suông, cần phải thường hành tinh-tấn, mỗi niệm nối nhau không gián-đoạn. Như trong kinh đã nói : « Phải chấp-tri danh-hiệu, để niệm cho được nhứt-tâm bất-loạn ». Thật vậy.

Ba việc này, gọi là « ba món tư-lương » ; tư-lương chẳng đủ, không mong gì đi tới trước. Lại nữa ba món này như cái đỉnh có ba chơn. Hoặc đều không, hoặc có một thiếu hai ; hoặc có hai thiếu một, đều không thể đứng vững được.

Lại dùng lời dụ để rõ : Ví như với năm giống lúa, người không tin là không tin ngay nơi hạt giống lúa này, là bây giờ trồng bón giống đây, chắc sau đừng thành lúa.

Người có tin mà không nguyện : Tuy có biết giống tốt, mà không có tâm mong cầu gì đến lúa. Người có nguyện mà không hạnh : Tuy có mong cho được lúa, mà không cần-mần cây cấy. Với ba món này : Hoặc toàn không, hay lẫn thiếu một hoặc hai, xét theo văn nói trên, nên biết (là không được).

Ba hạng người này, đều tỷ-du như món đồ hư bề, không đưng được pháp-vị cam-lồ, nên gọi là Phi-khí.

Lại nữa, người đời tuy làm các việc từ-thiện, nhưng đối với cõi Phật kia, họ không có Tin, Hạnh, Nguyện, cũng gọi là hạng người Phi-khí, mặc dầu người có tội-lỗi, nhưng đối với cõi Phật kia có đủ Tin, Hạnh, Nguyện, cũng gọi là người phải căn-khí.

Với câu « Trái lại đều là căn-khí », như văn sau sẽ nói rõ.

CHÁNH-VĂN : Trong những món đồ phải căn-khí lại còn tùy mỗi căn-cơ mà có ra từ « Bối » từ « Phạm » thành ba, thành chín ; chín lại hơn chín ; ba lại hơn ba, phân-tích nhiều lần từ ngành ra nữa, thì phải nhiều đến vô-lượng. Như trong « Hai bộ » nói rõ.

CHÚ-GIẢI : Tiếp theo nói về giai-cấp « Bối », là trong kinh Đại-Bồn nói ba bối. Phạm là trong Quán kinh nói chín phạm. Cho nên nói là ba, là chín.

Trong ba « bối », mỗi « bối » có ba, thì thành ra chín « bối ».

Trong chín phạm, lại mỗi phạm có chín, thì thành tám mươi mốt (81) phạm. Bối đã không cùng. Phạm cũng không tốt, thì thành ra trăm nghìn vạn ức « Bối » và « Phạm », cho nên nói : Cũng đến vô-lượng.

Đối với cái lẽ : Đều gọi tu niệm Phật, đồng được vãng-sanh. Sở dĩ có phân ra nhiều Bối, Phạm như vậy là do giữa giới tu niệm có sự có lý, công hành-tri hoặc trễ hoặc siêng, thành thử tùy theo nhưnào, thì kết-quả nấy, nên với ngôi bực nó phải sai khác. Cho nên kinh Niết-Bàn nói : Cũng một pháp « Thập nhị nhưn-duyên » từng không hai pháp : Nhưng mà người bậc hạ-trí quán-tu, thì được đạo quả Thinh-Văn.

Người bậc trung-trí quán-tu, thì được đạo quả Duyên-Giác ; người bậc thượng-trí quán-tu, thì được đạo-quả Bồ-Tát. Người bậc thượng thượng trí quán-tu thì được đạo quả Phật.

Cũng như câu : Đồng một thức ăn trong một bát, chur thiên thọ-dụng có ngon dở khác nhau ; cùng nột dòng sông, 3 thú lội qua có sáu cạn không đồng (117) đâu có đối được.

Vả lại ta tự-phụ là người lợi-căn (sáng-auốt), nghe nói pháp niệm Phật, hoặc đem lòng khinh dể, đâu biết Bối và Phạm có cao có thấp, là cốt ở nơi người mà thôi. Nếu quyết không niệm Phật thì phần ngu dốt để lại cho người vậy. Còn kẻ hiệu kỳ ý giỏi, xin bình-tâm suy nghĩ lại !!

2.- TÔNG-THÂU

CHÁNH-VĂN : Tông-thâu là cứ niệm danh-hiệu Phật ắt được vãng-sanh về nước kia : Thì ra hoặc cao, thấp, hoặc Thánh, phàm ; cho đến hoặc tin, nghi, khen, chê. Miễn biết có đức Phật kia, là thành được thiện-căn rồi, dù lâu đến nhiều kiếp, nhiều đời, đều nhờ đó sẽ được giải-thoát.

CHÚ-GIẢI : Hoặc cao, hoặc thấp là, do sanh phàm-thượng liền được quả Phật, còn sanh ở phàm-hạ, phước cũng hơn cung trời (118).

Thế thì phàm-vị tuy khác nhưng cũng đều được bậc Bất-thối cả.

Hoặc Thánh, hoặc phàm là : dù hạng phàm-phụ đủ điều ràng-buộc (119) nhưng miễn được vãng-sanh thời đồng ngời với các vị Bồ-tát, cu hội một nơi rồi, thế nào cũng sẽ thành quả Thánh. Đây là nói theo lối thuận.

Dưới đây nói tin, nghi, khen, chê gồm cả thuận và nghịch không một hạng nào mà chẳng được lợi ích.

Hỏi : Người tin, người khen được như thế là phải, còn người nghi, người chê vì sao cũng nói có căn lành ?

Đáp : Ông THƯỜNG-BẮT-KHINH BỒ-tát thọ ký cho mỗi người được làm Phật. Người nghi không tin đến nỗi đánh mắng Ông, nhưn đó chúng bị đọa vào Địa-ngục. Từ trong Địa-ngục ra rồi, rồi cuộc cũng được thành-đạo. Đây đâu chẳng phải đánh, mắng là từ nghi sanh ra ? Nghi từ biết sanh ra ? Biết từ nghe sanh ra ? Vì nghe biết có Phật rồi mới sanh nghi. Nếu không nghe biết thì nghi từ đâu mà có ? Nhưn vì nghe biết thì một chữ Phật, đã chứa trong tạng-thức, như gieo giống xuống đất bỗng gặp mưa, sương thấm-nhuần sẽ có ngày nứt mầm, mọc mống. Người chê Phật cũng nghĩa như thế. Nên nói hễ biết có Phật đều thành thiện-căn, rồi rồi cuộc cũng được giải-thoát ; nếu không nghe, không biết thì không thành hạt giống lành.

NĂNG-THUYỀN THỀ-TÁNH (phân ra làm bốn phần).

1. *Tùy-tướng* : Theo tướng văn tự...
2. *Duy-thức* : Chỉ có thức biến...
3. *Qui-tánh* : Đều về tự tánh...
4. *Vô-ngại* : Sự lý vô ngại...

1.- TÙY-TƯỚNG

CHÁNH-VĂN : Đã biết kinh Di-Đà này trùm khắp các cơ, nhưng chưa rõ lý năng-thuyên lấy gì làm thề-tánh ? Y theo xưa lần lượt chia ra làm mười môn. Xét tận gốc, tóm lại thành bốn môn. Trước nói Tùy-tướng, trong ấy lại chia ra làm hai :

- 1.- **Thịnh, Danh, Cú, Văn.**
- 2 - **Nghĩa sở-thiên.**

Do vì văn với nghĩa đều thuộc về tướng văn-tự.

CHÚ-GIẢI : Lần lượt chia ra mười môn (121) rõ thấy trong lời Huyền-Đàm của kinh Hoa-Nghiêm. Ngài KHUÊ-PHONG đối trong ấy tóm gộp lại làm thành bốn môn :

1.- *Thịnh, Danh, Cú, Văn*, là cứ theo kinh giáo Đại-thừa, Tiểu-thừa, hoặc có kinh dùng « Thịnh » làm giáo-thề ; hoặc có kinh dùng Danh, Cú và Văn-thân để làm giáo-thề. Nay theo Ngài Thanh-Lương đại-sư dùng hết bốn môn. Lấy Thịnh làm

giáo-thê ; Danh là thứ lớp, hàng ngũ để giải tự-tánh của pháp ; Cú là thứ lớp sắp-đặt để giải sự sai biệt của pháp ; Văn là thứ liên-hợp, kết làm chỗ nương cho hai món trên. Danh, Cú, Văn, ba món đây tráo-trở cho tiếng nói hình-dung tỏ-rõ ra. Bởi chỉ có một Thỉnh thì không thể giải rõ nghĩa được ; còn riêng : Danh, Cú, Văn thì không có tự-thê : cho nên gồm cả bốn món này, mới đủ làm giáo-thê, do gồm cả giả, thật, thê, dụng, giúp nhau vậy.

2. - *Nghĩa sở-thuyên* là : Thỉnh, Danh, Cú, Văn bốn món này nếu không có nghĩa gì để làm chỗ sở-thuyên (bị nói) thì đồng như thiên vận (122) suông, chớ không có ý vị chi cả. Còn nếu chỉ có nghĩa suông mà không có văn-tự, thời lý-mẫu do đâu để được hiển bày. Bởi thế cho nên văn-tự tùy theo nghĩa, nghĩa tùy theo văn-tự. Văn nghĩa lẫn giúp mới thành giáo-thê.

Vì vậy cho nên kinh này từ câu « Như thị ngã văn » đến câu « Tác lễ nhi thôi ». Đó là cái thê của Thỉnh, Danh, Cú, Văn mà trong đây nói những y báo, chánh báo, tín, nguyện, vãng-sanh v.v... là những nghĩa sở-thuyên vậy. Dùng cả hai món này (Văn nghĩa) nương lẫn nhau để làm giáo-thê.

CHÁNH-VĂN : Lại nếu cứ mỗi pháp để hiển nghĩa, thì không một pháp nào không phải là Phật-sự, như cơm thom, hào-quang, v.v... Nên biết mỗi pháp đều làm giáo-thê được cả.

CHÚ-GIẢI : Pháp hay hiển nghĩa, thì mỗi pháp tự bày, chẳng đợi văn-tự. Như kinh Hoa-Nghiêm nói : Đai mây, lưới báu, mao khổng (lỗ chơn lông) hào-quang đều có thể thuyết-pháp cả. Kinh Tịnh-Danh nói : có thể-giới Phật dùng cơm thom làm Phật-sự (123). Có thể-giới Phật dùng hào-quang làm Phật-sự, cho đến một sắc, một cử, một động, không có một pháp nào mà không phải Phật-sự, v.v... Nay kinh Di-Đà này thì nước, chim, cây, rừng, đều diễn tiếng pháp (pháp âm) vi-diệu. Thế thì tùy lấy một pháp mà dùng cũng đều thành giáo-thê cả.

2. - DUY THỨC

CHÁNH-VĂN : Duy thức là văn đây, nghĩa đây đều do thức biến-hiện, mà có bốn ảnh cả bốn câu.

CHÚ-GIẢI : Bốn câu là : 1) Duy có bốn-chất, không có ảnh-tượng (124) tức là Tiều-thừa giáo. Vì hàng Tiều-thừa không biết giáo-pháp đều do thức biến-hiện, nên nhận rằng đức Như-Lai có thuyết-pháp.

2) Cũng bốn-chất, cũng ảnh-tượng, tức là Thi-giáo. Vì do đức Phật tự diễn-giảng nào văn, nào nghĩa đều từ nơi Diệu-quán-sát-trí (125) của tịnh thức thứ sáu hiện ra gọi là : « Bốn chất-giáo (126). Người nghe thì từ trên thức biến ra nghĩa, gọi là « Ảnh-tượng-giáo » (127). Vì chư Phật và chúng-sanh lẫn nhau làm Tăng-thượng-duyên (128).

3) Chỉ có ảnh-tượng, không có bốn-chất, tức là Chung-giáo. Vì lìa tâm chúng-sanh, thì không có Phật, duy dùng lòng đại-bi, đại-trí làm tăng-thượng-duyên, khiến trong tâm chúng-sanh căn-cơ đã thuần-thục kia, hiện ra Phật thuyết-pháp. Thế nên Phật-giáo toàn là ảnh tượng trong tâm chúng-sanh.

4) Không phải bốn-chất, không phải ảnh-tượng, tức là Đốn-giáo. Chẳng những ngoài tâm không Phật, mà ảnh-tượng trong tâm chúng-sanh cũng không ; do vì chơn tánh vốn dứt hẳn văn-tự, ngôn-thuyết, tức là giáo mà không có giáo. Như câu : Tôn-giả (Tu-Bồ-Đề), không thuyết-pháp ; tôi (Đế-Thích) cũng không nghe (129) kể thuyết và người nghe đều không, chỉ có duy-thức mà thôi. Nên lấy thức làm giáo-thề vậy.

Nay kinh này căn-cứ theo hai giáo : Chung và Đốn, thì trong tâm chúng-sanh ra xuất ly cõi khổ, tự trong tâm thấy có Phật giảng-thuyết nào y-báo, chánh-báo, tín, nguyện, vãng-sanh, Cực-lạc ; mà kỳ thật không thuyết, không nghe, nên dùng thức làm giáo-thề.

3. - QUI-TÁNH

CHÁNH-VĂN : Qui-Tánh là : Trước lấy môn cảnh nơi sở biến, đề qui về tám thức nơi năng-biến. Nay đem tám thức sở biến qui về nhưt-tâm năng biến. Thế là lấy tánh làm giáo-thề.

CHÚ-GIẢI : Nhứt tâm là gì ? Tức là tự thể chơn-như. Vậy từ chơn-như đây lưu-xuất ra các giáo-pháp, nên hội các tướng về một tánh (chơn-như). Thời chỗ gọi rằng : Phần Trùng-Tung vẫn chơn-như, phần Thọ-Ký cũng chơn-như, luôn 12 phần giáo tất cả đều chơn-như. Sắp về trên lần-lựa xét tâm-giáo-lý chơn-thật, rớt-ráo tốt đến nơi đây. Ví như cảnh vật không lìa chiêm bao, chiêm bao không lìa người ngủ.

Lời sơ trong kinh Viên-giác nói : Chúng sanh và giáo-pháp vốn không tất cả duy có thức biến, thức lại như huyền-thuật, như mộng-mị, chỉ là nhứt tâm. Thế là dùng tự-tâm làm giáo-thể.

Nay kinh này, Y, Chánh, Nguyên cả các pháp, nào vẫn nào nghĩa rớt ráo đều về lý « Nhứt tâm chơn như ». Cho nên bực Cồ-Đức nói : Các kinh đại-thừa đều dùng một « Thật-tướng » để ấn-chứng làm giáo-thể của kinh. Kinh này dùng « nhứt tâm bất-loạn » tức là thật-tướng tức là « chơn như ». Thế thì hiệp lại hai môn (Tùy-tướng, Duy-thức) trước lại hội qui về Nhứt-tâm để làm giáo-thể.

4. - VÔ NGẠI

CHÁNH-VẤN : Vô-ngại là Tâm, Cảnh, Sự, Lý, vốn tự thông suốt lẫn nhau. Cảnh và Sự gọi là Tùy-tướng. Tâm là Duy-thức. Lý là qui tánh, đөн giao-triệt với nhau.

CHÚ-GIẢI : Giao-triệt là, do một tâm vẫn có ; hai môn là sanh-diệt và chơn-như, vì chơn-như tức là sanh-diệt, cho nên Lý nó không ngại gì với Sự, cảnh và tâm Sanh-diệt tức là Chơn-như, cho nên Sự Tâm và Cảnh cũng không ngại gì với Lý.

Nay kinh này nói : Tâm tức là Độ, thời vẫn một niệm vô-vi mà không ngại gì với Ao, Lầu, Chim, Cây khắp bảy, bủa giăng, hễ chúng-sanh tin ưa, tùy nguyện vãng-sanh. Độ tức là Tâm, thì đủ cả thất bảo trang-nghiêm mà cũng không ngại với toàn-thể không tịch (vãng-lặng), chẳng dính mắc một mảy trần, thật không có chúng-sanh, sanh về nước kia. Thế là dùng cả tâm, cảnh, sự, lý dung-nhiếp lẫn nhau làm giáo-thể.

TÔN-THỨ CHỈ QUI (phân ra làm ba phần) :

1. - *Tông-trần.* (Chung bày tông-thứ)
2. - *Di-giải.* (Giải riêng tông-thứ)
3. - *Chánh-ý.* (Chính tông-thứ kính này)

1. - TÔNG-TRẦN

CHÁNH-VẤN : Đã biết kinh đây về cái thế Năng-thuyên của nó bao trùm như thế ; Nhưng chưa biết chỗ tôn-thứ của kinh như thế nào ? Luận rằng : Chỗ trọng của lời nói gọi là tôn, chỗ qui về nơi tôn gọi là thứ, nhưng có Thông (chung) và Biệt (riêng) : Luận về Thông thời Phật-giáo lấy chữ nhơn-duyên làm Tôn. Biệt, thời y theo xưa chia ra mười môn (130) : I. - Từ môn « Ngã-pháp cụ hữu » đến môn thứ mười là « Viên-dung cụ đức ». Sau lại sau ; trước ; thứ lớp có cao và thấp, cho nên kinh nào cũng đều có Tôn và Thứ.

CHÚ-GIẢI : Trọng là chuộng. Vì Thánh nhơn lập giáo lời lẽ trong một bộ kinh, chuộng-trọng về chỗ nào ; thì chỗ chuộng-trọng ấy là Tôn. Qui là đến, đến chỗ lập ra Tôn (lập-trường) đây đề cầu việc gì ? Xét chỗ về đến của Tôn gọi là Thứ.

Nhơn-duyên là lựa khác với không-nhơn và tà-nhơn. Giáo-pháp của đức Phật nói ra trong 49 năm, không ngoài hai chữ nhơn-duyên. Như nói : Vì nhơn-duyên nên sanh-diệt ; vì nhơn-duyên nên tức không, vì nhơn-duyên nên tức giả, vì nhơn-duyên nên tức trung. Vậy biết với tôn-chỉ của Phật-giáo duy có hai chữ nhơn-duyên đã bao gồm hết cả, nên gọi là Thông (phần chung).

Mười môn là : 1. - Tôn « Ngã pháp cụ hữu ». Trong chấp có ngã ngoài chấp có pháp (131) gọi là tôn của ngoại-đạo nương theo Phật-Pháp (132). 2. - Tôn « Pháp có, ngã không » thời khác với ngoại đạo, tức là tôn của Tiểu-thừa. Do đây từ trước đến sau ; từ thấp đến cao, hẳn đến tôn thứ mười là : « Viên-dung cụ đức ». Mười môn phân-biệt rõ đủ trong lời Huyền-Đàm kinh Hoa-Nghiêm. Nếu tóm lại thời thành năm môn. Song không ngoài những Tôn : Hữu, Vô, Pháp-tướng, Pháp-tánh, và Viên-dung.

Nay kinh này tôn-trọng về pháp. Do y-báo, chánh-báo, tín, nguyện, vãng-sanh về Tịnh-độ v.v..., đều qui về lý nhưt-tâm. Vì nhưt-tâm bất-loạn tức là pháp-tánh.

2.- DỊ GIẢI

CHÁNH-VĂN : Kinh Di-Đà đây xưa có nhiều nhà giải ; có nhà nói dùng Tín, Nguyện làm Tôn ; có nhà nói vượt khỏi ba cõi, hai món đều thanh-tịnh làm Tôn. Khiến cho chúng sanh đặng quả vị « Bất-thối-chuyển » là Thứ.

CHÚ-GIẢI : Tín, Nguyện làm Tôn, là, các nhà giải phần nhiều đồng-ý với nghĩa đây. Do vì trong kinh thường nói : « Nếu có người tin. Nên phải phát-nguyện, nguyện sanh về cõi nước kia ».

Hai món thanh-tịnh là gì ? Như trong luận nói : Cực-Lạc, Thế-Giới, y, chánh hai báo (133) thanh-tịnh trang-nghiêm, chẳng phải y, chánh hai báo trong ba cõi này bị kip. Nên lấy hai món thanh-tịnh đây làm Tôn, mà cốt-yếu chỗ về của nó là vì khiến cho chúng-sanh, sanh về cõi nước Cực-Lạc thanh-tịnh kia. Sanh về nước kia rồi, liền đặng quả-vị Bất-thối-chuyển, lấy đây làm thứ.

CHÁNH Ý (phân ra làm hai phần) :

1.- *Tổng-cử* : Tổng thú chung của kinh này.

2.- *Biệt-minh* : Tổng thú riêng của kinh này.

TỔNG CỬ

CHÁNH-VĂN : Kinh đây trọng về pháp-tánh, với trong Pháp-tánh lại chia có Tổng và Biệt, gồm hiệp chung lại thì là « Y chánh thanh-tịnh, và, Tín ; Nguyện vãng-sanh » lấy đó làm Tôn-Thứ.

CHÚ-GIẢI : Dùng cả hai thuyết trước, hiệp lại thuyết sau để nói đó, chung làm « Tôn-Thứ ». Vì thuyết trước không gồm y-báo, chánh-báo ; thuyết sau chưa rõ Tín, Nguyện, nên phải hiệp chung lại mới khỏi thiếu sót. Bởi vì do cả y, chánh, tín, nguyện, gồm giúp lẫn nhau mới được vãng-sanh, mà cũng không ngoài một cái tự-tâm.

Chung làm « Tôn-Thú » là gì ?

So theo như kinh Hoa-Nghiêm : Vì kinh kia cũng gồm chung cả các thuyết « Nhơn-quá, duyên-khởi », và, « Thật-lý pháp-giới » lấy đó làm Tôn và Thú. Nếu muốn phân ra, thì câu trên làm Tôn, câu dưới làm Thú ; nghĩa cũng tự rõ. Bằng muốn thêm, thì kinh Hoa-Nghiêm kia thêm câu « Bất-tư-nghi », kinh Di-Đà đây cũng thế.

BIỆT MINH

CHÁNH-VẤN : Lại phân biệt mà nói, thì thành năm pháp đối :

- 1.- Giáo-nghĩa ;
- 2.- Sự-lý ;
- 3.- Cảnh-hạnh ;
- 4.- Hạnh-tịch ;
- 5.- Tịch-dụng.

Dùng làm Tôn và Thú, (mỗi một đối là một tôn-thú, cả 5 đối là 5 tôn-thú).

CHÚ-GIẢI : Một : « Giáo-nghĩa một pháp-đối » là sao ? Là dùng Giáo làm Tôn, để cho rõ nghĩa làm Thú. Nói cái giáo tôn trọng pháp niệm Phật vãng-sanh đây, ý đó ra sao ? Chính là vì muốn cho chúng-sanh hiểu rõ lời nói trong kinh đây là, y-báo, chánh-báo của Phật A-Di-Đà rất thanh-tịnh trang-nghiêm, đặng sanh lòng tin niệm Phật và pháp nguyện sẽ được sanh về nước kia. Trong kinh giáo có nghĩa như thế, đó là Thú ; chớ không phải chỉ là ngôn-ngữ văn-tự suông mà thôi.

Hai : « Sự-lý một pháp-đối » là gì ? Là dùng sự làm Tôn, khiến người ngộ Lý làm Thú. Nương nơi văn trên lời nói dạy trong một bộ kinh đều ước về nghĩa sở-thuyên, mà trong nghĩa ấy lại có sự và lý. Rằng tôn trọng những sự y-báo, chánh-báo, tín, nguyện v.v... ý đó ra sao ? Chính là muốn rõ bày trong sự có đủ lời chỉ-lý, đó là Thú ; chớ không phải chỉ nói những tích-sự duyên suông mà thôi.

Ba : « Cảnh và Hạnh một pháp-đối » là gì ? Dùng Cảnh làm Tôn, khiến ra Hạnh làm Thú. Cảnh tức là Lý-sở-quán, đối với trí năng-quán, nên gọi là cảnh. Nói « tôn trọng lý đây », ý đó ra sao ? Đã biết tự-tánh sẵn có Phật Di-Đà, nơi tâm vốn có cõi Tịnh-độ, chính muốn tức nơi đó dùng làm chơn cảnh,

mà khởi ra quán-hạnh, chấp-tri danh-hiệu đề-niệm đến như-tâm bất-loạn, đó là Thù ; chứ không phải chỉ thông hiểu suông lý đấy mà thôi.

Bốn : « Hạnh-Tịch một pháp-đối » là gì ? Dùng hạnh làm Tôn, khiến đến chỗ không-tịch làm Thù. Nay tôn trọng pháp-niệm Phật và quán-hạnh đây ý nó ra sao ? Bởi do tâm thể ta tuy vắng lặng, nhưng huân-tập thói-nhiễm-ô-nhiều đời, nên nay hễ chạm cảnh thì sanh tình, nếu không tu quán-hạnh thì, dầu miễn-cưỡng, dẫn-ép vọng-tâm, rốt cuộc không phải là đặc-pháp Định-huệ bình-đẳng (134). Nay y pháp chánh-quán và chấp-tri danh-hiệu, đến chỗ như-tâm, thời trở lại cái bản-thể Không-Tịch ; đó là Thù ; chứ chẳng những làm cái vọng-kế có tạo-tác mà thôi.

Năm : « Tịch-Dùng một pháp-đối » là gì ? Dùng bản thể Không-Tịch làm Tôn, khiến sanh trí-diệu-dùng làm Thù. Nói tôn-trọng cái thể vắng-lặng đây, ý nó ra sao ? Bởi vì vọng-tưởng chấp-trước không do đâu được giải-thoát, nay chuộng cái vắng thì, vọng hết, tâm qui-nhứt, tịch-tịnh đến cùng-tột, tâm-thể sáng suốt. Dụ như bụi hết, gương sáng, hình-ảnh nào mà không chiếu hiện ? Chỗ gọi rằng : Đã sanh về nước kia, chứng đặng vô-sanh-nhãn, rồi trở vào đường sanh-tử, dùng vô số phương-tiện, làm Phật-sự lớn-lao diệu-dùng độ-thoát chúng-sanh rất nhiều đó là Thù, chứ không phải chỉ đắm-chấp nơi chỗ vắng-lặng suông mà thôi.

Như vậy mười môn lần lựa sanh-khởi làm Tôn và Thù.

BỘ-LOẠI SAI-BIỆT (phân ra làm ba phần)

- 1.- Minh-bộ (Đồng-bộ với kinh này)
- 2.- Minh-loại (Đồng-loại với kinh này)
- 3.- Phi-bộ phi-loại (Chẳng phải bộ loại nhưng cũng niệm Phật).

1.- MINH-BỘ

CHÁNH-VẤN : Đã biết kinh Di-Đà đây, Tôn-Thú rộng sâu, nhưng chưa biết đồng với bộ nào, loại nào và có mấy thứ ? Trước nói rõ về bộ. Bộ có hai thứ :

- 1.- Đại bản ;
- 2.- Kinh Di-Đà này.

CHÚ-GIẢI : Bộ là các bản đồng-qui về một bộ, mà văn-nghĩa có rộng và hẹp. Rộng là kinh Đại-Bổn, hẹp là kinh đây (Di-Đà).

Đại-Bổn có sáu tên :

- 1.- Vô-lượng bình-đẳng thanh-tịnh Giác kinh ; Đời Hậu Hôn, Ngài Chi-Lâu-Ca sám dịch (135).
- 2.- Vô-Lượng-Thọ kinh ; Đời Tào-Nguy, Ngài Khương-Tăng-Khải dịch.
- 3.- A-Di-Đà kinh đồng một tên với kinh đây ; Đời Ngô, Ngài Chi-Khiêm dịch.
- 4.- Vô-Lượng-Thọ Trang-nghiêm kinh ; Đời Tống, Ngài Pháp-Hiền dịch.
- 5.- Rút trong kinh Bảo-Tịch, quyển thứ 18, tên là Vô-Lượng-Thọ Như-Lai Hội ; Đời Đường, Ngài Bồ-đề Lư-Chi dịch.
- 6.- Tên Phật-thuyết Đại A-Di-Đà kinh ; Đời Tống, huyện Long-Thơ, Cư-sĩ Vương-Nhật-Huru, tóm rút của bốn nhà dịch trước, so-sánh làm một bộ, duy trừ bộ Bảo-Tịch, ông chưa kịp xem.

Song năm nhà dịch trên, lẫn nhau có khác và đồng, như : Đời Hán, đời Ngô hai nhà dịch ấy, với 48 lời nguyện, chỉ còn phân nửa là 24 thôi, còn bao nhiêu lời văn đại-đồng, tiêu-dị, (phần lớn đồng nhau, chỉ khác là phần nhỏ).

Ông Vương-Nhật-Huru chung lấy văn của năm nhà dịch, so-sánh lấy chỗ giản-dị và rõ ràng, lưu-thông đời nay, lợi-ích rất lớn. Nhưng Ông không theo bản chữ Phạm, chỉ chăm-chước theo văn Tàu, nên chưa đúng phép dịch. Phải chi Ông dùng bản chữ Phạm để dịch lại, thì thành sáu nhà dịch, không ai phê-bình được. Vì thế, nên Ông không nói dịch, mà chỉ nói giáo-chánh thôi. Lại trong đó có chỗ bỏ chỗ dùng, ông theo văn xưa, nhưng cũng có chỗ lấy chưa hết.

Như ba bực vãng-sanh, theo bản dịch đời nhà Ngụy, đều nói « Phát Bồ-đề tâm », mà Ông Vương-Nhật-Huru chỉ nói bậc trung mới phát Bồ-đề tâm, bậc hạ không phát, bậc thượng hoàn toàn không nói đến. Thế thì trên dưới mất thứ

lớp. Và lại trong văn, nói : Người có nhiều thiện-căn, là hoàn-toàn chỉ cho người phát tâm Bồ-đề. Ba bực tuy không đồng, nhưng vẫn đồng một điều là có phát-tâm ấy, làm điểm chính của sự vãng-sanh, thế mà ông lại bỏ đi, nên nói ông lấy có chỗ chưa hết.

Song nay giải lời Sớ-Sao kinh này, với chỗ viện-dẫn, về nghĩa thì gồm thấu cả năm nhà dịch, về lời lẽ thời phần nhiều theo văn của ông Vương-Nhật-Hưu, bởi vì bản dịch của ông ấy hành được lưu thông, người đời thường dùng, ai ai cũng quen thấy. Còn năm bản kia chỉ rút chút ít, phần đại khái thì lấy kinh Đại-Bổn làm mục-tiêu. Nên với cả sáu môn trên, đều gọi là Đại-bổn. Kinh Di-Dà đây kêu là Tiểu-Bổn ; Dù văn có nhiều và ít, chứ nghĩa không hơn không kém, nên cho thuộc về đồng-bộ.

2.- MINH-LOẠI

CHÁNH-VĂN : Minh-loại là gì ? Nó có ba thứ :
1.- Quán-kinh ; 2.- Cồ-Âm-Vương kinh ; 3.- Hậu xuất A-Di-Đà kệ kinh.

CHÚ-GIẢI : Loại là gì ? Loại, nghĩa là không đồng bộ, nhưng đồng một loại. Thí-dụ như anh em chú bác, tuy không đồng một cha mẹ, mà đồng một ông nội, bà nội, cũng gọi là anh em ngang vai, anh em ngang hàng, nên nói là đồng-loại.

Quán-Kinh là gì ? Kinh « Quán Vô-Lượng-Thọ Phật » nói đủ 16 pháp diệu-quán và nhất-tâm tam-quán, rõ như lời Sớ-Sao của bổn kinh ấy nói.

Khi Phật ở tại Chiêm-Ba-Đại-Thánh, nơi ao Đà-Dà-Linh, cùng với 100 thầy Bý-Sô nói kinh Cồ-Âm-Vương. Trong kinh ấy nói : Nếu có bốn chúng thọ trì danh-hiệu của Phật A-Di-Đà, đến khi mạng chung, sẽ được Phật và Thánh-chúng tiếp-dẫn vãng-sanh v.v....

Kinh Hậu-xuất-Kệ là kinh gì ? Kinh này từ đầu chí cuối, chỉ toàn là nói bằng kệ (136) nên gọi là bộ Đà-Đà. Trong bộ ấy nói : « Người phát-nguyện dụ như chư Phật » ; mà với 48 lời thệ-nguyện, chỉ còn phân nửa là 24 lời nguyện. Cũng đồng

với hai nhà dịch đời Ngô, đời Hôn. Nhưng 48 lời nguyện từ xưa đến nay tuyên-truyền đã lâu ; 24 lời nguyện ấy hoặc là bản chữ Phạm đứt, thiếu cũng chưa biết chừng ?

Có người hỏi : Kinh Cồ-Âm-Vương cũng nói tri-danh, vì sao không đồng bộ với kinh này ?

Đáp : Do vì lời chú kinh kia tuy cũng có nói pháp tri-danh, nhưng mà trọng về pháp tri-chủ hơn.

3.- PHI-BỘ PHI-LOẠI

CHÁNH-VĂN : Xét, rõ « Phi-bộ phi-loại » là những bản kinh không phải đồng bộ và đồng loại, nhưng cũng nói kèm về pháp môn Tịnh-Độ. Như kinh Hoa-Nghiêm, kinh Pháp-Hoa và Luận-Khởi-Tín v.v... Lại dầu không phải bộ loại, nhưng mà trong ấy cũng nói về pháp chuyên trì danh-hiệu, như kinh Văn-Thù Bát-Nhã.

CHÚ-GIẢI : « Cũng có nói kèm » là gì ? Ngoài những kinh đồng-bộ đồng-loại ra, còn có những kinh tuy không chuyên nói về pháp-môn Tịnh-độ, nhưng trong ấy cũng có nói đến lời khuyến-tán vãng-sanh Tịnh-độ, như kinh Hoa-Nghiêm phẩm Hạnh-Nguyện đã nói : « Mười lời đại nguyện lớn và rồi sau lại nói cũng do mười nguyện chúa ấy, để dẫn-dắt về nước Cực-Lạc » ấy vậy.

Trong kinh Pháp Hoa nói : “Người nào tụng kinh này (Pháp Hoa) khi mạng chung (chết) sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà”. Thật vậy, về Luận Khởi Tín, như trong khoa Giáo-Khởi trước đã nói, hai chữ vân-vàn (v.v...) là : Như kinh Quán Phật tam-muội, kinh Thập-Trụ về đoạn kết và các kinh đều có nói đến Pháp-môn Tịnh-độ trùng trùng không phải một. Như lời Tap-dẫn trong văn sau sẽ rõ. Với kinh Văn-Thù Bát-Nhã, cũng sẽ nói rõ trong văn « Chấp trì danh-hiệu » sau.

DỊCH-THÍCH TỤNG TRÌ (phân ra làm 5 phần)

1. Minh-dịch (nói việc phiên-dịch)
2. Minh-thích (nói việc giải-thích)
3. Minh-tụng (nói việc tụng có ích)
4. Minh-trì (nói trì danh có linh-nghiệm)
5. Kết-khuyến (lời kết đề khuyến)

1. - MINH DỊCH

CHÁNH-VẤN : Đã hiết kinh này, nào bộ, loại, rộng, nào hẹp, đồng, khác với nhau như thế rồi, nhưng chưa biết kinh này dịch về thời-đại nào, có bao nhiêu nhà dịch ? Cho đến người chú-thích mở rộng là ai ? Những người đọc tụng thọ trì có linh nghiệm gì ?

Trước hết nói rõ có hai nhà dịch : 1.- Đời Dao-Tần Ngài Tam-Tạng Pháp-sư « Cưu-Ma-La-Thập », dịch bộ kinh « Phật thuyết A-Di-Đà » tức bộ kinh này.

CHÚ-GIẢI : Chữ Dao-Tần, nghĩa là thuở đời Châu có nhà Dinh-Tần ; Nam Bắc Triều có nhà Phù-Tần và Dao-Tần (137). Nay nói Dao-Tần, là để phân biệt với Phù-Tần và Dinh-Tần kia.

Tam-Tạng, tức là người học thông ba tạng : tạng Kinh, tạng Luật và tạng Luận, thêm giỏi cả tiếng Hoa (Tàu) tiếng Phạm (Brahma) nữa.

Chữ Pháp-sư nghĩa là người nhận-lãnh được Phật-pháp, diễn-giảng dạy bảo, làm mô-phạm trong chúng.

Cưu-Ma-La-Thập, là tiếng Phạm, đọc đủ là : Cưu-ma-la-kỳ-bà-Thập ; năm chữ trên, dịch là « đồng-thọ » (tuổi trẻ đức cao) ; chữ Thập là người thông-thạo các môn văn-tự của phương đây (Tàu) hiệp cả Tàu và Phạm chung kêu là « La-Thập ».

« Dịch » là đời. Nghĩa là đời tiếng Phạm thành tiếng Tàu, theo sách Châu-Lễ nói Chủ quản tiếng nói thuộc về bốn phương, mỗi phương đều có ông Quan thông-thạo liếng phương ấy. Như ông Quan phương Bắc nói là « Dịch ». Dọ kinh này, từ xứ Tây Thiên-Trúc đem sang nước Đông-Độ, mà nói rằng « Dịch », là vì đời nhà Hán ông Quan phía Bắc (nước Tàu) gồm thông cả tiếng Tây Thiên-Trúc nữa, nên khi đức Ma-Đẳng bèn Tây-Trúc mới đến Tàu, ông bèn gọi là « Dịch ». Nay cũng căn-cứ theo đây.

Xét bôn truyện của Ngài Pháp-sư La-Thập, chính là người nước Trung Thiên-Trúc. Cha Ngài tên là Cưu-Ma La-Diệm dòng-dõi làm chức Tướng-quốc (Quan Thừa-tướng) lại

bỏ chức, đi du lịch qua nước Ku-che (Cru-Ty) ; Vua nước ấy (138) đem gả em gái, sanh ra Ngài. Khi Ngài vừa sanh sẵn có tinh-thần sáng suốt ; năm lên bảy tuổi, một hôm theo mẹ vào chùa, thấy cái bát bằng sắt Ngài lấy đội thử lên đầu, thoạt nghĩ : Bát này nặng quá làm sao ta đội nổi. Tức thì bát ấy quá nặng bội phần, Ngài không thể đội được. Ngài liền tỏ ngộ được lý « Vạn-pháp duy-tâm », học rộng nhớ dai, không ai sánh kịp. Bởi còn tuổi trẻ mà đức-hạnh cao cả, nên gọi là « Đồng-Thọ ».

Đã học thông ba tạng, từ phương Đông vua nước Ku-Che (Cru-Ty). Vua này mới lập Pháp tòa Sư-tử bằng vàng mời Ngài ngồi lên thuyết-pháp. Bấy giờ chúa Phù-Kiên chiếm lấy nước Tần, sắp đem binh qua đánh lấy Tây-Vực. Bổng gặp Quan Thái-sử vào tâu : « Bẩm Chúa-Thượng, Tiều-thần xem Thiên-văn thấy hiện một ngôi sao lạ bên Tây-Vực, chắc có bậc Đại-đức trí-nhơn vào giúp Trung-Quốc ». Chúa Phù-Kiên nói : « Trẫm nghe bên nước Ku-Che (Cru-Ty) có Ngài La-Thập, phải chăng là ngôi sao ấy ? » Rồi liền sai tướng-soái Lữ-Quang (139) đi đánh nước Cru-Ty. Khi sắp hành binh chúa Phù-Kiên bảo Lữ-Quang rằng : « Trẫm đây không phải ham muốn đất đai mở rộng biên-cương mà dùng binh đâu. Chỉ vì Trẫm nghe ngài La-Thập là người hiểu sâu pháp-tướng của Phật, có thể làm giảng mới cho kẻ hậu-học. Nếu khanh đánh thắng được nước Cru-Ty rồi phải lập tức chạy trạm về hộ tống đưa Ngài La-Thập về đây cho Trẫm gặp ».

Bấy giờ, Lữ-Quang chiến-thắng nước Cru-Ty, bèn chở Ngài La-Thập về. Nhưng đi mới nửa đường nghe tin chúa Phù-Kiên bị Dao-Trần làm hại, nên Lữ-Quang không về nước mà ở lại Lương-Châu. Ngài La-Thập vì thế nên không được đến nước Tần.

Sau Dao-Trần cũng nghe danh tiếng Ngài, qua thỉnh nhưng Lữ-Quang không cho. Dao-Trần chết, con Dao-Trần là Dao-Hưng cố thỉnh, song Lữ-Quang cũng không cho. Như đó Dao-Hưng cử binh đi đánh, cháu Lữ-Quang thua, đầu hàng nước Tần. Bấy giờ mới rước được Ngài La-Thập vào ải, tôn kính Ngài lên làm chức Quốc-sư.

Ngài xem kinh cũ, nghĩa phần nhiều sai lạc, không hiệp với bốn chữ Phạm. Ngài bèn triệu-tập các thầy sa-môn như ông : Tăng-Triệu, Tăng-Duyệt, tất cả hơn 800 người, mới dịch ra kinh, luận trên 390 quyển đều thấu suốt nguồn-tâm, mở bày lý-nhiệm.

Trước khi sắp tịch, Ngài nhóm chúng lại nói : Tôi nguyện những kinh của tôi dịch, lưu-truyền đời sau được thông-dụng khắp cả, nay đối trước chúng, tôi phát lời thệ thành thật : « Nếu kinh sách của tôi dịch không sai lầm, thì sau khi đốt thân, cuống lưỡi tôi không cháy nát ».

Ngài tịch ở đất Trường-an, nhằm niên-hiệu Hoảng-Thỉ, năm thứ 11 (140) tháng 8, ngày 20. Sau khi làm lễ trà-tỳ, củi cháy hết, xác ngài tiêu, mà cuống lưỡi vẫn còn nguyên vẹn như lúc sống.

Nay kinh này, ngài La-Thập dịch, cuống lưỡi không hư, cùng với chư Phật tướng lưỡi rộng dài_để khen ngợi kinh đây, hiệp lại mà quán xét thì, lời Phật nói thật không sai ; do nơi đây lại càng thêm tin.

CHÁNH-VĂN : Hai : Kinh « Xưng Tán Tịnh-Độ Phật Nhiếp-Thọ », đời Đường, ngài Tam-tạng Pháp-sư Huyền-Trang dịch.

Hai kinh hiệp lại so-sánh, phần lớn đồng nhau, chỉ khác chút ít, người đời yêu chuộng, phần nhiều đều theo bản nhà Tần.

CHÚ-GIẢI : Ngài Huyền-Trang pháp, sư : Nguyên là con nhà họ Trần, người ở huyện Hầu-Thị, xuất thân tại Châu Lạc-Dương ; đời nhà Đường (141). Thuở nhỏ gặp nhiều hoạn-nạn theo anh trưởng là ông Kiến pháp-sư, xuất-gia ở chùa Tịnh-Trụ, năm lên 11 tuổi tụng kinh Duy-Ma và Pháp-Hoa bỗng nhiên giác-ngộ (phát huệ) người đời không ai sánh kịp, 21 tuổi giảng bộ Tâm-Luận, không cần xem văn-tự, mà nói thông như nước chảy. Người đời tặng Ngài là Thần-Nhơn (người hay như).

Hoàng-Hiệu Trinh-Quán năm thứ ba (142) ngài qua Tây-Vực (Ấn-Độ) thỉnh kinh, gặp đủ mọi sự nguy-hiểm, đường gian-nan, trải qua một trăm năm mươi nước mới đến nước Xá-Vệ (143) thỉnh hơn 600 bộ kinh.

Đến năm Hoàng-Hiệu Trinh-Quán thứ 19, (144) trở về kinh-đô nước Tàu, ở tại đền Ngọc-Hoa, phiên-dịch Kinh, Luận, tổng cộng 1.330 quyển.

Khi ngài đã già bệnh, nằm thấy có bông sen trắng lớn và tương-hảo của Phật. Ngài nằm nghiêng bên hữu chõng chơn lại mà tịch ; xác để hai tháng mà diện mạo như lúc còn sống (145).

Nhắc lại ngày trước, khi Ngài qua Tây-Vức thỉnh kinh, Ngài vỗ cây Tùng ở chùa Linh-Nham Ngài thệ, và dặn rằng : Ta đi qua phương Tây, người phải ngả về phương Tây, lúc ta trở về phương Đông, người cũng ngả về phương Đông nhé. Dặn thế rồi Ngài đi, thì cây Tùng y lời dặn của ngài, ngả về phương Tây dài đến hai trượng. Một hôm bỗng nhiên nó ngả trở lại phương Đông (146) đệ-tử mừng nói rằng : Thầy sắp về ! Quả nhiên ngài về thật. Người đời gọi cây Tùng ấy là : Ma-đánh-Tùng (147).

Xét lời thệ nguyện của Ngài chơn thật, nên muốn chi được nấy, không sai. Như vậy cuống lưỡi của ngài La-Thập không hư, cùng với tương lưỡi rộng dài của chư Phật, vẫn đồng một ý. Nên với kinh Ngài dịch đây, đâu chẳng tin ư ?

Hiệp lại so sánh : Là nghĩa hiệp trước sánh sau mà dịch trùng lại vậy. Đại-đồng, Tiều-dị : là tiếng Phạn có hơi khác, và lời nói có nhiều ít, như chữ Hằng-Hà, có bản dịch là Căng-Già (148) và sáu phương, hoặc nói là mười phương chẳng đồng nhau. Nhưng đại-ý vẫn một (không trái nhau).

Phần nhiều theo bản nhà Tần, là kinh Pháp-Hoa có ba nhà dịch, mà bản dịch của nhà Tần thanh-hành hơn. Kinh này hai nhà dịch cũng lại như thế.

2. - MINH-THÍCH

CHÁNH-VĂN : Kế đây nói người giải-thích kinh này. Về Luận thì có ngài Thiên-Thân Bồ-Tát làm ra bộ < Vô-Lượng-Thọ Kinh Luận >. Giải thì có ngài Từ-Ân làm lời Thông-Tán, Ngài Hải-Đông làm lời sớ, Ngài Cô-Sơn làm lời sớ, cho đến Ngài Đại-Hựu làm bộ Lực-Giải v.v....

CHÚ-GIẢI : Ngài Thiên-Thần Bồ-Tát thường nhập pháp định « Nhứt-Quang » (149) lên nội-viện cung trời Đâu-suất tham học với đức Từ-Thị (Di-Lạc), rồi viết ra bộ « Vô-Lượng-Thọ kinh Ưu-Bà-Đề-Xá ». Ưu-Bà-Đề-Xá Tàu dịch : Phân-Biệt-Nghĩa. Ngài Từ-Ân pháp-sư tên là Khuy-Cơ, cháu ông Huất-Trì Kinh-Đức Ngài Huyền-Tráng độ cho đi xuất-gia, học thông kinh Đại-thừa, Tiểu-thừa làm lời Sớ giải các kinh, tính hơn 100 quyển. Giải bộ kinh « Di-Lạc-Hạ-Sanh », trong ngài bút dặng 27 hột ngọc Xá-Lợi. Ngài có viết một quyển kinh « Di-Đà Thông-Tán », để chỉ bày nghĩa cốt-yếu Tây-phương Tịnh-độ.

Ngài Hải-Đông pháp-sư tên Nguyễn-Hiếu, Sớ giải kinh này, đại khái căn-cứ theo Luận làm chủ. Ngài Cồ-Sơn-Viên pháp-sư, làm lời Sớ cả mười bộ kinh đề lưu-thông (15), mà lời sớ kinh đây là một phần trong ấy.

Các Ngài : Ngài Nghĩa-Uyên, ngài Tịnh-Giác, ngài Việt-Khê v.v..., nhiều ngài giải thích lắm nhưng mà phần nhiều lạc mất. Đến đời nhà Nguyên, Ngài Đại-Hựu pháp-sư, mới có làm bộ Lược-Giải. Nay đây duy còn những lời Sớ của Ngài Hải-Đông, Ngài Việt-Khê và Ngài Đại-Hựu mà thôi.

Lâu đời, người mất, kinh lạc giáo lờ, thành thử làm cho pháp-môn rộng lớn sáu xa như thế mà mỗi người không nhận hiểu được, đâu không buồn ư ?

CHÁNH-VĂN : Hoặc luận những kẻ xa vâng ý Phật, mở rộng tôn mầu, như là : làm Luận làm Văn, làm Tập, làm Lục, làm Truyện, làm Kệ, làm Phú, làm Thi, lẫn nhau khen ngợi, số ấy không những số ức (151), đâu chẳng đình-ninh khăn cáo, cảm-khái, bi-ca, khuyến cả chúng mê-lưu đồng về con đường giác-ngộ. Vậy chúng ta một phen xem đến, đâu chẳng ghi lòng !

CHÚ-GIẢI : Văn trước chỉ những người chú-giải kinh này, văn đây nói đa số người có những lời khen ngợi cõi Tịnh-độ, không thể biên đủ.

Làm Luận như các bộ « Thập-Nghi-Luận ». « Bảo-Vương-Luận » (152) v.v... làm Văn như « Văn của Ngài Long-Thơ », « Văn của Ngài Vô-Tận » (153) v.v... làm Tập như « Tập-Quyết-Nghi ». « Chỉ-Quy » v.v... làm Lục như bộ « Tịnh-độ Tự-Tín » v.v...

làm Truyện như bộ « Tịnh-độ Lược-Truyện » v.v... làm Kệ như « Kệ Kinh-Lộ Tu-Hành » v.v... (154) làm Phú như bài « Thần-Thê An-Dương » (155) v.v... làm Thi như « Thi-Chư-Gia Hoài-Tĩnh-Độ » (156) v.v...

« Cáo » mà nói rằng « Khẩn » là lời chơn-thành, trông mong ai nấy tín thọ vãng lời làm theo.

« Ca » mà nói rằng « Bi » là lời buồn thảm, hoặc vì quá cảm-khích mà thốt ra.

Chữ lệ cũng như số « Chẳng những số ức » là nói Số quá nhiều không thể dùng số ức để tính kể cho hết. Đây là bực Hiền, Thánh khen ngợi pháp-môn Tịnh-độ, ngàn vạn lời không nhàm, lặp đi lặp lại nhiều lần, mục đích muốn đem hết chúng-sanh trong biển sanh tử, về cõi Phật mà thôi.

Vậy chúng ta nay phải mang ơn báo đức, khắc cốt ghi lòng, lần lữa lưu thông, thay nhau khuyến dẫn. Nếu cứ cất kỹ không xem, xem mà không tin, những hạng ấy chẳng nói là lời dạy trẻ thơ, thời cũng nói là lý-luận kỳ-ngu (nhảm-nhí). Những hạng như thế, thời đành cam phận, chờ biết làm sao ? !

3. - MINH-TỤNG

CHÁNH-VĂN : Kế nói sự lợi ích của người tụng kinh này; như « Cưỡng lười không hư, nhạc trời rước về Tịnh-độ », vừa giải-oan vừa vãng-sanh. Tụng chưa hết quyền mà ngồi tịch; về Cực-Lạc như vào Thiên-định; khi chết thấy hoa sen trắng, đài bạc đổi thành đài vàng, nhạc dờ qua rồi, nhạc hay tiến đến.

CHÚ-GIẢI : *Cưỡng lười không hư* là : Trong bộ Trí-Độ-Luận nói : Có vị Bì-sô tụng kinh Di-Đà, khi sắp làm-chung nói với các đệ-tử rằng : « Có Phật A-Di-Đà và các vị Thánh-chúng đến rước ta kia ». Sau khi hỏa-thiêu thân cháy mà cưỡng lười không nám, sắc tướng tự nhiên.

« *Nhạc trời rước về Tịnh-độ* » là : Đời Tống, ông Đường-Thế-Lương tụng kinh Di-Đà mười muôn biến. Một hôm bảo người nhà rằng : « Phật đến rước ta ». Nói rồi lay Phật, ngồi mà qua đời. Đêm ấy có người đi buồn, nghỉ trên núi Đạo-vị.

nằm mộng thấy phượng Tày có hào-quang lạ và trắng-phan, hương hoa lãng-xãng, tiếng nhạc véo von, trên không có tiếng kêu rằng : « Ông Đường-Thế-Lương đã sanh về Tịnh-độ ».

« *Vừa giải oan, vừa vãng-sanh* » là : Đời Tống đất Thượng Ngu, có tên Phùng-Mân, lúc trẻ ưa đi săn bắn, thấy con rắn lớn, cầm mác (dao), muốn tời đâm. Lúc ấy con rắn ở dưới gộp đá muốn mổ (cắn) con bò nghé (con) Ông Phùng-Mân lẫn đá trên gộp xuống đè rắn đến chết. Rắn thường biến làm loài yêu quái dễ hại Phùng-Mân. Nhưng Phùng-Mân nhờ tu pháp sám-hối, niệm Phật nhiều năm, rắn không làm hại được. Một hôm Mân mời các bạn đồng tu trong hội « Tịnh-Độ » tụng kinh Di-Đà, rồi Mân chấp tay niệm Phật mà qua đời.

« *Tụng chưa hết quyền ngồi tịch* » là : Đời nhà Tần, có ngài Trí-Tiên pháp-sư hiệu Chơn-Giáo ở chùa Bạch-Liên, ngài xây mặt về hướng Tây, tu pháp Thập-niệm 13 năm, một ngày 12 thời, không tạm nghỉ.

Một hôm ngài hơi bệnh, bảo tên Quán-Đường hành-nhơn tụng kinh Di-Đà, tụng, chưa hết quyền, ngài ngồi an nhiên mà qua đời.

Về *Cực-Lạc như vào Thiên-định* : Đời Tống ngài Thích-Xử-Khiêm tinh-tấn tu pháp Tịnh-độ, một hôm tụng kinh Di-Đà xong, và khen ngợi pháp Tịnh-độ ngài bảo trong chúng rằng : Ta dùng bản tánh vô-sanh mà sanh về Tịnh-độ. Nói rồi ngài ngồi ngay thẳng như vào Thiên-định, thoát vậy mà tịch.

Lúc chết thấy hoa sen trắng : Đời Tống có bà Chung-Âu người ở quận Gia-Hòa, mỗi ngày tụng mười biến kinh Di-Đà, niệm Phật không thôi. Một hôm bà bảo các con rằng : « Ta thấy hoa sen trắng vô số, các vị thánh đến rước ta ». Bà nói vừa dứt lời liền ngồi ngay thẳng mà tắt thở.

Đài bạc dãi đài vàng : Ngài Hoài-Ngọc Thiên-sư, người ở đất Thai-Châu, thân mặc áo vải, mỗi ngày ăn một bữa, thường ngồi, không nằm, tinh-tấn niệm Phật. Ngài tụng 30 muôn biến kinh Di-Đà. Một hôm ngài thấy Thánh-chúng bèn Tây-phương Tịnh-độ nhiều như số cát sông Hằng, có một vị tay bưng đài bạc từ cửa sổ đi vào. Ngài Hoài-Ngọc than rằng :

« Suốt đời tôi tinh-tấn thề được đài vàng. Vì sao nay được cái này ? » Nói thế đài bạc liền ăn mất. Ngài Hoài-Ngọc quá cảm kích lại càng tinh-tấn bội phần. 21 ngày sau, thấy Phật đầy giữa hư-không, ngài liền bảo đệ-tử rằng : « Đài vàng đến rước ta sanh về Tịnh-độ ». Rồi ngài nói bài kệ mỉm cười mà tịch. Quan thái thú ở quận ấy tên Đoàn-Công, lấy làm lạ, mới làm bài thi khen ngợi, có câu : « Chi đê chỉ vị, quái kim đài » (157).

Nhạc dờ đi rồi, nhạc hay tiếp đến : Đời Nguyên có ông Tử-Hoa Thiên-sư, trong niên-hiệu Đại-lich năm thứ chín (158) ở chùa Quan-Âm, tại đất Nhuận-Châu, tụng kinh Di-Đà ròng sáu tháng. Một hôm Ngài cảm bệnh, đêm đó nghe mùi hương và tiếng nhạc trên hư-không có tiếng bảo rằng : « Nhạc dờ qua rồi, nhạc hay tiếp đến, người sẽ vãng-sanh ». Thế rồi ông niệm Phật giây lâu mà tịch. Mùi hương lạ suốt ngày chưa tan.

CHÁNH-VĂN : Lại như biên chép kinh này thì cảm hóa được mọi người ; diễn-giảng thì có điềm lành chim Bạch-Hạc.

CHÚ-GIẢI : Biên tả : Đời Đường có ngài Thiện-Đạo Đại-sư, hễ được tiền của ai cúng, ông dùng để tả kinh Di-Đà được mười vạn quyển, khuyên người thọ trì Ngài cũng có khi tụng đến mười vạn biến, hoặc có khi tụng đến năm mươi vạn biến, kể tặng người tục (Cư-sĩ) đều qui kính. Có người cảm quá đến đổi đốt thân cúng dường. Có những người đặng pháp « niệm Phật tam-muội » không thể kể xiết ! !

Diễn giảng : Đời Tống có ông Thâm-tam-Lang, tuổi già hồi tâm niệm Phật. Nhơn lúc bệnh, ông thỉnh chư Tăng giảng kinh Di-Đà ; ông thay áo mà qua đời ; bỗng có chơn muốn trở dậy. Hai người con chấp theo nhà danh giáo (đạo nho) cho sự đổi hòm là khó, mới kéo chơn ông ra cho thẳng khi sắp sửa liệm. Ông bỗng cất đầu ra khỏi áo, mền ; vùng mình ngồi dậy cả nhà kinh hãi. Hai người con lật đặt tới trước diu đỡ, ông bèn lấy cánh tay hất ra. Còn nói : Đỡ cha ngồi mà đi chớ. Rồi ông ngồi ngay thẳng chết lại.

Lúc làm lễ trà-tỳ ông, có 29 con chim Bạch-hạc bay đảo liệng mãi và kêu trên mây ; giây lâu rồi bay thẳng về phương Tây cõi Tịnh.

CHÁNH-VĂN : Cảm ứng hiện tiền, thời xa thấy đất báu ; quyết được vãng sanh, thời kinh Niết-Bàn chẳng sánh. Sự cảm ứng như đây, xưa nay thường thấy.

CHÚ-GIẢI : Ở xa thấy đất báu ; Đời Đường ngài Đại-Hạnh Thiền-sư ban đầu tu pháp sám của đức Phổ-Hiền, sau vào trong Đại-Tạng, tùy theo tay hể rút lấy ra một quyển nào sẽ tụng theo kinh ấy, thì nhằm quyển kinh Di-Đà. Thế rồi ngày đêm Ngài tụng niệm, đến ngày thất thứ ba, Ngài thấy trên đất toàn là ngọc lưu-ly. Phật Di-Đà và đức Quan-Âm, Thế-Chí hai vị Đại-Sĩ hiện trước mặt. Vua Hy-Tôn nghe việc này, mời ngài vào cung, ban cho ngài hiệu là Thượng-tinh-Tiến Bồ-tát. Sau lại thấy trên đất toàn là ngọc lưu-ly một lần nữa, liền ngày ấy Ngài qua đời. Mùi hương lạ nghe thơm cả tuần ; nhục thân của ngài không hoại (159).

Kinh Niết-Bàn chẳng sánh : Đời Lương có ngài Đạo-Trần pháp-sư giảng kinh Niết-Bàn. Trong Hoàng-hiệu Thiên-giám (160) dừng gậy-tịch (161) ở núi Lô-sơn, Ngài rất mộ pháp tu Tịnh-độ của ngài Viễn-Công. Nhưn khi thiền-định, ngài bỗng thấy trong biển có vài trăm người ngồi trên thuyền báu đi ngang trước mặt. Ngài bèn hỏi đi đâu đó vậy ? Người trong thuyền đáp : Chúng tôi về nước Cực-Lạc. Ngài yêu cầu cho quá giang. Nhưng mấy người trong thuyền kia nói : Pháp sư tuy có giảng kinh Niết-Bàn rất hay, cũng thật là Bất-khả Tư-nghì, công đức rất lớn. Nhưng mà ngài chưa tụng kinh Di-Đà, thì đâu được cùng với chúng tôi về nơi Cực-Lạc.

Từ đó pháp sư nghỉ giảng kinh Niết-Bàn, bắt đầu niệm Phật và tụng kinh Di-Đà đến hai vạn biến. Khi sắp lâm chung, cuối ngày thất thứ tư, ban đêm vào canh tư, ngài thấy phương Tây có người bung đài bạc đến, giữa hư-không sáng rực như ban ngày. Có tiếng kêu rằng : Pháp- sư lên ngồi đài nấy đề mà vãng-sanh.

Lúc ấy cả đại chúng đều nghe nhạc trời và mùi hương lạ. Những mùi hương quý nầy đến mấy ngày vẫn còn thơm. Đêm đó chúng tăng ở chùa Phong-đánh xa xa thấy trong miệng hang có vài mươi ngọn đuốc chói sáng suốt đêm. Ngày sau mới biết Pháp-sư đã qua đời.

Những sự tích nêu trên đây đều do là người tu nhơn được chứng quả ; đây cam thi kia ứng, thường thấy thường nghe, từ xưa đến nay chưa dễ gì nêu ra cho hết.

4.- MINH - TRI

CHÁNH-VĂN : Nói sự linh nghiệm của người tri danh hiệu Phật hoặc một niệm trong miệng bay ra một đạo hào-quang, hoặc một tiếng trong miệng bay ra một vị Phật, hoặc niệm vang động cả rừng, hang, hoặc tiếng niệm thấu đến cung vua hoặc sáu thời kế tiếp niệm mà y-báo, chánh-báo đầy hư-không, hoặc gạch chữ thập đề nêu tâm, mà được Thánh-hiền vào hội, cho đến đời nay có những danh lưu tiếp tục.

CHÚ-GIẢI : Đây chính là nói rõ về pháp tu chấp tri danh hiệu Phật vậy. Đối với những bậc Thánh-hiền tu Tịnh-nghiệp thành tích rất nhiều, không thể thuật hết. Ở đây chỉ kể lại một vài việc, mà người đời đã được nghe thấy rõ ràng, để làm bằng hay làm gương đặng khuyến-khích.

« Niệm Phật bay ra hào quang » là : Đời Đường có người hỏi ngài Thiện-Đạo đại-sư rằng : Niệm Phật có được sanh về Tịnh-độ không ?

Ngài đáp : Cứ như người sở-niệm thế nào, thì được toại sở-nguyện cũng thế. Khi đó ngài Thiện-Đạo tự niệm một câu « A-Di-Đà Phật » liền có một đạo hào-quang từ trong miệng bay ra. Ngài niệm luôn mười câu đến trăm câu hào-quang cũng vẫn cứ bay ra như vậy, thành ra cả nhà đầy hào-quang. Nghe được sự linh-nghiệm ấy nhà vua sắc-tứ cho chỗ ngài ở là « Quang-Minh-Tự ». Sau ngài lên cây liễu ngồi ngay thẳng mà tịch.

« Niệm Phật bay ra vị Phật » là : Ngài Thiếu-Khương pháp-sư ở núi Ô-Long, kiến-thiết đạo-tràng Tịnh-độ, khuyên người niệm Phật. Trong chúng thấy ngài niệm Phật một tiếng, trong miệng bay ra một vị Phật sáng, cho đến mười tiếng niệm, đều có đủ mười vị Phật thứ lớp bay ra như xâu chuỗi. Đến ngày lâm-chung có mấy đạo hào quang đoanh quanh nơi miệng, thoát vậy mà tịch (162).

« Tiếng niệm Phật vang động cả rừng, hang » là : Đồi Đường, ngài Đạo-Xước Thiên-sur, thường ngày vì trong chúng giảng kinh Vô-Lượng-Thọ gần 200 biển, mỗi người tay lần chuỗi, miệng niệm danh hiệu Phật, khi tan hội, mà tiếng niệm còn vang động cả khu rừng.

« Tiếng niệm Phật thấu đến cung vua » là : Đồi Đường Ngài Pháp-Chiếu ở đất Tinh-Châu, lập 5 hội niệm Phật, cảm đến Hoàng-đế Đại-Tôn ở đất trong cung nghe tiếng niệm Phật, Vua liền sai sứ đi tìm. Thấy sư khuyến hóa người niệm Phật rất thanh-hành, vua liền mời vào cung. Những người ở trong cung nhờ Sư dạy niệm Phật, cũng đến năm hội ; vua phong hiệu Sư là : « Ngũ-Hội Pháp-Sư ».

« Sáu thời kể niệm » là : Đồi Tần, ngài Huệ-Viễn pháp-sư ở Lô-Sơn, chế tạo cái đồng hồ bằng hoa sen để phân giờ tu niệm sáu thời niệm Phật (163), lắng lòng nổi tưởng ; 19 năm sau, đến đêm 30 tháng 7, ở trong nhà Bát-Nhã đang ngồi thiền định vừa đứng dậy, thấy thần Phật A-Di-Đà đầy cả hư-không. Trong hào-quang bóng tròn có vô lượng hóa Phật và các chúng Bồ-Tát ; nước chảy, hào-quang đều diễn nói pháp mầu.

Phật nói : Ta do sức bản nguyện đến an-ủi người, bảy ngày nữa người sẽ sanh về nước ta. Đùng ngày nói trên, Sư ngồi ngay thẳng mà qua đời.

« Gạch chữ thập để nêu tâm » là : Đồi Tống, ngài Tôn-Trách Thiên-sur ở chùa Trường-Lô, tỏ ngộ lý thiên-tông thuyết gồm thông (164) mà vưng theo qui củ ngài Viễn-Tồ ở non Khuôn-lư, lập Liên-Hoa thẳng hội. Kỷ-luật hội đó, mỗi ngày niệm Phật A-Di-Đà, hoặc một ngàn tiếng, muốn tiếng chẳng hạn, cứ đến mặt trời lặn thì gạch tréo chữ Thập để ghi nhớ (165). Một hôm nằm mộng, ngài thấy một cậu trai, đầu bịt khăn đen, mặc áo trắng, dung mạo thanh-bai, đến bảo ngài Lô-Trách rằng : Tôi muốn vào hội Di-Đà của ông, xin ông ghi cho một tên. Ngài Lô-Trách hỏi ông tên chi ? Người ấy đáp . Tôi tên Phỗ-Huệ ; rồi lại nói : Anh tôi tên Phỗ-Hiền cũng xin đăng tên. Nói rồi liền ẩn mất. Ngài Lô-Trách thức dậy thuật lại điềm chiêm bao, các vị tôn-túc đều nói rằng : Trong kinh Hoa-Nghiêm về phẩm « Ly-thế-gian » có hai tên của hai vị Bồ-tát

ấy ; mới biết Thánh-hiền thâm giúp. Ngài liền ghi tên hai vị đại-sĩ ấy vào đầu sớ (Tiêu biểu hai vị hội-trưởng của hội niệm Phật).

« *Chiêu Đại* » là : Đời nay vậy. Như ngài Tây-Trai, ngài Không-Cốc, ngài Thiên-Kỳ, ngài Độc-Phong (166) v.v... Các ngài đây đều là bậc Cao-Tăng đời nay, dốc-tín ; tinh-tu, sánh với cái lành đời trước, nối nhau không dứt, đều chép rõ trong tập vãng-sanh.

Sớ là trong ngàn muôn truyện, chỉ ghi chép lại một vài truyện thôi.

CHÁNH-VẤN : Đến như cảm được cứu hộ, thời oan-nghiệp đời trước cũng độ được, qui dữ chẳng dám xâm ; đặng linh ứng, thời như mắt mù sáng lại, kẻ tù được thoát nạn.

CHÚ-GIẢI : « *Oan-nghiệp đời trước cũng độ được* » là : Đời Đường có cậu Thiệu-Buru, người ở Trấn-Giang ; lúc còn làm học trò, nằm mộng thấy đi đến chốn công-phủ. Người chủ ở đó hỏi : Người có tự biết vì sao mà đi thi không đậu ?

Buru nói : Dạ không biết. Nhon đó sai người dẫn Buru đi đến trước vài bước, thấy trong chảo lớn có loài ốc sò biết nói tiếng người, kêu tên Thiệu-Buru, Buru hoảng sợ liền niệm A-Di-Đà Phật, ốc sò biến thành chim Huỳnh-Tước bay đi. Thiệu-Buru sau thi đậu làm quan đến chức An-Phủ-Sứ.

Qui dữ không dám xâm là : Thuở Phật còn tại thế, có một nước ở gần gủi La-sát. Qui này ăn thịt người vô độ. Vua trong nước ấy giao ước với nó. Từ nay trong nước ta, mỗi nhà đưng một người, thứ lớp đem đến cho người dùng, vậy người đừng bắt ngang nữa.

Có nhà kia thờ Phật, chỉ sanh được một con trai, đến phiên nạp thịt cho qui, cha mẹ thương khóc, dặn con rằng : Con phải chí-tâm niệm Phật. Người con vâng lời thành tâm niệm Phật. Nhờ oai thần của Phật, qui không dám lại gần. Sáng ngày đến xem, thấy con còn sống, cha mẹ mừng rỡ đem về. Từ đây nạn La-sát ăn thịt người đã dứt.

Mắt mù sáng lại là : Đời Tống, con gái bà Sùng-Thị mù hai con mắt, niệm Phật ba năm, tinh-cần không bỏ lãng, cặp mắt sáng lại như xưa.

Người tù được thoát nạn là : Cuối đời Nguyên, có chúa Trương-Sĩ-Thành (167) chiếm lấy nước Hồ-Châu, đánh nhau với quan Thừa-tướng miền Giang-Tích, bắt được 40 tù binh nhốt trong xe chở đi giết. Đêm hôm đó xe tù ngủ nhờ nơi chùa Ô-Khoa đất Tây-Hồ. Bọn tù thấy ngài Đại-Du-Mưu Thiển-sư đi dạo dưới hiên Tây tung niệm có vẻ nhân nhã, nhơn đó xin ngài cứu giúp. Sư dạy phải chí-tâm niệm Nam-mô cứu khổ cứu nạn A-Di-Đà Phật. Trong đám có ba người tin theo lời sư ; miệng niệm không ngắt. Đến sáng mở tù, đổi gông xiềng, tới ba người này, đồ gia hĩnh không đủ, chỉ buộc bằng dây. Tra xét ra là lương dân bị bắt lầm, liền được tha bổng.

CHÁNH-VĂN : Lại nữa, người ác siêu là : Như ông Trương-Thiện-Hòa, niệm mười tiếng Phật, tướng địa-ngục hiện trước mắt liền tiêu, mà được hóa, Phật rước ở giữa hư-không.

Loài súc-sanh, như chim Cù-dục xưng danh hiệu Phật, mà hình hài chôn ròi, san trên mộ mọc hoa sen. Hưởng chi là thân người không tội ác mấy!... Và được phước báu gọi là tối linh ; thêm đủ Tin và Nguyện đều tu ; đâu thành luống bỏ.

CHÚ-GIẢI : « *Người ác* » là : Đời Đường có ông Trương-thiện-Hòa làm nghề hàng trâu, khi sắp chết, thấy bầy trâu đến đòi thường mạng cho nó. Lúc ấy ông hoảng sợ, kêu vợ nói : Mau rước thầy niệm Phật cho tôi. Nhà sư đến dạy rằng : Trong kinh nói, khi lâm chung tướng ác (168) hiện ra, nên chí tâm niệm Phật, thì sẽ được vãng-sanh.

Ông Trương-thiện-Hòa nói : Địa ngục-đến gấp, mau đem lư hương đây ! Rồi tay hữu bưng lư, tay tả cầm hương đốt, day mặt về hướng Tây, chuyên thiết niệm Phật, chưa đầy 10 tiếng, ông tự nói : Phật đến rước ta ; dứt lời liền tắt thở.

« *Loài súc-sanh niệm Phật* » là : Đồi Tống, tại non Huỳnh-Nham, chùa Chánh-đăng, Sư-cụ Quán-Công, nuôi chim Cù-dục (sáo). Ngài thường dạy nó niệm Phật không ngắt. Mới hôm đứng chết trong lồng. Ngài Quán-Công thương xót đem chôn. Sau trên mộ nó mọc lên một đóa sen hồng. Đào đất xem thử, thì hoa sen ấy từ trong chót lưỡi của chim Cù-dục mọc ra (Loài sáo-trâu : Toàn sắc đen, khi bay cánh nó diềm trắng).

Ngài Linh-chi-Chiếu luật-sư làm bài thi khen ngợi, có câu :

« *Chim lồng giam hãm không chi lạ ;
Đứng chết, mọc sen mới rất kỳ* » ! (169)

Như trên đây đã thuật lại những sự tích tri-danh niệm Phật. Từ sự tích : Niệm Phật trong miệng bay ra hào-quang, và trong miệng bay ra vị Phật, đến đây số là cũng trong muôn ngàn sự tích mà nay chỉ biên có một vài truyện thôi.

Chữ « *Thắc* » nghĩa là cái ác còn giấu ở trong tâm-khảm.

Chữ « *Tối-linh* » là nói loài người khôn ngoan hơn muôn loài (170).

Sau rốt kết luận rằng : Người ác niệm Phật còn được vãng-sanh, hưởng chi cái ác chưa ắt bằng như ông Trương-thiện-Hòa và súc sanh niệm Phật còn được vãng-sanh thay. Hưởng chi bạng tối linh mà gọi là nhân-loại. Lấy đó so sánh, biết chắc là niệm Phật được vãng-sanh, vậy quyết chắc rằng người niệm Phật, mà hẳn có cả Tín và Nguyễn gồm tu, thì chỗ làm đầu có hư hỏng !

5.- KẾT-KHUYẾN

CHÁNH-VĂN : Thế nên một lời vừa xứng, ngàn Phật đồng khen. Bực tam học cao Tăng, trang cửu lưu danh đức, hoặc u hoặc hiền, hoặc Thánh, hoặc phàm, như muôn sông đều lại chẳng chảy về biển Đông ; cũng ví như các ngôi sao thấy đều về chầu sao Bắc-đẩu (171). Sánh với đường tắt, gọi là Phò-môn, lời đâu có dối. Vậy phải quyết chí cầu sanh, không nên nghĩ nghĩ gì nữa.

CHÚ-GIẢI : Văn đây tổng kết pháp môn Tịnh-độ, là chỗ nương về của tất cả chúng-sanh. Chữ « Xương » là dạy. Chữ « Canh » là nổi. Chữ « Thủy-xương » là : Đức Thích-Ca chỉ bày cõi Tây-phương Tịnh-độ chúng-sanh mới biết tu Tịnh-nghiệp (niệm Phật). Ấy là dắt mà dẫn đường đi.

Chữ « Đồng khen » là : Sáu phương Phật đồng khen ngợi, rõ như trong kinh văn nói, ấy là lời nổi mà họa vắn theo vậy. « Tam-học » là Thiên, Giáo, Luật, ba tông « Thiên », như ngài Vĩnh-Minh là bực thạch-trụ (172) trong tông môn, mà được sanh về bực Thượng-thượng-phẩm (173). Ngài Viên-Chiếu riêng giữ theo pháp đơn-truyền. « Giáo ngoại biệt truyền » mà được danh nêu bên Liên-cảnh (174). « Giáo », như ông Tăng-Duyệt rộng giúp ngài La-Thập dịch kinh ; mà hoa sen mọc trong giường (175). Ngài Tử-Minh (176) trùng hưng giáo pháp ngài Thiên-Thai (tôn Thiên-Thai) mà dạy mặt về Tây ngời tịch.

« Luật » như ngài Linh-Chi (177) khi sống hoẵng luật Tỳ-ni mà lúc chết được vãng-sanh về nước An-dương. Ngài Thanh-Chiếu (178) mở rộng môn « học-luật » mà chết, nói bài kệ về Tây-phương. Nếu nói rộng ra, thì không thể kể xiết.

« Cửu lưu » : Nho-lưu, Đạo-lưu, Nông-lưu, Công-lưu, Y-lưu, Bốc-lưu (179) v.v... Nho lưu, như ông Văn-lộ-Công (180) đức nghiệp đầy triều mà còn kết duyên với 10 vạn người đồng sanh Tịnh-độ.

Ông Tô-Trưởng-Công văn-chương đức hạnh tuyệt vời mà cũng có làm thuyết Tây-phương Công-Cứ.

Đạo-lưu ông Các-Tế-Chi (181) bỏ học đạo tiên mà hồi tâm tu Tịnh-Nghiệp ; Ông Đàm-Loan pháp-sư đốt kinh Tiên, mà chuyên tu kinh Thập-lục-quán (182). Cho đến ông Tử-Chương học nghề thuốc của ông Kỳ-Bá, Huỳnh-Đế (183) mà cũng đề tâm niệm Phật.

Ông Trương Thuyên, làm nghề cày bừa mà cũng xưng danh hiệu Phật.

Chốn U-Minh, như xưa vua Minh-Quân còn kính lễ, (184) quỉ La-Sát người lòng (185).

Bực Thánh, như đức Văn-Thù cầu « Sanh ». Đức Phổ-Hiền nguyện « Vãng » (186) hướng chi cõi Dương-thế với người phạm tục, không đợi luận nói vậy.

Chạy về biển Đông : nghĩa là : Nhóm về đến chỗ cùng tột. Châu sao Bắc-Đầu, nghĩa là : Noi theo về gốc chủ. Dụ như cõi Tịnh-độ là chỗ về chơn thật. Thế tất nhiên phải hướng mặt về đó chớ không phải như miễn cưỡng hay là bắt buộc phải làm vậy đâu ?

« *Đường tắt gọi là pháp Phổ-Môn* » : Đã giải ở đoạn văn trước ; đây nhắc lại đề kể luận, rõ ràng không phải luống, dư vậy.

Quyết chí : là kinh Đại-Bồ đề nói : dầu có đồng lửa to đầy cả tam-thiên đại-thiên thế-giới, người tu cũng cần phải vượt qua khỏi lửa ấy. Muốn sanh về cõi nước kia, thì phải lập chí quyết định, tiến mãi không hề khiếp nhược và thối lui đối với thế giới lửa kia !!

Không cần nghĩ nghị là : Kinh Dịch nói : « Nghĩ xét rồi sau mới nói ; bàn luận rồi sau mới làm ». Nay bảo chẳng cần nghĩ bàn là : Người xưa có nói : Bói để giải quyết tâm nghi, không nghi bói làm gì ? (187). Niệm Phật vãng-sanh, miễn tin chắc không nghi là được, đâu còn nghĩ bàn làm chi nữa ?

CHÚ - THÍCH

KINH A-DI-ĐÀ SỚ-SAO

QUYỀN THỨ NHỨT

- (1) Phật Thích-Ca nói kinh A-Di-Đà : Phật Ngài nói kinh này là : Chỉ rõ cõi nước của đức Phật A-Di-Đà rất là thanh-tịnh trang-nghiêm, để khuyên bảo chúng-sanh nên chánh tín niệm danh hiệu của Phật A-Di-Đà, phát nguyện sanh về Tịnh-Độ mới thiết hết khổ.
- (2) « Ngài Văn-Thế làm sớ-sao » : Sớ là để giải rõ nghĩa chánh-văn của kinh. Sao là để giải thích lại lời sớ.
- (3) « Đất Cồ-Hàng » : Đời Đường đặt là « Phủ Hàng-Châu », đời Thanh cũng vậy, thủ-đô của Tỉnh Chiết-Giang ; Dân-quốc đổi làm Hàng-huyện.
- (4) « Chùa Văn-Thế » : Truyền rằng : Nhân xưa có luồng mây năm màu quàng phủ đỉnh núi giãy lâu mới tan, nên đặt tên là Ngũ-Vân-Sơn, cũng như Văn-Thế-Sơn, cách nhau với Phủ-Trị Hàng-Châu hơn 20 dặm, là đạo-tràng của Tồ đã tràng-hung tông Tịnh-Độ rất thanh-hành tại đó.
- (5) « Thù Hoàng » : Là Pháp-danh của Tồ ; Thù-Hoàng mà đổi ra Châu-Hoàng, là : Bởi cái quan-niệm thận-trọng úy-kính, hơn vì họ của Hoàng-đế nhà Minh là họ Châu (Châu : Đổ, họ tên của vua Thái-Tồ nhà Minh là Châu-Nguơn-Chương), bên chữ Châu chẳng nên thêm chữ Á : (thành chữ Thù) mà nên thêm chữ Y (y : áo) thành chữ Châu (châu : áo đỏ) « Thù » là một chữ thứ 12 ở bài-kệ 20 chữ của dòng Qui-Ngưỡng-Tông :

« Sùng phước phát đức huệ ; Phở-Hiền hạnh nguyện thâm ;
« Văn-Thà » quảng đại-trí, thành đẳng chánh-giác quả » ;

Chính theo lòng Phái trên, chúng ta là Phật-tử Việt-Nam nên xưng niệm là Thà-Hoàng mới đúng, vì chúng ta đâu phải Dân ở đời nhà Minh bên Tàu hồi đó ?

Tổ-Sư pháp-danh là Thù-Hoàng, pháp-tự là Phật-Huệ, pháp-hiệu là Liên-Trì ; nguyên con nhà họ Thăm, ở Hàng-châu-phủ. Năm lên 17 tuổi, thì đậu cử-nhơn, lúc lên 23 tuổi, cha mẹ đều qua đời, hơn giác-ngộ cái tướng đời là vô thường. Liền bỏ tục xuất-gia, đến thụ giáo nơi Ngài Vô-Môn Đổng-Tánh Thiên-Lý Hòa-Thượng ; thụ giới nơi Ngài Vô-Trần Ngọc-Luật tại chùa Chiêu-Khánh, trước giới-đàn Địa-Dũng...

Ngài sanh ngày 22 tháng giêng năm Ất-Vị, hoàng-hiệu Gia-Tĩnh năm thứ 14 (1535)... tịch ngày 4 tháng 7, năm Ất-Mão ; hoàng-hiệu Vạn-Lịch 43 (1615), tuổi đời được 81 tuổi, tuổi Tăng-lạp được 50 (hạ).

- (6) « Tín, Hạnh, Nguyễn » : Tín : đức tin. Có Lý và Sự. Lý : Tự tin mình sẵn có tự-tánh Di-Đà, duy tâm Tịnh-Độ. Sự : Thật có đức Phật A-Di-Đà lập thành nước Cực-Lạc bằng 48 nguyện-tắc đại-nguyện, để tiếp chúng-sanh niệm Phật về ở đó. Hành : là thật-hành chấp trì danh-hiệu của Phật để niệm cho đến « nhứt-tâm bất-loạn ». Nguyễn : là nguyện đến khi lâm chung, tập trung tự-lực, và thông-nhứt tha-lực, để được hóa-thân Phật đến tiếp về Tịnh-Độ, dựng hoa khai kiến Phật, đắc vô-sanh-nhãn, rồi trở lại cõi này, tế-độ chúng-sanh, đến ơn đức Phật.

Tóm lại, Tín, Hạnh, Nguyễn là Công-nghiệp để thành tựu về sự niệm Phật vãng-sanh Tịnh-độ, nên gọi là Tịnh-nghiệp.

- (7) « Đại địa tuy bền chắc nhưng không tránh khỏi kiếp-hoại » : Kiếp hoại là một giữa bốn trung kiếp ; trong 1 kiếp-hoại (một trung kiếp) có 20 cái tiểu-kiếp ; 1 tiểu kiếp có một tầng một giẫm (rõ như trong Nguyên-nhơn-luận có phân trần), 1 kiếp hoại kể có 3 trăm hai chục triệu năm. Hiện nay (1954), còn 7 ngàn 5 trăm năm nữa là hết tiểu-kiếp thứ 9 của kiếp Trụ, còn 11 tiểu-kiếp nữa là hết Trụ, nghĩa là sau khi đức Phật Lâu-Chí nhập diệt rồi là đến kiếp hoại, vì trong kiếp hoại có những : đại hỏa-tai, đại thủy-tai, đại phong-tai, làm tiểu diệt đến cung trời Tam-thiên ở trung giới, thì địa-cầu này đâu còn, nên nói : « Không tránh khỏi kiếp hoại ».
- (8) « Hý luận » : 1.- Lời bàn phi lý ; 2.- Lời luận vô-nghĩa ; 3.- Lời ngôn luận đàng cách với lý lẽ bất luận phải hay không phải, chỉ một sát chẽ đùa tất cả. Như kẻ biện-tiếp : Chuyện phải nói là quấy, chuyện quấy cho là phải, nói cách nào nghe hình như cũng được

cả, mà chẳng có sự-lý chơn-thật gì hết. Tỷ như kép hát : âm-thính sắc tướng hí vũ diễn trò, coi nghe ai cũng thích, mà chả có thật nghĩa, nên gọi là hí-luận. Với ngôn luận như thế, kinh Pháp-Hoa Phật cho là đồ phẩn-úế, bảo các Thịnh-văn phải triết-đề trừ-sạch phẩn-úế hí-luận ấy.

- (9) « Như Nàng Thiện-Thiên-Nữ » Với « Thiện-Nữ-Thiên » mà người xưa đã viết lộn ra thiện-thiên-nữ (xem ở sách Nhị-khóa hiệp giải) ; nhưng dù Thiện-Thiên-Nữ đem vào đây cũng chẳng nhằm đến, vì Trời thiện-thiên-nữ kia đâu có ngôn ngữ biện tài. Vạy với câu ở lời sao kia nên nói như vậy :

« Tài ngôn luận như thiên-nữ trong kinh Tịnh-Danh đi nữa, nói đến cùng kiếp, rồi cũng không hết » ! !

- (10) Ở về chúng vô-tình gọi là pháp-tánh : Ngoài Pháp-tánh, còn có nhiều tên, như : Thật-tướng, Chơn-như, Pháp-giới, Niết-bàn v.v... ; tên dù khác, Thề vẫn đồng. Tánh là thề nó chẳng biến đổi, Chơn-như nó làm cái thề vạn-pháp, mặc dù ở giữa nhiễm, tịnh, số hữu-tình, số vô-tình, chớ « tánh » nó không hề cải đổi, nên gọi là pháp-tánh.

Tôn Hoa - Nghiêm Hiền - Thủ bảo : Chơn như có hai nghĩa : 1.- Bất biến ; 2.- Tùy-duyên : do bên nghĩa tùy-duyên, thì, biến hiện tạo ra tất cả pháp, tuy biến tạo, mà vẫn bảo tồn cái thề chơn-như bất biến, tỷ như nước biển thành sóng, mà vẫn còn cái tánh nước nó chẳng đổi. Như thế, chơn-như nó tùy duyên để biến đổi tạo-tác ra vạn pháp, nên chơn-như là pháp-tánh. Song chơn-như pháp-tánh đây, nó vẫn thuần thiện, không có cái tánh-cách cấu nhiễm, nhưng về pháp số biến, thì có nhiễm, tịnh riêng biệt vì bởi cái duyên có nhiễm tịnh.

- (11) « Giải-thoát, bát-nhã, pháp-thân » : Kinh Niết-Bàn chép : Đại-Niết-Bàn nó sẵn đủ ba đức : 1.- Pháp-thân đức : là bản-thề của chư Phật, dùng cái pháp-tánh thường-trụ chẳng biến đổi để làm thân. — 2.- Bát-Nhã đức : Bát nhã ; dịch : Trí-huệ, là cái trí biểu suốt hiện tượng của vạn pháp bằng cách đúng chơn thật giác ngộ. 3.- Giải-thoát đức : Đã xa lìa hẳn những điều ràng buộc của tất cả phiền não chướng ngại, mà « đắc đại-tự-tại »

(12) « Bốn Pháp-giới » : Pháp giới là bản thể nơi thân tâm của tất cả chúng-sanh, Pháp : qui-tắc mẫu-mục. Giới : ranh cõi phân-biệt. Giới có hai nghĩa : 1.- Tánh ; 2.- Phân. So về sự, tức là nghĩa của Phân, vì tùy theo mỗi sự để phân biệt. So về lý, tức là nghĩa của tánh, vì tánh của các pháp nó không biến đổi.

1.- Sự pháp-giới : các pháp sắc, Tâm cũng như vật-chất, tinh-thần của chúng-sanh mỗi mỗi sai khác, đều có giới hạn ngăn chùng, nên gọi là sự pháp-giới.

2.- Lý pháp-giới : các pháp sắc, tâm của chúng-sanh dù sai biệt, mà vẫn đồng một thể tánh, nên gọi là lý pháp-giới.

3.- Sự lý vô ngại pháp giới : do nơi sự để rõ lý, bằng theo lý để thành sự, lý hòa lẫn với sự, nên gọi là lý sự vô ngại pháp-giới.

4.- Sự sự vô ngại pháp-giới : hết thấy ranh ngăn của sự-pháp hay sự-vật, đúng nơi thể-tánh nó suốt lẫn nhau bằng cách : một tức nhiều ; nhiều tức một, lớn với nhỏ dung nạp lẫn nhau, mỗi mỗi vô cùng vô tận, nên gọi là Sự sự vô ngại pháp-giới.

(13) « Đục như sông Huỳnh » : Huỳnh Hà : Sông vàng, vì nước vẫn ngàu đục luôn cả hàng 5 trăm năm, 1000 năm, mới có một lần trong chùng 3 ngày, rồi cũng vẫn đục trở lại. Lưu Tuấn văn chép : Sông Huỳnh trong, có Thánh-nhơn ra đời. Ở đây nói đục như sông Huỳnh, là để dụ nói cái vọng-tâm của chúng-sanh vẫn uế-trược !

(14) « Viên-Đốn-Giáo » : Viên : nghĩa là viên-dung, viên-mãn ; Đốn, nghĩa là đốn cực, đốn tức là : liền sẵn tột đủ. Các pháp vốn viên-dung, nên một pháp cũng viên-dung tất cả pháp. Dùng nghĩa rằng : Chỉ một niệm mở tỏ tự tánh, hoàn toàn quả Phật bằng cách lập tức, gọi là viên-đốn giáo, là Thật-giáo chí cực của đời-thừa đời Hậu-Nguy, Ngài Quang-Thống Luật-Su đề-xướng lập ra cái danh Viên-đốn-giáo.

(15) « Năm thời tám giáo » : Năm thời là : 1.- Tiểu-thừa giáo-thời ; 2.- Bát-Nhã giáo-thời ; 3.- Thâm-mật giáo-thời ; 4.- Pháp-Hoa giáo-thời ; 5.- Niết-bàn giáo-thời. Tám giáo là : 1.- Tạng-giáo ; 2.- Thông-giáo ; 3.- Biệt-giáo ; 4.- Viên-giáo ; bốn giáo này gọi là hóa pháp ; 5.- Đốn-giáo ; 6.- Tiệm-giáo ; 7.- Bí-mật giáo ; 8.- Bất-định giáo ; Bốn giáo này gọi là hóa nghi ?

Đức Thiên-Thai Trí-Giả Đại-sư ngài đem giáo pháp của Phật thuyết trong một đời để phân phán ra năm thời tám giáo, ý nghĩa rất tường tận.

- (16) « Vượt Phàm Trật, quan Thừa-ấm » Sách Hán-thư nói : « Mông tiền cử bạc trạc ». Nghĩa là nhờ tiền cử lên địa vị cao cấp Quan-Ấm tự là : Con cháu được hưởng phước dư thừa ; nghĩa là các quốc triều xưa, có qui chế rằng : hoặc tồ phụ đang làm quan sang, mỗi năm gặp ngày lễ quốc-khánh, con cháu của các quan đều được phong tặng cho lên quan tấn tước, gọi là đàn ân (ơn ra phò cấp) hoặc cha ông đã qua đời, về việc nước, không luận phạm trật, cứ lễ, thì một đứa con được : cất nhắc làm quan, gọi là nạn-ân (ơn ra cho con cháu của tồ phụ vì nước phải từ nạn).
- (17) « Ba pháp quán » : 1.- Không quán : Dùng lẽ không để quán-sát các pháp gì cũng đều là không. 2.- Giả-quán : Dùng lẽ giả (giả dối) để quán-sát tất cả sự vật gì cũng đều là giả. 3.-Trung quán có hai lẽ : 1.- quán-sát các pháp cũng phi không, cũng phi giả, thì tức là lẽ trung quán, nghĩa là cái lẽ quán-sát bằng chính giữa, vì không lệch về hai bên phi không và phi giả hay quán-sát các sự-vật gì cũng không, cũng giả, tức là trung-gian, nghĩa là cái phép quán-sát bằng cách đồng thời soi rõ cả hai bên là vừa không vừa giả.
- (18) « Biết trước sau thì gần đạo ». Sách Đại-học, bài Thánh kinh nói : « Vật có gốc ngọn, sự có đầu đuôi, biết chỗ trước sau thì gần được đạo ». Lời chú : « Gốc » là đầu chỗ trước, « Ngọn » là cuối chỗ sau. Trước sau cũng có gốc ngọn, là đại ý rằng : Trước hết là « Thành ý » rồi đến : « tu thân, tề-gia, trị-quốc », rồi rốt sau mới ra « bình được thiên hạ ». Gốc là nơi ý thân, phải lo thành ý tu thân là trước nhất, nên nói là biết trước... có đầu... ; Ngọn là nhà là nước, là thiên hạ, ý đã thành tâm là đã chánh, thân đã tu rồi, nhiên hậu mới tề được gia, trị quốc, bình được thiên hạ, nên nói là biết : sau... có cuối... người như thế, mới gần được cái đạo trị an nước nhà.
- (19) « Giữ hẹp làm rộng, là đạo mâu » ; Thầy Mạnh dạy : « Nói gần mà chỉ việc xa, là lời nói rất hay khéo ; giữ chỗ đón mà ra đến chỗ rộng, là cái đạo rất mâu khéo ». Lời chú : Giữ đón là tu thân, ra rộng là trị-bình thiên-hạ.

- (20) « Thường lạc ngã tịnh, Bốn giác thì giác » : Thường lạc ngã tịnh là bốn cái đức : Chơn-thường, Chơn-lạc, Chơn-ngã, Chơn-tịnh ; trong kinh Niết-bàn nói rõ, đề đả-đạo phá 4 món chấp. điên-đảo của các phái ngoại-đạo là : Không thường chấp là thường, không lạc chấp là lạc, không ngã chấp là ngã, không tịnh chấp là tịnh. Cái tâm thể của chúng-sanh tự-tánh nó vẫn thanh-tịnh, lia tất cả vọng tưởng, soi sáng khôn thiêng, có cái đức giác-tri, thế là nếu không do tu mà thành được vậy sao ? Đây chính là cái tánh đức nó vẫn tự có sẵn sàng, nên gọi là « Bản giác », tức là pháp thân của Như-Lai. Song cái thể của bốn tâm ấy, từ vô-thỉ đến nay nó bị cái vô-minh phiền-não làm chướng ngại che lấp đi, một mai nương nơi công phu tu trì trừ sạch vô-minh rồi, tánh đức ấy mới sáng rõ ra được ; nên gọi là « thì-giác ». Nhưng, sáng suốt mà nhận xét ra, thì Thì-giác nó chẳng riêng biệt, nguyên vẫn là cái thể của bản-giác, nên thì-giác bốn-giác, đều đồng một thể, vì ngoài bốn-giác không có thì giác, bởi thì-giác chính đồng với bốn giác làm một thể.
- (21) « Tu pháp số tức » : Số tức : Đếm hơi thở. Pháp số-tức quán, là một trong năm pháp quán định-tâm, nghĩa : Tu pháp quán-sát đếm hơi thở ra hít vào, đề định-chỉ cái điều tán loạn của ý-tưởng. Với hít vào thở ra, đếm một, cứ thế đếm tới mười ; lại đếm lui trở lại, là từ mười, lại chín, lại tám,... lại một, cứ như vậy đếm tới, rồi đếm lui, đừng cho lẫn lộn và quên, lâu lâu sẽ thuần-thục, trấn định được tâm tán-loạn, vọng tưởng, mà được yên tịnh là định, rồi sáng suốt là huệ.
- (22) « Nhà ngọc nhà tranh » : Đây là tả cảnh giới của người niệm Phật đã tiến đến bậc « nhứt tâm bất loạn » rồi, là tâm tịnh tức độ-tịnh, thì chẳng còn có sự tương phân-biệt gì nữa.
- (23) « Vô sanh nhĩn » : Lòng đã an trụ nơi lý vô-sanh vô-diệt, tâm yên tịnh không diêu-động với nghịch cảnh, từ sơ-địa Bồ-Tát cho đến bậc Phật, đều chẳng còn sanh ác-tâm, mà sơ-địa mới chứng cái danh vô sanh nhĩn, Bát địa chứng ngộ thể vô sanh-nhĩn. Tổ được cái chơn-như thật-tướng, gọi là đặc-pháp vô-sanh, tổ được cái chơn trí vô-lậu, gọi là nhĩn, vì khi đã đắc được cái trí ấy, tâm mới nhĩn khả được tất cả hoàn-cảnh, mà được tự-tại vô-ngại, nên gọi là vô-sanh-nhĩn.

- (24) « Kê ngu phu ngu phụ ». Sách Trung-Dụng chép rằng : « Với cái đạo rõ ràng mà giấu kín của người Quân-tử, dù ngu dốt như kẻ phu phụ tầm thường cũng có thể dự biết được, nhưng với chỗ cứu-cánh của đạo ấy, thì dầu thánh hơn thế gian cũng có chỗ chẳng biết được ! Với việc làm đạo ấy, dầu không tài năng gì như hạng phu phụ tầm thường cũng có thể hành được, mà hành bằng cách nào cho đến nơi đến chốn, thì dầu là thánh hơn đi nữa cũng còn có chỗ không thể làm được !
- (25) « Ngay nơi bản trí đề cầu Phật trí » : Kinh Hoa-Nghiêm Huyền đàm nói : « Chọn vọng lẫn suốt, chính nơi phạm tâm để thấy Phật-tâm ; lý sự đều tu, ngay nơi bản-trí để tìm Phật-trí ». Bản-trí là cái trí của chúng-sanh ai cũng sẵn có, kêu bằng tất cả đều có Phật-tánh ; Phật trí là cái trí rất ráo quả Phật, kêu là sai-biệt-trí, và nhất-thế-chúng-trí, vì tu hành đủ vạn hạnh công phu ; mới rút đủ kinh nghiệm bằng cái trí ấy !
- (26) « Cuồng huệ » : Trách kẻ nào có trí huệ bằng tâm tán-loạn là cuồng-huệ. Cuồng-huệ, kêu tất là thông-minh điên. Như sự thông-minh của những người thế trí biện thông là một nạn trong tám nạn, nghĩa là biện việc trong thế-gian thì rất giỏi, còn đối với Phật-pháp là pháp xuất-thế-gian thì không biết rành, gọi là cuồng huệ ; hay biết mà không tin, không thực-hành, ngồi đầu nói dóc dó, cũng gọi là thông-minh điên, vì biết, đề mà nói chớ không hành. Sách Quan-Âm-Huyền-Nghĩa nói : « Tâm kẻ nào chỉ có định mà không huệ, thì gọi là si-định, ví như đĩa đùi cưỡi ngựa mù, tất nhiên phải sa hầm, phải sụp xuống ; còn chỉ mà huệ không định thì gọi là cuồng huệ, ví như đốt đèn giữa gió, leo-lét lu mờ, không soi vật gì cho rõ được !
- (27) « Ngoan-không » : Ngoan : là ngu-ngoan, không trí thức, mà hay làm càng nói bậy ; Không : là không-kiến, cái nhận thấy rằng : Không có hơn quá, luân-hồi, tội báo gì hết, nên tỷ như cái ngoan không là cái trống không vô tri vô giác kia, cái bênh chấp « không » nặng hơn hết !
- (28) « Cũng đồng bình như ngoan không trên, kêu là cái chấp đoạn kiến » : Nghĩa là cái kiến thức đoạn diệt : Chết rồi dứt hẳn, không có hồn vía chịu tội hưởng phước chi cả, nên không

sợ quá báo, làm chi được thì làm, miễn đã được cái dục vọng thêm khát là hơn, mà sau rồi phải dọ lạc khổ báo vô cùng, như từng cõi và trời không!

- (29) « Trở lại thua một thẻ » Chữ « trừ » : Con toán hay chiếc thẻ là vật để tính toán. Ông Trương-Lương nói : Xin mượn mớ dũa kia để làm thẻ tính cũng được. Lại, người xưa, mỗi khi tiệc uống hay cuộc cờ, dùng thẻ hoặc bé cò, để ghi số hơn thua rồi thưởng phạt nhau ? Giận Ông Y-Quân bất-đồng, với lời phán của mình, ông Toán muốn đổi lại, cầm viết ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi thú thật rằng : Dương-Toán này thua một con toán. Ở đây mượn tích đó, để tỏ rằng : Người tu thiền tự hào mà trở lại thua kẻ trì danh niệm Phật !

« Vẽ cọp không thành ». Thuở vua Quan-vũ, đời Đông-hán (2556). Phục ba tướng quân Mã-viễn, cầm quân đi viễn chinh gọi thợ vẽ rắn dạy các con của người anh rằng : Ông Long-Bá-Cao tánh tình đôn hậu cần-thận, chú muốn các cháu nên bắt chước theo ; ông Đỗ-quý-Lương là người hào hiệp hào nghĩa, chú không muốn các cháu học đòi theo. Nhưng với Bá-Cao, dù bắt chước chẳng bằng, chứ cũng còn là kẻ cần-thận, ví như khắc chim Hộc đầu bất thành, cũng còn giống con cò ; bằng như bắt chước theo Qui-Lương mà chẳng được, thì sa hãm làm đũa cho thiên hạ khinh khi, tỷ như vẽ cọp không thành, lại tự hờ con chó ! Ở đây mượn tích ấy, là để tỏ rằng : Muốn bắt chước tham-thiền cho ngộ-nghĩnh chơi, mà chẳng giống « Phật » lại thành « Ma » !!

- (30) « Một bước sai, trăm bước vẫn sai » : Đối với pháp tu niệm Phật bằng cách trì-danh, đời nay nếu ta không tiến bước hành đạo theo, mà lại tu hành về những pháp : Thiền hay Quán nào khác, thế là đã bước sai một bước ở đời này rồi, thì, về sau cho đến trăm nghìn đời, dẫu có nhớ mà tu được đi nữa, cũng là trăm ngàn bước sai luôn, vì sanh tử luân-hồi ở trong ba giới này, nếu chưa chứng quả A-La-Hán.

- (31) « Năm tay vớt lên ». Ông Thuận-vu-Khôn hỏi : Trong một gia-đình, con trai con gái, với điều trau chịu chẳng thân tiếp nhau, là lẽ phải vậy chăng ? Thầy Mạnh đáp : Phải lẽ đấy. Hỏi : Chị dâu đang đắm nước, em trai chông năm tay để vớt chị lên, có được chăng ? Chị dâu đắm nước, em trai chông thấy mà

không vớt, là loài muôn sói mới vậy ! Với điều trau chú ngụ nghĩ, thì giữa con trai con gái trong một gia-đình chẳng dưng quá v thường gần sát nhau, vì lễ-giáo phải thế ; còn như chị dâu dẫm nước, em trai chông thấy kịp, phải nắm tay chị để vớt lên, là tạm-quyền đấy.

- (32) « Dựa cửa để trông ». Vương-tôn-Cồ là tôi của vua Mẫn-vương nước Tề : người Náo-Xi phản-nghịch giết Mẫn-vương, Vương-tôn-Cồ chưa có nghĩ đến việc đánh giặc, về viếng mẫu-thân. Bà mẹ dạy mà trách rằng : Con, sớm ra đi, chiều chưa về, mẹ đã dựa nơi cửa ngõ ở vườn trông ; nếu đã xàm tối mà con cũng chưa về, thì má đã ra đến tận nơi cửa cổng ở đầu xóm để dựa trông. Đó là không có việc gì thấy vậy ; chớ nay con đã ra phụng-sự với nước, thế mà vua đã chạy trốn giặc, con cũng chẳng biết chỗ nào cả, lại con về đây, thì còn mặt mũi nào để thành lập danh tánh đứng giữa thiên hạ này ! » Nhơn đó Vương-tôn-Cồ hiệp cùng quốc dân giết Náo-Xi. Nay mượn tích này, dụ người Phật-tử không nghe lời Phật dạy, không thực-hành và hy-sinh với Phật-pháp, là không phải Phật-tử.

Vậy các Phật-tử phải hợp-tác với nhau để thi hành Phật sự, chống đỡ Phật-pháp, đánh dẹp Ma-vương phá hoại Phật-pháp. Mới gọi là Phật-tử chân-thành.

- (33) « Một thời gian sau 2 thời chánh và tượng » : Tức là thời thứ ba gọi là « Mạt pháp ». Phật-sử chép : Giáo-pháp của đức Thích-Ca truyền đến ở thế giới này được phân làm ba thời kỳ : Từ ngày Phật nhập diệt về sau, một nghìn năm (1000) là « thời chánh-pháp », đó là thời kỳ thứ nhất. Từ đó về sau, một nghìn năm (1000) là « thời-tượng-pháp », đó là thời kỳ thứ hai. Từ đó về sau một vạn năm là « thời mạt-pháp » đó là thời kỳ thứ ba. Hiện nay (1954) Sĩ Phật đã được 2517 năm, mà Tồ-sư Văn-Thê sanh ra đời nhằm trong thời gian từ Gia-tĩnh đến Vạn-lic (1522- 1615) nhà Minh bên Tàu. Nên Tồ-sư than lấy mình sanh nhằm đời mạt pháp, nghĩa : Giáo-pháp đã đến thời kỳ chót ngọn rồi ! Cũng như nói : sanh sau để muôn thua kém đủ bề !!
- (34) « Sách Luận ngữ nói : « Sĩ ký ngôn nhi quá kỳ hành », lấy làm hổ vì lời nói quá việc làm. Cũng như nói : « Thuyết đắc nhưet trượng, bất như khú nhưet xích ». Nói được một trượng, chẳng bằng đi dặng một bước. Nhưng còn khá hơn « năng thuyết bất năng hành » !

- (35) *Lái-buôn tỳ thiện-tri thức* : *Đá yển vi cho bộ số-sao người được đá* : là *Tồ Ngài tự tỳ*, đó là *Tồ Ngài khiêm-nhượng*.
- (36) *Kinh Thi nói* : « *Vô phụ hà hộ, vô mẫu hà thị* » : *Không cha nhờ đâu ? Không mẹ cậy đâu ? Hộ* : *Che đỡ đâu* ; *Thị* : *Nương nhờ thân*. *Hộ thị* là : *Thay nghĩa cho phụ mẫu*. (*Đức Phật cũng như cha mẹ*).
- (37) *Kinh Thi nói* : « *Than ôi ! Cha mẹ sanh ta khó nhọc ! Dầu muốn báo đáp ơn đức sanh thành, nhưng trời cao vô cùng* ». *Dụ như thâm ân của Đức Phật biết kiếp nào báo đáp cho vừa*.
- (38) *Kinh Thi nói* : *Sâu, nhện có con Tồ-vò ồm đó* : *Dạy dỗ con này, nề nếp giống đây*. *Rằng* : « *Con minh-linh dưỡng tử* ; *đi theo họ khác* » Là ý nói : *Chúng sanh nguyên có Phật tánh tức là con của đức Từ-Phụ Thế-Tôn, thế mà chúng sanh không chịu niệm Phật để về Tịnh-độ là Tồ-quán, mà lại nở bỏ, để đi theo làm con nuôi cho loài khác nơi lục-đạo luân-hồi ! Cũng như sâu nhện đi luân-hồi làm con nuôi cho loài khác (tồ-vò) ; chỉ mượn nghĩa xưa thôi*.
- (39) *Sách Mạnh-Tử chép* : « *Người ta hề còn nhỏ thì mến cha mẹ đến khi biết háo sắc thì mến cái trẻ đẹp ; đến lúc có vợ con thì mến thế tử ; đi làm quan thì mến vua, chẳngặng mến vua thì nóng-nảy trong lòng. Với đời hiếu, thì trọn đời mến cha mẹ ; với người làm con đã năm mươi tuổi mà còn mến cha mẹ đó, thì ta chỉ thấy có một mình Đại-Thuấn ! Người niệm Phật thì trọn đời ồm lòng mến Phật bằng cách hằng ngày lán la dưới đài sen, cũng như đứa bé thường trêu mến dưới gối cha mẹ. Chớ đừng như người ta kia hồi nhỏ mến vậy, đến lớn mến khác, ba hồi mến nọ, ba hồi mến kia... !*
- (40) *Kinh Lễ, Thiên-đân cũng chép rằng* : « *Phụng sự cha mẹ, dù có chỗ giấu giếm (từ vị phụ ân) không nói với người ngoài, cũng chẳng phạm lỗi gì, thường không rời đôi bên tả, hữu ; để hiếu-dưỡng không dám nghịch mạng (tả hữu vô phương)* ».
- (41) *Sách-Lễ-ký, thiên khúc lễ nói* : « *Hễ bồn phận làm con, mùa đông phải lo cho cha mẹ được ấm, mùa hạ phải lo cho cha mẹ được mát, chiều hôm lo sửa chiếu gối mừng mền, rạng đông đến thăm* ». *Chớ đừng quáư như ai kia ; « Hữu-thê-tử, tác mộ thê-tử » mà thôi, với cha mẹ già, nó có ừ, hử gì đến nữa đâu*.

- (42) Sách Mạnh-Tử nói : « Tâm (ý thức) nó làm chủ điều nghĩ nhớ, hề có nghĩ nhớ thì đặc lý, không nghĩ nhớ thì không động lẽ ». « Hết lòng (thức thứ sáu) lo nghĩ » Thầy Mạnh-Tử nói : « Đạo của vua Nghiêu vua Thuấn : Nếu chẳng dùng cái chánh-sách nhơn-đức, thì, chẳng thể bình trị thiên-hạ động ». Lại nói : « Đã hết lòng nghĩ lo, kể đó, dùng chánh-sách không nở làm khổ nhơn-dân, mà có điều nhơn phủ trùm cả thiên hạ ».
- (43) Tạp-hoa : Hoa đẹp xen lộn. Tạp-Hoa Kinh : là tên riêng của kinh Hoa-Nghiêm : Muốn hạnh tốt ví như hoa đẹp, để trang-nghiêm (tô-điễm) nên quâ Phật bằng muôn hạnh, thành thử gọi là Hoa-Nghiêm. Bồ-Tát tu nhơn làm đủ muôn hạnh tốt xen lẫn nhau, nên gọi là Tạp-Hoa, để đi đến kết-quả trang-nghiêm của Phật, đồng một ý nghĩa. Trong kinh Niết-Bàn và Quán-Phật Tam-muội kinh, đều gọi Hoa-Nghiêm là Tạp-Hoa kinh, là vì muôn hạnh lẫn xen, nhơn-duyên sanh khởi dễ thành-tựu. Đó là lời trong Huyền-đàm dẫn thế ; còn trong kinh Quán-Phật, phàm Bồn-hạnh nói : « Khi vừa thành đạo tại trường Tịch-diệt bên nước Ma-Dà-Đà, ta vì các Đại Bồ-Tát như Phổ-Hiền, Hiền-Thủ... đối trong kinh Tạp-Hoa, đã phân biệt nói nhiều rồi ».
- (44) Ưc-kiến : Chỉ nhận thấy trong hung-tức. Ưc-kiến cũng như tze-thuyết ; vì theo ý kiến mình để nói ; chứ không có căn cứ vào đâu. Văn của Phú-Bặc nói : « Lời của thần viện-dẫn chứng-cứ ở sách của Thánh-Hiền, chứ không phải là lời tze-thuyết ».
- (45) « Y báo chánh báo ». Y : là y báo, tức là tất cả sự vật gia quốc giữa thế-gian, gọi là y báo, vì là : cảnh (sở y) của thân tâm. Chánh báo : tức là (thân ngũ-đm), vì do nơi sức tạo nghiệp của đời trước, mà cảm chịu lấy cái thân tâm đời nay, nên gọi chánh báo. Đã có cái thân năng-y, tất có cái cõi sở-y, nên với quốc-độ cũng là nghĩa quâ-báo. Phàm Hạnh-nguyên lời Số-Sao nói : « Y là quốc-độ sở y của phàm thánh, cõi nước hoặc tịnh hay uế : chính là cái thân năng-y của phàm thánh, như thân của người, trời, tại-gia nam, tại-gia nữ, ngoại đạo, chư thần quí, Bồ-Tát và Phật. Đều có y báo và chánh báo cả, nhưng mỗi mỗi đều khác nhau ; Y là « cảnh », chánh là « tâm ». Song tâm Phật, và cảnh của Phật, thì khác hẳn không phải như tâm và cảnh của Bồ-Tát ; tâm và cảnh của Bồ-Tát, khác hẳn không phải như tâm và cảnh của chúng-sanh v.v.. ».

- (46) Ông Quán-Tử nói : « nghĩ đó, nghĩ đó lại lặp đi lặp lại nghĩ đó, nghĩ đó chẳng dừng, thì qui thần dựa vào để cho được linh-thông ; phi qui thần giúp cho được cảm thông, thì lòng ta tinh-thành đến cực-điểm, tự nhiên phát-minh tâm-trí linh-thông ».
- (47) Duy-thức học nói : Do A-Lại-Da thức nó tượng hình (chuyển sanh cũng như nảy nở ra) ra trái tim, kể đến sống mũi, mắt, tay, lưỡi, đầu ; cái thân năm tạng : 2 tay 2 chơn... ; kêu bằng chuyển sanh thức, nghĩa là thức thứ tám nó chuyển động để nảy nở ra bảy thức kia, mà sáu căn là phần hữu-hình, vì thuộc về vật-chất, để cho sáu : thức y-chỉ, tác-y, hiện-hành cảm giác bằng những phân-biệt là thấy nghe hiểu biết mặc dù ý thức nó vô-hình, nhưng tham-gia với năm căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Vậy đem sáu căn qui về căn-bản-thức, nên gọi là « qui-nguồn-nghĩa », vì là phần bản hườn nguyên.
- (48) Đòi Hán Cao-Tổ Hoàng-Đế : Mà khi mới khởi binh. Ông Ngụy-Vô-Tri đem dung Trần-Bình với tài năng của Trần-Bình có thể cho làm chức Hộ-Quân Trung-Úy. Đến lúc Bái-công chiến thắng Hạng-Vũ, định thiên-hạ, phong hầu cho các công-thần. Trần-Bình được phong làm chức Khúc-Nghịch-Hầu. Bình tâu : « Nếu không có Ngài Ngụy-Vô-Tri tiến dân ; hạ-thần đầu được hân-hạnh này, xin nhường phong hầu lại cho Ông Ngụy-Vô-Tri ». Cao-Tổ khen : « Khá gọi Trần-Bình là người Bất vong bản ». Nhơn đó lại phong quan cho Ông Ngụy-Vô-Tri.

Lúc còn hàn vi, Trần-Bình làm Lý-xã trong làng, chia thịt đều công bình lắm, được các vị phụ-lão trong xã khen rằng : Chú em này cắt chia khéo thật ! Bình thưa : dầu Bình này được có bản phận cắt khiến thiên hạ, thì cũng như việc chia thịt đây. Người ta mà biết được danh từ như-từ (tôi em) là đây.

Dùng sách ấy là để tỏ rằng : Ngày nay ta sở dĩ được cái phúc biết niệm Phật, nhờ Đức Di-Đà độ cho như thấy này, là gốc nhờ Đức Thích-Ca chỉ dẫn, nên phải lạy Bồn-Su trước

- (49) Với kẻ hỏi thắc mắc, Đông-Phương-Sóc đáp : « Lấy ống đom trời, dùng ngao lường biển, cầm nhành cây nhỏ động chuông, thì làm gì suốt được điều quán của trời, xét được thiên thâm của biển, và đầy được âm thanh của chuông ! ?

- (50) « *Nhứt thể chúng trí* ». Nghĩa là : Có thể lấy một món trí để biết được những đạo pháp của tất cả chư Phật ; lại có thể biết được những giống tạo nhơn của tất cả chúng-sanh, nên gọi trí biết hết thấy hết giống.
- (51) « *Ngũ trùng huyền nghĩa* » : 1.- *Giải-thích* (danh-đề) của kinh ; 2.- *Biện-minh* (thẻ tánh) của kinh ; 3.- *Phát-minh* (tông chỉ) của kinh ; 4.- *Nghị-luận* (tác-đụng) của kinh ; 5.- *Phán-đoán* (giáo nghĩa) của kinh.
- (52) « *Đại-sự nhơn duyên* ». Là : *Nhơn duyên của một việc lớn*. Nghĩa là Phật-Đà sơ-dĩ xuất hiện nơi đời, nói pháp 49 năm, đó bởi vì nhơn duyên của một việc lớn. Việc lớn bằng cách nào ? Nói chung thì chuyện mở khai ngộ là việc lớn. Nói riêng : Kinh *Pháp-Hoa* lấy « *Phật tri kiến* » làm đại sự ; kinh *Niết-Bàn* lấy « *Phật tánh* » làm đại sự ; kinh *Duy-Ma*, kinh *Tư-Ích* đều dùng *bất-tư-nghĩ* làm đại sự ; kinh *Hoa-Nghiêm* dùng « *pháp giới* » làm đại sự ; kinh *Bát-Nhã* lấy « *thành Phật nhơn-quả* » làm đại sự ; kinh *Vô-Lượng-Thọ* dùng « *Vãng sanh Cực-lạc* » làm đại sự v.v...
- (53) « *Đấu tranh kiên cố* ». Kinh *Đại-Tập Nguyệt-Tạng* cuốn 10 chép lời Phật dạy rằng : Sau khi ta nhập diệt, trong khoảng 5 trăm năm thứ nhất, các *Bí-sô* còn *kiên-cố* về việc tu giải-thoát, nghĩa là lo giữ giới hoàn-toàn, tu chứng *A-La-Hán*, nên gọi là *giải-thoát kiên-cố*. Đến 500 năm thứ nhì, người xuất-gia *kiên-cố* tu-hành bằng cách chỉ chuyên tham-thiền nhập-định, gọi là « *thiền-định kiên-cố* ». (Đã 1000 năm của đời chánh pháp). Đến năm cách trăm (500) năm thứ ba, người xuất-gia chỉ lo tu *kiên-cố* bằng tụng niệm cho nhiều, học hỏi cho thông, gọi là « *Đa văn kiên-cố* ». Đến năm trăm (500) năm thứ tư, người trong Phật-pháp tu học bằng cách phần nhiều *kiên-cố* lo kinh-doanh tự-viện to, tháp tượng lớn gọi là « *Tháp tự kiên-cố* ». (Đã mãn một nghìn (1000) năm của đời tượng pháp). Đến năm trăm (500) năm thứ năm, người trong Phật-pháp lo *đấu-tranh* là *kiên-cố* hơn hết. Nghĩa là tranh giành đủ mọi phương-diện, gọi là « *đấu tranh kiên-cố* ».

Hiện nay (Phật-lịch 2517 — 1954), với đời *mạt-pháp* một muôn (10.000) năm, đã qua hết 517 năm, thì 500 năm đó, là 500 năm thứ năm của thời kỳ « *đấu tranh kiên-cố* » đã qua rồi, lại hơn 17 nữa.

Ôi ! Với Phật-lịch đã qua cái thời-gian « đấu tranh kiên-cố », ngoài thế-giới, pháp thế-gian cũng đồng thời « Cạnh tranh phần-dấu ». Vậy biết : Pháp xuất-thế và pháp thế-gian cũng đồng thời hợp lối !!

(54) « Chơn-như tam-muội » : Là một pháp thiền-định, lễ quán tưởng cái lý chơn-như vô-tướng, mà trừ được vọng-hoặc. Luận-Khởi-Tín nói : « Tu pháp chơn-như tam-muội là : Tâm không trụ ở cái tướng thấy, chẳng trụ nơi cái tướng đặc, nhân đến lúc ra định, cũng không gởi dãi khinh-mạn, thì đâu có bao phiền-não cũng dần dần tiêu diệt.

(55) « Chỉ quán » : Đến với cái pháp phương-tiện đề tu mà nói thì : Chỉ thuộc về không môn, chơn-như môn, duyên theo cái chơn-như vô-vi, đề lìa các danh-tướng. Quán thuộc về hữu môn, sanh diệt-môn duyên theo cái sự-tướng hữu-vi, đề phát đạt trí-giải.

Kinh Duy-Ma lời chú nói : « Người mới tu quán, thì buộc tâm vào một chỗ, gọi là : « Chỉ » ; tâm yên lặng đến cực-điểm thì sáng-suốt, sáng-suốt tức là huệ, gọi là « quán ».

(56) « Thích-Ca đã qua, Di-Lặc chưa đến » : Sử Phật chép : Cứ mỗi một đại-kiếp ; Kể có một ngàn hai trăm tám chục triệu năm. Mỗi trong một đại-kiếp, đều có bốn Trung-kiếp là : Thành, Trụ, Hoại, Không. Mỗi một trung kiếp : Kể có ba trăm hai chục triệu (320.000.000) năm. Trong một trung kiếp có 20 tiểu kiếp. Một tiểu kiếp có một lần tăng, một lần giảm, cộng có mười sáu triệu (16.000.000) năm.

Giữa trung kiếp này : Đức Thích-Ca ra đời về cuối tiểu kiếp thứ chín ; qua giữa tiểu kiếp thứ mười, Đức Di-Lặc mới xuất thế. Nghĩa là , từ nay (2517 — 1954) bắt một kể đi, thì còn 5.999 năm nữa mới hết tiểu kiếp thứ chín. Cũng từ nay bắt một kể đi, thì còn Tám triệu mười bốn ngàn bốn trăm chín mươi chín năm nữa, Đức Di-Lặc mới giáng-sanh. Từ thuở Thích-Ca đến lúc Di-Lặc ra đời, cách nhau tám-triệu một vạn một ngàn năm trăm bốn mươi lăm năm.

Vậy với giữa cái thời kỳ dài lâu bằng tám triệu một vạn một ngàn năm trăm bốn mươi lăm năm đó, ở thế-giới Ta-bà đây làm gì được thấy Phật, vì Thích-Ca đã nhập-diệt, Di-Lặc chưa giáng-sanh ! Duy có tu niệm Phật được nhứt tâm, là thường được thấy Phật A-Di-Đà v.v...

- (57) « Do vọng hoặc sanh hành-nghiệp ». Vọng hoặc : Tham, sân, si, hay là kiến hoặc, tu hoặc v.v... ; do những mê hoặc đó, rồi tạo tác ra nghiệp chướng là : Ý 3 nghiệp ; khẩu 4 nghiệp ; thân 3 nghiệp. Với 10 nghiệp ấy hết nghiệp thiện thì thăng lên 3 thiện đạo : là người, trời, thần a-tu-la. Còn nghiệp ác thì trầm xuống 3 ác-đạo là : Địa-ngục ; nga-quỉ ; súc-sanh, nên nói luân-hồi mãi không thôi, nếu không niệm Phật.
- (58) Bộ Liên-Tông-Bửu-Giám chép rằng : « Tu các pháp môn khác... Tỷ như con kiến bò từ chân núi lên tận đỉnh cao ; tu pháp niệm Phật vãng-sanh, vì tợ ghe buồm xuôi gió trái dòng nước thuận ». Vì kiến bò cho tới nơi chỉ bằng tự-lực ; đi thuyền... chóng, khỏe nhờ cả tha lực (Phật lực).
- (59) Sách Trang-Tử chép : « Với ếch ruộng không thể nói chuyện biển rộng, với cá giếng không thể bảo chỗ lớn được, là đều vì : một đàng bị hạn cuộc nơi gò nhỏ, một đàng bị hạn cuộc nơi hẹp hòi ».
- (60) « Độc thiện kỳ thân » : Yên lành một mình : cũng như ích-kỷ, các Thánh-nhơn bên tiểu thừa, chỉ lo tu chứng quả Thỉnh-vấn, chóng ra ngoài ba cõi, để tự độ lấy mình khỏi khổ sanh-tử trong sáu đường mà thôi ; còn chúng sanh sống say chết ngủ trong biển khổ sông mê mặc kệ, nên gọi là yên lành một mình.
- (61) « Tâm đoạn diệt » : Đoạn : đoạn hết lòng vọng hoặc ; Diệt ; diệt sạch khổ sanh tử Nhập cái định « diệt tận ý-thức », để ham mê lấy cảnh giới « Tịch-diệt giải-thoát » làm vui, nên cứ vào pháp thiền-định này để ngồi luôn cả hàng mấy trăm năm. Phật bảo là giải-thoát thâm-khách.
- (62) Mới phát tâm thọ Bồ-Tát giới, để tu pháp đại-thừa. Luận Trú-Độ nói : Bồ-Tát có hai hạng : 1) Cư-gia ; 2) Xuất-gia. Các vị trong bọn Thiện-Thù cả 16 Bồ-Tát đó, là tại-gia Bồ-Tát ; Còn những vị trong các Ngài « Từ-Thị » « Diệu-Đức »... là Xuất-gia Bồ-Tát.

Tân phát-tâm cũng như tân phát-ý Bồ-Tát, lại có hai bậc : 1) Sanh tử nhục-thân, là hàng Bồ-Tát mới phát tâm tu, chưa chứng pháp-tánh, còn bị cái thân phần-đoạn sanh-tử trong 3 cõi ; 2) Pháp-tánh sanh-thân, là Bồ-Tát này đã chứng pháp-tánh vô-sanh-nhãn, xả rời cái nhục thân sanh-tử trong 3 cõi ; thụ cái thân biến-dịch bất-sanh bất-diệt, bất khổ tư nghĩ.

- (63) « *Cụ phược phạm-phu* » : *Phiền-não nó bắt trói người đem buộc ràng trong ngục sanh-tử, để giam hãm mãi, nên gọi là phược ; có đủ cả phiền-não nên gọi là cụ-phược, tức là hết thấy phạm-phu. Kinh Anh-Lạc nói : « Chúng cụ-phược phạm-phu chưa biết ngôi Tam-Bảo ».*
- (64) « *Xin trông con mắt* ». *Khi ông Xá-Lợi-Phất phát tâm tu đại thừa Bồ-Tát, đã chứng đến bậc trụ thứ 6 là « Chánh-tâm trụ » ; Một hôm nọ gặp người Bà-la-môn xin một trông con mắt để làm thuốc. Ông móc ra cho nó, té ra nó đã không làm thuốc gì hết, lại ném xuống đất, rồi khạc nhổ lên và chà đạp là khác, Xá-Lợi-Phất thấy thế nổi sân hận, nên thối mất đại-thừa tâm. Trụ : là trụ vào lý Bát-Nhã, nghĩa là sau khi chứng đủ 10 tín, rồi tiến lên tu 10 trụ, là để an trụ vào địa-vị của Phật.*
- (65) *Với lực đạo* : *Chưa đường trời ra, thì còn hơn đạo ; Tu-la-đạo ; Súc-sanh đạo, Ngạ-qui đạo và Địa-ngục đạo, nên gọi là năm đường. Ôi ! Xá-Lợi-Phất đã là bậc Bồ-Tát, bị ma ngoại nó chọc phá, chỉ nổi giận còn đọa như thế, huống là phạm-phu ! Vậy biết : với đại-thừa Bồ-Tát, khó tu là thế ; còn niệm Phật thì dễ tu, vì nhờ có tự-lực, và tha-lực nên được mang nghiệp mà vãng-sanh.*
- (66) *Có hai pháp* : 1) *Chuyên môn tâm quán-tướng tướng-hào của Phật, hay là quán-tướng thật tướng của pháp-thân Phật (hai cách tu ấy gọi là quán-tướng niệm Phật), hoặc nhất tâm xưng danh hiệu Phật (là niệm Phật bằng cách xưng-danh), và làm các công-hạnh, đều gọi là niệm Phật tam-muội ; đó là niệm Phật tam-muội của lực hơn hành.*
- 2) *Là ba cách hơn hành đó mà được thành tựu như : Tâm đã vào thiền-định (nhứt tâm bất loạn), hoặc thấy được Phật-thân hiện tiền, hoặc thấy được Thật-tướng của pháp thân, gọi là niệm Phật tam-muội, đây là niệm Phật tam-muội của lúc quả-thành. Niệm Phật tam-muội của « Hơn-hành » gọi là tu niệm Phật tam-muội của « quả-thành » gọi là Phật đắc.*
- (67) *Kinh Hoa-Nghiêm chép rằng : « Chư phương-tiện vi phụ » : Nghĩa là dùng tu các pháp phương-tiện làm cha, vì có thể gìn được cái tâm không cho tán-loạn, để cho trí-tuệ được thành, cũng như cha hay giữ dạy các con được nên thân. Chính như pháp Ban-Châu niệm Phật tam-muội là làm cha, cũng lại như thế.*

(68) « Hột giống thân nhưt » : Niệm Phật là nhơn, thành Phật là quả, với cái kết-quả thành Phật, dù có nhiều nhơn-duyên, như : giữ giới, lạy Phật, tụng kinh, hành lục độ, nhưt thiết đều hồi hướng về tịnh-độ, đó đồng là « sở duyên », nhưt chính cái niệm Phật là « Thân nhân » vì thân-thiết nhưt. Tỷ như với cái kết-quả hột lúa, dù có nhiều nhơn-duyên, như : đất, nước, ánh sáng, không-khí, nhân-công đều là phần sở-duyên, nhưng chính hột giống là thân-nhân, vì nó thân-thiết nhưt với cây lúa và bông trái sau này... Vậy biết hột-giống nào kết quả nấy, nên hột-giống là phần thân nhưt, còn thì là duyên phụ-trợ.

Lại nữa, niệm Phật thành Phật cũng gọi là thân-sanh, nghĩa là : 1) Nhờ chấp-trì danh-hiệu Phật A-Di-Đà mà được vãng-sanh về tịnh-độ. 2) Dùng bản-trí của mình mà cầu Phật-trí, cũng như nhờ chấp-trì danh mà được nhưt-tâm bát-loạn, cũng gọi là thân-sanh. Nên gọi Pháp niệm Phật là cha của các vị Bồ-Tát ! Vì nó hay sanh đẻ pháp-thân !

(69) Viễn hành đệ, làm danh « đệ thất địa » : Giữa thập địa Bồ-Tát. Bồ-Tát ở ngôi thất-địa này là trụ vào pháp quán thuần là vô-tướng, xa khỏi hơn các cái hữu-tướng, hữu-hành của thế-gian và nhị thừa !

(70) Trang-nghiêm Phật-độ : Bồ-Tát hành lục-độ để thân, khẩu, ý của mình được thanh-tịnh... ; và giáo hóa chúng sanh cũng hành thập-thiện trừ thập-ác, để cõi nước Phật được thanh-tịnh, nên gọi là Bồ-Tát cải tạo thế-giới cho được tịnh-nghiêm. Trái lại, ma-vương dạy chúng-sanh làm ngũ-nghịch, thập-ác, cạnh tranh, phần đấu, đạo-tặc, chiến-tranh, uế-ác, là làm ô-trược cõi nước Phật. Vậy thiện là tịnh Phật quốc-độ, tạo-ác là uế-trược quốc-độ.

(71) Sức nhẫn tùy thuận. Tức là « tùy thuận xáo phương tiện ». Nghĩa là : thuận theo để giáo-hóa, khiến chúng sanh này lòng tin-mến nói : pháp thâm-thâm để cho dễ hiểu, kêu bằng Bồ-Tát bất nghịch nhơn ý. Cũng như ý nghĩa « nhi-thuận » của Không-Tử.

(72) Thế-giới diệu-hỉ : Quốc-độ của Duy-Ma cư-sĩ. Kinh Duy-Ma, phẩm kiến A-Súc Phật quốc chép rằng : « Phật bảo Xá-Lợi-Phất. Có cõi nước tên Diệu-Hỉ, Phật hiệu là Vô-Động, là Ông Duy-Ma Phật từ nước kia ăn thân, đi đến sanh ở đây ».

- (73) Sơ-địa. Tức hoan-hỷ địa, là một trong mười địa của đại thừa Bồ-Tát : Bồ-Tát đã đầy đủ công hạnh của một sơ A-Tăng kỳ-kiếp, mới chứng đắc thánh-tánh, vì đã phá trừ rồi kiến-hoặc, tỏ được cái lý ngã-không, pháp-không, nên cả sanh lòng hoan-hỷ, gọi hoan-hỷ địa.
- (74) Đức Văn-Thù có bài kệ vãng sanh : « Nguyên ngã mạng chung thời, tận trừ nhứt thiết chư chương ngại, diện kiến bĩ Phật A-Di-Đà, tức đắc vãng-sanh an-lạc sát ».
- Hai bài vẫn một ý nghĩa, dù là đại đồng tiểu dị. « Tận trừ chư chương-ngại » : Là nguyên khi sắp thờ hơi cuối cùng, đừng có các điều chương ngại ; như : Mê sáng, đổ chầy đại tiểu tiện ra, cho đến tiếc thương điều này sự nọ. Vì lúc lâm chung mà có mấy chương ngại đó, thì không mong gì vãng-sanh được !
- (75) Thần : Là nghĩa mà người thường chẳng xét lường được ; Thông : là nghĩa không chi ngăn ngại. Nói chung là cái lực dụng đã chẳng xét lường mà lại không ngăn ngại, gọi là Thần-thông. Du-Hí ; Đạo chơi. Tức là đã đắc 5 thần-thông, hoặc 6, hay 10 thần-thông ; Đạo chơi qua các thế giới khác, và địa-ngục, như Đức Địa-Tạng cũng là bậc thần-thông du-hí. Sách Đại-thừa chương nghĩa nói : Với chỗ ra làm lạ lùng lắm, gọi là thần, với tác dụng không chỉ làm ứng-tất, gọi là Thông. Như Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát thiên biến vạn hóa ! !
- (76) Nguyên vì vườn cây của Thệ-Đa Thái-tử, nên gọi là rừng Thệ-Đa... Ông Tu-Đạt Trưởng-Già mua lấy rồi kiến thiết tịnh-xá để hiến Phật ở giảng-giáo độ-sanh. Thệ-Đa : Dịch là chiến-thắng, Thái-tử của vua Ba-Tu-Nặc ở nước Cu-Tát-La. Sách Tây-vực-kỷ nói : Thệ-Đa Lâm, Thắng lâm.
- (77) Sách Hoa-Nguyên Huyền-Đàm chép : Hàng thượng Đức Thịnh-văn không thấy nghe gì được với « gia-hội », bậc Tích-Hạnh Bồ-Tát phơ vi, vậy lọt đọt nơi « long môn ». Nghĩa là các Bồ-Tát tu đã nhiều kiếp, lắm hạnh không thể hiểu nổi cái đạo lý đại-thừa viển-đốn, mà phải lui ngã xuống Tỷ như cái cấp thứ 3 của « vũ-môn », cá nhảy qua không khỏi được, phải té xuống trầy vi tróc vẩy phơ khô, thành vị thuốc « long-cốt ». Ý rằng : Phật giảng kinh Hoa-Nghiêm, các vị Thịnh-văn. Bồ-Tát kia nghe không nổi, hiểu không thấu, phải rút hết, tỷ như cá đi thi nơi « vũ-môn ». Con nào nhảy qua khỏi cấp thứ 3 thì được hóa rồng, trái lại thì rút xuống bị chết phơ khô ! !

- (78) Phơi mang, cũng là trầy vi tróc vảy phơi khô nói trên. Xét rằng : Vũ-môn cũng là long môn. Sách Hậu-hán chép chuyện Tư Mã Thiên. Ông Thiên được sanh tại long-môn. Lời chú rằng : Vua vũ tạc ra cửa rồng. Sách Tân-Thị Tam-Tần chép rằng : Bên sông có một tên là long-môn, thế nước nó hiểm trở chẳng thông, các loài cá, tránh khó mà lên đặng ! Con nào lên được thì hóa rồng v.v...
- (79) Chẳng giải đặng lòng nghi. Có hai thầy Bí-Sô : Một thầy phạm giới dâm bằng vô tâm ; một Thầy [phạm giới sát bằng không cố-ý ; đều đến xin sám-hối. Ngài Ưu-Ba-Ly cứ luật kết tội là thật dâm, thật sát. Hai Bí-Sô nghi rằng : Tuy có phạm, nhưng là trường hợp vô-tâm, mà sao lại thành tội cố phạm ? ! Ngài Duy-Ma cho trí của Ưu-Ba-Ly như lửa đốt. Thì trí Duy-Ma như ánh sáng mặt nhật, vì tiêu tan lòng nghi như nắng tiêu tan sương tuyết. Sáng của lửa đốt là tỷ-dụ cho trí của Thỉnh-Văn, ánh nắng là tỷ-dụ cho trí của Phật. Sáng choang là dụ trí của Bồ-Tát, ánh lửa ví trí của Thỉnh-Văn.
- (80) Sách Vĩnh-gia chứng đạo ca nói : « Có hai Bí-sô phạm dâm sát, Ba-Ly ánh đốt thêm tội phạt. Duy-Ma quả cái, liền dứt nghi. dường như ánh nắng tan sương tuyết ».
- (81) Với hai Đệ-tử, Ngài Xá-Lợi-Phất dạy cho : Một trò tu pháp quán bất-tịnh, một trò tu pháp quán đếm hơi thở, đã lâu mà chưa có ích lợi gì, tâm muốn phản đạo. Đến lạy Phật xin về. Phật hỏi : Vậy nhớ hồi còn ở nhà, làm nghề-nghiệp gì ? Trò mà tu đếm hơi thở : Con là con nhà giữ nhị-tỳ (nghĩa trang). Trò mà tu quán bất-tịnh thưa rằng : Con là con nhà thợ rèn thợ đúc. Phật bảo hai trò đổi nhau phép quán để tu lại... Không bao lâu đều chứng đạo quả. Tu snap quán bất-tịnh là : Quán-tướng cái thân của người chết... để tu trừ cái tâm tham sắc dục. Tu quán đếm hơi là để diệt cái tâm tán-loạn. Người ở nhị-tỳ đã thường thấy tử-thi, nên dễ tu mau thành ; ở nhà thợ rèn thường thấy hơi thổi ống bể, nên dễ tu pháp đếm hơi.
- (82) Ba tâm trọn pháp : 1.- Chí-thành tâm : Cái tâm chơn-thật nguyện sanh về tịnh-độ ; 2.- Thâm tâm : Cái tâm thâm-thiết cầu sanh tịnh-độ ; 3.- Phát nguyện hồi-hướng tâm : Quay đem

những công đức đã tu, hướng về nguyện vãng-sanh tịnh-độ, người niệm Phật mà đủ ba cái tâm ấy đặng sanh về nước kia, như kinh Vô-lượng-thọ đã nói...

- (83) A-Dà-Đà. Dịch là Phò-Khử, vô-giá, vô bệnh. Thứ thuốc hườn. A : Phò ; Đà-Đà : Khử ; nghĩa là : ăn thuốc đây khắp trừ các bệnh. Lại, A : Vô ; Đà-đà : Giá ; Rằng thuốc đây công rất cao, giá trị vô lượng. Lại, A : Vô ; Đà-đà : Bệnh ; rằng uống thuốc này, không còn có bệnh gì nữa...

A-Dà-Đà ; Độc-vị, mà công dụng hay gồm cả thứ thuốc khác.

- (84) Đời nhà Tày, Ông Vương-Độ có được cái bửu-kính... lúc ông đi làm quan Huyện-lệnh, trong huyện có cây đa lớn, có thần, hề tán quan nào đến, đều cúng thần cây đa ấy, không thì bị làm quái dị. Đến tối, quan Huyện bảo lính lệ đem bửu-kính treo lên cây, đến nửa đêm mưa to, dông sét lớn, rặng ngày coi lại thì cây đa rách nát hết, dưới gốc bông có con đọi măng xà chết nằm đen. Lại một hôm, ông đến nơi quán trọ, thấy trong nhà người ấy, lại có một cô thiếu-nữ rất đẹp lạ lùng ! Ông hỏi... ? Chủ quán thưa : trước đây chừng vài tháng, có một hành khách dẫn cô ấy đến gửi ở đây, nói rằng : Bữa sau lại dắt đi, thế mà mãi đến ngày nay bật vô âm tín... Ông Vương-Độ nghe lấy làm ngờ là chẳng phải loài người, nghĩ rồi len lén lấy bửu-kính ra, thì, cô gái ấy liền đến xin tha chết bằng cách quá sợ sệt, mà thú thật rằng : Thiếp là con chồn cáo, lừa hãm hại đã nhiều người, nay phải chịu chết dưới tay Ngài, vậy cúi xin ngài cất bửu-kính, thiếp chịu chết. Độ gợn : giữu bửu-kính dựng người trốn há ? Con yêu thưa : Kính thần sáng thiêng, còn chỗ nào trốn dựng ! Xin được no say một bữa, sẽ đền tội chết. Cho uống ăn say mềm, rồi nằm co lại, thì con chồn cái chết trên sân.

- (85) Ma Chương. Thâm-tâm là ngũ âm : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ; năm âm ấy nó hay sanh ra nhiều điều chương ngại làm náo hại chúng-sanh, nên gọi là Ma-sát hại.

- (86) Sách Di-Uyển nói : Con sơn tinh nó giống hình người, nhưng chỉ có một chơn, ưa ăn cua nái. Dã-mị : Con vật nào quá già thành quỷ, nó ưa biển hiện ra để lừa hại người

- (87) Thiên-ma tâm ma : Thiên-ma tức là trời ma vương ở cung trời thứ sáu của dục giới, tên là ba-tuần, dịch : Ác-ái, chúng có bề dáng nhiều vô-lượng, thường đem ác cảm làm chướng ngại cho kẻ hành đạo Phật, và khiến cho phóng-dật để tự giết thân, nên gọi là Ma-la : Dịch là chướng sát. Tâm ma tức là con ma phiền-não, đời phiền-não nó là ác-ma, vì ưa cướp hại việc lành của thế-gian, và xuất thế-gian.
- (88) Chứng bệnh bãng năm. Thầy Mạnh nói : Ngày nay, phàm là người muốn thi an nước nhà, dường như người đau đã bảy năm, mà tìm cơ ngại ba năm. Ngại là điệp-ngại, tức là cây thuốc-cứu, để khô càng lâu lại càng hay. Ví dụ : Với việc làm phải dự bị trước.
- (89) Vọng-lự : Là vọng-tưởng, Duyên trần : Là tâm vọng-tưởng nó wa tu-tự, để duyên qua cảnh năm trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, cũng như nói : Duyên là các sự vật nó liên-quan với cả trong lẫn ngoài của thân ta. Duyên ấy thế nó hư vọng không thật, nên nói vọng-lự duyên trần, lại sự vật ấy nó làm những duyên để ta sanh khởi vọng-tình.
- (90) Như con bò hay trâu nghé vì bị mang cái ách-cộ là khở, rồi muốn phá cho hư cái cộ hay xe đi, ngộ được khỏi khở ; thì người chủ nó lại tạo cái xe khác nữa, thì đi lại cũng vẫn hoàn còn khở ! Cũng như người ta chán cái thân này là khở liền tự thiêu cho hoại thân đi, chết là hết khở : Chứ nào có biết cái thân này hoại, thì cái nghiệp-chủ nó đi chịu cái thân sau để tiếp-tục thọ báo khở nữa, vì chưa hết nghiệp hoặc kia mà !
- (91) Nhơn-không : Lại tên là Sanh-không, Ngã-không : nghĩa là quán-sát cái thân con người là do năm uẩn mượn lẫn nhau để hòa-hợp làm một cái nhơn-tướng, lại là do nơi nhơn-duyên cũng như đủ điều-kiện mới sanh thành ra được bằng cách giả-dối, vì biết trong đó nó chẳng có cái ngã thể là « thường » hay « nhất » gì hết, nên nói là « nhơn-không ». Chúng nhận được lẽ chơn-không rồi, nhơn đó đoạn được tất cả phiền-não, rồi đắc quả Niết-Bàn, đó là chỗ cực-diêm của Tiểu-thừa giáo. Bên Đại-thừa lập ra cái lý : Tất cả pháp « sự vật » đều có cái tánh chơn-như, rằng không cái chấp nhơn-ngã (đối với pháp ngã) đó, là nói nhơn-không để rõ tánh chơn-như. Sách Không-Chương-Mục nói : Đến không còn ngã-chấp, là rõ bày tánh chơn-như, gọi là nhơn-không.

- (92) Căn-bản tịnh nhiễm : Do nơi tam độc là tham, sân, si làm « căn bản » vô-minh ; vô-minh sanh ra 12 Nhơn-duyên, tùy-thuận tạo ra thập thiện là « tịnh », thập ác là « nhiễm », vì có chấp ta làm thiện, làm ác. Lợi hành thập thiện bằng hữu-tướng là nhiễm, vô-tướng là tịnh, tịnh là vô-lậu, vô-lậu chỉ tự-lợi là Thanh-Văn, vô-lậu mà lợi-tha là Bồ-Tát, vì không luôn cả pháp không nữa.
- (93) Pháp không : Là không còn chấp pháp, từ trong thâm tâm, cho đến ngoài là quốc-độ, tất cả sự vật hiện-tượng, đều không chấp nhứt, phân biệt làm cảnh sở-hữu ngoài tánh chơn-như. Thế là đều không luôn cả cu-sanh pháp-chấp phân-biệt pháp-chấp kêu là « Độ sanh vô-tướng... hành-thí vô ngã... » tức là : Vô ngã, vô nhơn ; vô chúng sanh ; vô thọ giả.
- (94) Định tánh xiển-đề : Định tánh người có cái chủng-tử (tánh) duy nhứt (định) xiển-đề ; Kêu đủ là nhứt xiển-đề. Dịch là chẳng đủ đức tin, là nghĩa bất thành Phật. Lại có hai nghĩa : 1.- Đoan-thiện xiển-đề, dấy lòng đại tà-kiến, dứt hẳn tất cả căn lành, vì vì bác bỏ hết thấy việc lành. 2.- Đại-bi xiển-đề : Bồ-Tát có cái tâm đại-bi, nguyện độ tận chúng-sanh đều thành Phật, nhưng mà chúng-sanh vô-tận, nên Bồ-Tát hẳn không có cái thời kỳ thành Phật. Sách Chí-Quán nói : Xiển-đề có tâm còn có thể thành Phật ; nhị-thừa vì diệt trí, nên tâm đại-thừa chẳng phát-sanh đặng.
- (95) Cái võng ngọc : 1.- Có chỗ nói Đẽ-võng, hay Đẽ-thanh là cái võng bằng ngọc thanh sắc-bửu. Như nói Đẽ-thanh bảo võng, quang giới trùng trùng... Đó là của thiên Đẽ-thích. 2.- Có chỗ nói Phạm-võng là : cái võng báu hơn hết của trời Phạm-vương, cũng ánh chiếu lẫn nhau vô-cùng vô-tận, rước Phật ngồi lên trên bửu võng ấy để nói Bồ-Tát giới, hơn đó lập kinh Đẽ bằng dụ là Phạm-Võng kinh Tâm-Địa Phàm v.v...
- (96) 12 Bộ-phận cũng như 12 Phần-giáo :
- | | | | |
|----------|-----------|--------------------|---|
| Đại-thừa | Tiêu-thừa | : Trường-hàng | 1 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa | : Trùng tụng | 2 |
| Đại-thừa | | : Thụ-ký | 3 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa | : Cô-khởi | 4 |
| Đại-thừa | | : Vô-vấn tự thuyết | 5 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa | : Nhơn-duyên | 6 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa | : Thí-dụ | 7 |

Đại-thừa	Tiêu-thừa :	Bổn-sự	8
Đại-thừa	Tiêu-thừa :	Bổn-sanh	9
Đại-thừa		: Phương-quảng	10
Đại-thừa	Tiêu-thừa :	Vị-tăng-hữu	11
Đại-thừa	Tiêu-thừa :	Luận-nghị	12

(97) Như-như : 1.- Tướng : là pháp hữu-vi lổ-xổ muôn-tướng, pháp nào cũng đều tự nhơn-duyên sanh ra để chường bày tướng-trạng của các thứ. 2.- Danh là cũng nương nơi nhơn-duyên để kêu gọi cái tướng của các pháp kia, mà nảy ra cái danh của mỗi pháp. Bởi tướng là sở-thuyên, còn danh là năng-thuyên. Tướng, Danh ấy là cái cảnh sở biến do nơi tâm hữu-lậu của phàm-phu nó biến-hiện ra. 3.- Phân-biệt, cụ dịch là vọng-tướng, là cái tâm năng-biến ra 2 cái tướng phân-biệt và sở biến. Ba pháp trên đó, là phần năng biến và phần sở biến của tâm hữu-lậu. 4.- Chánh-trí là tất cả vọng-tướng nó xen vào tâm vô-lậu. Bốn pháp trên đó chung là pháp hữu-vi, để riêng biệt phần hữu-lậu và vô-lậu. 5.- Như như là cái chơn-như do chánh-trí trước mà chứngặng ; bởi do nơi trí đúng như lý mà chứngặng chơn như, nên nói là như như, là phần vô-vi. Dùng năm pháp ấy để gồm thâu tất cả các pháp hữu-vi và vô-vi, không sót một pháp nào.

(98) Tánh viên thành thật : 1.- Biến-kế sở chấp tánh : Bởi phàm-phu vọng chấp nên nhận lầm là thật có vật-chất, cái vọng-tình phàm-phu khắp kể so-đo các pháp (sự-vật), nên nói là biến kể. Tỷ như : thấy sợi dây nhận lầm là con rắn, chớ không phải có thật thể con rắn, chẳng qua là vọng tình mê chấp cho là rắn đấy thôi, nên nói biến-kế sở chấp tánh. Bởi đối với trong và ngoài thân tâm, chúng ta nhận lầm thật có ngã, thật có pháp cũng thế. Vì là cả vạn pháp hữu-vi, đều là pháp bởi nhơn-duyên mượn nhau hòa hợp đó thôi, chớ không có một chi là thật ngã hay thật pháp gì cả, mà chỉ là cái vọng-tình nó chấp lấy đo lường nhận lầm là ngã là pháp, thì ra do vọng-tình mà còn, chớ không thể rời vọng-tình mà có được.

2.- Y-tha khởi tánh : Tất cả muôn pháp đều nương nơi nhơn-duyên để sanh khởi, thật thể. Tha : Nhơn-duyên, lấy chân-tử của A-Lại-Da-Thức làm cái nhân đệ nhất, mượn lấy mỗi mỗi trợ duyên kia « Tha » để sanh khởi, thì ra là vọng-tình mà vẫn còn. Tỷ như : sợi dây nó do nhơn-duyên là bả gai hay bở... Để sanh khởi.

3.- Viên-thành thật-tánh : Cái tánh chơn-thật đầy đủ nên cũng gọi là : pháp tánh chơn như... là cái thể-tánh của tất cả pháp hữu-vi, in tuồng như cái thật-tánh của tất cả pháp hữu-vi, in tuồng như cái thật-tánh của đây là gai hay bõ.

Song biến-kế-sở-chấp tánh là vọng-hữu ; y-tha-khởi tánh là giả-hữu ; viên-thành-thật-tánh là thật-hữu.

- (99) Ngã : chủ-tể, Phạm-phu không rõ thân ngũ-uẩn này là nghĩa mượn hòa-hiệp, mà lại cố chấp rằng thân-thể người thật có tự-chủ, tự-tại, gọi là nhơn-ngã ; chú rõ thân ngũ-uẩn là nghĩa mượn hòa hợp hẳn không có nhơn thể, nên nói nhơn vô ngã, đó là cái lẽ quán sát của tiểu-thừa, dùng để dứt cái chướng phiền-não, mà đắc quả Niết-Bàn.

Cố chấp các pháp có thật-thể, có thật-dụng, thì gọi là pháp ngã ; nay hiểu các pháp do nhơn-duyên sanh, nó hẳn không có tự tánh, thì gọi là pháp vô-ngã. Đó là lẽ quán-sát của Đại-thừa Bồ-Tát, để đoạn cái chướng sở tri, mà đắc Bồ-Tát đạo.

- (100) Sự sự vô ngại pháp-giới. Tất-cả chia ngăn mỗi sự mỗi pháp nhứt nhứt đều đúng thức tánh, vì suốt lẫn với nhau bằng mỗi lớp mỗi lớp vô cùng vô tận (xin xem ở số 12).

- (101) Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đây là Thiên-Thai tông phân làm « Hóa pháp tứ giáo ». 1.- Tạng giáo tức tam tạng là kinh, luật luận, phân rành từ bộ, từ loại, nói về pháp tứ-đế nhơn-duyên sanh diệt, chính là để dạy cả Thỉnh-Văn, Duyên-Giác gọi là nhị-thừa, mà rộng ra thì cũng hóa-độ đến Bồ-Tát nữa. 2.- Thông-giáo : nói về pháp tứ chơn-đế bằng lẽ tức không vô-sanh, cả tam thừa thông đồng học-tập, nhưng dùng Bồ-Tát làm chính cơ, còn nhị-thừa làm bàng-cơ. 3.- Biệt giáo : riêng biệt đối với Bồ-Tát, để nói pháp đại-thừa vô lượng-ngĩa, chỗ chẳng đồng với người bực nhị-thừa. 4.- Viên-giáo Đối : với Bồ-Tát bực tối thượng lợi-căn, để nói về pháp trung-dạo thật-tuồng bằng sự lý viên-dung. Bốn giáo ấy là pháp-môn để giáo-hóa chúng sanh được lợi-ích, nên gọi hóa-pháp tứ-giáo.

- (102) Cây thuốc chữa : Thảo mộc đều có thể trị lành bệnh, mà trong cả được thảo, thứ nào hay nhứt hơn hết, được gọi được-vương-thụ. Như Hoa-Nghiêm kinh nói : Có cây thuốc thượng hảo, gốc

rễ ăn sâu, cành lá bủa khắp, rễ, cọng, nhánh lá đều trị lành các bệnh; ai nghe hương vị của nó, cũng đều lành bệnh hết cả. Bồ-Tát cũng thế dùng Đại-bi ướp thân, nên từ hình thê đến tiếng-tâm, đều lợi-ích cho chúng sanh, gọi là cái thân Đại-Dược-Vương. Kinh Pháp-Hoa Nhập-sớ chép rằng : Đối với Đức Quán-Thế-Âm, chúng sanh nào được thấy thân thê hay nghe tiếng tâm, đềuặng hết bệnh khổ, vì thân Bồ-Tát như cây thuốc chúa, nên nói « Phở môn thị-hiện cứu-khổ tâm-thinh ».

- (103) Viên-giác Phật : Pháp thân Phật của Viên-giáo là Tỳ-Lô-Xá-Na Phật. Pháp-hoa văn cú nói : Ấn 3 tướng trước, chỉ thị ra cái thân tướng bất-khả tư-nghì như hư-không tức là Phật Viên-giác, vì tự-giác, giác-tha, giác-hạnh viên-mãn.

Nghe pháp Phở-môn: Phở: khắp giáp; Môn: trí-giác khai thông không ngại, hay thông đường khiến người tỏ vào. Pháp-Hoa khoa-chú nói: Phở-môn pháp tức là Viên-thông pháp. Kinh Hoa-Nghiêm nói rõ trong một môn, thấu vào tất cả pháp, gọi là phở-môn pháp; Sách Tham-Huyền Ký nói: Vào pháp tông-trì duyên-khí, trong một môn liền thông gồm cả viên-dung pháp-giới, nên nói Phở-môn.

- (104) Bát-nạn lên thập-địa : 1.- Địa-ngục khổn khổ vì quá tội khổ. 2.- Ngạ-qui khổn khổ vì quá đói khát. 3.- Bàn-sanh khổn khổ vì quá si-mê. 4.- Uất-Đon-Việt, khổn khổ vì quá vui sướng không tu được. 5.- Trường-thọ-thiên, là : các trời và ở trung giới, thượng giới, vì quá ư sống lâu khó giải-thoát để tiến-tu, và quá ư hưởng phước vui cũng không tu được mà thành ra khổn khổ. 6.- Những kẻ điếc, đui, câm, ngọng, giữa nhơn gian, khổn khổ vì 6 căn chẳng đủ, thiếu cái tướng người. 7.- Thê-tri biện-thông : khổn khổ vì xảo ngôn biện bác : phải nói ra quấy ; quấy nói ra phải, nói sao nghe cũng có lý được cả, những thất đức ác khẩu vì mất sự thật. 8.- Phật tiền Phật hậu : Người sanh trường ở chỗ không có pháp Phật và giữa quãng đời giữa hai đức Phật, nghĩa là Phật trước đã qua đời, Phật sau chưa xuất-thế, mà ở chỗ chẳng có chùa Phật, đạo pháp gì ; còn chỗ có đạo Pháp, và có thấy nghe tu học được thì khỏi bị cái nạn đó.

- (105) **Thắng-Ứng thân, Liệt-Ứng thân** : *Thắng-Ứng thân* cũng gọi là « *Tôn-Đắc thân* ». Tờ *Thiên-Thai* lập ra ba thân : *Pháp Báo* và *Ứng*. Với *Báo-thân* lại phân làm hai : 1.- *Tự-thụ-dụng-thân*. 2.- *Tha-thụ-dụng-thân* : Đối với cái *Báo-thân* bằng tự thụ dụng, thì kêu cái *Báo-thân* bằng *Tha Thụ-dụng*, là : « *Ứng-thân* » ; Đối với thứ ba *liệt-ứng-thân* trọng lục thì kêu *Tha-thụ-dụng thân* là « *Thắng-Ứng* ». Vậy biết « *Thắng-Ứng thân* » tức là : *Tha-thụ-dụng Báo-thân*. Sách *Pháp-Hoa văn-cú Ký chép* : Nên với « *Tha-thụ-dụng-thân* », cũng được gọi là « *Báo-thân* », cũng được kêu là « *Ứng-thân* » ; dù *Thắng* hay *Liệt* cũng đều tên là « *Ứng-thân* » cả.
- (106) **Định-thiền tán thiện** : *Định* : là nghỉ dứt cái tư-lự để tâm ngưng trụ vào một cảnh ; *Tán* : là bỏ ác để tu lành, mặc dù tâm tán-loạn. Tóm lại, là đều đem hai hạnh ấy hồi hướng nguyện sanh về *Tịnh-độ*. Đời *Đường*, Ngài *Thiền-Đạo* đem 16 pháp quán của một bộ *Kinh Quán-vô-lượng-thọ Phật*, phân làm *định-thiền, tán-thiền* ; với 13 quán trước, dùng cái tâm *thiền-định*, để quán tưởng *Y-Báo, Chánh-Báo* của *Tịnh-độ*, nên gọi là : *Định-thiền*. Với 3 quán sau, dùng cái tâm *tán-loạn*, để tu cái hạnh 3 phước 9 phẩm, nên gọi là *tán-thiền*.
- (107) **tam chương tịnh nghiệp** : Lại tên là 3 điều phước : 1.- *Thảo nuôi cha mẹ, vâng thờ sư-trưởng, lòng từ chẳng sát-sanh, tu 10 nghiệp lành*. 2.- *Giữ và làm đủ các giới hạnh*. 3.- *Phát Bồ-đề tâm, tin sâu lý nhưn quả, đọc tụng kinh đại-thừa*.
- (108) **Bốn tánh** : 1.- *Tự-tánh hành* : *Bồ-Tát* tự tánh bấy lâu nay vẫn hiền lành, hiếu dưỡng phụ mẫu, kính thuận *Sa-môn*, làm đủ 10 điều thiện. 2.- *Nguyện-tánh hành* : *Bồ-tát* phát tâm nguyện thành đạo tác *Phật*. 3.- *Thuận-tánh-hành* : *Bồ-tát* thuận theo 6 độ để thuận hành. 4.- *Chuyển-tánh-hành* : *Nhơn-công* tu hành, để chuyển phàm thành thánh. Thấy rõ trong *Phật Bồn-Hạnh tập kinh* cuốn nhứt.
- (109) **Do-tuần** ; *Danh-từ* số dăm của *Ấn-Độ*, có 3 hạng : 1.- *Thượng do-tuần* : 80 dăm. 2.- *Trung do-tuần* : 60 dăm. 3.- *Hạ do-tuần* : 40 dăm. Mỗi một dăm là xa bằng ngón con trâu, nhỏ như con đê. (Tức là như một cây số ngàn).

(110) Cây báu Đạo-tràng : Kinh Vô-Lượng-Thọ cuốn thượng. Chép về chuyện cây Bồ-đề ở thế-giới Cực-Lạc như vậy : Cây báu nơi đạo-tràng của Đức Di-Đà, nó có vô-lượng ánh màu, thân cây cao đến 4 trăm muôn dặm, là chỗ Đức Di-Đà ngồi thành-đạo thuyết-pháp, đó là tịnh-độ hoàng-kim, nên cây Bồ-đề bằng ngọc báu. Còn ở uế-độ này nơi đạo-tràng chỗ Đức Thích-Ca ngồi thành đạo thuyết-pháp, thì cây Bồ-đề bằng gỗ.

Nói tóm lại, cây Bồ-Đề, hay chốn Đạo-tràng đều là tiêu-biểu của Đạo, từ sự đến lý... Đạo-tràng : Là cái trường đề học Đạo, như những chỗ Tăng chúng ở tu-hành : Chùa-chiền, Tịnh-xá, Hội-Quán Hội Phật-học v.v... đều gọi là Đạo-tràng. Cây Bồ-Đề, là Phật ngồi nơi gốc cây này tu-luyện mà được « giác-ngộ », chứng đặng « nhất-thế-đạo-chủng-tri » nên gọi cây này là cây Bồ-Đề, và đặt nó là cây Bồ-Đề ; Bồ-Đề là tiếng Phạm, (Bồ-Đề hay Bu-Đi, Bà-Đi, Bồ-Đà cũng thế). Tàu dịch là « giác-trí ».

(111) Do-tuần. Cựu dịch. Do-tuần ; tân dịch là : Thâu thiện-na, dịch nghĩa là : Hợp-Ứng : Kề Hợp-Ứng với bấy nhiêu đo lường, đồng với số trạm ở xứ này hồi xưa. Nguyên tiếng Phạm là : Yojena (xem thêm ở số 109).

(112) Ngũ nghịch : Ngũ-nghịch thông đồng của tam-thừa nói : 1.- Giết cha ; 2.- Giết mẹ ; 3.- Giết A-La-Hán ; 4.- Làm thân Phật ra máu ; 5.- Phá hòa-hợp Tăng.

(113) Na-do-tha : Dịch là : Số ức, có ba hạng : 1.- Một ức bằng mười vạn. 2.- Một ức bằng trăm muôn. 3.- Một ức bằng nghìn muôn. Na-Do-Tha, tiếng Phạm : Nayuta.

(114) Với sanh-thân cao lớn còn đợi nói rõ điều nghi : Có chỗ nói « Cái thân cao mười vạn ức Na-Do-Tha », đó là cái sanh thân (cũng như ứng-thân hay hóa-thân). Số là cái thân ở tịnh-độ, thắng hơn cái thân ở uế-độ, vì sanh thân bên tịnh-độ phải cao lớn chừng nó (bấy nhiêu đó), còn sanh thân ở uế-độ thì chỉ có một trượng 6 thước. Tri-lễ pháp sư, dùng 13 lần vấn-đáp để biện minh việc này, quyết định là cái thân cao lớn đặc-biệt. Rút ở sách Diệu-tông-sao.

(115) Bấy đời Phật : Kinh tràng A-Hàm đại-bđn nói : « Trước đây 91 kiếp về đời quá-khứ, bấy giờ có Phật hiệu là Tỳ-Bà-Thì

(Vipasyin) ; kể, 31 kiếp trước đây, bấy giờ có Phật hiệu là Thi-Khí Như-Lai (Sikhin) ; cũng trong kiếp trên, bấy giờ có Phật Tỳ-Xá-Bà (Visvabhù) ; giữa kiếp hiện đây, trong tiêu kiếp thứ 9, có đức Câu-Lưu-Tôn Phật (Krakucchanda) ; (Đức Câu-Na-Hàm (Kanamuni) ; đức Ca-Điếp (Kàsýapa) ; Ta (đức Thích-Ca) nay cũng ở trong kiếp thứ 9 của hiện kiếp này ». Kinh Đại-Bi nói : « A-Nan ! Giữa kiếp hiện này, sau khi Ta nhập diệt rồi, qua tiêu kiếp thứ 10 về sau, còn có 996 đức Phật nữa tiếp tục ra đời, như trước Ta thì đức Câu-Lưu-Tôn là số 1, Ta là số 4, qua tiêu kiếp thứ 10 : Di-Lặc-Phật là số 5. Đến tiêu kiếp thứ 20, đức Lu-Cha Như-Lai là số 1000, người phải biết thứ lớp như thế », (với 1.000 Phật trên xin xem cái biểu đồ ở bộ Nguyên Nhơn Luận).

Luận Trí-Độ nói : « Trước Hiện kiếp 91 tiêu kiếp, ban đầu có Tỳ-Bà-Thi : giữa tiêu kiếp thứ 31 trước đây có hai đức Phật là Thi-Khí. Đệ Thứ-Bà-Phụ ; trong hiện kiếp đây có 4 Phật là : Ca-La-Cưu-Xà-N-Dà, Ca-Na Đà-Mưu-Ny, Ca-Điếp, và Thích-Ca Mâu-ni ». Ba đức Phật trước là Phật ở về khoản rốt kiếp trang nghiêm của quá khứ ; còn 4 Phật sau là : Phật ở về tiêu kiếp thứ 9 trong kiếp trụ giữa như hiện của kiếp hiện tại.

- (116) Tu sáu pháp niệm 1) Niệm Phật là từ-bi Đại-đạo-Sư ; 2) Niệm pháp là tam thể Phật mẫu ; 3) Niệm Tăng là nhơn-thiên phước-điền ; 4) Niệm Thiên là trường thọ an-lạc ; 5) Niệm giới là thân tâm thanh-tịnh ; 6) Niệm trí là phổ-tế bản-cùng.
- (117) Cùng chia sáu cận : Sách Vinh-Gia Tập nói : Tỷ, như ba con thú Voi, Ngựa, Thỏ đồng lội qua một dòng sông, lại phân-biệt nhau về sáu cận, vì cận, giề của ba con có dài, ngắn khác nhau. Voi dụ Bồ-Tát ; Ngựa tỷ như Duyên-giác, Thỏ ví Thích-văn ; sông tỷ là lý chơn-không của Đạo. Lý chơn-như vẫn một, tùy theo trình-độ của ba hạng người có cao và thấp, nên sự thấy có khác nhau.
- (118) Phước hơn thiên cung : Lời tựa sách Qui-Nguồn có 2 câu : « Hạ-sanh du thắng bách thiên cung nan nghĩ u đồng luận ; thượng phạm duy cao, nhất an dưỡng vô cùng chi Cực-Lạc ». Đại ý là : Người niệm Phật, được vãng-sanh dù là ở hạng rất thấp, nhưng hưởng phước vui hơn gấp trăm lần phúc vui của thiên-cung ; còn tu niệm Phật được bậc cao nhất thì càng hưởng phúc vui nhiều đến vô cùng.

(119) *Cụ-phược phạm-phu* : *Phiền-não* nó trói người đời, đem buộc trong lao ngục sanh-tử, gọi là *phược* ; người mà đủ có *phiền-não*, gọi là *cụ-phược* : tức là tất cả *phạm-phu*. *Kinh Anh-Lạc chép* : Chúng *cụ-phược phạm-phu* chưa biết ngôi *Tam-bảo*. Tức như hiện nay những người mà không biết *Phật, Pháp, Tăng*, cứ mê sa trong vũng bùn ngũ-đục chính là bọn *cụ-phược phạm-phu* đó.

(120) *Thỉnh danh cú văn* : *Thỉnh* : là một trong năm trần : (*Sắc, thính, hương, vị, xúc*), gọi là *thỉnh trần* do 4 đại (4 nguyên chất lớn) tạo ra, nó thuộc về *sắc pháp*, cảnh sở đối của *nhĩ-căn* *Phật* dùng *thỉnh* để thuyết pháp, như *đồ-đặng tế-độ* chúng-sanh, nên dùng *thỉnh* làm *Phật-sự*, lấy *thỉnh* làm *giáo-thê*. *Danh* : là tên của chữ ; *Cú* : Là ráp chữ thành câu ; *Văn* : là chữ ráp nhiều nét thành chữ. *Luận Khởi-Tin* chép về *giáo-thê* có 4 môn : môn thứ nhất là « *tùy tướng* » có 4 câu, câu thứ hai nói : hoặc : dùng âm thỉnh làm tánh, còn các thứ *Danh, Cú, Văn* là những cái quanh co trên âm-thỉnh, là mượn lấy đó để định nói lời này, lẽ nọ mà thôi, chứ ba môn ấy nó chả có *thê* gì cả, như : *Tự-mẫu, văn mẫu*, chỉ có giọng ngấm nga, mà không có nghĩa lý gì cả.

(121) *Mười môn* : 1.- Âm thỉnh ngữ ngôn ; 2.- *Danh cú văn thân* ; 3.- *Thông dùng 4 pháp* ; 4.- *Các pháp rõ nghĩa* ; 5.- *Thâu cảnh chỉ tâm* ; 6.- *Gõm duyên vào không* ; 7.- *Lý sự thắng ngại* ; 8.- *Suốt gồm sở-thuyên* ; 9.- *Sự sự không ngại* ; 10. *Ấn bề rõ bầy*.

(122) *Thiên-Vận* : *Văn tự* trong một bài, cả từ đầu chỉ cuối, gọi là một *thiên*, như *Thượng thiên, Hạ thi...*, *Vận* : *Văn bình văn trắc v.v...*

(123) *Dùng com thơm làm Phật sự* ; *Kinh Tịnh-Danh* chép : Trong nước *Chung-Hương*, *Đức Hương-Tịch Như-Lai* lấy com thơm để làm *Phật sự*. Nghĩa là *Phật* ấy thuyết pháp bằng hơi com thơm, vì chúng-sanh ở đây *tỳ-căn* thông lợi hơn các căn khác, nên chỉ nghe pháp bằng lỗ mũi tiếp xúc với hơi com mà tỏ *Đạo-lý*. Còn chúng-sanh ở *thế-giới Ta-Bà* đây, thì lỗ tai nghe pháp được thông lợi hơn các căn khác, nên *Phật Thích-Ca* phải tùy theo căn cơ mà thuyết pháp bằng âm-thỉnh, dùng tiếng tâm làm *giáo-thê*.

- (124) *Bổn-chất ảnh-tượng* : *Bổn-chất của thức, ảnh-tượng của thức, tự-chứng phần, và kiến phần làm bổn chất ; sở-biến tướng-phần làm ảnh-tượng.*
- (125) *Điều-quản-sát-trí* : *Đây là chuyển thức thành trí ; chuyển đời cái thức thứ 6 của phạm-phu, để tiến đến quả Phật, thì thức ấy nó thành ra cái trí điều-quản-sát. Nghĩa là xem xét các pháp, coi pháp nào nên nói cho vừa với trình-độ người nghe được lợi ích.*
- (126) *Bổn-chất-giáo* : *Như nhân-thức nó duyên qua sắc-cảnh ngoài ảnh-tượng (tức tướng-phần) sở hiện nơi nhân-thức ra, còn chủng-tử của A-Lợi-Da thức nó sở sanh cái sắc-pháp bằng thật chất, để làm chỗ cho ảnh-tượng ấy ký-thác, gọi là bổn-chất. Như ý-thức nó bỗng nhiên ngầm hiện lên cái tướng-tượng bằng cách hữu-danh vô-thật, như lông rùa, sừng thỏ, và hoa dấm trên không, thì nó chỉ có cái ảnh-tượng, chứ không có cái bổn-chất để ký-thác, nên gọi là « độc-ảnh-cảnh ». Sách Duy-thức thuật-ký nói : Trừ ảnh ra ngoài riêng có sở thác, tên là bổn chất. Những chỗ giảng nói như thế, kêu là bổn-chất-giáo.*
- (127) *Ảnh-tượng-giáo* : *Đối với ánh sáng, vật thể nó bị ngăn che, thì nó hiện ra bóng-dáng, với cái bóng ấy ta dù thấy được chứ nó không có thật-thể, tức là không. Đó là để ví-dụ các pháp không có tự-tánh. Chúng-sanh bị vọng-thức phân-biệt, với trên tâm hiện ra mỗi mỗi hình tướng, gọi là ảnh-tượng, thế cũng như ảnh-tượng trên nước, trong gương. Những chỗ giảng nói như thế, gọi là Ảnh-tượng-giáo.*
- (128) *Tăng-thượng-duyên* : *Một điều-kiện thêm mạnh lên. Quán Kinh Huyền-Nghĩa nói : Chúng sanh mà được vắng sanh về Tịnh-Độ đó, đều nương sức mạnh đại nguyện tịnh-nghiệp của Đức A-Di-Đà Phật, làm tăng thượng duyên. Tăng-thượng-duyên là một trong bốn duyên, tăng thượng duyên là một cái điều-kiện có sức mạnh để giúp cho một pháp nó được sanh khởi. Như nhân-căn nó năng sanh ra nhân-thức ; ruộng đất hay sanh trưởng lúa bắp. Sách Đại-thừa chương-nghĩa nói : Tăng-thượng-duyên là một phần mạnh để giúp cho một pháp nào chóng sanh khởi.*
- (129) *Ông Không-Sanh* : *(Tu-Bồ-Đề), Ngồi yên trên gộp đá ; giữa chốn hư không, trời Đê-Thích rải hoa xuống để cúng dường. Không-Sanh hỏi : Ai rải hoa chi đó ? Tôi là Thiên-Đê-Thích mà,*

(dưới thế này họ tôn xưng là Đức Chúa-Trời), hôm nay thấy Tôn-giả thuyết pháp Bát-Nhã rất hay, nên tôi rải hoa cúng dường. Tôi có nói, có thuyết gì đâu? Vì pháp Bát-Nhã chơn không kia mà, nên gọi là « vô pháp khả thuyết », thế thì có nói năng chi! — À! Thế thì Tôn-Giả Ngài không nói, thời tôi cũng không nghe. — Ủ! Vậy mới đúng lý Bát-Nhã chứ. Vì không nói, không nghe mới đúng thế chơn-không vô-tướng (Thị chư pháp không-tướng, bất sanh bất diệt v.v...).

(130) Mười môn : 1.- Ngã, pháp đều có ; 2.- Pháp có ngã không ; 3.- Pháp không tới lui ; 4.- Thông hiện giả chơn ; 5.- Tục đối, chơn thật ; 6.- Các pháp chỉ có danh ; 7.- Ba tánh lượng có ; 8.- Chơn không phi tướng ; 9.- Không, hữu, đều không ngại ; 10.- Viên-dung đủ đức.

(131) Ngoài có pháp trong có Ngã : Với trong căn thân, chấp có ngã tướng làm chủ-tể thì gọi là ngã chấp ; với ngoài khi giới, chấp có pháp-tướng, là những sự vật sở-hữu của بدن-ngã, thì gọi là pháp-chấp. Như chấp có thân thể của ta, tên tuổi của ta, danh-dự của ta ; thân thuộc của ta, nhà vườn của cái, xứ sở nước nhà của ta, đều thuộc về ngã và pháp chấp.

(132) Phật-pháp ngoại-đạo : Các phái ngoại đạo, đều chấp có, hoặc : « Thần ngã : linh hồn » là ta sống lâu..., hoặc « Pháp ngã : pháp màu » là luyện được tài hay phép thuật giỏi v.v... ; sau khi họ qui đầu, hay lợi-dụng Phật-pháp, mượn Phật làm danh, tuy nhân-hiệu bên ngoài là Phật-pháp, chứ nguyên-lai đầu óc chấp ngã chấp pháp vẫn còn nên gọi là : Phật-pháp ngoại-đạo.

(133) Y chánh hay báo : Chánh báo là tất cả thân thể của Đức Phật A-Di-Đà, và các Bồ-Tát cùng dân chúng trong cõi Cực-Lạc đều là tướng mạo thanh tịnh trang-nghiêm ; Y-báo là sự vật, lầu đài quốc-độ, đều là hoàng kim thất bửu rất là vi-diệu.

(134) Định huệ bình đẳng : Là thiên-định và trí-huệ : thâu dẹp được điều tán loạn của ý-thức, nói không vọng-động là Định ; xem xét sự này lý nọ đều rành mạch không mê lầm, là Huệ. Tu thiên-định quán-tướng, phải đồng thời vừa có Định, vừa có Huệ, quán-bình với nhau mới được. Chớ nếu chỉ có Định mà không có Huệ, thì cái định ấy là « khờ định » hoặc si-định thì hại lắm ! Còn nếu chỉ có Huệ mà không có Định, thì cái Huệ ấy gọi là

« cường huệ » hoặc « lão khẩu không », cũng như thế-trí biện-thông là một.

- (135) Chi-Lâu-Ca-Sám : Cũng kêu là Chi-Sám là một nhà Tăng ở nước Nguyệt-Chi, tức là nước Bạc-Khu-La (Bhukkhàra) ở phía Tây Ấn-Độ. Ngài qua Trung-Hoa, đời Hậu-Hán, trong khoảng triều Minh-Đế 58 — 74 Khang Tăng-Khải : Khương (Khang) : nước Khương-Cu, tức là nước Toát-Mạt-Kiến (Samankand) ở về phía Bắc nước Nguyệt-Chi. Ngài Tăng-Khải tức tên là Tăng-Già-Bạt-Ma (Samghavarman) qua nước Tàu đời Tào nguỵ, năm Gia-Bình thứ V (năm) Quý Dậu, 253), ở Chùa Bạch-Mã, thành Lạc-Dương Ngô-Chi-Khiêm : Ngô : Đông-Ngô (đời Tam-Quốc) Chi - Khiêm tự là Cung - Minh, một vị vu-bà-tác nước Nguyệt-Chi, sau một vị Cao-Tăng ở đời Hán-Một, tướng người nhỏ, cao, đen, ốm, mắt trắng, con người vàng. Tống Pháp-Hiền : Ngài Pháp-Hiền là người ở đời Triệu-Tổng (960 — 1296). Bồ-Đề-Lưu-Chí : (Bodhiruci) ; Dịch Pháp-Ái : người xuất thân nước Nam Thiên-Trúc, qua Tàu năm đời Đường, triều Vũ-Tác-Thiên ; dịch 3 Tạng kinh vào năm Tân-Hợi (711) cùng với Ngài Pháp-Tạng, Trần-Ngoại v.v... đồng dịch tại đình Cam-Lộc.
- (136) Già-Đà bộ bài kệ : Pháp-Hoa Huyền-tán chép : Già-Đà dịch là Tụng, nghĩa là xưng tụng, ca tụng, cứ 4 câu làm một bài tụng. Sách Đại-thừa Chương-nghĩa nói : Già-Đà dịch : Bài kệ không tụng lại nghĩa trường-hàng, chỉ dùng bài kệ để nói rõ bày các pháp, nên nói là Già-Đà. Tất cả hoặc mỗi câu 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, 9 chữ ; chẳng nói lại nghĩa trên, đều là Già-Đà.
- (137) Phù-tần đao-tần : 1.- Thuở đời nhà Châu, có người Phi-Tử, cháu chắt của ông Bá-Ích ; Phi Tử là người có cái nghề nuôi ngựa hay lắm ; nên được Châu-Bình-Vương (770—772 tức L.T.) yêu dùng, sau phong hầu đất Thiểm, quốc hiệu là Tần, thế là Doanh-Tần. 2.- Thuở Đông-Tấn (317—419), có ông Phù-Kiến, thế lực cường thịnh, chiếm cứ nơi Quan-Trung, lập Quốc hiệu là Tần, đó là Phù-Tần. 3.- Ông Dao-Trần làm tướng cho ông Phù-Kiến, sau Phù-Kiến bị thua nhà Tần. Dao-Trần cũng chiếm Quan-Trung ; truyền đến con Dao-Trần là Dao-Hưng, thế là Dao-Tần.
- (138) Nước Ku-Che (Cưu-Ty) : Cựu dịch : là Cưu-Ty, Cu-Chi-Năng ; tân dịch Quật-Chi. Cưu-Ty, mà người ta đọc trật vẫn là

Qui-Tu! Vì họ chỉ biết chữ Qui (rùa), chữ Tu hay chữ Tự (nay) mà thôi, chớ họ chẳng biết 2 chữ Qui-Tu nó còn có vần chính nữa là Cưu-Ty, nên đọc là Ku-Che đúng hơn.

Ku-Che là : một nước ở về lưu vực phía Tây nước Tàu, thuộc nhà Đường đặt là Ku-Che độ-hộ Phủ, tức nay là Huyện Khố-Xa của đất Tân-Cương, là xứ Phật-Giáo rất thanh-hành từ xưa nay ; Ngài Cưu-Ma-La-Thập sanh tại đó.

- (139) Sai tướng Lữ-Quang : Vua Tần Phù-Kiến, năm Kiến-Nguơn thứ 13, sai Lữ-Quang dẫn binh-trưởng qua đánh thắng được nước Ku-Che (trận viễn chinh này, mục đích không giành cướp chi hơn là chỉ đoạt được vị Pháp-sư mà thôi) rồi rước Ngài La-Thập Pháp-sư về, ca-khúc khải-hoàn ; đem quân về đến đất Lương-Châu, nghe Phù-Kiến đã chết, Lữ-Quang chiếm cứ ở đấy xưng Đế, quốc hiệu là Hậu-Lương (năm Kỷ-Sửu 389). Đến khi Lữ-Quang chết, cháu giòng Thúc-bá là Lữ-Long hàng đầu nhà Tần, bấy giờ Ngài La-Thập mới vào đến Quan-Trung ở nơi vườn « Tiêu-Diêu-Viên ».
- (140) Niên hiệu Hoàng-Thỉ năm thứ 11 : Hoàng-Thỉ một niên hiệu nước Tần trong khoảng niên hiệu Long-An của nhà Đông-Tấn từ năm Đinh-Dậu đến năm Canh-Tý (397 — 400).
- (141) Ngài Huyền-Trang pháp-sư : Một nhà Tăng đời Đường, du học qua Ấn-Độ, thụ học với Ngài Luận-sư Giới-Hiền, trải mười mấy năm, về nước chở theo hơn 650 bộ kinh, luận, cùng đệ-tử đồng dịch ra được 75 bộ, cộng được 1338 cuốn được hai Vua Thái-Tôn và Cao-Tôn (627 — 683) đều tôn trọng.
- (142) Trinh-quán năm thứ ba : Là năm Kỷ-Sửu (629).
- (143) Nước Xá-Vệ : Thiện-Kiến Luật chép : Xá-Vệ là tên người, xưa có người ở đấy, về sau nhà vua lập làm tên nước là Xá-Vệ quốc, một tên là Đa-Hữu-Quốc rằng : Có nhiều người thông-minh tài-trí và các thứ quí báu lạ lùng đều sản xuất nơi đây.
- (144) Trinh-Quán năm thứ 19 : Trinh-Quán là Kỷ-nguơn của Đường-Thái-Tôn ; năm thứ 19 là năm Ất-Tỵ (645).
- (145) Diện mạo như lúc còn sống : Người mà không dâm-dục, thì tinh-khí nó cứ kết thành nhiều khối : gia-di giới-thân huệ-mạng

huan kết thành tịnh-chất, thành thủ đầu thức tánh lia khỏi xác, mà tiền ấm thân vẫn còn như sống. Trái lại người mà tinh-khí ra hết, và không giới-luật duy trì, thì dù chưa tắt thở, mà sắc diện đã hiện tử-tướng hoặc là tái, xanh, hoặc thâm đen.

- (146) Với cây tùng, mà Ngài Huyền-Tráng ước nguyện chi đều được như thế đấy, là thêm một điều nữa cho ta biết rằng : « Vật ngã nhưt-như ! » Vì cây tùng ấy không phải vật ngoài tâm. Vậy, với lẽ cảnh không ngoài tâm, tâm tức là cảnh và tâm tạo thiên biến, do đây càng thêm thấy rõ, nếu mỗi người tâm như tâm của Pháp-sư. Kinh nói : Tình dữ vô tình cộng thành Phật đạo, lại càng chứng rõ. Tâm là Chánh-báo cảnh là Y-báo, nếu tâm ấy là tâm Phật, thì cảnh ấy sẽ là cảnh Phật, như cảnh Tây-Phương, Phật A-Di-Đà. Trái lại, nếu tâm là chúng-sanh thì cảnh ấy là chúng-sanh, như cảnh Ta-Bà này, do vì tâm trước của chúng-sanh gây tạo.
- (147) Ma Đảnh tùng : Cây tùng được rờ đầu là một pháp ma-dẫn thụ-ký của Phật-Tử xưa. Lại là một : đạo lý tâm năng chuyển vật. Cũng đồng một cảnh giới với « ngoan-thạch diềm đầu ». Trần-Đoàn nói : Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại... vậy thế hỏi « Duy-vật hay Duy-tâm ? » Chúng sanh được tiến đến trình-độ đó, thì thế-giới mới hết giặc cướp, vì vật ngã nhưt như, không phân biệt, bởi tâm tịnh, độ tịnh, tam-giới duy-tâm, vạn-pháp duy-thức.
- (148) Hằng-hà : Trường A-Hàm kinh nói : Phía đông ao A-Mâu-Đạt, có sông Hằng-già. Sách Huyền-Tráng ký nói : Gà Canga (Gange), sách Tây-vực ký chép : Căng (kình) gahà, cựu dịch là : Hằng-Già-hà, dịch nghĩa : Thiên-duơng-lai, là vị nguyên đầu, từ cao đảnh núi lại.
- (149) Vào định Nhưt-quang : Tu pháp thiền-định đây, là cầu cho được sáng suốt để duy-trì pháp của Phật. Truyện chép : Ngài Võ-Trước tu định nhưt-quang, giữ đúng như lời mà tu học, liền đắc-định ấy về sau, với trước kia những chỗ chưa hiểu rõ đều thông suốt, vì chỗ thấy nghe đều nhớ không quên. Đương thời chúng nhưn Tôn-xung là « Thiên Bộ Luận-Chủ » : Ông chủ làm ra ngàn bộ luận.

(150) *Mười số lưu-thông* : 1.- Văn-Thù Bát-Nhã kinh số ; 2.- Phật Di-Giáo kinh số ; 3.- Bát-Nhã Tâm kinh số ; 4.- Thọại-Ứng kinh số ; 5.- Tứ-thập nhị-chương kinh số ; 6.- Bất-tu-nghi pháp-môn kinh số ; 7.- Vô-lượng-nghĩa kinh số ; 8.- Phổ-Hiền quán kinh số ; 9.- A-Di-Đà kinh số ; 10.- Thủ-Lăng-Nghiêm kinh số. Đời bấy giờ ai cũng xưng là « Thập kinh số chủ ».

(151) *Chẳng những số ức* : Sách Kinh-Thi nói : « Thương chi tử tôn, kỳ lệ bất ức ». Nghĩa là : với con cháu của nhà Thương, chẳng thể dùng số ức để tính hết đặng, vì quá đông.

(152) *Bảo-vương-luận* : Chùa Thảo-đường, Ngài Phi-Tích pháp-sư chép bộ niệ**m** Phật Tam-muội Bảo-Vương-Luận.

(153) *Long-Thơ Vô-Tận* : Huyện Long-Thơ, Vương-Nhật-Hưu, chép văn Tịnh-Độ. Vô-Tận cư-sĩ là Trương-Thường-Anh, có chép văn cầu sanh Tịnh-Độ. Quan Thị-Lan là Vương-Cử-Trực chép tập Tịnh-Độ quyết-nghi. Xứ Ngô-Quận, Sa-môn Đại-Hựu, chép tập Tịnh-Độ chỉ qui. Vô-Công cư-sĩ là Vương-Điền chép lục Tịnh-Độ tự-tín. Ngài Từ-Vân Sám-Chủ, hiệu Tuân-Thức chép bộ Tịnh-Độ lược truyện.

(154) *Kệ kinh lộ tu hành* : Ngài Thiện-Đạo Hòa-Thượng làm bài kệ rằng :

Tiệm tiệm kê bì hạt phát : Dần dần da nhẵn tóc bạc ;
Khan khan hành bộ lung chung : Xiềng xiềng gối dùng bước giạt ;
Giả nhiều kim ngọc mãn đường : Vì dầu vàng ngọc đầy nhà ;
Khởi miễn suy tàn bệnh khổ : Đau khỏi ốm đau hành xác !
Nhậm thị thiên ban khoái-lạc : Dầu cho ngàn thức sướng vui ;
Vô-thường chung thì đáo lai : Rớt cũng trăm năm thấm-thoát !
Duy hữu cảnh lộ tu hành : Chỉ có nẻo tắt dễ tu ;
Đản niệ**m** A-Di-Đà Phật : Niệ**m** Phật sanh về (Tịnh-Độ)
Cực-lạc.

(155) *Thần thể An-Dương* : Đức Vinh-Minh-Thọ Thiên-Sư chép bài « Phú Thần-thể An-Dương » (một tên nước của Cực-Lạc quốc).

(156) Tịnh-Độ thị : Đời Tống Nguơn có Ngài Trung-Phong-Bôn Thiên-Sư đời Nguơn « Minh » ngài Tây Trai Sở Thạch-Kỳ Thiên-sư v.v... đều làm thi đề vịnh pháp Tịnh-Độ.

(157) Quan Thái-thú Đoàn-Công làm bài kệ đề khen rằng :

Ngũ sư nhứt niệm đặng sơ địa,
Phật quốc sanh ca lưỡng độ lai,
Duy hữu môn tiền cồ hộc thụ,
Chi đề chỉ vị quấy kim đài.

Đại ý rằng : Thầy ta tu niệm Phật được nhứt tâm bất loạn lên bậc Sơ-địa ; nước Phật đem nhẹ đến đón đã hai lần. Duy có trước ngõ cây hộc xưa ; cảnh thấp bởi vì ngại đài vàng.

(158) Đại-Lịch năm thứ chín : Đời nhà Nguơn chỉ có Thiên-Lịch, chứ không có Đại-Lịch, mà đến cả đời Minh, cũng chẳng thấy có Đại-Lịch mà là niên hiệu Đường Đại-Tôn.

(159) Nhục thân không hoại : Tu pháp niệm Phật mà được đến cái bậc này, chẳng những về lý là tâm-tịnh, độ-tịnh mà thôi, mà luôn cả sự thân tâm thanh-tịnh nữa, tức là « Lục-căn tịnh-vị » đấy. Thanh-tịnh cả thân-tâm rồi, tự-nhiên không hoại, là không hơi thúi, không rứt-rã, mà nếu để lâu mãi thì thân nó khô cứng như thân búp-bê. Ở Bắc-Việt đã có hai vị Tăng xưa, còn lưu thân lại thờ tại chùa. Đức Minh-Mạng có làm thơ kính phụng, đến nay vẫn còn. Bên Tàu có Đức Lục-Tử Di-thê cũng còn đến nay. Trái lại, về vật chất là đã chẳng còn đầy đủ tinh-khí cổ kết, về tâm thần lại không có giới-hướng huệ-mạng để kết-tinh, thì tất nhiên phải thúi, rã, vì thân-tâm ô-nhiễm.

(160) Niên hiệu Thiên-Giám : Là Hoàng-hiệu của Lương-Võ-Đế ; kỷ niên ấy trong khoảng năm Nhâm-ngũ, đến năm Bình-thân, tức Dương-lịch là từ năm 502 -- 516.

(161) Cầm cây gậy tích : Nhà Tăng đi gọi là Phi-tích ; nhà sư trụ lại gọi trúc-tích hay là quấy-tích, (tích-trượng). Sách nói : Phi-tích, Quấy-tích nãi tăng-nhơn chi hành chí... (Phi-tích là khi đi khất thực cầm đi ; Quấy tích là khi về tịnh-xá thì cầm lại nơi bàn tọa).

- (162) Thoạt vậy mà tịch : Gọi đủ là Tịch-diệt : Vắng dứt, là dứt diệt hết vọng hoặc phiền não, tâm được vắng lặng. Tịch-diệt là dịch nghĩa tiếng Niết-Bàn (Nirvana) : Thề nó phẳng lặng là tất cả tướng hữu-vi, nên nói Tịch-diệt. Sách nói Hòa-Thượng tử, viết : Tịch, là do điền Niết-Bàn, nghĩa là cầu cho được tiến đến cảnh-giới : Hoặc tập, chương tậ, danh « Tịch ».
- (163) Sáu thời niệm Phật : Ngày 3 giờ, đêm 3 giờ, cộng chung là 6 giờ ; Ngày 3 giờ là : Rạng mai, giữa ngày, mặt nhật lặn. Đêm 3 giờ là : Đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm. Sách Tây-vực ký nói : Sáu thời hợp thành một ngày một đêm : Ngày 3 thời, đêm 3 thời.
- (164) Tông thuyết gồm thông : Tu thiền môn tự ngộ triết-đề là tâm thông ; thuyết-pháp tự-tại là thuyết thông. Tông là pháp-tánh ; thuyết là pháp-tướng. Tánh, Tướng đều thông làm vị Đại-Tông sư. Tồ-Đình sư uyển cuốn bảy, dẫn lời Ngài Thanh-Lương nói : Tông thông là tự tu hành ; Thuyết thông là khai thị cho chúng chưa ngộ. Kinh Lăng-Già cuốn 3 Phật bảo : Ngài Đại-Huệ : Tất cả các Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát đều có hai môn thông-tướng : Tông-thông, Thuyết-thông. Lời đồng chú-giải : Tông là gốc của đạo, Thuyết là dấu của giáo, sách Chứng đạo ca nói : Tông thông, thuyết cũng thông, định huệ tròn sáng chẳng chấp không.

Non Khuôn-Lư : là Thảo-lư của ông Khuôn ; hoặc gọi là Lư-Sơn : núi cỏ am tranh, tại tỉnh Chiết-Giang, trên núi có chùa Đông-Lâm, do Quan Thủ-Sứ là Hoàn-Y kiến-trúc, rước Ngài Huệ-Viễn trụ-trì đó. Kế có các àn-si như : Lưu-Di-Dân, Lôi-Thứ-Tôn, và các Sa-môn cả hàng nghìn, kẻ Tăng người Tục cùng về ở đó. Huệ-Viễn tổ-chức hội Bạch-Liên-Xã, hội-viên có 123 người cả « Try » lẫn « Tổ » đồng tu : Đối trước tượng Phật Vô-Lượng-Thọ, tu sáu thời niệm Phật trong mỗi ngày đêm. Huệ-Viễn ở luôn trong núi một trường kỳ cấm túc suốt hơn 30 năm. Đã hai lần được Đức Di-Đà hiện thân cho thấy và ma đánh chúng dẫn. Đến năm Hoàng-hiệu Nghĩa-Hi thứ 12 (Bính-thìn 416) của Đông-Tấn An-Đế (397 — 418) Ngài Huệ-Viễn-tịch, thọ được 83 tuổi. (« Try » là kẻ Tăng, « Tổ » người thế tục).

- (165) Gạch chữ thập đề ghi nhớ : Ngài Tràn-Lô-Trách, mỗi ngày cùng chúng hội niệm Phật không luận là niệm được số ngàn

hay muốn gì, mà đến chiều bữa nào cũng vậy, chỉ ghi bằng số chữ thập thôi ; nghĩa là ngày nay tu niệm Phật chắc được đúng mười phần, là ý nói ngày nào cũng cố gắng tinh-tấn không cho một chút tí ti dãi dãi !

(166) Các ngài : 1.- Đòi Minh (Từ Minh-hồng-Vô... đến Sùng-Trình là năm Mậu-Thân, 1368... đến năm Quý-Mùi, 1643). Ngài Không-Cốc-Long Thiền-sư có chép ra sách Không-Cốc tập ; 2.- Ngài Độc-Phong-Thiện Thiền-sư chép sách Ngữ-Lục ; 3.- Ngài Thiên-Kỳ... Thiền-sư hiệu Quỳnh-Tuyết lão-nhơn, chép sách Quỳnh-Tuyết tập. Đều tán-dương pháp trì-danh niệm Phật của kinh A-Di-Đà.

(167) Trương-Sĩ-Thành : Người đất Thái-Châu, chuyên nghề chõ muối, sau khởi binh chiếm Thái-Châu..., xưng Thành-Vương, hiệu nước là Đại-Châu.

(168) Tướng ác hiện ra : Ông Thiện-Hòa-Trương khi sống làm nghề giết trâu bò đến lúc sắp thở hơi cuối cùng, ông tự thấy bầy súc-sanh ấy đến đòi thường mạng. Bầy trâu bò ấy là tướng ác hiện ra... Như kẻ làm hàng heo lúc sắp chết, cứ nằm thông dều xuống giường la tiếng như heo hét, hộc máu ra, đó là tướng ác hiện đấy.

Như người quá u tham dâm hiếu sắc, khi gần chết, nó tự thấy nhiều mỹ-nữ đến môn-trón rủ đi, đó là tướng ác hiện đấy.

Nói tóm : bất luận bình sanh làm nghề nghiệp hoặc thiện hay ác gì, đến lúc sắp chết, đều có hiện cái tướng của mình đã làm ấy ra trước mắt để dẫn thần thức đi đến chịu cái kết quả của mình đã tạo nhơn từ trước, gọi bằng (Tiền nhơn hậu quả).

(169) Bài kệ khen con Sáo :

Hữu nhứt linh cảm biệt biệt nhi,
Giải tông Tăng khải niệm A-Di,
Lập vong lung bố hồn nhàn sự,
Hóa tử liên-hoa dã thái kỳ.

NGHĨA : Có một con chim tên biệt biệt nhi (tên riêng của sáo)
Nó nghe thầy dạy niệm A-Di
Chim lồng giam hãm không làm lạ
Đứng chết... mọc sen thể mới kỳ ? !..

(170) Hai chữ « Tỏi-linh » cũng như « Tỏi thiện ». Linh : khôn-thiêng, nghĩa là biết xấu biết hổ với điều ái-ân... nên nói : Khôn-thiêng hơn vạn vật. Vì với điều giao-cấu, chúng nó đâu biết xấu hổ là gì ? Thầy Mạnh đã phân : Với việc âm thực và nam-nữ (cái, đực với nhau) thì con người cũng không khác gì với cầm-thú. Với việc « không khác gì mấy là chỉ có sự không loạn-luân và biết xấu hổ đấy thôi. — Tỏi-thiện : Rất khéo-khôn, là biết tở-chức, chế-tạo, học-vấn... nhứt là biết đạo-đức hành thiện, nên nói : khôn khéo hơn vạn-vật, bởi vạn-vật nó đâu có biết đạo-đức làm lành là gì ? Chỉ biết đói thì kiếm ăn, khát thì kiếm uống, lúc-độ thì kiếm (cái, đực) với nhau thôi ; vì vậy mà cũng biết tự muốn cho được phần hơn, thành thù cấu-xé lẫn nhau đủ điều tàn-ác. Điều ấy đối với loài người thì không như thế. Mà nếu như thế thì chưa phải là « Tỏi-linh, Tỏi-thiện ». Bởi : « Nếu thú tâm yên khả trách ! Người nay hình vẫn là người, mà lòng thú đâu xét được ». Người như thế : 1) Hoặc người ấy là ở trong dị-loại mới sanh lại loài người. Nên thú tâm chưa sáng-suốt. 2) Hoặc người ấy là loài người mà sắp đọa vào trong dị-loại, nên hình vẫn còn tương-tợ như loài người, mà lòng thú đã gây nên, với hai hạng này chưa phải là bậc người Tỏi-linh, Tỏi-thiện. Vì không toàn nhơn-cách, như Đạo Nho nói : Tam-cang, Ngũ-thường. Còn Đạo-Phật nói : Tam-qui, Ngũ-giới, mới toàn nhơn-đạo. Mới gọi là người Tỏi-linh, Tỏi-thiện vậy.

(171) Chầu sao Bắc-Đầu ; Sách Luận-ngữ nói : Làm việc chánh-trị bằng nhơn-đức (thì được lòng dân đều qui-thuận). Tỷ như sao Bắc-Đầu day ở đâu thì các tinh-tú kia cũng đều chầu-hầu quanh theo đến đó. Luận rằng : Làm việc chánh-trị có người nghi rằng ; Cầm binh ra trận đánh Đông dẹp Bắc, giành nước hay cướp nước mới phải là chánh-trị. Mà trái lại, chánh-trị là những việc sắp đặt và thi-hành để sửa chữa của một nước bất luận ở trong trường hợp nào cũng đều có chánh-trị của trường-hợp ấy cả. Như Quốc-gia có chánh-trị của Quốc-gia ; Tôn-giáo có chánh-trị của Tôn-giáo, cho đến kẻ làm ruộng, người đi buôn v.v...

Đức Khổng-Tử đã nói : Chánh tâm tu thân, tề-gia, trị-quốc và bình-thiên-hạ, đều là việc chánh-trị vậy.

(172) Thạch-Trụ : Cột đá. Dùng nghĩa rằng : Với Phật-pháp gia-phong, chống đỡ vững chắc. Tông-môn : Vốn các Tông đều xưng

là Tông-môn ; về sau Thiên-Tôn tự-hào là Tông-môn. còn báo các Tông khác gọi là giáo-môn, kinh Lăng-Già nói : Phật nói tâm làm tông, vô-môn làm pháp-môn.

(173) Bực thượng-thượng phẩm : (Xem ở số 184).

(174) Danh nêu liên cảnh : Đời Tống Ngài Tông-Bôn, người Huyện Vô-Tích, Phủ Thường-Châu, Tỉnh Giang-Tô. Trước đến tham học nơi Ngài Thiên-Y-Hoài Thiên-sư... tu niệm Phật có tinh-ngộ, sau đến ở chùa Tịnh-Từ, có Ngài Lôi-Phong-Tài Pháp-sư, thần thức dạo qua cảnh Tịnh-độ, thấy có một hoa sen rất tươi tốt, rồi hỏi ; thì có người trả lời rằng : Hoa sen ấy để đợi Ngài Tông-Bôn thiên-sư ở chùa Tịnh-Từ sẽ vãng-sanh về đây.

Lại, ông Tư-Phước Hy-Công thân đến chùa Huệ-Lâm, lạy dưới chơn của Ngài Tông Bôn, cúng tiền vàng rồi đi, có người hỏi có gì ? thì đáp rằng : Trong khi thiền-định tôi thấy có hoa sen vàng, hỏi ra thì người ta cho biết rằng : Để đợi Ngài Tông-Bôn thiên-sư.

Số là thiên-sư dù ở Tông-môn (thiền-môn) mà kiêm tu niệm Phật ; đến lâm chung bằng cách ngồi nhập-định. Được nhà vua phong tặng hiệu là Viên-Chiếu.

(175) Hoa sen mọc trong giương : Ông Tăng-Duyệt theo thụ-giáo với Ngài La-Thập pháp-sư, để học kinh-nghĩa ; sau dự vào hội Lô-Sơn Liên-Xã. Đời Tống Hoàng-hiệu Nguơn-Gia năm thứ 16 (Kỷ-Mão, Tống-Văn-Đế ; 439) thoát nhiên Ngài báo chúng rằng : Ta sắp vãng-sanh đây ! Day mặt về phương Tây chấp tay, ngồi tịch. Chúng thấy trước sàn ông Duyệt, mọc lên một bông sen vàng, bông chốc rồi biến mất. Có một luồng khói thơm 5 màu từ trong phòng của Ngài bay ra.

(176) Ngài Tứ-Minh : Sách Chi-yếu-sao tường giải, cuốn thứ nhất chép Tứ-Minh là tên một quả núi ở phía Nam Phủ Khánh-Nguơn, Tỉnh Chiết-Giang, Ninh-Ba, có cả 280 chót, trong đó có một chót cao hơn hết, lúc cảnh trời trong lặng, trông lên thấy hình như có cửa sổ bằng đá, nghĩa là bốn bên đều thông qua 4 ánh sáng của nhật-nguyệt tinh thần, nên gọi núi Tứ Minh. Mở rộng chánh nghĩa của Thiên-Thai Tôn, nên gọi Tứ-Minh Tôn-Giá.

(177) Ngài Linh-Chi : Chùa Linh-Chi tại đất Hoàng-Châu, Ngài Nguơn-Chiếu, tự là Trạm-Nhiên, ban sơ y-chỉ nơi Ngài Đông-Tàng Huệ-Giám luật-sư, đề chuyên học bộ Tỳ-nỳ ; sau theo Ngài Thần-Ngộ Thiên-sư, đề giảng giáo-quán của Thiên-Thai Tông ; lại theo Ngài Tài-Pháp Phật chùa Quảng-Từ, đề thụ Bồ-Tát giới, rộng xét luật Tông của Ngài Nam-Sơn Đạo-Tuyên, mà chăm ý về tịnh-nghiệp, thường nói : sống thì hoàng truyền tạng luật, chết về nước An-Dương. Bình sanh ta sở đắc, chỉ có hai pháp môn đó thôi. Ngài trụ-trì chùa Linh-Chi được 30 năm, đến Tống-Huy-Tôn, hiệu Chánh-Hòa năm thứ 6 (Bình-Thần, 216) tháng chín, ngày mồng 1 Ngài tịch, thọ được 69 tuổi. Thụy là Đại-Trí.

(178) Ngài Thanh-Chiếu : Đời Tống, Ngài Huệ-Hạnh, trụ nơi Huyện Vũ-An Hà-nam Hà-bắc đạo, xưng là Thanh-Chiếu luật-sư. BUDI ĐỀU NĂM ĐIỀN-THỌ, theo y-chỉ nơi Ngài Linh-Chi, đề tập học tạng luật, chuyên tu pháp Tịnh-độ 60 năm, lúc lâm-chung, nhóm chúng niệm Phật, Ngài nói bài kệ rằng :

Di-Đà khẩu khẩu tụng.
Bạch-hào niệm niệm tường.
Trì thủ bất thối tâm.
Quyết định sanh An-Dương.

DỊCH :
« Hiệu Di-Đà miệng ta thường tụng,
Ánh bạch hào trong bụng tường luôn,
Tâm in tưởng chẳng buông, chẳng thối,
Cõi Phật ta thượng bồi thượng sanh ».

(179) Cửu-Lưu : Hán thư nghệ văn chí : 1.- Nho-lưu : Phụng sự lễ âm-dương của thiên-địa, thuật lại hóa đạo của Đường, Ngu, Châu, Khổng. 2.- Đạo-lưu : Nuôi tinh-thần, giữ yếu thấp mình, hiện cái sống dai thông thể. 3.- Âm-dương lưu : Xem tượng trời, chép lịch sách, đề nhơn dân biết ngày giờ mùa tiết. 4.- Pháp-lưu : Minh điều thường phạt, đề thuận theo lễ chế. 5.- Danh-lưu : Chánh danh liệt vị quan thuận sự thành. 6.- Mặc-lưu : Thanh-sạch tôn miếu, kính nuôi trẻ già. 7.- Tung-hoành : Hiệp Nam, Bắc là Tung ; liên Đông, Tây là Hoành. Đời Chiến-Quốc, có nhà tung-hoành nói : Ông Tô-Tần liên-kết 6 nước đề chống Tần là Tung ; ông Trương-Nghi thuyết 6 nước đề phụng-sự Tần là Hoành. Đời sau có các nhà biện-sĩ ngoại-

giao, cũng là hạng ấy. 8.- Tập-lưu : Kiềm cả lời nhà Nho nhà Mặc, hàm có thuyết của Danh và Pháp, sự gì cũng biết. 9.- Nông-lưu : Khuyến-khích ruộng rẫy, bày của cải để trồng tía. Cả các giới ấy đều có người tu niệm Phật.

- (180) Văn-Lộ-Công : Đời Tống Văn-ngạn-Bác, tự Ngoan-Phu, ở Giới-Hưu tỉnh Sơn-Tây. Triều vua Nhơn-Tôn ông thi đậu Tiến-sĩ. Làm quan trải bốn triều vua (Nhơn-Tôn, Anh-Tôn, Thần-Tôn và Triết-Tôn ; từ năm 1023 đến 1099) ; nào ra tướng vũ, nào vào tướng văn hơn 50 năm, khi nghỉ làm việc. « chức Thái-su, 92 tuổi qua đời » chỉ kết duyên với bạn đồng tu và vãng-sanh. Được phong Lộ-quốc-Công, Thụy là Trung-Liệt, cũng xưng là Văn-Lộ-Công.

Đời Tống, Tô-Thúc tự là Từ-Chiêm, hiệu là Đông-Pha Cư-Sĩ làm quan đến chức Nội-Hàn, Thụy là Văn-trung, sau qui-y Tam-Bảo, làm đệ-tử ngài Tông thiền-sư chùa Đông-Lâm, thường giao-du với Phật-Ấn thiền-sư.

- (181) Các-Tế-Chi : Người ở huyện Cầu-Dung tỉnh Giang-Tô, ông là con nhà giòng dõi thờ học Đạo Tiên. Vợ là Kỳ-Thị, riêng mình tinh thành niệm Phật. Năm Nguơn-Gia thứ 3 (Bính-Dần 426) bà mới lên bàn dệt, bỗng thấy giữa trên không sáng rõ giữa mặt ngó lên không, thấy phương Tây có Phật hiện-thân, bửu-cái tràng-phan, ánh che da trời, bà mừng rỡ nghĩ rằng : trong Kinh nói : « Đức Phật Vô-Lượng-Thọ » chắc là đây chăng ? sắp mặt lạy Phật. Ông Tế lấy làm kinh lạ. Đến coi, bà chỉ chỗ Phật hiện, ông Tế cũng thấy được nửa thân Phật, giây phút rồi mới ẩn, có mây lạnh năm màu, cỏ xóm đều trông thấy. Thẽ rồi ông Tế thôi luyện Đạo Tiên, mà chăm tu niệm Phật.

- (182) Đốt kinh Tiên, tu kinh Phật : Đời Hậu-Nguy ông Đàm-Loan, tánh ưa pháp trường-sanh, chịu học nơi ông Lão-sư là Đào-ân-Quan truyền cho 10 cuốn kinh Tiên. Sau gặp Ngài Bồ-Đề Lưu-Chi hỏi rằng : Đạo Phật có phép thuật sống dai chẳng chết không ? Hà ;... Hà ! ? Trường sanh bắt từ chính của Đạo Phật đó. Rồi trao cho cuốn kinh Thập-Lục-Quán, và dặn rằng : Ngài học kinh đây thì không sanh trở lại trong 3 cõi nữa, cũng khỏi luân-hồi trong lục Đạo ; sẽ sống lâu nhiều kiếp, dù hà sa, kiếp thạch, cũng không thể sánh ví được ! Đó, trường-sanh,

- của họ Kim-Tiên ta, Ông Loan rất mừng, liền đốt hết 10 cuốn kinh Tiên, chỉ lo tu 16 pháp quán, khi lâm-chung dặn đệ-tử xong, ngồi tịch !
- (183) Kỳ-Bá Huỳnh-Đế : Ông Kỳ-Bá và Hiền-Viên Hoàng-Đế cùng vấn đáp với nhau, rồi chép làm các sách nội-kinh, mà làm Tồ-sư nhà Đông-y (tổ thầy thuốc).
- (184) Diêm-Vương kính lạy : Sau khi Ngài Vĩnh-Minh-Thọ thiền-sư tịch, có một nhà sư từ đất Lâm-An phủ, tỉnh Chiết-Giang đến hằng ngày đi nhiều nơi ngồi tháp của thiền-sư, đã trải năm người hỏi có gì ? thì sư đáp rằng : Trong lúc đau quá nặng, thần-thức của tôi vào chốn Minh-Phủ, thấy nơi điện của Diêm-Vương, phía tả có thờ bức tượng của Đức Thiên-sư, mà Vua thường ân-cần kính lạy, tôi lên hỏi ra, thì người ta đáp rằng : Đây là Đức Thiên-sư chùa Vĩnh-Minh ở đất Hàng-Châu, phạm là người ta hề lúc chết thì ai cũng đều trải qua chốn này ; mà duy có Đức Thiên-sư ấy, lúc lâm-chung lại trực-chỉ về Tịnh-Độ thượng phẩm thượng sanh, thành thử đức Diêm-Chúa Ngài quý trọng công-đức tu niệm Phật quá cao, phải thiết tượng ngài để kính lạy và kỷ-niệm đó.
- (185) Quỷ La-Sát hỏi tâm : Kinh nói : Xưa có một thôn-quê nọ, bị cái nạn luân phiên đem con nạp cho quỷ La-Sát ăn... thịt, đến phiên của một người con của nhà có uy-tín với ngôi Tam-Bảo. Khi phải đi nạp mình, nhưng cứ nhứt tâm niệm Phật. Quỷ ấy không dám ăn, và hỏi tâm thôi ăn thịt người. Nhơn đó người nạp mạng kia được trở về nhà.
- (186) Đức Văn-Thù cầu sanh, Đức Phổ-Hiền nguyện vãng : (Xem ở số (74) trước kia đã có dẫn).
- (187) Không nghi bói làm gì : 1.- Kinh dịch nói : « Trước phải nghi xét rồi sẽ nói sau ; cùng bàn luận trước, nhiên hậu sẽ làm ; nghi và bàn, là để cho công chuyện làm được thành-tựu xong xuôi. 2.- Thuở nhà Đường vua Thái-Tôn lúc mà còn làm Tần-Vương, cùng ganh tỵ nhau với Thái-tử Kiến-Thành, muốn cử binh mã đi chinh phục, mà còn chùng chình thì bàn rằng : e chẳng thắng-lợi. Tần-Vương bảo bói thử coi. Ông Trương-Công lấy cái mai rùa liệng xuống đất và nói rằng : Với việc bói qu'

là để giải-quyết điều nghi ngờ, thế mà đã chẳng có nghi gì thì bói làm chi ? Ý nghĩa là : « Đối với pháp tu ». Trì danh niệm Phật có hai nghĩa quyết-dịnh rằng : 1.- Với tâm ta, ta niệm Phật là để kêu thúc-tánh Phật của tự-tánh Di-Đà của ta thường được tỉnh giác. 2.- Với cảnh Phật, ta niệm Phật là để kêu van Đức Phật A-Di-Đà đã có đại nguyện hứa hẹn giúp ta. Vậy tu pháp Trì-danh vừa là tự Phật, vừa là tha Phật, đủ sức, sức nào cũng toàn là Phật, tu như là Phật, kết quả cũng Phật, tỷ như trồng như là lúa, kết trái cũng lúa, chắc chắn như vậy, còn ngờ gì mà lưỡng-lự ? Cũng như, không nghi gì mà bói làm chi ?

là để giải-quyết điều nghi ngờ, thế mà đã chẳng có nghi gì thì bói làm chi ? Ý nghĩa là : « Đối với pháp tu ». Trì danh niệm Phật có hai nghĩa quyết-dịnh rằng : 1.- Với tâm ta, ta niệm Phật là để kêu thúc-tánh Phật của tự-tánh Di-Đà của ta thường được tỉnh giác. 2.- Với cảnh Phật, ta niệm Phật là để kêu van Đức Phật A-Di-Đà đã có đại nguyện hứa hẹn giúp ta. Vậy tu pháp Trì-danh vừa là tự Phật, vừa là tha Phật, đủ sức, sức nào cũng toàn là Phật, tu như là Phật, kết quả cũng Phật, tỷ như trồng như là lúa, kết trái cũng lúa, chắc chắn như vậy, còn ngờ gì mà lưỡng-lự ? Cũng như, không nghi gì mà bói làm chi ?

PHẬT THÍCH-CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN-THỂ LÀM LỜI SỚ-SAO

QUYỀN THỨ HAI

Đất Cờ-Hàng, chùa Vân-Thê, Sa-Môn Chu-Hoàng thuật.

TỔNG-THÍCH DANH ĐỀ (phân ra làm hai phần)

1. Đề nghĩa : nghĩa của kinh này.
2. Dịch nhưn : người dịch ra chữ Tàu.

1.- ĐỀ NGHĨA :

Như nghĩa tám môn trước đã kê bày, được biết đại-ý trong một kinh rồi. Bây giờ muốn giải thích lời văn, trước phải nói tổng-đề, làm cho mạch văn có lẽ liếp; nên kê đây tổng thích danh-đề.

PHẬT-THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH

SỚ : Đề nghĩa có bốn : 1.- Phật năng thuyết ; 2. Chính đương thuyết ; 3. Phật bị thuyết ; 4.- Tổng-kết tên ai thuyết.

Nghĩa là đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni ở cõi này nói kinh này kê y-báo chánh-báo trang-nghiêm tín, nguyện được vãng-sanh về nước Phật A-Di-Đà ở cõi kia. Tổng-quát đại-ý, lần lượt sẽ chia ra giải như sau đây :

SAO : « Tổng quát » là : Trước lược nêu toàn văn, đề cho mạch văn thông-suốt, ý-nghĩa đầy đủ, sau tuần tự mỗi mỗi giải riêng. Đầu đề chỉ nói tên Phật, mà sau đây lại nói cả y-báo chánh-báo. v.v... là gì ? Trong Quán-kinh dạy : Nói Phật là đủ, chớ nên nói Phật là gồm thâu tất cả.

SỐ : Lần lượt chia ra giải : Chữ «Phật» nói đủ theo tiếng Phạn là : Phật-Đà (bực đã giác-ngộ), Tàu dịch là : Giác-giả vì đủ ba nghĩa Giác ; lại dịch : Trí-Giả. Bởi vì không chỗ nào mà Ngài chẳng biết. Lại chữ Phật là một hiệu trong mười hiệu (từ Như-Lai, Ứng-cúng v.v... cho đến Thế-Tôn).

Lại trong kinh Thập-Địa nói : Chữ Phật có mười nghĩa. Tò Thiên-Thai Trí-giả nói : Chữ Phật có sáu nghĩa ; còn kinh Hoa-Nghiêm nói : Phật có đủ mười thân. Cho nên nói đức Phật là Trời trên các hàng trời ; Thánh trên các bực Thánh. Phạm chỗ nào nói riêng một chữ Phật tức là chỉ ngay đức Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni vậy.

SAO : Chữ Phạn : nghĩa trong sạch. Đối với chữ Tàu nói Phạm là nghĩa văn chất đều có đủ.

Chữ «Cụ» là Cu-Túc. Nói đủ theo tiếng Phạn (Brahma) thì nói Phật-đà (Buddha). Nay không nói chữ «Đà» là bớt văn. Nếu dịch theo tiếng nước Tàu thì ta đọc là bực Giác, vì đối với chúng-sanh mê mà nói Ngài là Giác.

Song Giác có ba nghĩa : 1.- Tự-giác khác với phạm-phu. 2.- Giác-tha khác với Nhị-thừa. 3.- Giác-mãn khác với Bồ-tát.

Ba giác đầy đủ nên nói Ngài là : Tự, Tha, Giác-mãn.

Lại ly vọng-tâm là Tự-giác ; ly sắc-trần là Giác-tha ; ly cả hai : vọng-tâm, sắc-trần, gọi là Giác-mãn cũng là nghĩa tam-giác. Lại nói là Trí-giả ; Trí tức là nghĩa Giác.

Câu « không chỗ nào mà Ngài chẳng biết » là : Trong Luận Trí-Độ nói : Ngài biết tất cả chúng-sanh và chẳng phải số chúng-sanh, thường và vờ-thường (1), vì cái trí của Ngài không chỗ nào mà Ngài chẳng biết, nên xưng tụng Ngài là ông : « Đắc Như-Thế chủng-trí » tức là nghĩa Giác-mãn...

Câu « Mười hiệu » là đức Thế-Tôn đủ cả muôn đức, không thể nói cho hết. Nay chỉ lược nói từ hiệu Như-Lai cho đến hiệu Phật cộng có mười hiệu, mà Phật chính là một hiệu trong mười hiệu. Vì có đủ mười đức đầy, là chỗ tôn-chủ của cả thế gian và xuất thế-gian, nên gọi là Thế-Tôn.

Nói Phật có mười nghĩa là : Đủ hai trí : căn-bản trí (2) và hậu-đắc trí (3), đoạn hai chướng : phiền-não chướng (4) và sở tri-chướng (5). Giác chơn-đế (6) và tục-đế (7), đặng hai lợi : tự-lợi và lợi-tha. Và hai ví-dụ : Mộng-giác và Hoa-khai, hiệp làm mười nghĩa.

Chữ « Phật » có sáu nghĩa : Đầu tiên là lý-tức Phật (nói tắt cả chúng-sanh sẵn có Phật tánh) rồi sau là cứu-cánh tức Phật. (Nói quả vị Diệu-giác). Số là ban đầu thì toàn-giác bị toàn-mê chặng giữa. Giác mà chưa thiết Giác, rồi sau mới thiết hoàn-toàn không chỗ nào mà không giác. Nay nói chữ Phật đây là chỉ ngay ông Phật cứu cánh toàn-giác vậy (8).

Phật có mười thân là : Thứ nhất Chánh-Giác Phật đến thứ mười Tùy-nhạo Phật, rõ đủ trong phẩm Ly-thế-gian. Mười thân Phật đây, duy trong kinh Hoa-Nghiêm có nói (9).

Song tóm chỗ đại-yếu, dầu mấy thân cũng chẳng ra ngoài nghĩa Giác-mãn, cho nên nói mười thân được viên-mãn, ngôi Chánh-giác mới thành-tựu, gọi là Viên-Mãn Phật.

« Trời trên các hàng trời » là : Trời có bốn cảnh giới
1.- Trời thế-gian : Các vị vua trong nước. 2.- Trời sanh Thiên : Các Trời trong ba cõi : Dục-giới, Sắc-giới, và Vô-sắc-giới.
3.- Trời Tịnh-Thiên : Các thánh Tứ-quả : Bích-chi Phật. 4.- Trời nghĩa Thiên : Các thánh Thập trụ Bồ-tát.

Với bốn trời nói trên đây, Phật đều siêu vượt hơn cả, nên nói Phật là Trời trên các hàng Trời.

Thánh trên các hàng Thánh là : Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát, tuy đã chứng quả Thánh mà chưa hơn. Duy có Phật là quả cực-điểm nên nói : Phật là Thánh trên các hàng Thánh.

Tức đức Thích-Ca là : Với đời quá-khứ, đời vị-lai, hãy nêu lên ông Phật chi ? Tức đức Thích-Ca hiện ngồi chốn đạo-tràng, nên chỉ xưng một mình Ngài vì trong một cõi không hai vị Phật, dụ như : Đế-vương triều-đại thời xưa, phải xưng gọi có một Quốc-hiệu, còn với nhà cầm quyền thời nay thì chỉ xưng gọi ngay là đấng Chí-Tôn : Cũng bởi có trong một nước không có hai vua, hay hai ông Quốc-chủ.

Như vậy thì đủ hiểu : Phạm chỗ nào nói một chữ Phật tức chỉ ngay cho Thái-tử Tất-Đạt-Đa tu thành Phật hiệu Thích-Ca là Phật thứ tư trong hiền-kiếp (kiếp hiện-tại) này vậy.

SỐ : Chữ (Thuyết) là đẹp, là vui đẹp trong lòng, vì bốn biện tài tuyên diễn từ 12 bộ kinh luôn đến bốn món Tất-Đàn đều là nghĩa thuyết cả.

SAO : Vui đẹp trong lòng là gì ? Bản-nguyên độ-sanh của Phật nhằm cơ thuyết-pháp vui đẹp trong lòng. Như trong kinh Đại-Bồ-đề nói : Đức Thế-Tôn muốn thuyết kinh này, trước khi nói, các căn đã ửng đỏ, gương mặt vui tươi khác thường. Huống chi nay pháp tri-danh niệm Phật đầy đủ nhằm cơ mà thuyết, sự vui thích biết chừng nào.

Bốn pháp biện tài là : Nghĩa-biện, Pháp-biện, Từ-biện và Nhạo-thuyết biện tài, Cả 4 món đều không ngần-ngại nên nói là thuyết.

Bộ Trung-Luận nói : Các đức Phật y hai Đế (Chơn-đế và Tục-đế) đề vì chúng-sanh thuyết-pháp. Có trí : Từ (lời) không ngại, vì lấy trí thế-gian đề nói về sự sai biệt, có trí nhạo thuyết (thích nói) không ngại vì lấy trí đệ nhất nghĩa đề nói về sự hay khéo.

Trong đây không nói hai điều : Nghĩa-biện và Pháp-biện, là vì nói hai pháp sau này gồm luôn cả hai pháp trước. Bởi Từ-biện và Nhạo-thuyết-biện đã gồm nhiếp Nghĩa-biện và Pháp-biện rồi.

Mười hai bộ kinh, (phần giáo) v.v... là pháp bị thuyết.

Chữ « Tất-Đàn » hiệp cả tiếng Hoa và tiếng Phạm là : Biến thí. Đã dùng bốn môn : Thế-giới ; Vị-Nhơn ; Đối-trị ; và Đệ-nhứt-nghĩa làm bốn điều lợi ích chúng-sanh là : Hoan-hỉ, Sanh thiện, Diệt ác và vào Đạo.

Mười hai bộ kinh với tất cả các pháp, tùy trường hợp mà thuyết có vô-lượng phương-tiện. Song tóm tắt cũng chẳng ngoài : Thế-giới, luôn bốn thuyết Tất-Đàn làm cho người đặng hoan-hỉ ; luôn... bốn điều lợi ích mà thôi. Xem cơ trao pháp, vấn kia nhiều và rộng, lược nói không hết.

SỐ : Phật thuyết là : Vì lựa riêng giữa năm người thuyết.

SAO : Năm người là Phật (1), Bồ-Tát (2), Trời (3), Tiên (4), Hóa-nhơn (5). Năm người đây đều thuyết kinh được. Nhưng nay nói rõ kinh này là vị chỉ Thánh lập lời, chính lời kim khẩu của Ngài thuyết, chẳng đồng với các hàng Bồ-Tát còn ở khoản tu-nhơn. Trời thuộc loại phàm, Tiên xen với ngoại đạo, Hóa-nhơn chẳng phải thiệt người.

Dụ như Lời chiếu của vị Thiên-tử đầu có đồng với hàng bá quan Tề-tướng cùng lời các ông vua trong các nước nhỏ-nhỏ.

SỐ : A-Di-Đà là : Nêu rõ đức Phật ở cõi kia. Tiếng Phạm « A » dịch « Vô ». Tiếng Phạm : Di-Đà dịch : « lượng ». Nghĩa là, công đức của Ngài không thể cùng tột. Cho nên nói rằng : Vô-lượng. Như trong kinh nói : Thọ-mạng vô-lượng. Quang-minh vô-lượng, là trong những vô-lượng, chỉ nói vài việc, gồm các công đức kia vậy.

SAO : Vô-lượng có hai nghĩa :

- 1) Đông nhiều không có số lượng.
- 2) Rộng lớn không có hạn lượng.

Lại có hai nghĩa :

- 1) Vô-lượng là một trong 10 con số lớn (kinh Hoa-Nghiêm có đủ).
- 2) Vô-lượng là lại vô cùng tận.

Chỉ nói có vài việc là : Với vô-lượng chẳng những : Thọ-mạng và quang-minh mà thôi. Rõ như trong văn sau có Biện.

SỐ : Chữ kinh. Tiếng Phạm nói : (Sutra) Tu-Đa-La. Tàu dịch : Khế kinh có Thông và Biệt hai nghĩa. Chữ khế cũng có hai nghĩa. Chữ kinh lại có nhiều nghĩa. Kinh tuy có nhiều nghĩa, nhưng chẳng ngoài bốn nghĩa là : Quán, Nhiếp, Thương và Pháp.

SAO : Thông, Biệt là : Những giáo-pháp bị Phật-thuyết chung kêu là : Tu-Đa-La đó là nghĩa-Thông. Nếu chia ra thời : Kinh là Tu-Đa-La, Luật là Tỷ-Nại-Da, Luận là A-Tỳ-Đàm ; đó là nghĩa Biệt.

Chữ « Khế », có hai nghĩa là : 1) Khế-lý : Lời nói hợp với đạo-lý. 2) Khế-cơ : Giáo-pháp hợp với căn-cơ. Nay bỏ chữ Khế chỉ nói chữ Kinh là bớt văn vậy.

Chữ « Kinh », lại có nhiều nghĩa là : Kinh Hoa-Nghiêm, lời sớ-dẫn tạp-tám có năm nghĩa : 1) Xuất-sanh ; 2) Hiền-thị ; 3) Dũng-tuyền ; 4) Thăng-mặc ; 5) Kiết-mang.

Luận Phật-Địa nói có 2 nghĩa : 1) Quán-xuyến ; 2) Nhiếp tri.

Phương đây (Tàu) có bốn nghĩa : 1) Thường ; 2) Pháp ; 3) Cảnh ; 4) Điền, cho nên nói có nhiều nghĩa.

Câu : Không ngoài bốn nghĩa là, chỉ cho bốn chữ : Quán, Nhiếp, Thường và Pháp. Bởi vì chữ kinh, bên Tây-Vức dịch là Tuyến (sợi chỉ). Tuyến có nghĩa là Quán-tri.

Quán là : Xâu-xỏ, những giáo-lý bị thuyết. Tri là : Thâu giữ những chúng-sanh được giáo-hóa khỏi đọa. Hai nghĩa đây gồm đủ năm nghĩa : Xuất-sanh, Hiền-thị v.v... nói trên. Nhưng kinh-diễn phương này (Tàu) cũng kêu là kinh. Kinh là nghĩa Tuyến : Song nước Tàu không quý chữ Tuyến nên chỉ nhận chữ Kinh lại thêm chữ Khế. Xưa cho vậy là đúng-đắn. Lại chữ « Thường » là : Xưa nay không đổi. Chữ Pháp là : Gần xa đồng tôn. Chữ « Thường » là : Lâu mà vẫn tuân-hành theo, có nghĩa chung nói, tức là cảnh (con đường).

Chữ « Pháp » là : Pháp-tắc chơn-chánh có nghĩa như định, tức kêu là Điền (khuôn mẫu). Cũng có hai nghĩa : Thường và Pháp đây, gồm đủ hết bốn nghĩa kia (Thường, Pháp, Cảnh, Điền). Thế thời cõi kia (Ấn-Độ) nói : Quán và Nhiếp cũng như phương này (Tàu) gọi Thường và Pháp ; hiệp chung lại mà nói : Ở trong bốn chữ, đều đủ nghĩa kinh vậy.

SỐ : Lại chữ « kinh » còn có hai nghĩa Thông và Biệt. Một chữ « kinh » gọi là Thông (chung). Còn năm chữ « Phật Thuyết A-Di-Đà » gọi là Biệt (riêng) Chỉ như : Giáo, Hành, và Lý, Thông và Biệt cũng thế. Ba chữ đây (Giáo, Hành, Lý) tức phối với ba đức : (Pháp-thân, Bát-nhã, Giải-thoát) viên-đưng cụ-túc. Như Ngài Thiên-Thai nói : Vừa nghe đầu đề tên kinh, công-đức đã vô-lượng. Bằng phối với ba đại, thời Phật là thề-đại, Vô-lượng-Thọ là tướng-đại. Vô-lượng-Quang là dụng-đại như trong phần giáo đã nói.

SAO : Giáo, Hành, Lý là gốc do nơi Lý mà Lập-Giáo : Y nơi Giáo để tu-hành nhờ tu-hành mà rõ được Lý. Các kinh đều đủ cả ba : Giáo, Hành, Lý, nên gọi là « thông » (chung). Bằng chuyên chỉ riêng kinh này, thì hai chữ : « Phật-thuyết là Giáo ». Bốn chữ « chấp-tri danh-hiệu » là Hành. Ba chữ : « A-Di-Đà » là Lý. Theo đây khác với trên nên gọi kinh này là « Biệt » (riêng).

Phối với ba đức là 1.- Lý tức là Pháp-thân ; 2.- Giáo tức là Bát-Nhã ; 3.- Hành tức là Giải-thoát.

Lại Lý thông cả Hành và Giáo, thì Pháp-thân tức là Bát-nhã và giải-thoát cho đến hành-thông cả Lý và Giáo hay theo Giáo thông cả Lý và Hành chẳng hạn, nói một tức là ba ; so trên nên biết.

Thề, Tướng và Dụng : Chữ Thề là Tổng Thề, nghĩa là nói Phật thì đủ hết, cho nên lấy chữ « Phật » làm thề.

Chữ Tướng là trong Thề sẵn đủ các Tướng. Thề vô tận, Tướng cũng vô tận, cho nên lấy ba chữ « Vô-lượng-Thọ » làm Tướng.

Chữ Dụng là trong Thề phát sanh Dụng. Thề chiếu tới đầu Dụng cũng chiếu tới đó, cho nên lấy ba chữ « Vô-lượng-Quang » làm Dụng, hoặc Thông hoặc Biệt cũng so như trên.

SỐ : Các kinh lập danh-đề, phần nhiều lấy cả ba món Nhân, Pháp và Dụ. Hoặc có kinh dùng một, hoặc có kinh dùng hai. Kinh này riêng dùng một Nhân (người). Người lại có hai, vì người chứng-quả trong hai cõi, thiết ra thời cả ba : Nhân, Pháp và Dụ đều dung-thông.

SAO : Một hai là như kinh « Đại-phương-Quảng Phật Hoa-Nghiêm » đầy đủ cả ba : Nhân, Pháp và Dụ. Kinh Đại-phương-tiện Phật-Báo-Ân, có Nhân và Pháp không Dụ. Kinh « Diệu-Pháp Liên-Hoa » có Pháp, Dụ mà không Nhân. Kinh « Bồ-Tát Anh-Lạc » có Nhân, Dụ mà không Pháp. Kinh Đại « Bát-Nhã » có Pháp mà không Nhân, Dụ. Kinh « Phạm-Võng » có Dụ mà không Nhân và Pháp. Nay kinh này đây chỉ có Nhân mà không Pháp và Dụ. Các kinh khác đều so theo đây, sẽ rõ.

Người chứng-quả trong hai cõi là Bồ-Tát tại Nhân, Như-Lai tại quả, nên Phật gọi là quả-nhân. Nay đức Phật Thích-Ca ở phương này (Ta-bà) giới-thiệu Phật A-Di-Đà ở nước kia (Cực-lạc).

Dung Thông, là vì nói một tức ba. Như kinh Di-Đà này mặc dầu riêng thuộc một nhân. Nhưng có nhân mới nói Pháp, có nhân mới lập dụ. Tuy rằng lời thiên, nhưng nghĩa viên, chung đồng lẫn suốt lý cố nhiên như vậy.

SỐ : Nguyên kinh này tên là : « Xưng-Tán Bất-khả Tư-Nghi Công-Đức Nhứt-Thế Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm ». Nay, ngài La-Thập cải đính lại có hai nghĩa : 1) Phật-Nhiếp vô-tận nghĩa cổ ; 2) Bi Phật nhưn sở-nhạo văn-cổ.

SAO : Nhiếp vô-tận là như văn trước nói Phật là đủ, thời tất cả công-đức đều từ Phật mà ra, vì Phật là Bất-khả tư-nghi. Lại Di-Đà là vạn-đức hồng-danh, tất cả chúng-sanh trong mười phương ba đời đều ưa thích. Trên từ Chư-Phật đều tán-thán, dưới đến nga-qui súc-sanh cũng đều ham-mộ quy-y ; chính là Bất-tư-nghi công-đức.

SỐ : Số Sao là gì ? Lời số đề giải nghĩa kinh ; lời sao đề giải lại nghĩa của lời số cho dễ hiểu.

SAO : « Số » : Xưa nói có hai nghĩa : Riêng bày và ghi nhớ. Nay nói nghĩa kinh đây được rõ bày mà khuất-ần, ghi nhớ mà chẳng sót, và quên.

« Sao » xưa nói có hai : Tóm lấy và biên chép. Tóm lấy thời riêng bày chỗ thiết-yếu. Biên chép tức ghi nhớ cho rõ ràng. Chữ « ký » là trông mong. Phạm nghĩa kinh khó hiểu, nhờ lời sơ giải thông. Lời sơ khó hiểu, nhờ lời sao nói ra rành mạch, trông mong mỗi người hiểu rõ nghĩa kinh !

SỞ : Xứng lý thời tự-tánh Giác là nghĩa chữ (Phật). Tự-tánh-giác vô-lượng là nghĩa «A-Di-Đà». Tự-bồn-thỉ đều giác là nghĩa hai người chứng quả trong hai cõi. Tự-tánh thề-giác khắp-soi là nghĩa thuyết kinh, sau cũng lệ theo đây.

SAO : Xứng-lý là do tức sự tức lý, chỗ gọi rằng gồm thâu muôn loài, tức là nhứt-tâm, thời y-báo, chánh-báo đâu chẳng phải tự-tánh ? Lại tức lý là sự y nơi lý mà thành. Như kinh « Tịnh-danh » nói : « Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh ». Nay kinh này nói : Nhứt-tâm bất-loạn, tức tự-tánh Di-Đà, duy-tâm Tịnh-Độ. Là tông-chỉ trong bộ kinh này, nói tóm hiệp với lý, nên gọi là xứng-lý.

Chữ giác là nghĩa tông. Trong thề chữ Giác rộng lớn thénh-thang vô-cùng-tận là nghĩa biết Bồn, Thỉ có hai nghĩa. Luận theo trước sau mà nói : Thời Phật A-Di-Đà là cổ Phật, đức Thích-Ca là Phật mới thành, thế thì Phật kia là Bồn, Phật đây là Thỉ ; tức tự-tánh bản-lai sẵn có Phật là « Bồn », bị vô-minh che lấp nay mới phá hoặc chứng-trí là « Thỉ ». Luận về nhơn-quả mà nói : Thời Phật đây (Thích-Ca) dạy bảo vãng-sanh mới được thấy Phật A-Di-Đà, là đây Bồn kia Thỉ, tức là tự-tánh sẵn có trí thành Phật là Bồn. Ý nơi Bồn-trí mà tìm Phật trí mới dựng thành Phật là « Thỉ » Bồn, Thỉ lẫn Thông thường-giác bất muội, sáng cả trời, chói soi cả đất, xưa suốt nay, thường nói kinh trăm ngàn muôn ức pháp hội, như vậy.

HỎI : Lời sơ-sao kinh này chính là phát-huy công-đức trì danh, khắp khuyên mỗi người cầu sanh về cõi kia, thế sao cứ mỗi mỗi tiêu-qui về tự tánh, thế là phương-pháp trì-danh trở thành lời cực tấc (quá cao), rõ ràng Tịnh-độ là tâm, hà tất bỏ đây nguyền về kia làm gì ?

ĐÁP : Đây chính là trùn cả hai căn, phá cả hai hoặc như : trong bài tự trước đã rõ. Bởi do độn căn chấp nơi sự-tướng mà cho là đủ. Xem kinh này khiến cho họ biết « sự » còn có « lý », chớ chấp sự mà bỏ lý. Người lợi căn chuộng lý-tánh mà chấp không, xem kinh này khiến cho họ biết lý còn ở trong sự, chớ nên bỏ sự chỉ tìm lý.

Lại kinh này vốn vì mượn hai chữ danh-hiệu của Phật kia để chỉ rõ tự tâm của mình, cũng đồng ý với kinh Thập-lục Quán. Thời những người muốn ngộ tâm mình, chính phải niệm Phật cầu vãng-sanh.

Lại, vị Bồ-Tát còn phải gần Phật như trong Khoa Giáo-khởi trước đã nói. Thế thời người đã ngộ tâm mình, cũng chính phải niệm Phật cầu sanh, có chi phải nghi vậy ? !

Lại, kinh « Duy-Ma » nói : Tuy biết cõi nước của chư Phật cùng với chúng-sanh là không, vì nhưn-duyên giả có, nhưng thường tu Tịnh-Độ và giáo-hóa chúng-sanh cho nên lo là lo với tâm mình mà mình chẳng ngộ vậy thôi. Nếu tâm mình mà mình đã tỏ ngộ rồi, thời không có một Pháp nào ra ngoài tự-tâm. Bây giờ tức tâm là cảnh, tức cảnh là tâm, vãng-sanh về Tịnh-Độ, ra mắt Phật Di-Đà, đã chẳng ngại chi với duy-tâm, mà cũng không hệ gì với tự-tánh !

Lại hỏi : Người xưa nói kinh Hoa-Nghiêm là kinh cực-giáo tối-thượng-thừa đều có thể tu theo phép Quán-hạnh để rõ các pháp-môn thì chẳng nói chi ; Còn từ kinh Phương-đẳng sắp xuống (trong tiểu-thừa) cũng bảo tu Pháp Quán-hạnh làm sao được ?

Cổ-đức đáp : Các kinh liễu-nghĩa (Đại-thừa) cùng kinh bất liễu-nghĩa (Tiểu-thừa) cũng đều là liễu-nghĩa cả ; vì chỉ có một cái tâm mà thôi.

Căn cứ theo đây, thời bực viên-cơ đối với các kinh-giáo, kinh-giáo nào mà chẳng viên ; Những bậc đã nhận được lý-tâm khi gặp sự, thì sự gì chẳng đúng lý ?

2.- DỊCH NHƠN

ĐỜI DAO-TẦN NGÀI TAM-TẶNG PHÁP-SƯ CƯU-MA-LA-THẬP DỊCH

SỐ : Dao-Tần là nêu cái đời. Tam-Tặng là rõ cái đức, La-Thập là tên Ngài. Một chữ « dịch » là kết thành người năng dịch.

SAO : Chỗ xuất-sư : từ đầu chí cuối đã đủ ở văn trước, đây không chép lại nữa. Xưa nói ngài La-Thập đã làm Pháp-sư dịch kinh từ bảy đức Phật đến nay.

Song đây cũng nói lược, và lấy bảy đức Phật mà nói tóm thôi. Nếu luận cho đúng, thời từ Phật Tỳ-Bà-Thi cho đến Phật Thích-Ca, trước sau chỉ trải có hai đại-kiếp, mà Phật Di-Đà thành Phật đã mười kiếp. Thế thời trước kiếp Trang-Nghiêm (quá-khứ) còn trên chín kiếp, đã trải biết mấy muôn vị Phật, và chư Phật trong 6 phương không vị nào mà chẳng tán-thán kinh này. Thế thì từ một muôn vị Phật trở lại đây, chắc cũng đều có nói kinh này và chắc cũng đều có người dịch (?)

Mà trong kinh nói : « Mẹ Phật » là nói mỗi đời vị Phật nào giảng-sanh, Ta (bà Ma-Gia) đều làm mẹ đấy. Con Phật thì nói : mỗi đức Phật ra đời, Ta (La-Hầu-La) đều làm con đấy. So đó, thời biết ngài La-Thập làm Pháp-sư dịch kinh, chẳng những bảy lớp Phật ! Mà kinh này lưu-thông lâu xa, đối với đây càng thêm tin.

SỐ : Xứng-lý thời tự-tánh dung-thông rõ rõ, là nghĩa tiếng Trung-Hoa dịch nơi tiếng Phạn

SAO : Tức Phạn dùng thành Trung-Hoa, thời Hiền chẳng ngoài Mật. Chính Hoa chưa từng chẳng phải Phạm, là nghĩa Mật vẫn ở bên Hiền. Ngay trong tối có sáng, ngay trong sáng có tối, tối sáng, lẫn nhau lớp lớp, xen vào thể mẫu dung thông, không đồng và chẳng khác. (Bất nhưt bất dị).

RIÊNG GIẢI VĂN NGHĨA (phân ra làm ba phần)

- 1.- Tự-phần (phần tựa của kinh).
- 2.- Chánh-tông-phần (phần chánh của kinh).
- 3.- Lưu-thông-phần (phần lưu thông).

1.- TỰ-PHẦN (phân ra làm hai phần)

- A.- Ngũ-cú chứng (5 câu làm chứng tin).
- B.- Liệt-chúng chứng (kề chúng làm chứng).

A.- NGŨ-CÚ CHỨNG :

(Lời ông A-NAN thuật giữa chúng hội)

Chính ta nghe như vậy: Một thuở nọ đức Phật ngự tại nước Xá-Vệ, nơi rừng cây Thái-Tử Kỳ-Đà, và vườn ông Cấp-Cô-Độc.

SỞ : Riêng giải văn-nghĩa : Đã biết cái ý chung của đề rồi, nhưng chưa biết trong đó từ đâu chí cuối, lối văn như thế nào? Nay mới phân từng bài, giải từng câu khiến nghĩa văn-tự Bát-Nhã thông-thấu lý thật-tướng Bát-Nhã. Bởi vì tạm dùng lời hữu-tận lược bày lý vô-tận. Ở trong ba phần, nay thuộc về Tự-phần nghĩa-phần của kinh này.

Chữ Tự là : Kề bày, và mối mang vậy. Nghĩa là : Chưa vào chánh văn, trước kề bày cái mối mang của kinh này. Có hai lời tự : Chứng-tín, và Phát-khởi. Nay duy có lời tự chứng-tín. Phạm chứng-tín, đều đủ sáu món thành-tự. Nay thuận theo văn, cân chỗ nhiều và ít, lại phân làm hai trước nói Ngũ-cú-chứng, sau nói Liệt-chúng-chứng, hiệp lại thành sáu. Đây lại lệ theo trước tổng-quát đại ý ; sau mới chia ra đề giải.

Nghĩa là : Với pháp như thị (như vậy) ta theo Phật đề nghe. Một thuở kia, đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật thuyết-pháp nơi Kỳ-viên tại nước Xá-Vệ. Vì lời đây là Phật dạy ông A-Nau nói như vậy,

Câu « Như thị ngã văn » có 3 nghĩa : 1.- Nghĩa đoạn-nghi. 2.- Nghĩa tức tránh (dứt sự tranh cãi). 3.- Nghĩa gián-tà (đề hiền chánh).

SAO : Văn-tự Bát-Nhã, nghĩa là đối với thật-lý Bát-Nhã, không thể nói được, nhưng nay nhờ lời nói mà rõ dặng ; nên đức Phật dùng văn-tự nói kinh. Nay mượn văn-tự mà giải-thích. Song văn-tự tánh nó vốn không ; tức là chơn-như thật-tướng. Cho nên ba món Bát-Nhã văn tự, quán chiếu, thật-tướng đều là dung-thông lẫn nhau không ngại gì với văn-tự vậy.

Lược bày là : Lời nói không hết ý, nên nói rằng : lược sáu món thành-tựu, phân-phối hai khoa là Lệ như : Ngũ-uần và lục-căn, hoặc hiệp sắc khai tâm, hoặc hiệp tâm khai sắc, tùy theo chỗ hợp không nhứt-định một Pháp nào. Phật dạy là : Trong bộ luận Trí-Độ nói : Khi Phật sắp nhập Niết-Bàn, Ngài có dạy ông A-Nan rằng : Tất cả đều kinh đều đề câu : « Như thị ngã văn, nhứt thời Phật tại ». Nước nào xứ nào. Đó là do ông A-Nan vì vâng theo lời trời dạy của Phật.

Đoạn nghi là : Khi ông A-Nan kiết-tập, trong chúng khởi ba điều nghi : 1.- Nghi Phật sống trở lại. 2.- Nghi ông A-Nan thánh Phật. 3.- Nghi Phật ở phương khác đến nhập cho ông. Nay nghe nói câu : « Như thị ngã văn » ba điều nghi liền dứt hết.

Tức tránh là : Nói chữ ngã-văn là không phải tự A-Nan bịa nói ra.

Gián-tà là : Nói chữ như thị là đề khác với chữ A-Uu của ngoại-đạo. Như trong Luận Phật-địa nói pháp như thị. Ta trước từng nghe ý lánh sự lỗi lầm, tăng giảm, riêng khác, cũng là nghĩa ngăn dứt việc tranh cãi với nhau.

SỞ : Chữ Như-thị là Tín-thành-tựu. Như trong Luận-Trí-Độ nói : Hai chữ « Như-thị » lại làm hai nghĩa. Có nhiều cách giải : Nếu cứ theo tôn lựa nghĩa nhứt định ; luận đứng về tôn đây (Tịnh-độ tôn) như : Nhứt-tâm bất-loạn là như ; cứ thế mãi không sai là Thị.

SAO : Luận-trí-Độ nói : **Biển cả Phật-pháp, tin là vào được. Với việc tin thì nói việc ấy như thế (N hư thị) với điều không thể tin thì nói ; việc ấy không phải như thế (Bất như-thị).**

Ngài Triệu-Công-Giản nói : **N hư-thị** là : **Lời tín-thuận vậy. Cho nên người đời tin chịu, cũng nói rằng N hư-thị. Lại có hai nghĩa là chia hai chữ n hư-thị ra đều có giải-thích riêng. Có nhiều cách giải : Có chỗ nói Vị thánh-nhơn thuyết-pháp rõ bày lý-chơn là N hư, duy lý chơn-như là Thị, như ngài Lư-Cầu đã nói : Có chỗ nói chữ N hư là lời đúng lý, chữ Thị là lời không quấy, như ngài Sanh-Công đã nói : Có chỗ nói đức N hư-lai thuận theo căn-cơ mà ứng hiện là N hư, tất cả chúng-sanh đều cảm mến là Thị. Như ngài Dung-Công đã nói : Có chỗ nói lý-thật-tướng, trước-sau chẳng khác là N hư, đúng như lý mà thuyết là Thị. Như ngài Thiên-Thai đã nói : Có chỗ nói chữ N hư là lý-chơn-không, chữ Thị là lý-diệu-hữu, để chống phá hai lối chấp Thượng và Đoạn của Ngoại-đạo. Như ngài Thanh-Lương Chiết-Trung và lời của các nhà giải đã nói. Còn các thuyết nữa sợ phiền không dẫn. Hai chữ « N hư thị » giải như trên, đều có ý-nghĩa, đại-khái thì đồng, tiểu-tiết có khác hẳn, nhưng không trái nhau.**

Do theo Tôn đề định nghĩa của hai chữ « N hư-thị » là tùy Tôn mà định. Nay kinh này, lấy chữ nhứt-tâm làm tôn.

Bởi do chấp-tri danh-hiệu nhứt-tâm bất-loạn. Nhứt-tâm thời không sanh, không diệt, không tới không lui, vắng lặng trong trống thường còn, nên gọi là N hư, Lại nhứt-tâm ấy, là bốn lối (10) diệt trăm điều quấy (11) nên gọi là Thị. Nếu nói khác với đây, không được gọi là Thị.

SỐ : Chữ Ngã-văn là : **Văn-thành-tự vậy, chữ Ngã là Tự-Ngã, chữ Văn là Thân-Văn. Tự-Ngã Thân-Văn, vì chẳng phải riêng lãnh với người khác, và chẳng phải đọc suông lời của người xưa (12).**

SAO : Tự-Ngã Thân-văn : Chữ Tự là đề lựa riêng không phải mình, chữ Thân là không phải vắng mặt. Nghĩa là chính thân mình hiện diện đề vắng lãnh lời vắng của đức Thế-Tôn truyền dạy.

Chỉ riêng là ông Mạnh-Tử nói : Ta chưa được cái hân hạnh làm học trò Đức Không-Tử. Ta chỉ riêng học đạo lành với các người khác thôi.

Giải rằng : Vì ông Mạnh-Tử chẳng phải là thiệt thấy Đức Không-Tử. Ông thọ học với người cháu nội của Đức Không-Tử thầy Tử-Tư, mà riêng vắng lãnh đạo kia, đề tu thân ấy vậy.

Đọc suông lời của người xưa là : Chúa Tề-Hoàn-Công đọc sách ở nhà trên. Người thợ đẽo bánh xe bình-phẩm rằng chỗ chúa đọc đó bất quá nhai bã xác của cỏ-nhơn thôi.

Giải rằng : Vì chúa Hoàn-Công chẳng phải chính mình đối trước mắt cỏ-nhơn. Cỏ-nhơn đã chết lâu rồi, bây giờ chỉ đọc suông lời đề lại kia vậy thôi.

Nay ông A-Nan chính thân gặp mặt vị Chí-Thánh, không phải riêng lãnh với ai hết. Đây là hiệp với hai chữ Tự-Ngã ở đoạn trên.

Chính tai ông A-Nan nghe lời chi-giáo, *chớ* chẳng phải ông đọc suông lời cỏ-nhơn, hiệp với hai chữ « Thân-văn » ở đoạn trên. Nay ở giữa chúng hội bảo « tự-ngã thân-văn » ai cũng phải tin thọ không ai dám nói gì nữa (vì A-Nan được trực-tiếp với Phật).

SỐ : Thánh-nhơn là vô-ngã, sao nay lại xưng ngã ? Luận-Trí-Độ nói có ba nghĩa : 1) Vì tùy-thuận theo thế-gian. 2) Vì phá tâm tà-kiến. 3) Vì không chấp là vô-ngã.

Do ba nghĩa đây, đều có nói ngã cũng chẳng ngại gì. Lại pháp-thân Phật là chơn ngã, cũng có thể xưng ngã được.

SAO : Sau đây lại phân hai chữ « ngã văn » ra làm hai. Giải riêng như trước :

1.- Tùy-thuận theo thế-gian, nghĩa là trong phương-diện thế-gian pháp nói ngã đó, chẳng phải nói cái chơn-ngã trong đệ-nhứt-nghĩa. Nay tùy-thuận theo thế-gian, mà nói, vốn không có thật-thề, thời chẳng trái với cái ngã của đệ-nhứt-nghĩa.

2.- Phá tâm tà-kiến, nghĩa là : Tà-ngã và danh-tự-ngã. Người thế-tục đủ hai ngã trước. Kẻ học đạo có hai ngã sau. Thánh nhơn chỉ còn một ngã chót. Vì thuận theo thế-tục mà xưng ngã (ta) chỉ là cái ngã bằng danh-tự, thật không phải tà và mạn, nên không lỗi lầm gì !

3.- Không chấp là vô-ngã. Vì các vị Thánh-nhơn biết tất cả pháp đều không, lý thật-tướng là vô-ngã, nhưng chẳng chấp không, chẳng chấp vô-ngã.

Lại trong luận Du-Già có bốn nghĩa ; chỗ đại-khái đồng như đây. Nghĩa thứ ba nói : Nếu quyết-định là vô-ngã, thời còn có ai tu, học, và người ắt sạch tâm sợ, cho nên không chấp là vô-ngã, mà cứ nói ngã.

Lại trong Quán-Kinh lời sơ nói : Vô-ngã thời vô-vấn ; vô-vấn thời việc hóa-đạo phải tuyệt. Vì muốn truyền-hóa bất-tuyệt, nên mượn cái danh giả mà tạm nói rằng ngã (ta).

Pháp thân Phật chơn-ngã. Đứng theo phương-diện Bản-Giác mà luận, thời ông A-Nan cũng thông với cái ngã pháp-thân vậy. Bởi vì trong pháp vô-ngã có cái chơn-ngã, tức là cái ngã của pháp-thân. Như cái ngã trong bốn đức : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của kinh Niết-Bàn ; thì đối với hai chữ vô-ngã có ngại chi ? !

SỐ : Chữ văn là Nhĩ-căn phát ra nhĩ-thức, bỏ biệt theo tông, nên nói là : Ngã văn (ta nghe).

Trong kinh Đại-Thừa có ba nghĩa : 1.- Nghĩa Thi-giáo thì không nghe ; 2.- Nghĩa Chung-giáo nghe mà không chấp là nghe ; 3.- Nghĩa Đốn-giáo không nghe mà không chỗ nào là không nghe.

Nếu luận theo đúng tôn-chỉ, thời vị Thánh-nhơn truyền-pháp dùng cái chơn-ngã và vô-ngã không hai. Cái Diệu-nhĩ, bằng chẳng phải đồng hay khác giữa căn và cảnh đề nghe pháp-môn vô-chương-ngại giữa Ta-bà và Cực-lạc vậy thôi.

SAO : Bỏ biệt theo tông đó là : Do không nói nhĩ-văn (lỗ tai nghe) mà lại nói là ngã văn (ta nghe). Bởi do nói « ta » thời tông thấu hết các căn, các thức, v.v... lấy tông gồm biệt, cho nên nói : Ngã văn.

Câu: Thi-giáo v.v... là như nói Ta đã không phải là ta, thì đầu nghe cũng chẳng ai nghe; Đây là đại ý của Thi-giáo về Đại-Thừa sơ môn.

Như nói: Từ các nhơn-duyên giả hợp, cho nên không. Không hoại các giả-danh; tức không nghe mà nghe, nghe mà không chấp là nghe. Đây là đại ý của chung-giáo về Đại-thừa.

Như nói: Năng, sở đều yên lặng người nghe và pháp bị nghe, đều vắng lặng. Không nghe mà không chỗ nào là chẳng nghe, lia nghĩ tưởng, mà tự rõ bày Đại-ý của Đại-thừa Đốn-giáo.

Câu: « Ngã vô ngã » là Sanh mà chẳng tính nơi sanh, chẳng tính sanh mà có sanh cùng khắp, ấy tức là pháp-thân.

« Căn và cảnh » là nghe nói Phật A-Di-Đà, năng-văn (người nghe) và sở-văn (Phật bị nghe). Không hai và cũng chẳng phải đồng và khác.

« Ta-bà và Cực-lạc » là nói y-báo và chánh-báo cõi Ta-bà toàn là ở tự-tâm của nước Cực-lạc vì do kinh này có phần thuộc về Viên-giáo, nên phải qui về pháp tánh.

SỞ: Có người hỏi: Phật thành-đạo đã lâu, Ông A-Nan mới xuất-gia, đâu đặng nói ngã văn?

Xưa đáp có bốn nghĩa; cho nên nói « Văn » cũng không ngại. Lại A-Nan có ba ông. Nếu ông này không nghe, thì ông kia nghe cũng chẳng ngại chi.

SAO: Người nghi rằng: Phật thành-đạo nói pháp trước đã trải qua hai mươi năm, thì ông A-Nan mới xuất-gia, lại mười năm sau, Phật mới dạy làm thị-giả (hầu Phật). Mặc dầu được hầu gần Phật, nhưng mà những kinh Phật thuyết ba mươi năm về trước, ông làm sao nghe đặng, mà đều gọi Ngã-Văn?

Xưa đáp có bốn nghĩa là: 1.- Lần lựa nghe; như: Kinh Báo-Án nói: Với những kinh ông chưa nghe, thời ông theo bên các Thầy Tỳ-Kheo để nghe lại hoặc các vị Thiên-tử nói lại, như lời lưu-thông cho hàng Hoảng-Quảng Bồ-Tát mà Phật đã dẫn trong kinh Niết-Bán. 2.- Phật nói lại; như: Kinh Báo-Án chép: Ông A-Nan như Phật dạy làm thị-giả, ông yêu cầu ba việc; mà việc thứ ba là kinh nào ông chưa nghe, ông thỉnh Phật nói lại...

3.- Ông A-Nan tự-thông, như : Kinh Kim-Cang-Huệ nói : Ông A-Nan đã chứng pháp-tánh-giác tự-tại tam-muội, cho nên những kinh ông chưa nghe có thể tự ông nhớ thuộc. Như kinh Niết-bàn cũng nói. Hoặc có khi ông ở trong pháp-hội, hoặc có khi ông không ở trong pháp-hội, tự nhiên, ông cũng hiểu rõ được cả.

4.- Ngài Thanh-Lương chiết trung phê-bình ba thuyết trên, nói : Ông A-Nan chính là bực Đại-quyền Bồ-tát ảnh-hưởng hoằng-truyền. Như kinh Bất-Tư-Nghì Cảnh-giới nói : Ông Xá-Lợi-Phất, ông Mục-Kiền-Liên hẳn đến ông A-Nan v.v... đều là bực Đại-quyền Bồ-tát hiện thân Thinh-Văn. Chấp chi danh tích nhỏ, mà nói không nghe!

Ba ông A-Nan là :

- 1.- Tên Hoan-Hỷ. Ông này kiết-tập Tạng-kinh Thinh-văn.
- 2.- Tên Hỷ-Hiền. Ông này kiết-tập Tạng-kinh Duyên-giác.
- 3.- Tên Hỷ-Hải. Ông này kiết-tập Tạng-kinh Bồ-tát.

Thế thời ông A-Nan dùng sức đại thần-diệu để tùy cơ dạy bảo chúng-sanh. Vậy nên biết nhứt-đại thời-giáo của đức Như-Lai, ông A-Nan này không nghe, thời ông A-Nan kia nghe, có chi mà phải chấp rằng nghe, cùng không nghe mà làm chướng ngại ?

SỞ : Chữ « Nhứt-thời » là thời-thành-tự. Thầy trò hợp nhau, đương khi kẻ nói, người nghe xong rồi, tức gọi là một thời. Do vì kẻ nói, người nghe không nhứt-định nên không nói năm, tháng, ngày, giờ nào, bởi mười phương thời giờ bất-nhứt, hai cõi (Ấn-Độ và Trung-Hoa) ngày tháng một tháng giêng chẳng đồng nhau. Luận đúng tôn-chỉ kinh này, thời trong khi kẻ nói, người nghe, tâm cảnh bất dứt Thánh và phàm hợp nhau, y-báo chánh-báo dung-thông, một và nhiều bằng bực ; đây là cái thời mà các pháp còn đối-đãi đi đôi, như thế đều thông nhứt làm Một, thì gọi là nhứt thời vậy.

SAO : « Kẻ nói người nghe không nhưt định » là : Hoặc người nói là người đã chứng pháp « Đa-La-Ni » (pháp (đồng-tri) thời trong một phút, thông một chữ, có thể nói hết tất cả pháp-môn. Hoặc người nghe là người đã đặng nhĩ-căn thanh-tịnh, ở trong 1 phút, nghe một chữ, có thể nghe suốt hết cả, bao nhiêu cũng chẳng chướng-ngại. Hoặc kẻ nói chỉ ít thời người nghe thành nhiều thời. Hoặc kẻ nói nhiều thời, người nghe ít thời. Kẻ nói thần-lực dài ngắn tùy chỗ thích hợp ; người nghe căn-khí lợi độn chẳng phải một. Người xưa nói : Đối với 3 thừa, 6 phạm, 4 thánh chỗ thấy biết : pháp-thân, báo-thân và hóa-thân cùng năm, tuổi dài, vẫn, thành Phật đã lâu hay mau mỗi mỗi chẳng đồng, chớ nên nay chỉ lấy trong khi Phật và đệ-tử, Thầy trò cơ-cảm gặp nhau, kẻ nói người nghe xong rồi, thì gọi đó là « nhưt-thời » thời.

« Mười phương thời giờ » : Hễ nói mười phương là khắp cùng ngang dọc. Dọc thời thấu đến cõi trời, (cõi Tứ-Thiên một ngày bằng dưới cõi người người năm mươi tuổi). Ngang thời rộng khắp cả bốn châu, (canh ba của châu Nam-thiệm Bộ, bằng khi giờ ngọ của châu Bắc-Cu-Lô) nên không nhưt định là thế.

Hai cõi ngày chánh sóc là : Ngày đầu năm kêu là ngày chánh-sóc, nước Chấn-Đán (nước Tàu), cõi Ngũ-Thiên (Ấn-Độ) không thống thuộc nhau. Nhà Châu lập tháng giêng vào tháng Tý, (tháng 11 âm-lich). Nhà Hạ lập tháng giêng vào tháng Dần (tháng giêng ta).

Hồi đó nước Chấn-Đán thuộc nhà Châu (1134 — 247 trước Tây-Lịch) mà Phật ở nước Xá-Vệ (Ấn-Độ). Xá-Vệ lập tháng giêng vào tháng Dần, lại nhằm tháng giêng Nhà Hạ (2205 — 1786 trước T.L) thì ra tháng giêng cõi ngũ-thiên thành ra tháng ba nước Chấn-Đán ; tháng hai của Ấn-Độ nhằm tháng tư của nhà Châu. Nước Tàu thuở đó cũng không thể nhưt định được, cho nên chỉ nói nhưt thời thời.

Y và chánh là : Vì Phật cùng tâm và cảnh là nhưt-tâm bất-loạn, vì không tâm năng-niệm, sở niệm Phạm-Thánh là : Cùng những bậc Thượng-Thiên Nhơn đồng hội về một chỗ nước chim cây rừng đồng thuyết diệu-pháp.

Một và nhiều là : Vì một Phật thuyết kinh, thì sáu phương Phật đồng khen ngợi (tán-thán).

Như trên, mỗi món bằng hai pháp đối-đãi đều hiệp thành một mùi thanh-tịnh, tức lấy thời ấy làm nhứt-thời.

SỐ : Chữ Phật là chủ-thành-tựu. Nghĩa chữ Phật giải thấy rõ ở văn trước.

Do vì một thời kỳ đó chúng-sanh cùng nhau sùng bái, nên gọi là ông chủ. Lại làm chủ trên địa vị trọng yếu giữa sáu món thành-tựu.

SAO : Cùng nhau sùng-bái là : Phật ra đời là một thời kỳ. Trong một thời kỳ đó, sáu cõi phàm, ba bậc Thánh và tất cả chúng-sanh, cùng nhau sùng-bái tôn Phật làm ông Pháp-Chủ ; cũng như vạn dân, bá quan, qui đầu về một ông quốc-chủ trong nước.

Ông chủ trong sáu món thành-tựu : Trông về trước, thì trong buổi dự-hội của ông chủ là « Thời thành-tựu ». Nghe lời của ông chủ là « Văn thành-tựu » ; lãnh lời dạy của ông chủ là « Tín thành-tựu ». Trông về sau : Chỗ ở của ông chủ là « Xứ-thành-tựu ». Những người do ông chủ giáo-hóa là « Chúng thành tựu », là sáu món thành-tựu, nhưng cũng qui trọng về nơi Phật, cũng là cái ý nói Phật là đủ hết.

SỐ : Câu Tại Xá-Vệ Quốc Kỳ-thọ Cấp-Cô-Độc Viên là : « Xứ thành-tựu ». Chữ « Tại » là Ngài Thiên-Thai. Giải chữ « Tại » cũng như ý chữ trụ, phân ra có bốn : 1.- Thiên-trụ, 2.- Phạm-trụ, 3.- Thánh-trụ, 4. - Phật-trụ. Tùy chỗ hợp, chỗ Phật ở là trụ, nhấn đến Thiên-Trụ (ở trên cõi trời) thiết thời thân Phật không nhứt định ở một chỗ nào mà không chỗ nào là không ở.

SAO : Tại, tức ý Trụ : Trong luận Đại-Phàm nói : Phật ở chỗ nào đầu tạm hay ở lâu, đều thành ý tại. Nay không luận ở lâu hay ở tạm, cứ ngay chỗ đức Phật thuyết kinh tức gọi là tại.

Dụ như trong đời, vị quốc-chủ đi tới đâu, tức gọi là tại chỗ đó vậy.

Có bốn trụ là : « Phật độ chúng-sanh, tùy theo chỗ thích-hợp mà trụ, hoặc hiện-thân trụ trên cõi Trời. Nghĩa là : Cái nhọn về cõi Trời Lục Dục, tức là đem dạy Pháp bố-thí tri-giới thiện-tâm mà trụ. Hoặc hiện thân trụ cõi Phạm-Thiên. Nghĩa là : Cái nhọn về cõi Sơ-thiên đến cõi Phi-trưởng, tức là đem dạy Pháp tứ vô-lượng-tâm (13) mà trụ. Hoặc hiện thân trụ ở cõi Thánh. Nghĩa là : Cái nhọn về hàng Tam-thừa, thì đem dạy ba Pháp Tam-muội mà trụ. Hoặc hiện thân trụ ở cõi Phật, thì dùng Định-thủ Lăng-nghiêm, 100 pháp « Tam-muội » mà dạy bảo pháp : Thập-lực, Tứ-vô-úy, Thập bát bất cộng đề mà trụ.

Với ba cõi trên là tùy theo ý người khác cảm mà Ngài trụ (ứng) còn mỗi cõi sau, tùy ý Phật Ngài tự trụ.

HỎI : Phật sao còn trụ cõi trời ?

ĐÁP : Ân thân cao quý ở chỗ thấp hèn, là vì có độ-sanh. Không ở, mà không chỗ nào không ở là ; vì bản thể vắng-lặng cho nên không ở ; vì bản thể viên-thông nên không chỗ nào là không ở. Kinh Hoa-Nghiêm nói : Thân Phật không đến, nhưng không chỗ nào mà không đến. Vì sao ? Bởi vì hư-không không có thân. Đức Như-Lai cũng thế. Khắp tất cả các pháp, khắp tất cả các cõi nước của tất cả chúng-sanh, chẳng đến, nhưng không chỗ nào mà không đến. Vì thể cũng như tâm thanh-tịnh, vắng lặng, dụ như hư-không, nên chỗ nào cũng đều có đầy đủ. Song mặc dầu Phật ở nước Xá-Vệ mà hiện thân liệt-ứng đề độ hàng liệt-cơ, nên nói thiên-trụ (ở cõi trời). Nhưng đúng như thật mà luận, tức ngay nước Xá-Vệ cũng có thể gọi là Phạm-trụ, Thánh-trụ hay Phật-trụ, nào lại chẳng được ?

SỞ : Tiếng Phạm (Sravasti) cũng nói : «Thất-La-Phiệt-Tát-Đề», dịch theo tiếng Trung-Hoa là : Văn-vật. Vì lấy đức đặt tên nước. Hoặc nói là Văn : nghe, đồn, vì dùng tên người đề đặt tên nước.

SAO : Đức, là : Do nước giàu đủ bốn đức : 1.- Trần đức : Vì cảnh ngũ-trần có nhiều món mỹ-lệ. 2.- Tài đức : Vì thất bảo, trân-kỳ, không món nào mà chẳng có. 3.- Thánh đức : Vì ba tạng thánh-pháp đều đầy đủ. 4.- Giải-thoát đức : Vì nhiều người được giải-thoát, không nhiễm ngũ-dục. Do đây tiếng khen ngợi rung động khắp cùng 5 cõi Thiên-Trúc, nên gọi là nước Văn-vật.

Lấy tên người đặt tên nước là gì ? Vì nhiều người hiền-đức cho nên trong nước lấy tên người làm trọng.

SỐ : Kỳ Cấp-Cô-Độc-Viên là : Tiếng Phạm (Jeti hay Jeta) Kỳ-Đà cũng nói Thệ-Đa. Nói Kỳ không nói chữ Đà là bớt văn. Hai chữ Kỳ-Đà. Tàu dịch : Chiến-Thắng. Chữ Cấp-cô là : Nêu cái đức ; tức là ông Tu-Đạt-Đa. Chữ Viên : dịch âm theo tiếng Phạm : Tăng già Lam-ma. Tàu dịch là : Chúng-viên cũng như tiếng Việt, chỗ chúng-tăng ở.

Số là Thái-tử Kỳ-Đà cúng rừng cây, ông Cấp-Cô mua miếng vườn, gồm cả hai tên người, nên nói : Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc-Viên.

SAO : Chiến-thắng là Vua Ba-Tư-Nặc, khi sanh Thái-tử, vua cùng ngoại-quốc giao-chiến được thắng trận, vui mừng nên đặt tên (Chiến-thắng) đó cho con.

Tu-Đạt-La đa tiếng Phạm. Tàu dịch là : Nhạo-Thí quan đại thần của vua thắng quân (quân đánh giặc được thắng trận) vì ông ưa làm việc bố-thí nên được thành tên tốt (Nhạo-Thí).

Chữ Cấp-Cô-Độc là : Kẻ nhỏ không cha mẹ « cô » (mồ côi), người già không con cái là « độc » (trơ-trọi). Nay những người không có chỗ nương, không ai nuôi, tức gọi là Cô-Độc. — Riêng luận hai chữ Cô-Độc.

Đức Khổng-Tử nói : Người quân-tử ra ơn khắp giúp là cần cấp. Thầy Mạnh thuật : Vua Văn-Vương làm việc chánh-trị ở ấp-kỳ, giúp kẻ mồ-côi trước hết ; thế đâu chẳng phải lòng tự nhõ-rập. Nhưng với kẻ gấp thì giúp trước, hoãn thì giúp sau vậy.

Chỗ chúng ở mà nói rằng « vườn » là vì rừng rậm mát-mẻ, những người học đạo nên nương chỗ nơi đó.

Kẻ cúng cây, người mua vườn là : Kinh Niết-Bàn nói : Ông Trưởng-già tên Tu-Đạt, gốc người ở nước Xá-Vệ, ban đầu chưa biết Phật. Như dịp đi cưới dâu, vào thành Vương-Xá ghé nhà ông San-Đà-Na thấy Phật sanh lòng tin, mới thỉnh Phật về nước Xá-Vệ. Phật sai ngài Thân-Tử (Xá-lợi-Phất) đi lựa chỗ

chúng ở. Lạ dạng vườn cây của Thái-tử Kỳ-Đà. Ông Trưởng-giả hỏi giá, Thái-tử nói chơi rằng : Ông đem vàng trái giáp đất, tôi sẽ bán cho. Ông Trưởng-giả y lời, chở vàng đến lót. Thái-tử cảm mến và khen ngợi, liền bán đất, còn cây trong vườn là vật sở-hữu của Thái-tử cúng luôn cho Phật để lập Tịnh-Xá. Trưởng giả và Thái-tử đua nhau phát-tâm, lập-thành việc tốt ấy, cho nên đồng nêu tên của hai ông.

SỐ : BẢNG nói rõ theo giáo-lý của kinh này đều có chỗ nêu, lệ thường như lối thích kinh Pháp-Hoa và Hoa-Nghiêm.

SAO : Nói rõ theo kinh này là : Như nước Xá-Vệ là nước rất tốt, là nêu pháp-môn Tịnh-Độ này rộng-rãi thênh-thang. Vì pháp rất tối-thượng. Chính ngài Từ-Ấn nói : Thành-Vương-Xá là thành rất tốt, thành này vì tốt hơn các thành kia, vì kia nêu kinh Pháp-Hoa là pháp thù-thắng hơn các pháp. Sau cùng lệ (so) theo đây.

Kỳ-Thọ là : Cây rất đẹp, để tiêu-biểu cõi Tịnh-Độ bóng mát, che chúng-sanh thường khỏi nóng nực.

Vườn ông Cấp-Cô là vườn rất xinh, để tiêu-biểu cõi Tịnh-Độ an ổn chúng sanh, hằng hưởng những sự vui. Thái-tử Kỳ-Đà là dòng giống tốt, để tiêu-biểu cõi Tịnh-độ hễ người sanh về đó rớt-ráo thành Phật, nối thành dòng Phật.

Ông Trưởng-giả Tu-Đạt là người rất tốt, để tiêu biểu cõi Tịnh-độ, ai sanh về đó, được vào nhóm người chánh-định, cụ hội với một hạng người thượng-thiện. Như kinh Hoa-Nghiêm môn môn nêu pháp có nhiều cách rõ lý nhưt-tâm đều là ý đây vậy.

SỐ : Xứng-lý : thời tự-tánh rộng suốt 10 phương là nghĩa ông A-Nan nghe Phật thuyết-pháp.

Tự-tánh không lìa tự-tánh, là nghĩa Phật trụ tại rừng Thái-tử Kỳ-Đà, vườn Cấp-Cô-Độc.

SAO : Tâm nghe suốt mười phương, là ông Khánh-Hỷ, (A-Nan) hiện nay đương kết-tập.

Chơn Phật ngồi trong nhà (trong tâm), là đức Thích-Ca vốn chẳng chỉ ở cõi Tây-Càng (Ấn-Độ) quày sự nghe để nghe lại tánh mình, quày Ông Phật lại để thành Ông Phật của mình, mới biết : Một hội Kỳ-Viên nghiêm-nhiên chưa giải-tân, đâu những hội Linh Sơn!?

B. - LIỆT-CHỨNG CHỪNG (phân ra làm ba phần).

1. - Thanh-Văn-Chúng : các thánh Thanh-văn.

2. - Bồ-Tát-Chúng : các thánh Bồ-Tát.

3. - Nhơn-Thiên-Chúng : các hạng người trời.

1. - THANH-VĂN-CHỨNG (phân ra làm ba phần).

a) Minh-loại số nói : ngành và số.

b) Biếu-vị đức : nêu ngói và đức.

c) Xuất-danh-hiệu : nói danh-hiệu ra.

a - MINH LOẠI SỐ

CÙNG BỰC ĐẠI TỶ-KHEO TẶNG MỘT NGÀN HAI TRĂM
NĂM MƯƠI NGƯỜI CU HỘI

SỐ : Từ câu này sắp xuống đến câu : «Chư-Thiên đại chúng-cu » ; là chúng thành-tựu.

Chữ « Dữ » cũng như nghĩa chữ « Cộng ».

Chữ « Đại » là lựa khác với chữ « Tiểu » có đủ ba nghĩa : Đại, Đa, Thắng, vì khác với Tỷ-Kheo kia, Luận Phật-địa cũng có đủ ba nghĩa.

Chữ Tỷ-Kheo là tiếng Phạn, đây giải-thích có ba nghĩa : 1.- Khất-Sĩ, 2.- Bồ-Ma, 3.- Phá-Ác.

Chữ « Tặng » nói đủ theo tiếng Phạn là (Samgha) Tăng-già, không nói « Già » là bớt văn. Tàu dịch Tăng-Già là : Chúng hòa-hiệp.

Một ngàn hai trăm năm mươi người là : Ba ông Ca-Điếp, thêm ông Mục-Kiền-Liên, ông Xá-Lợi-Phất là năm ông, tất cả đệ-tử của năm ông này cộng chung lại thành ra số đó (1.250). Trước thì nói bực thuộc hàng Thanh-Văn, sau thì nói số có bao nhiêu.

**Chữ « Cu » là hiệp với nghĩa chữ « Cộng » ở
văn trên.**

SAO : Chữ « cộng » nghĩa là : Ngài Thiên-Thai giải-nghĩa
chữ « cộng », bằng bảy chữ « nhứt » gọi rằng : Xứ-nhứt, Thời-
nhứt, Tâm-nhứt, Giới-nhứt, Đạo-nhứt, Kiến-nhứt, và Giải-thoát
nhứt, (dù bảy chữ cũng một).

Phật và đại-chúng cùng ở nơi Kỳ-Viên là ý chánh của
kinh này rộng nói như trên.

Lựa khác với chữ tiêu là : Chẳng phải nói hàng sơ-tâm
Tỳ-Kheo tức văn sau chỗ gọi là bực trưởng lão v.v...

Đại, Đa, Thắng là : Trời, Vua, và bực Đại-nhơn cả đồng
kinh-nguỡng, chẳng phải đức nhỏ, nên gọi là đại.

Nội-diễn, ngoại-diễn không bộ nào mà chẳng suốt thông,
chẳng phải ít hiểu dẫu, nên mới gọi là đa.

Vượt khỏi trên 96 phái ngoại-đạo, chẳng phải căn-cơ kém
hèn nên gọi là Thắng. Đây đều là bực cao tốt trong hàng
Tiêu-thừa.

Luật Phật-Địa có ba nghĩa là : 1.- Bực tối-cực lợi-căn
chủng-tánh Ba-la-mật nên gọi là Đại ; 2.- Đều đặn quả vị Vô
học (14) nên gọi là Đại ; 3.- Trước đặn quả nhỏ, nay đã lên
quả vị Đại bồ-đề nên gọi là Đại. Đây đều là nói chung cả bực
Đại-Thừa.

Tỳ-Kheo có ba nghĩa là :

1.- Khất-sĩ ; nghĩa là Khất-thực và Khất-pháp. Khất-
thực là xin ăn, thời tránh xa bốn việc tà-mạng, hiệp với bốn
việc chánh-mạng. Không kinh-dinh sự-nghiệp, chẳng cần chứa
đề, Van-duyên dứt sạch, nhứt-chỉ chuyên-tu. Nhà Tăng phải
sống theo đây để nuôi giới-thân huệ-mạng, cho nên nói Khất-
thực để nuôi thân.

Khất-pháp : là xin Pháp, tức là cầu thầy hỏi bạn, cần khổ
hết lòng thành, học tìm diệu-pháp, trông thành quả Thánh, cho
nên nói khất-pháp để nuôi tâm.

2.- Bồ-ma là : Như người phát-tâm xuất-gia, bọn ma-
vương nghe sanh lòng sợ-sệt ; bởi vì lũ ma nó ưa đằm-nhiêm
đường sanh-tử, mà người xuất-gia là người ly-dục, quyết tới
quả vô-sanh, bọn ma sợ mất bà con của nó nên sanh tâm sợ sệt.

3.- Phá-ác là : Vì hay phá tâm phiền-não luôn 98 sử thấy đều đoạn-tuyệt.

Hoặc thêm hai nghĩa Tịnh-giới, Tịnh-mạng thời thành ra năm nghĩa của Tỳ-kheo. Nay nói ba nghĩa là vì nghĩa Khất-thực đã gồm nghĩa Tịnh-mạng, do vì nghĩa phá-ác thì đã gồm nghĩa Tịnh-giới.

Chúng hòa-hiệp là : Từ bốn người sắp lên, nhiều đến vô-lượng đều đồng một pháp yết-ma, không tranh cãi với nhau, như sữa với nước nên gọi là hòa-hiệp chúng.

Ba ông Ca-Điếp là : 1.- Ưu-Lâu-Tần-Loa Ca-Điếp. Ông này tu ở trong hang Hỏa-Long có 500 người đệ-tử. 2.- Già-Gia Ca-Điếp. Ông này tu ở trên núi Trượng-Đầu có 300 người đệ-tử. 3.- Na-Đề Ca-Điếp. Ông này tu ở bên sông Hy-Liên có 200 người đệ-tử.

Sau tất cả thầy trò đều quy-y theo Phật, cho nên có số 1.000 chúng.

Lại ông Mục-Kiền-Liên và ông Xá-Lợi-Phất, hai ông có 250 người đệ-tử cũng quy-y với Phật, thành ra số 1.250 người.

Một thuyết khác nói : Phật độ ông Da-Xá, thầy trò cả 50 người và năm anh em ông Kiều-Trần-Như, cộng lại thành số đấy.

SỞ : Tại sao chỉ nói có 1.250 người ? Là vì số chúng này thường thường tùy-tùng, ở chung với Phật.

SAO : Thường-tùy là : đức Phật xuất-hiện trong thế-gian, Độ các vị Tỳ-kheo chúng quả A-La-Hán rất nhiều đến vô-lượng, mà sao riêng nói có mấy ông đây ? Bởi vì 1.250 ông đây quy-y với Phật trước hết, lại thường không lìa Phật, mãi đến lúc Phật diệt-độ, cho nên đặc biệt nói 1.250 người. Còn bao nhiêu vị khác đi hoảng-pháp rải rác ở bốn phương, tuy là « thiên-lý diện-đám », nhưng cứ theo sự tích viết thành văn, phép thường phải như vậy ?

Kia như môn-dồ của đức Trọng-Nê : Những trang hiền-đạt kể có 3.000 người, mà tại sao riêng kể có 72 ông ? Là cũng bởi vì mấy ông đây, thường ở mãi với Ngài nơi mé sông Tứ, rồi cùng với Ngài đi qua nước Trần, nước Thái. Đây cũng là chúng thường tùy vậy.

b - BIỂU VỊ ĐỨC

ĐỀU LÀ BỤC ĐẠI A-LA-HÁN, CHÚNG SỞ TRI-THỨC
(CHÚNG ĐỀU QUEN BIẾT)

SỐ : Câu trên nêu vị ; câu dưới nêu đức.

Chữ đại là : Lựa khác với hàng tiền-quả Thanh-Văn. Tiếng Phạn. (arhàn) A-La-Hán đây dịch có ba nghĩa : 1.- Ứng-cung, 2.- Sát-tặc, 3.- Vô-sanh. Tức là ba quả của : Khất-sĩ, Bồ-ma, và Phá-ác, như văn trước.

Chữ tri-thức là : Nghe danh trọng đức là « Tri », thấy hình kính phụng là « Thức ».

Một thuyết khác nói : Thấy hình là « Tri », thấy tâm là « Thức ». Một thuyết nữa nói : « Tri » tức là « Thức » vì cũng có thể làm tri thức trong chúng mà cũng là bực đìu-dắt chúng.

SAO : Lựa khác là : Quả-thánh ban đầu đến quả-thánh thứ tư đều là quả-vị của hàng Thanh-Văn : Nay nói đại A-la-hán là nêu quả thứ tư của hàng Thanh-Văn.

Ứng-cung là : Kẻ phạm-phu không giới-đức, ba quả-thánh trước có giới đức, nhưng còn nhỏ, chưa đáng kêu là « Ứng-cung ». Nay hạnh tốt đã thành, vượt ngoài ba cõi, đáng hưởng sự cúng dường ở cõi nhơn-thiên ; cho nên luận Cu-Xá nói : Cúng-dường cho vị A-La-Hán, dặng phước-báo hiện-tai. Vị này làm ruộng tốt cho cõi nhơn-thiên trồng quả phước, hưởng của cúng-dường không hổ, nên gọi là Ứng-cung.

Nhắc lại trước khi bùng binh-bát đã hẹn làm cho chúng-sanh được phước nay đã chứng-đạo, lý phải thọ của cúng, nên gọi là quả khất-sĩ.

Song Phật cũng gọi là Ứng-cúng. Nhưng vị A-La-Hán chỉ thuộc về ứng-cúng cõi nhơn-thiên. Còn Phật thời chẳng những ứng-cúng ở cõi nhơn-thiên, mà còn ứng-cúng ở cõi Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát cùng-dương nữa.

Sát-tặc là : Giặc phiền-não cướp giựt của công-đức và hại mạng trí-huệ.

Ba quả-thánh trước, tuy đoạn Kiến-hoặc (hiểu biết sai) nhưng Tư-hoặc (nghĩ lầm) vẫn còn. Nay quả thứ tư này, chẳng những đoạn Tư-hoặc mà bảy mươi hai phàm cũng đều đoạn hết, thân-tâm được yên-tĩnh. Như dẹp hết giặc rồi thì thiên-hạ được thái-bình, nên gọi là Sát-tặc.

Nhắc lại, trước kia do ác làm giặc, bây giờ ác diệt được rồi, nên gọi là quả phá-ác.

Vô-sanh là : Kẻ phạm-phu không biết bao lần sanh-tử. Bực sơ-quả (tu-đà-hoàn) còn bảy lần sanh-tử. Bực nhị-quả (Tu-đà-hàm) còn một lần sanh lại cõi Dục-giới. Bực tam-quả (A-na-hàm) không sanh lại cõi Dục-giới, nhưng mà còn sanh ở cõi Sắc-giới. Nay quả thứ tư (A-la-hán) này, duyên-sanh đã hết, chẳng thọ thân hậu-hữu nên gọi là « Vô-sanh ».

Nhắc lại trước kia nguyện ra khỏi sanh-tử, khiến ma khởi tâm sợ. Nay chứng-quả Vô-sanh nên gọi là quả Bối-ma.

Nghe danh thấy hình là Thân, sơ một đối-đãi. Chữ « tri » là đối với bực La-hán người ta tai nghe, thời tâm mến muốn thấy. Chữ « thức » là người ta mắt thấy thời phụng-sự chẳng trái nghịch.

Thấy hình thấy tâm là : Cao, thấp một đối-đãi chữ tri đây, thời mắt đối trước hình-dung. Chữ thức là thần hiểu lẫn trong ý (tha-tâm-thông). Như hai ông thầy đến ra mắt Phật. Một ông chết giữa đường. Phật nói ông chết đó là thấy Ngài trước, ấy là nghĩa thấy tâm vậy.

Tri tức là thức đó cũng như nói : Tương-tri, tương-thức (hiểu nhau, biết nhau). Giới-đức cao, danh-vọng trọng, tiếng-tâm lừng-lẫy trong thiên-hạ, người người đều nghe biết, ai ai cũng đều hay, nên nói : Chúng sở tri-thức.

Một thuyết khác nói : Ở trong cả chúng, bực này được nhiều người hay nhiều người biết, đáng làm tai mắt cho cõi người, cõi trời gọi là bực dlu-dắt trong chúng. Nay người ta gọi thiện-tri-thức cũng có nghĩa : 1.- Đối với ác mà nói, do vì chỗ ta hiểu biết có thiện, có ác. Mà nay đây chỉ là ông tri-thức thiện. 2.- Ông này có cái biết rõ-ràng cái hay đặc-biệt, người khác chẳng bì kịp, nên gọi ông là bực rất thiện giữa tri thức.

SỞ : Xứng-lý-thời tự-tánh không nhiễm là nghĩa A-La-Hán ; tự-tánh không mê, là nghĩa tri-thức.

SAO : Nguồn tâm vốn vắng lặng, thời các nhiễm toàn không ; tâm thể vẫn sáng tỏ ; thời các mê đầu có. Kinh Pháp-Hoa bảo đó là chơn A-La-Hán. Luận Khởi-Tín gọi là ông Chơn-thật thức-tri.

Những hạng người (Tiểu-thừa) đắm nơi không làm vắng-lặng, mong niệm mới biết, gọi là : Danh tự A-La-Hán và Hư-vọng tri-thức. Thế cho nên tà-kiến cùng chánh-kiến đồng một thể, thiện, ác đồng một môn. Dứt tâm-vọng mới thấu nguồn-chơn, họa may mới làm Sa-môn được.

c- XUẤT DANH HIỆU (phân ra làm hai phần)

- 1.- Chúng danh : Tên riêng của chúng.
- 2.- Tổng kết : Lời chung kết.

1.- CHỨNG DANH

Bực trưởng-lão là : Ông Xú-Lợi-Phất, ông Ma-ha Mục-Kiền-Liên, ông Ma-ha Ca-Diếp, ông Ma-ha Ca-Chiên-Diên, ông Ma-ha Câu-Si-La, ông Ly-Bà-Đa, ông Châu-Lợi Bàn-Đà-Dà, ông A-Nan-Đà, ông La-Hầu-La, ông Kiều-Phạm Ba-Đề, ông Tân-Đầu-Lô Phả-La-Đọa, ông Ca-Lưu Đà-Di, ông Ma-ha Kiếp-Tân-Na, ông Bạc-Câu-La, ông A-Nâu Lâu-Đà.

SỞ : Trưởng lão là : Đức người hạnh lớn, giới lập cao. Lại đức với lập, chỉ đủ có một cũng chung gọi là Trưởng-lão ; luôn sau 16 vị tôn-tác...

SAO : Lạp : là thọ-giới cụ-túc, một năm gọi là một Lạp ; vì giáp một năm, chỉ đặng một Lạp, cũng nói là một hạ, chính đồng một ý-nghĩa đây. Chung gọi là trên nói đức và Lạp đều trọng, nên được tôn xưng Trưởng-lão đã đành. Đây nói một đức trùm chúng, hay một Lạp trước người, cũng được kêu là Trưởng-lão.

Như trong luận Tỳ-Bà-Sa phân về loại : Thượng-tọa pháp-tánh (tuổi đạo), thượng-tọa sanh-niên (tuổi đời). Lại bản kinh nhà Đường dịch Cụ-thọ ; là đủ cả đức và Lạp. Bản kinh nhà Ngụy dịch : Huệ-mạng, là chuyên nói về đức.

Đầu rằng chỉ có đức, hay chỉ có Lạp, cũng có thể được xưng Trưởng-lão mà ắt hơn lấy đức làm trọng. Nay kinh này kê bày, thì chỉ những người có đức mà không Lạp, chớ chưa có ai chỉ có Lạp mà không đức bao giờ !

Luôn sau này là nói bực Trưởng-lão, chẳng những một mình ông Xá-Lợi-Phất, mà cả đến ông A-Nâu-Lâu-Đà cũng đều gọi là bực Trưởng-lão, đều là bực thượng-thủ giữa đệ-tử của Phật.

SỐ : Ông Xá Lợi Phất (Sariputra) là : Tiếng Phạn nói (Sàri) Xá Lợi, tiếng Tàu dịch là Thu Lộ; Tiếng Phạn nói putra ta đọc Phất, Tàu dịch là : Tử. Cho nên nói Thu tử cũng nói Thân tử, cũng nói là Châu tử ... Trong các đệ tử Phật, ông này trí huệ đệ nhất. Xung đệ nhất là chỉ bày một đức mà thôi.

Sách Luận-Ngữ nói : Người quân-tử chẳng phải như một món đồ, hưởng hồ là bực La-Hán (có nhiều biệt-tài vì 6 thần thông biến hóa).

SAO : Thu-tử : Mẹ ông, là người thân-hình đoan-chánh, mắt trong như mắt chim thu ; vì đặt tên theo mẹ nên nói ông là con của bà Thu-Lộ hay là con của bà Xá-Lợi...

Thân-tử là ý nói ông là người có cái thân đoan-chánh.

Châu-tử là ý nói ông là người mắt trong sáng. Còn bao nhiêu hiệu nữa nay đây chẳng kịp nên không dẫn nhiều. Mấy ông sau cũng đều lệ theo (là mỗi ông đều có nhiều danh đức riêng, đây dẫn một vài ông thôi).

Trí-huệ : Khi ông ở trong thai mẹ là đã giúp cho bà mẹ biền-tài giỏi hơn người cậu. Lúc được tám tuổi, ông lên tòa cãi lẽ 16 đại-quốc nghị luận không hơn. Ông học Phật, pháp trong bảy ngày đã thông suốt, cho nên nói ông là trí-huệ đệ nhất.

Chỉ bày một đức là : Nói chẳng phải ngoài ông Thần-Tử ra mà trí-huệ các vị A-La-Hán kia đều kém đâu. Chẳng riêng một mình ông Thần-tử đủ trí-huệ mà các vị kia không đủ ! ?

Bởi vì mỗi một vị, chỉ nói một đức để nêu pháp môn của Phật là vô-lượng. Lại cũng chỉ dẫn những cái tài đặc-biệt của mấy ông ấy.

Như kinh nói ông Xá-Lợi-Phất ngồi thiền yên lặng, Ngài Mục-Liên muốn phá phép định của ông, đứng dậy rống hết thần-lực mà chẳng lay động được một cái chèo áo của ông.

Xưa nay ai cũng thường tán-thán ngài Mục-Kiền-Liên là thần thông đệ-nhất, ai dè ông Xá-Lợi-Phất thần-thông đến thế này !

Người quân-tử chẳng phải như món đồ là : Đức Không-Tử nói : Như chiếc ghe không thể đi trên bờ, cái xe không thể chạy dưới nước ; đây là món đồ vậy. Người quân-tử có đủ tài-năng, chẳng tẻ như một món đồ. Đầu đặng nói : Thầy Nhan-Hồi, thầy Mãn-tử-Khiên không văn-chương, thầy Tử-Du thầy Tử-Hạ là người thiếu đức-hạnh. Người quân-tử còn thế, huống bực đã siêu-phàm nhập-thánh, pháp « Tam-Minh » (15) tỏ rạng, pháp « Lục-thông » (16) rỗng suốt gọi là bực Lậu-Tận, A-La-Hán ư ? Nên chỉ nói : Chỉ tỏ bày một đức.

SỚ : Bắt đầu nói ông Xá-Lợi-Phất, bởi vì kinh này duy có bực trí mới hiểu và tin nổi.

SAO : Trong kinh nói : Phật vì chúng-sanh thuyết-pháp khó tin đây. Khó tin thời duy có bực trí-huệ sâu xa mới tin, không nghi, cho nên trước như nói ông.

Hoặc người hỏi nạn : Trong « Bát-nhã Tâm-kinh », Phật bảo một mình ông Thân-tử thời biết cái trí của ông ấy rõ lại lý-không, chớ không tại pháp Tịnh-Độ ? Ôi! Sắc, tức là không, không, tức là sắc, đâu chẳng nói cõi Tịnh-Độ tức là không, không, tức là Tịnh-Độ hay sao ? Nếu bác cõi Tịnh-Độ thời chẳng phải là chơn-không ; chẳng rõ lý chơn-không, thời chẳng phải là người chánh-tri. Hướng chỉ trí ông Thân-tử quyết chẳng như thế.

SỚ : Ông Ma-ha Mục-Kiền-Liên là : Chữ « Ma-ha » đây dịch là Đại. « Mục-Kiền-Liên », dịch là Thái-thúc thị. Một thuyết nữa nói ; Lai-Bạc, ông này có thần thông đệ nhất.

SAO : Mục-Kiền-Liên là họ. Câu-Luật-Đà là tên ; Câu-Luật-Đà là tên của một thứ cây. Theo tục lệ cầu vị Thần ở nơi cây này mà được kết-quả sanh ra ông, như đó lấy tên cây đặt tên ông là Câu-Luật-Đà. Lại họ này trùng họ nhiều lắm, nên thêm chữ Đại để cho riêng biệt.

Thần thông là : Như Phật lên cõi Trời Đạo-Lợi thuyết-pháp, bị con Độc-long phà hơi độc để ngăn Phật. Các vị Tỳ-kheo kia xin dẹp con Độc-long. Phật không cho. Ông Mục-Kiền-Liên hóa thân lớn, nhỏ... con Độc-long kia sợ hoảng bèn chịu thua (17). Lại như bọn ngoại-đạo luyện phép để dời núi, ôngkiêm-chế không cho núi lay-động (18). Cả dòng họ Thích đây trong một thành, ông thâu vào trong bình bát, đem để trên cõi trời Phạm-Thiên (19) và việc nắm xe ông Kỳ-Bà cùng đốt nhà trời Đế-Thích (20) v.v... các việc đều dùng phép thần-thông cả, cho nên nói ông là thần-thông đệ-nhứt.

SỚ : Ông Ma-ha Ca-Diếp : Đây (Tàu) dịch : Đại-qui-Thị. Một thuyết khác nói là : Âm-Quang. Ông này tu-hạnh Đầu-Đà đệ-nhứt.

SAO : Đại-qui-Thị là : Đời trước ông đi học đạo gặp con Linh-qui đội bản-đỡ ra sông, như lấy đó đặt họ. Tên Tất-bát-La, cũng là tên cây, vì cầu tự nơi cây ấy. Nói thêm chữ Đại cho khác với mấy ông trùng tên, như ba ông Ca-Diếp kia v.v...

Âm-Quang là do đời trước ông là người thợ làm đồ vàng, bạc cùng với một người nữ thanh-tĩnh đồng phát-tâm lấy vàng quang phết tượng Phật bèn cảm được quả báo đời đời thân ông như sắc vàng. Sắc vàng chói ngời loáng phủ các sắc khác, cho nên tên ông là Âm-Quang (ánh sáng nuốt các ánh sáng kia).

Tiếng Phạn : Đầu-Đà, Tàu-dịch : Đầu-Tầu, hoặc nói Đào-Thải. Đầu-Đà có 12 hạnh : 1.- A-lan-nhã : Ở nơi vắng vẻ ; 2.- Thường đi khát-thực, cho đến hạnh thứ 12 chỉ có ba y. Do khổ-hạnh đây, quét hết việc trần-lụy, lóng sạch thân-tâm.

Ca-Điếp tuổi già mà không bỏ hạnh Đầu-Đà, Phật thương ông yếu đuối, khuyên ông nghỉ, thế mà ông cũng vẫn giữ hạnh Đầu-Đà mãi như cũ. Đức Phật ngài rất khen : « Có hạnh Đầu-Đà, pháp ta mới còn lâu », cho nên nói ông là Đầu-Đà đệ-nhứt.

SỞ : Ông Ma-ha Ca-Chiên-Diên là họ, Tàu dịch là : Văn-Sức. Một thuyết nữa nói là Bất-Định ; một thuyết nữa nói là Phiến-Thắng và một thuyết nữa nói là Ly-Hữu-Vô v.v..., là người ở nước Nam-Thiên-Trúc, họ Bà-La-Môn. Ông này nghị-luận đệ nhứt.

SAO : Văn-Sức là : Lời lẽ có vẻ văn-chương trôi chảy. Phàm người nghị-luận, tâm tuy hiểu lý đó, song cứ nói tầm thường chẳng có văn-chương, hay câu lối rời-rạc không chải chuốt, thời lời không đạt được ý. Như vậy không phải là người nghị-luận giỏi !

Bất-Định là : Ý lanh lẹ của người giỏi nghị-luận, dầu nói xuôi nghe cũng được, hay luận ngược lời lẽ cũng nghe xuôi, khéo cả.

Phiến-Thắng là : vì mẹ muốn đi cải-giá, bị con còn bé (là ông) buộc ràng, tỷ như cây quạt có dây đai máng nứa lại khỏi bị gió bay. Lại chữ Phiến-Thắng có nghĩa là : Phá những cái nóng nực ; kéo ngay những cái cong vạy. Cũng là ý nói không mắc về bên đoạn (chấp không) và không lạc về bên thường (chấp có), mở bày lý trung-đạo, vì để thoát-ly hai bệnh chấp có và chấp không.

Như bọn ngoại-đạo hỏi : Xét vì người chết đi rồi không thấy trở về, nên cho rằng không có đời khác. Nghĩa là người chết chịu khổ, lẽ phải trở về cho hay ! Cái này đành ở đó chịu, không trở về, cho nên quyết chắc là không có đời khác.

Ông đáp : Kia như người tội bị giam trong lao-ngục, vậy có về được không !

Lại hỏi : Còn người sanh lên cõi trời sao cũng không về ?

Đáp : Giả sử người rớt dưới cầu xí, bấy giờ đã lên được rồi vậy thử hỏi, người kia có chịu trở xuống chỗ dơ đó nữa không ?!

Như vậy, món món tất cả nghĩa màu đều nói được hết. Trong kinh Tăng-Nhứt A-Hàm, Phật khen ông là người khéo phân biệt các nghĩa, để diễn bày đạo-giáo, cho nên nói ông là bực nghị-luận đệ-nhứt.

SỚ : Ông Ma-ha Câu-Si-La, Tàu dịch : Đại-Tất, là câu ông Xá-lợi-Phất.

Ông này đáp, vấn đệ nhứt.

SAO : Đại-Tất là theo hình-trạng đặt tên. Người cậu ai ? Là em ruột của mẹ ông Thân-Tử ; ngày trước nghị-luận giỏi hơn chị. Lúc chị mang thai ông Thân-Tử, thì cơ biến-luận lanh chóng, ông không thể bì kịp. Ông (Đại-Tất) nổi giận đi học, đến đổi không rảnh để cắt móng tay. Đọc thuộc 18 món kinh sử...

Đáp vấn là : Do vì ông quá siêng-năng nên được bốn pháp biện-tài. Hễ gặp ai hỏi thời đáp được liền, cho nên nói ông là bực đáp-vấn đệ-nhứt.

SỚ : Ông Ly-Bà-Đa, Tàu dịch : Tinh-Tú. Một thuyết nữa nói là Thất-Tú.

Ông này « vô-đáo-loạn » đệ nhất.

SAO : Tinh-Tú là : Theo tục câu con nơi ngôi sao này mà được sanh, nhưn lấy đây đặt tên ông.

Thất-Tử là : Trong hai mươi tám ngôi sao, ngôi sao « thất » này thuộc về ngôi sao thứ 13. Hoặc vì lẽ cầu nơi ngôi sao này « Vô-đảo-loạn » là vì tám chánh nên không điên-đảo, tâm định nên không tán-loạn, cho nên nói : « Vô-đảo-loạn đệ-nhứt ».

SỐ : Ông **Châu-Lợi Bàn-đà-Dà** : Tàu dịch : **Kế-Đạo**. Một thuyết khác nói là : **Tiêu-Lộ-Biên**. Ông này chỉ thuộc có nửa bài kệ mà được tổ-ngộ chứng quả **La-Hán**.

SAO : **Kế-Đạo** là : Khi mẹ ông mang thai ông, theo phong tục **Ấn-Độ** phải về nhà cha mẹ ruột đẻ sanh đẻ, đi nửa đường sanh ông, vì lảng-nhãng trong khoản giữa đường, nên đặt tên ông là **Kế-Đạo**.

Tiêu-Lộ-Biên là : Mẹ ông sanh hai người con, mà người nào cũng sanh ở giữa đường cả, nên nói ông là **Tiêu-Lộ-Biên**, cho khác với anh ông là **Đại-Lộ-Biên**.

Nửa bài kệ là : Ông xuất-gia mà căn-tánh ngu-ám, ở chùa quá lâu, nhưng không biết chi hết. Người anh vào đạo trước, quở ông là vô-tri, đuổi ông huơn-tục. Ông dựa cửa chùa khóc than rơi lụy. Đức Phật thấy vậy thương, thâu dùng lại cho học hai chữ : **Tảo-Chử** (21). Mỗi ngày ông đọc hai chữ, nhưng nhớ một chữ này, lại quên một chữ kia. Đọc mãi lâu rồi thoát ngộ, cầu sạch, hoặc trừ, ông chứng được quả **A-La-Hán**.

SỐ : **Nan-Đà**, Tàu dịch là : **Thiện-Hoan-Hỷ**, là ông **Phóng-Ngru Nan-Đà**.

SAO : **Phóng-Ngru** (22) **Nan-Đà** là : Có đến 3 ông **Nan-Đà** : 1.- **A-Nan-Đà** ; 2.- **Tôn-đà-la Nan-Đà** ; và ông này nữa là 3 ông. Do dùng chữ **Phóng-Ngru** để cho khác với hai ông kia.

SỐ : **A-Nan-Đà**, Tàu dịch : **Khánh-Hỉ**. Lại dịch : **Vô-nhiễm**. Ông này là em con nhà chú của Phật. Ông có tài đa văn đệ nhứt.

Chính kinh này, thời ông **A-Nan** cùng trong đại chúng đồng nghe giáo pháp môn **Tịnh-Độ** nhưng chỉ một mình ông đủ sức tổng-tri, nhớ dai không quên, ông kiết-tập thành « **Tạng kinh** ».

SAO : Khánh-Hỉ là ngày sanh ông nhằm ngày Phật thành đạo. Vua, bá quan và nhân-dân một mặt nghe Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta con là nhà bác thành Phật, một mặt lại nghe trong cung, nhà chú sanh ra Hoàng-tử, cả hai đều tốt, cả hai điều khó được, mà nay đồng thời đều được, cả nước vui mừng nên đặt tên ông là Khánh-Hỉ.

Lại người thấy tướng ông, người nghe tiếng nói của ông, người trông oai-nghi của ông, không một ai là chẳng hoan-hỉ.

Vô-nhiễm : Là ông theo Phật lên cung Trời, xuống cung rồng, tâm không vui đắm, cũng là một việc đặc-sắc.

Em con nhà chú của Phật : Phật là con vua Tịnh-Phạn, ông A-Nan là con vua Bạch-Phạn ; vì hai vua là anh em ruột.

Đa-văn : Là ông A-Nan làm « Thị-giả » cho Phật ba mươi năm, với những pháp Phật nói, ông chẳng quên một chữ. Kinh Niết-Bàn khen ông là bực Đa-văn đệ-nhứt. Lại ngài Ca-Điếp khen rằng : Pháp của Phật như nước biển cả mà đều chảy dồn về trong tâm ông A-Nan !

Đồng nghe riêng nhớ : Chính nêu ông là người « cường-ký » (nhớ dai) hơn các bực kia, cho nên nói ông là bực Đa-văn đệ-nhứt.

SỐ : Ông La-Hầu-La, Tàu dịch : Phú-Chương, cũng dịch : Chấp-Nhứt. Ông này « mặt-hạnh đệ nhứt ».

SAO : Phú-Chương là tên thần A-Tu-La. Vì khi sanh ông nhằm lúc thần A-Tu-La đang lấy tay che ánh-sáng mặt nhứt, mặt nguyệt, nên đặt tên ông là Phú-Chương, và cũng tên là Chấp-Nhứt. Song, Chương có 2 nghĩa : 1.- Phật bị ông làm chương, không xuất-gia được sớm, do vì Thái-tử (Phật) chưa có con (là ông), nên xin đi tu, đức phụ-vương chẳng cho. Thái tử phải chỉ vào bụng vợ để giới-thiệu, vua mới biết đã có thai, mới toại hôn-chỉ ; thế thì đức Phật bị ông làm chương. 2.- Do đời trước ông lấp hang chuột sáu ngày, nên nay mắc quả-báo, phải ở trong thai mẹ 6 năm. Thế là ông tự làm chương lấy ông.

Mật-hạnh là : Trong kinh nói : **Mật-hạnh** của ông **La-Hầu-La** duy có **Ta (Phật)** biết được thời. Duy có **Phật** biết được thì đủ rõ các hàng **Thịnh-Văn** bực **Bồ-Tát** còn không thể biết, huống chi chúng phàm-phu làm gì biết được. Bởi nhiều hạnh tốt mà người chẳng biết nên chỉ nói ông là bực **Mật-hạnh** đệ-nhứt.

SỐ : Ông Kiều-Phạm-Ba-Đề, Tào dịch : Ngưu-Thi : (Trâu nhơi). Ông này thọ của Chư-Thiên cúng-dường đệ-nhứt.

SAO : Ngưu-Thi là : Trong đời quá-khứ ông khinh nhái một thầy **Sa-môn** già móm nhai mấp-mấp, nay mắc quả báo cái miệng ông nhai mấp mấp như mồm trâu nhơi. Lại vì mắc quả báo làm trâu năm trăm đời. Loại trâu ăn rồi ; san lại thường nhơi, cái dư-báo đó ông chưa hết, cho nên đặt tên là **Ngưu-thi : (Trâu nhơi).**

Chư-Thiên cúng-dường là : Thời kỳ **Phật** và chúng-tăng chịu quả báo ăn lúa ngựa (23) chỉ một mình ông riêng ở trên cõi trời, nơi vườn **Thi-lợi-Sa** hưởng-thọ của trời cúng. Lại kẻ phàm-phu không biết xem kính đức-hạnh, chỉ thấy tướng nhơi của ông, phần nhiều khinh dễ, sợ họ chê cười mắc tội. **Phật** dạy ông thường ở trên cõi trời, **Chư-thiên** kính-phụng, nên chỉ nói ông là người thọ hưởng của **Chư-thiên** cúng-dường đệ-nhứt.

SỐ : Ông Tân-dầu-Lô, Phả-la-đọa, ba chữ trước Tào dịch Bất-động (là tên) ; ba chữ sau dịch : Lợi-Căn, (là họ).

SAO : Tên trước họ sau là : Vì họ kia tới 18 phái, nên ông này kêu tên trước họ sau, là để cho khác với mấy ông trong các phái kia. **Luật-nại-Da** nói : Ông **Trưởng-giả** tên **Thọ-Đề** lấy cái bát bằng gỗ chiên-đàn để trên đầu cây cột phước, rồi giao hứa với **Tăng-chúng** rằng : **Vị** nào có thể dùng thần-lực lấy được, tôi xin hiến cái bát ấy. **Tôn-Giả** hiện thần-thông bay lên lấy bát. **Phật** nghe quả trách rồi bắt buộc không cho ông nhập-diệt, để kéo dài thân sống lâu mãi ở qua đời **mạt-pháp**, đặng chứng làm ruộng phước lớn cho trai-chủ, chúng-sanh cúng-dường gọi là gieo giống lành vậy.

SỐ : Ông Ca-Lưu-Đà-Di, Tàu dịch là : Hắc-Quang (da đen láng ngời).

SAO : Hắc-Quang là : Vì nhan-sắc ông xấu và đen. Lại sắc đen chói bóng, khác với sắc đen thường thành thử ông đi khất-thực ban đêm, người thấy kinh hãi ! Do đó Phật mới chế giới cấm không cho đi đêm.

SỐ : Ông Ma-ha Kiếp-Tân-Na, Tàu dịch là Phòng-Tú (ông này biết việc tinh-tú đệ-nhứt).

SAO : Phòng-Tú là ngôi sao thứ tư trong 28 ngôi sao. Cha mẹ cầu khẩn nơi ngôi sao này mà được kết-quả sanh ra ông. Một thuyết khác nói : Khi ông mới đi xuất-gia, muốn đến ra mắt Phật, nhưng đi nửa đường lại bị mưa, ghé ăn và ngủ nhờ trong nhà anh thợ đồ gốm, tình cờ có một thầy Tỳ-kheo cũng đến ngủ chung trong nhà ấy. (Tỳ-kheo kia là Phật hóa hiện). Đêm ấy ông nghe Ngài thuyết-pháp, ông liền đắc đạo. Thế thời chữ Phòng-Tú cũng là một nghĩa ngủ đậu trong nhà người thợ làm đồ gốm.

Tri-tinh-tú : Là không cần mượn cái « Triền cơ ngọc hoành » mà thông hiểu « Thiên-văn tinh-tượng », cho nên nói Tri-tinh-tú đệ-nhứt.

SỐ : Bạc-Câu-La, Tàu dịch là Thiện-Dung, (ông này thọ mạng đệ-nhứt).

SAO : Thiện-Dung là vì nhan mạo ông đoan-chánh và Thọ-mạng : Vì ông sống lâu đến 160 tuổi, cho nên nói ông là thọ-mạng đệ nhứt. Do đời trước ông giữ giới bất-sát, được sống lâu, không chết yểu, 91 kiếp đều thọ như thế. Lại đời trước ông từng cúng trái A-lê-Lặc cho một ông tăng có bệnh, do đó cảm được năm món bất-tử.

Khi mới sanh, ông hiện những tướng lạ. Bà mẹ tưởng là yểu quái, đem để trên cái bàn ram nướng cho chết, mà ông cũng không chết. Lại để trong cái chõ nấu cho chết, mà ông cũng không chết. Lại đem ông thả giữa sông cá lớn nuốt, rồi cá bị người đánh lưới bắt, thợ chài lấy dao mổ cá, bày ông ra

mà không tổn hại chi hết. Nói lại : 1.- Lửa không thể nướng ; 2.- Nước sôi không thể nấu ; 3.- Nước sông không thể chìm ; 4.- Cá nước không chết ; 5.- Dao cắt không hại, nên gọi là năm món bất tử.

Lại ông ưa chỗ vắng-vẻ, lòng ít ham muốn, thâu-nhiếp sáu-căn, nên sau khi ông diệt-độ, cái tháp của ông còn không chịu thọ tiền của vua cúng (24). Do lúc bình thường ông ưa chỗ vắng-vẻ, không chịu ở trong chỗ đông người, vì sợ nhiễm những tiếng thị-phi, đây cũng xưng là đệ-nhứt.

SỐ : Ông A-Nâu-Lâu-Đà, một tên nữa : A-Na-Luật-Đà, Tào dịch : Vô-Bần ; cũng dịch : Vô-Diệt ; cũng dịch : Như-Ý. Ông này có phép thiên-nhân-thông đệ-nhứt.

SAO : Vô-Bần là : Thuở trước nhằm thời có nạn đói-khát, ông đem cơm lúa tặc cúng cho một vị Bích-chi-Phật, nên được hưởng phước 91 kiếp, của-cải nhầy-đầy, hưởng-dụng đến nay không hết, cầu điều chi đều được như ý, cho nên có nghĩa Vô-Bần, Vô-Diệt, Như-Ý ; cả ba nghĩa đã dịch.

Phép « thiên-nhân-thông » đệ-nhứt, là ông đã xuất-gia mà tánh hay ưa ngủ, mỗi thời Phật thuyết pháp, ai nãy chăm nghe còn ông thì vẫn cứ gật-gù ngủ, không biết gì hết. Phật quở trách ông, và tỷ-du như loài ốc, sò. Ông tự giận lấy mình, liền phát-chí tinh-tấn trong bảy ngày đêm, mắt không nhắm mí, bị mù hai con mắt. Phật bèn dạy ông tu-tập phép : « Nhạo-Kiến-Chiếu-Minh Kim-Cang Tam-Muội », ông liền chứng pháp : Thiên-nhân-thông, thấy suốt cõi Đại-thiên Thế-giới, cũng như thấy trái đẽ trong lòng bàn tay, cho nên nói ông là : Thiên-nhân-thông đệ nhứt.

2.- TỔNG - KẾT

NHƯ THỊ ĐẰNG CHƯ-ĐẠI ĐỆ-TỬ :
(NHƯ THẾ HẾT THẤY CÁC ĐỆ-TỬ CỦA PHẬT)

SỐ : Như-thị : là kết văn trước. Chử Đẳng là chỉ các ông kia. Chử Đại là gồm nghĩa chử đại văn trước. Chử Đệ-tử là : học sau thầy là Đệ, sự hiểu biết do Thầy sanh ra là tử. Cái thẳng-hội như đây nên gọi : Nan-đệ, nan-huỳnh, khéo làm khéo thuật.

SAO : Kết văn trên là kê các ông khác. Đây trước kết 16 vị Tôn-giả ; sau kê một nghìn hai trăm năm mươi người.

Gồm nghĩa chữ đại văn trước là : Chữ đại đệ tử văn đây, tức là văn trước, chữ đại Tỳ-kheo, chữ đại A-la-Hán, lấy một chữ Đại văn đây gồm luôn nghĩa hai chữ Đại văn trước vậy.

Học sau Thầy là : Vì Thầy biết trước, trò biết sau, như anh trước em sau vậy. Sự hiểu do thầy sanh ra là : Vì nhờ thầy mở bày nuôi dưỡng mới thành pháp-khi ; chỗ gọi rằng : Từ miệng Phật sanh ra, sẽ nói thành giống Phật. Như cha mẹ sanh con, con sẽ thờ nối Tồ-Tiên.

Nan huynh, nan đệ là : Xưa nói ông Nguyễn-Phương khó làm anh, ông Qui-Phương khó làm em. Nghĩa là anh em đồng có tài trí hơn người, không ai hơn, thua. Nhưng ở đây không lấy ý đó, chỉ lược-dụ Phật là anh, các vị A-la-Hán là em, vì cả hai trong đời đều khó đặng, mà nay đều đặng.

Kheo làm, khéo thuật là : Xưa nói ông vua Văn-Vương ông Vương-Quới làm cha, cha làm ra trước ; ông Võ-Vương làm con, mà con nối theo sau. Nhưng nay cũng chẳng dùng ý đó, chỉ lược dụ Phật là cha, các vị A-la-Hán là con, vì thầy trò đạo hiệp.

SỞ : Xứng-lý, thì tự-tánh, tâm-vương, tâm-số, dung thông, là nghĩa Phật cùng đệ-tử cu-hội.

SAO : Ngài Thiên-Thai nói : Tâm-vương là Như-Lai, Tâm số là đệ tử. Nay giải-nghĩa : Tâm-vương, là tám-thức tâm-vương. Tám thức tâm-vương đây, thiện-ác luân-chuyển do nó làm chủ-tề, ví như ông vua cai-trị dân chúng, ông thầy dạy dỗ học trò.

Tâm số là 51 món tâm sở. Năm mươi một tâm-sở đây có 3 nghĩa :

- 1.- Thường y nơi tâm-vương để phát-khởi.
- 2.- Tương-ưng với tâm-vương.
- 3.- Huệ-thuộc với tâm-vương. Vì nó đối với tám thức tâm-vương kia, cũng như tôi châu vua, đệ-tử hầu thầy.

Lại Ngài Trí-Giác nói : Mười vị đại Thanh-Văn đều là số mười pháp thiện của tâm mình (10 vị : Từ 1 Đa văn đệ nhất ; đến 10 : thiên-nhãn đệ nhất).

Luận Tỳ-Đàm lời kệ nói : 1.- Tâm dục ; 2.- Tâm tưởng ; 3.- Tâm-cánh-nhạo ; 4.- Tâm-huệ ; 5.- Tâm-niệm ; 6.- Tâm-tư ; 7.- Tâm giải-thoát ; 8.- Tâm tác - ý cùng cảnh - giới (xúc) ; 9.- Tâm Tam-ma-đề (định) và 10.- Tâm-thống. Nên biết ông Đại-Ca-Điếp là « tâm số-dục » : Do vì chỉ còn giữ cái phép xuất ly, phát tâm thiện-dục xuất thế-gian, bỏ tâm ác-dục của thế-gian.

Ông Phú-Lâu-Na là « tâm số-tướng » : Do vì tướng thời mới phân biệt biện-tài, không ngăn ngại.

Ông Ca-Chiên-Diên là « tâm cánh-nhạo » : Do vì vấn-đáp lời lẽ qua lại nhiều lý do đáp đối lệ làng, luận-nghị không cùng. Nhấn đến « tâm huệ » là ông Xá-Lợi-Phất, « tâm niệm » là ông Ưu-Ba-Ly, « tâm tư » là ông La-Hầu-La, « tâm giải thoát » là ông Thiện-Kiết, tức là ông Tu-Bồ-Đề, « tâm tác ý » là ông Na-La-Luật, « tâm tam-ma » là ông Mục-Kiền-Liên, « tâm thống » là ông A-Nan v.v...

Chữ Thống là thọ, có ý nghĩa lãnh nạp.

Phẩm tâm vương phải đủ tâm số ; Tâm số quyết phải qui tùng tâm vương. Cả hai giúp đỡ lẫn nhau mới được khai ngộ. Song dầu tâm vương dầu tâm số, cũng chẳng ra ngoài một cái tâm mình, miễn mình đặng nhưt tâm thời gồm cả tâm vương và tâm số.

2.- BỒ-TÁT CHÚNG (phân ra làm ba phần)

- a) Minh-loại : Nói về loại.
- b) Liệt-danh : Nói về tên.
- c) Tổng-kết : Chung kết.

a- MINH LOẠI

TINH-CHU BỒ-TÁT MA-LA-TÁT

(Và các vị Bồ-tát lớn trong hàng Bồ-tát)

SỐ : Chữ Tinh : Nương theo văn trước, nói Phật thuyết kinh này, chẳng những hàng Thỉnh-Văn dự-hội, mà cả đến bực Đại-sĩ cũng đồng nghe pháp « trì-danh niệm Phật » này.

Chữ Bồ-tát là tiếng Phạm nói đủ là : Bồ-đề-tát-đỏa. (Nay nói có hai chữ Bồ-tát là bớt văn). Tàu dịch là : Giác-hữu-Tinh. Chữ Giác-Tinh lại còn có 3 nghĩa : lại cũng có nghĩa là Đồng-Mãnh mà cầu. Chữ Ma-ha-tát. Tàu dịch : « Đạo-đại tâm chúng-sanh » ; do vì đủ bốn nghĩa Đại. Lại kinh Pháp-Hoa có 6 nghĩa Đại, Luận Phật-Địa, ba nghĩa đại, cũng không ngoài bốn nghĩa. Chữ : Bồ-tát Ma-ha-tát, cũng như nói : Bực Đại Bồ-tát trong hàng Bồ-tát vậy. Vì lạ khác với bực Tiên-Bồ-tát.

SAO : Chẳng những hàng Thanh-Văn, nghĩa là bực Đại-thừa, Tiên-thừa, tất cả hiền-thánh đồng nghe kinh này, chớ làm tưởng rằng cõi Tịnh-Độ, là chỗ các bực Bồ-tát chẳng màng đâu !

Chữ Giác-hữu tinh là : Đồng-chứng chỗ Phật chứng, đó gọi là Giác. Nhưng vô-minh chưa hết gọi là tinh.

Lại có ba nghĩa là : 1.-Nghĩa bi, trí sở-duyên ; gọi rằng chữ Giác là chỗ tu-đạo Phật. Chữ Tinh là chỗ độ các chúng-sanh. Nghĩa là trên dùng trí mà cầu quả Phật, dưới dùng lòng bi cứu-độ chúng-sanh.

2.-Nghĩa năng, sở hiệp nhưt, gọi rằng chữ Giác là cái quả sở-cầu (bị cầu). Chữ Hữu-tinh là những người năng-cầu. Nghĩa là lấy tâm của mình mà cầu ngộ lý Phật.

3.-Nghĩa lợi sanh là gấp gọi rằng rộng Giác-ngộ cho tất cả loài hữu tinh. Nên có câu : Chưa hay độ mình, trước lo độ người là nghĩa đây vậy.

Đồng-mãnh cầu là : Hàng Thỉnh-Văn cầu về nơi vắng-lặng dễ an hưởng riêng phần mình, đức Phật gọi là anh chàng dãi-dãi. Còn bực Đại-sĩ (Bồ-tát) quyết chí chứng được quả Bồ-đề, nên nói ông là tướng Đại-cường tinh tấn và đồng-mãnh.

Chữ Đại có 4 nghĩa : Lời sớ của ngài Thanh-Tương nói :

- 1.- Nguyễn đại, vì cầu cho được quả Bồ-đề.
- 2.- Hạnh đại, vì thành-tựu được hai lợi (tự-lợi và lợi-tha).
- 3.- Thời đại, vì trải qua 3 vô-số-kiếp, cũng cố-gắng tu cho thành.
- 4.- Đức đại, vì đầy-đủ các công-đức bậc nhưt thừa.

Kinh Pháp-Hoa nói sáu nghĩa đại là :

- 1.- Tin đại-pháp : (Tin pháp Đại-thừa)
- 2.- Giải-đại-nghĩa : (Hiểu nghĩa đại-thừa)
- 3.- Phát-đại-tâm : (Phát tâm đại-thừa)
- 4.- Xu-đại-quả : (Tới quả đại-thừa)
- 5.- Tu-đại-hạnh : (tu-hạnh đại-thừa)
- 6.- Chứng-đại-đạo : (chứng-đạo đại-thừa)

Nhưng mà Tin, Giải và Phát, ba đại đây gồm trong 1 nghĩa Nguyễn Đại thứ nhưt. Xu gồm trong nghĩa Thời-đại thứ ba. Tu gồm trong nghĩa Hạnh-đại thứ hai. Chứng gồm trong nghĩa Đức đại thứ tư.

Trong luận Phật-địa có ba nghĩa đại là : 1.- Số-đại ; 2.- Đức đại ; 3.- Nghiệp-đại. Song Đức-đại thời dễ biết, còn Số-đại, tức là ý nghĩa Nguyễn-đại, Nghiệp đại tức là ý nghĩa Hạnh-đại, cho nên nói không ngoài 4 ý là vậy.

Lựa ra chẳng phải bậc Tiểu là, như : Đức Văn-Thù, đức Di-Lặc v.v... đều bậc Đại-thừa Bồ-tát ở trong địa-vị Thập-địa Bồ-tát, Đẳng-Giác Bồ-tát, chứ chẳng phải Bồ-tát sơ tâm ở 5 phẩm ; là Tin, Trụ, Hạnh, Hướng Bồ-tát.

SỚ : Xứng-lý, thời tự-tánh chơn vọng dung thông là nghĩa Bồ-tát.

SAO : Chơn-tánh thời chẳng biến, mà tùy-duyên tám-thức, là nghĩa giác-ngộ cho loài hữu-tinh. Vọng-thức, thời làm thành các việc mà bản-thể vẫn không dính mắc, là nghĩa loài hữu tinh có tánh-giác. Chơn và vọng chẳng lập riêng, chỉ là nhưt-tâm. Thành cái tâm đại-đạo đây, gọi là Ma-ha-Tát.

b- LIỆT DANH

**NGÀI VĂN-THÙ SƯ-LỢI PHÁP-VƯƠNG-TỬ, NGÀI A-DẬT-ĐA BỒ-TÁT
NGÀI CÀN-ĐÀ HA-ĐỀ BỒ-TÁT, NGÀI THƯỜNG-TINH-TẤN BỒ-TÁT.**

**SỞ : Văn-Thù Sư-Lợi, Tâu dịch : Diệu-Thủ, cũng
dịch : Diệu-Cát-Tường cũng dịch Diệu-Đức.**

**Pháp-vương-tử là : Phật là ngôi Pháp-vương Bồ-
tát vào ngôi chánh của Pháp, gọi là Pháp-vương-tử.**

**Lại hàng Bồ-tát : bắt đầu nói ngài Văn-Thù là so
nghĩa như văn trước : Với hàng Thỉnh-văn, Phật kêu
là ông Xá-Lợi-Phất.**

**SAO : Văn-Thù Sư-lợi, cũng dịch : Mạn-Thù Thất-Lợi,
hay là Diệu-thủ v.v... Chuẩn theo tôn Hoa-nghiêm, nêu ba
pháp môn : Tín, Hạnh và Trí. Diệu-thủ là pháp môn Tín, vì Tín
là đầu muôn hạnh, muôn đức. Diệu-cát-Tường là pháp môn
Hạnh vậy.**

**Luận Phật-địa nói : Được tất cả thế-gian thân-cận cùng-
dường và tán-thán nên kêu Ngài là Diệu-cát-Tường.**

**Lại đức Chơn-để nói : Đối giữa kẻ oán, người thân, ngài
luôn luôn làm việc lợi-ích, không làm việc tổn-não, cho nên gọi
ngài là Diệu-cát-Tường.**

**Lại khi sanh ngài có mười điềm tốt : Từ món thứ nhất
là Hào-quang sáng đầy nhà cho đến thứ 10 là voi mọc sáu
ngà, (25) nên kêu ngài là Diệu-cát-Tường. Đó là tức « Giải »
mà « Hạnh ».**

**Diệu-đức pháp-môn Trí vậy. Kinh nói : Trí, là mẹ chư
Phật, là thầy đức Thích-Ca đầu chẳng phải Diệu-đức (đức màu
nhiệm), đó là tức « Hạnh » mà « Giải ».**

**Vào ngôi chánh của pháp là : Đức Như-Lai nương theo
lý trung-đạo nghĩa đệ-nhứt, mà những Bồ-tát vào được địa-
vị đấy, gọi là nổi thành dòng Phật được kế-vị làm Phật, cũng
như đấng Đại-Quán thế theo đức ngươn ở ngôi chánh, đã sanh
Thái-tử, nay ở Đông-cung rồi sẽ nối ngôi chánh (lên làm
Quốc-chủ), nên gọi : Pháp-vương-tử, lại gọi là Phật-tử, ý đây
cũng thế.**

Phàm Bồ-tát đều là Pháp-vương-tử, sao gọi riêng một mình ông Văn-Thù ? Tồ Kinh-Khe nói : Đồi trong hàng vương-tử, về đức thời nhường cho ngài Văn-Thù.

Lại các kinh cũng nói : Vì ngài Văn-Thù thường làm bậc thượng-thủ cho tất cả hàng Bồ-tát.

Lệ như Ngài Xá-Lợi-Phất là ông Thân-Tử tri-huệ đệ nhất. Ngài Văn-Thù bậc đại-trí độc-tôn, (như văn trước đã rõ). Vì kinh này duy có bậc trí mới tin lãnh nổi. Lại phân-biệt mà luận, thời ông Thân-Tử là bậc quyền-trí, Ngài Văn-Thù là bậc thật-trí.

Quyền-trí nói về sự có sanh Tịnh-Độ ; thật-trí nói về lý không sanh Tịnh-Độ. Kẻ độn-căn từ « quyền » vào « thật ». Người lợi-căn thì « quyền » « thật » đều đồng thời dung-thông.

Nếu suy cho tột gốc đề mà luận, Kinh Bất-tư-nghi cảnh-giới nói : Lại có trăm nghìn vạn ức vị Bồ-tát thị hiện làm thân Thịnh-Văn cũng đến ở trong pháp hội, tên các vị kia là Xá-Lợi-Phất, v.v... Thế thời ngài Văn-Thù, ông Thân-Tử, đồng một bậc tri-huệ thâm-thâm. Càng biết kinh này chẳng phải người thiên-trí mà có thể tin nổi.

SỐ : A-Dật-Đa, Tàu dịch : Vô-năng-Thắng, (tức là ngài Di-Lặc Bồ-tát).

SAO : Di-Lặc, Tàu-dịch : Từ-thị (là họ), A-Dật-Đa (là tên). Nói cho đủ thời phải nói : Từ-Vô-Năng-Thắng. Do vì khi ngài ở trong thai mẹ, đã có từ tâm cho nên lấy đó mà đặt là họ Từ. Lại về đời quá-khứ, ngài gặp đức Đại-Từ Như-Lai, ngài nguyện đồng hiệu đó, liền được pháp : Từ tâm tam-muội.

Lại đời trước ngài từng làm thầy Bà-la-môn, hiệu : Nhứt-thế-Trí tu tập hạnh-từ trong tám nghìn năm. Lại thời kỳ Phật Phát-Sa, Ngài với đức Thích-Ca Như-Lai, đồng phát tâm Bồ-Đề, thường tu tập pháp Từ-định. Lại kinh Tư-Ích nói : Chúng-sanh thấy ngài liền được pháp Từ-tâm tam-muội.

Lại kinh Bi-Hoa nói : Ngài phát-nguyện ủng-hộ chúng-sanh trong kiếp dao-binh. Thế là lòng từ chân-chứa đương đời, lòng bi tràn ngập đến đời sau. Vì lòng từ tột bậc vượt khỏi kẻ

phàm-phu và Tiều-thừa, nên gọi Ngài là Vô-Năng-Thắng (không ai hơn).

SÓ : Lại ngài Di-Lặc đã nghe kinh này, chắc hội Long-Hoa (26), ngài sẽ nói kinh này, nên biết kinh này lưu-thông vô-tận.

SAO : Hỏi : Sao biết chắc như thế ? — **Đáp :** Kinh Pháp-Hoa nói : Cồ-Phật đã phóng-quang ấy là vì nói kinh đây. Nay lại Phật cũng phóng-quang ấy nên biết chắc cũng nói kinh đây, thời mỗi đức Phật nào cũng nói kinh Pháp-Hoa vậy. Mà kinh này đây (kinh Di-Đà) là pháp độ-sanh cần kíp, chư Phật đồng tán-thán. Chư Phật đã đồng tán-thán, chắc là chư Phật cũng đồng tuyên nói kinh này, cho nên biết kinh này, hội Long-Hoa, chắc chắn sẽ nói, có nghi chi đâu ? !

SÓ : Càng Đà Ha-Đề : Tàu dịch là Bất-hưu-Tức.

SAO : Bất-hưu-Tức nghĩa là : Tu các hạnh tốt, nhiều kiếp như số cát sông Hằng, vậy sau mới được thọ kỳ. Vì trải nhiều kiếp như thế, mà không hề thôi, nghỉ.

SÓ : Thường Tinh-Tấn : Có hai nghĩa : 1.- Ngài Thiên-Thai nói : Vì thấy pháp-tánh thường-trú (còn hoài) nên tu pháp Vô-tác và Chánh-Cần. 2.- Kinh Bảo-Tích nói : Vì Bồ-tát này vì một chúng-sanh khó độ, trải vô-lượng kiếp, theo dõi chẳng thôi, chúng-sanh ấy càng-cường không chịu nghe lời giáo-hóa, thế mà ngài chẳng có một Tâm-niệm buông bỏ ; thật là tinh-tấn rất tột bực.

SAO : Hai nghĩa là :

1.- *Tự lợi* : Mình chưa sanh tâm thiện, làm sao cho thêm lớn tâm thiện, đã sanh thiện phải khéo giữ gìn. Chưa sanh tâm-ác, ngăn ngừa đừng sanh, đã sanh tâm-ác lỡ rồi, mau mau trừ diệt, gọi là tứ-chánh-cần (4 việc siêng năng). Mà nói thấy tánh là Vô-tác, thời rõ biết pháp-tánh vốn không phải thiện, không phải ác. Tuy nói rằng : Tu thiện, nhưng không tu mà tu. Tuy nói rằng : bỏ ác, nhưng không bỏ mà bỏ. Nghĩa là : Vì một vọng niệm không sanh, tức là chơn tinh-tấn.

2.- *Lợi-tha* : Vì độ nhiều chúng-sanh cũng chưa lấy làm khó ; nay nói chỉ vì một chúng-sanh, mới thiệt là khó. Trong giây phút vì một chúng-sanh cũng chưa lấy gì làm khó, nay nói tới vô-lượng kiếp mới thiệt là khó. Nhiều kiếp mà nhắm người dễ hóa-độ, cũng chưa lấy làm khó, nay nói còn một người không chịu sự hóa-độ ; mà không buông bỏ mới thiệt là khó. Không buông bỏ, cũng chưa lấy gì làm khó ; nay nói rằng : Không một tâm niệm buông bỏ mới thiệt là khó. Tinh tấn như thế mãi, không mấy may nào lui sụt, cho nên nói là thường.

Lại ngài Bất-Hưu-Tức, tức là ngài Thường-Tinh-Tấn ; ngài Thường-Tinh-Tấn, tức là ngài Bất-Hưu-Tức. Hai vị Bồ-tát đây, tuy rằng cái tên khác nhau, nhưng vẫn đồng một đức-tánh.

c- TÔNG-KẾT :

DŨ NHƯ THỊ ĐẰNG CHƯ ĐẠI BỒ-TÁT
(CÙNG CÁC VỊ ĐẠI BỒ-TÁT NHƯ THẾ NỮA)

SÓ : Kết văn trên chiếu lệ bao nhiêu nữa cũng đồng như trước. Vì chính ngay kinh này thì tiêu-biểu ba môn : Tín, Hạnh và Nguyện, làm thành cái nhơn cõi Tịnh-Độ.

SAO : Đồng như trước là : Kết văn trên : Đức Văn-Thù, đức Di-Lặc v.v... chiếu lệ bao nhiêu nữa thời như, đức Phổ-Hiền, đức Quan-Âm, tất cả các hàng Bồ-tát nữa cũng như vậy.

Tín, Hạnh và Nguyện : Ngài Diệu-Thủ (Văn-Thù) là tiêu-biểu pháp môn : Tín. Bởi cầu sanh Tịnh-Độ ; do tâm Tín làm đầu tiên. Kinh nói : « Nhược hữu tín-giả, thị dã » (phải có lòng tin mới được).

Ngài Tinh-Tấn, là tiêu-biểu pháp-môn Nguyện và Hạnh. Tinh : Là bất tạp. Tấn : Là bất-thối. Bất-tạp là : Kinh nói : Nhứt tâm bất-loan. Bất-thối là : Kinh nói : Bất thối-chuyển Bồ-đề. Ngài Bất-Hưu-Tức, Tức là nghĩa Bất-thối,

Lại ngài Di-Lặc là Từ-Hạnh. Ngài Càng-Đà là Phạm-Hạnh. Trong Quán-kinh nói : Từ tâm bất-sát, đủ các giới-hạnh. Vì thành cái chơn cõi Tịnh-độ, thời kê bày các vị Bồ-tát, không có một vị nào mà chẳng trông như Tín, Hạnh, Nguyễn.

SỐ : Xứng-lý thời tự-tánh không chỗ nào chẳng chiếu, ấy là nghĩa Văn-Thù đại-trí. Tự tánh không chỗ nào chẳng dung-tha, là nghĩa Di-Lặc đại-trí, Tự-tánh vô-cùng vô-tận, là nghĩa ngài Bất-Hưu-Tức, là Thường-Tinh-Tấn. Còn bao nhiêu nữa so theo đây nên biết.

SAO : So theo đây nên biết là : Tự-tánh quảng-đại, là nghĩa Phổ-Hiền. Tự-tánh viên-thông là nghĩa Quan-Âm v.v... Như văn trên, tùy nói một môn, để nêu danh-hiệu các ngài. Nếu mỗi ngài đều đủ hết, tức là danh-tự lẫn-thông, cho nên nói Tâm tức là danh-tự vậy. (Tâm chỉ có danh-tự, không có hình-tượng). Hiểu như thế, tức là ở trong một tâm chánh-quán, thấy đủ tất cả các vị Bồ-tát. Nay chúng ta thấy phạm-phu, không thấy các vị Bồ-tát, là do vì mất tâm chánh-quán. Cho nên nói : Bồ-tát như trăng mát, thường đạo khắp hư-không. Chúng-sanh lòng trần sạch, bóng Bồ-đề hiện ở trong.

3.- NHƠN-THIÊN-CHÚNG

CẬP THÍCH-ĐỀ HOÀN-NHƠN, ĐẲNG VÔ-LƯỢNG
CHƯ THIÊN ĐẠI-CHÚNG CU

(Và các trời Thích Đề-hoàn-nhơn, Thiên thần
nhiều đến vô-lượng đến cu-hội giữa đại-chúng)

SỐ : Chữ Cập là : Nối văn trước nói : Pháp-môn Tịnh-độ này chẳng những các bậc thánh dự hội ; mà tất cả chúng phạm-phu cũng đồng nghe nữa. Chữ Thích-Đề-Hoàn-Nhơn. Tâu dịch : Năng-Thiên-Chủ. Nói chữ Đẳng lại cũng nói Vô-lượng là vì nói chung hết tất cả các hàng Chư-Thiên vậy. Nói chữ Đại-chúng, là : Vì gồm hết tất cả các chúng-sanh vậy. Chữ Cu là : Chung kết luôn các vị Bồ-Tát cho đến các văn sau.

SAO : Văn trên nói chữ Tinh chur Bồ-tát là một đối đãi với nhau giữa Tiểu-thừa và Đại-thừa. Văn đây nói chữ : Cặp chur-thiên đại-chúng là : Một đối-đãi với nhau giữa Thánh và Phạm, nghĩa là : Thánh, Phạm đồng nghe kinh này, chớ lầm rằng : Cõi Tịnh-độ là chỗ kẻ phạm-phu chẳng được nghe hay về ở !

Thích-Đề Hoàn-Nhơn là : Nếu nói cho đủ thì phải nói : Thích-Ca Đề-Bà Nhơn-Đề. Chữ Thích-Ca, Tàu dịch : Năng. Chữ Đề-Bà Nhơn-Đề, Tàu dịch : Thiên-Chủ, rõ có 5 tên, sợ nhiều không nói.

Nhắc lại : Thời kỳ Phật Ca-Điếp nhập-diệt, có một người Nữ phát-tâm làm tháp, lại có 32 người phụ giúp. Nay người Nữ đó được làm vua trên cõi Trời Đao-Lợi, thống nhiếp cả 4 phương 32 cõi trời. Lại trong kinh A-Hàm nói : Người Nữ đó khi còn làm người thật hành việc đốn-thí (hố-thí triết-đề). Nay làm đặng ông chủ, cho nên nói là Thiên-Chủ.

Chữ Đẳng là : Luôn 32 trời bạn, nhần đến còn nhiều trời dân nữa vậy. Chữ Vô-lượng là : Nói thêm cho hết, thời gồm cả cõi trời Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới hết thấy các cõi trời.

Song, chữ Thiên là trời, mà tiếng trời có nhiều nghĩa : Trời là ngày, vì ngày rất dài ; Trời không buồn rầu, vì thường hưởng sự vui ; Trời là đèn sáng, vì chẳng có tối tăm.

Chữ Đại-chúng là : Trên chur-thiên, sắp xuống thì là Người và thần A-tu-la, chung hết tất cả chúng-sanh trong 6 đường vậy. Một thuyết nữa nói : Gồm văn trước, các hàng Bồ-tát và Thịnh-Văn, đồng kêu là Đại-chúng.

Chung kết là : Văn trước nói : Cùng các chúng đại Tỳ-Kheo cu-hội. Văn đây chữ Cu là : Cũng nói cùng với các vị Bồ-tát, chur-thiên và đại-chúng đồng Cu-hội vậy.

Hoặc có người gạn hỏi : Chúng ở cõi trời Vô-Sắc, thời không tai, không thân, còn loài Nga-qui, Địa-ngục thời rất tối, rất khổ, đâu cho dự hội, mà nghe kinh này ? Song chúng-sanh ở cõi Trời Vô-Sắc là không sắc thân thô, chớ không phải là không sắc thân tế. Cho nên khi đức Phật, Ngài nhập Niết

Bàn, các người ở cõi trời Vô-Sắc, rơi nước mắt như mưa. Thời có thân đến, có tai nghe, cũng là vô-ngại. Đến như các nơi Địa-ngục, Nga-qui trừ những người nghiệp nặng, hoặc ngăn cách chẳng thông, còn như những kẻ nghiệp nhẹ, chưa chắc là mất phần.

Hướng lại Hào-quang đức Phật soi vào đầu, dù là Địa-ngục hoặc Thiên-tử tức Diêm-la Vương cũng chứng đặng pháp Đốn và Viên. Thế thì Phật thuyết kinh này, hào-quang chiếu khắp 10 phương, đầu biết loài Nga-qui, và Địa-ngục chẳng được nghe ư ? !

SỐ : Xứng lý, thời tự-tánh thấu trên, suốt dưới, là nghĩa La-hán, Bồ-tát chư-thiên, đại-chúng đồng cu-hội.

SAO : Pháp này là pháp bình-đẳng, không có phân-biệt cao thấp. Trên thời suốt đến chư Thánh, trên cũng được dự hội. Dưới thời suốt đến lục phàm, dưới cũng được dự hội. Bởi cả Pháp : Tứ-Đế, pháp Thập-nhị Nhơn-Duyên, pháp Tứ-Đẳng, pháp Lục-Độ, pháp Ngũ-Giới, pháp Thập-Thiện và Vạn-hạnh, nhấn đến tám vạn bốn nghìn, các cửa trần lao lằng-xăng duy có một cái tâm này, vì ở trong tánh chơn-thật không sai không khác. Mặc dầu Long, Xà (rồng, rắn) hỗn tạp (lộn lạo), Phàm, Thánh giao tham (đua chen), nhưng ở trong đó, Phật pháp vẫn trụ-trì (như như) xưa sao nay vậy. (bình đẳng).

* * *

2.- CHÁNH-TÔN-PHẦN (phân ra làm 4 phần)

- A) *Tường trần y, chánh linh sanh tín nhạo : (Rõ bày g-báo, chánh-báo đều tốt sạch để cho chúng nảy lòng tin ưa).*
- B) *Chánh thị nguyện hạnh linh sanh tu chứng : (Chỉ ngay nguyện hạnh -a, khiến cho chúng biết để mà tu chứng).*
- C) *Giao dẫn Phật ngôn linh đoạn nghi hoặc : (Lăn nhau dẫn lời Phật nói, để cho chúng dứt lòng nghi lầm).*
- D) *Hổ chương nan sự linh thiết cảm phát : (Lăn nhau rõ sự khó khăn để cho chúng nảy lòng cảm thiết).*

A.— TƯƠNG TRẦN Y CHÁNH LINH SANH TÍN NHẠO
(phân ra làm hai phần)

1.- ĐỐI-CƠ (đối với người đương cơ)

2.- THỊ-PHÁP (chỉ bảo y chánh)

1.- ĐỐI-CƠ :

Nhĩ thời Phật cáo Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất
(Bấy giờ Phật bảo Ngài Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất)

SỐ : Từ văn đây sắp xuống thuộc về phần chánh-tôn : Về trước là phần tự-dẫn, về sau là phần lưu-thông (truyền-bá). Duy có văn đây là chánh nghĩa số-tôn trong một bộ kinh vậy.

Nhĩ thời là : Đương thời đủ sáu món thành-tự kia. Phật cáo là vì kinh này không ai phát-khởi (mở lời hỏi) Phật tự kêu ông Thân-Tử mà nói. Bởi vì kinh này cứu đời cần kíp, nên không đợi ai thỉnh.

SAO : Phạm nói chữ Nhĩ-thời, chắc trước có lời duyên khởi (mở đầu) cho nên nói đương thời vậy (6 món thành-tự) Phật tự thuyết là : Các kinh đều có Thông (chung). Biệt (riêng) hai bài tự : Thông, là bài tự Chứng-Tín. Biệt, là bài tự Phát-Khởi. Như : Kinh Pháp-Hoa thời tương Bạch-Hào của đức Phật phóng-quang là mở đầu giáo pháp nhưt thừa (nhưt thừa Thật tướng). Kinh Duy-Ma : Thì ngài Duy-Ma thị tật (giả bệnh) nơi thành Tỳ-Da là khai hiệu pháp-môn bất nhị. Còn kinh Viên-Giác, kinh Kim-Cang cho đến các kinh, phần nhiều nhưn có người hỏi trước, sau Phật mới vì đó mà diễn nói.

Nay kinh này không phải vậy ; cho nên nói : Không người phát khởi.

Cứu đời cần kíp là gì ? Chúng-sanh đời mạt pháp căn độn chương sáu, rất khó đặng hạng người tu theo 2 pháp giải-thoát và thiền-định ! Nên Phật dùng lòng đại-bi thương-xót thuyết ra một món trì danh niệm Phật này, để cứu cấp chúng-sanh bằng cách chấm dứt đường sanh-tử vì đi tắt ngang ra khỏi 3 giới thế mà còn e không kịp, nên chẳng đợi ai thỉnh cầu.

Vi như có người, xảy mắc chứng bệnh quá ngặt, sanh mạng chỉ còn trong hơi hoi-hóp dù ta sẵn có phương thuốc hay đối chứng, mà còn y đó bào-chế, thì e trễ nải ngay giờ, thuốc chưa làm xong, mạng đã chết trước.

Chi bằng, đã sẵn có thuốc làm rồi, đồ vô miệng là tức thì tỉnh sống ngay, nếu người có lòng nhơn, phải cho lập tức, đâu lẽ còn đợi người kia sắm lễ ăn-cần vậy sau mới là cho thuốc! ? Phật cứu chúng-sanh ý cũng như thế.

SỐ: Hỏi : Với các kinh khác thì không luận ; chỉ như Bồn-giáo hai kinh đều có người phát khởi ; sao riêng kinh này chẳng như thế có ? **Đáp :** Vì ý-chỉ càng thiết, cũng là có phát khởi bằng cách không phát khởi đó thôi.

SAO : Bồn-giáo hai kinh là : Kinh Thập-lục-Quán, và kinh Đại-bồn, đồng bộ với kinh này, cả hai đều chuyên nói về pháp tu Tịnh-độ, cho nên gọi là bồn-giáo.

Quán-Kinh : Thời do Bà Vi-Đề-Hi bị đũa con ác-nghiệt (vua A-xà-Thế) làm hại, nên Bà chán cõi đời ngũ-trược, mà cầu sanh nước thanh-tịnh. Bà bạch đức Phật rằng : Con nguyện sanh về thế-giới thanh-tịnh, không muốn ở thế-giới ác-trược cõi Diêm-phù-đề này.

Đấy là do mẹ con vua A-xà-Thế làm người phát khởi.

Kinh Đại-Bồn nói : Một bữa nọ dung-nhan đức Thế-tôn khác thường, Thị-giả là ông A-Nan thấy vậy, Bạch hỏi : Từ khi con theo hầu Phật, chưa từng có lúc nào được thấy dung nhan Phật như ngày hôm nay. Phải chăng Phật nghĩ nhớ các đức Phật đời quá khứ, hay là chư Phật kiếp vị-lai, cho nên có sự khác thường như thế?!

Phật bảo : Quí quá thay A-Nan! Có các vị chư-thiên mượn đệ-tử đến hỏi hay đệ-tử tự hỏi như thế?

Này A-Nan! Câu hỏi của đệ-tử, đó nó có phước đức hơn gấp: trăm lần, nghìn lần, muôn lần đối với kẻ đã trải qua nhiều kiếp đem của bố-thí cho các thánh-nhơn như

Thinh-Văn, Duyên-Giác, chư-thiên, nhơn-dân, nhần đến các loài bò bay máy cựa ở đây một châu trong 4 châu thiên hạ, cũng chẳng bì kịp câu hỏi của đệ-tử !

Sở dĩ vì sao ? Bởi Chư-thiên, nhơn-dân, cho đến loài bò bay máy cựa đều nhờ câu hỏi của đệ-tử mà được độ thoát.

Đây là do vì lấy dung-nhan vui vẻ của Như-lai, là nhơn-duyên phát khởi của kinh Đại-bổn.

Nay có người hỏi nạn rằng : Các kinh có người phát khởi, thời xin gát lại khoan luận. Chỉ như hai kinh này bổn-giáo Tịnh-độ (gốc dạy tu Tịnh-độ) đều có người phát khởi. Kinh đây (Di-Đà) cũng chẳng khác gì hai kinh kia, vì lẽ gì lại riêng không nói ? Cho nên lập lời đây đề giải rõ : Nghĩa là Phật thuyết hai kinh, tuy cũng là một tâm đại-bi thiết-yếu, riêng dạy pháp vãng-sanh. Song mà pháp Quán tinh-vi, môn nguyện rộng lớn, như đã nói trong bài tự vấn trước, chưa bằng kinh này, chỉ chuyên sự trì danh, liền sanh nước kia, rất là cần yếu mà lại cần yếu cho nên ý Phật đối với đây cũng đã thiết yếu, mà lại càng thiết yếu, vì các chúng-sanh làm bạn bất thỉnh vậy.

Không phát mà phát là : Vì chúng-sanh hiện-tiền ưa đắm sanh-tử không cầu ra khỏi ; tự hay phát khởi lòng đại bi của Phật, nên Ngài mới thuyết kinh này không đợi ai thỉnh.

SỐ : Phật chỉ kêu một mình ông Xá-lợi-Phất đề bảo là : Lệ như văn trước nói duy người có trí mới tin nổi kinh này. Lại bảo một mình ông tức là bảo tất cả chúng. Ngài Tịnh-Giác nói : Vì pháp hiệp bốn món Tất-dần vậy.

SAO : Lệ như văn trước là : Tức là ý nghĩa bắt đầu nói ông Thân-tử. Do vì ông có trí-huệ thậm-thâm. Xét thấu các cơ tịnh và uế, dung-thông tột ngành sự và lý, mới hay tin thọ không nghi. Như trên hội Bát-Nhã, bắt đầu nói ông Tu-Bồ-Đề, do kinh Bát-Nhã luận lý chơn-không mà ông Tu-bồ-Đề là người hiểu lý chơn-không đệ nhất trong chúng.

Bảo tất cả là : Phật bảo một mình ông Thân-tử, tức là bảo tất cả hàng Thanh-văn, Bồ-tát, nhơn, thiên, đại-chúng hiện-tiền, và bảo tất cả các chúng-sanh đời vị-lai nữa...

Bốn món Tất-đàn là : 1.- Ông Thân-tử là đệ-tử hầu bên tả, các kinh phần nhiều đề ông ở trước hết là phép như thế. Đây là phép Tất-đàn Thế-giới. 2.- Ông Thân tử là bực trí-huệ đệ nhứt, trong chúng đều tôn-ngưỡng, nếu ông tin Tịnh-độ, thời chúng cũng tin theo. Đây là phép Tất-đàn Vị-nhơn. 3.- Vì người không tin cõi Tịnh-độ, tự hồ mình không bằng ông, liền đổi bỏ tà chấp. Đây là phép Tất-đàn Đối trị. 4.- Vì khiến kẻ quen tập pháp Tiểu-thừa, bắt chước hướng tới Đại-thừa cầu sanh Tịnh-độ, cứu-cánh thành Phật. Đây là pháp Tất-đàn đệ-nhứt nghĩa.

SỐ : Lại chẳng những Trí là năng Tín, mà được thành tựu quả Phật, cũng đều do Trí.

SAO : Kinh Hoa-nghiêm, quyền thứ 22 nói : Tất cả các đức Phật Trang-nghiêm thanh-tịnh, đâu chẳng phải tất cả đều do Trí. Thế thì biết đức Phật A-Di-Đà cũng do Trí này, thành tựu công đức Tịnh-độ, mà các chúng-sanh tu phép Tịnh-độ ấy, do Trí mà sanh Tín, thời Tín mới là chánh Tín, do Trí mà phát nguyện, thời nguyện mới được rộng lớn, do Trí mà khởi hạnh, thời hạnh mới mẫu-nhiệm, cho đến thành Phật, thường phải do đấy.

Bởi Trí nó là cái lý mẫu đề suốt nhưn thần quả, thành thì thành chung nữa, chứ chẳng những chỉ làm môn tín giải mà thôi.

SỐ : Xứng lý, thời tự-tánh nó có trí tự nhiên, là nghĩa Phật tự kêu ông Xá-lợi-Phất đề bảo pháp tri-danh.

SAO : Không nhưn mà chiếu, không nghĩ mà biết, tánh mẫu sẵn sàng chẳng tự đâu màặng. Thế cho nên tiếng kiên-chùy chưa động, không ai thừa thỉnh, mà Phật thoạt nhiên tự nói, nói mãi không gián đoạn.



2- THỊ PHÁP (phân ra làm hai phần)

a) TÔNG-TIÊU (nêu chung)

b) BIỆT-THÍCH (giải riêng)

a) TÔNG-TIÊU (phân ra làm hai phần)

1) Tiêu-độ hiền y (nêu cõi'đề rõ y-báo)

2) Tiêu-chủ hiền chánh (nêu chủ đề rõ chánh báo)

1. TIÊU-ĐỘ HIỀN-Y

Từ đây qua phương Tây mười muôn ức cõi Phật, có một thế-giới tên là Cực-lạc.

SỐ : Độ là cảnh sở-y, gọi là y-báo. Phật là người năng-y, gọi là chánh báo. Bây giờ trước nói cảnh sở-y (cảnh nương-tựa).

Chữ Thị là đây, là chỉ cõi này mà nói; nghĩa là: Từ thế-giới Ta-Bà đây cứ nhắm hướng Tây đi tới, gọi là qua.

Cõi Phật là: Một thế-giới đại Thiên gọi là một cõi Phật, qua cõi Phật như vậy, tới mười muôn ức; nghĩa là: Cách phương này xa lại càng xa càng xa chẳng phải như cái cõi cách mười muôn tám nghìn dặm (10.800) nói trong kinh Pháp-Bửu-Đàn vậy.

Nếu cứ sự cứ lý, cũng chưa lấy làm xa. Chữ Thế là Đồi. Chữ Giới là Xứ, Cực-Lạc tiếng Phạm (Sumati) Tu-ma-Đề, Tàu dịch: An-Lạc cũng dịch An-drông, cũng dịch: Thánh-Thái, cũng dịch: Diệu-Ý; tên tuy có khác một chút, chớ cũng là một nghĩa Cực-Lạc.

Song cõi có nhiều nghĩa: Với trong 4 cõi, ở đây nó cõi Cực-Lạc là cõi Đồng-Cư; mà cũng luôn ba cõi trước. Lại với cõi Thọ-Dụng, cõi Pháp-Tánh, và cõi Biến-Hóa, cả ba cõi đồng ý đây.

Lại: Mười cõi, cũng đồng ý đây. Lại Phật dù không cõi, nhưng vì hóa-độ chúng-sanh tại đâu nói cõi cũng chẳng ngại gì.

SAO : Y-báo là : Thân nương cõi đề ở, cho nên kêu cảnh giới là sở y, tùy theo nghiệp mình gây tạo cảnh sở y (cảnh ở) có tốt và xấu cho nên kêu là báo ; Câu : Từ cõi Ta-đây là : Cõi Ta-Bà và Cực-Lạc cũng ở trong cõi Hoa-Tạng, hai cõi trông nhau như ngang hàng.

Nay nói chữ « Qua » là : Qua, là từ cõi đây nhằm hướng Tây mà đi ngang suốt qua. Một cõi đại-thiên : Cõi tam thiên đại thiên thế-giới vậy ; trong bài Lục-phương ở sau có nói.

Mười muôn ức là : Con đường từ đây qua Tây-phương, lấy số ức tính đó sẽ có 10 muôn : Nghĩa là : Qua một cõi Phật, mười cõi Phật, nhắm đến một ức cõi Phật.

Lại từ một ức cõi Phật, mười ức cõi Phật, nhắm đến mười muôn ức cõi Phật, cho nên nói xa đó lại càng xa vậy. Song, số ức có 4 thứ : Mười muôn, trăm muôn, nghìn muôn và muôn muôn, cũng đều đặt kêu là số ức, nay chưa được biết chỉ về số ức nào vậy.

Trong Đạn-Kinh nói : Mười muôn tám nghìn dặm là làm chỉ cõi Tây-vực là Ấn-Độ đây vậy : cũng trong bài lục-phương sau có giải rõ.

Câu nói xa cũng chưa lấy làm xa, đủ có hai nghĩa : 1.- Cứ theo sự, kinh Pháp-Hoa nói : Thế-giới phương Đông rất nhiều, lấy đất nghiền thành bụi, mỗi hột bụi, kể một thế-giới, thời mười muôn ức cõi, cũng chỉ là phần rất ít vậy thôi.

Kinh Hoa-Nghiêm nói : Một thứ thế-giới, vậy là ngoài cõi Ta-Bà còn có 13 số sát trần thế-giới để vây giáp vòng. Nay cõi Cực-Lạc chỉ qua mười muôn ức cõi đâu đủ làm xa.

2.- Cứ theo lý, thời câu nói « mười muôn ức » ấy, đối với tâm lượng sanh tử của phàm phu mà nói vậy thôi. Nếu Tịnh-nghiệp thành, khi lâm chung, tâm ở trong định, tức cái tâm ấy thọ sanh cõi Tịnh-Độ, như câu : « Phán minh tại mục tiền ». (Tịnh-Độ rõ ràng ở trước mắt) là vậy, cũng nào từng xa ?

Chữ Thời là : Đòi quá khứ, hiện tại, và vị-lai. Chữ Xứ là : Bốn góc và trên dưới,.. Riêng một mình chữ thời, riêng

một mình chữ xứ, thời nghĩa thế-giới chẳng thành, thời và xứ hiệp, mới kêu là thế-giới.

Chữ Cực-Lạc dịch có nhiều tên, mà nói chữ Cực, là nói rõ cái nghĩa vui tốt bực, chẳng phải tất cả những cái vui cõi Nhơn-thiên bị kịp ; cho nên riêng nêu chữ Cực vậy.

Bốn cõi là : 1.- Cõi Thường-Tịch-Quang. Kinh nói : Phật Tỳ-Lô-Giá-Na, Pháp thân Ngài khắp tất cả xứ, chỗ ở của Ngài, gọi là cõi Thường-Tịch-Quang. Đây là chỗ người chứng quả tốt bực ở.

2.- Cõi Thiệt-Báo Trang-Nghiêm. Vì do tu pháp chơn thật, cảm đặng phước báo tốt đẹp, bầy báu trang-nghiêm, đủ năm món trần tịnh-diệu, cũng nói là cảnh vô-chương ngại ; do tâm tức cảnh (sắc), cảnh tức tâm, vì tâm cảnh không hai, nên lỗ chơn lông và cõi Phật dung chứa lẫn. Đây là cõi của bực Pháp thân đại-sĩ ở.

3.- Cõi Phương-tiện Hữu-Dư mới dứt 4 cái trụ hoặc thuộc về đường phương tiện, chưa hết vô-minh, nên gọi là hữu dư. Đây là cõi của bực Thánh-nhơn Tam-thừa ở.

4.- Cõi Phàm, Thánh Đồng-Cư : Đây là cõi chung của tứ-thánh, và lục phàm ở lẫn lộn nhau mà phàm không thấy thánh !

Bốn cõi tuy hơn thua chẳng đồng, nhưng cũng có phần riêng cõi tịnh và cõi uế. Nay nước Cực-Lạc đã nói rằng có Bồ-Tát, Thinh-Vấn, Chư-Thiên và nhơn-dân, thì cùng với Ta-Bà đều gọi là cõi Đồng-Cư.

Nhưng mà ở cõi này thì đất đá gai chông, bốn thú lằng-xăng, nước kia thời bát-đức, thất-trần, chúng nhơn-thiên rõ rõ, đây cũng là cõi Đồng-Cư mà thanh-tịnh vậy.

Cũng luôn ba cõi trước là : Tùy theo căn-cơ mỗi người có khác nên chỗ cảm thấy cũng lạ nhau. Như : Có người ở cõi Đồng-Cư, mà thấy cõi Thiệt-Báo, có người ở cõi Đồng-Cư mà thấy cõi Tịch-Quang, có người ở cõi Đồng-Cư mà thấy cõi Phương-Tiện, có người ở cõi Đồng-Cư mà chỉ thấy cõi của Minh (Đồng-Cư).

Như kinh Pháp-Hoa, đức Phật nói : Ta vẫn an ổn ở cõi này (Đồng-cư) chúng như thiên thường đông đủ. Kinh Tượng-Pháp Quyết-nghị, Phật dạy : Trong pháp hội bữa nay, số chúng đông không xiết kể. Hoặc người thấy cõi này bằng núi, rừng, đất, cát, sỏi, sạn ; hoặc có người thấy bằng cõi Thất-bảo, hoặc có người thấy bằng Phật đi kinh hành ; hoặc có người thấy bằng cảnh giới Bát-tư-Nghị của chư Phật. Đây là đều theo căn-cơ cao thấp của mỗi người mà cảm thấy có khác vậy thôi (gọi bằng kể có như thấy ra như, người có trí thấy ra trí...) (dụ như xem sách, mắt tỏ thấy chữ to, mắt mờ thấy chữ nhỏ).

Ba cõi đồng như trước là : 1.- Cõi Pháp-tánh ; tức là cõi Thường-tịch-Quang ; 2.- Cõi Thọ-dụng ; tức đồng cõi Thiệt-báo, nhưng có phần : Tự-thọ-Dụng ; và Tha-thọ-Dụng ; 3.- Cõi Biến-hóa ; đồng với cõi thứ ba thứ tư trước, tức cõi Phương-tiện và cõi Đồng-cư.

Thế thời cõi Cực-lạc đây tuy đang ở cõi Biến-hóa nhưng cũng có thể ở vào cõi Thọ-dụng và cõi Pháp-tánh được vậy.

Mười cõi là : Ngài Táo-Bá phân 10 thứ Quyền và Thiệt. Tuy thiệt cõi Cực-lạc là quyền chứ chẳng phải thiệt. Song đây là cứ quyền đối đãi phân-biệt mà nói vậy thôi.

Nếu luận theo lối tùy cơ, thời quyền thiệt không như định ; sở dĩ vì sao ? Ngài Táo-Bá đã nói : Cõi Phật Di-Đà vì một phần kẻ phàm-phu chấp tướng, chưa tin nổi lý thật-tướng của pháp chơn-không do đây chuyên tâm nhớ niệm, được phần tịnh kia, thời được sanh về cõi Tịnh-độ, ấy là quyền chứ chẳng phải thiệt.

Thế thì biết, đây là tại người chấp tướng mà nói, chứ chẳng phải tại người đã nhập lý như tâm. Nếu định lý như tâm, thời tức, quyền tức thiệt, nên nói không như định.

Lại với bốn cõi nói trên, cũng là lẽ dĩ nhiên có đủ, chứ chẳng nên chỉ chấp cõi Thường-Tịch-Quang ; vì nếu chứng được cõi Tịch-quang, thời đối với ba cõi dưới cũng phải tùy tâm nương gá, chứ chẳng nên bác bỏ mà cho rằng không.

Người mà chưa chứng định cõi Tịch quang, vội bác bỏ mà cho rằng không có ba cõi dưới, thời không còn cõi để ở

(cảnh nương ở) là lầm lẫn vậy. Cho nên kinh Lăng-nghiêm. Phật rất quở kẻ không tin phương kia (Tây-phương) có thế-giới kim sắc (nếu ai chưa phá được cái tướng ngũ ấm).

« Phật không có cõi » là : Trong bộ : Thập-tứ Khoa Tịnh-độ, lời sao nói : Bực Bát-đại Bồ-tát sắp lên mới là khỏi hẳn cái khổ lụy của sắc trần, chiếu bản thể độc-lập, phép màu khôn cùng, còn dùng cõi làm chi nữa. Hướng hồ chư Phật ! Phật thiết không cõi, nhưng mà nói có cũng được, là vì do chúng-sanh chỗ hiểu ít, mà chỗ lầm thì nhiều, cho nên lấy cõi phước lạc để dẫn dắt nó, khiến cho làm lành. Số là vị Thánh-nhân dùng tích gần đặng tiếp vật dấy thối. Cho nên nói có cũng chẳng ngại gì.

SỐ : Riêng chỉ Tây-phương, là vì định cảnh xu-hướng. Tây-phương riêng chỉ nước Cực-lạc là : Như bài : Vô-khở Hữu-lạc san, và trong kinh Vãng-sanh có nói.

SAO : E có người nạn hỏi : Thế-giới trong mười phương, đều có cõi Tịnh-độ có sao cứ riêng có cảnh Tây-phương bảo người cầu sanh về nước kia ? Bởi cũng như đường lớn có nhiều ngã rẽ, nên mất đê ; bản do chuyên chú mới trúng chim học (27). Không dụng hai tâm, công làm chẳng bề bộn. Bộ Thượng-đô-Nghi nói : Qui mạng về ngôi Tam-bảo, cốt phải chỉ phương lập tướng, trụ tâm lấy một cảnh, chúng phạm phu phải buộc tâm như thế còn e chưa được, huống nữa bỏ tướng mà được hay sao ?

Nếu luận đi cúng-dường chư Phật khắp trong 10 phương, rồi trở về nước còn trong bữa ăn sớm, thì việc đó là việc sau khi sanh về Tây-phương Tịnh-độ rồi. Chỗ gọi rằng : Mới thấy trúng, mà muốn được con gà liền, tính chi sớm thế ?

Lại hỏi : Thế thì kinh Hoa-nghiêm sao lại dạy phải phở lẽ nhiều đức Như-lai mới được ? — Đáp kinh Hoa-nghiêm nói : Một tức là nhiều, nhiều tức là một, nếu biết nghĩa đây. Hoặc phở-lẽ (nhiều đức Như-lai) hoặc thiên lẽ (lấy một đức Như-lai). Vẫn khác vẫn đồng không đủ nghi vậy.

Vô-khổ Hữu-lạc : Rõ thấy trong văn sau. Lại kinh : Tùy-nguyện vãng-sanh nói : Biết bao cõi nước Phật, thế sao cứ riêng cầu về nước Cực-lạc ? — Đáp : 1.- Do nhơn tốt vì mười niệm làm nhơn tức đặng vãng-sanh vậy. 2.- Do duyên tốt vì 48 lời nguyện Phổ-độ chúng-sanh vậy.

SỐ : Hỏi : Quán-kinh nói : Nước Cực-lạc cách đây chẳng xa. Kinh Di-Đà đây nói : Mười muôn ức cõi. Thế thì hai kinh nói chỗ gần xa vì sao chẳng đồng vậy ?

Đáp : Bởi vì là : Gần mà tức xa, xa mà tức gần. Nếu y theo Luận Phật-địa, thời cõi Tịnh-độ xa hay gần gì cũng đều bất-khả tư-nghì.

SAO : Cách đây chẳng xa là : Trong Quán-kinh nói : Bấy giờ đức Phật Thích-Ca, bảo bà Vi-đề-Hy rằng : « Hoàng-hậu nay có biết chẳng ? Nước Phật A-Di-Đà cách đây chẳng xa ». Kinh đây nói tức xa, tức gần. Bởi do cách đây chẳng xa, là nói đối với nước Cực-lạc, chỉ qua 10 muôn ức cõi, nên cách đây chẳng xa vậy.

Qua mười muôn ức là nói đối với nước Cực-lạc cách đây chẳng xa vì chỉ qua mười muôn ức cõi. Tâm bao trùm cả pháp-giới, thì cái gần nào mà chẳng phải là xa ? Mười phương pháp giới chỉ trong một Tâm duy nhất, thì cái xa nào mà chẳng phải là gần, lẫn nhau đề nói, vốn không ngại gì.

Câu « Bất khả tư-nghì » là : Luận Phật-địa nêu câu hỏi :

Cõi Tịnh-độ vượt qua chỗ đi của Tam-giới như thế, là nó cũng đồng một xứ sở với tam-giới, hay là tam-giới với nó đều riêng khác ư ?

Đáp : Có thuyết nói : Ở cõi trời Tịnh-cư. Có thuyết nói : Ở cõi Tây-phương v.v... Song giáp vòng tròn của nó cũng không biết bao cùng tốt. Vì khắp cả mười phương pháp giới, không thể nói rằng : Ở ngoài ba cõi, hay ở trong ba cõi, cứ tùy theo chỗ hợp của ông Bồ-tát mà hiện (Tịnh-độ) hoặc hiện ở cõi Tịnh-cư, hoặc ở Tây-phương v.v...

Thời biết nước Cực-lạc Tịnh-độ, vượt khỏi thường tình ; không phương sở nào chẳng phải là phương sở, không ở đâu

mà không đầu chẳng ở, không nên chấp cho như cõi Đồng-Cur mà làm chỗ luận nhưt định.

SỐ : Xưng lý, thời tự tánh kiên cố thanh-tịnh, là nghĩa Tây-phương. Tự tánh không chương, hết lỗi, là nghĩa qua mười muôn ; tự tánh ngang trùm dọc suốt là nghĩa thế-giới.

SAO : Kiên cố là : Vì phương Tây thể thuộc kim, có nghĩa kiên-cố, tức tự-tánh chơn thường bất dịch (chẳng đổi) vì muôn đời như-như vậy. Thanh-tịnh là : Lại có hai nghĩa : Vì phương tây đương không khí nghiêm-tịnh, có nghĩa trùm thanh (lóng trong). Tức tự-tánh các vọng vốn không. Vì thể nó lộ ra gió Tây. Vì phương Tây đương sắc bạch, có nghĩa trong sạch, tức tự-tánh các nhiễm không sanh, xưa nay một sắc.

Không chương hết lỗi là : Tự-tánh vốn không phiền-nã, như thập khổ, thập ác, thập triền và thập sử v.v... đều vượt khỏi cả ; nên có cái nghĩa quá xa ; thế thì biết kiên-cố thanh-tịnh là phương Tây mới là tốt hết phương Tây, không phải cứ nêu chỗ mặt trời lặn xa ngút mới gọi là qua, còn đầu đầu chẳng phải là không qua vậy, ai có thể tính kể số đường dặm, vì là ngang suốt 10 phương, dọc tột ba đời, chẳng phải gần chẳng phải xa, chẳng phải giữa, chẳng phải bìa !

Thế thời, từ đây qua cõi Phật số vi-trần, bất khả thuyết, bất khả thuyết, không thế-giới nào mà chẳng phải cõi Cực-Lạc, đầu lại chỉ có một thế-giới mới gọi là Cực-lạc ru ?

2. TIÊU CHỦ HIỆN CHÁNH

Cõi kia có Phật hiệu A-Di-Đà,
hiện nay đang thuyết pháp

SỐ : Nghĩa chữ kỳ : Kia, là chỉ văn trên ; Có cõi ắt có người, chỉ Phật là người năng y, Phật ; ắt có hiệu ; đề chỉ ra hiệu (tên) của đức Phật đó là A-Di-Đà. Ba đời đều có Phật lựa khác ông Phật quá-khứ và vị-lai, nên nói là ông Phật hiện-tại. Mỗi vị Phật nào cũng đều độ sanh ; chỉ pháp độ sanh là thuyết-pháp.

Hiện-tại thuyết-pháp : Như kinh Đại-bồn và trong kinh Đại-vân đã nói.

SAO : Kinh Đại-Bồn nói : Ông Phật kia, chẳng phải ông Phật quá-khứ, chẳng phải ông Phật hiện-tại và cũng chẳng phải ông Phật vị-lai. Bởi do Ngài đáp lại cái chí nguyện của Ngài, nên hiện ở Tây-phương thời, thế-giới Ngài tên là Cực-Lạc, hiệu ngài là A-Di-Đà.

Chữ Đại-Vân là kinh Đại-phương-Đẳng. Đại-Vân nói : Bảy giờ đức Thế-Tôn Thích-Ca hơn hở mỉm cười, từ trên gương mặt của Ngài, phóng vô-lượng hào-quang. Ngài Đại-Vân-Mật-Tạng Bồ-tát hỏi duyên cớ.

Phật dạy : Thế-giới bên Tây-phương, có nước tên là An-lạc, ông Phật hiệu là Vô-lượng-Thọ, hiện tại thuyết-pháp, và bảo một vị Bồ-tát rằng : Bên thế-giới Ta-bà có Phật Thích-Ca Mâu-Ni, hiện nay đang thuyết-pháp về kinh Đại-Vân, người nên qua đó mà nghe. Nay vị Bồ-tát đó, sắp qua đến đây.

Thế thì chính đương khi bên này đức Thích-Ca thuyết-pháp, thì bên kia Phật A-Di-Đà cũng đương thuyết-pháp, cho nên biết chẳng phải quá-khứ, chẳng phải vị-lai mà là hiện tại thuyết-pháp.

SỞ : Phạm nói hiện tại, cũng có hai nghĩa như : Đức Thích-Ca, đức Di-Đà đều gọi là hiện tại, nhưng có một chút chẳng đồng.

SAO : Một chút chẳng đồng là : Đức Thích-Ca là vị Phật thứ tư trong hiền-kiếp (kiếp hiện-tại) nên kêu là ông Phật hiện tại, nhưng đã Thị-tịch nơi chốn Song-lâm khó thấy tương-hảo, chỉ nghe danh tốt, và còn để lại ba tạng kinh giáo và ảnh-tượng Ngài mà thôi !

Còn đức Phật A-Di-Đà thời trong ngày này giờ này, chính ở nước kia hiện đang thuyết-pháp. Thế thì đức Thích-Ca hiện tại mà đã quá-khứ. Di-Đà hiện tại vẫn hiện tại vậy.

Người xưa nói : Khi Phật còn tại thế, ta bị trầm luân, nay được thân người, Phật đã diệt-độ mất rồi. Ôi buồn cho tấm thân nhiều nghiệp-chướng không thấy được Kim-thân của đức Như-Lai, cảm mộ thương than đến nỗi thế này !

Nay đức Thích-Ca tuy diệt-độ, nhưng đức Di-Đà đang còn, miễn sao vãng-sanh liền đặng gần-gũi, thế mà không tin, không nguyện lưỡng unction thương than cũng là vô-ích, thật rất lắm.

SỞ : Lại với hiện tại đây là cứ theo đương thời đức Thích-Ca còn ở đời mà nói, chứ thiệt ra thời suốt đến đời trước đời sau, cũng còn đời sau và đời sau vô-tận đều kêu đời hiện-tại.

SAO : Đời trước đời sau là : Đức Thích-Ca trước khi chưa ra đời, đức Di-Đà cũng hiện tại thuyết-pháp. Đức Thích-Ca đã diệt-độ mất rồi, đức Di-Đà cũng hiện tại thuyết-pháp, nhân đến ngày nay cũng vẫn còn hiện tại.

Đời sau đời sau vô-tận là : Do đức Phật Thích-Ca thuyết pháp, chỉ ở trong 49 năm từ đức Ca-Điếp sắp về trước, đến Phật Di-Lặc về sau đầu số năm nhiều đi nữa, cũng có hạng lượng, chưa bằng đức Di-Đà thuyết-pháp rất là lâu xa, chư Phật chẳng bằng, thế cho nên chẳng những trong thi giờ này, còn gọi hiện tại, mà đời sau đời sau đến vô-tận đời sau cũng vẫn còn kêu là hiện tại thuyết-pháp.

Hỏi : Sau khi đức Di-Đà, kế bỏ xứ Quán-Âm, đâu đặng nói đức Di-Đà vô-tận ? **Đáp :** Đức Di-Đà tru thế mấy kiếp ? Mới bỏ đức Quán-Âm có tăng biết số chẳng ? Kia, đức Quán-Âm còn nói : trụ vô-ương số kiếp vô-ương số kiếp, bất khả phục kế kiếp, bất khả phục kế Kiếp, mới trao lại cho đức Thế-Chí, (28) thời với đức Di-Đà ở lâu đời khá biết ; đâu chẳng phải cũng hữu-tận bằng vô-tận đó ư ? Huống đức Thế-Chí mà bỏ cho đức Quán-Âm, hẳng không thời kỳ bát-nê-hoàn (vào Niết-bàn). Tuy nói rằng : Đức Thế-Chí nhưng thiệt ra thì cũng như đức Di-Đà thuyết-pháp không khác vậy. Đây gọi là đời sau và đời sau vô-tận ; thế nào mà chẳng được ?

SỞ : Lại, hiện tại đây, là cứ nơi đức Thích-Ca đối với đức Di-Đà mà nói, chớ thiệt thời hiện tại của đức Di-Đà tức là hiện tại của đức Thích-Ca.

SAO : Ngài Tri-Giác nói : Trong kinh Giáo-Tổng-Trì nói : 37 vị Phật. Đầu là một bản-thân Phật Tỳ-Lô Giá-Na hiện ra. Nghĩa là : Trong tâm đức Phật Giá-Na chứng cõi Tự-thọ-dung.

thành ra năm trí. Trước dùng trí : Pháp giới thanh-tịnh tự ở giữa trung-ương, kể dùng bốn trí tỏa ra bốn phương thành bốn đức Như-Lai, và trí Diệu-quan-sát kia tỏa ra phương Tây, thành ông Phật Vô-lượng-Thọ ở thế-giới Cực-Lạc thời một vị Phật mà hiện ra hai cõi, cho nên Ngài Thanh-Lương nói : tức đức Bôn-sur vậy.

SỞ : Song chư Phật thuyết-pháp nhiều cách chẳng đồng. Nay đây y-báo chánh-báo đều thuyết, rõ như kinh này và kinh Đại-bôn cùng trong Quán-kinh đã nói.

SAO : Nhiều cách chẳng đồng là : Như thuyết-pháp bằng : Tiếng nói, bằng mắt xem, nhắm đến hăng com thơm v.v... cho nên thế-giới Cực-Lạc chẳng những thuyết-pháp bằng lời nói của Phật, mà y, chánh cũng đều thuyết-pháp, như kinh Đại-bôn nói : đức Phật A-Di-Đà vì các hàng Bồ-tát, Thanh-văn, Chư-thiên, Thế-nhơn rộng nói đại-giáo (đại-thừa) diễn đủ pháp-mầu, ai nghe chẳng mừng rỡ vui thích, tâm được tỏ ngộ, mỗi người đều có chỗ sở-đắc.

Lại nói, phương Đông có hăng-hà sa-số chư Phật, đều khiến vô-lượng Bồ-tát, Thanh-văn, đi đến chỗ đức Phật A-Di-Đà, nghe thuyết diệu-pháp. Bốn góc trên dưới, chư Phật cũng sai Bồ-Tát đi nghe thuyết diệu-pháp. Như thế đây là : Chánh-báo thuyết-pháp.

Kinh đây chép nước, chim, cây, rừng diễn ra diệu pháp, cùng kinh Đại-bôn và Quán-kinh, như trong bài văn sau dẫn rõ ; đây là : Y-báo thuyết-pháp.

Lại kinh Đại-Bôn nói : Hoa sen ở nước kia, phóng ra vô lượng hào-quang, trong hào-quang, phóng ra vô-lượng đức Phật, mỗi mỗi chư Phật, đến thuyết diệu-pháp. Đây là Y, Chánh đồng thời thuyết vậy.

SỞ : Có chỗ nói thuyết pháp là ứng-thân và báo-thân. Lại có chỗ khác nói : Ba thân đồng thuyết, tùy cơ mỗi người thấy chẳng đồng.

SAO : Ứng thân Phật thuyết là : Có chỗ nói : Pháp-thân Phật một mực không thuyết. Báo thân Phật đủ thuyết mà không thuyết, còn ứng-thân Phật như định thuyết ; thế thời

sự thuyết pháp của đức Phật kia, chính là ứng-thân. Song cũng gồm báo-thân nữa ; như kinh Đại-bồ-nhĩ nói : Thân Phật cao hơn tất cả thân của người thế-gian. Quán-kinh nói : Thân Phật cao sáu mươi vạn ức Na-do-hàng-sa do-tuần. Thế thời đầu phải như định là thân một trượng sáu thước !

Song trong kinh nói : Báo-thân và Hóa-thân đều chẳng phải là Phật hiện thật, cũng chẳng có thuyết pháp, thì đầu dựng như định rằng Pháp-thân không thuyết, đó là tùy cơ mỗi người ngộ thấy, chỗ thấy chẳng đồng thời (chớ kỳ thật ba thân đồng thuyết).

SỞ : Rất đáng tiếc thay muôn dặm trăm thành, vì cầu ông Tri-Thức, trèo non vượt bể, mới nói rằng lẽ chốn Đạo-Tràng há nên với Phật Vạn đức Như-Lai, hiện tại thuyết pháp, làm ngọc chẳng đoái hoài, đành đọa chốn Đông-thành ! Thế thời gọi là đáng thương xót lắm !

SAO : Vạn lý (muôn dặm) là : Ông thầy hỏi ngài Đại-Tùy : Chừng kiếp hỏa tai nổi dậy, đốt cháy, chưa biết cái ấy (thức tâm) hoại hay là không hoại ? Đại-Tùy đáp : Hoại.

Ông thầy hỏi : Như thế thì nó đi theo kiếp hoại sao ? Đáp : Đi theo. Ông thầy hồ nghi mãi, không giải quyết, phải qua lại muôn dặm, khắp cầu ông Tri-Thức cất nghĩa, mới dựng đại ngộ.

Trăm thành là : Ngài Thiện-Tài trải qua phương Nam một trăm một cái thành tham cầu 53 ông Thiện-tri-thức.

Dẫn lời đây, đề so sánh đức Phật A-Di-Đà là ông Tri-Thức tối cao vậy. Trèo non vượt bể là : Non Nga-My và non Phổ-Đà v.v...

Dẫn lời đây, đề so sánh thế-giới Cực-Lạc Tây-phương là, chốn Đạo-Tràng tối thắng. Song người xưa lặn suối, trèo non ; ấy là vì muốn gần gũi bậc hiền thánh.

Ngày nay giống rudi Đông Tây chỉ là xa xem ảnh tượng mà lại trải đủ con đường hiểm trở gian truân, chẳng nài sự lao khổ ! Đầu dựng với đức Từ-Tôn hiện tại, bỏ qua không đến, khác nào bà Lão-Mẫu ở Đông-thành đồng sanh một ngày giờ với đức Phật, mà không thấy chơn dung của Ngài. Há chẳng phải đồng bạn đó chớ chi ?

Vời ông Phật quá khứ và vị-lai thế tất khó gặp, còn ông Phật hiện tại cũng bỏ qua, cho nên nói đáng thương xót.

SỞ : Xứng lý, thời sự tánh thể vẫn linh-tri, là nghĩa cõi kia có Phật. Tự-tánh chính nay vẫn hiện-hiện, là nghĩa hiện tại thuyết pháp.

SAO : Mãn buổi hầu bên Phật, mà chẳng thấy kim-dung Ngài, trọn ngày ngồi trong pháp hội, mà chẳng nghe được đạo màu, thành thử đề Ma-vương lộn vào cõi Phật ; Tà pháp chen với lý chơn-tôn ! Nếu hay quày rõ nguồn tâm Phật Pháp đồng thời đều đủ !

b) BIỆT-THÍCH (phân ra làm hai phần)

1.-Y-BÁO (cõi y báo)

2.-CHÁNH-BÁO (thân chính báo)

Y-BÁO (phân ra làm hai phần)

1.- Tổng danh Cực-Lạc (chung gọi nước Cực-Lạc)

2.- Biệt thị trang nghiêm (riêng chỉ vật tốt-đẹp)

TỔNG DANH CỰC-LẠC

Này Xá-Lợi-Phất ! Vì sao nước kia gọi là Cực-Lạc ? Bởi chúng-sanh nước kia chỉ hưởng những điều vui, không có các việc khổ, nên gọi là Cực-Lạc.

SỞ : Trước giải y-báo là : Vì thuận theo văn trên, cũng vì khiến cho chúng-sanh, sanh tâm ưa vui.

Khô : Là nghĩa ép ngặt khốn hại. Khô là một món đầu trong bốn món Tứ-Đế. Các khô là : Trong các kinh, luận phân ra có : 3 khô, 8 khô, 10 khô, 110 khô.

Lại so giữa hai món sanh tử : Phân-đoạn và Biến-dịch, thì Biến-dịch sanh tử cũng lo khô rồi ; huống chi các cái khô khác nữa : Do sự khô chẳng phải một, cho nên nói các khô vậy.

Các vui là : Như trong kinh kê hai món thanh-tịnh trang-nghiêm cũng do sự vui chẳng phải một, cho nên nói rằng các vui vậy.

Nước Cực-Lạc là : Do các nước khổ vui có bốn món : Có nước khổ nhiều vui ít, có nước vui khổ bằng nhau ; có nước khổ ít vui nhiều, có nước không khổ, toàn vui. Nay nước Cực-Lạc nhằm nước thứ tư (không khổ toàn vui).

SAO : Tứ-Đế là : Khổ, tập, diệt, đạo, mà khổ thì ở trước hết. Vì biết khổ mới Đoạn Tập và tu Đạo mới chứng Diệt (tịch diệt Niết-Bàn). Ba khổ là :

1.- Khổ-khổ. Nghĩa là : mang thân hữu lậu này đã là khổ rồi, mà lại chịu các khổ ép bức của hoàn-cảnh nữa, cho nên nói khổ mà lại thêm khổ vậy. Đây là cái khổ cõi Dục-giới.

2.- Hoại-khổ : Nghĩa là : Đang khi vui đã hoại rồi, thời không xiết bao sự lo buồn vậy. Đây là cái khổ cõi Sắc-giới.

3.- Hành-khổ : Cái khổ này nó ở giữa chừng, tức là bất khổ bất lạc, vì mỗi niệm mỗi đời đời trong bánh vi. Đây là cái khổ cõi Vô-sắc-giới.

Lại cõi Dục-giới đủ cả ba món khổ ấy, cõi Sắc-giới gồm hai món khổ sau. Còn cõi Vô-sắc-giới chỉ có món Hành-khổ, là ba khổ vậy. Mà người ở nước Cực-Lạc kia là người đã ly dục, được thanh-tịnh ; thời không có cái khổ-khổ, y báo, chánh báo vẫn thường còn và vui, thời không có cái hoại-khổ. Vượt khỏi ngoài ba cõi, thời không có cái Hành-khổ.

Tám khổ là : Khi sanh thời ở trong ngục thai của mẹ ; Khi già bị cái điều lóng cọng ; Khi bệnh chịu các sự dớn đau ; Khi chết lại thảm buồn phân té ; Khi thương muốn hội-hiệp, mà hoàn cảnh bắt phải chia lìa ; Khi oán ghét ý muốn lánh xa, mà bắt phải gặp gỡ ; Khi cầu một vật gì ưa thích muốn cho được, mà lại phải thất bại ; Cho đến cái thân này cả ngũ-ấm nó lấy lừng gồm hiệp với bảy khổ trên, thành ra 8 khổ vậy.

Nhưng nước Cực-Lạc kia, khi sanh là bằng liên hoa hóa sanh thời không có cái khổ bằng thai sanh như cõi này ; khí hậu không mưa lạnh lắm, không nắng nực lắm, thời không có cái khổ già nua lóng cọng. Thân là không phải cái thân bằng phân-đoạn sanh-tử, thời không có cái khổ bịnh đau dớn ; mạng sống lâu bằng số vô-lượng, thời không có cái khổ về chết mất ;

Không cha, mẹ, vợ, con, thời không có cái khổ về tình thương yêu mà bị phân cách ; các người bực Thượng-Thiện đồng hội hợp đoàn kết một xứ, thời không có cái khổ bằng oán ghét lại gặp nhau ; tâm muốn vật chi, vật ấy tùy tâm hiện đến, thời không có cái khổ mưu cầu mà không được như cõi này. Quán chiếu thân tứ-đại vốn không, vắng lặng, thời không có cái khổ bằng thân ngũ-âm xi thanh (lấy lừng).

Mười khổ là : Trong Bồ-Tát Kinh-Tạng nói : 1.- Khi sanh khổ ; 2.- Khi già khổ ; cho đến thứ 10 là cái khổ trôi lăn trong đường sanh-tử.

Một trăm mười khổ là : Luận Du-Già nói : 1.- Không có khổ bằng sai biệt đổi thay ; 2.- Không có khổ về tham dục, và si mê, cho đến cái khổ thứ 55. Kể có chín món khổ ; ở trong chín món ấy, lại thứ lớp chập chồng chia ra thành 55 nữa, hiệp cộng 110 cái khổ. Nay nước Cực-Lạc kia đều không có một khổ nào cả (cho nên gọi là Cực-Lạc : toàn vui).

Song ước lược mà nói : Chẳng ra ngoài 3 khổ, với 8 khổ, nó đã gồm thâu các món khổ. Vạy hai món sanh tử là : Phân-đoạn sanh-tử, và Biến-dịch sanh-tử.

Phân-đoạn là do bốn đại thành thân, nên thân có ngăn, chừng từng phần, từng đoạn, như trong bài văn : Tám khổ. (trên đã nói).

Biến dịch là cõi đầy dầu bực Nhị-thừa Bồ-tát, tuy đã lìa cái thân phân-đoạn, nhưng mà chưa khỏi tướng (sanh, trụ, dị, diệt) đổi dời, như, dời quả đời, cũng gọi là khổ. Còn nước kia ở trong hoa sen hóa sanh ra ; một phen sanh về không hề lui sụt, nào phải lo hai món khổ vậy.

Kinh Đại-Bổn nói : Nước kia không nghe cái tên khổ, huống chi có khổ thiệt ; cho nên nói không có các khổ.

Hai món thanh-tịnh là : Trong Luận nói : 1.- Khi thế-gian cõi vô-tình thanh-tịnh ; 2.- Chúng sanh thế-gian cõi hữu-tình thanh-tịnh. Tức y-báo và chánh-báo, hai báo đều là công-đức trang-nghiêm, như trong bài văn sau, và kinh Đại-Bổn cùng Quán-kinh đã biện rành,

Hỏi : Kinh Tịnh-Danh nói : Tất cả chúng-sanh tức tương tịch diệt không cần diệt gì nữa ? Thời tất cả cõi nước, tức là tương Cực-Lạc, lại nào còn có Cực Lạc gì nữa ? Mà kinh này phân ra có khổ có vui, tuồng như trái với kinh kia ?

Đáp : Ngài Hiền-Thủ Đại sư giải-thích kinh kia, ý Ngài nói : Chỉ do vì chúng sanh mê lầm điên đảo, quấy thấy có sanh tử, gọi là ở bờ bên này. Bực Đại-Thánh đã ngộ sanh tử vốn không, bản-lai viên-tịch. Tức gọi là đã qua bờ bên kia. Nay kinh này cũng nói : Vì chúng sanh mê đảo, vọng chấp cõi đời ngũ trước này, cho là thật tế là đại đồng, gọi là ở nước Ta-Bà. Bực tổ ngộ cõi ngũ-trước này vốn không, bản lai thanh-tịch, tức gọi là đã về nước Cực-Lạc. Nói tóm lại, cõi nước thường-tịch, tại chúng sanh tự mê, mê nhiều ngộ ít, cho nên đức Phật Ngài mới chỉ cho cõi khổ và bày cõi lạc, không nỡ thôi được !

SỞ : Song khổ, vui đối nhau, chính dùng kia đây hai cõi, để so lường thẳng và liệt, khiến cho sanh tâm ưa và nhàm, như mười món khó để v.v...

SAO : Tương đối là : Lấy cái hết sức khổ ở cõi này, đối với cái rất vui tốt bực ở nước kia, một thẳng, một liệt, sánh xa như trời với đất, để tự sanh tâm ưa vui, chán khổ, lấy bỏ tự-quyết.

Mười món là : Ngài Từ-Vân Sâm-chủ : Chia cõi này cõi kia khó và dễ có mười món, nay đối với khổ vui mà nói :

1.- Cõi này có cái khổ chẳng thường gặp Phật ; cõi kia không điều đó, mà chỉ có cái vui hoa nở thấy Phật và thường gần gũi Ngài.

2.- Cõi này có cái khổ không được thường nghe thuyết pháp, cõi kia không điều đó. Mà chỉ có cái vui : Nước, chim, cây, rừng đều rao pháp màu.

3.- Cõi kia không có cái khổ : Bị ác hữu ràng buộc kéo lôi, mà chỉ có cái vui cùng các người bực Thượng-Thiện đồng cu-hội một xứ.

4.- Cõi kia không có cái khổ bị quỷ ma nhiễu loạn ; mà chỉ có cái vui chư Phật hộ niệm, xa lìa việc ma chướng.

5.- Cõi kia không có cái khổ, luân hồi chẳng dứt mà chỉ có cái vui bất hãm đường sanh tử, hằng khỏi nẻo luân hồi.

6.- Cõi kia không có cái khổ, khó khỏi tam đồ ; mà chỉ có cái vui xa lìa ác đạo, và chẳng nghe tên ác.

7.- Cõi kia không có cái khổ, bận vì việc lo làm ăn, trở ngại việc hành đạo, mà chỉ có cái vui vật thọ dụng sẵn sàng, chẳng đợi kinh dinh (sắm sửa).

8.- Cõi kia không có cái khổ, mạng ngắn chết non, mà chỉ có cái vui sống lâu bằng Phật không có hạn lượng.

9. Cõi kia không có cái khổ tu hành thối thất mà chỉ có cái vui vào ngôi chánh định hẳn không thối chuyển.

10.- Cõi kia không có cái khổ, nhiều kiếp khó thành mà chỉ có cái vui một đời tu chứng, chỗ làm đặng xong.

Chữ Đẳng v.v... là : Như lời Sao Ngài An-Quốc : Phân làm 24 việc vui, và trong Luận Quần-Nghi : Chia rộng ra làm 30 việc lợi ích, đều nói cõi vui để cho rõ cõi khổ ; nói việc ích để cho rõ việc hại, đại ý đồng như văn trước, đây không chép nhiều.

SỞ : Với bốn cõi khổ vui, lược như trong giáo pháp Ngài Thiên-Thai nói :

SAO : Nghĩa là : Lầm về sự thấy, lầm về sự nghĩ, nhẹ hay nặng, đó là khổ lạc của cõi Đồng-Cư. Thê-không và tích-không, khéo hay vụng đó là khổ lạc của cõi Phương-tiện. Thứ lớp nhứt tâm, đó là khổ lạc của cõi Thiết-Bảo. Phần chứng, hay cứu cánh chứng, đó là khổ lạc của cõi Tịch-Quang, v.v... Văn nhiều đây không kể.

SỞ : Hỏi : Ông Bồ-Tát hy-sinh bỏ ngũ dục lạc. Dầu ngôi vua Luân-Vương cũng chẳng lấy làm vui, thương tưởng chúng-sanh vẫn ở dưới Địa-ngục, thay thế cái khổ kia ! Nào đặng bỏ chúng-sanh đương thời mà tìm lấy cõi Tịnh-Độ, để an hưởng cái vui một mình ?

Đáp : Trong bộ Thập-Nghi-Luận của Ngài Trí-Giả đã tường thuật ; và cũng có nhiều thuyết thú xả chẳng khá chẳng biện.

SAO : Trong Luận nói : Ông Bồ-Tát chưa đặng quả Vô-Sanh Pháp-Nhãn, không đủ sức độ sanh, dụ như đem ghe bẻ vớt người đắm nước, mình và người đều bị chết chìm luôn ; cầu sanh về Tịnh-Độ, chứng đặng Vô-Sanh-Nhãn rồi, trở lại cõi này, cứu khổ cho chúng-sanh, mới là có phần giúp ích được, cũng như cứu cái dốt của người, trước mình cần phải biết chữ. Cho nên ông Bồ-Tát mới phát tâm cũng thế, trước phải bỏ cõi khổ này, sanh về cõi kia. Căn cứ theo đây, thời xả cõi khổ, chính là muốn cứu khổ cho chúng-sanh ; thủ lấy cõi vui, chính là muốn sẽ đem lại cái vui cho chúng-sanh vậy. Tự-lợi lợi-tha, là bản-phận của ông Bồ-tát, há bực nhị thừa độc thiện mà khá sánh được sao ?

Lại có nhiều thuyết là : Tồ Khuê-Phong giải thích bộ kinh Viên-Giác nói : Các món thú-xả đều là bị luân hồi-cả. Như nói : Xả cõi Ta-Bà này. Thủ cõi Tịnh-Độ kia. Mà Ngài Đại-Mai cũng-nói : Xả cấu thú tịnh, là nghiệp sanh tử. Cho nên nay biện rằng : Những lời nói đây chẳng phải là chẳng trúng đích. Nhưng mà đặng ý-chỉ thì gọi là vị Đề-Hồ, mà thất ý-chỉ trở lại thành thuốc độc. Cốt muốn mỗi người đều tu tịnh-nghiệp, để cho hơn-loại đều đặng thanh-tịnh, chứ nào chỉ bỏ cái cấu của Ta-Bà, riêng lấy cái tịnh của Cực-Lạc, mới là thủ xả ? Dầu nói : Cõi của Ta-Bà duy tâm, mà xả thủ tâm, cũng còn ở trong vòng thủ với xả vậy. Dù rằng Ta không thủ xả, mà xả cái thủ xả đây để thủ lấy cái không thủ xả kia, cũng là còn thủ xả, cũng là nghiệp sanh tử luân hồi vậy.

Đâu có biết rằng : Lý thì nó không phân hạn, còn sự thì nó có sai khác. Hễ Lý mà tùy Sự để biện đời ra, thời chỗ không thủ xả, nó thủ xả rõ ràng ; còn Sự đặng Lý để lẫn thông, thời chính khi thủ xả đó, toàn là không thủ xả. Cho nên ông Bồ-Tát tuy biết tất cả các Pháp, bình đẳng không hai, mà chỉ cảnh khổ, vui, khai môn thủ xả, quyền thiết đều làm, lý sự vô ngại.

Lời luận đây xin gát lại. Bây giờ các ông tự xét lại mình coi : Hẳn có thể đối với vị hàm hút, hơi thiêu, vừa rã, dùng làm đồ ăn uống không khác như ăn vật cao lương mỹ-vị chẳng ? Với chỗ cầu xi, hàm-hổ lấy làm giường, chõng

chẳng khác như nhà lầu tốt đẹp chẳng ? Vở cây lá cỏ, dùng làm y-phục chẳng khác lụa là gấm nhiều chẳng ? Hồ, Tây, Hùm, Gấu lấy làm bạn bạn, chẳng khác cha, mẹ, anh, em chẳng ? Mùa đông ngồi trong giá tuyết, chẳng khác ngồi trong nệm bông chẳng ? Mùa hạ bữa nắng gắt chẳng khác gì gió mát chẳng ? Nhấn đến trong Địa-ngục-bầm, thiêu, đâm, xay, chẳng khác nào vào cối Thiên thứ ba chẳng ? Đi trong dị-loại, chẳng khác nào như đi dạo chơi chẳng ?

Bằng chưa được như vậy (vì còn phân biệt) rõ ràng là phạm phu, đầu đặng lấy cảnh giới quá lượng của vị Đại-thánh-nhơn, mà làm cảnh giới sở hữu của mình, thủ lấy cái nói cho khoái khẩu một thời, để cái hại nhiều đời vô-tận. Nên nghe lời đây, sanh tâm đại hối hận, khởi tâm đại-giác-ngộ, rơi lụy thương khóc với cái nghiệp mình, mà cầu sanh về Tịnh-Độ mới là phải. Cho nên ông Thiệu-Thủy phê-bình lời Sở ngài Khuê-Phong rằng : Phân ưa, nhằm, thủ, xả. Tuy rằng : Mè chơn khởi vọng, nhưng cũng có thể thuận theo lời dạy mà thành công. Phải biết : toàn tu tức tánh, thời tâm ưa nhằm vốn không. Hưởng một pháp môn (niệm Phật) An-Đương (Tịnh-Độ), chư Phật đồng khám khen, qua lại trong pháp giới, càng rõ lý duy tâm ; mượn duyên lành kia, mau lên cõi Bửu giác. Thật là đường chánh của người đời về nương, chánh là phép huyền diệu của Thánh-Nhơn để dắt chúng.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh không nhiễm, là nghĩa không có các khổ. Tự-tánh thường-tịch, là nghĩa chỉ hưởng các sự vui.

SAO : Nhiễm : là nghĩa khổ. Tịnh : là nghĩa vui. Tự-tánh không nhiễm thường tịnh, là nghĩa không khổ thường vui vậy. Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực Lục-Địa quán xét vô-minh ; Do từ vô-minh cho đến thứ 6 là lục-nhập, ấy là Hành-Khổ. Xúc, Thọ, ấy là Khổ-khổ, còn các cái kia là Hoại-khổ.

Nay nói tâm ta đây, từ không cái vô-minh, cho đến không cái Lão, Tử, là nghĩa không Khổ-khổ. Không 12 món đây, tức là bực chơn Giải-thoát, là nghĩa hưởng sự vui. Kinh nói : Quả Vô-thượng Bồ-Đề là cái vui : Giác-Pháp cõi Vô-

thượng Niết-bàn là cái vui : Tịch-Tĩnh. Thế đều là nghĩa vui vậy. Do trên, vả thuận theo kinh văn, khổ vui đối đãi. Như thật mà luận : Nhiễm đã không lập (không có) tịnh lại đâu còn. Tịnh ược đều vong, khổ vui bình đẳng. Cái vui như thế, mới đúng với cái nghĩa Cực-Lạc. Bằng chấp là Thánh giải (chấp mình chứng bực thánh) trở thành cảnh-giới của Ma-Chấp Phật kiến (chấp chỗ thấy mình bằng Phật) liền đọa ngục Thiết-vi. Thế cho nên ta quán xét nước Cực-Lạc, thiết không đáng vui. Vì nếu chấp có đáng vui, thì khác gì với đáng khổ, bởi vì còn tương đối.



BIỆT THỊ TRANG NGHIÊM (phân làm bốn phần)

- 1.- LANG VĨNG HÀNG THỌ (lan can, lưới cây)
- 2.- TRÌ CÁC LIÊN HOA (ao, lầu, hoa sen)
- 3.- THIÊN NHẠC VŨ HOA (nhạc trời, rải bóng)
- 4.- HÓA CẦM PHONG THỌ (hóa chim gió cây)

LANG VĨNG HÀNG THỌ (phân ra làm hai phần)

- 1.- TƯỜNG-TRẦN (rõ bày)
- 2.- TÔNG-KẾT (chung kết)

TƯỜNG-TRẦN

Lại nữa, này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-Lạc có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng ; bảy lớp hàng cây, đều làm bằng bốn món báu, doanh vây giáp vòng.

SỐ : Văn đây chính nói rõ ra các sự vật rất vui. Lan-can quanh ở ngoài hàng cây, lưới giăng phủ ở trên cây, xen lẫn với nhau, đều có 7 lớp. Bốn món báu là : Bốn món trước, trong 7 món báu vậy. Châu tráp là : Giáp vòng khắp đủ. Doanh-vây là : Doanh-quanh bao bọc, nghĩa là : Mỗi lớp đều là bằng bốn món báu trang-sức.

SAO : Lan-can : Bề ngang là Lan, bề đứng là Can (song can). Phương đây, với những vườn hoa cây kiềng cũng có làm lan-can : 1.- Ngăn rào trâu, dê làm hư hại. 2.- Đề coi cho

tốt. Cõi kia tuy khỏi giữ trâu, dê, và không cố-ý để xem cho tốt, mà là do vạn hạnh công-đức trang-nghiêm, tự nhiên nó đều thật hiện thành tựu. Nghĩa lưới giăng cũng đồng như đây.

Hàng cây là : Thứ lớp thành hàng, không lộn lạo. Thế nào là bảy lớp : Một lớp lan-can một lớp lưới, vây phủ một lớp hàng cây ; cho nên nói rằng : Lớp lớp xen nhau. Với ba việc này mặc dầu cõi ta đây cũng có, nhưng mà chất nó chỉ bằng cây với đá. Cõi kia thì ròng là dùng các thứ ngọc báu làm thành.

Bốn món báu trước trong 7 món báu là : Kim, Ngân, Lưu-ly, Pha-lê vảy. Giáp vòng đoanh-vây là : Như kinh Thoại-Tướng nói : Vô-lượng lưới báu, đều dùng chỉ vàng, châu ngọc, trăm nghìn món tạp bảo trau dồi rực rỡ, giáp vòng bốn phía, treo những cái bảo linh, hào quang màu sắc chói lòa, phủ trùm trên rừng cây. Kinh Đại-Bổn nói : Lưới kia mềm dịu, như bông Đâu-la-miên (bông vải) chẳng phải như món báu trong thế giới này, phải đợi chạm trở uốn nắn mới là nghiêm sức. Lan-can bằng ngọc trang sức, cũng lệ theo đây nên biết.

Kinh Đại-Bổn nói : Trên bờ đường bằng các món báu, có vô số cây chiên-đàn-hương, cây kiết-trường-quả, mỗi hàng mỗi hàng ngang nhau, mỗi gốc mỗi gốc đối nhau, mỗi cành mỗi cành nương nhau, mỗi lá mỗi lá ngay nhau, mỗi hoa mỗi hoa chịu nhau, mỗi trái mỗi trái xứng nhau. Như vậy hàng ngũ, mấy trăm nghìn lớp, nên gọi là hàng. Kinh lại nói : Các cây bằng Thất-Bảo, đầy nhầy trong thế-giới, chỗ gọi rằng : Gốc vàng, cây vàng nhánh lá hoa trái cũng đều bằng vàng, thời gọi là một món báu.

Gốc vàng, cây bạc, nhánh lá hoa trái, cũng phân ra vàng và bạc, thời gọi là hai món báu. Như vậy ba món báu, bốn món báu kia xen lộn, lâu lựa thêm nhiều, nhấn đến 7 món báu. Lại nói : Cõi Tịnh-Độ chư Phật xinh tốt trang nghiêm, ở trong cây báu thấy đều hiện ra, cũng như gương sáng. Quán Kinh nói : Bảy hàng cây báu, mỗi mỗi cây, cao 8 nghìn, do-tuần mỗi mỗi hoa lá, ửng ra màu sắc báu lạ, trong sắc lưu-ly phóng ra hào-quang sắc vàng ; trong sắc pha-lê chiếu ra tia sáng sắc hồng v.v...

Lại nói : Lưới bằng ngọc chơn-châu tốt giảng phủ trên cây báu, mỗi mỗi cây có bảy lớp lưới ngọc, mỗi lớp lưới, có năm trăm ức cung điện tốt đẹp, như cung điện trời Phạm-vương, chư-thiên, đồng tử tự nhiên ở trong đó. Lại nói : Mỗi mỗi cây lá, dài rộng vừa chừng 25 do tuần ; lá kia ngàn sắc, có các hoa đẹp, như sắc vàng cây Diêm-phù-Đàn. Như vòng lửa quây, lằng-xăng trong lá, sanh ra các trái, như cái bình của trời Đế-thích, có hào-quang lớn, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái, trong bảo cái ấy, ánh hiện cõi tam-thiên, đại-thiên thế-giới, tất cả Phật sự, cũng hiện ở trong đó. Lại kinh Đại-Bổn nói : Nhà giảng đường của Phật, nhà cửa các vị A-la-Hán, mỗi mỗi trong có ao Thất-bảo, ngoài có cây Thất-bảo, mấy nghìn trăm lớp. Căn cứ theo đây, thời ba kinh : Kinh thì nói nhiều, kinh lại nói ít, có khác, như kinh này : Chỉ nói có 7 lớp ; mà kinh kia lại nói tới trăm nghìn lớp. Kinh này chỉ nói lưới giảng, kinh kia nói trong lưới giảng hiện ra cung điện chư thiên. Kinh này chỉ nói hàng cây, kinh kia nói trong hàng cây hiện ra thế-giới đại-thiên : và kinh này nói bốn món báu ; kinh kia lại nói 7 món báu. Số là kinh này nói lược, ít. Kinh kia nói rộng, nhiều. Lấy ít gồm nhiều, vì dùng văn bớt cho gọn. Văn tuy chẳng đủ, nhưng nghĩa thiệt không thiếu.

Như ngài Linh-Chi nói : Bảy lớp lan-can. Phạm chỗ ở của Phật và Bồ-Tát, đều như vậy cả, chứ chẳng phải cả một nước mà chỉ có 7 lớp vậy đâu. Thời biết nhiều đến mấy trăm nghìn lớp, vì nhiều thứ 7 lớp, chất chứa mà thành, cứ 7 lớp này, kể 7 lớp khác, lớp lớp vô cùng. Còn nữa so đây nên thấy.

SỐ : Lại đều nói số 7 là : Nêu 7 giác-chi, 7 Thánh-tài v.v...

SAO : Với Giác-chi, sẽ thấy văn sau. Còn 7 Thánh-tài là : 1.- Tín ; 2.- Giới ; 3.- Văn ; 4.- Xả ; 5.- Huệ ; 6.- Tâm ; 7.- Quí. Năm món trước như của báu, hai món sau như người biết cách giữ của báu.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồ-nói : Cây Bồ-đề nơi Đạo-Tràng của Phật A-Di-Đà cao 16 ức do-tuần, bốn phía cành lá 8 ức do-tuần, gốc cây cao lên 5 nghìn do-tuần, tất cả các báu tự nhiên hiệp thành, lại xủ các ngọc báu dùng làm chuỗi Anh-Lạc ; lại có lưới báu, giăng phủ trên cây. Căn cứ theo đây, thời ngoài hàng cây. Riêng có cây Đạo-Tràng của Phật, mà văn này bớt gọn, tức là gồm trong hàng cây.

Lại trong luận nói : Cổ công đức, cũng nhiếp trong hàng cây. Kinh Đại-Bồ-nói : Cây kia có mùi hương, cũng nhiếp trong món báu.

SAO : Cây Đạo-tràng tức là cây Bồ-Đề, như Phật Thích-Ca, cũng ngồi dưới gốc cây này, mà thành ngôi chánh-giác, phải vậy. Mười sáu ức do-tuần là : Kinh Đại-Bồ-Ngai Vương-Thị nói : Một nghìn sáu trăm do-tuần. Vả Luân ; hàng cây còn được 8 nghìn thay. Hưởng cây của Phật đâu lại kém ư ? Lời Sở đây gốc dẫn trong kinh Bảo-Tích vậy. Tức nhiếp trong hàng cây là : Do cây Đạo-tràng. Cũng là : Gốc, chồi, cành, lá, bông, trái, mỗi hàng mỗi hàng kế nhau, cho nên nói hàng cây đủ dùng nhiếp hết.

Thế nào là cổ công-đức ? Trong Luận nói : Cổ Bảo-Tánh công đức, như nhuộm quanh chịu theo hai bên, hễ ai đụng nhằm thì sanh tâm vui sướng hơn cái thích ý ôm chim Ca-chiên-lân-đa(29). Văn đây không nói đến cổ, là do vì nói cây gồm cổ.

Mùi hương của cây ấy là : Kinh Đại-Bồ-Ngai Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi ta thành Phật, hoa cây trong nước, đều dùng vô-lượng các món tạp bảo, trăm nghìn món hương, mà cộng hiệp thành. Hương kia phổ-huân cả 10 phương thế-giới, chúng-sanh nào có duyên được nghe đến, đều nhớ tu đạo Phật : văn đây không nói đến là vì hễ nói các thứ báu lạ thì lẽ cố nhiên, ắt có mùi hương lạ. Do vì nói báu lạ nó gồm hương lạ.



TỔNG KẾT

Thế cho nên nước kia, gọi là nước Cự-Lạc.

SỞ : Kết văn trước đề sánh văn sau.

SAO : Kết văn trước là gì ? Do Lan-can, lưới giăng hàng cây mỗi mỗi đều thanh tịnh trang nghiêm ấy. Sở dĩ cõi địa cầu bằng vàng ròng, nó khác với địa cầu hùn cát, cây ngọc báu khác với cây chông gai. Không tất cả sự khổ, có tất cả sự vui, nên gọi là nước Cự-Lạc.

Đề sánh văn sau là gì ? Văn sau dưới mỗi câu : công đức trang nghiêm, tuy không câu : Danh vi Cự-lạc, nhưng nghĩa thời có đó. Trong văn đây, dưới câu : Danh vi Cự-lạc, tuy không câu : Công-đức trang-nghiêm, nhưng nghĩa cũng có ; vì lối hành văn bằng cách bày thấy lẫn nhau.

SỞ : Xứng lý, thời tự-tánh đủ muôn đức dọc ngang, là nghĩa lan-can. Tự-tánh rộng rang bao-la pháp giới, là nghĩa lưới báu. Tự-tánh nuôi lớn các căn lành, là nghĩa hàng cây.

SAO : Dọc và ngang là gì ? Cả pháp lục độ vạn hạnh không là tự-tánh như : Tự-tánh vốn không xan tham, ấy gọi là Bồ-thí-độ, lấy Bồ-thí làm bề dọc, Bồ-thí mà tâm không nhiễm trước, thời bề ngang thành pháp-giới độ (tri-giới). Bồ-thí mà tâm không kiêu ngạo, thời bề ngang thành pháp-nhẫn-độ (nhẫn-nhục). Bồ-thí mà tâm không nhàm mỏi, thời bề ngang thành pháp-tấn-độ (tinh tấn). Với pháp Thiền-định, Trí-huệ, cũng lại như vậy. Năm độ kia, so như trên nên biết. Các món nhiệm mầu trọn đủ, tức là nghĩa xem cho tốt. Các vọng không phạm (nhiễm), tức là nghĩa ngăn trâu, dê làm hư hại.

Bao la là gì ? Tự-tánh khắp đầy, thanh-tịnh, vì trùm bao cả pháp giới. Nuôi lớn các căn lành là chi ? Như kinh Hoa-Nghiêm phẩm Ly-thế-gian nói : Cây Diệu-pháp, của ông Bồ-Tát sanh nơi đất Trục-Tâm, hột giống bằng Đức-tín, gốc bằng Từ-bi, Trí-huệ làm thân cây, Phương-tiện làm nhánh cội, năm độ làm rùm rà, lá bằng định, hoa bằng Thần-thông. Nhứt thế Tri là trái hột.

Lại kinh Tịnh-Danh phẩm Phật Đạo nói: Pháp vô-lậu là rừng cây, Giác-Ý Tịnh-Diệu là hoa giải thoát, Trí-huệ là trái, đều là cội gốc ở nơi đất Trục-Tâm mà phát sanh ra vộ tận ấy vậy. Ngặt vì lan-can đã hư mà lại va riu búa vào ; lưới giăng đã lủng mà lại bóng che mát thừa ! Còn khô héo đến cả gốc nhánh là khác, hướng mong gì nở nang hoa trái ? ! Song mà rừng Giác (ánh giác) vẫn như xưa, hột giống đạo (Phật-tánh) chẳng xa, sao chẳng mau vun bồi, lại thêm sửa soạn, liền thấy cây Bá ở trước sân hoa Dược lan ngoài rào, mỗi hàng mỗi hàng đều là Bát-nhã chơn như, mỗi phía mỗi phía toàn là Bồ-Đề Phật tánh !



TRÌ CÁC LIÊN HOA (phân ra làm bốn phần)

- 1.- TRÌ-THỦY (ao nước)
- 2.- GIẢI-CÁC (thềm lầu)
- 3.- LIÊN-HOA (hoa sen)
- 4.- TÒNG-KẾT (chung kết)

TRÌ - THỦY

Lại nữa, Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-Lạc có ao bằng Thất-Bảo, 8 thứ nước công-đức, đầy đầy trong đó ; dưới đáy ao, dùng ròng thứ cát bằng vàng lót đất.

SỞ : Lại nữa là : Noi theo văn trên, chẳng những trên đất liền trang-nghiêm có những lan-can, lưới giăng, hàng cây như thế, mà dưới ao nước cũng trang-nghiêm, cũng lại thẳng diệp không chi kịp vậy. Ao Thất-bảo là gì ? Do bảy món ngọc báu làm thành ; chất nước trong ao, cũng dùng 7 thứ ngọc báu.

SAO : Bảy món ngọc báu làm thành là : Vì lựa khác với phương này, dùng đất đá làm thành. Kinh Đại-Bồ-n nói : Trong ngoài đời bên có những ao tắm, hoặc 10 do-tuần, hoặc 20, 30, nhân đến trăm nghìn do-tuần cũng như biển lớn. Hoặc dùng một món báu, hai món báu, nhân đến 7 món báu, hiệp cộng làm thành.

Lại nói : Như cái ao của đức Phật kia, tư vương bội hơn cái ao bằng trăm ngàn do-tuần ấy, toàn dùng 7 món báu làm nên. Nay kinh này (Di-Đà tiêu bản) không nói ao của Phật, là vì gồm chung trong cái nghĩa ao rồi.

Nước cũng dùng các món báu, như kinh Thập-Lục-Quán nói : Nước trong mỗi ao, do 7 món báu làm thành, báu kia nhu nhuyễn từ ngọc Như-Ý-Châu Vương (thanh tịnh tâm) sanh ra. Phân ra 14 dòng nước, ngời ra màu tốt của 7 món báu, vàng ròng làm bờ ao.

Lại nói : Nước bằng chất ngọc Ma-Ni (tâm chánh định) kia, chảy rót trong hoa, nước chảy chuyền theo cây lên, xuống. Nay kinh này chỉ nói ao báu, không nói nước cũng do ngọc báu làm thành, và chảy rót lên xuống, là vì chung gồm trong nghĩa nước vậy.

Nước, bản tánh nó thì chảy xuống, mà trái lại từ dưới thấp chảy lên trên cây cao. Vì phương ta đây không có, (dù có cũng mắc công bơm). Như kinh Hạ-Sanh nói : Cõi trời Đâu-Suất Đà-thiên của Phật Di-Lặc ở, có thứ nước chảy đi trong rường cột, tức là đồng loại nước đây vậy.

SỞ : Nước có tám thứ công-đức là : Bản kinh dịch đời nhà Đường nói : 1.- Lóng trong ; 2.- Mát mẻ ; 3.- Ngọt ngon ; 4.- Nhẹ mềm ; 5.- Nhuyễn láng ; 6.- An-hòa ; 7.- Trừ đói khát ; 8.- Nuôi lớn các căn lành. Đủ tám món công-đức đây đề lợi ích cho chúng-sanh vậy. Lời Sở kinh Thập-Lục-Quán nói : Phân tích tám món công-đức, với kinh này có khác một chút.

Dưới đáy ao cát vàng là : Do lấy cát vàng làm đáy ao, cho khỏi bùn cặn vậy.

SAO : Lóng trong là : 1.- Lóng trong sạch sẽ không ô-trược ; 2.- Mát mẻ : Trong trẻo mát mẻ, không nóng nẩy ; 3.- Ngọt ngon : ngọt ngào ngon đẹp, đủ chất vị rất quý ; 4.- Nhẹ êm : Nhẹ nhàng, êm ái, chảy lên xuống đều vừa ý ; 5.- Nhuyễn láng : được nhuận trơn láng, không khô rít ; 6.- An-hòa : An-tĩnh hòa huẩn, không gập tràn ; 7.- Trừ đói khát : Nước này

đã đỡ khát mà nay lại thêm đỡ đói, có sức thù thắng ; 8.- Nuôi lớn các căn lành : Nuôi dưỡng thêm lớn cho cả trong tâm ngoài thân vậy.

Trong Quán-Kinh lời Sớ nói : Tám món công-đức là : 1.- Nhẹ. 2.- Trong. 3.- Mát. 4.- Êm. 5.- Ngon. 6.- Không hôi. 7.- Khi uống hòa đẹp. 8.- Uống rồi không bệnh. — Đối với trên, chỗ đại-khai thì đồng, nhưng có khác một chút.

Vì sao ? Do kinh đây, nhẹ và êm hiệp một ; còn kinh kia lại chia làm hai. Kinh đây, không nói : Không hôi. Kinh kia lại thiếu : Nhuận láng và Hòa-an. Song nghĩa lẫn nhau thấy đủ. Vì hễ lỏng trong mát-mẻ, thời ắt không hôi-hám ; đã nhẹ lại dịu-êm, đâu chẳng An-hòa, lược bớt nghĩa Nhuận-láng ; cho nên nói : Có khác một chút.

Lại kinh kia phối với nghĩa Lục-Nhập, Kinh đây thời lỏng trong là căn Sắc-nhập. Ngọt ngon là căn Vị-nhập, cho đến nói : Nuôi lớn các căn lành, là : Nhĩ-nhập, Tỹ-nhập, Thân-nhập và Ý-nhập, đều thấu nhiếp cả.

Lại kinh Đại-Bồ-nói : Dưới sông lớn, cát vàng lót đất, có hương chư Thiên, hương đời không sánh được, theo nước tan ra bát-ngát, hòa với nước trời thơm đều là chứng rõ có căn hương nhập vậy.

Vấn sau nói thuyết-pháp ấy là chứng rõ : Căn Thỉnh-nhập và căn Pháp-nhập. Hỏi : Với ngọt, ngon, nhẹ, êm, trừ đói, nuôi lớn căn lành. Phương đây không hẳn, thiệt đúng như vậy, nhưng mà phạm nước thì thấy đều mát-mẻ, thấy đều nhuận-láng, nay vì sao nước cõi kia cũng có đủ hai tánh đó, mà lại riêng xưng là nước công-đức ?

Đáp : Nước ở phương ta, mặc dầu cũng mát-mẻ, nhưng gặp nắng thì nóng, gặp lửa thì sôi, còn nước cõi kia dầu kiếp lửa đến nó cũng mát-mẻ tự như, trọn không nóng và sôi.

Nước ở phương ta, tuy cũng nhuận-láng, nhưng nắng quá thời khô, lửa đốt thời cạn. Còn nước cõi kia, dầu kiếp lửa đốt đó, nó cũng vẫn nhuận-láng tự như, không khô và cạn.

Kim-sa (cát vàng), trong Quán-Kinh nói : Vàng ròng làm bờ ao, dưới bờ ao, có những thứ ngọc Kim-Cang làm cát dưới đáy ao. Kinh Đại-Bồ-đề nói : Ao, ròng một món báu, cát dưới đáy, cũng dùng ròng một món báu.

Ao vàng ròng là : Cát dưới đáy ao bằng chất bạc trắng, như ao thủy-tinh, cát dưới bằng ngọc Lưu-ly. Hai món báu làm ao, thời cát dưới đáy, cũng hai món, cho đến 7 món báu làm ao, cũng lại như vậy.

Nay kinh này chỉ nói một thứ cát vàng, là vi bột vẫn gọn lại.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồ-đề nói : Ao nước, các món báu đã kể rồi, nay lại phân ra ba món diệu-dụng thù-thắng : 1.- Nước hay tùy-ý ; 2.- Nước hay thuyết-pháp ; 3.- Tắm rồi tấn tu đạo nghiệp.

SAO : Tùy ý là gì ? — Kinh Đại-Bồ-đề nói : Các người bực Thượng-Thiện, vào trong ao Thất-Bảo, tắm sạch thân thể, ý muốn cho nước ngập chun, nước liền ngập tới chun, muốn cho tới gối, nước liền ngập tới gối, muốn cho tới lưng, tới nách, tới cổ, và xối lên trên thân thể, đều được như ý muốn. Muốn cho nó trở lại, nước liền trở lại, điều hòa ấm, mát, không chút nào mà chẳng thuận thích. Nói thân sướng vóc, rửa sạch tinh lự (30), trong ngần lông sạch, tịnh như vô-hình. Nước ấy thiết là vô tâm mà hay tùy tâm ý người muốn vậy (không như nước máy còi này, cần người ra sức bơm, vặn, nhận nút trong khi tắm).

Thuyết pháp là gì ? — Kinh Đại-Bồ-đề nói : Pháy dọn xoay vòng, chuyển nhau rộn rền, không chậm không mau, êm dềm rí-rả. Sóng xao vô-lượng, tự nhiên kêu ra những tiếng nhiệm màu. Hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, tiếng tịnh, tiếng không, tiếng vô ngã, tiếng đại từ-bi, tiếng Ba-la-mật, tiếng thập-lục, tiếng vô-úy, tiếng bất-cộng-pháp, tiếng chư-thông-huệ, tiếng vô-sở-tác, tiếng bất-khởi-diệt, tiếng vô-sanh-nhãn, cho đến tiếng cam-lồ, quán-đảnh, tiếng chúng diệu-pháp, xứng tâm sở dục (vừa theo ý muốn). Không phút nào chẳng nghe, phát-tâm thanh-tịnh, thành thực

các căn, hằng không lui sụt đạo vô-thượng Bồ-Đề. Thiệt là nước ấy vốn vô-tinh, nhưng có thể nói được các diệu-pháp vậy.

Tắm rồi tấn tu đạo nghiệp là : Kinh Đại-Bồ-nói : Cùng nhau tắm rồi, hoặc mỗi người ngồi trên hoa sen. Lại nói : Có người ở dưới đất giảng kinh ; người tụng kinh ; người tự thuyết kinh ; người dạy kinh ; người nghe kinh ; người niệm kinh ; người nghĩ đạo ; người tọa thiền nhứt tâm ; người đi kinh hành ; có người ở giữa hư không giảng kinh ; nhắm đến người tọa thiền rồi đi kinh hành ; mỗi người đều tùy theo tánh của mình muốn mà có dạng chỗ sở đắc.

Người chưa chứng tứ-quả, nhưn tắm rồi đặng tứ-quả ; chưa đặng bực Bất-thối-chuyên-địa Bồ-tát, thời đặng bực Bất-thối-chuyên. Nước ấy chẳng những chỉ có cái công-năng dùng để tắm được, mà lại sau khi tắm rồi, được nhiều lợi ích quý lạ.

Sắp về trước ba món thù-thắng, đều nhiếp về trong nước Bát-công-đức, và ao Thất-Bảo. Lại Hậu-Xuất-Kinh lời Kệ nói : Chỉ có nước sông chảy, tiếng vang như thuyết-pháp thật vậy.

SÓ : Xưng lý, thời tự tánh sâu rộng đằm thắm, là nghĩa ao báu. Tự-tánh đều đủ tất cả công-đức ; là nghĩa nước Bát-công-đức.

SAO : Sâu rộng đằm thắm là gì ? Chử : Uông : là dạng thắm sâu, là vì tự-tánh sâu màu vô-tận, như đáy ao vậy. Chử Dương là : Dạng rộng khơi, là vì tự-tánh rộng xa không tốt, như lượng lớn của ao vậy. Đằm thắm là : Dạng trung hòa ; vì tự-tánh chẳng phải chơn, chẳng phải tục, thuần-túy chí-thiện, như ao thuần dùng ngọc báu làm thành.

Đủ các món công-đức là : Tự-tánh không nhiễm, tức đức lông sạch. Tự-tánh không phiền-não, tức đức mát-mẻ. Tự-tánh không hung ác, tức đức ngọt ngon. Tự-tánh vô-ngã, tức là đức nhẹ êm. Tự-tánh không dứt mất tức là đức nhuần-láng. Tự-

tánh không bạo tàn, tức là đức an-hòa. Tự-tánh không thiếu thốn, tức là đức trừ đói khát. Tự-tánh sanh ra tất cả muôn điều lành, tức là đức nuôi lớn.

Lại tự-tánh thuận muôn vật mà vô-tình, đi lên thời vào bực Thánh, nhưng bực Thánh cũng không tăng, đi xuống thời làm bực phàm, nhưng bực phàm cũng chẳng giảm. Bất biến mà tùy duyên, khắp cùng cả pháp giới. Cho nên nói chảy rót thấm trong các thứ hoa, và chảy lên trên những cột rường ấy vậy.

Ngài Vĩnh-Minh nói : Vì nước có 10 đức, đồng với chơn tánh. Chính ý như đây. Nước định lặng vậy nhầy đầu, người tắm nước đây không như cũng không sạch, ấy là nước Bát-công-đức.

GIAI CÁC

Đường đi bốn bên thêm ao thành bằng bốn chất báu là : Kim-ngân, Lưu-ly, Pha-lê, trên có lầu các, cũng dùng Kim-ngân, Lưu-ly, Pha-lê, Xà-cừ, Xích-châu, Mã-nã, để kiến trúc diềm tô nhà lầu ấy.

SỜ : Bốn bên là : Giữa là ao nước, giáp vòng bốn bên là thêm đường vậy. **Kim** : Tiếng Phạm (suvarna) Tô-Phạt-la. **Ngân** : Tiếng Phạm (Rupya) A-lộ-Ba. **Lưu-ly** đây dịch : Thanh-sắc-bảo (viên ngọc màu xanh). **Pha-lê** đây dịch : Thủy-ngọc (ngọc thủy-tinh). **Xà-cừ** đây dịch : Đại-Bối (con ốc lớn). **Xích-châu**, tiếng Phạm : **Bát-Ma-La-Già**. **Mã-nã** tiếng Phạm : **Bát-ma-la-già-lệ**; dùng 7 món báu đây để trang nghiêm trau dồi.

SAO : Giai-đạo (thêm đường) là : Cao khỏi mặt đất gọi chữ : Giai (thêm). Đường bằng phẳng gọi chữ : Đạo. Chữ Lầu-các là : Chồng nóc gọi là Lầu, lầu cao nói là Các. Như trong Quán-Kinh nói : Trên đất vàng ròng, trong mỗi mỗi món báu, năm trăm sắc hào-quang, hào-quang như hoa, thành dải quang minh, nghìn muôn lầu các, trăm món báu hiệp thành.

Kinh Đại-Bồ-n nói : Nhà giảng đường Tinh và cung điện lầu các của Phật A-Di-Đà, đều dùng 7 món báu. Tốt

hơn gấp trăm ngàn muôn bội chỗ của trời thứ 6 trong thế-giới này và chỗ ở của các vị Bồ-tát, cũng hơn như vậy. Còn cung điện, lầu các của các vị chư-tbiên, và người, thi xứng theo hình sắc cao, thấp, lớn, nhỏ, hoặc dùng một món báu, hai món báu, nhần đến vô-lượng món báu.

Lại luận Phật-Địa nói : Vả nói 7 món báu, nhưng kỳ thực cõi Tịnh-Độ, vô-lượng món báu nhiệm-mầu. Cho nên biết rằng nói bốn báu là bớt vắn.

Lại kinh Hoa-Nghiêm phạm Nhập-pháp-giới nói : Lầu cao dầy dọc, đường đi quanh trên gác gie ra hai bên, cột nhà liền tiếp, song, cửa lẫn nhau ánh chói, thềm sân, hiên rào, món món đầy đủ, tất cả đều dùng ngọc tốt trang-nghiêm, tức là nghĩa đầy vậy.

Lại kinh Đại-Bồ-n nói : Các nhà lầu nhà gác đây, có cái tùy ý người mà nổi lên cao lớn ở giữa hư-không, như vùng mây vậy. Có cái chẳng tùy ý người thời chỉ cao lớn ở trên mặt đất. Do người khi cầu đạo, đức có dày, mỏng, chỗ tự mình gây tạo. Lại nói : Lầu quán, lan-can, có ngọc anh-lạc phủ lên trên, đều trở lên tiếng nhạc ngũ-âm.

Lại trong Quán-Kinh nói : Hai bên lầu-các, đều có những cái tràng hoa, vô-lượng đồ âm-nhạc, dùng làm trang-nghiêm, 8 món gió trong khua đồ âm-nhạc ấy, diễn reo những tiếng pháp : Khổ, không, vô-thường, vô-ngã; lấy đây nghiệm xét, thời kinh chỉ nói lầu các, không phân của Phật và Bồ-tát, trời, người, cũng chẳng phân ở trên không, ở dưới đất cũng chẳng nói âm-nhạc diễn pháp, đều là bớt vắn vậy.

Kim (vàng) có 4 nghĩa : 1.- Sắc không biến đổi ; 2.- Thề không như-bần ; 3.- Chuyển làm vô ngã ; 4.- Hay khiến người giàu — Ngân (bạc) có 4 nghĩa đồng với đây, nhưng công-dụng nó có thua một chút Lưu-ly chính dịch là sắc xanh, lại có tên là Bất-Viễn. Bất-Viễn là cái tên một hòn núi, vì cái núi sanh ra ngọc báu này (lưu-ly) ở gần thành Ba-la-nại.

Thủy-ngọc là : Ngọc Thủy-Tinh bấy giờ. Xà-cừ mà nói con ốc lớn là vì con ốc này là loài ốc có vỏ, ở trong biển, thứ

lớn gọi là bảo (báu). Một thuyết nói, không phải tiếng Phạm (xà-cừ). Do vì nó giống vành bánh xe, chữ Cừ là vành bánh xe vậy. Chữ xích-châu là : Luận Phật-Địa nói : Loài trùng đỏ sanh ra ngọc này (xích-châu). Song có ngọc xích-châu trên trời, tên là : Nhơn-Đà-La, chẳng phải vật sở-hữu ở dưới thế này. Trong Đại-Luận gọi ngọc Trân Châu, hoặc trong bụng con cá sanh ra, hoặc trong óc con rắn sanh ra, hoặc trong thai con Trai sanh ra, hoặc trong cây tre sanh ra, thời sắc nó cũng chẳng như định là đỏ ; cho nên theo bản dịch trước là đúng hơn. Ngọc Mã-nã : Hoặc có thuyết nói : Chất máu con quỷ ở ngoài đồng nội xứ Đôn-Kỳ hóa ra, có một thuyết khác nói : Ví như cái sọ con ngựa.

Chữ Trang-nghiêm có nghĩa là chỉnh-tề. Chữ Giáo-sức có nghĩa là rực-rỡ ; do những loại nghiêm sức đây, như văn trước, hoặc dùng một món báu, hai món báu, nhân đến bảy món báu.

Lại bảy món báu đây, chỉ mượn cái tên đồng với phương này, chứ thật ra chất nó chẳng giống, như vàng trời và bạc trời, như người đời không có thể có được. Huống chi cõi Tịnh-Độ kia.

SỐ : Lại bảy món báu là thường dụ : Dùng nghĩa quý trọng, như trong kinh Phạm-Võng nói.

SAO : Quý trọng là kinh Phạm-Võng phạm Bồ-tát Tâm-Địa nói : Xả bỏ kinh luật Đại-thừa chẳng học, mà lại học sách vở của ngoại-đạo, Nhị-thừa tà-kiến v.v.. Khác nào như bỏ của bảy báu, trở lại dùng ngôi sạn. Đối ngôi sạn mà nói ; nên biết chữ bảo ấy là lấy nghĩa quý trọng. Chính là nói hai cõi, uế và tịnh chẳng đồng, vì khiến cho người đời sanh ra cõi Tịnh nhàm cõi Uế.

Hỏi : Vua Nghiêu ở nhà tranh, ông Cơ-Tử can vua Trụ dùng chén ngọc đũa ngà, những bực vua tôi trong đời còn chuộng điều chắc thiết ; vì Bồ-tát cõi Tịnh-Độ, sao lại còn quý vật báu để làm trang nghiêm ?

Đáp : Đây có hai nghĩa : 1.- Những người bực thượng tri, biết tâm mình tịnh, thời cõi tự tịnh, chánh-báo thù thắng, thời y-báo át hùng cường lẽ cố nhiên vậy, nhưng tâm thiết không nhiễm. Dụ như : Vua Thuấn ở chốn ruộng nương, mình vác cây bừa : một khi chịu vua Nghiêu truyền ngôi thì với cảnh cửa nghiêm ra vào, mả ngọc tua thả, chẳng cầu mà tự đủ, Vua Thuấn nào ham vui ư ? Cho nên nói : Có Thiên-Hạ mà chẳng màng vậy.

2.-Chiều theo kẻ phàm-phu dộn căn, phải chỉ cõi khổ cõi vui, khiến cho sanh tâm ưa và nhàm. Trước lấy sự ưa muốn mà kéo dặt, sau khiến tỏ vào được trí Phật.

Dụ nước đang gặp nạn đói rét, chợt nghe có xứ no cơm ấm áo ; đang rớt dưới đầm đen tối, thoát thấy cảnh quang minh, há chẳng thân tâm chăm hằm, bỏ cũ theo mới, miễn đặng vắng-sanh, quyết thành người giải-thoát ; phương-tiện tiếp dẫn, lẽ phải như vậy.

SỐ : Xứng lý, thời sự tánh bằng thẳng, là nghĩa thêm đường. Tự-tánh cao xa, là nghĩa lâu các. Tự-tánh cụ túc cả công-đức tài, pháp, là nghĩa bảy món báu.

SAO : Bằng thẳng là gì ? Tự-tánh giải-thoát tự tại, lia các cấu ô, rộng rãi thẳng bằng, không có thiên lệch, ấy gọi là thêm đường. Cao xa là gì ? Tự-tánh vượt khỏi cảnh lục trần, xét soi không sót, bao quát chốn hư không thình thoang vô-tận, ấy gọi là lâu các. Công-đức tài và pháp là chi ? Tự-tánh thường mà không đổi : Tịnh mà không nhiễm ; Ngã mà tùy duyên không ngại ; Lạc mà giàu có không thiếu ; ấy gọi là Kim-ngân. Tự-tánh trong ngoài sáng suốt, không chướng không ngại, ấy gọi là Luru-ly ; Tự-tánh bản thể trong sạch lia Tứ-quả, tuyệt sạch-phi, ấy gọi là Xà-cứ. Tự-tánh quang-minh chói lợi, ấy gọi là Xích-châu. Tự-tánh chắc thật không đổi, ấy gọi là Mã-não.

Các vẻ đẹp đều đủ giúp thành pháp thân ; ấy gọi là nghiêm sức vậy. Vả chẳng Ngài Thiện-Tài khắp trải nhiều

thành, rồng cầu các thánh, rớt sau đến lâu các đức Di-Lặc, đờn chỉ mà lên.

Nay kinh này : Chỉ tri danh, không lộn lợi đường quanh, liền được ở cảnh tốt. Kia như trọn ngày đi trên thềm báu, mà tự nói là đũa lạc đường ! Khá gọi rằng : Dừa cửa khảy móng, chẳng biết thân mình ở trong lâu ngọc, tiếc thay !

LIÊN - HOA

Hoa sen trong ao, lớn bằng bánh xe, sắc xanh, hào-quang xanh, sắc vàng hào-quang vàng, màu đỏ chiếu ánh đỏ, màu trắng tia sáng trắng, nhiệm màu thơm sạch.

SỐ : Văn trước nói vật tốt ở ngoài ao. Văn đây nêu vật tốt trong ao. Hoa sen tiếng Phạm : Phân-Đà-Lợi, cũng nói Ưu-Bát-La, hay Bát-Đặc-Ma, hoặc Câu-Vật-Đầu.

SAO : Tiếng Phạm Phân-Đà-Lợi, Tàu dịch : Bạch-Liên-Hoa (hoa sen trắng). Khi chưa nở tên là : Quật-Ma-La. Khi sắp rụng tên là : Ca-Ma-La. Khi đang nở tên là : Phân-Đà-Lợi.

Ưu-Bát-La là : Hoa sen xanh. Bát-Đặc-Ma là : Hoa sen hồng. Câu-Vật-Đầu là : Hoa sen vàng vấy.

SỐ : Bánh xe là nói cái hình của nó, lớn nhỏ không nhứt định. Luận Bà-Sa và các thuyết nói : Nhiều thứ chẳng đồng, mỗi mỗi đều tùy cơ mà thấy.

SAO : Bánh xe lớn nhỏ là : Luận Bà-Sa nói Bánh xe vàng của vị Luân-Vương nghìn bức, vòng tròn 15 dặm.

Kinh Hoa-Nghiêm lời sao nói : Bánh xe vàng lớn một do-tuần, trong Quán-Kinh nói : Mỗi mỗi trong ao, có 60 ức hoa sen bằng thất-bảo, tròn vìn vừa đúng 12 do-tuần. Kinh Đại-Bồ-n nói : Hoa sen trong ao, hoặc một do-tuần, nhần đến 100 do-tuần, nghìn do-tuần, mà bánh xe của người đời, lớn chẳng quá một trượng ; không nên chấp đấy, mà cho là mực chắc,

Lại nói : Hoa sen bằng các chất báu, châu biển cả pháp giới, mỗi mỗi hoa báu, có vô-lượng trăm nghìn ức cánh, xét trong kinh phân biệt hoa sen có thặng có liệt, ba thứ : 10 cánh, 100 cánh, 1000 cánh.

Nay kinh này nói : Vô-lượng trăm nghìn ức cánh, cánh đã vô-lượng thời hoa kia sức lớn, cũng vô-lượng vậy. Lại kinh Như-Lai Tạng nói : Bây giờ đức Thế-Tôn ở trong nhà Chiên-Đàn Lầu-Các, đang ngồi chốn Đạo-Tràng, mà hiện pháp thân biến ra có hoa sen nghìn cánh, lớn như bánh xe, trong sen, hóa các vị Phật, mỗi Phật phóng vô số trăm nghìn hào-quang. Cho nên biết bánh xe không thể nghĩ bàn. Đâu đừng chấp theo bánh xe của người ở đời thường đi, mà làm hạn lượng.

Tùy cơ là : Hoặc nhỏ, hoặc lớn, do chỗ tu nhưn mỗi người, công phu niệm Phật, có thặng có liệt, cơ cảm tự nên như thế. Có người chấp hoa bằng bánh xe, chệ kinh này là tán thien, ấy là người chưa xét được nghĩa bánh xe.

SỐ : Lớn như bánh xe, và dụ hình thè, lấy bánh xe dụ đức, cũng có nhiều nghĩa.

SAO : Hình thè là : thè bánh xe bao tròn, có giống hình hoa sen vậy : Nhiều nghĩa là : Lại bánh xe, có nghĩa xoay chuyển : Là Hoa sen này chúng-sanh gá thai, đổi phàm thành Thánh, tức là nghĩa xoay chuyển. Lại bánh xe, có nghĩa lăn nghiêng là : Hoa sen này, không nhiễm sự ô-trược phá trừ phiền não, tức là nghĩa nghiêng lăn. Lại bánh xe có nghĩa bay đi là : Bánh xe vàng của vị Thánh-Vương, trong một ngày bay giáp bốn châu thiên hạ, là ý nói : Hoa sen này, khắp đến 10 phương, tiếp những chúng-sanh niệm Phật kia, về đến nước Cực-Lạc, tức là nghĩa bay đi. Còn nhiều nghĩa nữa đây không nói.

SỐ : Xanh, vàng, đỏ, trắng là nói màu sắc của nó vậy ; chẳng những nói màu sắc, mà nói hào-quang nữa. Vì hoa sen cõi này, vẫn có màu sắc, nhưng không hào-quang. Chỉ nói bốn sắc là rút văn gọn lại.

SAO : Bốn sắc, giải thấy lời sơ văn trước, Hào-quang ấy, từ sắc mà chiếu ra, như viên ngọc trong bóng, thời hay chói ánh-sáng. Hoa sen cõi kia, rất là thanh-tịnh, cho nên có hào-quang sáng chiếu.

Kinh Đại-Bồ-n nói : Sắc xanh hào-quang xanh, sắc trắng hào-quang trắng, sắc đen, sắc vàng, sắc đỏ, sắc tía, hào-quang kia cũng vậy, rục rở ánh ngời, xán lạn như mặt trời mặt trăng, trong mỗi mỗi cái hoa, chiếu ra 36 nghìn ức tia sáng, trong mỗi mỗi tia sáng, hiện ra 36 trăm nghìn ức đức Phật. Mỗi mỗi đức Phật, lại phóng ra trăm nghìn hào-quang sáng để khắp vì chúng-sanh trong 10 phương mà thuyết-pháp vi-diệu.

Cứ theo đây thời xanh, trắng, đen, vàng, đỏ, tía, đã thành 6 sắc mà Luận Phật-địa lại nói : Bảy báu, cho nên biết bốn sắc, là vi bột văn

Kỳ thật hoa sen đủ vô-lượng sắc, đủ vô-lượng hào-quang vậy. Lại không nói hoa sen thuyết-pháp, cũng vì bột văn.

SƠ : Vi diệu hương khiết là nói cái đức kia vậy. Nói bốn đức là cũng vì bột văn.

SAO : Bốn đức là : Ly-cầu, lý nghĩa chánh của hoa sen. Suy rộng nghĩa kia, lược nói có bốn :

1.- Nói chữ : Vi, là cũng có bốn nghĩa ; hai nghĩa đồng và hai nghĩa biệt : 1.- Rễ nó ngầm dưới đáy ao, không ngó thấy được, ấy là nghĩa u vi. 2.- Không sanh nơi gò cao đất cồn. Cùng các thứ hoa sánh nhụy, mà tranh phần tốt xinh tốt, ấy là nghĩa ẩn-vi. 3.- Trong Quán-Kinh nói : Trên mỗi mỗi cành hoa có tám vạn bốn nghìn gân mạch, cũng như thợ trời khéo vẽ, ấy là nghĩa tế-vi. 4.- Bảy báu làm thành, quý lạ ròng tốt, ấy là nghĩa tinh-vi. Hai nghĩa trước chung với phương này ; hai nghĩa sau nước kia riêng có, cho nên hai nghĩa đồng, hai nghĩa biệt.

II.- Nói chữ: Diệu, là cũng có 12 nghĩa : Bốn nghĩa đồng, tám nghĩa biệt : 1.- Mới có hoa liền có quả, chẳng đợi hoa rụng, ấy là nghĩa : Nhơn-Quả Đồng Thời Diệu ; 2.- Nhiễm mà không nhiễm, không nhiễm mà nhiễm, ấy là nghĩa : Cấu tịnh Song-Phi Diệu ; 3.- Một hoa khắp vòng ở ngoài hạt, các hạt sắp hàng ở trong hoa ; ấy là nghĩa : Tổng-biệt tề-chương Diệu ; 4.- Ngày thời nở đủ, đêm thì búp lại, ấy là nghĩa : An hiển tùy-nghi Diệu ; 5.- Hoa lớn ở giữa, có trăm nghìn vạn ức hoa sen, dùng làm quyển thuộc, ấy là nghĩa : Chủ bạn trưng tham Diệu ; 6.- Thượng, Trung, Hạ phẩm, mỗi phẩm phân ba thành chín, chín nhân chín, cho đến vô-lượng tùy theo Nhơn trước của mỗi người tu, không lẫn lộn nhau, ấy là nghĩa : Thắng liệt phân minh Diệu ; 7.- Lớn một do-tuần, cho đến trăm nghìn vạn ức do-tuần, ấy là nghĩa : Đại Tiểu vô-định Diệu ; 8.- Chẳng do mùa xuân sanh, chẳng vì mùa thu héo, luôn luôn thường mới, ấy là nghĩa : Hằng thứ bất thiên Diệu ; 9.- Đỏ, tía, đen, vàng hoặc là thuần trắng, bay tạp sắc, tạp quang, cũng lại như vậy, ấy là nghĩa : Thê-tố giao-huy Diệu ; 10.- Sanh ở nước kia, mà từ hư-không bay đến cõi này, để rước người đáng sanh, ấy là nghĩa : Động-tĩnh nhưt nguyên Diệu ; 11.- Chư Phật Bồ-tát, ngồi kiết già trong đó, những chúng-sanh niệm Phật, cũng gá thai ở trong đó, ấy là nghĩa : Phạm-thánh kiêm thành Diệu ; 12.- Người phương này niệm Phật, hoa liền nêu danh (tên người đó trong hoa sen) siêng, biếng, vừa phân, thời tươi khô liền khác, ấy là nghĩa : Cảm-ứng minh-phù Diệu.

Bốn nghĩa trước, 8 nghĩa sau, đồng và thua khá biết.

III.- Nói chữ: Hương, là phương đây (Ta-Bà) nước kia (Cực-Lạc) sánh nhau thẳng và liệt, cũng có hai nghĩa : 1.- Phương đây thời từ trong bùn mọc ra, tuy là chỗ nhơ, nhưng vẫn thơm tho ngào ngạt, ấy là nghĩa : Ở giữa uế mà vẫn thơm ; 2.- Nước kia thời, như kinh Đại-Bồn nói Hào-quang màu sắc đã khác, thì mùi hương cũng khác, thơm tho bát-ngát, không thể kể xiết, cho nên bài kệ : Thanh-liên hoa hương, Bạch-liên hoa hương. Người tụng bài kệ đây, còn được trong miệng bay ra mùi hương hoa sen (31), hơn tất cả các

hương khác không sánh kịp, ấy là nghĩa Hương thơm hơn hết giữa các món hương. Thời Liệt hương sen ở phương này, đã hơn các hoa khác. Hương nước kia, đã hơn mà lại hơn ấy vậy.

IV.- Nói chữ Khiết, là phương này, nước kia, trắng và liệt cũng có hai nghĩa : 1.- Phương này thời từ trong bùn lầy mọc ra, thì đáng lẽ bị lấm nhơ, nhưng mà lại sáng sạch thanh tịnh, ấy là nghĩa : Giữa nhơ riêng sạch. 2.- Vì nước kia, thời gốc nó từ nơi cát vàng mọc lên, khác với cội trước này. Vì sanh từ nước công-đức, khác với nước thường, bởi chất do các bán hiệp thành, khác với hoa sen ở cội phạm ; cho nên sạch hơn tất cả món sạch, sạch không chỉ sánh bằng, ấy là nghĩa : sạch hơn hết ở giữa các món sạch.

Hơn mà lại càng hơn, lệ theo trên nên biết, nhần về trước từ chỗ thiết cận, lược nêu bốn đức, nếu rộng diễn đó, cũng đến vô-lượng. Hỏi : Có người bảo : Sanh về hạ phạm hạ-sanh, là sanh trong hoa sen bằng sắt, thuyết ấy phải không ?

Đáp : Chưa thấy Phật nói. Như trên đã nói, sắc nó chẳng những bốn, mà có hoa sen bằng bảy báu nữa. Thời biết hoa sen vàng là : Nhiếp trong sắc vàng. Hoa sen bằng pha-lê, xà-cừ, với hoa sen bằng bạc, nhiếp trong sắc trắng. Hoa sen bằng xích-châu, mã-nã, nhiếp trong sắc hồng. Nhần đến hoa sen bằng lưu-ly cũng nhiếp trong sắc xanh. Suy cho rộng ra thời hoa sen xanh như ngọc xanh của Thiên-đế cũng nhiếp về trong sắc xanh, như hoa sen bằng chân-châu v.v... cũng nhiếp về trong sắc trắng.

Lấy đây sánh hiệp, chắc không có hoa sen bằng sắt. Và chẳng sắt cũng thuộc về trong 5 loại kim khí, mà là loại kim khí rất hèn, hưởng sắt đối với bảy món báu ấy, không có thứ sắt này.

Sanh trong 9 phạm, về phạm hạ nước kia, còn hơn cung trời. Mà cung trời đều dùng 7 báu làm thành, chớ chưa nghe có sắt. Hương ở Tây-phương nào đâu có thứ đó !!

SỐ : Loại hoa sen là : **Chỗ gá thai cho người vãng-sanh về nước kia. Vậy người niệm Phật, chỉ phải biết đó.**

SAO : Gá thai là người chưa chứng quả vô sanh, hễ sanh về đó,ắt có chỗ gá. Chúng-sanh trong sáu đường, thời thân trung-ấm, tự tìm cha mẹ bực Thiên-sĩ vãng-sanh, thời trong một khảy móng tay hoa sen hóa sanh. Văn sau nói : Nhứt tâm bất loạn, liền đặng sanh về cõi nước Cực-Lạc của Phật A-Di-Đà, tức là sanh trong hoa sen đây vậy.

Hoa sen đây: Chính là cung màu cõi xác phàm, nhà thân an Huệ mạng. Với nước đề về đến, gọi là nước Liên-Bang. Bạn đồng tu, gọi là bạn Liên-xã. Với phân giờ thiền-tụng, gọi là đồng-hồ Liên-lậu. Định chỗ tốt xu hướng gọi là phái Liên-tóng, trọng về sự kia vậy.

Người tu Tịnh-Độ, hoặc khi lễ Phật, phải tưởng mình ở trong hoa sen làm lễ, Phật cũng ở trong hoa sen chịu mình kính lễ. Hoặc khi niệm Phật, phải tưởng mình ở trong hoa sen, ngồi kiết-già, Phật cũng ở trong hoa sen tiếp dẫn mình, như vậy rồi sau mới nhứt tâm trì danh.

Xưa có hai ông Thầy chỉ tưởng hoa sen nở ra rồi tưởng hoa sen búp lại; mà còn đặng vãng-sanh thay. Hướng lại thêm nhứt tâm trì danh mà chẳng đặng vãng-sanh sao?

Hỏi : Kinh đây; chẳng gồm sự quán-tướng sắc tượng, vì lẽ gì nay lại nói thế?

Đáp : Vì có chỗ chuyên chú, gồm cũng không ngại. Vì sao? Kia như vị Bồ-tát, khi tu đủ lục độ, nhưng như riêng lấy bố-thí độ làm chỗ chuyên chú. Các độ kia không phải là không tu, miễn tùy sức tùy phận.

Nay pháp niệm Phật cũng thế. Người chuyên chú pháp quán-tướng, ít trì danh, người chuyên chú pháp trì danh, thời ít quán-tướng, cũng là nói tùy sức tùy phận vậy.

Câu nói : Không gồm sắc tướng ấy. Số là, e nhứt tâm chấp trì danh hiệu, lại nhứt tâm quán-tướng sắc tượng. Chẳng những tâm không hai tác dụng, mà hai sự đồng thời đều làm, khinh trọng chẳng phân, đều không thành-tựu đó thôi.

Nếu rõ đặng nghĩa chánh và trợ, thời nhứt tâm trì danh, lấy làm chỗ chánh, ít quán-tướng làm trợ, trợ cũng qui

SỐ : Xưng lý, thời tự-tánh thanh-tịnh quang-minh là nghĩa hoa sen.

SAO : Thanh-tịnh là nêu sắc, và tự-tánh mảy trần chẳng dính. Quang-minh là nêu hào-quang, vì tự-tánh có muôn pháp đành-rành vậy. Luận Phật Địa nói : Các sắc giả và thật như thế, đều chẳng ngoài tâm-tịnh của Phật. Tức tâm-tịnh ấy, hay hiển hiện các sắc giả và thật.

Cho nên trong kinh nói : Sắc xanh hào-quang xanh, sắc vàng hào-quang vàng v.v... Sắc nào hào-quang nấy chẳng hai, tịch đầu chiếu-đó đều dung thông vậy. Lại tự-tánh tịch là nghĩa hoa búp, tự-tánh chiếu là nghĩa hoa nở, tự-tánh cụ-túc tất cả thiện pháp, ấy là nghĩa vi-diệu hương-khiết.

Thế thời chẳng lia cảnh trần, chưa tắm ao báu, mà thường ở trong hoa sen, đi kinh-hành và tọa ngoại.

TÔNG-KẾT

Xá-Lợi-Phất : Cõi nước Cực-Lạc thành-tựu công-đức trang-nghiêm như thế.

SỐ : Như văn trước : Lan-can, lưới giăng, hàng cây, ao, lầu, hoa sen, món món trang-nghiêm, đều là do đức Phật A-Di-Đà, trong nhân Ngài phát Đại-nguyện, và nguyện rồi lại tu Đại-hạnh, vô-lượng công-đức mới được thành-tựu như vậy ? Như lời nguyện-hạnh trong kinh Hoa-Nghiêm cũng đồng ý đây.

SAO : Do Đại-Nguyện, khởi ra Đại-Hạnh. Nhờ có Đại-Hạnh, mới đúng lời Đại-Nguyện, chỗ tu-nhơn của ông Bồ-tát, đầu chẳng phải thế ? Hạnh đủ nguyện xong, kêu là thành-tựu. Trong chỗ tu-nhơn là : Khi Phật Di-Đà còn làm ông Tỳ-kheo tên Pháp-Tạng. Lời Đại-Nguyện là : Ngài phát 48 lời nguyện. Có lời nguyện Ngài nói rằng : Khi Ta thành Phật, những người sanh về cõi Ta, đều ở trong ao Thất-Bảo, nước Bát-công-đức ở trong hoa sen hóa sanh. Lại nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, trong cõi Ta, từ dưới đất sắp lên, đến hư-không, đều có cung-điện lầu các, ao, suối, hoa, cây, đều dùng vô-lượng các ngọc báu, trăm nghìn món hương mà hiệp cộng thành. Lại nguyện rằng :

Nếu khi Ta thành Phật khắp cùng nước đủ các món trang-nghiêm không có chúng-sanh (người nào) mà có thể diễn-tả cho hết được. Thế gọi là lời Đại-Nguyện.

Nói Đại-Hạnh là : Kinh Đại-Bồn nói : Ngài Tỳ-kheo Pháp-Tạng, đối chỗ Phật Thế Tự-Tại-Vương, nhiếp thủ các hạnh thanh-tịnh 21 ức cõi Phật, y như hạnh đó mà tu trì.

Lại nói : Ngài Tỳ-kheo Pháp-Tạng phát 48 lời nguyện rồi, trụ nơi trí-huệ chơn-thiệt, dùng mãnh tinh-tấn, cả kiếp A-tăng-kỳ, tu hạnh Bồ-tát, giữ thân, miệng và ý, tu hành lục độ, rõ dặng lý không, vô-tướng, vô-tác, thi hành giáo-hóa, đến vô-lượng chúng-sanh, phát tâm Bồ-đề. Thế gọi là lời Đại-Hạnh.

Nói công-đức ấy : Tức là Đại-Hạnh, Đại-Nguyện, đây gọi là : Công-đức. Kinh Đại-Bồn nói : Tích công bởi đức như thế, vô-lượng nghìn muôn ức kiếp, công-đức trọn đủ, mới dặng thành-tựu lời Đại-Nguyện ấy mà vào ngôi vị Phật. Lời Đại-Nguyện Đại-Hạnh trong kinh Hoa-Nghiêm là : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm thế-giới nói : Cõi Hoa-Tạng trang-nghiêm Thế-Giới-Hải đây, là do Phật Tỳ-Lô Giá-Na thuở trước, ở chỗ vi-trần số Phật tu vi-trần số Đại-Nguyện, mới dặng thành-tựu cõi nghiêm tịnh đây vậy ;

Lời văn nói : Đều thành-tựu Trí-Địa và Hạnh của đức Phò-Hiền thời tất cả cõi trang-nghiêm, từ đây mà sanh ra. Lệ như lời Nguyện Hạnh của Ngài Pháp-Tạng, cũng in như vậy.

SỞ : Lại công-đức là : Công-đức tánh vô-lậu, lại có thắng và liệt, nay đây là công-đức thắng.

SAO : Công-đức vô-lậu là : Đức Sơ-Tồ nói : Gày làm phước trong đời là cái nhơn hữu lậu (32), chẳng gọi là công-đức. Lại nói : Công-đức ở trong pháp thân, thời đại-hạnh, đại-nguyện đây, đều là công-đức vô-lậu trong tánh mình, chẳng phải sự nhơn hữu lậu tiêu-quả cõi nhơn Thiên nói trên vậy.

Thắng liệt là : Hàng Thanh-Văn, bực Bồ-tát, nhân đến bực Phật đều có công-đức, nhưng lớn nhỏ khác nhau.

Nay là nhơn địa của Phật kia (Di-Đà) tu vô-lượng nguyện hạnh mới dặng thành-tựu, công cao đức tốt không thể nghĩ bàn, cho nên nói Thắng.

SỞ : Hỏi : Kinh Kim-Cang Bát-Nhã nói : Trang-nghiêm cõi Phật ấy, thiết chẳng phải trang-nghiêm, thế mới gọi là trang-nghiêm. Nay kinh này rộng bày y chánh, vì sao hai kinh, ý nghĩa trái nhau ?

Đáp : Vì tánh và tướng chẳng riêng, nhưng vì chỗ lập tôn có khác.

SAO : Tánh và Tướng chẳng riêng là : Toàn tánh khởi ra tướng, toàn tướng qui về tánh. Tánh Tướng vốn chẳng phải hai vật, nhưng chỗ lập tôn của mỗi kinh chẳng đồng.

Như kinh kia (Kim-cang) lấy lý vô tướng lập Tôn, cho nên chỉ nói tướng đệ-nhứt-nghĩa, không dùng hình tướng, thiết thời trong tâm thanh-tịnh, thân cõi đều hiện, dụ như lau gương, bụi hết, hình tượng bày ra. Còn những kinh mà chuyên nói về tánh đó, số là tánh tức tướng chẳng phải bỏ tướng riêng dùng tánh.

Nay kinh này, do khuyên cầu sanh tịnh-độ làm Tôn cho nên với cõi Cực-Lạc y chánh, mỗi món trang-nghiêm tráo trở phân rành, khiến người khởi ham mộ ; thực ra thời tướng vốn tự không, chỉ là duy tâm, duy-thức mà thôi.

Kinh này (Di-Đà) rộng bày tướng đó, số là cái tướng tức tánh, chứ chẳng phải lia tánh ra mà chỉ nói tướng đầu. Vì chỗ lập tôn của mỗi kinh có khác, chớ chỗ cứu cánh cũng vẫn đồng, cho nên biết hai kinh, nghĩa chẳng trái nhau.

SỞ : Hỏi : Cung-diện, vườn hoa của chư-thiên cũng dùng bảy báu trang-nghiêm, thì sánh với cõi Phật kia có khác gì ?

Đáp : Vì xấu và tốt có khác nhau.

SAO : Xấu và tốt là : Như châu ngọc trong đời, tuy đồng tên là ngọc báu, nhưng mà chất nó có thứ xấu có thứ tốt, giá có khinh có trọng, cho nên các cõi trời, từ cõi thấp đến cõi cao, y-báo, chánh báo trang-nghiêm của mỗi cõi, từ xấu lẫn đến tốt, có thặng có liệt khác xa. Hướng gì nước Cực-Lạc, vượt ngoài ba cõi, đâu chẳng phải với trong bảy báu trang-nghiêm, riêng cõi Phật là tốt hơn hết ; Trong kinh nói :

Vị Luân-Vương, cũng có 32 tướng tốt, nhưng không bằng Phật, tức là ý đây vậy.

SỐ : Lại công-đức đây, tuy là do nguyện-lực đức Phật thành-tựu, nhưng cũng gồm nhờ chúng-sanh. Do tâm kia tịnh, thời cõi mới tịnh.

SAO : Gồm nhờ chúng-sanh là: Kinh Duy-Ma nói: Trục tâm là Tịnh-độ của ông Bồ-tát; Bồ-tát khi thành Phật, những chúng-sanh không dua vạy, mới sanh về trong nước Ngài. Thâm tâm là Tịnh-độ của ông Bồ-tát. Bồ-tát khi thành Phật những chúng-sanh cụ túc công-đức, mới sanh về trong nước Ngài, nhần đến muôn hạnh cũng đều như vậy.

Cho nên người ở phương này niệm Phật, cõi kia hoa sen thành, thời nước Cực-Lạc món món thanh-tịnh trang-nghiêm. Tuy rằng Phật kia (Di-Đà) khi làm Bồ-tát chỗ tu thành-tựu, nhưng mà nói chúng-sanh cần tu tịnh-nghiệp chung cộng thành-tựu, cũng được. Cho nên nói: tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh.

SỐ : Xứng lý, thời tự-tánh hay sanh ra muôn pháp, là nghĩa trang-nghiêm.

SAO : Đức Lục-Tồ nói: Nào dè tự-tánh hay sanh ra muôn pháp. Kinh Hoa-Nguyên nói: Tất cả những cái bảo linh, lưới báu, do tâm hiền « Nhứt Thế Pháp Như Huyền » sanh ra. Tất cả lầu các bằng bảy báu, cũng do « Thiện căn vô-trước, Thiện căn vô-sanh » sanh ra, nhần đến y-phục, bảo cái, tràng-phan, bửu tòa v.v..., đâu chẳng từ nơi ấy sanh ra vậy?

Kinh Hoa-Nghiêm lại nói: Trong cõi Hoa-Tạng trang-nghiêm Thế-giới Hải đây, hoặc từ sơn-hà, nhần đến cây rừng, bụi-bặm mảy lông các xứ, mỗi mỗi đều là xứng cõi Chơn-Như pháp-giới đủ đức vô-biên, cho nên phải biết: Tịnh-độ tại trong tâm, ngoài tâm không có cảnh.

CHÚ - THÍCH

KINH A - DI - ĐÀ SỚ - SAO

QUYỀN THỨ HAI

(1) « **Chẳng phải số chúng sanh** » : Nghĩa gồm hai thế gian :

1.- Bốn bậc Thánh : *Thịnh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát, Phật*, là những vị đã tiến lên cảnh-giới trí-huệ giác-ngộ, nên không ở trong số chúng-sanh.

2.- Bốn Châu thế-giới : *Đông-thắng-thần, Nam-thiệm-bộ, Tây-ngưu-hóa, Bắc-cu-lô*, và núi, sông, cây, cỏ... là những vật vô tri-giác, nên cũng gọi không trong số chúng-sanh, vì cái danh-từ chúng-sanh tức là « Hữu-tình » nghĩa là có cái tình-thức, bởi biết cảm-tình về vui cười, khổ khóc v.v...

« **Thường và vô-thường** » : Giữa 3 thế-gian, cái thế-tánh mà có cái lý bất-sanh, bất-diệt gọi là thường ; còn cái hiện-tượng mà có sanh trụ ; dị, diệt, gọi là vô-thường.

(2) « **Căn-bản-trí** » : là cái trí do Chơn-trí mới phát sanh tỏ hợp với Chơn-lý ; chúng được cái thực-trí của Chơn-lý ấy, nó làm gốc cho tục-trí để biết sự này tương ngộ giữa pháp hữu-vi, nên gọi nó là **Căn-bản-trí**.

(3) « **Hậu-Đắc-trí** » : là cái tục-trí do sau khi đắc Chơn-trí rồi nó soi rõ được cả muôn sự vật của pháp hữu-vi ; vì cái trí này nó sanh ở sau cái trí căn-bản, nên gọi là **Hậu-đắc-trí**.

(4) « **Phiền-não chướng** » : Các điều tham, sân, si... làm rối loạn trong thâm-tâm của chúng hữu-tình, nên gọi là **phiền-não** nó hay làm chướng-ngại cho tâm-trí giác-đạo, nên nói là **chướng, phiền-não chướng** nó do cái bệnh « **Ngã-chấp** » sanh ra. Đoạn chướng này chúng **Niết-Bàn** nhị thừa.

- (5) « **Sở tri-chươngng** » : Cũng gọi **tri-chươngng** : Bởi ngu-si mê-ám, không hiểu thấu được sự-tướng và thực-tánh của các Pháp, nên bảo là **Tri-chươngng**. Cái chươngng này do bệnh « **Pháp chấp** » sanh ra. Đoạn luôn cái chươngng này, **Bồ-Tát** cũng chưa đắc **Bồ-Đề**, vì hai chươngng có rộng hẹp.
- (6) « **Chơn-đề** » : Do trí của bậc Thánh xét thấy được cái lý-tĩnh chơn-thật, vì lìa bỏ điều hư-vọng, nên gọi là **chơn**, lẽ nó quyết định chẳng còn bị lay-động, nên bảo là **Đề**. Lại, cái lý tánh đây, với Thánh là thật, nên nói là **Đề** : **Chắc-thực**.
- (7) « **Tục-đề** » : Tánh-tĩnh còn mê-muội nhận thấy những sự tướng giữa cõi đời, vì thuận theo cái phương-pháp của phạm-tục, mê-tinh, nên gọi là **Tục**. Nó là cái đạo-lý về phạm-tục, nên bảo là **Đề**, vì người đời cho là quyết-định không lay-động. Lại sự-tướng ấy, với thế-tục nhận làm thật, nên bảo là **Đề** : cho là thực.
- (8) « **6 nghĩa tức Phật** » : 1.- **Lý tức Phật** ; vì tất cả chúng-sanh đều có tánh Phật. 2.- **Danh tự tức Phật** : vì hiểu biết kinh điển, nghe tiếng biết chữ. 3.- **Quán hạnh tức Phật** : vì y theo giáo-pháp để tu, tức là các vị ở trong ngôi ngũ-phàm. 4.- **Tương-tợ tức Phật** ; vì phát cái huệ giải tương-tợ tức là các vị ở trong ngôi thập tín. 5.- **Phần chứng tức Phật** : vì phá được một phần vô-minh, thì chứng đặng phần pháp-thân, trí-giác, tức là các vị ở trong bậc sơ-trụ nhần đến ngôi Đẳng-giác. 6.- **Cứu-cánh tức Phật**, vì đoạn vô-minh, chứng trí-giác đều đã viên-mãn rồi, tức là ngôi Diệt-giác.
- (9) « **Phật có 10 thân** » : 1.- **Chánh-giác-Phật** ; 2.- **Nguyện Phật**. 3.- **Nghiệp-báo Phật** ; 4.- **Trụ-trì Phật** ; 5.- **Niết-bàn Phật**. 6.- **Pháp-giới Phật** ; 7.- **Tâm Phật** ; 8.- **Tam-muội Phật** ; 9.- **Bổn-tánh Phật** ; và 10.- **Tùy-nhạo Phật**.

1.- **Bồ-Đề thân (chánh-giác Phật)** : thân Phật bằng cách thị hiện ra 8 cái tướng để hành đạo chánh-giác. 2.- **Nguyện thân (nguyện Phật)** : cái thân Phật bằng khi mà nguyện sanh ở cung trời Đâu-xuất. 3.- **Hóa-thân (hóa Phật)** : cái thân Phật bằng cách ứng hóa sanh ở nơi cung vua lại : có hiện hóa thân, ắt hiện diệt thân, nên gọi **Niết-bàn Phật**. 4.- **Trụ-trì thân (trụ-trì**

Phật) cái thân bằng cách sau khi nhập-diệt, để Xá-lợi của tu thân lại, đặng trụ-trì Phật Pháp. 5.- Tướng hảo trang nghiêm-thân (nghiệp báo Phật); cái thân Phật trang-nghiêm bằng vô-biên tướng hảo; đặng trả lại cho những công-đức bởi tu-nhơn đủ muốn hạnh nghiệp nhơn lành, nên gọi là nghiệp báo Phật. 6.- Thễ-lực thân (Tâm Phật) : dùng từ tâm của Phật, để thâu phục tất cả, nên nói thễ-lực thân. 7.- Như-ý thân (ý sanh thân) : đối với các vị Bồ-Tát trước thập-địa, và trên thập-địa, để hiện ra cái Phật thân bằng như-ý. 8.- Phước-đức thân (tam-muội Phật) : cái thân thường ở trong tam-muội, vì tam-muội là cực-điễm của phước, nên gọi là phước-đức. 9.- Trí-thân (tánh Phật) : là cả 4 trí, như Đại-viên cảnh-trí v.v... 4 trí đều là tánh-đức bôn-hữu, nên gọi là tánh Phật. 10.- Pháp-thân (pháp-giới Phật) là bôn-tánh để cho trí thân hiểu rõ.

(10) « Lia tứ-quá » : 1.- Có ; 2.- Không ; 3.- Cũng có cũng không ; 4.- Phi có phi không. Với 4 điều trên vì chấp là thật, nên thành, quá thất ;

(11) « Tuyệt bách-phi » : Cả 4 câu trên, đều có : gốc, ngọn, 3 đời, đã sanh khởi, chưa sanh khởi, cộng thành 100 câu, đều phi chân-thiệt nên nói là phi. Vả như :

« Có » có 4 câu là : 1.- Có có ; 2.- Không không ; 3.- Có cùng có cũng không ; 4.- Có phi có phi không.

« Không » có 4 câu là : 1.- Không có ; 2.- Không không ; 3.- Không cùng có cũng không ; 4.- Không phi có phi không.

« Cũng có cũng không » có 4 câu là : 1.- Cũng có cũng không có ; 2.- Cũng có cũng không không ; 3.- Cũng có cũng không có cũng không ; 4.- Cũng có cũng không phi có phi không.

« Phi có không » có 4 câu là : 1.- Phi có phi không có ; 2.- Phi có phi không không ; 3.- Phi có phi không cùng có cũng không ; 4.- Phi có phi không phi có phi không.

Nghĩa là : với cái lẽ chơn-thật của nó, nếu bảo rằng (có) là phạm về cái lỗi tăng thêm ; còn bảo rằng (không) là phạm điều lỗi giảm bớt ; hoặc cho là (cũng có cũng không) là phạm cái lỗi

trương-vi (trái nhau, mâu-thuẫn) cho là (phi có phi không) là phạm điều lỗi Hi-luận. Bởi lẽ chơn thật nó lìa ngữ-ngôn văn-tự, nên hễ nói ra bằng cách nào cũng đều phạm lỗi cả, gọi là ngôn sanh lý tán, thuyết tác đầu giác sanh (sanh vọng).

(12) « **Độc lời người xưa** » : Sách Trang-Tử chép rằng : Vua Tề-Hoàn-Công đọc sách trên nhà, thợ dẻo bánh xe tên là Biền, đương dẻo bánh xe nhà dưới, buông dùi-đục và đồ nghề, lên nhà trên tâu hỏi :

— Xin tâu Bệ-Hạ : Bệ-Hạ đọc sách gì đó ?

— Sách của người xưa.

— Người xưa còn sống không ?

— Qua đời rồi.

— Thế thì sách bị đọc đó nó là cặn-bã của người xưa thôi ?

— Quả nhân đọc sách, quan Luân-Nhơn sao dựng phép lên nghị-luận u ? Vầy Quả-nhân giao rằng : Hễ nói có lý-do thì được sống, còn nói mà chẳng lý-do là phải tội chết ?

— Tâu Bệ-Hạ : Xin lấy cái nghề-nghiệp của thần-hạ để xét thử như thế này : Với việc dẻo bánh xe đây, nếu quá chậm, thì nó non lỏng mà chẳng chắc, còn quá mau, thì nó già gắt mà không lọt vào. Vầy không mau không chậm, vừa đặc nơi tâm, vừa hiện nơi tay, có cái lý số còn mãi. Với nghề hay ấy, hạ-thần không thể dạy truyền cho con mình được, mà con của hạ-thần nó cũng không thể nối truyền được cái tài nghệ của hạ-thần. Thế nên năm nay đã 70 tuổi, mà lụi-đại rồi đây, cái nghề hay dẻo bánh xe này nó cũng chỉ đồng lão hủ theo với hạ-thần mà thôi, chả còn mấy ai nữa ! ? Ôi ! Cái điều mà người xưa chẳng thể truyền được đó nó đã theo người xưa qua rồi ! Thế thì cái mà bị Bệ-Hạ đọc đó, nó bất quá là bã xác của Cỗ-nhơn vầy thôi, chớ nào phải sớt-dẻo ngon lành gì ?

— Quan Luân-Nhơn nói đúng lắm ; Quả-Nhơn nầy chỉ gián-tiếp với văn-tự của cỗ-nhơn, chứ phi trực-tiếp với cỗ-nhơn bằng đạo-lý hay đạo-vị gì cả.

- (13) « **Tứ-vô-lượng-tâm** » : 1.- *Từ vô lượng tâm* : cái tâm ban vui cho vô lượng chúng-sanh ; 2.- *Bi vô lượng tâm* : cái tâm cứu khổ cho vô lượng chúng-sanh ; 3.- *Hi vô lượng tâm* : cái tâm thấy chúng-sanh lìa khổ được vui mà mừng rỡ tán-thành ; 4.- *Xả vô-lượng tâm* ; với 3 cái tâm trên đều xả hết, mà lòng không chấp trước.

Với kẻ thân người thù, lòng vẫn bình-đẳng, là hi xả cho kẻ an người oán, lòng công-bình làm lợi cho chúng-sanh, thì gọi là « *tứ đẳng tâm* », lòng không phân biệt mà phổ-độ tất cả chúng-sanh, thì gọi là « *Tứ vô-lượng tâm* ». Với 4 tâm ấy nương theo 4 thiền-định đề tu, hễ tu được là được sanh lên cõi Phạm-thiên, nên cũng gọi là « *tứ phạm-hạnh* ».

- (14) « **Vô học** » Trong ngôi tu-hành, người đã chứng đến quả vị thứ 4, tức là *A-la-Hán*, vì đã dứt hết rồi những vọng hoặc trong tâm, chứng đủ cả chân-đế của thánh-trí, nên gọi là vô học, bởi không còn vọng-tâm đâu nữa để dứt, không còn thánh-trí đâu nữa để chứng. Đã giải-thoát ra ngoài tâm-vọng-hoặc của chúng sanh trong 3 giới. Còn 3 quả thánh-nhân kia là hữu học, vì còn đoạn-hoặc chứng-chân.

- (15) « **Tam-minh** » : Ở Phật là tam-đạt ; ở *La-Hán* là tam-minh : Có cái trí hiểu các pháp (sự-vật rõ được cả, nên gọi là Minh). 1.- *Túc-mạng minh* : Biết cả sự sanh-tử từ đời trước của thân ta với thân chúng-sanh ; 2.- *Thiên-nhân minh* : Hiểu cả tướng sanh-tử về kiếp sau của thân ta với thân chúng-sanh ; 3.- Rõ cả cái khổ tướng sanh-tử hiện đời này của thân ta và thân của chúng-sanh : nhờ có cái trí đó mà ta tự dứt được tất cả phiền-não. Chữ *Lậu* là phiền-não, *lậu-tận* là hết phiền-não rồi. *Phiền-não* là : tham, sân, si, thất-tình, lục-dục.

- (16) « **Lục-thông** » : Các thánh trong tam-thừa tu đắc thần thông có sáu phép, là : thiên-nhân thông, thiên-nhi thông, tha-tâm thông, túc-mạng thông, thần-túc thông, và lậu-tận thông. 1.- *Đắc-nhân-căn* như con mắt trời sắc-giới ; ngó lâu không mỏi nháy, thấy suốt không chi làm chướng ngại, nên gọi thiên-nhân thông. 2.- *Đắc-nhi-căn* như lỗ tai của trời vô sắc-giới : nghe rõ biết tiếng cả chúng-sanh không chi làm chướng ngại nên gọi là thiên-nhi-thông. 3.- Chứng đặng cái trí sáng-suốt biết cả tâm niệm

của chúng-sanh, nên gọi tha-tâm thông. 4.- Đắc cái trí tự biết cả sanh-mạng từ đời này suốt nhiều kiếp trước của mình và của chúng-sanh lục-đạo, nên gọi túc-mạng thông. 5.- Đắc cái thần lực đạo đi qua lại rất nhanh tự-tại, không chỉ làm trở ngại, nên gọi thần-túc thông. 6.- Lậu-tận-thông tức là lậu-tận-minh đã nói ở tam-minh trên.

Chỉ có người tu Phật, chúng La-Hán mới đắc cái lậu-tận thông ; còn 5 thông trước : những kẻ ngoại đạo tu tiên, kẻ tu pháp thiên hữu-lậu, kẻ tu luyện thuốc, luyện chú, luyện bùa, luyện ngãi, cho đến các ông trời ở tam giới, các thần linh, các yêu quỉ... đều chứng được : hoặc 5 thông, 4 thông, 3 thông, 2 thông và 1 thông. Nhưng rốt rồi đều phải luân-hồi lại phàm-nhơn, vì chưa chứng được cái lậu-tận thông. Chữ thông nghĩa là tác dụng tự-tại, không chỉ làm trở ngại.

Phật, Bồ-Tát, Ngoại-đạo tiên-nhơn tu chứng được thì gọi là « tu đắc thông lực » vì tam-thừa thánh-hiền tu tam học mà đắc lực thông, ngoại-đạo tiên-nhơn tu thiên-định mà hiện được ngũ-thông. Còn 3 giới các trời đều có ngũ-thông, nhân đến quỉ thần cũng có một vài thông, đều chung gọi « báo đắc thông lực », vì y nơi quả báo tự-nhiên có được. Lại quỉ thần Hộ-ly-tinh sở đắc là « nghiệp-thông » vì nương nơi nghiệp lực mà đắc.

(Tu theo Phật mới được 6 thông, các đạo kia chỉ có 5 thông, còn bị luân-hồi sanh-tử, vì chưa diệt được ý-thức vi-tế vọng tưởng dù tu lên cõi trời Phi phi tưởng nhưng chỉ diệt được phần thô).

- (17) « Rồng chịu thua » : Hai anh em Rồng Nan-Đà, Bạt Nan-Đà, đều ở biên bên núi Tu-Di ; Phật thường lên cung trời Đao-Lợi, hai rồng ấy nổi giận rầy trách : có sao người trọc cù đi trên chỗ ta ở ? Lần sau, Phật lại lên Đao-Lợi nữa ; hai Rồng ấy há hơi khói thành mây đen làm tối mù mặt trời đất. Các thầy Tỳ-kheo xin phép đề ngăn dẹp nó, mà Phật không cho ; đến ông Mục-kiền-Liên ra xin, Phật mới chấp thuận. Con rồng ấy nó biến hiện cái thân cực kỳ dài lớn, quấn núi Tu-Di gấp 7 vòng, đuôi đập nước biển, đầu gác trên đỉnh núi. Ngài Mục-Liên hoá ra cái thân rồng lớn dài gấp hai nó quấn gấp núi 14 vòng, đuôi quây thấu đáy biển, đầu cất tới cung trời Phạm-Thiên. Hai rồng ấy lại càng giận dữ, hóa phép mưa đá sạn tuôn xuống.

Ngài Mục-Liên hóa đá sạn ấy biến ra hoa sen, mềm mọi khá yêu. Rồi còn giện mãi chẳng thôi, Mục-Liên lại hóa làm những con gidi rất nhỏ, chun vào trong mỗi cái vảy, để cắn rút lung-tung, từ mắt chun vào tai, từ tai chun vô mũi, cứ chun vô bờ ra lúc-nhúc như thế. Rồi bị đau quá phải chịu thua nguyện qui-y tam-bảo.

- (18) « **Chẳng cho dời núi** » : Có một phái ngoại-đạo cả thầy trò là 5 trăm ông Lão-Sw, dùng sức luyện thần chú, để dời núi đồi chùa tiên, chúng luyện hơn một tháng, núi đã lay động. Mục-Liên lấy làm cảm-thương vì núi ấy dời đi, tất cả nhân dân quanh vùng bị nhiều thiệt-hại.

Ngài lên đánh núi ngồi thiền-định, núi đứng yên lại như xưa. Chúng ngạc nhiên nói : Phép của chúng ta làm núi đã động, chừng vài bữa nữa là dời được, có sao cứng lại như trước ? Tất nhiên có đê-tử Phật lòng từ khiến thế ! Chúng tự biết phép yếu, dẫn nhau đầu Phật.

- (19) « **Đem con chán họ Thích giấu trên cung trời** » : Vua Lưu-Ly đánh giết họ Thích ; Mục-Liên muốn cứu, mà Phật cho là do cái định nghiệp khó trốn, nếu cứu là làm việc bất-bình, vì Lưu-Ly vương mất nợ ! Tuy đã biết lẽ hơn-quả báo-ứng giữa họ Thích với Lưu-Ly vua, nhưng Mục-Liên không nỡ điềm nhiên tọa thị, ông hóa phép thần-thông : đem được 500 người Thích chùng giấu trong bình bát để tẩn-cư lên cung trời Đại-phạm. Trận giặc ấy chấm dứt rồi, Mục-Liên lên đem bình-bát về để giờ nắp ra coi, thì 5 trăm người Thích chùng kia đâu mất, mà chỉ còn là một bình-bát máu vẩy thôi. Thế đủ biết rằng : với nghiệp lực quả báo, Phật cũng không thể bình vực để cứu bằng cách bất-bình cho bên đời !

- (20) « **Ngăn xe đốt nhà** » : Kỳ-Vực là ông Tồ thầy thuốc của Ấn-Độ, là đê-tử của Mục-Liên, đã mãn phần, sanh lên cung trời Đạo Lợi, như một đê-đệ đau bệnh nan y, Mục-Liên lên trời để hỏi thuốc. Gặp các trời trầy hội rong chơi, Kỳ-Vực ngồi trên xe không bước xuống, chỉ chào thầy bằng cách chấp tay mà thôi. Mục-Liên dùng thần lực ngăn không cho xe chạy. Buộc lòng Kỳ-Vực phải xuống xe để thú tội rằng : Chư thiên vì sự hưởng phước bắt buộc vui say, đến đời chẳng còn rồi rảnh để ngộ mặt nhau ! Tôn-giả ngài muốn gì mà hạn chế điều tự-do

vui sướng của đệ-tử thế này? Ngài Mục-Liên cho biết việc đi tìm thuốc chữa bệnh ấy. Kỳ-Vực đáp rằng : Với chứng bệnh đó chỉ còn có phương-pháp thiên-y, nghĩa là nhịn đói thì tự nhiên lành bệnh, dầu không lành đi nữa, thì cũng mau giải-thoát được cái xác khờ. Bấy giờ Mục-Liên buông xe cho Kỳ-Vực mới được đi chơi với các trời. (Ông Kỳ-Vực có chỗ nói ông Kỳ-Bà).

Đức Chúa Trời Đế-Thích sau khi chiến thắng mặt trận cùng đánh với thần A-Tu-La, kiến thiết một lâu-đài bằng thất-bửu kỳ diệu trang-nghiêm, đề kỷ-niệm cuộc thắng trận, và thưởng tướng khao binh, tiệc tùng ăn lễ, biểu diễn lăm trò vui mừng thắng thưởng. Nhơn dịp Ngài Mục-Liên ghé vào ; đức Thiên-chủ đón tiếp, rước đi xem cuộc triển-lãm, và cất nghĩa giới-thiệu danh này cảnh nọ. Thấy Mục-Liên nghĩ là ông thầy tu ở nhơn-gian mới lên, các á-gái trời làm bộ e-lệ, trên trời, lớn núp trong các bức màn-ngọc trướng-hoa, mà ri rịch, vì không được tự-tiện múa hát đề hầu đức Chúa của chúng-đ : Mục-Liên biết vì thế mà đức Chúa nó không tu tỉnh được cũng bởi một có ấy Mục-Liên dùng thần-lực hóa lửa tam-muội chân hỏa ra phừng-phừng hực-hở. Cả bà con của đức Thiên-chủ đều thấy ngôi nhà thắng trận bị phát hỏa thiêu rụi ! Cả trời chúa, tôi buồn chán và than : vui nọ chưa no, buồn này đồn đến. Thừa dịp Mục-Liên an-ủi, giảng thích về điềm (tam giới vô an, du như hỏa-trạch. Lạc thị khờ nhơn. Vô thường vô ngã...). Đức Chúa Đế-Thích nghe được hết mê, hồi đầu giác-ngộ hoan-hỉ lo tu, trả tù binh lại cho thần A-Tu-La vương. Bấy giờ Mục-Liên thâu pháp thần thông lại, thì ra bà con tôi chúa thấy nhà thắng trận vẫn còn nguyên hiện, mới biết phép thần của Tôn-Giả cầm hóa v.v...

- (21) « Hai chữ tảo chửn » : Tảo : quét ; chửn : cây chổi. Kinh Pháp-Cú chép : nước Xá-Vệ, có thầy Tỳ-kheo tên là Bàn-Đặc, sau khi xuất gia học hoài không thuộc, vì quá u ngu-dốt, bởi tới dạ lăm ! Đến đời Phật giao cho 5 trăm thánh A-la-Hán, luân nhiên mỗi ngày hai vị, để thay đổi dạy ông học, một bài kệ rằng :

« Cẩn tảo già lam địa,
Thời thời phước huệ sanh,
Tuy vô tần khách chí,
Diệc hữu thánh nhơn lành ».

NGHĨA : *Siêng quét đất vườn chùa,
Mỗi giờ sanh phước huê,
Dù không khách khứa đến,
Cũng có thánh nhơn đi.*

Đã 3 năm qua, mà ông học chưa thuộc! Anh của ông là Châu-Lợi quả rằng: Em không thể học thuộc được, tốt hơn là thôi, về tục, làm cư-si cho xong! Bàn-Đặc đến đứng dựa cửa Kỳ-Hoàn mà khóc và than tiếc rằng: Nếu hoàn tục thì làm sao hằng ngày được thấy đức Thế-Tôn? Phật thấy, ra hỏi: Có gì thế? — 5 trăm thánh tăng đã chán dạy vì con tối dạ, lại bị anh con đuổi hoàn tục, e không được thường thấy Phật nên con khóc! Thôi đừng khóc! Vào đây. Phật nắm tay dắt về Tịnh-Xá, bảo ở với Phật, Phật đưa cho một cây chổi, và dạy cho học hai chữ: Chổi quét. Ông đọc được « chổi », lại quên chữ « quét », mà hễ nhớ được chữ « quét » thì lại quên chữ « chổi ». Cứ như thế mãi, luôn đến mấy ngày. Đến chừng xét biết ông sắp hết nghiệp-chương. Phật mới thừa dịp đề khai-thị rằng: Với 2 chữ « chổi quét », nó có sự và lý thế này: Sự, là cầm cây chổi vật hữu-hình, để quét sạch bụi-bặm và rác rến nơi ngoài nhà là Cư-địa, đặng trông mát khỏe cho ta lẫn người; Lý là gìn cây chổi pháp vô-hình để quét sạch bụi-bặm là phiền-não nơi trong nhà là tâm-địa, đặng giữ thanh-tĩnh cho ta với người. Tóm lại, quét sạch cả bụi trần cấu-uế trong thân tâm ta và chúng, chớ có gì lạ lùng đâu mà không nhớ? Phật vừa dứt lời, ông liền sáng suốt, chứng quả La-Hán, đủ 6 phép thần-thông.

Bấy giờ, bên phải Lục-Quần Bý-Xu-Ni, có Tịnh-xá riêng, đã lay Phật thỉnh giáo giới; Phật sắp đặt; mỗi ngày có một Bý-Xu tăng, sớm mai đến giáo giới, rồi về kỳ-hoàn. Đến phiên ông Bàn-Đặc đi giáo giới, các Bý-Xu ni đều ngơ ngác mà hỏi với nhau: Sư huynh ấy tối dốt tận mạng đi, mà nay đến Huỳnh làm gì giáo-giới được, có lẽ Huỳnh cậy sư huynh của Huỳnh là Huỳnh Châu-Lợi thay thế cho, chớ Huỳnh mà giáo giới gì? Đương còn dư luận, không dè ông đã reo gậy tích trước sen. Ừ! Huỳnh đã tới; A-Ha Huỳnh thiệt; Bà nào cũng xàm-xì... mủm mĩm; Có ý cười cợt bằng cách dễ người. Nhưng, giới luật bắt buộc, nên phải ra rước vào, làm lễ, dựng cơm, rồi hầu nghe thuyết-pháp. Bà nào cũng lấy vật đo Cà-sa che miệng và sụt-sịt cười hoài, nên chớ dám

đề trống ; Ngồi trên pháp tòa ông thăm nghĩ mình kém đức, nên mới có cái cảnh ngộ này ; Ông bố-cáo rằng : Kinh cùng các pháp-tỷ ; Mặc dù tối đốt, chớ để đã học hiểu được vài nghĩa của hai chữ « chỗi quét » mà Phật chứng truyền, vậy các chị hãy để tâm yên lặng nghe để giảng coi có hợp pháp với chương trình giáo-giới không ? Thưa các đại-tỷ ; Người tu Phật, tùy mỗi trình-độ mà học hỏi tu niệm có nhiều phương pháp ; nhưng yếu-điểm cũng không ngoài phải giữ cho sạch bụi trần cũng như đào-thải cho hết phiền não, nhứt là tẩy-thanh những chướng-ngại vật là ngã-mạn khinh ngạo, để cho thân khẩu ý 3 nghiệp đều khiết bạch, 6 căn được thanh-tịnh, như gương lau sạch bụi, cốt được như thế, mới mong minh-tâm kiến-tánh, chứng quả vô-lậu. Ấy là nghĩa của hai chữ « chỗi-quét » v.v... Vậy có thể nói : với 8 vạn 4 nghìn pháp-môn, cũng không ngoài ý-nghĩa của 2 chữ « chỗi quét », là vì quét sạch 8 vạn 4 nghìn bụi trần lao. Đó các chị xét có phải thế không ? Tôn-Giả vừa hỏi rồi, các Tỷ-kheo ni đều giật mình chứng ngộ quả A-La-Hán. Sạch lòng khinh mạn, đủ niệm kính thành, khắp-khởi hoan-nghinh, ân-cần bái-tống. — Bấy giờ vua Ba-tư-Nặc thỉnh Phật và chúng tăng vào cung thụ-trai ; Phật đưa bình-bát cho Bàn-Đặc bung, bảo đi sau chót, Phật đi trước hết, kể 1 ngàn 2 trăm 50 Tỷ-kheo, lần lượt vào cửa thành, sau rốt đến Bàn-Đặc, bị quân lính gác cửa ngõ cản lại không cho vào ! Và chỉ trích rằng : Chúng tôi là Cư-si không thể học được nhiều, vì bận việc quân-chánh gia-đình, nhưng cũng thuộc được một hai bồn để hôm sớm tụng-niệm ; còn Huynh đã làm Tỷ-kheo, một bài kệ chỉ 20 chữ, mà 3 năm rồi cũng học chưa thuộc ! Thế có tài đức gì đâu hòng vào thụ của nhà vua cúng ?

Đến giờ Phật lên trai-dàn tướng bình-bát để cơm vào, ông ở ngoài ngo-môn dùng thần lực kéo dài cánh tay đưa bình-bát đến ngay trước Phật... ; cả vua cùng bá quan lấy làm kinh-ngạc ! Vì chỉ thấy cánh tay quá dài mà không thấy người nào đầu cả ? ! Phật phải giới thiệu để cho vua biết rằng : Đây là cánh tay của Bàn-Đặc đó, vì quân lính không cho La-Hán ấy vào, mà bình-bát của Ta giao cho ông ấy bung, biết trong này tới giờ thụ-trai nên dùng thần biến đưa bình-bát vào. Vua sai các quan vội ra rước vào... Cuộc trai phạn rồi, vua hỏi : đức Tôn-giả đây vì sao tới đây ? Lại học cách nào được chứng quả như thế ? Phật dạy rằng : Kiếp trước

là người tu học thông lắm, chỉ vì muốn đề một mình làm thầy quán-chúng, nên bèn xén không bố thí pháp cho chúng, sợ chúng hơn mình, bởi cái tội lẩn pháp đó, thành thử đời này mắc quả tội đốt. Nhưng nhờ có lòng ham tu, và mến Ta, mà tội diệt phước sanh, chướng kia tiêu hết, huệ nọ sáng thêm, chỉ học 2 chữ, mà chứng quả như thế. Cả trai-dàn đại-hội vua quan ai nấy đều được nghe biết : cái tội (lẩn pháp) như thế kia : và không dám (khinh người) như thế. Tiếc rồi bái tạ, đưa Phật tăng về. Tôn-giả từ đây mới được chúng kính-trọng.

(22) « **Phóng ngưư** » : Tiếng Phạn : (Nanda) Nan-Đà dịch : Hỷ, cũng tên là Phóng-ngưư. Sách Pháp-Hoa Huyền-tán chép rằng : Nguyên là người chăn nuôi trâu bò, gặp Phật, ông hỏi thắc-mắc về cái nghề chăn nuôi, nghĩ bụng cho Phật chắc là chưa hiểu đến cái nghề hèn mọn ấy. Phật giảng về nghề chăn nuôi có 11 sự v.v... ông biết Phật là đủ trí biết tất cả. Đầu Phật xuất gia, rất thông-minh. Phật sai ông làm giáo-giới, 500 Tỳ-kheo ni nghe pháp rồi đều chứng quả La-Hán.

(23) « **Ăn lúa ngựa** » : Một trong 10 chương nạn mà Phật còn chịu dư báo hay là dư-ương, thấy trong Trung Bản-Khí kinh cuốn hạ, Đại-Phương-Tiện Phật báo-ân kinh cuốn 3, Kinh Luật dị tướng cuốn 5, Trí-độ Luận cuốn 6, và Kinh Hưng-Khởi-Hạnh đều chép rằng : Bên nước Tỳ-La-Phiến vua A-Kỳ-Đạt (Agnidatta) thân ngự đến Kỳ-Hoàn, đề rước Phật và 500 đệ-tử Tỳ-kheo về bên quốc, 3 tháng an-cư, Phật và chúng tăng kiết-hạ cấm túc rồi ; bấy giờ có ông trời Thiên-Ma-Vương giáng hạ nhập vào thân tâm của vua, làm vua mê sa tiêu sắc, ca nhạc với cung phi mỹ nữ trong nội-diện, lại nghiêm cấm cả 3 tháng không cho tâu việc lớn, nhỏ, ra, vô gì hết. Thì ra quên không cúng Phật hộ tăng ; chúng tăng xin phép đi khất thực, Phật không cho, vì đã thụ thỉnh ở đây, lại đi hóa-trai nơi khác, thì đâu trọn lời hứa với dân việt đây. Bấy giờ có người nước Ba-la-Nại lừa bày ngựa cho đi ăn đến thành Tỳ-la-Nhiên, thấy Phật và chúng tăng, vì chịu hứa cấm túc mà phải bị khốn, động lòng cảm-thiết, phát tâm thảo luận với chúng tăng rằng : Không dám nào ! Tôi chỉ có chở theo mấy xe lúa đề nuôi ngựa đây, tình muốn bớt ra một mớ, làm gạo cơm bánh đề cúng Phật hộ tăng trong vài tháng này, không biết Phật có thụ dụng chăng ? — Chúng tăng vào bạch..., Phật dạy rằng : Phải tùy

nghiệp thụ dụng chớ sao ! v.v... Còn 7 ngày nữa các nhà hào phú Cu-Si xa gần nghe biết, đem vật thực vào cúng dường. Đến ngày giải cấm (giải chễ) Phật bảo A-Nan vào cáo vua, mãn hạ, từ giờ về Kỳ-Hoàn Trời Ma-Vương thăng, vua được tỉnh lại, biết là bị Ma-vương ám ảnh rất ân hận lay Phật và đại chúng xin cho sám hối ! Chứ sự quá si điên, đã đi lơ ra rồi, ăn năn không kịp ! Phật khuyên nhủ rằng : Nhà vua chớ buồn ! Vì đây cũng là Ma-chướng quả báo, mà chúng ta hết nợ với nhau rồi ! Về đến chùa, kẻ thấy vua và các quan xe giá chở tít sự đến cúng dường, đề xin hỏi qua về quả báo vừa rồi. Phật bảo rằng : Đời trước rất lâu xa, có đức Phật Tỳ-Diếp-La ra đời ; trong thành Ma-Bạt, vua là Bàn-Đầu mời Phật và chúng tăng vào nội cung cúng dường.

Bấy giờ có người Bà-la-Môn, tên Nhơn-Đề Kỳ-Lợi, là một nhà đại triết học, thấu dạy được 500 đệ-tử. Thấy vua sùng bái cúng dường Phật tăng ; sanh tâm tật-đố rằng : Với bọn trọc đầu đó, có lúa ngựa mà cho chúng nó ăn, chớ đồ ngon vật quý đâu mà cho cho ường ! Cả thầy trò cũng đồng ganh ghét chễ nhạo như thế... Phật kết luận : Nay đại chúng : Có biết chăng ? Người Bà-la-Môn ấy, nay là Ta vậy, 500 đồ đệ kia, chính 500 La-Hán đây. Vì nhơn duyên đó, Ta cùng các người phải chịu khổ tam-đồ, nay đã chứng quả như thế này hãy còn dư-wang phải trả !

Kinh Lăng-Nghiêm cuốn 6 Phật cũng nói : (Chính như Ta phải ăn lúa ngựa để trả quả-báo).

- (24) « Tháp không chịu tiền của vua » : Vua A-Dục (Asoka) đi chiêm lễ các ngôi tháp của chư La-Hán, khi đến lay tháp của Ngài Bạt-Câu-La, vua đọc vài câu có ý nhắc đời rằng : (Tuy tự luyện vô minh vu thế thiếu lợi ích) lúc Ngài còn ở đời, dù chơn tu bằng cách ở chỗ vắng-vẻ để rèn dốt vô-minh, thành ra ít có lợi ích cho đời. Và cúng 20 cái bửu-bối (tiền bạc bằng ốc xà-cừ), nhưng rồi tiền bửu-bối ấy từ trong tháp bay ra theo đỉnh nơi chơn của vua ; Các đại-thần thấy thế cả kinh, phục rằng : Lúc Tôn-giả còn ở nhơn gian, wa một mình nơi vắng, thiếu dục tri túc, nên nay ngôi tháp của Tôn-giả, cũng vẫn còn không chịu thụ-dụng tiền của thế gian. Thanh-liêm đến nỗi !

(25) « Voi mọc sáu ngà » : Khi đức Văn-Thù sanh, trong xứ hiện 10 điềm tốt : 1.- Ánh sáng hực đầy bùng ; 2.- Suong ngọt sa đầy sân ; 3.- Dưới đất nổi lên bảy báu ; 4.- Thần tài mở kho đã giấu ; 5.- Gà nở con chim phụng ; 6.- Heo đẻ con lợn rừng ; 7.- Ngựa sanh con kỳ-lân ; 8.- Bò đẻ con bạch trạch ; 9.- Kho lúa hóa thóc vàng ; 10.- Voi mọc 6 ngà.

(26) « Hội Long-Hoa » : Đức Di-Lạc Bồ-Tát, hiện nay (1953) ở nội-viện trên cung Trời thứ tư là Trời Đâu-xuất-Đà ; đương thời ông Đinh-Phước-Bảo (trước đây 20 năm) tính còn năm mươi sáu ức bảy ngàn muôn năm nữa, là Di-Lạc ra đời. Kinh Di-Lạc hạ sanh chép : đến vườn Hoa-Lâm, ngồi dưới cây Long-Hoa bồ-đề, thành Phật, mở pháp hội, thuyết pháp độ sanh, nên gọi là Long-Hoa hội. Kinh Tăng nhứt A-Hàm cuốn 44 chép : cách thành Trĩ-Đầu không xa mấy, có Đạo-thụ gọi là cây Long-Hoa, Bồ-Tát ngồi đó thành đạo quả vô thượng. Kinh Di-Lạc đại thành Phật chép : nguyên tên cây ấy là Bôn-Na-Già, nhánh nó hình như con rồng, nở bông có nhiều tia báu quý rất đẹp. Kinh Đại-Nhứt cuốn 7 chép : Bôn-na-Già là hoa cây rồng. Sách Pháp-Uyển Châu-Lâm chép : Hoa nhánh như hình đầu rồng, nên gọi Long-Hoa thụ, Bồ-tát ngồi dưới đó thành đạo, nên gọi là Long-Hoa bồ-đề thụ, xin xem bài Long-Hoa tam-hội ở cuốn trung sách Qui Nguyên Trục-Chỉ, mới rõ hơn...

(27) « Đường tẻ mắt dê... bần trùng chim học » : Sách Liệt-tử biên rằng : có một người ở bên xóm thầy Dương-Tử, mất dê người ấy đã dẫn cả gia-nhơn, lại còn mượn thêm kẻ Đồng-tử của thầy Dương nữa để rượt theo kiếm dê. Thầy Dương hỏi : chỉ mất có một con dê, rượt theo chi đông lắm thế ? Người đáp : E vì nhiều đường tẻ như ngã ba, ngã tư chẳng hạn, nên phải có đồng ngườiặng chia ra để kiếm theo mỗi con đường mới được. Mờ rồi trở về chớ không tìm thấy dê đâu cả bởi vì trong đường tẻ lại có nhiều đường tẻ nữa, thành thử rối rời chả biết con dê nó ở chỗ nào ? Nên nói : Với cái đạo cả tỷ như nhiều ngả mới mất dê, là để tỏ rằng kẻ học đạo bởi : lòng ham học lấy nhiều phương nên mất sống ; Kêu bằng : Đa thư loạn tâm, nghĩa lộ thái đa, lý độ quá, đa hư bất như thiếu thiệt.

— *Chim học* : Cái dích giữa tấm da đề thi bản. Bên Tàu xưa thuở đời Đường đời Ngũ đàng vãi, hoặc da, chính giữa vẽ con học, hoặc hình : gấu, cọp, beo, hươu, nai, nhưng khi chọn thi, hoặc cùng tân khách yến ẩm, dựng bức bia ấy lên, thề ai bản trúng dích là được phần thắng, nên gọi là (xạ hậu) : bắn tên da.

(28) « **Trao lại cho Quán-Âm Thế-Chí** » : Kinh Bi-Hoa chép lời Phật Thích-Ca thuyết pháp tiền tri rằng :...

Đức Phật A-Di-Đà trao lại cho Ngài Quán-Thế-Âm lên làm Phật hiệu là Phổ-Quang Công-Đức-Son-Vương Như-Lai ; sau rồi đức Phật ấy trao lại cho Ngài Đại-Thế-Chí lên làm Phật hiệu là : Thiện-Trụ-Công-Đức-Bửu-Vương Như-Lai.

Hỏi : Di-Đà, Quán-Âm, Thế-Chí và Thanh-Tịnh Đại-Hải chúng mà thường bữa tụng công-phu tới đó, quý thầy gọi là lay tứ-thánh hiệu ; 3 hiệu trên đã hiểu rồi, còn hiệu sau đó chưa được biết danh-tích là chi, và có trao tiếp làm Phật sau đức Thế-Chí không ?

Đáp : Không, vì là một hiệu (chung tất cả), chứ phi là hiệu riêng như Quán-Âm, Thế-Chí. Bởi rằng : Thanh-tịnh tức là Tịnh-độ ; Đại-Hải chúng : Cả biển chúng, nghĩa hơn cả biển người. Vậy biết ; Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải chúng Bồ-Tát, nghĩa là : kính lạy cả biển chúng Bồ-Tát trong cõi nước Thanh-tịnh. Vì tịnh-Độ là gọi tắt câu Thanh-Tịnh trang-nghiêm quốc-độ.

(29) « **Ca chiên lân đà** » : Sách Pháp-Uyển Châu-Lâm chép rằng : Chim Ca-Chân Lân-Đà, sanh trường ở cù-lao biển, ôm đựng đến, thân làm sướng lạ hơn cái sướng của trời lục-dục : Kinh Chánh-Pháp niệm chép : Ca-Chiên Lân-Đà dịch : Khá ái điều (chim khá yêu) : Sinh ở trong bể chạm đến rất vui sướng : Tại thế giới này, đến thời kiếp tăng, mỗi người đều sống đủ 8 vạn 4 ngàn tuổi, có Chuyển-Luân-Vương ra đời, tức có thú chim ấy cũng sanh ra, vì là vật quý báu trong thất-bửu, mà do nơi hạnh-phúc của Luân-Vương, mới xuất hiện. Chim ấy hình như chim oan vương cũng loài thủy điều. Tuy vậy nhưng mà không bằng đựng thú cỏ công đức, bên cõi Tịnh-Độ, sự vui-sướng bội-thắng hơn.

(30) « **Tĩnh lực** » : Tĩnh là tình cảm, Lực là tư-lực, là tất cả những hi. nộ, ái, ố... tư duy vọng tưởng, mà trong kinh sách Phật gọi là : kiến - hoặc, tư - hoặc, cả 8 vạn 4 nghìn phiền não chướng. Nước ở thế-giới Ta-Bà, người ta tắm chỉ sạch được cái bụi phiền não ngoài thân, nhưng chỉ được một chấp lát mà thôi, vì là uế-độ. Nước bên cõi Thanh-tịnh, hễ tắm rồi là sạch luôn bụi phiền não trong tâm nữa là khác, nên gọi tâm tịnh, độ tịnh, vì là tịnh-độ, cả y-báo, chánh báo đều thanh-tịnh trang-nghiêm.

(31) « **Miệng ra mùi thơm của sen** » : Truyện chép : Ông Âu-Vương Vĩnh-Thúc ra làm quan Tri-Châu tại đất Đinh ; ở đó có một quan-ủy, (nghĩa là Đĩ nhà quan), vì chỉ có quan lớn nhất trong châu mới được, bởi nàng có mỹ-sắc hơn hết, lại miệng và mờ-hôi đều phướng phát tươm ra hơi liên-hương : Có nhà tăng biết túc-mạng của Nàng : Kiếp trước cũng làm thân phụ-nữ, thường tụng kinh Pháp-Hoa suốt 30 năm, giờ rảnh lại thường ngâm luôn mấy câu : thanh liên hoa hương... Nhưng Ngài Tri-Châu cũng chưa chịu tin ; nhà tăng thí nghiệm cho biết rằng cách đọc trước vài câu, thì nàng ấy tiếp ứng khẩu đọc luôn trọn bộ bằng cách thuộc lòng ; còn đọc kinh khác thì nàng chẳng biết một chữ nào ráo : Chưng đó quan Tri-Châu mới tin chắc rồi hỏi rằng : Kiếp trước đã tu trì đến bực đó, sao đã chẳng siêu lợi đạo như vậy ? — Bởi một niệm sai lầm, nên đến nông-nổi !

(32) « **Tu phước đời là nhơn hữu lậu** » : Lương-vú-Đế hỏi đức Sơ-Tồ rằng Quả-nhơn dựng chùa lên cốt Phật, tu đủ việc phước thiện, sẽ được bao công đức ? Sơ-Tồ đáp rằng : Hẳn không công đức. — Vì sao không công-đức ? — Nó chỉ là cái quả-phúc nhỏ của trời và phú-quái của nhơn gian, vì là cái nhơn hữu-lậu, như bóng theo hình, dù có nhưng không thật. Thế nào là công-đức chơn thật ? — Đẹp hết vọng-tâm, lòng không chấp trước, thí tài, thí pháp, phước huệ đều tu, người tức là ta, không phân biệt, không nghĩ như trồng cây mong sau ăn trái, tâm cảnh như thế, mới là công-đức.

Vú-Đế hiểu được khen phải và than : với việc làm mà tâm được như thế, thật là khó làm. Nhưng nếu không làm, cũng chưa phải là người biết học Phật ! ?

PHẬT THÍCH-CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN-THÊ LÀM LỜI SỚ-SAO

QUYỀN THỨ BA

Đất Cờ-Hàng, chùa Vân-Thê, Sa-Môn Chu-Hoàng thuật.

THIÊN-NHẠC VŨ-HOA (phân ra làm bốn phần)

- 1.- Thiên-nhạc : (nhạc trời)
- 2.- Kim địa : (đất vàng)
- 3.- Vũ hoa : (tuôn hoa)
- 4.- Tổng kết : (tóm kết)

THIÊN-NHẠC

Lại này nữa Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước của Phật kia thường trỗi nhạc trời.

SỚ : Văn trước kê ao báu. Văn đây nói trên đất bằng vàng, có hoa trời, nhạc trời xen lẫn chói-hực. Nhạc trời là khác với nhạc đời vậy. Thường trỗi là không hở dứt vậy.

SAO : Khác với nhạc đời là : Kinh Đại-Bồ-n nói : Cõi trời thứ nhất có 4 vua Trời và các vị Thiên-nhơn đem trăm ngàn món hương hoa, trăm ngàn tiếng âm-nhạc đề cúng-dường Phật và các vị Bồ-Tát, chúng Thịnh-Văn. Cõi Trời thứ hai : Trời Đê-Thích (Đức chúa Trời) và 32 vua trời, với cả các đức chúa trời ở Dục-giới cho đến thứ bảy là cõi trời Phạm (phạm-thiên), tất cả các trời đều đem hoa thơm, nhạc hay của mỗi cõi lần lượt gặp bội phần, đem dâng cúng Phật và Đại-Chúng.

Lại nói : Cũng có tự nhiên muôn món kỹ-nhạc, không món nào là chẳng phải tiếng nói pháp, thanh tao thanh thoát, rõ hay thanh nhã ; tất cả các tiếng tám khác không thể sánh kịp.

Quán-Kinh nói : Có vô-lượng các vị trời và thần trời tiếng nhạc Trời, lại có các món đồ âm-nhạc, như : treo tòn-ten ở trên hư-không, tợ hồ cái bửu-tràng của trời Đế-Thích không ai khảy mà nó tự kêu. Vì thế những tiếng nhạc của các vị Thiên-nhơn đánh kia, không phải trong nhơn gian này có được. Cho nên nói khác với nhạc đời vậy.

Không hở dứt là : Nhạc đời cần người, có đánh có nghỉ. Nhạc Trời tự kêu, cho nên nói thường trời vậy. Nay người niệm Phật, ngày lâm-chung, có nhạc trời rước trên không, chính cõi tịnh-độ, mới có nhạc trời thường trời vậy (Trời : Thiên-nhiên ; tự-nhiên : nghĩa là sẵn sàng).

SỐ : Xứng lý thời tự tánh, có muôn đức dung hòa, là nghĩa thiên-nhạc.

SAO : Tự-tánh như thật không, thời chẳng dính một mảy trần ; như thật chẳng không, thời lẫn bày muôn đức, điều-hòa và xuôi-thuận chẳng trái, đắm thấm một mực không sai. Mức nhẩn-tẩn (nhẩn-nhục, tinh tấn) vừa chừng cao thấp, thời tiếng Quyển reo, tiếng Tri trởi ; Bực Chí-Quán đều thành Định-Huê, thời tiếng khánh dứt, tiếng chuông khua ; giọng từ-bi thương mà không hại, nhip hỷ-xả vui mà không đắm (1). Thiên nhạc như thế, chẳng những không khua, lại còn không tiếng. Tiếng Vô lặng, tiếng Cung trầm, nhưng vang cả trời, rền cả đất !

KIM ĐỊA

Vàng rờng làm đất.

SỐ : Văn đây noi theo trước, đề khởi văn san, nói Cực-Lạc thế-giới, trên thời có nhạc-trời, dưới đất có vàng la-liệt. Mà ở trên đất vàng rờng ấy, chẳng những tai nghe tiếng nhạc trời, mắt cũng được thấy hoa trời nữa.

Vàng rờng là : nói trên đất bằng ngọc Lưu-ly xen thêm thứ vàng rờng. Song cũng nhiều thứ báu, không

nhứt-định (Vi tùy công-đức tu niệm Phật đến đâu được đến đó).

SAO : Xen thêm vàng ròng là gì ? Như trong Quán-kinh nói : Thấy đất Luru-ly trong ngoài : ánh suốt. Dưới có trụ kim-tràng bằng ngọc kim-cang thất-bảo, đỡ đội trái đất Luru-ly. Hình tràng có tám khía bằng trăm món báu hiệp thành, mỗi thứ ngọc báu phóng ra hàng nghìn tia sáng, mỗi mỗi ánh sáng có tám vạn bốn nghìn màu sắc, chói hực trên quả đất Luru-ly, như ức nghìn mặt nhứt. Trên quả đất Luru-ly, có các dây bằng vàng ròng, lộn-lao xen nhau, lại có bảy thứ ngọc báu làm giới hạn chừng ngăn rành rẽ.

Cứ đây thời quả đất vốn là Luru-ly, mà vàng ròng lại là món trang-nghiêm đề cần lót ngăn ranh trên mặt đất vậy.

Kinh Đại-Bổn nói : Cõi kia tự-nhiên (sẵn có) bảy món báu, thể tánh nó mềm-mại ấm-áp, xen nhau làm đất. Hoặc chỗ thì thuần một món báu, ánh hào-quang chói-vọi, vượt khỏi mười phương, rộng rãi thênh-thang không thể cùng tột, đất đều bằng-phẳng không có núi Tu-di, và các non, biển, hầm, hố, giếng, hang và các chỗ u-ám.

Cứ đây, thời cũng có thể nói : Cõi đất kia chỉ toàn là bằng vàng ròng. Bởi vì nước kia rộng lớn, chẳng những một góc Vàng ròng hay Luru-ly đó là chỉ nói một, hoặc hai món báu đó thôi. Thật ra cả các món báu hợp thành cõi đất, thể thì sẽ còn ngọc báu nhiều đến vô cùng!

SỐ : Xứng-lý, thời tự-tánh chơn-như bình-đẳng, là nghĩa đất vàng.

SAO : Chơn-như, thời không tạp, không uế, không đời, không dờn, trái muốn kiếp mà thường mời. Bình-đẳng thời chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng thấp, là chỗ nghìn bậc Thánh, chung nơi (đi). Phật Tỳ-Xá Như-Lai nói : Trước phải bình cái tâm-địa, thời thế-giới mời bình (2). Như Ông Xá-Lợi-Phất, tâm có cao thấp mới thấy cõi này, gò nong, hầm hố. Cho nên chỗ đi của mỗi người là vàng ròng, đầu đội đức Như-Lai lấy ngón chơn nhận dưới đất (3).

VŨ HOA (phân ra làm ba phần)

- 1.- Thiên vũ Diệu hoa : (Trời rải bốn thứ hoa quý)
- 2.- Trì dĩ cúng Phật : (chúng đem hoa cúng Phật)
- 3.- Cúng dĩ tự thích : (cúng rồi tự vui sướng)

THIÊN VŨ DIỆU HOA

Ngày đêm sáu thời trời rải hoa Đà-La.

SỜ : Nói trên quả đất vàng ròng đây, thường rải hoa tốt đẹp vậy. Cõi kia không núi tu-di, và mặt nhật, mặt nguyệt, mà nói sáu thời là lấy hoa nở chim kêu làm chừng vậy.

Hội niệm Phật ở non Lô-Sơn, dùng cái Đồng-hồ hình hoa sen, là phỏng theo ý kinh này.

SAO : Cõi này mặt nhật, mặt nguyệt xoay vòng quanh núi Tu-di, mà phân ra ngày đêm. Như vị-trí Châu Thiệm-Bộ chính ngay phía Nam núi Tu-di. Ban ngày, lúc hừng sáng là mặt nhật đi đã đến phân nửa Đông châu ; kế nó vòng qua Nam châu ; lúc cuối ngày là mặt nhật đi đã đến phân nửa Tây châu. Ban đêm : lúc đầu hôm là mặt nhật nó đi đã đến phân nửa Tây châu ; kế nó vòng qua Bắc châu ; lúc cuối đêm là mặt nhật đi đã đến phân nửa Đông châu. Mặt nhật đi giáp một vòng như thế là phối với 12 giờ, 6 giờ ban ngày, 6 giờ ban đêm, là một ngày vậy. Nước kia đã không núi Tu-di, lại không mặt nhật mặt nguyệt, sáng mãi không tối, ngày đêm không phân biệt chỉ lấy hoa nở, chim kêu làm ngày ; hoa xấp chim đậu (ngủ) làm đêm vậy. Song với mặt nhật mặt nguyệt có hay không ? Thì các bản dịch nói chẳng đồng, như bản dịch đời nhà Hán nói : Mặt nhật mặt nguyệt ở giữa hư-không. Bản dịch nhà Ngô cũng như nhà Hán. Nhưng Ngài Vương-Nhật-Hưu lại nói : ở giữa hư-không mà không vận chuyển. Bản dịch nhà Tào-Nguy chẳng nói có hay là không. Còn bản dịch nhà Đường và nhà Tống quyết định rằng không có. Nếu hòa-hợp lại đề nói, thì là mặt nhật mặt nguyệt tuy có, nhưng do vì hào-quang của Phật và Thánh chúng che lấp ánh sáng, thì dù có cũng như không vậy. Song mà xét cho tốt lý, không có

là phải hơn. Vì sao ? Từ cõi trời Đao-lợi sắp lên, còn không cần ánh-sáng của mặt nhật, mặt nguyệt. Huống chi nước Cực-Lạc ?

Hay là bản dịch đời nhà Hán, trên hai chữ « nhật nguyệt » thiếu hai chữ « không có » cũng chưa biết được ? ! Vậy nhờ bậc Cao-minh giải rõ cho ! !

Đồng-hồ hình hoa sen là : Tồ Huệ-Viễn lập hội nhóm chúng niệm Phật tại non Khuôn-Lô, chạm cây làm hình hoa sen, đủ 12 cánh, dẫn giọt nước chảy vô ao hồ, chia phiên niệm Phật, mỗi một giờ là nước ngập một cánh ; ngày đêm 6 thời, thiền tụng không trể, các bậc hội viên tu niệm Phật được vãng sanh rất nhiều. Người đời nay phân thời tu tịnh-nghiệp, là gốc của Tồ Huệ-Viễn. Tồ Huệ-Viễn, căn cứ nơi kinh này.

SỐ : Mạn-Đà-La, là : Tên hoa trên trời đây dịch là Thích-ý. Lại dịch Bạch hoa. Trời rải hoa là : Khen ngợi Đạo-đức, như sự tích Ông Không-Sanh (Tu-Bồ-Đề) và trời Đế-Thích.

SAO : Bạch-hoa là gì ? Hoa trời nhiều thứ, như : Mạn-Thù-Sa là thứ hoa đỏ. Nay chỉ nói có một thứ hoa trắng, là bột vãn cho gọn. Cũng có thể nói phương tây thuộc kim, lấy nghĩa là nghiệp trắng sạch.

Thích-ý là gì ? Hoa trời xinh tốt, làm vui đẹp ý người vậy.

Kinh Đại-Bồn nói : Tất cả chư thiên, đều đem trăm nghìn hoa thơm trên cõi trời, đến cúng dường Đức Phật kia, các vị Bồ-Tát, cùng chúng Thinh-Văn.

Khám khen là gì ? Người đời làm lành, các vị trời hoan hỷ. Huống chi nước kia đức Như-Lai, các vị Bồ-Tát, và Hiền Thánh, toàn là bậc Thượng-thiên cùng nhau nhóm họp, nên trời thần khen ngợi rải hoa, lẽ cố-nhiên, phải vậy. Như Ông Không-Sanh (Tu-Bồ-Đề) và trời Đế-Thích. Ông Không-Sanh (Tu-Bồ-Đề) yên ngồi. Trời Đế-Thích rải hoa Ông Tu-Bồ-Đề hỏi : Ai ở trên không rải hoa đó ? Đáp : Tôi, là Thiên-Đế. Do vì Tôn-Giả nói pháp Bát-Nhã rất hay !

Xem đây nên biết, những người vãng-sanh về Tịnh-Độ, là bực đều đặn nhưt-tâm bất loạn, thời các vọng-niệm chẳng sanh, muôn pháp vắng-lặng, tức là khéo nói pháp Bát-nhã, cảm-động đến các trời, còn nghi chi nữa ?

SỞ : Lại hoa có hai thứ : 1) Hoa trời, 2) Hoa cây. Nay chỉ nói hoa trời. Là vì hoa trời gồm cả hoa cây vậy.

SAO : Hoa trời là : Từ trên trời rải xuống, nghĩa như văn trước đã giải.

Hoa cây : Kinh Đại-Bồ-n nói : Bốn phương tự nhiên nổi gió, reo ra năm trăm thứ tiếng, thổi các hoa cây. Hoa tiết ra mùi hương lạ, theo gió bay khắp bốn phương, bay đến chỗ các vị Bồ-tát, Thỉnh-Văn Đại-chúng. Hoa rơi xuống đất, chứa đầy bốn tác, sáng ngời chói mắt, thơm tho không chi bằng. Đến lúc hoa hơi héo, tự-nhiên gió thổi cuốn đi, thế thì cõi kia cũng có rải hoa cây, cho nên nói. Hoa trời đã gồm có Hoa cây là thế.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh mở tỏ, nghĩa là hoa đẹp.

SAO : Tự tánh còn mê, như hoa còn búp ; Tự-tánh thoát ngộ, như hoa nở xòe. Lại màu sắc rực-rỡ, không vẽ mà thành, mùi thơm bát-ngát, chẳng đi mà đến. Hoa rải tự nơi không, chẳng trồng mà mọc, chẳng hái mà tự-nhiên rơi xuống. Tự-tánh thân-linh thông đạt, cũng lại như thế ?

TRÌ DĨ CÚNG PHẬT

Chúng-sanh cõi kia, thường mỗi bữa sáng sớm. Mỗi người lấy cái y-kích, hứng đựng các thứ hoa, đem đi cúng-dường 10 muôn ức Phật ở phương khác ; ngay trong giờ ăn sớm, về đến nước mình.

SỞ : Văn đây nói trời rải hoa, chúng-sanh lấy đi cúng Phật. Chúng-sanh là : Chừa Phật ra, còn thì đều là chúng-sanh. Sáng sớm là một trong sáu giờ vậy. Y-kích là : Cái đựng hoa. Cúng Phật rồi trở về nước. Còn trong thời ăn sớm, là vì bay đi bằng phép thần-túc thông vậy.

SAO : Chưa Phật ra là : Duy có một mình Phật, riêng xưng là bậc Đại-giác, còn từ bậc Bồ-tát sắp xuống, hẳn đến kẻ sơ tâm phạm-phu vãng-sanh về nước kia đều kêu là chúng-sanh với Phật tương-đối.

Một trong sáu thời là : Sáng sớm là thời trước nhưt trong một ngày, lấy buổi sáng sớm đi cúng Phật, là để tỏ lòng chí kính vậy.

Lại lúc sáng là lúc khi đêm còn thảnh-mảnh (tươi vui), sáng sớm cúng Phật là dùng tâm còn trong sạch vậy.

Chúng-sanh nước kia, tuy ngày đêm nhưt-tâm (bất-loạn) vốn không thanh trước ; nhưng người chưa chứng lên bậc Phật, còn có chút vô-minh, chạm việc gặp duyên, chỉ cho khỏi xúc động ; cũng lấy lúc vừa rạng sáng, gọi là tâm thảnh-mảnh, cũng có thể tùy thuận phương này, mà tạm nói là sáng sớm vậy.

Thường là gì ? Vì mỗi bữa vẫn thường như vậy, vì không nhàm mỗi.

Mỗi người là : Vì mỗi người đều như thế, vì không ai siêng năng, không ai lười biếng. **Đồ đựng hoa :** Ngài Chơn-Đế nói : Y-kích là cái đồ đựng hoa của người ngoại-quốc. Hoặc nói cái y-khâm : (giỏ lam). Cũng như lấy vật áo đựng hoa. Nói phương khác là từ nước mình đến phương khác. Đây, không nói nước mình, là bớt văn. **Mười muôn ức đức Phật :** Mỗi một đức Phật là một cõi Đại-thiên, 10 muôn ức là nói chỗ rộng xa vậy.

Thời ăn là : Bữa ăn sớm mai ; sáng sớm đến bữa ăn buổi mai, là thời rất ít ; lấy thời rất ít, cúng Phật rất nhiều, là nói sự đi rất chóng vậy.

Như Kinh Đại-Bồn nói : Các vị Bồ-tát nương oai-thần của Phật chứng trong một bữa ăn, khắp đến 10 phương vô-lượng thế-giới, cúng-dường các vị Phật : Đồ hoa hương, kỹ-nhạc, y-phục bảo-cái, tràng phan vô số đồ cúng. Hoặc muốn đựng hoa, thời ở giữa hư-không hóa thành cái Bửu-cái bằng hoa. Khắp 40 dặm, hẳn đến sáu trăm, tám trăm dặm, đều y

theo ý muốn lớn nhỏ, đứng dừng giữa hư-không, cái thể nó đều xử xuống, dùng thành pháp cúng-dường. Lại dùng tiếng rất hay để khen ngợi đức Phật, nghe lãnh kinh pháp. Đã cúng-dường xong, thoát nhiên bay bổng, về đến nước mình, còn chưa đến ăn sớm,

Cứ đây, thời có đủ thứ những đồ cúng-dường, lại hóa tràng hoa thành những tán cái, và cúng rồi nghe pháp nữa.

Vấn đây chỉ nói dùng hoa cúng-dường, đều là bớt văn vậy.

Thế nào là thần túc ! Như Kinh Đại-Bổn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, người trong cõi của Ta, đều dâng pháp Thần-túc-thông, trong một phút trải qua trăm nghìn vạn ức số na-do-tha thế-giới.

Lại nguyện rằng : Liền dâng pháp Túc-mạng-thông. Lại nguyện rằng Thiên-nhãn-thông. Lại nguyện rằng : Thiên nhĩ-thông. Lại nguyện rằng : Tha-tâm-thông.

Thế thì biết, người sanh nước kia, sáu phép thần-thông tự-tại, không những bay đi mà thôi ; nhưng đây không nói, cũng là bớt văn vậy.

SỞ : Xét pháp Thần-túc-thông đây, các vị Bồ-tát về bậc Thập-trụ, Thập-hạnh mới có ; như trong kinh Hoa-Nghiêm nói.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bậc Bát-trụ Bồ-tát, trong một giây phút dạo đi giáp vô số thế-giới.

Lại trong kinh Thập-Hạnh, lời tụng nói : Cõi Phật vô-biên không có số đếm, vô-lượng chư Phật ở trong đó. Các vị Bồ-tát ở trong đó, thân cận cúng-dường sanh tâm tôn trọng. Thế thời với pháp thần-túc nay đây hàng Tiểu-thừa đâu dễ kịp ư ?

Hỏi : Thế thời ba món ý-sanh thân, sẽ thuộc về bậc nào ?

Đáp : Kinh Lăng-Già nói ba món chia ra thuộc Thịnh-Văn, Bồ-tát và bậc Đại-thánh (4).

Thời biết người sanh về nước kia, tùy chỗ tu của mình, đều có chỗ sở-chứng, lệ như trong văn cửu phàm,

SỐ : Xứng-lý thời tự-tánh tự trang-nghiêm, là nghĩa đưng hoa cúng-dường. Tự-tánh tự biến khắp, là nghĩa 10 muôn ức cõi Phật. Tự-tánh tự lặng không, là nghĩa thời ăn về kịp. Tự-tánh tự-trụ, là nghĩa nước mình.

SAO : Tự trang-nghiêm là : Tâm vốn đủ trùm muôn đức trở lại đưng muôn đức để nghiêm-tâm. Đức mà không khoe chỗ đức, nghiêm mà không trụ chỗ nghiêm, đó mới chính là chơn thật cúng-dường.

Kinh Tư-Ích nói : Người mà hay cúng-dường cho Phật ? — Thời người ấy thông-đạt lý vô-sanh.

Kinh Bảo-Võ nói : Kẻ nào Tư-duy đưng như lý, tức là cúng-dường đức Như-Lai đó vậy. Tự biến khắp là : Do tự-tâm khắp tất cả xứ, tức là đều đáng thờ mỗi vị Phật, không bỏ không qua vậy.

Cho nên kinh Duy-Ma nói : Đồng thời cúng-dường, không trước, không sau. Tự lặng không là : Tâm thể vốn vắng không, không thì không tới, không lui. Cho nên chỉ thời ăn về kịp, chỉ đối với sự vất-vả lặn-lội ở phương này mà thôi. Thật ra thời không vượt ra ngoài sát-na (một niệm) đã trở về nước rồi.

Tự-trụ là : Nguồn tâm vắng-lặng, thường trụ không dời đổi ; đó là cái chỗ : Quê Xứ ruộng đất để an thân lập mạng của mỗi người.

Kinh Kim-Cang nói : « Hườn chí bồn xứ » tức như kinh này nói : « Hườn đảo bồn quốc ». Đây mới đáng gọi là vụ-bồn, gọi bằng quân-tử vụ-bồn ; người quân-tử chuyên về việc gốc là bồn-phận.

CÚNG DĨ TỰ THÍCH

Ăn cơm rồi đi kinh-hành.

SỐ : Nương văn trên nói giờ ăn. Cho nên kẻ đây nói việc ăn. Đi kinh-hành là : Nghĩa xoay vòng không dứt. Về rồi ăn, ăn rồi đi là cái đáng thánh-thời tự thích vậy.

SAO : Ăn cơm là gì ? Kinh Đại-Bổn nói : Những người được vãng-sanh đến giờ ăn cơm, với các bình bằng bạc, bằng vàng, mỗi món bát bửu tùy ý muốn thứ nào, tự-nhiên nó hiện ra thứ nấy ; trăm món ẩm-thực đầy-đầy trong đó. Chua, mặn-ngọt, lạt, đều theo sở thích, không dư không thiếu, không vì sự ăn quá lượng, ăn rồi tự tiêu, chứ không còn cặn phần. Hoặc người ăn bằng cách : thấy sắc nghe hương, tưởng lấy làm cách ăn, tự-nhiên no đủ, không đắm thềm chi, thân-tâm nhẹ-nhàng. Ăn xong rồi, các đồ nó tự biến hóa đi, đến giờ ăn nó lại tự hiện ra.

Xoay vòng là : Như đường canh suốt đường chỉ, thời dết liền kết, qua lại không thời vậy. Ăn rồi lại đi là : 1.- Do điều hòa thân-thể, đừng để ngưng trệ. 2.- Điều hòa tâm trí, chớ cho bùng lung. Thành-thời là : Ý nói rào bước tự rồi. Người đời ăn rồi, nếu không giống ruồi việc trần, thời cũng mãi mê giấc ngủ. Còn ở nước kia, ăn rồi đi tản bộ bằng cách kinh-hành, là với cái thể dạng giải-thoát, cái trạng thái tiêu-diêu, khá tưởng thấy vậy.

SỞ : Chỉ nói ăn cơm, không nói đến áo mặc v.v...
Chỉ nói đi kinh-hành, không nói đến ngồi nằm v.v...
cũng là bớt văn vậy.

SAO : Áo mặc là : Kinh Đại-Bổn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi ta thành Phật người trong cõi của ta, ý muốn có áo mặc, thì nó tùy theo niệm liền đến. Không cần cắt may, nhuộm đập giặt xả, lại còn có vô-lượng đồ y-phục tốt đẹp như : Mào, ngọc, vòng, xuyên, hoa tai, chuỗi anh-lạc, tràng hoa dây chuyền, các ngọc báu rực-rỡ, trăm nghìn sắc đẹp, tự-nhiên hiện ở nơi mình.

Lại nguyện rằng : Còn có vô-lượng : Như-y-diệu-hương : Hương hoa, hương bột, thơm tho bát-ngát khắp cả nước Phật kia. Nên biết không nói áo mặc, vì nói cơm ăn là gồm áo mặc, và tất cả đồ nuôi sống.

Không nói đến sự ngồi nằm đó, Kinh giáo có chia ra bốn pháp Tam-muội : 1.- Thường-hành Tam-muội ; 2.- Thường-tọa Tam-muội ; 3.- Bán hành bán tọa Tam-muội ; 4.- Phi-hành phi-tọa Tam-muội (5).

Chính trong văn đây, thời chỉ có pháp thứ nhất, song trong hai bộ (Đại-Bồ-đề và kinh này) đều nói người vãng-sanh, ngồi trong hoa sen.

Kinh Ban-Châu Tam-muội : Thời nói đứng, nên biết ; vì nói pháp đi đã gồm pháp ngồi, và luôn bốn oai-nghi vậy.

SỐ : Xưng-lý thời tự-tánh thường Định, là nghĩa ăn cơm. Tự-tánh thường Huệ là nghĩa đi kinh-hành.

SAO : Lấy Thiền-duyệt làm món ăn. Cho nên thiền-định có nghĩa ăn. Trí hay vận chuyển ; cho nên huệ có nghĩa đi, như trong Luận lời tụng-nói : Yêu thích mùi pháp của Phật, lấy pháp thiền Tam-muội làm món ăn. Lại Luận Phật-Địa nói : Trong cõi Tịnh-Độ, chư Phật Bồ-tát, hay giảng-thuyết, hay thọ dụng pháp vị Đại-thừa. Lại nữa, đề trí thân chánh-báo thọ dụng mùi vị chơn-như, hay 'giữ-gìn giới-thân huệ-mạng, khiến không đoạn hoại, và nuôi lớn muôn pháp lành, nên có nghĩa gọi là ăn.

Lại Kinh A-Hàm, Luận Duy-thức v.v... đều nói năm món ăn ra khỏi đời : 1.- Thiền-duyệt ; 2.- Nguyện ; 3.- Niệm ; 4.- Giải-thoát ; 5.- Pháp-hỷ. Nghĩa là do pháp Thiền-định nuôi-dưỡng tinh-thần, nhẹ-nhàng vui đẹp, đó tức là nghĩa ăn. Sức nguyện giữ-gìn Chánh-pháp, thời pháp-thân tăng-trưởng, tức là nghĩa ăn. Sức niệm nhớ rõ, thời Thánh-Đạo hiện tiền, tức là nghĩa ăn. Giải-thoát là hết chương-nghiệp, hẳn hỏi được lợi-ích, tức là nghĩa ăn. Món pháp-hỷ là tu đắc-pháp thì mừng trong tâm đầy đầy, nên no bằng rất vui mừng, tức là nghĩa ăn.

Văn đây chỉ nói pháp Thiền-định là : Nói một gồm bốn. Vì trong pháp Thiền-định, không pháp nào mà chẳng thấu-nhiếp. Kinh Duy-Ma nói : « Người chưa phát ý Đại-thừa, ăn món cơm này, đến chừng phát ý Đại-thừa, mới tiêu ; người đã phát ý đại thừa, dặng quả vô-sanh-nhẫn rồi mới tiêu. Người dặng vô-sanh-nhẫn, đến nhưt-sanh-bồ-xử mới tiêu ».

Kinh Hoa-Nghiêm, văn Cụ-Túc Ưu-Bà-Di nói : « Nếu các vị Bồ-tát nhưt sanh bồ xứ ăn cơm của ta, đều ở dưới cây

Bồ-Đề, thành bực chánh-giác ». Đều là lý Tự-tánh chơn-như vô-tận, mà làm món ăn vậy.

Đi kinh-hành là : Kinh Tri-Thế nói : Chỗ đi của Đức Như-Lai, là chỗ không đi ; chỗ không đi ấy, là Chơn-Huệ vậy.

Cho nên biết, cầm thìa (muỗng) buông đĩa, mỗi miếng không rơi ; giữ căng động thân, mỗi bước đạp nhằm... Đầu đặt vùi đầu ăn cơm, luống qua một đời, ngắm nước xem non, ưởng công muôn dặm.

TỔNG KẾT

Này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-Lạc thành-tựu Công-đức trang-nghiêm như vậy.

SỞ : Kết văn trên : Nhạc Trời, Hoa Trời v.v...
Món món trang-nghiêm, đều do hạnh-nguyện công-đức của Phật kia, mới đặt thành-tựu như thế.

SAO : Nguyện là như Kinh Đại-Bồ-Đề Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, từ đất sấp lên, đều có vô-lượng món tap-bảo, trăm nghìn món hương, để hiệp cộng lại làm nên cảnh trang-nghiêm ấy.

Lại nguyện rằng : Khi-ta thành Phật, 10 phương vô ương số thế-giới, chư-thiên, nhơn-dân, nghe danh hiệu Ta, hấp đèn rải hoa cúng-dường.

Lại nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, các vị Bồ-tát trong cõi Ta, dùng hương hoa v.v... các món đồ cúng, muốn đến thế-giới phương khác, để cúng-dường các đức Phật, chùng trong bữa ăn, liền đặt khắp đến.

Lại nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, người trong cõi của Ta, chùng khi muốn ăn ngay trong bát bâu, tự-nhiên có trăm món đồ ẩm-thực, nó hiện ra ở trước, ăn rồi liền hóa đi.

Đến nay Ngài thành Phật, mỗi mỗi lời nguyện của Ngài thầy đều thành-tựu.

Hạnh là như Kinh Đại-Bồ-đề nói : Ngài Pháp-Tạng Tỳ-Kheo. Đã phát nguyện rồi, trời mưa hoa mầu, mà rải trên đó.

Lại nguyện rằng : Hoặc làm thầy Tỳ-Kheo ; hoặc làm vị vua trời ; hoặc làm vị vua người, là Luân-vương. Hoặc quan đại-thần, thường đi đến chỗ Phật, dâng thờ cúng-dường.

Lại nguyện rằng : Trong tay thường hóa ra đồ y-phục, đồ ẩm thực, tràng-phan, bảo-cái, tất-cả tiếng âm-nhạc. Đến nay Ngài thành Phật. Như văn trên : Nhạc trời, hoa trời v.v... Các phước báo, cũng đều thành-tựu.



HÓA CẦM PHONG THỌ (phân ra làm ba phần)

- 1.- Hóa cầm diễn pháp : (hóa chim nói pháp)
- 2.- Phong thọ diễn pháp : (gió cây nói kinh)
- 3.- Tổng kết nhị nghiệm : (tóm kết hai món đẹp)

HÓA CẦM DIỄN PHÁP (phân ra làm hai phần)

- 1.- Chánh thị pháp âm (chỉ ngay tiếng pháp)
- 2.- Thích vô ác đạo (rõ không đường dữ)

CHÁNH THỊ PHÁP ÂM (phân ra làm hai phần)

- 1.- Tuyên âm : (rao tiếng pháp)
- 2.- Hoạch Ích : (ngheặng lợi ích)

TUYÊN ÂM

Lại nữa, này Xá-Lợi-Phất ! Nước kia thường có các thứ chim ; Kỳ-diệu tạp sắc như : Chim Bạch-hạc, chim Không-Tước, chim Anh-Võ, chim Xá-Lợi, chim Ca-Lăng-Tần-Già, và chim Cộng-mạng, các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, kêu ra những tiếng hòa-nhã, tiếng kia nói rõ các pháp : Ngũ-căn, Ngũ-lực, Thất bồ-đề-phần, Bát thánh-đạo-phần, như vậy.

SỞ : Văn trước nói : Các trời dâng cúng hoa màu. Văn đây nói : Các thứ chim, cây bán, diễn nói thành tiếng các pháp của Phật. Lại văn trước nói : Sự cúng-dường rất thù-thắng. Văn đây nói : Sự nghe pháp rất thù thắng. Mỗi mỗi các món là nói không phải chỉ một món.

Kỳ-diệu là : Cái tốt đẹp lạ thường.

Tạp-sắc là : Nhiều màu sắc, xen lộn rất khéo. **Chim Bạch-Hạc** v.v... là trong nhiều thứ mà chỉ nói một, hai thứ thôi.

Bạch-Hạc, Khổng-Tước và **Anh-võ**, là thứ chim ta thường thấy được biết. **Chim Xá-Lợi**, xem giải văn trước. **Chim Ca-Lăng Tần-già** : đây dịch là **Diệu-Âm** : **Cộng-mạng** có chỗ nói : **Mạng-mạng**, như vậy các thứ, thấy đều kỳ-diệu. Chẳng phải chim ở cõi phàm sánh kịp.

SAO : Kỳ-diệu là Hình nó khác với loài chim kia, gọi là Kỳ. Tiếng hay gọi là Diệu. Chim Bạch-Hạc ấy : Cõi này cũng bốn thứ Hạc : Đen, Vàng, Xanh, Trắng. Mà hạc trắng thì tốt hơn. Song hạc tuy trắng, nhưng chưa toàn trắng, chẳng phải là chơn Bạch-Hạc vậy. **Khổng-tước, Anh-võ**, đều là thứ chim được người ở cõi này cho là quý, nên đây riêng nói. **Tần-già** : Đây dịch là **Diệu-Âm**, vì khi nó còn ở trong trứng đã có tiếng kêu tốt hơn các thứ chim khác!

Kinh Chánh-Pháp Niệm-xứ nói : Tiếng tốt của chim này, dù tiếng của người, của trời, của thần **Khẩn-Na-La** v.v... cũng đều không thể bì kịp, chỉ trừ tiếng của Đức **Như-Lai**, cho nên nói : **Diệu-Âm**.

Chim Cộng-mạng, cũng nói **Mạng-Mạng**, cũng nói **Sanh-Sanh**; nguyên tên là : **Kỳ-Bà Kỳ-Bà-Ca**, một mình hai đầu thân quả báo đồng, nhưng thần thức khác, như về đời quá khứ, Đức **Thích-Ca** và Ông **Điền-Đạt** từng đọa trong loài chim này (6).

Lại ở non **Tuyết-sơn** có con chim hai đầu. Một thuyết nói : **Chim Ca-Lâu-Trà**. Một thuyết nữa nói : **Chim Ưu-Ba-Ca-Lâu-Trà**, thật vậy. Hình nó cũng mường tượng như nghĩa con

rắn hai đầu : Con chim chín đầu ; con cá nghìn đầu ; nay thợ chạm, hoặc vẽ làm thân người có hai đầu, e sai đó vậy.

Mấy loài chim nói trên. Bốn loại chung có ở nước Chấn-đán (Tàu) hai loại riêng có cõi Tây-càng (Ấn-Độ). Ở cõi đây (Ta-Bà), đã khen quý lạ ; nên ở nước (Cực-Lạc) hình-thể, màu, tiếng càng thêm kỳ-diệu : Nay chỉ lấy tên đồng, mà thật thời khác, lệ như : Lan-can, lưới giăng, hàng cây v.v... đều dùng các ngọc báu làm thành, chẳng phải người đời ở đây có được !

Nói một hai loài là : Vì nhiều không thể nói hết, như : Trong Quán-Kinh nói : Chim Phù, chim Nhạn và chim Oan-Uơng v.v... Nay dùng ít loại để gồm số nhiều, cũng là bớt văn vậy.

SỞ : Song các loài chim cõi này, chỉ có một vài thứ như : Chim Anh-Võ biết nói tiếng người, nhưng cũng chỉ gọi là học nói mà thôi ! Nước kia thời ngày đêm kêu ra tiếng, đã hòa lại nữa, vì hay diễn nói các pháp : Ngũ-căn, Ngũ-lực, Thất-giác-chi, Bát-chánh-đạo, tất cả đạo-phẩm ; chẳng phải lãng-mạng vô ý nghĩa !

SAO : Chỉ khen học nói : Nói, chỉ biết nói theo người, mà không thể hiểu nghĩa.

Sách Lễ-Ký nói : chim Anh-Võ hay nói, nhưng không ngoài loài chim bay ; con Tinh-Tinh hay nói ; cũng chưa lìa loài cầm thú, thế thời việc nhơn-đạo chúng nó nói còn chưa thông. Hương chi luận đến việc Phật-pháp. Chim Anh-Võ còn như thế, chim khác thì khá biết vậy.

Hòa-Nhã là : Hòa đối với xằng như : chim « Oanh », chim « Ly » v.v... là loài chim kêu tiếng tục (quê kịch).

Dị-dàng êm-ái, không có thô xằng, hay khiến người nghe, tâm nóng nảy cũng tự hết ; thế gọi là tiếng hòa. Chánh đại cần nghiêm, không có tà mị, hay khiến người nghe, tâm ham muốn tự bình ; thế gọi là tiếng nhã.

Tiếng đờn sắc của Ông Tử-Do còn thiếu nơi đạo hòa ; tiếng nói của người nước Trịnh rất trái với thói nhã (7). Chim

kia gồm hai tiếng đều tốt (hòa-nhã); thế là tiếng huỳnh-chung, tiếng đại-lữ (8) đều chẳng bị kịp tiếng chim !

Chữ Diển là: Mở cho rộng ra, vì nghĩa vô-tận. Chữ Sương là: Giải cho thông, vì ý không ngăn trệ. Như thế, diển giải các pháp: Căn, Lực, Giác, Đạo, cả 37 đạo-phẩm vậy (9).

Đạo-phẩm là: Do phẩm loại đây để vào đạo cơ vậy.

SỞ ; Song 37 phẩm đây, thuộc về pháp tiêu-thừa. Nhưng thật ra cũng chung cả đại-thừa nữa. Vì tùy theo tâm hạnh của người đại, như trong các kinh luận nói.

SAO : Chung cả Đại-thừa là : Luận Du-Già quyển 44 nói : Pháp Đại-thừa Bồ-Đề phần có nhiều món, 37 phẩm đây, nhưng trong đó có nghĩa riêng biệt và thông đồng đối với bậc Đại và Tiểu (Đại-thừa thì thấy đại-thừa...).

Luận Trí-Độ nói : 37 phẩm không thừa nào mà nó chẳng nhiếp gồm cả : tức nhiên vô-lượng đạo-phẩm, cũng ở trong đó. Kinh Tịnh-Danh nói : các đạo-phẩm là đạo-tràng. Lại nói : Đạo-phẩm thấu nhiếp trong cái nhọn của pháp-thân. Luận Đại-thừa nói : Đạo-phẩm là cây đước báu Đà-La-Ni của Ông Bồ-Tát.

Kinh Niết-Bàn nói : Nếu người hay nghiên cứu pháp Bát-Chánh-đạo tức thấy được Phật tánh, gọi là đã được vị đề-hồ. Đây đều là ước theo pháp đại-thừa để nói.

Tùy theo Tâm-hạnh kia là : Như Kinh Niết-Bàn nói : Trí có hai món : 1) Trung-trí ; 2) Thượng-trí.

Như Quán các Ấm (thân ngũ-ấm) là khổ ; thế gọi là bậc trung-trí Phân-biệt các ấm có vô-lượng tướng, chẳng phải hàng Thịnh-Văn bậc Duyên-Giác biết được ; thế gọi là bậc Thượng-trí. Thời biết đạo-phẩm là một. Nhưng cái trí nghiên-cứu của mỗi người Đại, Tiểu vốn không nhưt-định.

SỞ : Pháp ngũ-căn là : 1) Tín ; 2) Tấn ; 3) Niệm ; 4) Định ; 5) Huệ. Hay sanh thánh-đạo nên gọi là căn (gốc). Lại như Luận Cu-Xá có đủ ba nghĩa.

SAO : Chữ căn có hai nghĩa : 1) Nghĩa năng tri : Giữ cái chỗ đã dựng, mà phần mình không cho mất vậy. 2) Nghĩa sanh hậu : Sanh những cái chưa dựng, mà mình gắng tấn căn lên vậy.

Nói chữ tín-căn là : Đối trong Đế-lý, cương quyết bỏ hẳn việc ngũ-dục lạc ; ấy gọi là tín-căn. Một căn đây là tổng (gốc) còn 4 cái kia nương theo trên (tín-căn),

Tấn-căn là : Đã tin lý đây, cần cầu không thôi ; ấy gọi là Tấn. Niệm-căn là : Đã cầu lý đây, tưởng đây ở đây, nhớ rõ không quên, ấy gọi là Niệm.

Định-căn là : Đã tưởng lý đây, buộc duyên một cảnh, tương-ung không tán-loạn, ấy gọi là Định.

Huệ-căn là : Đã định tâm nơi đạo, lại pháp chánh-quán rõ-ràng, quyết chọn phải quấy ; ấy gọi là Huệ.

Hay sanh thánh-đạo là : Do năm pháp đây, điều-trị ; tâm kia ví như không khí âm-dương hòa-hợp, tất cả hột giống, đều dựng nở mọc, cứ vậy.

Cu-Xá ba nghĩa là : Trong Luận Cu-Xá nói : 1) Tối-thắng ; 2) Tự-Tại và 3) Quang-hiền là căn.

Tối-thắng là : Vì căn-thể thù-thắng. Tự-tại là : Vì căn dụng thù-thắng. Quang-hiền là : Vì thể và dụng đều bày. Ở đây chia ra 22 căn (10), vì có tín v.v... cả năm căn.

SỞ : Pháp ngũ-lực là : Tức ngũ-căn trước tăng-trưởng thêm lên, đủ có sức mạnh, nên gọi là lực.

SAO : Chữ Lực có hai nghĩa : 1) Không bị cái khác đè ép ; 2) và có thể đè ép được cái khác. Như Luận Du-Già nói : Vì pháp ngũ lực (năm sức mạnh) đây ; hay đến đời sau và đời sau đối với chỗ chứng pháp xuất-thế-gian. Sanh tâm rõ biết thâm lý một cách thù-thắng, với tất cả những cái khác dù khó, mà có thể đè ép nó được ; Và lại có sai thể rất lớn, và mạnh, có thể xô dẹp được tất cả bọn ma quân (phiền-não), cứ vậy,

Tín-Lực là : Tín sâu Đế-Lý (lý chắc thật) càng thêm tăng trưởng, hay ngăn những việc nghi hoặc, không cho lay động ; hay chống lũ tà ngoại, không cho mê loạn ; và hay phá tâm phiền-não, không cho nó xâm hại, cứ vậy. Một tín lực là tổng, các cái sau nương theo, lệ như Tín-căn nói trên.

Tấn-lực là : Vì tấn-căn tăng-trưởng) hay phá được các món dãi-dãi thân tâm, thành xong các món sự nghiệp ra khỏi đời.

Niệm-lực là : Vì niệm-căn tăng-trưởng, hay phá được tâm tà-niệm, thành-tự được tất cả tâm chánh niệm ra khỏi đời.

Định-lực là : Vì định-căn tăng trưởng, hay phá được tất-cả cái tướng tạp loạn, phát khởi các pháp thiền-định sự và lý.

Huệ-lực là : Vì huệ-căn tăng-trưởng, hay phá được tất-cả tà-kiến của kẻ tà, ngoại, hay đoạn được tất-cả những cái chấp của bực thiên-tiểu (tiểu-thừa).

SỐ : Thất Bồ-Đề phần là : Tứ Thất giác-chi. Cũng do năm căn, năm lực trước, mới dựng bảy cái huệ dụng đây : 1) Niệm ; 2) Trạch pháp ; 3) Tinh-tấn ; 4) Hỷ ; 5) Kỳ ; 6) Định ; 7) Xả. Có một chỗ nói : 1) Trạch-pháp ; 2) Tinh-Tấn ; 3) Hỷ ; 4) Trừ ; 5) Xả ; 6) Định ; 7) Niệm. Nay giải theo thuyết sau.

SAO : Giác-Chi là : Giác tức Bồ-Đề, Chi tức là phần. Nghĩa là : mỗi phần mỗi phần, tùy chỗ hợp mà dùng vậy. Do căn lực trước là : Luận Du-Già nói : Đã chứng vào ngôi chánh vị của các pháp rồi, thời phải dùng giác-huệ như thật ấy làm chi phần. Cho nên biết năm căn, năm lực, đã chắc chắn rồi, vậy sau cần có cái giác-huệ, theo chỗ hợp mà dùng. Giải theo thuyết sau là : Do vì thuyết sau của Ngài Thiên-Thai giải, ý rất rõ hơn.

Lại Kinh Hoa-Nghiêm lời sơ cũng lấy phần Trạch-pháp làm phần tự-thê, còn mấy phần kia làm tứ-phần : 1) Trạch-pháp là : Vì khi nghiên-cứu các pháp phải khéo hay rõ biết, để lựa riêng cái nào chơn thì dùng, cái nào nguy thì bỏ.

2) Tinh-tấn là : Vì khi tu đạo pháp, khéo hay biết rõ không tu lầm những cái khổ-hạnh vô ích. 3) Hỷ là : Vì khi Tâm dặng pháp hỷ, khéo hay biết rõ, không theo những pháp điên đảo, mà sanh tâm hoan-hỷ. 4) Trừ là : Vì khi trừ các việc tà-kiến, tâm phiền-não, khéo hay biết rõ, đoạn hết các việc lương dối, không hại căn lành chơn-chánh. 5) Xả là : Vì khi xả được sở-kiến niệm trước, khéo hay biết rõ : Thủ, Xả, Hư, Ngụy, hằng không với tướng. 6) Định là : Vì khi phát ra cái pháp thiền-định, khéo hay biết rõ, những pháp thiền hư giả (giả dối) không sanh tâm kiến-ái. 7) Niệm là : Vì khi tu đạo ra khỏi đời, khéo hay biết rõ, thường khiến định huệ quân-bình, nếu tâm chìm đắm, phải nhớ dùng « Trạch-pháp », « Tinh-tấn » và « Hỷ » ba chi, xét mà đánh thức nó. Nếu tâm phù-động lắm, phải nhớ dùng : « Trừ », « Xả » và « Định » ba chi, thâu nhiếp mà dẹp nó. Mỗi niệm mỗi niệm điều hòa, khiến cho vừa phải.

SỞ : Bát Thánh-đạo ấy, cũng có tên là : Bát Chánh-đạo. Do trước nhờ có Trạch-pháp v.v... cho nên đến đây được vào chánh-đạo : 1) Chánh-kiến ; 2) Chánh-tư-duy ; 3) Chánh-ngữ ; 4) Chánh-nghiệp ; 5) Chánh-mạng ; 6) Chánh Tinh-Tấn ; 7) Chánh-niệm ; 8) Chánh-định.

SAO : 1.- Chánh-Kiến là : Trong bộ Tạp-tập nói : Nếu khi tu giác-chi mà ngộ chơn-thật rồi, thời phải dùng chánh-huệ để thành lập vững vàng, xét thấy được Đế-lý rành rẽ, không còn lầm lộn. 2.- Chánh Tư-duy là : Khi thấy rõ Đế-lý này, nó tương-ung với tâm vô-lậu, với sự suy nghĩ so-lường, khiến nó tăng trưởng, để vào cõi Niết-bàn. 3.- Chánh-Ngữ là : Chẳng những tâm không tà tư loạn tưởng, lại còn dùng trí vô-lậu, để nhiếp 4 khẩu nghiệp, trụ vào 4 lời thiện-ngữ. 4.- Chánh-Nghiệp là : Do nơi trí vô-lậu, trừ được 3 nghiệp của thân, tất cả tà nghiệp, để trụ vào thân-nghiệp thanh-tịnh. 5.- Chánh-Mạng là : Do nơi trí vô-lậu, để trừ 5 món tà-mạng (11) trong 3 nghiệp (thân, khẩu và ý). 6.- Chánh Tinh-Tấn là : Do nơi trí vô-lậu, nên riêng tu tinh-tấn, để tới đạo quả Niết-bàn. 7.- Chánh-Niệm là : Dùng trí vô-lậu, đối trong pháp chánh-đạo và pháp trợ đạo, phải nhớ niệm đề tâm không động thất (xao lãng). 8.- Chánh-Định là : Do cái trí vô-lậu đề tương-ung nhau, dặng chánh trụ nơi đê-lý

quyết định không dời đổi. Tóm lại đều nói chữ Chánh là : Do không nương theo lối chệnh lệch tà vậy, nên gọi là Chánh ; và hay đi đến đạo của Niết-bàn nên gọi là Đạo.

Bằng theo kinh Hoa-Nghiêm, phẩm « Ly-thế-gian » : Thời pháp Bát-chánh đều là cái đạo của ông Bồ-tát.

Chánh-kiến là : Xa lìa tất cả các cái thói tà kiến. Chánh tư-duy là : Xả bỏ cái tâm vọng tưởng phân biệt ; dễ thuận theo « Nhứt thế trí ». Nhấn đến chánh-định là : Khéo và pháp môn bất tư-nghì giải-thoát của ông Bồ-tát, với từ ở trong một pháp Tam-muội, mà tự tại ra vào luôn cả các pháp Tam-muội khác.

Giải rằng : Chứng cứ văn đây, đâu chẳng sâu mầu. Do đó suy ra : Pháp Thất-giác chi, Pháp Ngũ-căn ; Ngũ-lực, luôn 37 phẩm, đều tùy theo chỗ tu nhưn của chúng-sanh, nên căn nhận thấy chẳng đồng, thành thử chỗ chứng Đại, chứng Tiểu, mỗi mỗi đều có chỗ sở-đắc cả, riêng biệt (như trên đã nói).

SỐ : Câu « Như thị đẳng pháp ». Chữ Đẳng là nói chung các pháp : Tứ niệm-xứ, tứ chánh-cần, tứ như-ý túc. Thành ra 37 phẩm, và còn tất cả các pháp khác nữa.

SAO : 37 phẩm, mà trên chỉ nói 25 phẩm cho nên thêm chữ « Đẳng » để bao-quát đó.

Tứ Niệm-Xứ là : 1.- Quán xét thân bất tịnh. 2.- Quán xét thọ dụng là khổ. 3.- Quán xét tâm vô-thường. 4.- Quán xét pháp vô-ngã. Mà nói niệm-xứ là : Lấy điều bất-định là chỗ đề cho mỗi người quán xét thân, cần phải niệm (nhớ) vậy. Cho đến pháp khổ, pháp vô thường v.v... cũng lại như vậy.

Tứ-chánh-cần đã giải thấy ở văn trước ; do vì sanh thiện diệt ác không dãi-dãi, nên kêu là cần ; vì cần với chỗ đáng cần, hiệp nhằm chơn-ly, nên nói Chánh-cần.

Tứ Như-ý đó cũng có tên là tứ Thần-túc, như : Dục-như-ý-túc ; Tâm-như-ý-túc ; Căn-như-ý-túc ; Huệ-như-ý-túc. Bởi do tứ niệm-xứ, Tứ Chánh-cần đến đây, sự tinh-tấn tăng nhiều, định tâm hơi kém, nên bảo phải tu 4 món định-lực này, đề nhiếp tâm lại ; thời trí và định quân-bình, hay đoạn được

cái kiết-sử, chỗ sở nguyên đều toại, nên gọi là như-ý-túc vậy. Hiệp với 7 loại phạm trên, thì là 37 phạm. Trong Luận Bà-Sa, Luận Tri-Độ, đều có dụ rõ : Tứ Niệm-Xứ dụ Hột giống, Tứ Chánh-Cần như gieo trồng, Tứ Thần-Túc như nước mọng. Ngũ-căn như mọc rễ. Ngũ-lực như lên mầm, đâm lá. Thất-giác-chi như trở bông. Bát Chánh-đạo như kết trái, cho nên gọi tên là cây Đạo-thọ. Còn tất-cả các pháp như pháp Tứ Vô-lượng Tâm, và Lục-Độ vô-lượng pháp-môn v.v...

SỞ : Hỏi : Tại sao không kê bày trước là Tứ-Niệm-Xứ v.v... mà lại bắt đầu nói pháp Ngũ-căn ? Đáp : Do vì trọng chữ Tín vậy. Bởi có đức tin là chủ. Lại vì từ ba khoa trước đến đây, mới có căn và lực (ngũ-căn, ngũ-lực).

SAO : Cứ theo thứ lớp của 7 phạm loại là nghe pháp : Trước phải niệm-tri và nhớ giữ, kể thì cần tu. Vì Cần, nên mới thấu-nhiếp tâm được điều-hòa, vì nhu-hòa nên mới thành căn-bản chắc. Căn đã tăng-trưởng thành thể lực, nhấn đến thất-giác là để phân-biệt. Bát-Chánh là làm nên hạnh chơn-chánh !

Nay trọng chữ Tín đó là : Do Kinh này dùng đức Tín làm chủ, mà căn, lực, cả hai cũng đều lấy Tín làm đầu. Vì Tín có thể kèm giữ 4 cái kia (Tấn, Niệm, Định, Huệ), và vì Tín là gốc của Đạo, là mẹ sanh ra các công-đức vậy. Như trong năm ngôi (12), chữ Tín cũng ở đầu. Trong ngôi Thập-Tín, chữ Tín cũng đứng đầu, và 11 pháp lành, chữ Tín cũng ở trước nhưt cơ vậy.

Ba khoa trên ấy là : Từ khoa Tứ-Niệm-Xứ, Tứ Chánh-Cần, Tứ Như-Ý-Túc, tu hành đến đây, mới đặng có căn, lực kiên cố, làm cho các pháp đã đặng từ trước kia nó không có thối thất ; và lại những pháp sẽ đặng sau này, rớt rảo đều được thẳng lợi, cũng do một chữ Tín, cho nên đầu tiên phải nói căn, lực trước đã !

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh biến hóa, là nghĩa các loại chim, tự tánh sanh ra tất-cả, các pháp-môn, là nghĩa Căn, Lực, Giác, Đạo.

SAO : Văn sau nói : Đức Phật kia biến hóa làm ra. Văn đây nói : Sắc tốt đẹp tiếng hòa nhã, toàn thể tự tâm mình hiển hiện, thì đâu đặng nhường cho cõi Thánh mà mình không có hay sao ?!

Lại Tâm-địa dụ như : Quả đất bao hàm các giống, thì các pháp Ngũ-căn v.v... toàn-thể là của tự-tâm vun trồng (Căn lành đầy đủ) cần gì giống-ruồi bên ngoài tìm kiếm. Cho nên bực Tiên-Đức nói : Tín tâm kiên-cố, lặn như hư-không tức là pháp Ngũ-căn, Ngũ-lực. Tâm giác không khởi vọng, tức là Thất-giác-chi. Quyết rõ nơi tâm tánh rồi, tà, chánh chẳng ăn thua, tức là pháp Bát-Chánh-Đạo. Cho nên nói : Biện Giác sanh ra muôn vật, không vật nào mà chẳng phải biện. Nguồn tâm sanh ra muôn pháp, không pháp nào mà chẳng phải tâm.

HOẠCH - ÍCH

Chúng-sanh cõi kia, nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

SỞ : Nghe tiếng vô-ích, thời đồng với tiếng thế-tục, vì cũng chỉ đề mua vui mà chơi. Nay niệm ngôi Tam-Bảo, chính là nói việc hữu-ích vậy.

Tam-Bảo là : Lược có 3 tướng : 1.- Trụ-tri tướng ; 2.- Biệt-tướng ; 3.- Đồng-tướng. Vì đáng tôn quý nên gọi là Bảo.

SAO : Trụ-tri-tướng là : Cham, đúc, đắp, vẽ gọi là Phật Bảo. Cuốn vàng gáy đỏ gọi là Pháp Bảo. Tỳ-kheo năm chúng, hòa-hiệp không tranh, gọi là Tăng-Bảo ; tức là ngôi Tam-bảo thường ở trong thế-gian vậy.

Biệt-tướng là : Lược có 3 nghĩa : 1) Tam-bảo tự-biệt ; 2) Tam-bảo-đại, tiểu-thừa-biệt ; 3) Tam-bảo danh-tướng các biệt.

Tổng-quát đại-y kia, thời cái thân thông thường mà cao lớn hơn hết, nhưng thị-hiện chẳng đồng, gọi là Phật-Bảo. Với các Giáo, Hạnh, Lý, Quả, Ngài lập ra pháp-môn chẳng đồng, gọi là Pháp-bảo, Bực Tam-hiền, Thập-thánh, Tứ Quả, Tứ

hương. Duyên-giác, Độc-giác, ngôi bực chẳng đồng, gọi là Tăng-bảo. Tức là ngôi Tam-bảo xuất-thế-gian vậy.

Đồng-tướng là : Bằng ước về năm giáo mà nói, thời : 1) Môn-lập-sự-tự-nghĩa (lập sự để đi lần tới lý). 2) Môn-hội-sự về lý. 3) Môn sự-lý dung-hiền (đều bày). 4) Môn tuyệt-tướng lý-thật (sự-lý) tánh-tướng đều bật. 5) Môn dung-thông vô-ngại (có đủ cả viên-giao) tuy trước thấp sau cao, nhưng đồng về một gốc. Tổng-quát đại-ý kia thời cái tánh-thể linh-giác, chiếu tỏ các pháp, gọi là Phật-bảo. Hằng sa đức tánh, đều khó giữ gìn, gọi là Pháp-bảo. Tánh tướng không hai, thâm hiệp không trái, gọi là Tăng-bảo. Tức là ngôi Tam-bảo xuất-thế-gian tối thượng vậy.

Tôn quý là : Phật là Lương-túc tôn ; Pháp là Ly-dục-tôn, Tăng là Chung-trung-tôn. Ý theo đó tu-hành, thời ra khỏi ngoài hạ cội. Thế-gian yếu-trọng, không bậc nào có thể so-sánh, nên gọi là Bảo.

Sách Thông-thơ cũng nói : Rất tôn-trọng là Đạo, rất yêu quý là Đức ; hưởng ngôi Tam-bảo là Đạo và Đức rất tốt, há chẳng xưng Bảo hay sao ?

SỞ : Nghe chim nói pháp đều niệm Tam-bảo, tự có 4 nghĩa : 1) Vì trong tiếng chim kêu, khâm khen ngôi Tam-Bảo. 2) Vì tiếng chim thuyết-pháp, có phương-tiện hay cảm vào tâm-tâm của người. 3) Vì tiếng pháp ngày đêm không hở dứt, quen nhuần lỗ tai. 4) Vì chim còn biết nói pháp để khuyến-khích, nên người phải gắng tâm hằng hái thêm hơn.

SAO : Khen ngôi Tam-Bảo là : Mặc dù mỗi mỗi các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo, trên mỗi phẩm chẳng đồng, nhưng nói tóm lại đều nhiếp thấu trong ngôi Tam-Bảo cả.

Khi mà chim diển nói pháp này (37 phẩm) : Hoặc nói loài hàm-linh sẵn đủ tánh-giác, tức là Phật tánh ; chúng-sanh nghe rồi, tỏ đặng بدن-tâm mình mới biết mình sẵn có đủ Phật-tánh (Phật-bảo). Hoặc nói tánh ấy đủ các thứ tướng : chúng-sanh nghe rồi rõ nghĩa thâm diệu, mới biết mình có sẵn pháp, (Pháp-bảo). Hoặc nói tánh tướng hòa-hợp không hai ; chúng-

sanh nghe rồi sự lý không ngại, mới biết mình sẵn có Tăng (Tăng-bảo). Cho nên tưởng niệm ngôi Tam-Bảo là thế.

Khéo tỏ vào tâm người là : Tuy nói pháp nhiệm-màu, nhưng lập lời không khéo, thời người nghe bắt dội ngược. Nay chỉ nói tiếng hòa-nhã, êm-ái, dịu-dàng, nghĩa-lý đẹp tâm, người nghe sanh mừng, nên nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Quen nhuần lỗ tai là : Tuy khéo nói pháp màu, nhưng một bữa sốt sắng, mười bữa nguội lạnh (13), thời tâm cũng ắt dãi phế. Nay chỉ nói sáu thời trang-tục, thường nghe quen nhớ, thấm tủy, nhuần da, huấn luyện thành tánh, nên nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Khuyến-khích tâm người hăng hái là : Chim còn có thể nói pháp, người sao chẳng bằng, thoát sanh tâm tâm-quý, tự nhiên phát tâm tinh-tấn, nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh chơn-tâm một thể, là nghĩa Phật, Pháp và Tăng.

SAO : Như văn trên, chỗ bày ngôi Tam-Bảo đồng-trưng ; thời biết chỉ có một chơn-tâm, lại không thể nào riêng khác : Tâm thể vốn tự Giác-chiếu, tức là Phật-Bảo. Tâm thể vốn tự tánh ly (vọng) tức là Pháp-Bảo. Tâm thể vốn tự không hai, tức là Tăng-Bảo, cho nên nói : Minh qui-y ông Phật mình, mình qui-y Pháp mình, mình qui-y Tăng mình, chỉ khiến qui-y về mình, không nói qui-y về người khác, nghĩa là mỗi niệm trở về tâm mình, thế gọi là thật nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

THÍCH VÔ ÁC-ĐẠO

Này Xá-Lợi-Phất ! Ông chớ nói loài chim ấy chính do tội báo sanh ra. Sở dĩ vì sao ? Cõi nước Phật kia, không có ba đường ác ! Này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Phật kia, danh ác đạo còn không, huống chi có thật ; các loài chim ấy đều do Đức Phật A-Di-Đà muốn cho pháp-âm được lưu-bổ, nên Ngài biến hóa ra.

SỐ : Đây là phòng có người nghi : Cõi Tịnh-Độ nhưn sao mà có súc-sanh, thành ra không hiệp với lời ước nguyện của Ngài Pháp-Tạng ? Cho nên nói rằng : Nước kia thật không có ác-đạo ; do Phật A-Di-Đà, Ngài muốn cho Pháp-âm được lọt vào tai mỗi người, nên dùng sức thần-thông mà biến-hóa ra, chớ chẳng phải thật có súc-sanh. Và lại chẳng đồng với chim ở cõi trời, vì hay thuyết pháp.

SAO : Nhưn sao là : Do cái nguyên-nhơn tối tăm ngu-si, nên kết cái quả sanh trong loài súc-sanh, bởi cái nhân Xan-tham tạt-đổ, nên kết cái quả sanh trong đường nga-quỉ ; còn cái nhưn bằng tội thập-ác, tội ngũ-nghịch, thì kết cái quả sanh trong địa-ngục, chung gọi là tam-ác-đạo (hạ ác : Súc-sanh ; trung ác : Nga-quỉ ; thượng ác : Địa-ngục).

Vì trong sáu đạo : Đạo Trời (loài trời) là thượng thiện ; Đạo người (loài người) trung thiện ; Đạo Thần Tu-La là hạ thiện ; cho nên chỉ ba đạo này (địa-ngục, nga-quỉ, súc-sanh) gọi là rất ác.

Luận rằng : Tạo cái nhưn nơi tâm tịnh, thì kết cái quả sanh trong cõi tịnh ; lẽ nào cõi Tịnh-Độ mà có ác-đạo ? ! Như cõi kia có ác-đạo thật thì thành ra chỗ tạp-uế, không khác chi cõi Ta-Bà, đâu đặng gọi là Cực-Lạc, cho nên có tâm nghi vậy.

Bản nguyện là : Kinh Đại-Bổn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, trong cõi Ta không có nga-quỉ, súc-sanh, nhữn đến loài quỳn-phi xuần-động. Lại nguyện rằng : Người trong cõi Ta, đều không nghe đến cái danh bất-thiện, hưởng chi là có thật ; chẳng đặng nguyện ấy, quyết không làm Phật. Lẽ nào nay quả Phật Ngài đã thành, lại trái với nguyện trước ? Cho nên nói rõ rằng nước kia vốn không ác-đạo, chẳng nhữn mắt không thấy, mà tai cũng không nghe đến. Bởi vì chỗ nghe vào tai, là chỉ nghe vạn-đức hồng-danh của chư Phật. Như-Lai, Và nhữn hiệu tốt : Bồ-tát, Thinh-văn, và Chư-thiện, Thiện-nhơn, quyết không có danh-tự của 3 ác-đạo lọt vào lỗ tai, thật vậy.

Biển-hóa ra là : Tự lập lời nạn rằng : Đã không súc-sanh, nay chim Bạch-hạc, Khổng tước v.v... từ chỗ nào bay đến ở nước kia ? Thành thử chỉ ra căn do ấy : Là Đức Phật A-Di-Đà biển-hóa ra, chớ chẳng phải thật có. Như trong Quán-Kinh nói : Ngọc-Châu như-ý, nó phóng ra sắc vàng, hào-quang vi-diệu hóa làm loài chim trăm sắc báu, tốt đẹp thật vậy.

Pháp-Âm tuyên-lưu là : Chử Tuyên : Là Tuyên-bố, từ trên khắp dưới ví như lời của vị Quốc-chủ. Chử lưu : Là lưu-thông, từ gần đến xa, ví như nước chảy. Đức Phật Ngài muốn pháp-âm của Ngài giáp khắp không hở ; cho nên chẳng những dùng người để thuyết pháp, mà cũng khiến tiếng của các loài chim kia, đều diễn nói pháp mầu, không xứ nào, không thời nào, mà chẳng được nghe. Đó là sức Đại-thần-thông, Ngài biển hóa ra ; đâu đồng với cái như ngu-ám mà mắc quả-báo thiệt, làm loài chim, súc-sanh ư ? Song biển-hóa đây cũng có hai nghĩa : 1.- Như Phật sai vị hóa-nhơn nói các pháp môn. 2.- Trong tánh sẵn đủ các pháp ; y trong tánh khởi hạnh tu, trên quả tự hay sắc và tâm dung lẫn, y và chánh không hai thấy đều thuyết-pháp. Thế thời tiếng chim diễn nói, Pháp nó vẫn tự-nhiên, chẳng phải Phật Ngài có tâm, riêng biển làm vậy.

Chẳng đồng chim trời là : Kinh Chánh-pháp-niệm-xứ nói : Các đức Chúa trời dạo đi chơi trong ao, chim Phù chim Nhận v.v... đều kêu ra tiếng tăm, tỏ bày lời kệ lời tụng để chỉ bày việc vui ngũ-dục (14), rồi rồi cũng đều là vô-thường, chẳng nên mê đắm đắm các Ngài ơi !

Các trời nghe rồi, có vị tinh hồn đến đổi rơi lụy ! Đây là thiệt loài chim, bởi kiếp trước khi còn làm người ở đời, miệng hay nói pháp mầu, mà không chuyên tâm lo việc chơn tu ; nên nay mắc quả-báo làm các loài chim, ở chốn Thiên-cung, do thói quen đời trước, nên nay dù làm chim còn nhớ thuyết-pháp ; chẳng phải như cõi Tịnh-Độ Đức Phật Ngài biển hóa, nên nói chẳng đồng vậy !

SỚ : Hỏi Ngài Pháp-Tạng nói lời kệ rằng : Địa-ngục, Nga-qui, súc-sanh, đều sanh về trong cõi của

Sao nói cõi kia không ác-đạo? Đáp: Ý lời kệ rõ chẳng đợi biện nghi; người Nữ sanh về nước kia, nghĩa cũng như vậy.

SAO: Ý lời kệ tự rõ là: Ngài Pháp-Tạng Tỳ-kheo, nguyên rồi nói lời kệ. Trước nói rằng: Địa-ngục; Nga-qui, súc-sanh, đều sanh trong cõi của Ta; kể đó Ngài lại nói rằng: Tất-cả người sanh về, tu tập hạnh thanh-tịnh, như thân sắc vàng của chư Phật, tướng tốt đều trọn đủ. Thời biết chắc người ấy, ở cõi Ta-Bà đã trồng duyên Tịnh-Độ, cho nên đặng sanh về; đã đặng sanh về nước kia, dứt hết cội gốc ác-đạo, đến thành bực Thượng-thiện, tướng hảo như Phật, nào còn cái hình thể Địa-ngục, nga-qui, súc-sanh ngày trước ư?

Người Nữ sanh về kia cũng vậy là: Trong Luận nói: Người Nữ và người thiếu căn, đều không sanh về. Cho nên viên dẫn lệ theo trên. Cũng do người Nữ, đời trước có tu tịnh-nghiệp; một phen sanh về nước kia đủ tướng trưng-phu, không còn hình người Nữ vậy. Nay vẽ bản-đồ cứu-phẩm vãng-sanh, còn đề cái hình người Nữ, là lầm vậy. Đó là cái tướng niệm Phật khi ở cõi Ta-Bà, chớ chẳng phải cái tướng khi đã vãng-sanh về Cực-Lạc vậy. Hay là hoặc vẽ cái hình đó, để tiêu biểu cái chỗ nhơn-địa của người kia, để cho rõ rằng tất cả nam và nữ, hễ ai tu cũng đều được sanh về cả. Người trí nên xét vậy!

SỚ: Xưng-lý thời tự-tánh vốn không tham, sân, si v.v... là nghĩa vô tam ác-đạo. Tự-tánh vốn đủ pháp-môn như huyễn, là nghĩa biến hóa ra.

SAO: Nếu cứ theo trong pháp-môn Bất-nhi, thời tham, sân, si, tức giới, định, huệ. Thế thiện-đạo, ác-đạo cũng đều như huyễn, mà huyễn nó không có tự-tánh, thì chỉ là như tâm; hễ như tâm chẳng sanh, thời muôn pháp đều dứt.

PHONG THỌ DIỄN PHÁP

Này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Phật-kia, gió vi phong thổi động, các hàng cây báu, và tràng lưới báu, kêu ra tiếng nhiệm mầu: Ví như trăm nghìn món nhạc, đồng thời đều trở lên,

người nghe tiếng ấy, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, và niệm Tăng.

SỞ : Văn trước nói, hàng cây lưới giăng. Văn đây nói các cây lưới ấy, như gió rung động reo ra tiếng ấy cũng như văn trên, chim kêu, dạy bảo chúng-sanh lợi-ích vô-cùng tận vậy.

Gió mà nói rằng Vi-Phong, là thứ gió tốt rất tốt. Tiếng mà nói là Vi-diệu, là tiếng hay rất tuyệt. Vi-diệu tức là ý-nghĩa hòa-nhã. Trăm nghìn món nhạc là : Lấy ít sánh nhiều, khen nhạc kia rất hay. Tiếng nhạc rất hay cõi nhưn-thiên cũng không thể bì kịp. Vì tiếng nhạc cõi kia cũng diễn nói pháp : Căn, Lực, Giác Đạo ; món món đạo-phẩm. Mà ở đây không nói là bớt văn vậy.

Lại Kinh Đại-Bồ-n nói : Gió Vi-Phong thổi đung nhăm thân, mà ở đây không nói đến, cũng là bớt văn vậy.

SAO : Gió Vi-Phong là thứ gió rất tốt ; cõi này có thứ gió gọi là cù-phong (Bão-tổ) thổi động (cả 4 phía đều thổi đến) thổi hóa ra nghiêng hồ đồ nông, tiếng nó bắt người phải rùng rợn ; còn thứ gió mãnh-phong (gió dữ) thổi động thổi hóa ra sập nhà, tróc cây, tiếng rất ghê-gớm. Nhân đến gió Tỳ-lam thổi động, thổi hóa ra ngã núi, lở non, hoại các thế-giới ; cả vũ-trụ loài người không tránh được tiếng của nó.

Ngay như nay nói các thứ gió : Thứ-Minh, Thanh-Minh v.v.. (15) các gió, tuy cũng xưng là gió tốt, nhưng cũng chỉ lay-lắc núi rừng làm cho sanh-trưởng trăm vật mà thôi. Còn gió ở nước kia, in tưởng như có, in tưởng như không, vì chẳng phải lạnh, chẳng phải nóng, nhẹ-nhàng hòa-dịu, không thể sánh vi với cái gì được.

Trong Quán-Kinh nói : Tám thứ gió Thanh-phong (16). Thanh tức là cái ý-nghĩa chữ « Vi ». Hướng cõi kia hàng cây và các lưới giăng, chất nó đều bằng bảy món báu do nhờ gió vi phong ; khua đung lẫn nhau, tự-nhiên reo ra những tiếng tăm vi diệu, như trăm nghìn món nhạc, đồng thời trời một

lượt. Thời 6 tiếng luật âm, hòa lẫn với 6 tiếng luật-dương, điệu nhạc bát-âm rập rền vang dậy ; hòa lại càng hòa, nhã lại rất nhã. Gió cây cối kia, đã chẳng phải tiếng tư và trúc đầu có tiếng cung và thương ? Thế mà có thể cùng với trăm nghìn món nhạc, đồng lộng-lấy như thế thật là ít có.

Nhạc cối Nhơn, Thiên chẳng kịp là : Như Kinh Đại-Bồn nói : Trăm nghìn vạn món, tiếng nhạc của vị Đế-vương trong thế-gian ; chẳng bằng một tiếng rất hay trên cung trời Đạo-lợi. Trăm nghìn món nhạc trên cung trời Đạo-lợi, không bằng một tiếng rất hay trên cung trời Dạ-Ma... Như vậy lẫn lộn các cối chư thiên, hẳn đến không bằng một tiếng rất hay trong nước Cực-Lạc, gió thổi rừng cây, ra tiếng tám vi-diệu, thật là vượt ngoài cối người cối trời vậy.

Câu : Cũng diễn nói Đạo-phẩm là : Do trong Kinh chỉ nói tiếng Diệu - Âm. Kỳ thật ý gồm tiếng thuyết-pháp. Nếu chẳng phải pháp-âm, thì làm sao hay khiến người nhớ niệm ngôi Tam-Bảo ?

Cho nên Kinh Đại-Bồn nói : Gió vi-phong pháy động, thổi các cây báu, hoặc kêu ra tiếng âm-nhạc, hoặc kêu ra tiếng pháp-âm, lấy đây chứng rõ. — Do trước lệ sau, đều là bớt văn vậy.

Câu : gió đung nhảm thân là : Kinh Đại-Bồn nói : Tất cả loài hữu-tinh ở nước kia, gặp gió thổi đung nhảm thân thể, an hòa vui đẹp, cũng như thầy Tỳ-Kheo đã đặng pháp Diệt-tận-định (17), sung sướng biết bao ! Thế cũng là cái lối thuyết-pháp bằng cách không thuyết-pháp vậy.

SỐ : Lại các thứ Bảo-thọ ấy, trong 3 món báu, món này là báu hơn hết, vì hay làm Phật-sự.

SAO : Luận Trí-Độ nói : Báu có 3 món : 1) Vật báu của người ; như 7 món báu của vị Luân-vương, vì nó hay biến-hóa bố thí cho những của cải. 2) Vật báu của trời ; như : Các món báu của chư thiên, vì nó hay tùy tùng đề các trời sai khiến. 3) Vật báu của Phật ; như : Cơm thơm hào-quang... vì nó hay đến 10 phương đề làm những Phật-sự. Nay ở đây nói món

bầu bằng gió cây nó hay thuyết-pháp, là món bầu rất hơn trong các món bầu, vì phẩm lượng nó vượt khỏi ngoài cõi người, cõi trời.

SỞ : Lại cây Bảo-thọ của Phật nó biết thuyết-pháp, nay đây không nói đó cũng là bớt văn vậy. Vì lẽ như văn trên ; Ao nước đều biết thuyết-pháp ; lại kinh Hoa-Nghiêm, kinh Bát-Nhã v.v... đều có nghĩa đây.

SAO : Cây Đạo-thọ là : Kinh Đại-Bổn nói : Cây Đạo-tràng của Phật ngồi bằng các món bầu trang-nghiêm, lưới bầu phủ trên, gió vi-phong phẩy động, nói ra không biết bao nhiêu tiếng tám pháp màu, vang đến khắp cùng cõi chư Phật, chúng sanh nghe đến đặng pháp nhãn thâm sâu, trụ vào bực Bất-thối-chuyên, cho đến thành tựu quả vô thượng bồ-đề nay đây không nói cũng như lời sở trước dẫn gồm trong văn hàng cây, nghĩa là nói hàng cây còn biết thuyết-pháp, cây của Phật đâu những chẳng thể ; nên nói bớt văn.

Lại theo lẽ suy ra, như văn trước chỉ nói ao bầu, lời sở dẫn văn trong hai bộ kinh. Thời nước bầu chảy đi, vì đều nói ra tiếng diệu-pháp, lại theo lẽ suy đó, như Kinh Đại-Bổn nói : Cây bầu nói đạo-tràng của Phật kia, chúng-sanh thấy đấy không có cái bệnh nơi con mắt. Người nghe mùi hương nó, cũng không bệnh lỗ mũi, ăn trái nó lưới cũng không bệnh, hào-quang của cây ấy chiếu đến thân-thể cũng không bệnh, quán-tưởng cây ấy, tâm đặng thanh-tịnh, không còn chứng bệnh tham, sân, phiền-não...

Lại nói : Người thấy cây đây liền chứng đặng 3 pháp-nhãn. Thời biết cây ấy sắc hương và vị của nó, cũng đều diễn nói pháp : Căn, Lực, Giác, Đạo, các pháp như thế. Chúng-sanh nghe đấy, đều nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Lại theo lẽ suy đó : cát vàng nước kia, thêm đường nước kia, lầu các nước kia, cho đến hoa sen tiếng nhạc trời. hoa trời, cái y-kích đồ đựng thức ăn, tất-cả các sự-vật của nước kia cũng đều diễn nói các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo. Đối với các pháp ấy, chúng-sanh nghe đến, đều nhớ niệm ngôi Tam-Bảo.

Như Kinh Hoa-Nghiêm : Hương, mây, đài, lưới đều nói ra bài tụng ; như cái trống cõi trời Đao-Lợi (18), diễn lý chơn-thuyền không lường (lý mẫu tuyệt-diệu) ; rừng cây Bảo-Lâm tại chùa Lô-i-Âm (19) nói diệu kệ vô-sanh (kệ giải-thoát).

Lại Kinh Đại-Bát-Nhã nói : Bên cõi Tịnh-Độ cây rừng v.v... các vật trong ngoài, thường có gió vi-phong khua động, phát ra tiếng nhiệm-mầu nói tất-cả pháp, đều không có thật-tánh v.v... đồng nghĩa đây vậy.

SỞ : Những người khéo hiểu, thì ngay cõi đây cả loại hữu-tinh và vô-tinh, cũng đều có nói pháp. Như nghe chim Oanh kêu, khua cây trúc v.v... Huống nữa cõi Tịnh-Độ !

SAO : Những người khéo hiểu là : Không chấp cảnh làm cảnh, mà rõ cảnh tức là tâm, thì mỗi mỗi vật chi, mỗi mỗi món gì đều là ý Tồ-sur cả. Nay chỉ nói vài việc thôi.

Nghe chim Oanh kêu là : Xưa có một Ông thầy nhưn nghi một câu trong kinh Pháp-Hoa : « Các pháp từ xưa nay, tướng nó thường vắng-lặng ». Tìm xét hết sức lâu mà chưa tỏ-ngộ. Một bữa nọ thoát nghe tiếng chim Oanh kêu, liền đặng đại-ngộ là minh-tâm kiến-tánh. Ông làm bài tụng tỏ-ngộ như vậy : « Các pháp từ xưa hay, tướng nó thường vắng-lặng, xuân đến trăm hoa thơm, cảnh liễu Oanh kêu nhẩn ».

Khua nhắm cây trúc là : Ông Hương-Nham vì không rõ câu : « Trước khi cha mẹ chưa sanh, cái đó nó ở đâu ? » Dấy niệm bực tức, lên ở tu trên núi. Một bữa cuốc đất, lượm cục đá giăng đung nhằm cây trúc, có tiếng kêu rang rang, thoát vậy đại-ngộ. Ngài làm bài tụng tỏ-ngộ như vậy : « Một đung quên chỗ biết ; khỏi cần phải tu riết, cựa mình bày đường xưa (chơn-tâm), hết ở lớp thua thiệt ».

Như vậy thời chim khách kêu trước nhà, lá thông reo ngoài nội, một con muỗi, một con ruồi ; một ngọn cỏ, một lá cây, chẳng luận món nào chẳng diễn bày diệu pháp, kêu gọi đạo-tâm. Huống chi cõi thanh-tịnh của chư Phật ư ? — Hỏi : Trong kinh nói : « Có khi Phật thuyết-pháp, có khi Phật làm

thỉnh, cả hai không mich bỏ riêng một nào, sao đây chỉ nói, nước chim cây rừng thuyết-pháp mãi không thôi, thế thời có động mà không tịnh? Đáp: Kinh Đại-Bồn nói: Người nào muốn nghe, thời riêng người ấy được nghe (là Phật thuyết-pháp). Người nào không muốn nghe, thời cũng riêng người ấy không nghe (là Phật làm thỉnh). Thế thì tịch tịnh hay động dụng đều tùy ở tâm, tức động mà cũng tức tịnh.

SỐ: Xứng-lý thời tự-tánh có lý hòa lẫn nhau với trí là nghĩa gió thổi cây rung thành tiếng pháp-âm vi-diệu.

SAO: Lý gồm muôn pháp như vậy, trí khắp pháp giới như gió, lý cùng hợp với trí, trí nó tùy lý đề rõ bày, nhưng mà gió cây đều chẳng biết nhau, lý và trí vốn không hai gốc, trăm nghìn món nhạc, không phải gió động, không phải cây động, mà do tâm của nhơn-giả động.

TỔNG KẾT NHỊ NGHIÊM

Này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Phật kia, thành-tựu công-đức trang-nghiêm như vậy.

SỐ: Kết văn trên: Chim biến hóa gió rung cây hai món trang nghiêm, đều là do cái chỗ « nguyện », « hạnh » công-đức tu nhơn của đức Phật kia, mà thành-tựu vậy.

Lại công-đức « biến-hóa », công-đức « Đại-thừa », công-đức đồng hư-không, và công-đức của tự-tánh cả bốn món được thành-tựu, như trong Luận nói: Điều trước công-đức trang-nghiêm, điều sau công-đức trang-nghiêm; dưới hai điều ấy nó không hệ-thuộc với lời tụng của Luận văn.

SAO: Do sở nguyện mà được thành-tựu là: Kinh Đại-Bồn nói: Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng: Khi Ta thành Phật, người trong cõi Ta, tùy theo chí nguyện kia, hễ muốn nghe pháp, thời tự-nhiên được nghe, cho nên chim kêu, cây động, đều thành tiếng pháp-âm vi-diệu vậy.

Do sở hành mà được thành-tựu là : Kinh-Đại Bồn nói : Sau khi Ngài Pháp-Tạng phát nguyện rồi, y lời nguyện mà tu hành các hạnh, như Ngài nói : Ta thường dùng nhan-sắc hòa-nhã, lời nói êm-ái, để lợi-ích cho chúng-sanh. Thế nay kết-quả đặng thành gió thổi rừng cây, đều nói ra thành tiếng pháp-âm vi-diệu. Như Ngài nói : đối với Phật, Pháp và Tăng ; Ta tin trọng và cung kính. Thế nay kết-quả được thành, chúng-sanh nghe pháp, đều cảm niệm ngôi Tam-bảo.

Sao gọi là công-đức « biến-hóa » ? Như trong bài tụng nói : Các loài chim tạp sắc, loài nào cũng kêu ra tiếng pháp-âm hòa-nhã. Người nghe nhớ niệm ngôi Tam-bảo, quên các Tướng bên ngoài tỏ vào lý nhưt-tâm phải vậy.

Sao gọi là công-đức « Đại thừa » ? Như trong Luận bài tụng nói : Người Nam-tử có thiện-căn Đại-thừa, và người không thốt tiếng chê bai Tam-bảo được vãng-sanh. Còn người Nữ và người chẳng đủ sáu căn, cả bực Nhị-thừa không đặng vãng-sanh, thật thế !

Chữ « Đẳng » là đồng với hư-không công-đức và tánh công-đức (20) văn trước và sau : dưới hai câu « Như thị công-đức trang-nghiêm » đều chẳng hệ-thuộc với lời tụng của luận. Do lời tụng đây : 1.- Thiếu hai chữ « Hóa làm ». 2.- Thiếu hai chữ « Ác đạo ». Cho nên riêng nói cho rõ ra đó, Rằng tiếng của loài chim kêu ra, nếu chẳng phải đức Phật Ngài (hóa làm), thời người nghe đâu hay quên các tướng trần mà vào đặng lý nhưt-tâm ?

Không nói câu « Ác-Đạo » là vi trong loài người, còn không người Nữ. Giữa bậc thánh, cũng không tiểu thánh, huống nữa có ác-đạo ư ? Trước sau rõ-ràng đã biết, nên không nêu nhiều.

Lại hai món công đức y và chánh, ở ngoài câu « Như thị trang-nghiêm », nên cũng chẳng nêu.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh Bát-nhã, khắp cùng pháp-giới ; là nghĩa chim cây thuyết-pháp.

SAO : Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm lời sao nói : « Nếu hay chuyện vật (chuyện nổi hoàn cảnh) tức đồng Như-Lai ; Vì ngoài tâm không vật (cảnh vật tức là tâm).

« Miễn tâm lìa phân biệt, tức là chánh trí Bát-nhã, thể nó cùng khắp pháp-giới, không có chi làm chướng-ngại ». Thế cho nên cõi Tây-phương, nước, chim, cây, rừng thảy đều thuyết-pháp. Nay chúng ta không thấy chim, cây thuyết-pháp, là vì chưa hết tâm « vọng-niệm phân-biệt ».

Luận Khởi-Tin nói : Lìa tướng vọng-niệm rồi tâm nó sánh bằng cõi hư-không, thế cho nên khắp trong cõi hư-không, thảy đều có thuyết pháp.



CHÁNH-BÁO (phân ra làm hai phần)

1.- Hóa-chủ : (đức Hóa-chủ)

2.- Hóa-bạn : (các Hóa bạn)

HÓA CHỦ (phân ra làm hai phần)

1.- Trung-danh : (hỏi tên Phật)

2.- Hiện-đức : (rõ đức Phật)

TRUNG DANH

Này Xá-Lợi-Phất ! Với ý ông nghĩ sao ? Phật kia có gì hiệu là A-Di-Đà.

SỞ : Văn trước nói y-báo rất thù thắng ; mà y từ nơi chánh-báo sanh ra, nên kể đây nói về chánh-báo. Câu với ý ông nghĩ sao, là hỏi thử ông Xá-Lợi-Phất, có hiểu biết hay không. Nghĩa là đã biết Phật kia hiệu là A-Di-Đà, nhưng chưa hiểu nghĩa đó. Do vì Phật kia là ông chủ chánh-báo trong một bộ kinh, nên phải hỏi thử.

SAO : Ông chủ chánh-báo có y, có chánh, mà Phật ở về ngôi chánh báo. Chánh-báo có chủ có bạn, mà Phật là ông chủ của nước kia. Nghĩa kia phải hỏi là : Do Di-Đà, là danh

hiệu đủ vạn đức, nghĩa rất sâu rộng, cần phải khai thị ra, khiến cho người hiểu rõ, đặng mà sanh tâm hướng mộ.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh chánh-tư-duy, là nghĩa với ý ông nghĩa sao ?

SAO : So lường gọi là ý. Người đời khởi nơi ý-thức, mỗi niệm mỗi niệm, so lường theo ngoại cảnh, là tà tư-duy vậy. Quay ý-thức lại tự hỏi mình mà xét, suy đi nghĩ lại, lại đi rồi suy nghĩ cho cùng nguồn tốt đày, cho đến cái chỗ mà không còn gì nghĩ được nữa, thời toàn thân tức là « Thọ », toàn tâm tức là « Quang » nào luận Phật kia Phật đày.

HIỀN-ĐỨC (phân ra làm hai phần)

- 1.- Danh hàm đa nghĩa : (Danh trùm nhiều nghĩa)
- 2.- Đạo thành viễn kiếp : (Đạo thành đã lâu)

DANH HÀM ĐA NGHĨA (phân ra làm hai phần)

- 1.- Quang-minh Vô-lượng (sáng suốt không lường)
- 2.- Thọ-mạng vô-lượng (mạng sống không cùng)

QUANG - MINH VÔ - LƯỢNG

Nầy Xá-Lợi-Phất ! Phật kia hào-quang vô-lượng. Vì chiếu 10 phương nước, không chỗ nào chướng-ngại được; thế nên hiệu là A-Di-Đà.

SỞ : Chữ Vô-lượng, đã giải như văn trước, nhưng vì chưa biết được cái tên vô-lượng, nên văn đây nói : Quang-minh, và Thọ-mạng cả hai đều là vô-lượng vậy.

Quang-minh có hai nghĩa : 1.- Trí-quang ; 2.- Thân-quang ; lại có hai nghĩa : 1.- Thường-quang ; 2.- Phóng-quang.

Lại sở-nhơn của chữ Quang cũng có hai nghĩa : 1.- Vạn-đức sở-thành ; 2.- Bản-nguỵện sở-thành.

SAO : Trước giải hai chữ Quang-minh vậy. Trí-quang, Thân-quang là : Như đức Lô-Xá-Na, dịch : Quang-minh biến-

chiếu : Tự-thọ-dụng-thân, chiếu cõi chơn-pháp-giới ; đó gọi là Trí-quang. Tha-thọ-dụng-thân, khắp chiếu trong đại-chúng ; đó gọi là Thân-quang.

Lại Kinh Niết - bàn nói : Ngài Luru-Ly-Quang-Bồ-Tát thân phóng-quang-minh ; Đức Văn-Thù nói : Quang-minh đây, gọi là Trí-huệ. Thế thời sự lý viên-dung, Thân và Trí không hai vậy.

Thường-quang, phóng-quang là : Hào-quang thường hiển hiện, không phóng mà không lúc nào là không phóng... Như cái viên-quang một tâm v.v... Phải vậy.

Phóng-quang là : Hoặc ở giữa chơn mây, hoặc ở trên đánh, hoặc miệng hoặc răng, hoặc rốn, hoặc chơn, các nơi ấy, phải vậy. Văn đây nói chữ Quang là chánh ý ở chữ Thường, (thường-quang) mà cũng gồm chữ phóng (phóng-quang) và Thân cùng Trí vậy (Thân-quang, Trí-quang) Như Kinh Đại-Bồ-n nói : Khi ấy, Phật A-Di-Đà từ nơi gương mặt phóng ra vô-lượng hào-quang.

Kinh lại nói : Ta (Thích-Ca) dùng hào-quang trí-huệ, rộng chiếu vô-trong số thế-giới. Vạn-đức sở-thành là : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm Hiền-Thủ : Phán ra 44 pháp quang-minh, mỗi quang-minh đều có cái sở-nhơn của nó : Hoặc như qui-y Tam-bảo, hoặc như phát bốn lời Hoảng-thệ, hoặc như tu pháp Tam-học, hoặc như tu lục-độ, là các chỗ tu như mà thành-tựu vạn-đức đó ; mỗi mỗi đều kết rằng : Thế cho nên đặt thành quang-minh ấy.

Lại kinh Bát-Nhã : Phật (Thích-Ca) dạy : Đối trong tất cả pháp ta không chấp chỗ nào cả nên đặt cái thường-quang một tâm. Thế thời biết : Nay hào-quang sáng của đức Phật đây (A-Di-Đà) chẳng phải như tu một đức mà thành vậy.

Câu : Bảo-nguyện chỗ thành là : Kinh Đại-Bồ-n ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Nguyện khi ta thành Phật, trong đánh có hào-quang sáng, trắng hơn mặt trời, mặt trăng trăm ngàn vạn ức bội.

Lại nguyện rằng : Nguyện khi Ta thành Phật, hào-quang sáng chiếu đến vô-ương số thiên-hạ các chỗ tối tăm đều đặn sáng tỏa. Các trời và nhơn-dân, nhần đến loài bò bay cựa quay, thấy hào-quang Ta, không ai là không phát từ-tâm tác-thiện để nguyện sanh về nước của Ta.

Lại trước lời nguyện nói lời kệ : Hay khiến vô-lượng cõi, hào quang đều chiếu diệu, nên nay Ngài thành Phật, đều đặn như sở nguyện.

SÓ : Vô-lượng là : Nói chỗ chiếu rất rộng vậy. Mười phương là : Vì chẳng đồng kinh khác, chỉ chiếu có một phương. Không chướng-ngại là : Vì chẳng đồng nhật-quang (ánh sáng mặt trời) còn có chỗ khuất.

SAO : Chẳng đồng kinh khác là : Như kinh Pháp-Hoa chiếu phương Đông, thời không nói phương khác ; và chỉ nói chiếu có 1 vạn 8 nghìn cõi, mà không nói gồm hết các nước, thế thời cái nghĩa còn có chỗ sở-thủ vậy.

Nay Kinh này thời nói : Bốn góc trên, dưới, tất cả cõi nước, không nước nào mà không được chiếu. Chẳng đồng với nhật-quang là : Mặt nhật tuy có hào-quang, nhưng thân Tu-La che, thời bị ngăn khuất. Giữa núi Thiết-Vi thời bị ngăn khuất, dưới châu úp thời bị ngăn khuất. Lại châu Nam-Diêm Phù-Đề sáng, thời Châu Bắc-Đôn-Việt bị ngăn khuất, châu Tây-Cù-Da sáng, thì châu Đông-Phất-Vu bị ngăn khuất. Nay thời suốt núi thấu vách, thông chỗ tối đến chỗ mờ, không chi che đậy làm cho hào-quang phải ần khuất mất ; không gì ngăn cách làm cho hào-quang bật dứt.

Như Kinh Đại-Bổn nói : Hào-quang của Phật kia sáng tỏ rất xa, hào-quang của chư Phật khác không thể bì kịp. Các đức Phật ở 10 phương, trên đánh phóng ra hào-quang sáng chiếu, có đức Phật chiếu một dặm, có đức Phật chiếu hai dặm, như vậy lần xa, có đức Phật chiếu hai trăm muôn dặm, như vậy lần xa, có đức chiếu một thế-giới, có đức chiếu hai thế-giới, như vậy lần xa, có đức chiếu hai trăm muôn thế-giới

Duy có hào-quang của Đức Phật A-Di-Đà chiếu đến một nghìn vạn thế-giới, không có cùng tận. Cho nên hiệu Ngài là : Vô-Lượng-Quang Phật, Vô-Biên-Quang Phật (21) Vô-Ngại Quang Phật... nhấn đến Siêu-Nhật-Nguyệt-Quang Phật, đều là nghĩa Quang-Minh vô-lượng vậy.

Trong Quán-Kinh nói : Viên-Quang đức Phật kia, lớn như trăm ức cõi Tam-Thiên đại-thiên thế-giới. Lại nói : Phật kia có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi mỗi tướng có tám vạn bốn nghìn cái tùy hình hảo (tướng tốt), mỗi mỗi tướng tốt, có tám vạn bốn nghìn quang minh, khắp chiếu 10 phương, chúng-sanh niệm Phật, đều rước hết không bỏ sót.

Lại Kinh Đại-Bồn nói : Ông A-Nan đầu lay mới vừa chấm đất, niệm danh hiệu Phật, lúc lay chưa đứng dậy. Phật phóng hào-quang sáng lớn, khắp 10 phương trên dưới, đầy đều là nghĩa Quang-Minh vô-lượng vậy.

Hoặc hỏi thắc-mắc rằng : Nhật-quang (mặt trời) còn có khi khuất, trong đời ai cũng biết. Hào-quang Phật không khuất sẽ có chỗ chứng cứ bằng cách nào? Đáp : Mục tử già của Ông Tu-Đạt trưởng-giả không muốn thấy Phật, lánh vào trong phòng kín, hào-quang Phật soi đến, tường vách đều rỗng suốt trong ngoài bốn bên, mục xây mặt về phía nào cũng thấy thân Phật hiện trước... tức là chứng cứ cho cái nghĩa hào-quang đức Phật không bị chi che khuất, nên gọi là Siêu-nhật-nguyệt-quang.

THỌ-MẠNG VÔ-LƯỢNG

Lại nữa này Xá-Lợi-Phất ! Thọ-mạng Phật kia, và cả nhân-dân trong nước đều sống vô-lượng vô-biên A-Tăng-Kỳ kiếp, nên kêu là Phật A-Di-Đà.

SỐ : Quang-minh vô-lượng, là một nghĩa trong nhiều nghĩa vô-lượng. Văn đây nói Thọ-mạng, cũng vô-lượng vậy. Phật Thọ có 3 : Pháp-thọ, Báo-thọ, Ứng-thọ. Như kinh Pháp-Hoa và Quán-kinh, trong lời số nói rõ.

Song Phật thọ vô-lượng, là tùy cơ chỗ thấy. Đây nói vô-lượng cũng có thể tức từ một số vô-lượng trong nhiều số vô-lượng.

SAO : Thọ-mạng là : Cái chỗ trải qua của số thọ-mạng có ngắn có dài. Nay đương thời kỳ kiếp giãm, số thọ chỉ trăm năm (22). Dù thời kỳ kiếp tăng kia cũng chừng tám vạn (23), dẫu vị Luân-vương, Trời Đế-Thích (24), hay các đức Phật trụ thế, cũng có hạn lượng. Duy có Thọ-mạng của Phật A-Di-Đà kia rất là lâu xa, không cuộc số thường, thế gọi là vô-lượng-thọ.

Ba thọ là : Kinh Pháp-Hoa phẩm Thọ-Lượng lời sơ nói : Chữ Thọ : Sống lâu. Cũng nói nghĩa thọ là chịu. Như Pháp thân là lý chơn-như nó không cách ngại các pháp, nên gọi là lãnh chịu ; như Báo-thân Cảnh và Trí nó tương-ứng với nhau, nên gọi là lãnh chịu. Như Ứng-thân mắc cái báo trong một thời kỳ, trăm năm không đoạn, nên báo là lãnh chịu.

Pháp-thân lấy lý chơn-như làm thọ-mạng ; Báo-thân lấy Trí-huệ làm thọ-mạng, Ứng-thân lấy hai chữ nhơn-duyên làm thọ-mạng.

Trong Quán-Kinh lời 'sơ nói : Phật thị-hiện ra đồng tướng sanh diệt, có thì, có chung đó là số thọ-mạng của Ứng-thân. Một phen chứng quả được rồi thời chứng được luôn bằng cách vĩnh-viễn. Có thì, có chung đó là số thọ-mạng của Báo-thân. Chẳng thọ, chẳng phải chẳng thọ (sống lâu) vô-thỉ vô-chung, đó là số thọ-mạng của Pháp-thân vậy.

Lại nói : Thọ-mạng của Phật kia, thiết có kỳ hạn, toán-số-học của người, và trời, không đếm đặng ; thế là hữu-lượng mà vô-lượng vậy.

Ngài Việt-Khê giải rằng : Kinh đây tuy nói Vô-lượng, chính là cái thân có 32 tướng, chúng-sanh thường thấy, chẳng phải cái thân thẳng-ứng cao lớn mà trong Kinh Thập-lục-quán nói, cũng đồng ý văn trước.

Nay nói tùy cơ chỗ thấy là : Kinh này nói thân Phật không nhứt-định, trong văn nghĩa lý trước đã biện rành.

Hướng chỉ văn kinh chỉ nói Đức Phật A-Di-Đà, hiện ở trước mặt đó. Chưa hề chỉ định hiện cái thân bực nào? Ngài Việt-Khé đầu định định cho là cái thân 32 tướng? Chắc rằng thân Liệt-ứng, thời người liệt cơ tự thấy lấy. Chớ không phải kinh này chuyên chỉ lấy cái thân Liệt-ứng, để hiện cho người liệt cơ vậy đâu?

Kinh Đại-Bồn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, dầu cho 10 phương chúng-sanh, đều là bực Duyên-Giác, Thịnh-Văn mà là bực tọa thiền nhưt-tâm, muốn tính tuổi thọ của Ta, dầu mấy nghìn vạn ức kiếp, tính mãi cũng không thể biết được. Đ 1 phải là cái vô lượng của thân thường thấy đó ư? Cho nên đức Thích-Ca đã nhập diệt chốn song-lâm rồi, mà hoặc có người còn thấy hội Linh-Sơn chưa giải tán. Với thân Phật Xá-Na nghìn trượng, mà có người thấy bằng thân kim sắc trượng sáu. Thế Phật vốn không dời dời, mà do căn cơ nên thấy khác vậy thôi. Thế thời nói thọ-mạng Phật kia, bằng số vô-lượng trên vô-lượng, cũng nào chẳng được?

SỞ : Câu : « Cặp kỳ nhơn dân là » : Vì khéo dùng lời đảo-ngược Nói nhơn dân là : Vì Phật dụ như Ông Quốc chủ. A-tăng-kỳ, Tàu dịch : Vô-số, gấp hai số vô số gọi số vô-lượng vô-biên. Nhơn dân số thọ có hai : 1.- Vì nhờ sức bán-nguyện của Phật giúp. 2.- Vì nhờ sức công đức tu của mình.

SAO : Lời đảo-ngược là : Nếu theo lời xuôi thuận phải nói như vậy : Phật và nhơn-nhân thọ-mạng vô-lượng. Như câu : Ba-La-Mật gọi là Bỉ-Ngan-Đáo, phải nói Đáo-Bỉ-Ngan mới thuận hơn, lấy ý hội hiểu, chớ chấp lời hại ý.

Câu Phật như Ông Quốc-chủ : Nước kia tuy không có cái phong-hóa bằng chế-độ vua tôi cha con. Song Phật là pháp-vương (25), có nghĩa như vua chúa, người sanh về nước kia, nương theo Phật học, Phật nên có cái nghĩa như nhơn-dân.

Chẳng phải như cõi Ta đây : Bản-dồ số bộ, hệ-thống ; biên tên dân chúng vậy. Số Tăng-Kỳ (26) lại là một con số đầu trong 10 con số lớn (27). Từ một trăm số Lạc-Xoa (28)

bội thêm chồng chứa mà thành ra số A-Tăng-Kỳ. Lại Tăng-Kỳ là một số vô-lượng (29) ; vô-lượng vô-lượng là một số vô-biên. Nay hiệp nói đó tự có hai nghĩa : 1.- Thiết rõ số kia, lấy số Tăng-Kỳ tính đó, có vô-lượng vô-biên số Tăng-Kỳ vậy. 2.- Tột khen số kia rất nhiều, không còn biên-lượng, không còn cùng tột, là Tăng-Kỳ vậy.

Phật-lực là : Kinh Đại-Bồn Ngài Pháp Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, người trong cõi Ta thọ-mạng đều là vô-ương số kiếp ; không có ai tính đặng số kia. Đây là vì nhờ nguyện-lực của Phật, nên có số thọ mạng ấy.

Tự-lực là : Nhứt-tâm niệm Phật, vì ; tâm được thanh-tịnh nên hoa sen hóa sanh, cái thân thanh nhẹ, chẳng đồng với cái nhục thân chất ngại có già, bệnh, chết ; đây là vì nhờ sức mình tinh-tấn, nên có số thọ mạng ấy.

SỐ : Hỏi rằng : Vô-lượng đây, cũng có thể tức là vô-lượng, trên vô-lượng đây, nó có chứng cứ gì chăng ?

Đáp : Lệ như trong kinh Hoa-Nghiêm đã nói.

SAO : Văn trên dẫn lời số trong Quán-Kinh nói : Vô-lượng đây là từ hữu-lượng cho đến vô-lượng, mà nói cũng có thể tức nói vô-lượng cho đến vô-lượng đây, do vì văn đây chính giống kinh Hoa-Nghiêm : Kinh kia văn hồi-hương nói Vô-lượng A-Tăng-Kỳ ».

Lời giải rằng : Đây không phải là một trong hữu số (còn đếm được) mà nó chỉ là lời nói để tỏ nghĩa vô số. Nếu nhứt định có số, thì còn bị hạn cuộc trong hạn lượng.

Nay Kinh này cũng nói « Vô-lượng vô-biên A-Tăng-Kỳ » hai kinh văn-thế ý rất giống nhau. Nên nói Phật kia thọ-mạng, cũng có thể tức là vô-lượng của vô hạn lượng vậy.

Hỏi : kinh Hoa-Nghiêm. Phạm thọ lượng nói : Thế giới Ta-Bà một kiếp (30) là thế-giới Cực-Lạc một ngày đêm. Một kiếp của thế-giới Cực-Lạc bằng một ngày đêm của thế-giới Ca-Sa trang ; như thế lần lượt kiếp và ngày tương đối với nhau,

cho đến trăm vạn số A-Tăng-Kỳ thế-giới, tột đến thế-giới Thăng-Liên-Hoa : Thời ngày kiếp của thế-giới Cực-Lạc chỉ hơn ngày kiếp của thế-giới Ta-bà, mà thua rất xa với mấy thế-giới sau đó, thì đâu đáng còn là vô-lượng của vô hạn lượng ư ?

Đáp : kinh kia lời sao giải rằng : Ba thân dung hiệp, thì ba thọ không ngăn ngại, tức dài cũng có thể thâu ngắn, chính nói ngắn cũng kéo dài, không phải dài không phải ngắn, thì dài ngắn đồng nhau, mỗi mỗi đều hòa lẫn viên-mãn, lời bàn ý nghĩ đều bật, từ đây nghĩa nó tự rõ, không nhọc công biện-luận.

SỐ : Lại với thọ-mạng quang-minh đó chỉ là tóm tắt mà nói đó thôi, vì dùng số ít để gồm số nhiều. Hai bộ kinh dành để chỉ nói Vô-lượng thọ ấy thì tóm lại càng tâm nữa, vì thế nó gồm cả dụng. Nếu nói cho đủ ra thì y-háo, chánh-báo, thủy đều vô-lượng.

SAO : Tóm nói là : vì Phật đủ muôn đức. Nay chỉ nói thọ mạng và quang-minh ấy, như kinh Hoa-Nghiêm về bực Bát-Địa nói : Thân tướng vô-lượng, Trí-huệ vô-lượng, Phương-tiện vô-lượng, Quang-minh vô-lượng, Thanh-tịnh vô-lượng, Âm-thình vô-lượng v.v... Thời biết nói hai việc là dùng ít nhiếp nhiều.

Thế nhiếp dung là : Hoặc có kẻ nạn rằng : Đã Quang-minh và thọ-mạng cả hai đều nói, vì sao kinh Đại-Bồn và Quán-kinh danh đề hai bộ đều chỉ nói : Vô-lượng-Thọ mà không nói Vô-lượng-Quang, nghĩa ấy lại làm sao ?

Bởi do một tâm chơn-như, không khứ không lai suốt xưa suốt nay. Thọ kia vô-lượng, Quang kia cũng vô-lượng vậy. Thế vàng, thời hào-quang vàng, vì không lìa nhau vậy.

Luận Khởi-Tín nói : Tâm Tánh không khởi (vọng) tức là đại trí-huệ, đại quang-minh, khắp giáp pháp-giới. Không khởi là : Thọ vậy. Trí-huệ là : Quang vậy. Nói thọ thời quang ở trong đó, nên nói một cái gồm đủ.

Y. Chánh vô-lượng là : Tự một thân Phật có bao nhiêu công đức và như vạn sau, có bao Thanh-văn, Bồ-tát, nhân

đến vẫn trước những lan-can, lưới giăng, hàng cây v.v... món món trang nghiêm hết thấy đều là vô-lượng vậy.

SỞ : Xứng-lý thời tự-tánh thường-chiếu, là nghĩa quang-minh. Tự-tánh thường tịch là nghĩa Thọ-mạng. Tự-tánh tịch-chiếu chẳng hai là nghĩa A-Di-Đà.

SAO : Tánh khôn tỏ rộng suốt. « Quang » bật bờ bến ; tánh vắng-lặng thường hằng « Thọ » nào tính kê. Thường hằng mà lại rộng suốt, nên tức « Thọ » mà « Quang », rộng suốt mà cũng thường hằng, nên tức quang mà thọ ; như vậy thời Phật A-Di-Đà, tuy trải qua ngoài 10 muôn ức cõi, mà thật ra vẫn ngồi kiết-già chễm-chệ không động ngay trong tâm chúng-sanh nơi thế-giới Ta-Bà này. Thế sao lại đeo pháp trường-sanh, lưỡng ưỡng kiếp chết yểu, đội ánh sáng mặt trời, trở thành cái màn đen tối. Tâm vốn là Phật, tự muội tâm mình, Phật vốn là tâm, tự mê ông Phật mình.

ĐẠO THÀNH VIỄN KIẾP

Này Xá-Lợi-Phất ! Đức A-Di-Đà từ thành Phật đến nay ước đã 10 kiếp.

SỞ : Đã biết ý-nghĩa của tên đức Phật kia, nhưng chưa được biết Ngài từ thành Phật đến nay, đã trải bao nhiêu thời kiếp.

Chữ « Kiếp » nói đủ là : Kiếp-ba. Tàu dịch là Thời-phần mười kiếp có chỗ nói : Mười đại-kiếp. Và có chỗ nói : Mười tiểu kiếp. Nay kinh này nói lâu xa, chắc là 10 Đại-kiếp. Lại 10 đại-kiếp, cũng là nói trong một thời kỳ pho cảm tùy cơ. Xét tốt mà nói, Ngài thành Phật nhãn nay, cũng đến vô-lượng như trọng kinh Pháp-Hoa nói.

SAO : Một Đại-kiếp có 4 trung-kiếp : Kiếp-thành, kiếp-tru, kiếp-hoại và kiếp-không. Mỗi trung-kiếp đều có 20 tiểu-kiếp ; trọn 80 kiếp mới thành một đại-kiếp (30). Nói 10 Đại-kiếp là 800 tiểu-kiếp vậy.

Ý kinh nói : Vì tỏ cho biết Ngài thành Phật đã lâu xa, nếu nói tiêu-kiếp, thời chưa thấy chỗ xa kia. Nay y theo bản dịch đời nhà Đường nói 10 đại-kiếp.

Câu cũng tới vô-lượng là : Như trong kinh Pháp-Hoa. Chúng nghi đức Thế-Tôn (Thích-Ca) thành Phật chưa bao lâu, làm sao các vị Bồ-Tát tu đã nhiều kiếp kia, là được Ngài giáo-hóa ?

Phật dạy : Ta thiết thành Phật đến nay vô-lượng vô-biên kiếp rồi. Thế thời Đức Di-Đà thành Phật kia, có thể lường được ư ?

SỞ : Nếu xét cái nhơn-địa của đức A-Di-Đà, từ thành Phật sắp về trước. Chẳng phải một cái nhơn làm « Pháp-Tạng » mà thôi, có nhiều cái nhơn nữa, như trong các kinh nói.

SAO : Nhơn làm Pháp-Tạng là : Kinh Đại-Bồ-đề nói : Trước Đức Phật Định-Quang, có đức Phật thứ 53 tên là Thế-Tự-Tại-Vương. Khi đó ngài Pháp-Tạng đang làm vị Quốc-vương, bỏ ngôi đi xuất-gia, phát 48 lời nguyện. Nay Phật A-Di-Đà đây là ông Phật do Ngài Pháp Tạng tu thành vậy.

Còn nhiều nhơn nữa là : 1.- Kinh Pháp-Hoa nói : Thời kỳ Phật Đại-Thông Trí-Thắng Như-Lai có 16 vị Vương-tử đi xuất-gia tinh tu phạm hạnh, cầu quả Bồ-Đề vô-thượng, sau khi Phật Đại-Thông diệt-độ, 16 vị thường ra thuyết kinh Diệu-Pháp-Hoa, ấy sau cũng thành Phật hết cả. Vị Vương-tử thứ 9 thành Phật ở về phương tây. Vị Vương-tử thứ đó nay là A-Di-Đà đây.

2.- Kinh Bi-Hoa nói : Vô-lượng kiếp về trước, có vua Chuyển-Luân-Vương, tên Vô-Thánh-Niệm, cúng-dường cho Phật Bảo-Tạng Như-Lai, lúc đó vua phát nguyện rằng : Nguyện khi Ta thành Phật, trong nước Ta nhiều món thanh-tịnh trang-nghiêm, Phật-Bảo-Tạng thọ-ký cho, qua kiếp số hằng hà sa, làm Phật ở thế-giới phương Tây, nước tên là An-Lạc. Vị Quốc-Vương thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

3.- Kinh Đại-thừa Phương-Đẳng Tổng-Trì nói : Thời kỳ Phật Vô-Cấu-Diệm-Xưng-Khởi-Vương Như-Lai. Có ông Tịnh-Mạng Tỳ-kheo thuộc lòng các kinh, cộng 14 ức bộ. Tùy tâm chúng-sanh ưa muốn, rộng vì thuyết-pháp. Ông Bí-Sò thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

4.- Kinh Hiền-Kiếp nói : Thời kỳ Phật Văn-Lôi-Hầu-Như-Lai có vị Vương-tử tên Tịnh-Phước-Bảo-Chúng-Âm cúng-dường Phật kia, vị Vương-tử thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

5.- Kinh kia lại nói : Thời kỳ Phật Kim-Long-Quyết-Quang, có ông pháp-sư tên Vô-Lượng-Bảo-Âm-Hạnh, ra sức hoằng hóa kinh pháp. Ông pháp-sư thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

6.- Kinh Quán-Phật-Tam-Muội quyền thứ chín nói : Thời kỳ Phật Không-Vương có bốn ông Tỳ-kheo, bị phiền-não che tâm, thoát nghe giữa thanh không, dạy bảo phải quán Phật, liền đặng pháp niệm Phật Tam-Muội ; Ông Tùy-Kheo thứ ba thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

7.- Kinh Như-Uyển-Tam-Ma-Địa-Vô-Lượng-Ấn-Pháp-Môn nói : Thời kỳ Phật Sư-Tử Du-Hý-Kim-Quang-Như-Lai, có vị Quốc-vương tên Thăng-Oai, tôn trọng cúng-dường Phật kia, tu hạnh thiên-định ; vị Quốc-vương thuở đó, nay là Phật A-Di-Đà đây.

8.- Kinh Nhưt-Hương Xuất-Sanh Bồ-tát nói : Đức Phật A-Di-Đà thuở trước làm vị thái-tử nghe pháp-môn vi-diệu đây, vững giữ tinh-tấn, trong 7000 (bảy nghìn) năm lưng chẳng đến chiếu, không nhớ ái dục tài bảo, không hỏi đến việc của người khác, thường ở chỗ một mình, ý chẳng lay động ; lại giáo hóa tám nghìn ức số na-do-tha người, chứng quả bất-thối-chuyên ; vị thái-tử thuở đó nay là Phật A-Di-Đà đây.

Như trên lược kể vài sự tích, nếu nói nhiều kiếp nhiều non, cũng tới vô-lượng.

SỐ : Xứng-lý thời tự-tánh xưa nay thành Phật, là nghĩa 10 kiếp.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười Đại-kiếp là nêu số vô tận, tức nay nói tự-tánh mình thành Phật sắp lại đây, nào những chỉ từ bên kia Phật Oai-Âm-Vương ? Mà là bên kia lại còn bên kia, trần sa kiếp lại trần sa kiếp nữa vậy ! Nếu quyết định chấp 10 kiếp, chi khỏi bị người xưa nói ; cũng còn là con cháu của ông Vương-Lão-Sur (31).

HÓA BẠN (phân làm hai phần)

- 1.- **Hiện tại** : (người bản xứ)
- 2.- **Vãng-sanh** : (kẻ đến ở)

HIỆN TẠI (phân làm 3 phần)

- 1.- **Thanh-văn** : (thánh Thinh-văn)
- 2.- **Bồ-tát** : (thánh Bồ-tát)
- 3.- **Tông-kết** : (chung-kết)

THANH - VĂN

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Phật kia có đệ tử đã chứng quả thinh-văn mà đều là bực A-La-Hán nhiều đến số vô-lượng vô-biên, chẳng phải tính số chỗ hay biết được.

SỐ : Chủ ất có bạn. Trước nói hàng Thinh-văn, kể nói hàng Bồ-tát, đều là những bạn-lữ trong ngôi phẩm Thánh-hiền vậy.

Văn đây trước nói hàng đệ-tử Thanh-văn. Thanh-văn là : Nghe tiếng Phật dạy. Pháp Tứ-đế, mà được chứng-quả A-La-Hán là lựa không phải ba quả trước vậy. Trong đây không nói Duyên-Giác, là vì gồm trong hàng Thanh-văn. Chẳng phải toán số là : Nói số kia rất nhiều vậy.

SAO : Nghe Pháp Tứ-đế là : Đức Thế-Tôn vì các ông : Kiều-trần-Như v.v... năm người, chuyên bán xe : Khô, Tật, Diệt, Đạo. Ban đầu chỉ cho pháp Tứ-Đế, thứ hai khuyên tu, đến thứ ba thời chứng-quả. Các lậu phiền-não đã hết, thành

quả A-la-Hán ; Nhơn nghe tiếng Phật dạy, mà được mở tỏ, nên gọi là quả Thinh-vấn. Cái hiệu Thinh-vấn, chung ba quả trước; nay quả thứ tư là quả A-la-Hán vậy.

Duyên-giác nhiếp là : Bực Duyên-giác quán xét tu pháp thập nhị nhơn-duyên, mà dặng tỏ-ngộ tự-tánh ; tuy 12 nhơn-duyên mà tóm lại không ngoài pháp Tứ-Đế. Bực này tuy có tám lợi-sanh, nhưng chưa được rộng, nên thuộc hàng Thinh-vấn vậy.

Toán-số là : Pháp toán-số trong thế-gian. Cao tột là ở nơi pháp cứu-chương. Pháp toán-số của Phật nói ; như số phạm A-Tăng-Kỳ trong kinh Hoa-Nghiêm thời chẳng phải tâm lực của người đời học tính nổi dặng. Văn đây nói pháp toán-số là nói chung luôn cả pháp toán-số của thế-gian và xuất-thế-gian. Do số đệ-tử Thanh-vấn cõi kia rất nhiều vô-tận, vượt khỏi ngoài pháp toán-số, dù Ông Lạc-Hoảng người đời Hán-Vũ-Đế, Ông Nhứt-Hạnh Thiên-sur đời Đường Huyền-Tôn không thể ra tài hay khéo mà tính cho dặng.

Văn trên nói : Số vô-lượng, vô-biên, là nhằm con số thứ hai thứ ba, trong 10 con số lớn, thế là có toán-số, nhưng văn đây nói : « Chẳng phải dùng phép toán-số mà biết được » ; cho nên biết « vô-lượng, chính là lời tán-thán rất nhiều, không nên lấy số thường mà chấp vậy ».

Như Kinh Đại-Bổn nói : Dầu cho các bực Tỳ-kheo đầy một ức số na-do-tha, trăm nghìn số lượng, đều có pháp thần-thông như ông Mục-Liên, muốn chung tính kể số Thinh-vấn hội ban đầu của Phật kia, dùng hết thần-lực trừ-tính, trong trăm phần không biết được một phần, nhân đến phần Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm (33), cũng không biết được một.

Lại nói : Phật bảo Ông A-Nan : Giả sử có người nhỏ lòng trong một thân, nghiền làm mảy bụi : Đem những bụi ấy quăng trong biển, mức nước ra : Nước của mảy bụi nhiều, hay nước trong biển nhiều ?

Ông A-Nan bạch rằng : Thừa Đức Thế-Tôn : Nước của mảy bụi không đầy nửa bùm ; còn nước trong biển kia vô-lượng. Phật dạy : Nầy A-Nan : Đệ-tử về hàng Thanh-vấn trong

cõi Phật kia ; với số mà có thể biết được đó, như nước của mây bụi ; còn số mà không tính hết được đó, như nước trong biển kia.

SỐ : Trong Luận nói : Bực nhị-thừa chẳng sanh nay nói có Thanh-Văn đó là do bực ấy quen tập pháp-thừa, chẳng bao lâu cũng chứng đặng Đại-thừa, rốt rồi không còn tiểu-thừa nữa. Như trong Quán-Kinh lời sơ nói. Nếu cứ theo nghĩa Đức Phật Ngài biến hóa, thời có tiểu-thừa cũng không ngại gì.

SAO : Rốt rồi không tiểu-thừa là : Trong Quán-Kinh lời sơ nói : Những người quen tập tiểu-thừa, vốn chẳng đặng sanh, nhưng do kia khi lâm-chung, phát tâm Đại-thừa, cũng đặng vãng-sanh ; do vì quen tập tiểu-thừa, vừa nghe Phật nói các pháp : Khổ, Không, Vô-thường, thuận theo tánh quen trước, liền chứng quả tiểu-thừa, mà cái tâm hướng đại đã thành, hướng đặng gần Phật, chẳng bao lâu sẽ chứng đại-thừa, thì đâu còn lâm thính-văn nữa ư ?

Thế thời kinh nói cõi kia có Thanh-Văn, là do vì tạm có. Nên trong Luận nói : bực Nhị-thừa chẳng sanh là do vì cõi kia quyết định không có tiểu-thừa. Câu tiểu cũng không ngại là : Cõi Tịnh-Độ còn dung chứa các loài chim, hàng Thính-Văn há chẳng bằng chim sao ? Với chim đã biến hóa làm thành ra, thì Thanh-Văn đâu lại riêng thật có ; dù cho nước kia, vẫn có Thính-Văn đi nữa, cũng chẳng ngại gì.

BỒ - TÁT

Các chúng Bồ-Tát cũng nhiều như vậy.

SỐ : Nương văn trên chẳng những chúng Thanh-Văn tiểu-thừa, mà các bực Đại-thừa Bồ-tát không bực nào chẳng sanh.

Câu cũng nhiều như vậy là : Cõi kia có các chúng Bồ-Tát cũng nhiều vô-lượng vô-biên, không thể kể hết số. Và lại Bồ-Tát ấy cũng đủ vô-lượng vô-biên công-đức, như trong Đại-Bồn nói.

SAO : Bồ-Tát là : Từ bực sơ tâm (là mới phát tâm tu Bồ-Tát) nhấn đến bực địa tận (là hết thấy Bồ-Tát cả Thập-Địa), như trong khoa giáo khởi trước đã biện rành, và như trong văn Bồ-xứ sau có dấu, nói Bồ-Tát rất nhiều vô-lượng, đâu có thể kể số. Công-đức là Kinh Đại-Bồ-n : Phật khen món món công-đức của Bồ-Tát ở nước kia, lập làm 23 lời dụ : 1.- Tánh Bồ-Tát kiên-cố bất-động ; như núi Tu-Di. 2.- Trí-huệ sáng-suốt như ánh sáng mặt nhật, mặt nguyệt. 3.- Tánh rộng lớn như biển, vì hay sản-xuất các của báu công-đức. 4.- Tánh sáng rõ như lửa, vì thiếu củi phiền-não. 5.- Tánh nhần-nhục như đất (đại-địa) vì bình-đẳng với tất cả chúng-sanh. 6.- Tánh thanh-tịnh như nước trong, vì rửa các trần cấu. Nhấn đến dụ 23, như Đức Từ-Thị một quán-niệm vì bình-đẳng với cả pháp-giới. Rốt lại kết rằng : Nay vì các ông Ta nói lời cốt-yếu thế thời, bằng nói rộng ra một kiếp nói cũng chẳng hết.

Thời biết số Bồ-Tát vô-lượng, vô-biên, công-đức của Bồ-Tát cũng vô-lượng, vô-biên như vậy.

SỞ : Như Kinh Hoa-Nghiêm nói : **Chỗ ở của Như-Lai, các chúng thanh-tịnh nương ở trong đó, chính đồng nghĩa đây.**

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 25 nói : Tất cả chư Phật quốc-độ trang-nghiêm. Chỗ ở của Như-Lai bất-khả tư-nghi, những chúng thanh-tịnh, có duyên đồng tu đời trước, nương ở trong đó. Trong đời vị-lai sẽ thành ngôi chánh-giác.

Chỗ ở của Như-Lai, tức là Cực-Lạc quốc-độ, của Phật A-Di-Đà. Chúng thanh tịnh kia, tức các vị Bồ-Tát, đời vị-lai sẽ thành Phật, tức văn Bồ-xứ sau có nói.

SỞ : Xứng lý, thời tự-tánh tức không, tức giả, là nghĩa Phật kia có Thanh-Văn, Bồ-Tát.

SAO : Tánh không thời lý nhưt chơn đứng lặng (chơn như bất biến). Tánh giả thời vạn dụng hằng sa (bất biến tùy duyên). Đứng lặng thời thăm-thăm không bờ mé. Hằng sa, thời rộng lớn vô cùng tận, đâu từng tính số, và khá đặng so lường ấy u. Thế thời Thánh-Hiền bực Tam-thừa chung thờ một vị

Phật ; Chơn Tục cả hai để, đồng do một cái tâm. Một tâm rõ-ràng, Phước đủ, Huệ đủ.

TÔNG - KẾT

Nầy Xá-Lợi-Phất : cõi nước Phật kia, thành-tựu công-đức trang-nghiêm như vậy.

SỐ : Kết văn trên, Thanh-Văn, Bồ-Tát là đệ-tử trang-nghiêm, đều bởi nguyện hạnh công-đức do tu nhưn đời trước của Phật kia, nên nay kết quả thành-tựu như vậy. Trong Luận nói : Như-Lai là nhóm tịnh-hoa. Hoa chánh giác đặng sanh, phải vậy.

SAO : Nguyện là : Kinh Đại-Bồn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, Bồ-Tát trong cõi Ta, thần thông, trí huệ biện-tài, Tướng-hảo oai-thần, thấy đều như Phật. Đến nay Ngài thành Phật, đặng toại sở-nguyện.

Hạnh là : Kinh Đại-Bồn nói : Khi đó Ngài Pháp-Tạng giáo-hóa chúng-sanh, tu hành pháp lục-độ, rộng làm việc giáo-hóa, đến vô-lượng chúng-sanh, phát tâm bồ-đề. Hạnh nay đặng thành-tựu, mới có đệ-tử trang-nghiêm như thế.

Nhóm Tịnh-Hoa là : Như Kinh Tịnh-Danh : Bảy giống tịnh-hoa : 1.- Giới-tịnh : Vì tịnh hết ba nghiệp. 2.- Tâm tịnh : Vì các phiền-não kiết-lậu đã tịnh. 3.- Kiến-tịnh : Vì thấy rõ tánh chơn của các pháp, không khởi vọng tưởng nữa. 4.- Độ-nghi-tịnh : Vì kiến giải sâu, thì nghi hoặc liền dứt. 5.- Phân-biệt đạo-tịnh : Vì phải đạo nên làm, không phải đạo nên bỏ. 6.- Hành-đoạn tri-kiến-tịnh : Vì chỗ làm chỗ đoạn đều thông đạt. 7.- Niết-bàn-tịnh : Vì đã chứng quả vô học (A-La-Hán).

Ngài Hải-Đông nói : Bảy món đây thuộc lời luận tụng của hàng Thanh-Văn. Nay đây cho rằng cũng đặng gồm chung Bồ-Tát, lệ như 37 phẩm, vì chung cả Đại-thừa, Tiểu-thừa.

Từ văn : Lan-can, lưới giăng hàng cây đến đây. Y, chánh cọng là 5 phen kể những món trang-nghiêm, với nghĩa của sự vật trong nước Cực-Lạc lược tột nơi đây. Văn sau chúng-sanh sanh về đó, và đi bồ-xứ v.v... cũng nhiếp thuộc trong văn chánh-báo.

VÃNG-SANH (phân ra làm hai phần)

1.- Đại-Chúng : (cả nhân chúng)

2.- Thượng-Thủ : (bực bề trên)

ĐẠI - CHỨNG

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-lạc, chúng-sanh ở các nơi được sanh về đó, đều đặng A-Bệ-Bạt-Trí.

SỐ : Nương văn trên : Chẳng những chúng hiện ở nước kia, không vị nào chẳng phải Thánh-Hiền. Nhưng hễ ai được sanh về đó, đều đặng bực Bất-thối. Chúng-sanh là cái danh-từ tóm nhiếp tất-cả. A-Bệ-Bạt-Trí là : Tàu dịch Bất-thối chuyên-địa, như kinh Đại-Bồn và trong luận đã nói : Lại có nhiều món nhơn-duyên, nên đặng bực Bất-thối. Như bộ Thập-Nghi năm món. Bộ Thông-Tán 10 việc tốt. Bộ Quán-Nghi 30 điều lợi-ích v.v...

SAO : Sanh về, đều đặng Bất-thối là : Sợ người nghi nước kia vốn nhiều Thánh-hiền. Song đều là bực Thượng-sĩ tu lâu. Người mới sanh về vị-tất đặng bất-thối. Nên văn đây nói : không luận Thánh-Phàm, hễ ai tu tri-danh niệm Phật được sanh về đó, liền đặng Bất-thối-chuyên một cách như nhau, để giải quyết cái nghi của người kia vậy.

Như trong Kinh Đại-Bồn đã nói : Người sanh về nước kia, ở với nhau bằng điều nhơn, đỗi chác nhau bằng việc nghĩa, không làm gì quấy quá, trong không có cái tâm đắm nộ, thói ngu-si.

Lại nói người sanh về nước kia, thấy đều trọn đủ 32 tướng tốt, các căn sáng ngõ, nhân đến thành Phật, chẳng mắc vào ác thú. Lại trong Luận lời tụng nói : Những chúng người và trời tâm đều bất-động, toàn là ở trong biển trí thanh-tịnh sanh ra. Bất-động, tức là Bất-thối. Bởi do sức niệm Phật, được nhờ biển trí Như-Lai thấm nhuần sanh ra, nên có tấn mà không thối.

Năm món là : Bộ Thập-Nghi-Luận nói : Có năm món nhơn-duyên nên đặng bất-thối : 1.- Nhờ nguyện-lực đại-bi Đức Di-Đà nhiếp trì nên bất-thối. Nay giải rằng : như kinh Đại-Bồn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta làm Phật, ai nghe danh hiệu Ta, qui-y tinh tấn liền đặng pháp nhẫn thứ nhất, pháp nhẫn thứ nhì và pháp nhẫn thứ ba, ở trong pháp chư Phật hằng không thối-chuyên, ví như qua biển cả, được đi chiếc tàu to, thì khỏi chìm đắm. 2.- Nhờ hào-quang Phật thường chiếu nên tâm bồ-đề tăng tiến không thối. Nay giải rằng : Như Kinh Đại-Bồn nói : Thấy hào-quang sáng của Phật, mà sanh từ-tâm ; lại người niệm Phật, Phật phóng quang-minh nhiếp hộ người ấy. Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu rọi đường tối, thì khỏi sa hầm hố. 3.- Nhờ nước, chim, cây, rừng, tiếng gió, tiếng nhạc, đều nói ra pháp khổ không, người nghe thường khởi tâm niệm Phật, Pháp, Tăng, nên Bất-thối. Nay giải rằng như Kinh đây và trong hai bộ nói : nước, chim, cây, rừng, gió, nhạc. Ví như người vong-giả nghe tiếng khánh, tiếng chuông, tăng thêm chánh-niệm. 4.- Toàn là các bực Bồ-Tát, dùng làm bạn lành, ngoài không Ma, Tà, trong không phiền-não, nên bất-thối. Nay giải rằng : Như Kinh đây nói : Cõi kia các người bực thượng-thiện đồng hội một xứ. Ví như đem con đê ở nơi xóm Trang-Nhạc (34) nước Tề thì không còn nói tiếng Sở. 5.- Nhờ thọ-mạng vĩnh-kiếp, cùng Phật bằng bực, nên bất-thối. Nay giải rằng : Như trong kinh nói : Phật và Nhơn-dân thọ-mạng vô-lượng. Ví như đi con đường muôn dặm, nương theo thời-gian lâu mau rồi rỗi cũng đến Bảo-Sở.

Còn 10 việc tốt và ba mươi điều lợi-ích, đại khái đồng với đây, vì số nhiều không dẫn.

SỞ : Lại Bất-thối có ba nghĩa : Đại-thừa Bất-thối ; Di-đắc Bất-thối. Vị-đắc Bất-thối. Lệ như kinh Di-Lặc vấn nói.

SAO : Đại-thừa Bất-thối là : Vì vãng-sanh về nước kia, là đi ngay vào bực Đại-thừa, không còn thối-chuyên làm hàng Tiều-thừa nữa, (hay nhị-thừa cũng thế).

Dĩ-đắc Bất-thối là : Vì hễ sanh về nước kia, phạm chỗ đã đặng, không còn thối-chuyển, tan mất cái minh đã có (chứng).

Vị-đắc Bất-thối là : hễ sanh về nước kia, phạm chỗ chưa đặng, không chỉ làm thối-chuyển, ngăn con đường tiến tới trước.

Lại Kinh Di-Lặc-văn nói : Tự-phần kiên-cố gọi là Bất-thối. Thăng-tấn bất-hoại, gọi là bất-chuyển. Văn đây nghĩa : Đại-thừa ; Dĩ-đắc, và vị-đắc. Ba nghĩa phối đó, thời hai nghĩa trước đồng với Tự-phần ; một nghĩa sau đồng với Thăng-tấn.

SỐ : Lại đồng tên là Bất-thối, nhưng có chỗ thấp và cao. Như trong Khởi-Tín và thuyết Ngài Diệu-Tôn, Ngài Từ-Chiếu nói v.v...

SAO : Luận Khởi-Tín nói người sanh về nước kia, thường thấy Phật, rốt đặng bực bất-thối. Lời sớ nói bất-thối có ba vị : 1.- Tín hạnh chưa đủ, chưa đặng bất-thối. Vì không có duyên thối, nên gọi là bất-thối. 2.-Vị Thập-tín đầy đủ tiến vào vị thập-tru, đặng thiếu phần pháp-thân, gọi là bất-thối. 3.- Vị Tam-hiền viên-mãn tiến vào vị. Sơ-Địa sắp tới, chứng biến mãn phần pháp thân, gọi là Bất-thối.

Lại Ngài Diệu-Tông làm lời sao nói : Bất thối có ba nghĩa : Nếu phá được kiến hoặc, tư hoặc, gọi là vị Bất-thối. Thời hằng không mất cái ngôi siêu phạm. Nếu dẹp được Trần-sa-hoặc, gọi là hạnh Bất-thối thời hằng không mất cái hạnh Bồ-Tát. Nếu phá tan được vô minh hoặc gọi là niệm Bất-thối, thời hằng không mất cái chánh niệm trung đạo.

Lại Ngài Từ-Chiếu-Tôn-Chủ, làm bộ Tứ-độ-Đồ thuyết nói : Bởi người chưa đoạn phiền-não hoặc, sanh cõi Đồng-cư, là nguyện bất thối. Người đã phá kiến hoặc, tư hoặc, sanh cõi phưng-tiện, là Hạnh bất thối. Người phá được trần-sa hoặc, và phá được một phần vô minh hoặc, sanh cõi Thiết báo, là Trí bất thối. Người phá luôn hết ba hoặc, sanh cõi Tịch-quang, là vị bất-thối. Thế thời cái tên bất thối tuy đồng, mà thấp, cao tự khác, lẹ như nghĩa cứu phạm.

SỐ : Lại trong Tứ-giáo nói bất thối, chẳng phải như nghĩa kinh này.

SAO : Trong tứ-giáo đều nói bất thối, như Tạng-giáo tu Biệt tướng niệm là bất thối. Thông-giáo Được tánh địa là bất thối. Biệt - giáo Bực Thất trụ là bất thối. Viên - giáo Bực Thất tín là bất thối. Thế thời biết từ đây sắp trước, tấn thối chưa định.

Nay người niệm Phật miễn sanh nước kia, đầu trước kia là người ác, hay súc sanh, nay cũng đặng bất thối, đầu chẳng tốt màu mau lẹ, khác hơn các kinh giáo kia !

SỐ : Xứng lý, thời tự-tánh thường trú, là nghĩa bất thối chuyên.

SAO : Vì như hư-không, từ xưa đến nay, không từng thối chuyên, đầu muốn thối chuyên, thối đến chỗ nào ?

THƯỢNG - THỦ

Trong nước kia, có nhiều vị nhứt-sanh bồ-xứ, số ấy rất nhiều chẳng phải toán số mà biết được, chỉ khá dùng số vô-lượng, vô-biên A-tăng-kỳ mà nói thôi.

SỐ : Nương văn trên nói : Người sanh nước kia, đầu những bất-thối, lại còn có bực Bồ-tát bồ-xứ, không thể kể xiết, ; đề khuyên người cầu sanh vậy. Bồ-xứ là: Chỉ một đời này, kế bồ ngôi Phật, tức bực Đăng-Giác Bồ-Tát.

SAO : Khuyên người cầu sanh là : Người sanh về đó đều được bất-thối đã hơn các nước, lại nhiều vị bồ-xứ, khá gọi rằng : Siêu vượt thù-ihắng, rất tốt đó vậy.

Chỉ một đời này là : Người ở cõi này tu-hành, bỏ thân này thọ thân khác, nghìn đời muôn đời, chưa có cùng tội, nhứt đến người chứng tam quả, cũng còn có sanh, bực A-La-Hán, mới đoạn được thân hậu-hữu. Tuy đoạn thân hậu-hữu, nhưng chưa đặng thành Phật.

Nay kinh này nói, chỉ còn một đời, kể liền bỏ đi làm Phật. Trước như Ngài Hộ-Minh, sau như Ngài Từ-Thị, là vị Bồ-tát tột ngôi. Lại kinh Đại-Bồ-n nói : Người sanh về nước kia, đều đủ 32 tướng tốt, rất ráo thâm nhập chỗ yếu nghĩa pháp mầu, đều còn một đời, sẽ bỏ-xứ làm Phật.

Cứ đây, thời như : Vị Thụ-Quân (Thái-tử) tạm ở Đông-cung, quyết định nối ngôi Nam-Diện, chẳng phải sánh với các hàng bá-quan, lần hồi thăng chức, bất quá tới bậc Nhơn-Thần cực vị mà thôi. Các vị Bồ-tát đây, cũng đều nguyện vãng-sanh, những người khinh - để cõi Tây - phương, sao mà chẳng xét cho lắm ? !

SỐ : Hỏi : Xứ kia, đức Quan-Âm, kể sẽ bỏ ngôi Phật, kể là Thế-Chí. Sau đức Thế-Chí không nghe nói bỏ ai ? Nay nói : Bỏ-xứ rất nhiều, vậy chớ ngày nào sẽ bỏ ? Lại bỏ-xứ đó vị Bồ-tát đã tiến lên hết thập-địa, vào trụ ngôi Đẳng-giác, như mặt trăng giữa các ngôi sao, đâuặng rất nhiều, đương ở nước kia ?

Đáp : Bỏ-xứ bất-tất định bỏ chỗ xứ của Phật Di-Đà, mà 10 phương thế-giới vô-tận, chư Phật nhập Niết-Bàn vô-tận, Bỏ-xứ Bồ-tát cũng vô-tận. Nhiều vị trụ trong cõi nước kia, mà đọi bỏ-xứ, thì sao lại chẳng đặng ?

Lại chư Phật cũng như vi-trần, không có cùng tận ; huống là Bồ-tát số kia rất nhiều, không đủ gì nghi, như trong Đại-Bồ-n nói.

SAO : Kinh Đại-Bồ-n nói : Phật (Thích-Ca) bảo Ngài Di-Lặc : Trong thế-giới này (Ta-Bà) có 720 ức vị Bồ tát sanh về cõi kia, mỗi mỗi vị ấy đã từng cùng-dương vô-ương (34) số Phật, như ông Di-Lặc đây ; các vị Tiểu Bồ-tát cũng được vãng-sanh không thể kể xiết. Thế-giới phương khác : 1.- Cõi Phật Quang-Viễn-Chiếu, cũng có 80 ức Bồ-tát, đều đang sanh về. 2.- Cõi Phật Bảo-Tạng, cũng có 90 ức. 3.- Cõi Phật Vô-lượng-Âm, cũng có 220 ức như thế. Lần hồi kể đến 44 cõi Phật, nhân đến vô-lượng cõi Phật, những người vãng-sanh không thể kể xiết. Chỉ nói danh hiệu Phật, cùng kiếp không hết, huống các

Bồ-tát đang sanh về đó. Nói như Di-Lặc, thời rất nhiều vị Bồ-xứ càng thêm chứng rõ.

SỞ : Như văn trước, y, chánh hai báo. Hoặc trong văn kinh có, trong văn bản-nguyện không ; hoặc trong văn bản-nguyện có, trong văn kinh không, lần thấy không ngại.

SAO : Nếu cứ theo nghĩa chúng-sanh mộ Phật phát-nguyện, nguyện mãn thành Phật, thời cõi kia mỗi món sở-hữu, đều là mỗi lời nguyện của Phật kia đã thành, thấy đều in hiệp. Nay nói lẫn nhau làm có, không đó, vì văn hơi khác, nhưng ý thời đầy-đủ vậy.

Lại như Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta làm Phật trong cõi nước Ta, các trời, Nhơn dân, tất-cả vạn-vật, đều nghiêm-tịnh sáng-suốt, hình sắc xinh-đẹp, tột-nhiệm rất mầu, không ai có thể cân lường, dầu đặng pháp thiên-nhãn-thông, cũng không thể biện biết được cái danh số đó. Xem đây, thời chỉ nói chánh-báo, y-báo, đâu chẳng nhiếp hết ? ! Chẳng nên chấp văn mà hạn nghĩa.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh quyết định thành Phật, là nghĩa nhưt-sanh bồ-xứ.

SAO : Ngài Khuê-Phong nói : Nay biết Tâm mình là Tâm Phật, quyết sẽ làm Phật. Nhưng mà Phật xưa nay vẫn thành Phật, chứ chẳng phải có làm mới đặng. Thế thời chỉ thấy cái Thi-giác-Phật mới đây, chớ không biết cái Bản-giác-Phật sẵn có. Nên gọi rằng : Bồ thời quyết định bồ. Thành Phật thời thiệt chẳng phải thành.



B.- CHÁNH THỊ NGUYỄN HẠNH LINH TRI TU CHỨNG
(phân ra làm bốn phần)

- 1.- **PHÁT-NGUYỆN** (Dấy lòng nguyện)
- 2.- **KHỞI-HẠNH** (làm công hạnh)
- 3.- **CẢM-QUÁ** (cảm được quả)
- 4.- **KẾT-KHUYẾN** (kết lời khuyên)

PHÁT-NGUYỆN (phân ra làm hai phần)

- 1.- *Khuyến phát nguyện tâm (khuyến dấy lòng nguyện)*
- 2.- *Xuất kỳ sở dĩ (chỉ lý do kia).*

KHUYẾN PHÁT NGUYỆN TÂM

Nầy Xá-Lợi-Phất ! Chúng-sanh nghe lời ấy, rồi nên phải phát nguyện sanh về nước kia.

SỐ : Văn trên : Kề bày y, chánh hai báo. Văn đây : Nói chúng-sanh được nghe lời đây, nên cần phát khởi đại-nguyện đề nguyện sanh về nước kia, ấy là : Khuyên lần thứ nhất, sau mới tráo trở tỏ bày (tráo trở là lặp đi lặp lại nhiều lần).

SAO : 1.- Khuyên lần thứ nhất là : Trong Kinh nói đi nói lại nhiều lần : Khuyên nghe, khuyên tin, khuyên nguyện, ước có bốn lần. Nay nhằm lần khuyên ban đầu : Là nghe nói đến công-đức y, chánh trang-nghiêm thù-thắng mà phát nguyện. 2.- Nói nghe nói lời ấy là : Nghe lời nói nhưt tâm tri danh, quyết định vãng-sanh, mà phát nguyện. 3.- Nói nghe kinh này đây là : Nghe nói pháp Tri-danh được Phật hộ, chẳng lui mất quả Bồ-đề, mà tin thọ ; Không nói nguyện là : Tín Thọ tức là nguyện. 4.- Nói nếu có người tin, là tổng kết cái lời nói người nghe rồi thâm tín, những người mà đã có Tín và Nguyện, thì không một người nào mà chẳng sanh, nên cần phải phát nguyện. Mỗi lần mỗi nghe, nghe lại càng sâu, mỗi lời mỗi nguyện nguyện thêm thiết thật, lời tuy tráo trở, nghĩa chẳng lặp trùng, lòng quá sâu vì thương vật, nên dạy người chẳng mỗi !

SỐ : Lại : Sự nghe nói nhiếp thuộc về nghĩa Tín, Nguyễn nó nhiếp về nghĩa Hạnh, ba việc ấy là ba món Tư lương đều đủ nơi đây.

SAO : Có nghe rồi, vậy sau mới Tín, chẳng nghe thời tin từ đâu sanh ? Có nguyện rồi vậy sau mới hành (Tu). Không nguyện thời hành do đâu khởi ? ? Văn sau nói Tín, Hạnh, là cội gốc văn đây ; Tín, Hạnh, Nguyễn, ba món Tư lương về Tịnh-Độ đầy đủ không thiếu.

SỐ : Lại lời nguyện nó có cái năng-lực bất-khả tư-nghi ! Cõi Tịnh-Độ của Phật kia, cũng vì do lời nguyện, khi lâm chung được vãng-sanh : Chỉ vì nhờ lời nguyện, hơn-quả trong ba cõi đều tùy theo lời nguyện. Các vị đại Bồ-tát đều tùy lời nguyện được vãng-sanh.

SAO : Tịnh-độ của Phật kia là : Ngài Pháp-Tạng do trong sở hơn phát 48 lời nguyện. Nay thành quả Phật, rộng độ chúng-sanh. Thời biết : Công-đức vô-cùng tận của Như-Lai, đều từ lời nguyện sanh ra, nên nói bất-khả tư-nghi.

Lâm-chung vãng-sanh là : Phạm Hạnh-Nguyễn nói : Người đó đến khi mạng-chung, tất-cả các căn, thấy đều bại-hoại, nhãn đến bà con oai-thế, voi, ngựa, trân-bảo v.v... cũng đều tan mất ; duy có lời nguyện chúa (lớn) đây, chẳng bỏ lìa nhau ; trong tất-cả thời, nó dẫn-dắt tới trước ; trong một sát-na, liền đặng sanh về thế-giới Cực-Lạc, nên nói Bất-khả tư-nghi.

Nhơn-quả trong ba cõi là : Nguyễn hưởng sự vui trên cõi trời, thời người Bản-mẫu sanh lên (35) ; Nguyễn làm ông Minh-Vương, thời vị Ngục-Thần trị quỷ (36). Món món đều tùy theo lời nguyện, chẳng phải ai bắt làm mà tự-nhiên tâm nguyện nó làm ; nên nói bất-khả tư-nghi.

Bồ-tát nguyện sanh là : Đức Phổ-Hiền nói lời Tụng rằng : Nguyễn Ta đến khi mạng sắp mất, dứt hết tất-cả các chướng-ngại. Trước mặt thấy Phật A-Di-Đà, liền đặng sanh về cõi An-Lạc ; nhãn đến nguyện nhờ đức Phật thọ-ký, rộng lợi-ích chúng-sanh v.v... Chỉ như đức Văn-Thù phát nguyện vãng-

sanh, Ngài thuyết lời kệ, cũng nói : Nguyên Ta khi mạng-chung, diệt-trừ các chướng-ngại ; mặt thấy A-Di-Đà, sanh về cõi An-Lạc, cùng đức Phổ-Hiền, như hiệp cái Phù-Tiết (37). Kia như Ngài Thiên-Thân, Ngài-Long-Thọ v.v... nhiều không kể hết, đều nguyện vãng-sanh nên nói bất-khả tư-nghì.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh trở về Bản-thê, là nghĩa nguyện sanh về nước kia.

SAO : Nếu biết Bản-thê không lìa đương xứ (Bản-thê) thời chẳng phải sanh về nước kia, mà là sanh nước đây vậy. Tuy nói, con đường 10 muôn ức, nào từng động bước trong tắc thước ! Nên nói chẳng nhọc khảy móng tay mà tới Tây-phương vậy. Như ai kia với tánh Chơn-Như mà không giữ được tự-tánh, để đến đổi tùy duyên theo năm đường, thời như đũa Cùng-tử (38) nương ngu què người linh-đỉnh vất-vả, nên phải sớm về làng cũ,

XUẤT KỲ SỞ ĐI

Lẽ ấy thế nào ? Vì được cùng các người bực Thượng-thiện như thế, đồng hội-hợp một xứ.

SỞ : Văn đây nối văn trước, gạn hỏi cho ra, vì sao dạy người, phát nguyện sanh về nước kia ? Do nước kia là cái xứ đề các người bực Thượng-Thiện hội-đồng. Nếu được sanh về nước kia, thì được vào hội tốt hơn hết. Như vậy nên phải cầu sanh.

SAO : Gạn hỏi có hai nghĩa : 1.- Cõi Ta-Bà cũng là nước Phật (Thích-Ca) hà tất xa lìa nước mình ? 2.- Trong 10 phương cõi Phật rất nhiều, vì sao cứ bảo cầu về Tây-phương ? Nên gạn hỏi căn do đó.

Đáp bằng cách dung-hòa cũng có ba nghĩa : 1.- Hoặc vì có Quốc-độ : Người, súc, quỉ, ngục, đồng nhau chung ở, thì vị-tất toàn là loài người. 2.- Hoặc có Quốc-độ, tuy thuần là loài người ở, nhưng vị-tất đều là người thiện. 3.- Hoặc có Quốc-độ, tuy thuần là người thiện ở, nhưng vị-tất đều là người Thượng-Thiện.

Nay nói rằng : Các người bực Thượng-Thiện, thời chẳng những là bực Thiện trong hạng người, cũng là bực Thiện trong bực Thiện, như văn trên đã kể bày. Các bực Thanh-Văn-Bồ-tát, nhứt đến bực Bồ-xứ, các bực đây, đều là bực người Thượng-Thiện. Nay người đặng vãng-sanh, liền cùng các bực ấy cu-hội một xứ. Chỗ gọi rằng : Quan-Âm, Thế-Chi bắt tay cùng đi ; Văn-Thù, Phổ Hiền, sát cánh bạn lành, dụ như lên chốn Long-Môn (39) cùng Dinh-Châu (40). Vì trong đời người ít có vậy. Thế nên bực Đại-Sĩ cầu vào hội Liên-lục (41) hưởng là kẻ phạm-phu ! Người xưa tìm chỗ ở, còn biết chọn làng có nhơn, phương chi trang học đạo hội tốt như đây, há chẳng muốn ư ?

SỞ : Hỏi : Người sanh về Cực-Lạc, loại kia chẳng phải một, đâu đặng đồng xưng là bực Thượng-Thiện ? Đáp : Do vì đều đặng bực Bất-thối-chuyên.

SAO : Loại kia chẳng phải một là : Có Phạm, Thánh, Đại, Tiểu, thượng, trung, hạ phẩm, phân có ngôi thứ, vậy sao nay lại lược bỏ phẩm Trung, phẩm Hạ, chỉ nói phẩm Thượng-Thiện, nên lập lời nạn đây.

Nay nói chúng-sanh, sanh về đó, đều là bực bất-thối-chuyên, thì rớt-ráo đều thành bực Vô-thượng Chánh-Giác, là cảnh-giới của Phật nên không khác vậy.

SỞ : Xưng-lý thời tự-tánh vạn thiện đồng qui (qui về tự-tánh) là nghĩa đồng-hội một xứ.

SAO : Trăm sông hội về một bể cả, các cảnh-vật hội về một cõi không, các người bực Thượng - Thiện, chẳng hội về một xứ đây, vậy chớ tính hội về đâu ?!



KHỞI - HẠNH (phân ra làm hai phần)

- 1.- *Giản Dư Hạnh* ; (chọn riêng các hạnh)
- 2.- *Thị Chánh-Hạnh* ; (chỉ ngay chánh-hạnh)

GIẢN DƯ HẠNH

Này Xá-Lợi-Phất ! Không thể do nhơn-duyên phước đức và căn lành ít, mà được vãng-sanh về nước kia đâu !

SỐ : Nương văn trên nói : Đối với bọn phàm dễ tới, bạn lành khó thân ! Huống chi với hội của bậc người Tối-Thượng-thiện há nên dùng chút Thiện chút Phước mà được sanh vào ?

Trong văn đây, Ngài Linh-Chi lấy hai chữ Thiện-Căn, làm hạnh chánh-thức, thuộc về pháp tri-danh, lấy hai chữ Phước-Đức, làm hạnh trợ (phụ) thuộc về ba việc phước của pháp tu Tịnh-nghiệp.

Ngài Hải-Đông thời gom luôn bốn chữ <Đa Thiện, Đa Phước> làm hạnh chánh nói đó là phát-tâm Bồ-đề ; lấy bốn chữ <Thiền-Thiện, Thiền-Phước> làm hạnh trợ, nói đó là pháp chấp Tri-danh hiệu. Hai nghĩa trái nhau. Nay đều vì hòa-hợp mà giải, nghĩa là : Muốn sanh về nước kia, cần phải đa thiện, đa phước mới được. Mà nay nói pháp tri-danh đây, chính là cái Thiện ở trong các hạnh Thiền, Phước trong các hạnh Phước. Chính chỗ gọi rằng : Phát tâm Bồ-đề, mà làm đại nhơn-duyên sanh về nước kia vậy.

SAO : Trái nhau là : Một ông cho pháp Tri-danh thuộc về hạnh Chánh. Một ông cho pháp Tri-danh thuộc về hạnh trợ. Hai thuyết mâu thuẫn. Mà đại-ý kinh đây, chính là trọng pháp Tri-danh. Nếu cho pháp Tri-danh là hạnh trợ ; thời văn sau nghe nói Phật A-Di-Đà, chấp Tri-danh hiệu, nghĩa phải nói làm sao cho thông ? Thế thời với pháp Tri-danh, mà cho là hạnh trợ, đoán chắc không có lý đó.

Lại Ngài Linh-Chi; Lấy ba việc phước trong Quán-Kinh phối với cái phước đức kinh đây, thời việc phước thứ ba kia chính thức là phát tâm Bồ-đề, đây, bèn thành ra hạnh trợ. Cùng Ngài Hải-Đông nói: Tâm Bồ-đề là hạnh chánh, hai Ngài cũng mâu-thuẫn. Nhưng trong Quán-Kinh lấy ba việc phước làm cái chánh-nhơn tu Tịnh-Nghiệp. Thế mà Ngài Linh-Chi nói phát Bồ-đề tâm là hạnh trợ; cũng không có lý đó.

Nay (Tổ Văn-Thê) vì hòa hợp mà giải; Lại lấy pháp Tri-danh làm hạnh chánh, còn lấy pháp Tri-danh làm phát Bồ-đề tâm, thời đều thủ ý của hai Ngài, mà hòa-hợp nghĩa kia vậy.

Thiện-căn là: Trong Quán-Kinh: Thời như văn trên nói: Việc phước thứ ba, là phát tâm Bồ-đề. Kinh Đại-Bồ-đề thời nói: Ba bậc vãng-sanh, cũng đều nói phát tâm Bồ-đề.

Căn-cứ theo đây thời: Phát tâm phạm-phu, ấy gọi là không thiện căn. Phát tâm Thanh-vấn, không phát tâm Bồ-đề, ấy gọi là thiếu Thiện căn vậy.

Phước đức là: Trong Quán-Kinh thời nói: Hiếu dưỡng Phụ, Mẫu v.v... Kinh Đại-Bồ-đề thời nói: Tu các công-đức v.v... Căn-cứ theo đây thời đối với Bồ-thí, Tri-giới v.v... nhằm đến lập chùa, tạo tượng, tham thiền, tụng kinh, khở hạnh, tất-cả việc phước, đều bỏ đi không làm, ấy gọi là vô phước-đức. Song ta làm phước đây, là trồng cái nhơn hữu-lậu, kết quả nhỏ nhỏ ở cõi Nhơn-thiên, ấy gọi là Thiểu phước đức.

Thiện trong các thiện là: Tự có năm nghĩa, do vì trong Luận Trí-Độ đủ năm món tâm Bồ-đề: 1.- Phát tâm Bồ-đề. Nghĩa là: Ở trong vô-lượng sanh-tử, phát tâm đại Bồ-đề, mà pháp tri-danh chính là ở trong cái tâm kẻ phạm-phu sanh-tử khởi tâm đại-giác. 2.- Phục Tâm Bồ-đề. Nghĩa là: Đoạn các phiền-não, bẻ dẹp tâm kia (phiền-não) vậy; mà pháp Tri-danh, thời tâm chánh-niệm vừa bày, tâm phiền-não tự diệt. 3.- Minh Tâm Bồ-đề. Nghĩa là: Rõ thấu lý thật tướng của các pháp; mà pháp Tri-danh chính là một tâm ấy, rõ thấu tất-cả thật tướng của các pháp. 4.- Xuất Đáo Bồ-đề. Nghĩa là: Đặng bậc Vô-Sanh nhần ra khỏi ngoài ba cõi, đến biên Tát-bà-Nhã

(nhứt-thế-trí) ; mà pháp Tri-danh liền đặng nhứt thứ nhứt, thứ hai, và thứ ba, mau khỏi đường sanh-tử, tới bực nhứt-thế-trí.
5.- Vô-thượng Bồ-đề. Nghĩa là : Ngồi chốn Đạo-Tràng, thành bực tối-chánh-giác ; mà pháp Tri-danh thời đặng bực Bất-thối-chuyên, thẳng đến thành Phật.

Lại Ngài Hải-Đông làm lời sớ dẫn trong phẩm Bồ-tát Tâm-địa nói : Các vị mới phát tâm tu Bồ-tát, hay thấu giữ tất cả pháp Bồ-đề phận (37 đạo phẩm) thiện-căn, thù thắng. Luận Du-Dà quyển thứ 37 nói : Bồ-tát chỗ chứa nhóm thiện-căn, dùng tín tâm tịnh diệu thuần nhứt, đề hồi hướng lên quả Vô-thượng Bồ-đề. Bộ Lương-Nhiếp, quyển thứ 10 nói : Chỗ làm căn-thiện, cũng dùng hồi-hướng lên quả Vô-thượng Bồ-đề. Thế thì các kinh đều lấy chỗ phát tâm Bồ-đề làm thiện-căn. Mà kinh đây pháp Tri-danh, chính là cái thiện-căn hồi-hướng lên quả Vô-thượng Bồ-đề vậy. Do vì đức Phật A-Di-Đà tức là ngôi Vô-thượng Bồ-đề. Đây là cái thiện trong các việc thiện, nên gọi đa thiện-căn.

Phước trong các việc phước là : Cũng có hai nghĩa :
1.- Phật A-Di-Đà là danh hiệu muôn đức, một danh ấy vừa niệm, thời muôn đức đều đủ, thế chẳng cầu phước mà phước đã đủ tròn.
2.- Do năng lực trí-niệm, tự nhiên các việc ác không khởi, các việc lành vun làm ; lấy đây tu phước, thời phước dễ nhóm. — Đây là cái phước trong các việc phước. Nên gọi đa phước đức.

SỚ : Nhơn-duyên là : Ngài Thanh-Lương nói : Chính là lấy cái mà nó hay phát khởi ra đó làm nhân. Mượn những cái giúp thành cho nhân phát khởi làm duyên. Nay kinh đây có hai nghĩa : 1.- Dùng thiện căn làm nhân, dùng phước đức làm duyên. 2.- Thiện-căn, phước-đức, mỗi cái đều có nhân-duyên.

SAO : Thiện-nhân, Phước-duyên là : Dùng thiện-căn Bồ-đề làm chánh nhân vào đạo. Như trong kinh nói : Kinh phát-tâm chánh-giác Bồ-đề, dầu tu pháp lục-độ vạn-hạnh, trái hững sa kiếp, rồi cuộc cũng không thành Phật. Cho nên biết Bồ-đề tâm là cội gốc sanh ra muôn việc lành, thế gọi là nhân. Song căn

phải làm tất cả việc phước đức, để giúp thành quả Bồ-đề ; dùng phước giúp huệ, dùng sự dễ hiểu lý, giúp đỡ vào đạo ; ấy gọi là duyên.

Đều có nhân-duyên là : Thiện-căn, phước-đức, chỗ lý-do của nó, từ đâu mà phát tâm, đều kêu là nhân. Mà thiện-căn phát-khởi, ắt có các món thiện-duyên làm trợ, phước đức phát khởi ắt có các món phước duyên làm trợ. Thế là mỗi món đều có cái duyên của nó.

SỞ : HỎI : Có sao trong Quán-kinh nói : Phát-tâm Bồ-đề đề ở về phước thứ ba ? — **ĐÁP :** Do vì phước có sự, có lý không phải chuyên về sự không.

SAO : Trong Quán-Kinh nói : Ba việc phước : 1.- Hiếu-dưỡng cha mẹ và phụng-sự Sư-trưởng, từ tâm bất sát, tu 10 thiện nghiệp. 2.- Thọ-tri pháp tam-qui, giữ đủ các giới, không trái oai-nghi. 3.- Phát tâm Bồ-đề, tin sâu lý nhơn-quả, đọc tụng kinh điển Đại-thừa, khuyến tấn người tu.

Nạn rằng : Vì sao phát tâm Bồ-Đề, mà cho nhập với hai cái trên, đồng gọi là phước ? — Nay nói phước có sự có lý. Tâm Bồ-đề đây, là trong lý Bát-Nhã, Phước to lớn như hư không không thể nghĩ lường, chẳng phải cái phước hữu-lậu cõi nhơn-thiên mà bị Tở Đạt-Ma ngài chê vậy. Cho nên hai cái phước trước còn chung với bực phạm tiểu. Duy phước đây riêng bực Đại-thừa mà thôi. Song nay lời Sở không dùng phát Bồ-đề tâm phối với phước, mà đem thuộc về thiện căn ấy là sao ? Bởi do Thiện và Phước, riêng ra thời hai, chung lại thời một. Riêng mà nói đó, thời tâm Bồ-đề, riêng thuộc về thiện-căn.

Chung lại mà nói đó, thời tâm Bồ-đề, cũng nói là phước được. Trong Quán-Kinh chung dùng, nên nói phước cũng không ngại.

Hỏi : Kinh Bảo-Tịch, kinh Đại-Bổn đều nói : « Người muốn thấy đức Vô-Lượng-Thọ Phật, phải phát tâm vô-thượng Bồ-đề, lại phải chuyên tâm tưởng niệm nước kia, và chừa uóm Thiện-căn » thời thành ra Bồ-đề và Thiện-căn tưởng

như hai việc. Nay kinh đây trực nhận thiện-căn, thuộc về tâm Bồ-đề là sao ?

Đáp : Kinh kia chỉ nói Thiện-căn. Kinh đây lại nói đa thiện-căn. Một chữ Đa, chẳng phải tâm Bồ-đề, thì lấy cái gì tương đương vào đó.

SỞ : HỎI : Chính nơi pháp tri-danh cho là đa thiện-căn phước đức ; ngoài kinh đây, riêng có kinh nào chứng cứ chẳng ? **Đáp :** có đành rành có thể chứng được như : Kinh Đại-Bi, kinh Đại-Phẩm v.v... đều có nói.

SAO : Chứng về Thiện-căn là : Kinh Đại-Bi nói : Một khi xưng danh hiệu Phật do Thiện-căn ấy, được vào cõi Niết-Bàn không thể cùng tận. Lại nói : Khi ta (Phật) diệt-độ rồi, nước Bắc Thiên-Trúc, có ông tỷ-kheo tên Kỳ-Bà-Già, tu tập vô lượng pháp « tối-thắng thiện-căn » sau khi mạng chung sanh về Tây-phương, qua trăm nghìn ức thế-giới nước Phật Vô-Lượng-Thọ. Nhân sau thành Phật hiệu là : Vô-Cầu-Quang Như-Lai. Lại Trang-Nghiêm kinh luận nói : Khi Phật còn tại thế, có một ông già, đến cầu xin xuất-gia. Ngài Xá-Lợi-Phất v.v... Các vị đại Đệ-tử đều không chịu độ. Do vì xem ông già nhiều kiếp không có thiện-căn. Phật ngài độ cho, liền chứng đạo quả, như đó Phật bảo trong Đại-chúng rằng : Ông này vô lượng kiếp về trước, làm ông tiều đốn củi, bị cọp dữ rượt chụp, hoảng hốt (sợ) bèn leo lên cây, niệm nam-mô Phật ; do thiện-căn đó, nay gặp ta đắc độ.

Kinh Hoa-Nghiêm quyển thứ 10 văn Hồi-Hướng nói : Nguyễn nhớ niệm tất cả chư Phật về đời hiện tại, vị lai, quá khứ trong vô lượng vô biên thế giới.

Và kể nói : « Do thiện-căn niệm Phật đây ». Như thế đó đều là chỗ chứng rõ rằng : pháp tri danh là đa thiện-căn.

Chứng phước-đức là : Kinh Đại phẩm Bát-nhã nói : Nếu người tán tâm mà niệm Phật, cũng đặng hết khổ, với phước kia sẽ hưởng không hết. Hưởng là định tâm nhớ niệm ư ? — Kinh Xưng-Dương chư Phật công-đức nói : Nếu có người được nghe danh hiệu Phật Vô-Lượng-Thọ Như-Lai, một

lòng tin chịu, tri độc tung niệm, người ấy sẽ đặng cái phước vô lượng, hằng khởi chốn tam-đồ. Sau khi mạng lâm-chung, sanh về cõi kia.

Luận Trí-Độ nói : Ví như có người, khi mới sanh ra lọt xuống đất, liền mỗi ngày đi nghìn dặm, đi mãi một nghìn năm, dùng của bảy báu dựng cho Phật, phước đức biết bao ! ? Thế mà chẳng bằng có người qua đời ác sau này, một tiếng xưng niệm A-Di-Đà Phật, Phước đây hơn kia.

Kinh Tăng-Nhứt A-Hàm nói : Như có người dùng tứ sự cúng-dường tất cả chúng-sanh, trong cõi Diêm-phù-Đề này được phước rất lớn. Nhưng chẳng bằng người xưng niệm danh-hiệu Phật, bằng trong những nạn sửa (giây phút) công-đức hơn trên, không thể nghĩ bàn. Phạm nghĩa như thế đó đều là chứng minh pháp Tri-danh là Đa phước-đức vậy.

Lại kinh Bảo-Tích quyển 19 nói : Bấy giờ có 1 thầy Ty-kheo nghe đức Phật (Thích-Ca) khâm khen công-đức cõi Phật Bất-Động Như-Lai, sanh tâm ham mến, mà niệm sanh về kia. Đức Phật Ngài dạy rằng : Không nên đem Tâm ái-luyến, mong đặng sanh về ; duy có trồng các thiện-bồn, tu các phạm-hạnh, mới được sanh về cõi kia. Thiện-bồn tức là thiện-căn ; phạm-hạnh tức là phước-đức. Đấy, lại đều rõ ràng để chứng-minh rằng pháp Tri-danh mới là « đa-thiện đa-phước ». Các kinh đều tán-thán, chúng ta khá chẳng tin thọ sao ?

SỞ : HỎI : Những người ở cõi này, riêng tu lý Viên-đốn, chẳng nguyện vãng-sanh, đâu được nói họ là Thiệu-thiện-cầu u ?

ĐÁP : Người tu Viên-đốn, tuy ngộ được nhứt tâm hãy còn thân hậu-hữu. Chính phải cầu sanh nước kia, thân cận Phật Di-Đà.

Kia, như chiếc xe ông Triết-Lão, ông Thanh-Công rõ-ràng úp bánh ! Nếu kia tự phụ là người Viên-đốn, chẳng nguyện vãng-sanh. Phải biết những người ấy là Thiệu-thiện-căn vậy ! Như trong kinh Hoa-Nghiêm nói thì thua thiệt biết đường nào ?

SAO : Hậu-hữu là : Thân hậu-ấm vậy ; tức là đời sau. Người tu Viên-Đốn dù chỗ kiến-giải tuy bằng với Phật, nhưng mà vô-minh thô tế, hãy chưa dứt hết, đức-tánh hằng-sa cũng chưa trọn đủ, còn có vọng-hoặc tất có luân-hồi đau khổ thân hậu-ấm. Đã còn thân hậu-ấm, thời ắt có chỗ đi thọ sanh không khỏi luân-hồi trong sáu đạo ; trừ người đã chứng lên cõi Thật-báo. Còn bao nhiêu hoặc chưa khỏi cõi nhơn-thiên. Nhưng trên cõi Trời nhiều kẻ đắm mê sự dục-lạc, trong cõi người xen lộn nhiều thống khổ ; kẻ đọa-lạc thì đông, mà người giải thoát không mấy. Thế thời chúng ta không cầu sanh về Tịnh-Độ, vậy chớ tinh sanh về đâu ?

Kia như ông Triết-Lão, nọ như ông Thanh-Công, đều xưng là người có tổ-ngộ. Mà ông Triết-Lão thân đời sau, đắm mến trong cảnh giàu sang, ông Thanh-Công thân sau, chịu nhiều sự ưu-khổ. Đều là bởi không ham mộ pháp vãng-sanh, tự mất lợi lành ; đến nỗi sa đọa nhiều đời, xa đường Bồ-đề, đau chẳng phải thiện-căn kém thiếu, mới ra như vậy ?

Nói kinh Hoa-Nghiêm là : Phạm nhập pháp-giới nói : Trên hội đức Cha-Na, các bậc đại Thanh-văn, có người không thấy Phật là do vì thiện-căn chẳng đồng, vốn chẳng tu tập thiện-căn kiến Phật tự-tại cơ vậy. Nên biết pháp chấp-trì danh-hiệu, nguyện thấy Di-Đà thành đa thiện-căn, đại thiện-căn, tối thắng thiện-căn và bất-khả-tư-nghi thiện-căn vậy.

SỞ : Xưng-lý, thời tự tánh sanh ra tất cả pháp, là nghĩa thiện-căn. Tự tánh giàu có tất cả pháp, là nghĩa Phước-đức.

SAO : « Nào dè tự-tánh, hay sanh vạn pháp ; nào dè tự-tánh vốn tự cụ-túc ».

THỊ CHÁNH HẠNH

Này Xá-Lợi-Phất ! Nếu có gã Thiện-nam người Thiện-nữ, nghe nói đến Phật A-Di-Đà, chấp trì danh hiệu đề niệm, hoặc 1 ngày, hoặc 2 ngày, hoặc 3 ngày, hoặc 4 ngày, hoặc 5 ngày, hoặc 6 ngày, hoặc 7 ngày mà nhứt tâm bất loạn.

SỐ : Nương vãn trên đa-thiện, đa-phước, mới được sanh về nước kia. Nhưng mà thiện-căn khó trồng, phước-đức khó tu, huống lại nói rằng Đa. Nhiều kiếp nhọc-nhần, không thể nên dựng. Như kinh Bảo-Tịch nói : Mười tâm. Kinh Hoa-Nghiêm nói 10 lời nguyện v.v... Nay có một pháp tri-danh vừa mau lẹ vừa gọn dễ, tức là đa-thiện, đa-phước. Nên rõ pháp tri-danh công-đức rất thù thắng.

SAO : Thiện-căn khó trồng là : Như thuở trước ông Thán-Tử (Xá-Lợi-Phất) phát tâm đại-thừa, như người Bà-La-Môn, xin trồng con mắt... mà ông bèn lui mất thiện-căn v.v... Phước-đức khó tu là : Như trong kinh Niết-bàn quyển 34 nói : Năm phẩm tâm, tu mười điều thiện ; gọi rằng phẩm hạ, phẩm trung, phẩm thượng, phẩm thượng trung, phẩm thượng thượng. Mỗi phẩm đều tu 10 thiện, thành ra năm chục. Trước tu, sau tu, mới thành 100 phước. Thế thời phước đó không để gì tu, đã rõ vậy.

Khi Bảo-Tịch nói 10 tâm là : 1.- Đối với chúng-sanh khởi tâm đại-tử, không tâm tổn-hại. 2.- Đối với chúng-sanh khởi tâm đại-bi, không tâm bứt-não. 3.- Đối với Phật-Pháp không tiếm thân mạng, lại có tâm hay giữ-gìn Phật-pháp. Nhấn đến tâm thứ 10 là đối với chư Phật xa lìa các tướng, lại hay khởi tâm tùy-niệm. Đủ mười tâm đây mới được sanh về Tịnh-Độ.

Kinh Hoa-Nghiêm nói 10 nguyện là : 1.- Lễ kính chư Phật ; nhấn đến. 10.- là phổ giai hồi-hương. Cũng do 10 nguyện đây, mới sanh về cõi nước kia.

Như trên, đều là các bậc Bồ-tát quảng đại tri-hạnh, chẳng phải dễ trồng, dễ tu. Nay pháp Tri-danh công-đức rất lớn, dầu cho mười tâm chưa đủ, mười nguyện chưa đầy. Nhưng tịnh-nghiệp một phen thành thời liền sanh về nước kia. Đã dựng sanh về nước kia, thời Tâm này, Nguyện này tự-nhiên thành-tựu : há chẳng phải đa thiện-căn, đa phước-đức đấy ư ? Chẳng trải quanh co, thế là mau lẹ. Không các việc bề bộn, thế là gọn dễ. Mau lẹ mà đến xa, gọn dễ mà dựng nhiều. Các pháp-môn khác chẳng bì kịp, thế là thù thắng vậy.

SỐ : Thiện-nam tử thiện-nữ nhơn. Chữ Thiện có hai nghĩa : 1.- Thiện-nhơn đời trước. 2.- Thiện-loại đời này. Nam, nữ là chung chỉ kẻ Tăng, người Tục, kẻ lợi người độn và tất-cả chúng-sanh trong sáu đường có duyên với pháp Tri-danh niệm Phật.

SAO : Thiện-nhơn đời trước là : Kinh Đại-Bổn nói : nhơn dân trong thế-gian, những người đời trước có làm nhơn lành nên nay mới được nghe danh-hiệu công-đức Phật A-Di-Đà. Một phen nghe danh Phật từ tâm vui thích, ý-chí thanh-tịnh ; tóc lông dựng dậy, nước mắt liền tuôn ra, người đấy hoặc đời trước từng tu Phật đạo, hoặc vị Bồ-tát cõi Thập-phương khác, vốn chẳng phải người phàm. Thế là những người tin tâm niệm Phật đều là người đời trước đã có tu gốc lành ấy vậy.

Thiện loại đời này là, như kinh Hoa-Nghiêm nói : thà ở trong các ác thú đề mà hằng được nghe danh hiệu Phật, chớ chẳng muốn sanh trong các cõi trời tam thời chẳng được nghe danh hiệu Phật. Luận rằng : Không lấy cõi nhơn thiên làm thiện, mà lấy cái được nghe danh hiệu Phật làm Thiện. Thế thời người tin tâm niệm Phật đấy, đều là bà con với bậc thượng thiện nhơn.

Tăng, tục, lợi, độn là : Pháp-môn Tịnh-độ, thâu gồm tất cả. Như kinh Đại-Bổn nói : Những người sanh lên bậc thượng phàm là người bỏ nhà, lìa tục mà làm thầy Sa-Môn và cũng có người không bỏ nhà lìa tục đấy, tức là năm chúng xuất gia, hai chúng tại gia. Hễ ai niệm Phật, đều được vãng sanh nốt, thế là chung cả kẻ tăng người tục.

Lại cõi kia hoa sen phân ra làm 9 phẩm. Phẩm thượng gồm các bậc Thanh-đức Bồ-tát, phẩm hạ kịp đến kẻ phàm phu lơ lơ, nhần đến người ác v.v... Hễ ai có niệm Phật đều được vãng sanh cả, thế là chung kẻ lợi người độn.

Lại các loài : quỷ, súc, địa-ngục, trống, mái, đực, cái cũng đều có thể kêu là nam nữ. Hễ loài nào có tâm niệm Phật, đều đặng vãng sanh, thế là chung tất cả chúng sanh vậy. Xét xưa nghiệm nay, chỉ biên một hai tích ; muốn rõ đủ đó, xin xem trong Vãng-Sanh tập.

SỞ : Văn kể đây có ba phần : Nói danh-hiệu Di-Đà, là nêu cảnh sở niệm. Nhứt tâm chấp tri là rõ pháp năng niệm. Một ngày đến bảy ngày, là hạn định kỳ niệm.

SAO : Nếu không có cảnh, thời pháp không từ đâu mà thi-thiết. Không có pháp, thời cảnh cũng là luống thối. Không kỳ hạn, thời dầu cảnh thẳng, pháp màu, cũng dài dài, lòi thối, công chẳng chóng tiến.

Đủ ba việc đây hay khiến pháp tịnh-nghiệp quyết chắc thành-tựu.

SỞ : Nêu cảnh niệm là : Đức Phật kia thành-tựu môn đức ở cõi Tịnh... Độ thân nạp hóa độ chúng-sanh. Cho nên dùng bốn chữ Hồng-Danh A-Di-Đà Phật, làm cảnh sở-niệm ; vì y theo đó tu hành có chỗ về đến.

SAO : Y-báo, chánh-báo nước Cực-Lạc, nói Phật thì đủ. Với công-đức của Phật như bề cả, cũng chỉ nói danh-hiệu là đủ rồi. Nên dùng bốn chữ danh-hiệu làm cảnh ; y theo cảnh ấy, mà gia-công chấp tri, vậy sau mới có chỗ về đến Chử Nghệ là đến vậy. Nghĩa là về đến nước kia vậy.

Hoặc có người hỏi : Ngoài tâm không có cảnh, quán tâm tức là đủ nào dùng cảnh làm chi ? — Người ấy đâu có biết tâm với cảnh là một, cũng lẫn nhau phát bày. Bực Tiên-Đức nói : Có pháp tam-muội thì chỉ quán ngay ba đường, hiển bày ông Phật bản tánh.

Có pháp tam-muội thì gồm tu phép tri-chú... có pháp tam-muội lại gồm tu sự tụng kinh... có pháp tam-muội lại gồm tu câu niệm Phật.

Nay nêu cảnh niệm, tức là gồm pháp niệm Phật tam-muội. Đây, đều dùng cảnh làm trợ duyên, để hiển-lộ ông Phật trong bản-tánh của ta. Hoặc trực-hiền bản-tánh hoặc trợ-hiền bản-tánh đến chỗ cùng tột kia cũng là một mà thôi. Hướng kẻ phạm-phu mới học chương nhiệm đậm-dày, phải toàn nhờ cảnh thù-thắng, mới phát-minh được cái diệu-tâm của ta. Thực là chức nhiệm tu hành không nên khinh dễ vậy.

SỞ: Rõ pháp niệm ấy nghĩa là: Đã nghe thánh hiện cần phải chấp tri, chấp là nghe thời lãnh thọ, chăm-hăm quả quyết không cho lay sút. Tri là lãnh thời giữ-gìn, thường hằng bền chắc không cho sót quên.

SAO: Chữ chấp-tri, phân giải như trên. Đây riêng nói chữ tri thời gồm chữ chấp. Tóm chữ chấp. Tóm lại là ý chuyên niệm không quên. Lại chữ Tri cũng có mấy cách: 1.- Minh-Tri: Nghĩa là niệm ra tiếng. 2.- Mặc-Tri: Nghĩa là niệm thầm không ra tiếng. 3.- Bán minh, bán mặc-tri: Nghĩa là niệm hơi động mới lữ. Các nhà tu tri chú gọi đó là pháp Kim-Cang-tri.

Lại hoặc tri niệm bằng cách ghi nhớ số, hoặc tri không nhớ số, đủ như trong Mật-giáo nói. Tùy tiện niệm cách nào cũng đều được cả. Nhưng mỗi mỗi đều phân có sự có lý: Nhớ niệm không gián-đoạn, đó là sự tri. Thề xét không gián đoạn đó là lý tri. Văn sau sẽ biện rõ. Lấy đây làm nhơn. Văn sau nhưt tâm bất-loạn cũng có sự và lý. Những người không hiểu ý đây, cho phép niệm Phật là dễ độ kẻ độn-căn; tu pháp Tham-Thiền mới đặng ngộ đạo. Kẻ sơ-cơ nghe lời đấy, không tự giải-quyết được. Đâu có biết pháp thề cửu niệm Phật (lý niệm), cùng các vị Tôn-Túc đời trước dạy người nói câu Thoại-Đầu đẹp tinh nghi, ý rất giống nhau. Cho nên người xưa nói: Phép Tham-Thiền không cần nói câu Thoại-Đầu nào khác, chỉ tiêu-qui trên một câu A-Di-Đà Phật thời xong. Rất mau thay lời nói đó!

SỞ: Lại chữ Chấp-tri, tức là nghĩa Qui-mạng.

SAO: Qui-mạng là: Tiếng Phạm nói: Nam-mô. (Namah-Namo). Đã giải trong lời tự trước. Nếu chẳng đem cả thân mình Qui-mạng thời đâu đặng thành nhưt-tâm chấp-tri; cho đồng một nghĩa. Chữ Qui lại có hai nghĩa: Cũng như trong lời tự trước nói: 1.- Nghĩa Qui đầu: Chấp Tri-danh hiệu, nhưt tâm hướng đến, tức là sự nhưt tâm. 2.- Nghĩa Qui-nguyên: Chấp tri danh hiệu đem trở về nơi nhưt-tâm (của mình), tức là lý nhưt-tâm vậy.

SỚ : Do văn trên trong hai : Cảnh và Pháp, lại có ba nghĩa : 1.- Nghe nói danh hiệu Phật, thế là Văn-huệ. 2.- Chấp thọ nơi lòng, thế là Tư-huệ. 3.- Giữ-gìn không quên, thế là Tu-huệ.

SAO : Văn huệ là : Đức Phật A-Di-Đà tuy có vô-lượng công-đức. Nhưng công-đức ấy, nếu không nghe thời không biết, nếu đức Thích-Ca không nói thì ta không được nghe. Nên trong Hoa-Nghiêm nói : Người đặng huệ vô sanh, do trước nhờ có đa văn. Lại nói : Phật pháp không người nói, tuy ta có huệ cũng không rõ đặng. Hoặc nghe lời trong kinh luận kia cho tỏ bày ; hoặc nghe ông Tri-Thức kia chỗ chỉ bảo, một phen nghe lọt vào lỗ tai, hằng làm hột giống của đạo, như thế đó gọi là Văn. Văn mà nói Huệ : Văn tức là Huệ. Vì sao ? Vì như đối với cây đá mà nói, thì chúng nó chai ngắc đâu có biết nghe gì đối với người ngu mà nói, thời họ nghe mà không nhận lãnh, được gì cũng như không nghe ; cho nên nói Văn Huệ.

Tư huệ là : Đã nghe vào nơi tai, phải gìn nơi tâm ; lóng xét chín xem, đó là pháp môn gì, đây là nghĩa lý làm sao, thế đó gọi là Tư. Tư mà nói rằng huệ là : Tư tức là huệ. Vì như loài cầm súc tuy có nghe, nhưng nó đâu có biết tư-tưởng gì, còn người ngu tuy có nghe, nhưng nghe vào tai nói ra nơi miệng, không nhờ tưởng chi cả ; cho nên nói Tư-huệ.

Tu huệ là : Đã sâu nghĩ đó, phải gắng sức làm theo, thế đó gọi là Tu. Tu mà nói rằng huệ là : Tu tức là huệ. Vì như người cuồng dại, tuy có suy nghĩ chỉ hao tinh nhọc thân, chớ chẳng thực hành.

Hỏi : Nay chỉ ba huệ đây, có chỗ nào chứng cứ ? Đáp : Luận Phật địa nói : Vị Bồ-tát thực hành ba diệu huệ mà được sanh về cõi Tịnh-độ ; giải rằng : Do nghe, nhờ, tu (văn, tư, tu) ba huệ đây mới vào cõi Tịnh-độ. Cho nên biết pháp niệm Phật ấy có ba huệ.

SỚ : Lại có ba nghĩa : Nghe nói danh-hiệu Phật, tâm không nghi ngờ, thế đó gọi là Tín. Tín rồi giữ-gìn,

khởi tâm ưa muốn, thế đó gọi là **Nguyện**. **Nguyện** rồi tri niệm, tâm cần tinh tấn, thế đó gọi là **Hạnh**.

SAO : Tin, **Nguyện**, **Hạnh**, trong văn sau sẽ biện.

SỐ : Chữ danh hiệu là : **Bốn chữ hồng danh** : **A-Di-Đà Phật** không gồm sắc tượng v.v... Như kinh **Văn-Thù Bát-Nhã** và trong luận **Tỳ-Bà-Sa** đã nói thì đem các món sắc tượng gồm trong danh hiệu.

SAO : Không gồm các món sắc tượng. Chính nói kinh này chuyên chú về chấp tri danh hiệu vậy. Kinh **Văn-Thù Bát-Nhã** nói : **Phật** bảo đức **Văn-Thù** : Muốn vào pháp **Nhứt-hạnh tam-muội** đây, thời phải ở chỗ vắng-lặng, bỏ hết các ý loạn ; không dùng tướng mạo, chỉ buộc tâm vào một vị **Phật**, chuyên niệm danh-tự, tùy phương sở của **Phật** kia ở, vững minh ngộ ngay hướng **Phật**, đề đối với một vị **Phật**, mỗi niệm mỗi niệm nối nhau ; tức trong niệm ấy, thấy đặng các đức **Phật**. Ở đời quá-khứ đời vị lai và đời hiện tại. Chỉ niệm công-đức một vị **Phật**, cũng đồng như niệm công-đức của vô-lượng **Đức Phật** khác. Chỗ ông **A-Nan** nghe được **Phật** pháp, còn mắc trong số lượng, chớ nếu ta đặng pháp **Nhứt-hạnh tam-muội**, thời đối với pháp-môn trong các kinh mỗi mỗi phân-biệt, thấy đều rõ biết. Ngày đêm diễn nói, tri-huệ biện-tài, không bao giờ đoạn tuyệt. Dầu ông **A-Nan** đa văn biện-tài, trăm nghìn đặng phần, chẳng kịp một phần của kẻ đắc **Nhứt-hạnh tam-muội** kia. Luận **Long-Thọ Tỳ-Bà-Sa** nói : Trong **Phật-pháp** có vô-lượng pháp-môn. Ví như con đường trong thế-gian, có khó có dễ. Với con đường dễ đi thì mau đến. Nên niệm **Phật** và xưng danh hiệu ngài. **Đức Phật A-Di-Đà** có lời **nguyện** như vậy.

Gồm trong danh hiệu ấy có hai nghĩa : 1.- Vì có danh ắt có tướng. 2.- Vì danh và tướng đều chẳng ngoài một cái **Tâm**. Thế thời niệm danh hiệu một vị **Phật**, với chánh-báo, gồm thu hết cả rồi còn nghĩ gì sắc tượng ư ?

SỐ : Nay người nghe danh hiệu **Phật**, chẳng chịu chấp-tri đó, ước có bốn chướng, bốn chướng phá trừ, mới có thể chấp-tri danh hiệu, nhắm đến **Nhứt tâm được**.

SAO : Chữ chương là : Che giấu. Do bốn món chương đây, giấu che tâm niệm không chịu chấp-trì, nên phải cần phá trừ. Bốn chương là : 1.- Có người bảo : Tức tâm là Phật, hà tất bỏ Phật mình mà niệm Phật kia ? Đâu có biết vì tức Phật là tâm, thời niệm Phật cũng không ngại gì. Bởi tức tâm là Phật, đâu chẳng tức Phật là tâm. Nếu chấp niệm tâm không chịu niệm Phật, thời thành ra tâm với Phật là hai, nghĩa chữ Tức làm sao thành lập. Thế nên lấy niệm Phật tức niệm tâm, vì cả hai không ngại. 2.- Có người bảo : Sao chẳng niệm hết thấy các đức Phật, mà cứ niệm một vị Phật ? Đâu có biết tâm chuyên chí như mới thành pháp tam-muội. Bởi vì chúng-sanh trí cạn, niệm nhiều Phật thời không xiết ; nên dùng trí mà không phân nhiều đường, thời tâm thần được ngưng định, nếu khiến tâm nhiều ngã thời công làm phải tán-loạn.

Như Ngài Phổ-Quảng Đại-Sĩ hỏi Phật : Mười phương đều có cõi Phật vì sao riêng khen cõi Tây-phương ?

Phật dạy : Người cõi Diêm-Phù-Đề, tâm phần nhiều tạp loạn ; khiến cho kia chuyên tâm về một cảnh, mới đặng vắng-sanh. Do vì các vị Phật đồng một thân pháp-tánh, nên niệm một vị Phật, tức là niệm tất-cả các vị Phật. 3.- Có người bảo : Mỗi vị Phật đều có thể niệm, sao không đề cho người kia tự-do niệm một vị Phật nào, mà cứ bắt niệm vị Phật A-Di-Đà kia ?

Đâu có biết vị Phật kia cùng các chúng-sanh riêng có nhơn-duyên vậy. Bởi vì danh hiệu Phật kia, người nào cũng đều ưa niệm ; đến nỗi người ác, có khi thoát-nhiên thốt ra tiếng niệm Phật ; nhẵn đến người gặp việc lành bất ngờ thốt lời niệm Phật vui mừng tán-thán ; còn người gặp việc ác cùng trong khi gặp nạn khổ, bỗng-nhiên thốt ra tiếng niệm Phật mà thương xót đờn đau. Vì cơ cảm nhơn-duyên, không ai bảo họ, mà họ tự nhiên niệm Phật. 4.- Có người bảo : Vì sao không niệm công-đức trí-huệ, tướng hảo quang minh của Phật, mà chỉ niệm danh hiệu ?

Đâu có biết, ở trong đời mạt pháp này, pháp tri-danh rất hợp cơ vì là bất-tư-nghi. Hợp-cơ là : Kinh Văn-Thù Bát-

Nhã nói : Chúng-sanh cơ ngu-độn, nếu dạy pháp quán tưởng thì họ không biết được, chỉ khiến niệm danh hiệu Phật, tiếng niệm nối nhau thời tự-tiện hơn, dễ được vãng-sanh.

Bất-tư-nghi là : Như văn trước đã nói : Chỉ có pháp Nhứt hạnh tam-muội này, thời chẳng những hợp với kẻ độn-cơ, mà chỗ thần-dụng của nó không lường vậy. Như trong kinh Di-Giáo Phật dạy : Tâm này kiềm chế nó lại một chỗ, thời không việc nào mà chẳng xong. Nay kinh này bảo buộc tâm vào hiệu Phật, nhấn đến nhứt tâm, thời chỗ thần-dụng đâu có thể nghĩ bàn !

SỐ : Kỳ hạn niệm là : Một ngày đến bảy ngày, thế là cái kỳ hạn đã định vậy. Bảy ngày là : Trong thế-gian và xuất-thế-gian, khi trọng cái sự gì đó, thời thường dùng con số bảy. Như nói bảy ngày niệm Phật khỏi chốn địa-ngục có vậy. Lại kỳ bảy ngày cũng có hai nghĩa, mỗi nghĩa đều có phân lợi và độn. Lại số nhiều thời kinh Đại-Bồ-n nói mười ngày. Kinh Thanh-Vương nói mười ngày. Kinh Đại-Tập nói 49 ngày. Kinh Ban-Châu nói 90 ngày v.v...

Số ít thời kinh Đại-Bồ-n nói một ngày kinh Thập-Lục-Quán nói 10 niệm v.v.. Nói ngày là : Do mặt nhứt đi ngang qua đường Xích-đạo từ tối đến sáng trong một vòng vậy.

SAO : Kỳ hạn ấy : Nếu cứ theo Đức Như-Lai về sự Ngài đặc-quả Bồ-Đề, thiết không kể đến số ngày ; thời chẳng phải số ngày, số kiếp gì hết, đâu có cái số bảy ngày. Nếu cứ trong cái hơn của vị Bồ-tát tu hành, trải qua nhiều kiếp như số vị-trần, thời vô-cùng vô-tận, đâu những bảy ngày mà thôi ?

Nay lập kỳ hạn bảy ngày đây, vì chúng-sanh đời mạt-pháp, tu các công-đức, sức tinh-tấn rất khó, mà bỏ xuôi thời dễ, nên phải có kỳ hạn mới phát tâm hăng-hái.

Vì sao trong thế-gian quý trọng số bảy ? Như phép lễ sám thời nói rằng bảy đêm. Phép trì-chú thời nói rằng bảy biển. Kinh này : Lan-can, Lưới giảng, Hàng cây, đều nói rằng

bảy lớp. Nhân đến quốc-gia lập nhà thờ tiền Tồ thời nói rằng bảy miếu, dạy dân thời nói rằng bảy năm. Và như có việc gì hết lòng thành, thời nói rằng bảy ngày trai-giới, các loại phải vậy.

Khỏi địa-ngục là : Kinh Luật Di-Tướng nói : Có ông vua hại cha, bảy ngày nữa sẽ đọa trong địa-ngục. Khi đó gặp một vị Tôn-Giá dạy : Đại-Vương nên niệm Nam-Mô-Phật. Ông vua liền nhứt tâm niệm Phật, bảy ngày không trể nải, khi mạng chung đến cửa Địa-ngục, còn niệm Nam-mô-Phật người tội trong ngục đều đặng giải-thoát.

Lợi độn là chỗ thì nói : Người lợi-căn niệm một ngày. Người độn-căn hoặc niệm đến bảy ngày. Kinh này nói : Lợi và độn hai căn, đều từ một ngày cho đến bảy ngày. Như người lợi-căn, vì tánh nhậm-lẹ, niệm một ngày thành-công liền đặng nhứt tâm, không còn tán-loạn.

Còn người hơi độn-căn, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày nhần đến bảy ngày, mời đặng thuần nhứt. Song cũng có người lợi-căn, trải đến bảy ngày, vững-vàng đợc nhứt tâm, không có một chút nào loạn. Còn người hơi độn-căn chừng sáu ngày, năm ngày, nhần đến một ngày, hoặc liền tán-loạn. Thế cho nên cái số bảy ngày ấy, đều cho kẻ Lợi-căn người Độn-căn, không riêng thuộc một kẻ nào.

Mười ngày là : Kinh Đại-Bồ-n nói : Ăn chay giữ giới thanh-tịnh, nhứt-tâm thường niệm, mười ngày đêm không ngớt, khi mạng-chung, ắt sanh về trong cõi của ta.

Lại Kinh Cồ-Âm-Vương nói : Nếu có người thọ trì danh hiệu Phật kia, kiên cố tâm mình nhớ niệm không quên, mười ngày, mười đêm, dứt hết tâm tán-loạn, ắt đặng thấy Phật A-Di-Đà kia.

Bảy lần bảy ngày (49 ngày) là : Kinh Đại-Tập nói : Nếu có người chuyên niệm vị Phật ở phương kia, hoặc đi hoặc ngồi cũng vẫn niệm, đến 49 ngày, thấy Phật hiện thân, liền đặng ãng-sanh.

90 ngày là : Kinh-Ban-Châu Tam-muội nói : Nếu có người tự thệ nguyện trong 90 ngày thường đi thường đứng trong tịnh-thất, nhứt tâm chuyên niệm, lúc ở trong thiền-định, đặng thấy Phật A-Di-Đà.

Lại Kinh Văn-Thù Bát-Nhã nói : Trong 90 ngày ấy, ngồi ngay thẳng, xây mặt về hướng Tây, chuyên niệm đức Phật kia, đặng thành pháp Tam-muội.

Một ngày là : Kinh Đại-Bồ-ni nói : Ngài pháp-Tạng nguyện rằng : Người nào nhứt tâm chuyên niệm danh hiệu Ta. Tuy chừng trong một ngày đêm mà niệm không ngớt ắt đặng vãng-sanh về cõi Ta.

Mười niệm là : Kinh Thập-Lục Quán phàm hạ-hạ nói : Người nào bị khổ ngặt quá, không rảnh niệm Phật, thời chỉ mười tiếng xưng danh hiệu Phật, v.v... Thế nên biết từ một ngày đến bảy ngày, tùy số ngày nhiều ít, đều là cái kỳ hạn niệm Phật để vãng-sanh, tùy theo sức mình làm thế nào vậy thôi.

Tối sáng một vòng là : Từ giờ tỵ, đến giờ ngọ là từ tối đến sáng. Từ giờ ngọ đến giờ tỵ, là từ sáng đến tối. Đó là một ngày đêm.

Vả chẳng, trong giây phút tâm còn có sanh diệt, huống là cả một ngày đêm ư ? Trong văn đây nói : Nhứt-tâm là : nói trong 12 giờ, mỗi niệm mỗi niệm đều là niệm Phật, không gián-đoạn ấy vậy (gián : không xen lộn niệm khác ; đoạn : không ngớt niệm Phật).

SỐ : Lại cái số bảy ngày đây, chẳng phải quyết định chỉ khi lâm chung bảy ngày ; mà cũng dùng khi bình-thời, người có định lực như thế, ắt sanh về nước kia.

SAO : Khi bình-thời là : Người chấp cái văn bảy ngày, tưởng chắc là từ một ngày cho đến bảy ngày rồi liền mạng chung, mới kêu là bảy ngày. Cho nên nói : Hoặc khi lâm chung hoặc lúc bình thời ; hễ người có cái định lực một ngày, hoặc bảy ngày, hằng nhứt tâm bất-loạn, đều đặng vãng-sanh. Nên

nói : Lúc rảnh lo sắm, để khi túng có mà dùng ; sau đến cơn lâm-chung, non-quả phù hiệp, ắt sanh về nước kia.

SỐ : Câu nhưt-tâm bất-loạn. Là nói chỗ kết quả của sự chấp trì vậy. Thật là cái yếu chỉ của một bộ kinh này.

SAO : Chữ Tâm là : Lựa khác với miệng tụng mà tâm không niệm vậy. Chữ nhưt là : Lựa khác với tâm tuy niệm, mà niệm không nhưt vậy. Chữ Bất-loạn, lựa khác với niệm tuy nhưt, mà có khi lại không nhưt. Nhưt tâm bất loạn là : công việc tu pháp Tịnh-nghiệp đã xong rồi.

SỐ : Giải thích bốn chữ đây : Trước nói tổng chỗ đại-ý, sau mới tường trần sự-lý. Đại-ý là nói : Cũng thì với bốn chữ đó ; nhưng khi thì nói xuôi lúc lại nói ngược. Như nói xuôi là : Nhưt-tâm. Nói ngược là : Bất-loạn.

SAO : Vì rằng hễ nhưt thì không loạn ; má hễ loạn thì không nhưt. Có cái Nhưt tâm thời không cái Loạn tâm. Cho nên nói rằng xuôi là ngược. Lệ như câu : « Thuần-Nhút Bất-Tạp » và câu « Tinh Nhưt vô nhị » thế vậy.

Kinh Hoa-Nghiêm khoản thập hồi hương, bài thứ 4 nói : Chỗ gọi rằng Bất-loạn hồi-hương, và Nhưt-tâm hồi-hương.

Giải rằng : Nhưt-tâm là : Chuyên chú về cảnh chánh. Bất-loạn là : Không sanh vọng-niệm. Chuyên chú cũng như không vọng, tức là cái ý xuôi ngược.

SỐ : Sau đây nói sự và lý là : Một lời nói của Đức Như-Lai Sự, Lý đều đủ, nên đồng kêu là Nhưt-tâm : có Sự có Lý, như trong kinh Đại-Bồ-n nói : Nhưt tâm kế niệm, chính chỗ gọi rằng : Nhưt-tâm bất-loạn vậy. Mà Sự và lý mỗi cái đều có khác.

Ban đầu nói Sự Nhưt-tâm là : Như văn trước nhớ niệm danh hiệu Phật mỗi niệm mỗi niệm nối nhau, không có cái niệm thứ hai ; Tín Lực thành tựu thì gọi là Sự Nhưt tâm ; nhiếp thuộc về môn Định, vì chưa có Huệ vậy.

SAO : Với văn trước : Trong pháp chấp-tri, do nhớ niệm và Thề-Cứu, lược phân làm hai món :

Nhớ niệm là : Nghe nói danh hiệu Phật, thường nhớ thường niệm, đề tâm duyên theo, mỗi chữ mỗi chữ rõ-ràng : câu trước câu sau nối nhau không dứt, Đi, Đứng, Ngồi, Nằm chỉ một niệm Phật này, không một niệm thứ hai, không bị các niệm : tham, sân, phiền-não nó làm rối rắm. Như trong kinh Thành-Cụ, Quang-Minh Định-Ý gọi rằng : Lúc ở chỗ vắng-lặng, mà vẫn nhứt-tâm ; dù khi ở chỗ đông-đảo rộn-ràng, mà cũng vẫn nhứt-tâm ; nhứt đến các chỗ : khen, chê, đắc lợi, thất bại, thiện, ác, cũng vẫn đều được Nhứt-tâm. Thế là trên Sự thời đặng, còn trên Lý chưa xong ; chỉ mới đặng Tín-Lược, vì chưa thấy Đạo nên gọi sự nhứt-tâm.

Nói chữ « Định » là : Đã dẹp được cái vọng-niệm. Nói không « Huệ » là : Do vì chưa phá được cái vọng-niệm.

SỞ : Lý nhứt tâm là : Như văn trước : Thề cứu niệm Phật, tự thấy đặng Phật tánh trong bản tâm mình cho nên gọi là Lý nhứt tâm. Đối trong đây có 2 nghĩa : 1. - Rõ biết tâm năng-niệm, ông Phật sở-niệm, lại chẳng phải hai vật chỉ là Nhứt-Tâm. 2. - Chẳng phải có ; chẳng phải không ; chẳng phải cũng có cũng không ; chẳng phải không có không không. Lia cả 4 câu, chỉ là nhứt-Tâm.

Đây, thuần là Lý-Quán, chớ không chuyên về lối Sự-Tướng. Sức quán xét được thành-tựu thì gọi là niệm Phật bằng Lý Nhứt Tâm ; vì nhiếp về môn Huệ và cũng gồm môn Định nữa.

SAO : Thề-Cứu là : Nghe nói danh hiệu Phật, chẳng những nhớ niệm mà thôi, tức vừa niệm vừa quán tưởng thể xét tìm tòi, cùng tột nguồn gốc của nó. Thể xét rất tột, tự nhiên trong bản tâm mình, thoát vạy khế hợp.

Trong có hai nghĩa là : 1. - Tức là Như và Trí không hai. Nghĩa là : Ngoài Tâm năng-niệm của ta, không có ông Phật nào là ông Phật bị niệm, đối với ta, thế là ngoài trí không

có. Như ngoài ông Phật bị niệm không có cái tâm nào là cái tâm năng-niệm đối với Phật, thế là ngoài Như không có Trí. Chẳng phải Như chẳng phải Trí, cho nên chỉ là Nhứt Tâm.

2.- Tức là Tịch và chiếu khó nghĩ khó bàn ; Nếu nói rằng là Có, thời cái Tâm năng-niệm bản-thể nó tự không, với ông Phật bị niệm hoàn-toàn không thể có.

Nếu nói rằng là không ; thời cái tâm năng-niệm lâu lâu không muội ; ông Phật bị niệm, rành-rạnh rõ-ràng. Nếu nói rằng là cũng có cũng không thời cái có niệm, cái không niệm đều mất. Nếu nói rằng không phải có không phải không, thời cái Có niệm và Không niệm đều còn.

Chẳng phải Có : Thời thường vắng-lặng. Chẳng phải Không : Thời thường Chiếu soi. Chẳng phải cả hai cũng Có, chẳng phải cả hai cũng Không, thời không Tịch, không Chiếu, mà Chiếu mà Tịch, bất đường nói, nghĩ, không hình-dạng kêu gọi (miêu tả) đặng ; vì chỉ là Nhứt-Tâm. Thế thời tinh Năng, Sở tiêu, cái chấp Hữu, Vô hết, vẫn chỉ là cái thể bản-nhiên thanh-tịnh, còn có cái vật gì nữa mà làm cho tạp-loạn ; do vì chỗ thấy Đạo chắc chắn, nên gọi là Lý Nhứt Tâm vậy.

Nói môn Huệ là : Vì hay chiếu cái vọng. Gồm môn Định là : Vì chiếu cái vọng vốn không, vọng tự dẹp vậy. Lại vì chiếu hay phá cái vọng, chẳng những dẹp (tiêu) mà thôi.

SỞ : Lại trong kinh giáo phân bốn pháp niệm Phật, từ thấp lần đến cao mà pháp xưng danh đây là ở trước hết. Tuy hai pháp sau cao hơn hai pháp trước ; thật thời hai pháp trước thấu đến hai pháp sau, do vì Lý Nhứt Tâm tức là ông Phật thật-tướng.

SAO : Bốn pháp niệm Phật đây như trong lời tự quyền trước nói : 1.- Xưng-danh ; 2.- Quán-tượng ; 3.- Quán-tướng ; 4.- Thật-tướng. Xưng-danh là : Tức kinh này nói Xưng danh hiệu Phật. Quán-tượng là : Nghĩa là thiết lập một cái hình ông Phật đứng, chăm mắt xem ngó. Như trong Kinh Pháp-Hoa nói : Đứng dậy chấp tay, nhứt tâm xem Phật, tức là quán xét tướng hảo quang-minh của ông Phật hiện-tại vậy. Như

vua Ưu-Điền, dùng gỗ chiên-đàn chạm hình tượng đức Thế-Tôn ; tức là quán-tướng ông Phật bằng đất, bằng cây, bằng vàng, bằng đồng đúc tạo nên tượng ; cho nên nói pháp Quán-tượng.

Quán tướng ấy : Nghĩa là dùng tâm mắt của ta, tướng đức Như-Lai kia. Tức kinh Quán-Phật Tam-Muội và Thập Lục-Quán có nói cả, thật vậy...

Thật tướng ấy là : Tức là niệm ông Phật Thiên-Chơn trong tánh của ta, không sanh không diệt, chẳng có chẳng không, không năng không sở. Với các tướng cũng đều là tướng, ngôn thuyết, lý tướng danh tự, lý tướng tâm duyên, thế gọi là ông Phật Thật-tướng. Nên có câu : Ta muốn thấy Cực-lạc thế-giới Phật A-Di-Đà, tùy ý liền thấy, thật vậy.

Bốn pháp trên đây tuy đồng tên là pháp niệm Phật, trước thấp sau cao, pháp tri danh tuy ở về pháp ban đầu, kỳ thật ý trùm vô tận. Vì sao ? — Vì sự nhưt tâm thời thấp, lý nhưt tâm thời cao ; tức Sự tức Lý thời tức Thấp tức Cao, nên nói thấu trước thấu sau.

Vì sao ? — Vì lý nhưt tâm ấy, Nhưt tâm tức là lý Thật tướng, thời trước hết tức là sau hết. — Hỏi : Đâu đặng pháp xưng danh, liền thành ông Phật Thật-tướng ? — Đáp : Nói Thật-tướng đấy, chẳng phải diệt hết các tướng, số là tức nơi các tướng mà vô tướng vậy. Trong kinh nói : Lời nói trị đời, đều cùng Lý thật-tướng, không trái nghịch nhau. Thế nào Vạn-đức HỒNG-danh của Phật mà chẳng bằng một lời nói trị đời hay sao ? — Kinh (Pháp-Hoa) nói một tiếng xưng niệm Nam-mô Phật, đều đã thành Phật-đạo, huống chi kinh này pháp xưng danh đặng Lý nhưt tâm,

Lại kinh Thập-Lục-Quán : pháp quán thứ chín là quán tướng hảo của Phật. Lời sơ chỉ nói : Quán pháp-thân Phật. Tướng-hảo đã tức là Pháp-thân danh hiệu đâu chẳng phải là Thật-tướng.

SỚ : Lại Lý nhưt-tâm đây, chính là : pháp Nhưt-hạnh Tam-muội trong kinh Văn-Thù ; cũng là pháp

Nhứt-hạnh niệm Phật, và pháp Nhứt-thời niệm Phật trong kinh Hoa-Nghiêm. Lại như trong Khởi-Tín nói : Chơn như Pháp-thân. Và trong các kinh nói pháp niệm Phật đồng lý nhứt tâm đây.

SAO : Văn-Thù Nhứt-Hạnh là : Dùng trí Bát-nhã chuyên tri danh hiệu Phật rõ thấy văn trước. Hoa-Nghiêm Nhứt-hạnh là : Ông Đức-Vân Tỳ-kheo dạy pháp-môn niệm Phật.

Lời sơ nói : Pháp Nhứt-Hạnh Tam-muội là quán xét pháp thân Phật kia ; lấy lý chơn-như làm cảnh, thì không cảnh nào chẳng phải thật. Lại tu pháp niệm Phật Tam-muội, phần nhiều là ước về lối niệm tu. Nghĩa là : Trước niệm ông Phật hóa thân, kế niệm ông Phật báo thân, kế nữa niệm ông Phật pháp thân. Nay kinh này một thời đồng tu, chẳng trái thứ lớp, một hạnh chớ không phải hai hạnh ; một thời chớ không phải hai thời ; cho nên nói tức là Lý nhứt tâm.

Khởi-tín nói : Chơn-như là trong luận Khởi-tín nói : Nếu ta quán xét Lý chơn như pháp thân Phật kia, thường cần tu tập, rốt ráo được vắng sanh, trụ nơi pháp Chánh-định. Lại kinh Ma-ha Bát-nhã nói : Ông Bồ-tát tu niệm Phật, không chấp hình sắc đề niệm, nhắm đến không dùng Bốn trí, 18 pháp Bất-cộng đề niệm. Do có làm sao ? — Vì các pháp đó tự tánh nó vốn không ; tự tánh không ; thời không chỗ niệm, không chỗ niệm đó là niệm Phật. Lại kinh Quán-Phật Tam-muội hải, Phật dạy ông A-Nan rằng : Trụ nơi pháp niệm Phật là tâm ấn bất hoại. Dạy rằng : Xét rõ tự tâm mình gọi là Quán Phật, không bị cảnh làm tán loạn, gọi là Tam muội. Một thể không đời gọi là Tâm ấn v.v...

Lại kinh Xá-Lợi-Phất Đà-La-Ni nói : Chỉ tu nhứt tâm niệm Phật đều là nghĩa Lý nhứt-tâm vậy.

SỞ : Lại tuy nói rằng Nhứt-tâm Thực thời trong Quán-Kinh nói : Ba Tâm. Trong Khởi-Tín nói : Ba Tâm. Trong luận nói : Ba Tâm. Nhắm đến trong kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười Tâm. Trong Bảo-Tích nói : Mười Tâm, vì không đâu chẳng đủ.

Lại kinh Tịnh-Danh nói : Tám pháp, vì cũng là Nhứt tâm, ông Đức-Vân nói : 21 pháp niệm Phật, vì cũng chẳng ra ngoài Lý nhứt tâm đây.

SAO : Trong Quán-Kinh nói : Ba Tâm là : 1) Chí-thành tâm. 2) Thâm tâm. 3) Hồi hướng phát nguyện tâm ; cùng với ba Tâm trong luận Khởi-tín, tên tuy khác mà Lý vẫn đồng. Bởi vì Chí-Thành Tâm ấy, tức là trong Khởi-Tín nói : Trục-tâm chánh-niệm lý chơn-như. Mà kinh đây nói : Nhứt tâm bất loạn, lại không lưỡng đối, lại không dôi đổi, vì tùy thuận lý chơn-như. Thâm-Tâm là : Tức như trong Khởi-Tín : Tâm ưa nhóm tất cả Thiện-căn. Mà kinh đây nói : Nhứt tâm bất loạn vì muôn việc lành đều về nơi đó. Hồi-hướng phát nguyện là : Tức như trong Khởi-Tín Tâm độ tất cả chúng-sanh. Mà kinh đây nói : Nhứt tâm bất loạn đều vì chung cả vật và ta. Trong Luận nói : Ba Tâm. 1) Thanh-Tịnh Tâm ; mà kinh đây nói : Nhứt tâm, vì không cấu nhiễm nào chẳng hết. 2) An-Thanh-Tịnh Tâm ; mà kinh đây nói : Nhứt tâm, vì lý không đâu chẳng đủ. 3) Nhạo Thanh-Tịnh Tâm ; mà kinh đây nói : Nhứt tâm, vì lòng từ không chỗ nào chẳng thu nhiếp. Cùng với hai món ba Tâm trước, chính phối-hiệp nhau vậy.

Kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười Tâm là : Trong Bồ-tát Thập-Niệm-Tạng nói đủ mười pháp niệm Phật : 1.- Tịch-Tịnh Niệm ; 2.- Thanh-Tịnh Niệm ; nhân đến 10 Vô-chương-ngại Niệm. Kinh này nói : Nhứt tâm thời bất động ; thế là Tịch-Tịnh Niệm. Nhứt tâm thời bất nhiễm ; thế là Thanh-Tịnh Niệm. Nhứt tâm thời đồng với pháp-giới, thế vô Vô-chương-ngại niệm.

Kinh Bảo-Tịch nói mười tâm là : Đã giải thấy ở văn trước. Văn trước nói mười tâm khó đủ. Văn đây nói tâm đã đặng nhứt rồi, thời Từ, Bi, Hỷ, Xả, trăm nghìn món tâm, chỗ nào lại chẳng đủ.

Kinh Tịnh-Danh nói tám pháp là : Vị Bồ-Tát thành-tựu tám pháp, hạnh không kém thiếu, được sau về Tịnh-Độ ; mà pháp thứ tám lại kết rằng : thường dùng nhứt tâm, cầu các, công-đức. Kinh đây nói : Đã nhứt tâm thời với trăm món pháp, pháp nào mà chẳng đủ.

Đức-Vân niệm Phật môn là : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm Nhập-Pháp-Giới. Ngài Đức-Vân Ty-kheo bảo ông Thiện-Tài rằng : Ta đặng pháp-môn : « Ưc niệm Nhứt-thế chư Phật cảnh-giới trí-huệ quang-minh phổ-kiến », mà lại chia ra 21 môn niệm Phật : khởi đầu từ môn Trí-quang Phổ-chiếu, rồi sau đến môn Tru hư-không. Nay đây bảo : Ngoài tâm không có cảnh-giới, ngoài tâm không có trí chiếu và ngoài tâm không có hư-không ; cho nên biết 21 môn chẳng ra ngoài một Lý nhứt tâm, thấy đều cụ-túc.

Trong kinh Na-Tiên nói : Trong các việc thiện, chỉ có Nhứt tâm là đệ nhứt. Thống nhứt được tâm kia rồi, thời các việc lành theo đó, chính ý đây vậy,

SỞ : Lại vì Nhứt tâm đây, tức là hai nghĩa Tác và Thị.

SAO : Trong Quán-Kinh nói : Khi tâm tưởng Phật, Thị tâm Tác Phật, thị tâm thị Phật. Nay kinh này nói : Nhứt-tâm tri danh, do Nhứt-tâm đây, sau sẽ làm Phật. Từ nhơn đến quả, gọi là Tác tức Nhứt-tâm đây toàn thể là Phật ; không phải Nhơn, không phải Quả ; gọi đó là Thị (phải).

SỞ : Lại nữa Nhứt tâm đây tức là Định-Thiện trong các môn Định-Thiện.

SAO : Định-thiện trong Định-thiện là : Dùng Định-thiện và Tán-thiện phân ra để nói đó. Tu các thiếu-thiện, thiếu-phước là : Tán-thiện vậy. Còn nhứt-tâm Bất-loạn ; là Định-thiện vậy. Lại lấy chữ nhứt-tâm mà phân Định và Tán ; Sự nhứt-tâm là : Tán-thiện trong Định-thiện ; Lý nhứt-tâm là : Định-thiện trong các Định-thiện vậy.

SỞ : Lại nhứt-tâm đây, tức là Pháp Niệm Phật Tam-muội của ông Bồ-tát.

SAO : Hoặc có người nghi Phật nói kinh Bồ-tát niệm Tam-muội. Trong đó đều không nói những câu Tín, Nguyên vãng-sanh v.v... chỉ nói niệm ngay Lý thật tướng của các pháp, thế gọi là niệm Phật ; tuồng như với kinh này ý nghĩa trái nhau. Nay nói kinh kia là chuyên chú về Lý ; kinh này đây

gồm cả Lý và Sự. Lý nhứt-tâm là : Niệm mà vô-niệm, tức là Lý thật-tướng. Số là kinh kia dùng vô-niệm làm chánh-nhập (Lý) Kinh đây dùng hữu niệm làm xảo-nhập. Chỗ tác-dụng có chút khác, chớ chỗ cứu-cánh vẫn đồng. Thế cho nên đồng kêu là Pháp Niệm Phật Tam-muội.

SỐ : Lại nhứt-tâm đây, tức là pháp thiền trực-chỉ của Đức Đạt-Ma.

SAO : Theo lối tâm thường người nói : Các thiền giả giấu pháp Tịnh-độ. Nay nói đức Đạt-Ma nói pháp thiền, chỉ ngay nó là tự-tánh Linh-tri của mình. Kinh đây Lý nhứt-tâm chính là tự-tánh Linh-tri. Các môn-định lập ra pháp tu chẳng đồng nhưng chỗ chứng thời không hai vậy. Hay thay lời của Ngài Trung-Phong nói rằng : Thiền đó là pháp thiền của Tịnh-độ ; Tịnh-độ đó, là pháp Tịnh-độ của pháp Thiền vậy ; có ý vị thay nói lời này.

Hoặc có người hỏi : Pháp thiền trực-chỉ, không lập văn-tự. Kinh này nói chấp-tri danh hiệu, sao cho hiệp đồng ? — Đâu có biết Tổ truyền pháp dùng bài kệ bốn câu ; Ấn tâm dùng bộ kinh bốn quyển. So với chữ danh hiệu, văn-tự kia còn nhiều hơn. Số là chẳng phải dùng đoạn diệt văn-tự là không lập vậy. Nghĩa là : Không chấp văn-tự, mà không bỏ văn-tự. Người trí rõ đó.

SỐ : Lại nhứt-tâm đây, phải biết Tâm vương, Tâm sở, không tâm nào chẳng nhứt.

SAO : Tâm vương, Tâm sở, giải thấy văn trước. Văn đây nói tám thức Tâm vương, và 51 Tâm sở lẫn-xăng chẳng đồng, lộn xộn phát khởi, mà nay nói không tâm nào chẳng nhứt là : Bởi do Tâm vương, Tâm sở tuy nhiều ; nhưng ngược-dòng tột nguồn, chẳng ra ngoài nhứt-tâm. Nay người-niệm Phật, ban đầu lấy Nhĩ-thức, nghe danh hiệu Phật kia, kể, lấy ý thức, chuyên chú nhớ niệm ; do vì chuyên niệm tóm thâu sáu căn Nhãn, Tỷ, Thiệt, Thận, Như vậy sáu thức đều chẳng hiện hành. Niệm mãi không thôi, niệm tột rồi quên chỗ gọi rằng hằng tâm tư lương (thức thứ bảy) ấy, cái tư lương kia lặng vậy,

quên mãi không thôi, quên tội rồi hóa (biến hóa) chỗ gọi rằng : Chơn, vọng hòa hiệp ấy, cái vọng kia tiêu vậy. Thời thức thứ 7, thức thức 8, cũng chẳng hiện hành. Ông chủ đã chẳng còn, kẻ tùy tùng nương vào đâu, thế là 51 tâm sở kia còn luận chi nữa, đương khi, sóng to sóng nhỏ, đều thành nước đứng ; mây đậm mây lợt, trọn hóa thành không. Bấy giờ chỉ có nhứt-tâm đây, không còn một món chi khác, cho nên không nói tâm nào chẳng nhứt vậy.

SỐ : Cho nên biết chi tâm niệm A-Di-Đà Phật một tiếng, diệt đặng tám muôn ức đường sanh tử trọng tội ; bởi vì chính chỉ cho Lý nhứt-tâm vậy. Như trong kinh Pháp-Hoa Tam-muội nói.

SAO : Có người nghi hỏi : Tội đã nhiều, kiếp nặng chương sáu, cần sám-hối cho lâu, lần chừa công-đức, họa may mới tiêu hết ; mà nay nói niệm Phật một tiếng diệt đặng tội nhiều kiếp, thành ra như làm thì ít, được quả thì nhiều, vốn không tin nổi ? — Nay chỉ nói chi tâm đây tức là Nhứt-tâm vậy. Nếu sự Nhứt-tâm, tuy hay diệt tội, vì sức hơi yếu, tội ắt hiện lại phải niệm cho nhiều, chỉ khá diệt được cái tội chút đỉnh ; nhưng mà cái chi tâm đây, chính thuộc lý nhứt. — Nhứt-tâm đã rõ ràng, thời các vọng chừa liền không. Dù như nhà tối nghìn năm, chỉ đốt một ngọn đèn, tối kia liền diệt ! Cho nên một tiếng niệm Nam-mô Phật, đều được thành quả Phật. Chẳng những kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa có nói. Mà trong kinh Pháp-Hoa Tam-Muội-Quán cũng nói : Chúng-sanh trong mười phương, một tiếng xưng niệm Nam-mô Phật ấy, đều sẽ làm Phật. Chỉ có một pháp đại-thừa, không có hai và ba. Tất cả các pháp chỉ có một tướng một môn. Chỗ gọi rằng : Vô-sanh vô diệt rốt ráo không tướng. Tập phép quán như vậy việc Ngũ-duc tự đoạn, mà ngũ-cái tự trừ, pháp ngũ-căn tăng-trưởng, liền đặng phép Thiên-định. Giải rằng : Một tiếng niệm được thành Phật là Nhứt-tâm qui-mạng, không thể nào chẳng thành Phật. Vì lia ngoài một tướng một môn của tự tâm mình, lại không có pháp nào đáng làm chỗ qui-y rốt-ráo vắng lặng cho ta được. Quán được như vậy đó, việc ngũ-duc

tự đoạn ; nhấn đến pháp lục-độ, vạn hạnh, cũng đều thành-tựu. Như trên đã nói, chẳng phải Lý nhưt-tâm chớ gì ?

Lại kinh Phật-Danh nói : Một phen nghe danh hiệu Phật, diệt vô lượng kiếp sanh tử trọng tội. Một phen nghe thời chẳng đọi xưng niệm. Vô-lượng thời chẳng những tám mươi ức kiếp. Nhơn cang hẹp mà quả cang rộng chẳng phải lý nhưt tâm đâu đặng đến bực này.

Chỉ lo là lo tâm không đặng nhưt, nào lo tội kia chẳng diệt.

SỚ : Cho nên người xưa luận chỗ tri-kiến chẳng khắp nhấn đến lời biện định tâm, chuyên tâm ; bởi vì chỉ đặng sự nhưt tâm, chớ chẳng phải Lý nhưt tâm.

SAO : Tri-kiến chẳng khắp là : Luận Hoa-Nghiêm nói đại đạo nhưt thừa, chẳng phải cảnh-giới của ông Bồ-tát muốn sanh về Tịnh-Độ ; vì lòng còn chấp Tịnh và Uế, chỗ tri-kiến chẳng khắp. Văn đây nói các vị Bồ-tát ấy, chỉ cho những vị vừa đặng sự nhưt tâm ; nếu đặng Lý nhưt, thời tỏ ngộ một cái Tâm rồi, có gì là Tịnh là Uế ? Song tuy biết Lý pháp-giới bình-đẳng, không chúng-sanh nào đề độ ; nhưng thường tu pháp Tịnh-Độ đề giáo-hóa chúng-sanh, chính chỗ gọi rằng : Bực đại-đạo Nhưt-Thừa vậy. Với chỗ tri-kiến dẫu cho khắp đủ, đâu hơn được đây.

Lại đức Phổ-Hiền Bồ-tát làm trưởng-tử trong hội Hoa-Nghiêm, chẳng phải bực Nhưt-Thừa cảnh-giới sao ? Mà muốn khi lâm-chung diện kiến Phật Di-Đà, vãng-sanh về nước An-Lạc ; rồi cũng nói Ngài tịnh vẫn còn chấp Tịnh và Uế đặng ư ?

Định tâm chuyên tâm là : Ngài Vĩnh-Minh nói : Trong chín phẩm, phẩm thượng và phẩm hạ chẳng ngoài hai tâm : 1.- Định-Tâm : Như tu pháp Thiền-Định và tập Quán-tướng, được sanh về bực Thượng-phẩm Thượng-sanh. 2.- Chuyên-tâm : Như chỉ niệm danh hiệu đặng thành phẩm chót (phẩm hạ). Nay kinh này đã nói rằng : Hễ niệm... một chữ Hễ, chính chỉ là đặng Sự mà thôi, vì chưa đặng Lý, có vậy.

SỞ : Cho nên biết người xưa nói : Người ngu cầu tu pháp Tịnh-Nghiệp đấy ; chẳng những không đặng Lý nhứt tâm, mà Sự nhứt tâm cũng không đặng nữa.

SAO : Vị Cồ-Đức nói : có người Tham-Thiền không thấy linh-nghiệm, vội bỏ nhơn trước, mai chiều lần xâu chuỗi cầu tu Tịnh-Nghiệp. Lại nói niệm mấy tiếng Phật, muốn cho khỏi cây Thiết-Bản trong tay Diêm-La Lão-tử.

Chính là chỗ làm của người ngu. Thế mà có người chấp lời nói ấy bèn sanh tâm nghi báng ; Đâu có biết, lời ấy là vì người Tham-Thiền chỉ chẳng qui nhứt, bèn bỏ việc làm của mình, mà nói, chờ chẳng phải chê pháp Tịnh-nghiệp. Cho nên chỉ nói ; Người ngu mai chiều lần xâu chuỗi cầu tu Tịnh-nghiệp ; chờ không nói người ngu mai chiều Nhứt tâm Bất loạn cầu tu Tịnh-nghiệp đâu ?

Trong Quán-Kinh nói : Hễ ai nghe danh hiệu Phật và hai vị Bồ-Tát dặng diệt vô-lượng sanh-tử các tội, hưởng chi nhớ niệm. Như niệm là chỉ cho Sự nhứt tâm vậy. Thế thời đủ biết Sự nhứt tâm, đã chẳng phải người ngu, hưởng chi là Lý nhứt ?

SỞ : Cho nên biết người tu Tịnh-nghiệp rồi lại bỏ tu các hạnh khác ; thời chẳng những chẳng biết Lý nhứt tâm, mà Sự nhứt tâm cũng chưa đặng nữa !.

SAO : Mỗi niệm mỗi niệm, đều niệm Phật, lại không còn tạp-niệm, thế gọi là Nhứt tâm. Nhứt tâm niệm Phật, rồi lại Nhứt tâm tu các pháp-môn khác, thế là nhị tâm. Và chẳng không tạp-niệm đấy, chỉ là dặng Sự nhứt tâm ; nay Sự nhứt tâm còn chưa đặng, hưởng gì là Lý nhứt. Cho nên người niệm Phật giữ chỉ không hai, chờ nhơn pháp Tam-muội khó thành, mà vội bỏ, tu qua hạnh khác. Vị Tiên-Nho (Mạnh-Tử) có nói : Chẳng nên nói cái đạo làm Nhơn khó thuần thục, mà đành làm cái đạo khác cho dễ thành (42) là nghĩa đây vậy.

SỞ : Lại bốn chữ đây, nếu giải theo cách Ly và Hiệp : Thời với Trương-Tức nên gọi là Nhứt tâm. Với Trương Phi nên gọi là Bất loạn.

SAO : Tương-Tức là : Tức không, Tức giả, Tức trung, thời như văn trước đã nói. Văn đây : Năng-niệm sở-niệm tức có mà không, (bát-nhã) tức không mà có (giải-thoát) hai bên chẳng đặng, chính giữa cũng không còn (pháp-thân), Ba đức tròn đủ, không thể phân-biệt, thế gọi là Nhứt Tâm,

Tương-Phi là : Giả chẳng phải là không, không chẳng phải là giả, Trung chẳng phải là giả là không. Thế thời năng-niệm, sở-niệm đều vong, thành đức Bát-nhã. Năng-niệm sở-niệm đều còn, thành đức Giải-thoát. Cũng còn cũng mất, hiển bày lý Trung-đạo thành đức Pháp-thân. Ba đức rõ ràng không đặng lộn-lạo, thế gọi là Bất-loạn,

SỐ : Lại Nhứt-tâm Bất-loạn đây, cũng phân ra năm giáo. Nay không nói là, do vì chính chỉ về Đốn-giáo và Viên-giáo,

SAO : Cũng phân năm giáo là : Do vì hoa sen phân làm chín phẩm, thời Tiểu, Đại, Thiên, Thâm tự có sai khác (nhiều bậc). Như Tiểu-thừa giáo nói : Bởi do tâm tạo nghiệp lành mà cảm hiện cảnh Tây-phương trước mặt là Nhứt-tâm,

Thí-giáo nói : Cảnh Tây-phương do thức A-Lai-Da biến ra là Nhứt-tâm.

Chung-giáo nói : Thức và cảnh như mộng chỉ có Như-Lai-Tạng là Nhứt-tâm.

Đốn-giáo nói : Nhiễm, Tịnh đều bật là Nhứt-tâm.

Viên giáo nói : Tổng gồm vạn-hữu tức là Nhứt-tâm.

Nhưng đức Phật Thích-Ca nói kinh đây vốn vì kẻ hạ phẩm chúng-sanh, hễ niệm danh hiệu Phật kia, liền lên bậc Bất-thối thẳng đến thành Phật, chính thuộc về Đốn-giáo, Viên-giáo. Lại kinh này nói hột giống Nhị-thừa không sanh cho nên ba giáo trước, chẳng còn phân làm năm. Với Thiện-thại nói bốn giáo cũng lệ như trên đây.

SỞ : Lại kinh đây : **Sự và Lý đều tri niệm, trong Luận Khởi-Tin có đủ ý đây.**

SAO : Trong Luận kia nói : Chuyên niệm Phật A-Di-Đà, liền dặng vãng-sanh đấy. Đây là gồm cả Sự và Lý mà nói vậy. Kể nói : Nếu niệm cái Chơn-như Pháp-thân của Phật kia. Lại nói : Tuy niệm cũng không, Năng niệm nào có thể niệm ; đều là chỉ cho Lý Nhứt-tâm vậy.

SỞ : Lại văn đây, **Sự và Lý đều tri, tức là Hiền Mật hai ý.**

SAO : Bốn chữ danh hiệu (A-Di-Đà Phật), toàn là tiếng Phạm ; chỉ niệm không quên, thời cùng với phép tri-chú cũng đồng, thế gọi là Mật (Mật-giáo). Vừa niệm vừa tham, quán tâm xét lý thế gọi là Hiền (Hiền-giáo). Chỗ lập môn có chút khác, nhưng chỗ qui-nguyên thì đồng : Hiền, Mật viên thông, Sự Lý không ngại vậy.

SỞ : Lại kinh đây **Sự và Lý đều tri, tuy văn trước rõ phân chỗ thẳng và liệT. Nhưng có người chuyên về Sự, có người chuyên về Lý ; cơ kia cũng lẫn thông, bất tất gì nghi ngại.**

SAO : Văn đây : Chỉ e những người mới vừa được sự niệm, họ tự nghi rằng : Lý-tánh chẳng rành, e chỗ làm của mình vô-ích chẳng ? Cho nên văn đây nói : Sự dặng thời Lý thông, để quyết tâm nghi của người kia.

Chương Đại - Thế - Chí - Viên - Thông nói : Cứ giữ pháp niệm Phật đây ; chẳng cần phương-liện khác, tự dặng tâm tởng. Ngài Không-Cốc nói : Khi niệm Phật, không cần tìm coi Phật ấy là ai, cứ như vậy thuần nhứt niệm đi, cũng có ngày tởng thật vậy.

Lại e những người chỉ cần lý niệm, họ tự nghi rằng mình niệm danh hiệu Phật ít quá hoặc đến nỗi lạc về chỗ không

chăng? Cho nên văn đây nói : Lý dặng thời Sự thông đề giải quyết tâm nghi người kia. Mỗi niệm mỗi niệm đều là Lý nhưt, thế là mỗi niệm mỗi niệm đều là Phật Di-Đà vậy. Thế thì pháp niệm xưng danh hiệu kia chẳng phải lớn sao ?

Thế cho nên : Pháp Nhiếp-tâm và pháp Thê-tâm, hai pháp niệm Phật ; vì sự lý lẫn thông, vốn chẳng hai vậy.

SỞ : Lại kinh đây, sự và lý dền trì, hoặc tiệm tấn, hoặc đốn nhập cũng tùy cơ không nhưt-định.

SAO : Tiệm tấn là : Những người căn hơi độn, trước phải cần về sự trì, sau mới dần dần xét đến lý.

Nếu người căn-tánh đại-lợi, thẳng tới chỗ lý tri gọi là đốn nhập ; chỗ tác-dụng có khác chút, nhưng đến chỗ thành công thì là vẫn đồng một.

SỞ : Lại dưới câu nhưt-tâm Bất-loạn. Có bảng kinh thêm câu chuyên trì-danh hiệu v.v... hai mươi mốt chữ. Văn đây chẳng dùng, do vì văn nghĩa chẳng thành. Nhưng y theo bản xưa, không thêm. Mà dùng cái ý câu « tức thị đa thiện phước », lời ngoài bỏ vào, chắc có lẽ như vậy.

SAO : Văn nghĩa không thành là gì ? Văn trên đã có câu chấp-tri danh hiệu bốn chữ, không nên viết thêm một câu chuyên trì-danh hiệu nữa. Bởi vì trên dưới trùng lặp, không thành văn nghĩa.

Lời cựu truyền 21 chữ đây, là thấy khắc trong bản đá ở đất Trương-Dương. Nên biết 21 chữ đây là lời giải kinh của người thuở trước, mà bản kinh đất Trương-Dương khắc lầm vào lời chánh-văn, viết lộn không phân biệt đấy. Những người thạo văn nghĩa sẽ tự thấy dặng.

SỞ : Xưng-lý, thời tự-tánh chẳng phải nhớ chẳng phải quên là nghĩa : Chấp-trì. Chẳng phải nay chẳng

phải xưa là nghĩa Bày ngày ; chẳng phải một chẳng phải nhiều là nghĩa nhứt-tâm. Chẳng phải định chẳng phải loạn là nghĩa Bất-loạn.

SAO : Tự-tánh vốn không sanh không diệt. Đâu có nhớ đâu có quên. Tự-tánh thể bất quá-khứ vị-lai, lấy gì thành nay thành xưa. Một cũng chẳng phải một, nhiều lại nào còn. Định cũng không tương định, loạn đem gởi vào đâu ? Rõ dặng như vậy, trọn ngày niệm Phật, trọn ngày niệm tâm ; trọn ngày niệm tâm là trọn ngày không niệm ; Tức tâm tức Phật, chẳng phải Phật chẳng phải tâm, thế mới gọi là người chơn niệm Phật vậy.

CHÚ - THÍCH

KINH A-DI-ĐÀ SỚ-SAO

QUYỀN THỨ BA

- (1) « Vui mà không đắm » : Sách Luận-ngữ, đức Phu-Tử nói : « Thọ Quan-thơ vui mà không đắm, thương mà chẳng hại ». Lời chú : Đắm : vui quá độ mất điều chánh-đáng. Hại : vì quá ư thương mà hại nơi Hòa.
- (2) « Thế-giới mới bình » : Đương đời đức Phật Phò-Quang, ông Tri-Địa Bồ-Tát, tu hành : bồi đắp che bằng mặt đất trên đường lộ. Đến thuở đức Tỳ-Xá Như-Lai, có nhà vua trong nước rước Phật chứng tiệc chay ; bấy giờ Bồ-tát vẫn đương bình-trị địa-giới đề đợi Phật đi qua. Như-Lai đến rờ đầu Bồ-Tát và dạy rằng : phải lo bình lấy tâm địa, thì tất nhiên thế-giới sẽ bình theo, vì cảnh không ngoài tâm.
- (3) « Tâm có cao thấp » : Kinh Duy-Ma chép : Xá-lợi-Phất nói tôi thấy thế-giới đây có gò nòng hầm hố gai góc cát sạn, các núi đất đá, như nhóp đầy-nhảy. Trời Phạm-Vương phê bình : Đó là tự Nhơn-giả tâm còn cao thấp, không nương nơi Phật-huệ, thành thử thấy thế-giới này bất-tịnh thế thôi. Nhơn đó, Phật dùng ngón chơn bắm xuống đất, tức thì đại-thiên thế-giới hiện thành cõi tịnh-bửu-nghiêm.
- (4) « Ba thứ ý-sanh-thân » : 1.- Chánh-thụ ý-sanh-thân : cái thân này sống bằng cái vui pháp tam-muội, thân này thuộc về các thánh Thanh-vấn 2.- Tánh ý-sanh-thân : sống bằng cách biết tự-tánh của các pháp, thân này thuộc về các Thánh Bồ-tát. 3.- Vô-hành tác ý-sanh-thân : sống bằng cách đều sống với các chủng-loại, thân này thuộc về của các đức Phật.
- (5) « Bốn thứ tam-muội » : 1.- Pháp tam-muội thường đi : kinh Ban-Châu dạy lập một kỳ hạn 90 ngày, chuyên tâm niệm danh hiệu

của Phật A-Di-Đà. Cũng gọi là Phật lập tam-muội ; nghĩa là trong 90 ngày đó không được ngồi nằm, chỉ đứng niệm Phật. 2.- Thường tọa tam-muội kinh Văn-Thù Văn-Bát-Nhã dạy rằng : chín mươi ngày làm kỳ hạn, chuyên tâm buộc về lý pháp-giới, chớ không kiem đến sự tướng cũng gọi là Nhất-hạnh tam-muội nghĩa là chuyên một hạnh niệm Phật bằng cách quán xét lý pháp giới. 3.- Bán hành bán tọa tam-muội : tu pháp này không nhất định kỳ hạn ; hoặc 21 ngày, hoặc bảy ngày, hoặc 10 ngày, để niệm Phật bằng cách lạy các pháp sám Phương-đăng, Pháp-hoa... Ba pháp trên đồng là quán xét lý thật tướng. 4.- Phi-hành phi-tọa tam-muội : trong các kinh về phép tu này chẳng chuyên đi và ngồi, đều thân thuộc về pháp đây, tức là tùy theo tự-y tam-muội, một pháp này chỉ thuộc sự quán.

- (6) « Đọa loài chim nầy » : Nguyên trước, thì đức Thích-Ca và ông Điều-Đạt cả hai cùng đọa làm một con chim Cộng-mạng, gọi là « Báo đồng thức dị » nghĩa là vẫn đồng một cái báo thân, mà thức tánh lại khác nhau. Thành thử một đàng làm Điều-Đạt thì ưa ngủ mãi, một đàng làm Thích-Ca thì ưa thức ; bên thức ngon kiem được quả thơm ngon để ăn ; bên ngủ thức dậy ganh ghét chỉ trích rằng : Sao lại đối ta kiem ăn một mình, và nghĩ bụng để kiem trái độc hại đi cho rồi. Nên sau khi ăn độc quả, hai mạng đều chết luôn !
- (7) « Tiếng đồn người Do » : Người Do tức là Tử-Lộ. Đức Phu-Tử nói : Người Do khỏi đồn sắc có ích gì với nhà của ta ? ! Lời chú rằng : tiếng đồn của Do nó bất hòa, vì nghe ra nó xãng quá, không dễ hòa rập với tiếng đồn của ai cả ! — « Tiếng nói nước Trịnh ». Đức Khổng-Tử nói : Buông bỏ tiếng nói của nước Trịnh, xa lời của người nịnh. Vì tiếng ấy lừa dối và tà ; người ấy là miệng lời lạnh-lợi và hại.
- (8) « Huỳnh chung đại lữ » : Âm nhạc có 12 tiếng luật : 6 tiếng thuộc dương là : 1.- Huỳnh-chung ; 2.- Thái-thốc ; 3.- Cô-tây ; 4.- Nhuy-tân ; 5.- Di-tắc ; 6.- Võ-dịch. — 6 tiếng thuộc âm là : 1.- Đại-lữ ; 2.- Giáp-chung ; 3.- Trọng-lữ ; 4.- Lâm-chung ; 5.- Nam-lữ. 6.- Ứng-chung.
- (9) « 37 đạo phàm » : xin xem cái biểu-đồ ở phần kỷ-niệm sách Khánh-Anh « văn sao » sẽ dễ hiểu hơn.

(10) « 22 căn » : 1.- Đức tin ; 2.- Tấn tới ; 3.- Nghĩ nhớ ; 4.- Lòng định ; 5.- Huệ-sáng ; 6.- Lòng lo ; 7.- Lòng mừng ; 8.- Cục khờ ; 9.- Vui sướng ; 10.- Xả bỏ ; 11.- Nhân : mắt ; 12.- Nhi : tai ; 13.- Tỷ : mũi ; 14.- Thiệt : lưỡi ; 15.- Thân : mình ; 16.- Ý : nghĩ ; 17.- Nam-căn : ngọc hành ; 18.- Nữ-căn : âm hộ ; 19.- Căn chưa biết muốn biết ; 20.- Căn đã biết ; 21.- Mạng căn, và 22.- Căn đã biết.

(11) « Năm món tà-mạng » : 1.- Mong vì lợi-duỡng mà giả dối hiện ra các tướng lạ lùng, như là : ngã ngồi, ăn ót, tịch cốc, đi đầu trần, cử cơm ăn mì, ăn bông chuối, dị-đoan, mê-tín đối gạt kẻ tín tâm, tham cầu lợi-duỡng không nghe lời cha mẹ, phản nghịch với thầy tổ bần-tông v.v... 2.- Cốt vì lợi-duỡng mà tự khoe công-phu đức-hạnh của mình ra để người kính trọng, như là : thánh thần mách bảo như thế nọ, Diêm-chúa mời hỏi như thế kia v.v... 3.- Chuyên nghề : bói quẻ, coi tướng, coi số, dùng làm cơ-quan thuyết-pháp bằng cách cát hung, họa phúc xui hên để thủ lợi. 4.- Lợi-dụng mưu thần chước quỷ, bùa ngãi thư ãm, dọa nạt hãm he, cho người khiếp sợ lo lắng ; 5.- Khoe nói kể kia dăng hộ vật kia, người nọ cúng đường món nọ, ông A có đạo tâm lắm, vì đã cúng tiền mặc áo Phật, bà B có lòng thành lắm, vì hằng bữa hộ đồ ăn cho chúng tăng. Quan lớn kia cả nhà được phúc đức nhiều lắm, vì thường ngày về chùa lạy Xá-lợi của Phật luôn v.v... ; nói những lời ấy để cảm-động lòng người, để dặng lợi-duỡng. Bởi sanh-nhai bằng cách không chánh-đáng, nên báo là tà-mạng : Trái lại là chánh-mạng.

(12) « Năm ngôi » : 1.- Ngôi tư-lương : 10 tín, 10 trụ, 10 hạnh, 10 hồi-huớng. 2.- Ngôi gia hành : 4 căn hành. 3.- Ngôi thông đạt : sơ-địa nhập tâm. 4.- Tu tập-vị : sơ-địa trụ tâm, đến thập-địa xuất-tâm. 5.- Ngôi cứu cánh : Phật vị.

Với 5 ngôi trên, có chia làm 3 A-Tăng-Kỳ, để chỉ rõ lối tu hơn chúng quả của 41 vị tu Phật ; xin xem cái biểu đồ ở Nguyên-nhơn-luận.

(13) « Nhứt bặc thập hàn » : Một ngày đan nắng, 10 ngày đan lạnh. Là ví dụ sự học hỏi, tu dưỡng của người, làm và nghĩ không thường. Thầy Mạnh nói : Mặc dầu có vật để sống nhứt trong thiên hạ, mà một ngày đem phơi nắng, mười ngày để đan lạnh, cũng

- chưa có thể sống nổi ; Việc tu học cũng thế : nếu một bữa học, 5, 10 bữa không ; thì sự kết-quả thành-công cũng khó mà thành được.
- (14) « Ngũ-dục » : cũng kêu là ngũ-trần : 1.- Sắc ; 2.- Thính ; 3.- Hương ; 4.- Vị ; 5.- Xúc. Người đời vì 5 thứ ấy mà làm cho chơn lý bị vùi lấp đi, nên gọi là trần. Lại ngũ-dục là : 1.- Tài. 2.- Sắc. 3.- Danh. 4.- Thực. 5.- Thụỵ miên. Người đời bị 5 món ấy nó kêu, gọi lòng tham muốn, nên gọi là dục. Luận Trí-độ nói : Thương cho chúng-sanh, thường bị 5 dục làm hại, vì tham cầu không thôi. Bởi 5 dục : hễ ^đđặng thì càng khốn, như lửa ho ghê ngứa, 5 dục vô ích : như chó nhăn đuốc lửa ; 5 dục thêm giành : như chim giành mồi ; 5 dục đốt người : như cầm đuốc nghịch gió ; 5 dục hại người : như đập rắn độc ; 5 dục không thật : như mơ được vàng ; 5 dục chẳng lâu : như mượn phải trả, người đời ngu si, quá tham 5 dục đến chết không buông, nên mãi luân-hồi, chịu vô-lượng khổ.
- (15) « Tám gió » : Sách Thuyết-văn chép : gió đông là gió minh-thứ, gió đông nam là gió thanh-minh ; gió nam là gió cảnh ; gió tây nam là gió lương ; gió tây là gió xương hợp ; gió tây bắc là gió bất châu ; gió bắc là gió quảng mịch ; gió đông bắc là gió dung điều.
- (16) « Tám thứ gió thanh » : Là gió trong của tám phương : 4 phương 4 góc, kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ nói : Tám thứ gió trong từ ánh sáng ra. Tờ Thiên-Thai nói : 8 thứ gió ấy, bên Tịnh-Độ hẳn không thời tiết v.v...
- (17) « Diệt-tận-định » : Tiếng Phạm : Nirodhasamàpatti. Lại tên là diệt-thụ tướng-định. Là pháp thiền-định diệt hết tâm-sở, tâm-vương của thức thứ 6, không cho nó phát-khởi hiện-hành. Các Thánh đã chứng Quả-bất-huờn nhần lên, vì mượn cái tướng vào Niết-Bàn, nên vào tu cái định này, rất lâu là ngồi định luôn 7 ngày, thuộc về cảnh-giới Trời phi-tướng. Còn chúng ngoại đạo tu vào cái định vô tâm, gọi là vô tướng, thuộc về Trời tứ-thiền. Sách Đại-thừa chương-nghĩa cuốn 2 nói : Diệt-tận-định ấy là : các thánh-nhơn lo vì cái tâm nó lao-lự lắm, nên tạm dứt cái tâm-thức đi, để đặng cái pháp hữu-vi phi sắc tâm bỏ vào chỗ tâm, nghĩa là diệt hết cái « thụ tâm-sở » cái « tướng tâm-sở » nên gọi là « Diệt-thụ tướng-định ».
- (18) « Trống trời » : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Các đức Chúa Trời ở cõi tam-thập tam-thiên, lúc nào đắm say 5 thứ dục-lạc, phóng tưng

tánh tình thì cái trống trời nó thốt tiếng ra, đề rao báo các Chúa trời rằng : cái vui ấy là vô-thường, vì vui là cái nhọn sẽ đưa đến cái khờ ; Vậy chớ nên buông lung.

- (19) « **Tiếng sấm rùng bầu** » : Lôi-âm ty như cung trời Đao-lợi ; bảo-lâm so như trống-trời, cũng là cảnh vật nói pháp để kinh-tỉnh trời người.
- (20) « **Công-đức và tánh công-đức** » : Hu-không công-đức ấy, Luận Vãng-sanh lời tụng rằng : Vô lượng bầu lẫn xâu, lưới giăng giữa hư không, mỗi thứ linh reo lên tiếng, kêu ra tiếng pháp rất hay. — Tánh công đức ấy, lời tụng rằng : Đạo chánh, từ bi lớn, vì sản-xuất các căn lành.
- (21) « ... **vô-biên quang** » : Kinh Vô-Lượng-Thọ nói : Đức Vô-Lượng-Thọ Phật có uy-thần quang minh là bực nhất... thế nên đức Vô-Lượng-Thọ Phật hiệu là : Vô-Lượng-Quang Phật, Vô-Biên-Quang Phật, Vô-Ngại-Quang Phật, Vô-Đối-Quang Phật, Diệm-Vương-Quang Phật, Thanh-Tĩnh-Quang Phật, Hoan-Hỷ-Quang Phật, Trí-Huệ-Quang Phật, Bất-Đoạn-Quang Phật, Nan-Tu-Quang Phật, Vô-Xúng-Quang Phật, và Siêu-Nhứt-Nguyệt-Quang Phật. Cả 12 Phật trên đều là mỗi tên hiệu riêng của đức Phật A-Di-Đà.
- (22) « **Số thọ trăm năm** » : Cái thời kỳ Phật Thích-Ca ra đời nhằm kiếp giảm của tiêu kiếp thứ 9. Bấy giờ số trung bình tuổi sống mỗi người là một trăm tuổi ; từ đó về sau : Cứ một trăm năm là giảm 1 tuổi... đến nay đã giảm mất 25 năm rồi, vì từ Phật ra đời đến nay đã trải qua là 2516 năm, thế thì hiện nay (năm Quý-Tỵ 1953) số trung bình mỗi người còn được 75 tuổi.
- (23) « **8 vạn tuổi** » : Là số thiếu của « 8 vạn 4 nghìn », với giữa thời kỳ tăng lấy tuổi sống của mỗi người đủ 8 vạn 4 nghìn tuổi là rất dài ; lấy tuổi sống của mỗi người còn 10 tuổi và rất ngắn.

Luận Cu-Xá nói : từ 10 tuổi đến 8 vạn, lại từ 8 vạn đến 10 tuổi. Như tiêu kiếp thứ chín này, về thời kỳ giảm ; thuở con người sống còn 60.000 tuổi, là cái thời Phật Câu-Lưu-Tôn ra đời..., cứ giảm xuống 100 năm là giảm 1 tuổi... mãi xuống thuở mà con người sống còn 100 tuổi, là cái thời Phật Thích-Ca ra đời. Luân-Vương ra đời nhằm thuở người sống đủ 8 vạn 4 nghìn

tuổi, vì là thời tăng. Đọc theo tiếng Phạm : Cakravar ti-raja, dịch : Chuyển-Luân Thánh-Vương. Luân Cu-Xá cuốn 12 nói : Châu-Nam Diêm-Phù-Đề này, về thời tăng, con người sống đủ 8 vạn tuổi, bấy giờ có vị Chuyển-Luân Thánh-Vương ra đời, thân có 32 tướng tốt ; từ 8 vạn 4 ngàn tuổi của mỗi người sống, là cái thời của Luân-Vương ra đời ; đến thời giảm : từ mỗi người sống còn chỉ tám vạn tuổi sắp xuống đến chỉ còn 10 tuổi, trong thời gian đó chẳng có Luân-Vương, vì những hạnh phúc giàu, vui, sống lâu của chúng-sanh ở thế-giới này đều bị tổn giảm, mà độc ác phiền-não càng tăng thịnh, phi căn-khí của đại-nhơn, nên không có Luân-Vương ra đời.

Thiên Đê-Thích : Trời này ở trên danh núi Tu-Di, thân tướng dài một do tuần, sống lâu một ngàn tuổi, một ngày ở đây bằng một trăm năm ở dưới nhân-gian.

- (24) « **Pháp-vương** » : Pháp là vạn pháp, Vương là tự tại. Đối với vạn pháp Phật đều sáng suốt, tự tại vì không còn một pháp nào làm chướng ngại, nên gọi Pháp-vương, Kinh Duy-Ma phạm Phật-quốc nói : Đối với các pháp được tự tại, thế nên cúi đầu lạy thánh-nhơn ngôi tốt gọi là Pháp-vương. Phạm-nhơn ngôi tội gọi là Luân-vương.
- (25) « **Số tăng kỳ** » : Đọc đủ là A-Tăng-Kỳ, dịch : vô-số tiếng Phạm. Asanikhya. Cách đếm : muôn muôn là một vạo (tức), muôn vạo là triệu. Một A-Tăng-Kỳ là : một ngàn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn triệu. Tiếng Phạm lại là : Asanikhy ya tức là : 100.000.000.000.000.000.000.000.
- (26) « **10 con số lớn** » : Chưa kịp thấy ; xin nhờ vị nào rộng thấy bõ cho.
- (27) « **Số lạc xoa** » : Tiếng Phạm : Laksa. Một lạc xoa là 10 vạn. Một trăm lạc-xoa là một cu-chi, cu-chi có 3 hạng : một là mười vạn ; hai là trăm vạn ; 3 là nghìn vạn.
- (28) « **Số vô lượng** » : Sách Nhiếp-Đại-thừa, luận thích cuốn 8 nói : Không thể sánh ví để biết đặng là vô-lượng, vì quá nhiều quá lớn, chẳng kể lường. Một vô-lượng là 100.000.000.000.000.000.000.000.000.

(29) « **Ta-Bà 1 kiếp, Cực-Lạc 1 ngày đêm** » : Kiếp có 3 hạng :
1.- Tiểu kiếp, kể có 16 triệu năm (16.000.000 năm). 2.- Trung kiếp, kể có 3 trăm hai chục triệu năm (320.000.000 năm). 3.- Đại kiếp, kể có một nghìn 2 trăm 80 triệu năm.

(30) « **Một Đại-kiếp** » : Kể có 1.280.000.000 năm.

(31) « **Con cháu Vương Lão-sur** » : Uy-Âm-Vương Phật là đức Phật trước nhứt ra đời thuở không kiếp mới thành ; còn về trước thì chưa có Phật xuất thế : nên chỉ trong Tông-môn chỉ về chỗ trước nhứt, là nói rằng Uy-Âm Na-Bạn nghĩa là trước Phật Uy-Âm-Vương. Tỳ-đình-sự-uyển cuốn 5 nói: Về trước Phật Uy-Âm, đó là chỉ chỗ thật-lý ; về sau Phật Uy-Âm, đó là chỉ môn Phật-Sự. Đây là mượn đề tỷ-dụ về chỗ rõ đạo, ngộ biết rằng chỗ sơ-đắc chẳng từ nơi ai. Nghĩa là sơ-đắc ấy cực kỳ lâu xa trước hơn hết. Vì cho Phật tánh là cái có từ trước, còn Phật-Sự là việc ở sau.

Wương Lão-Sur : Đất Trì-Châu Nam-Tuyền, Ngài Phồ-Nguyễn Thiên-Sur họ Vương, thường tự xưng là Vương Lão-Sur. Ngài Hoàng-Bách đến tham học nơi Nam-Tuyền, bữa nọ đến thời cơm trưa, bưng bình-bát tới trước ngồi lên chỗ ngồi của Nam-Tuyền ; Nam-Tuyền tới sau, thấy thế hỏi : Trưởng-Lão này hành đạo tu trong khoảng năm nào ? Sur Hoàng-Bách đáp : Trước Phật Uy-Âm. Nam-Tuyền bình rằng : Cũng còn là con cháu của Vương Lão-Sur này ? Vì là cái chỗ ta đã ngồi từ trước rồi. (Nếu hiệp về lý-tánh: Thì Phật-tánh sẵn có từ Vô-Thỉ, không những từ Uy-Âm ra đời).

(32) « **Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm** » : Tiếng Phạn : Upanisad. Dịch: Gần tt, rất nhỏ, là một con số đã cùng cực ; Đại-Luận dịch là Vi-tế-phần, là phân tích đã đến chỗ tột, còn số Lân-hư nữa là hết.

(33) « **Xóm Trang nhạc** » : Đối với Đới-bất-thắng, thầy Mạnh bảo rằng :

— Ở tại nước Sở quan Đại-Phu muốn cho con mình nói tiếng nước Tề, vậy khiến người nước Tề dạy nó nói, hay là sai người nước Sở dạy nó nói ?

— Sai người nước Tề dạy nó nói.

— Chỉ có một người nước Tề dạy nó học nói tiếng nước Tề, mà chung quanh nó phần nhiều là người nước Sở hằng giờ

toàn nói tiếng nước Sở, thì dù cho hằng ngày đánh đẽ buộc nó nói tiếng nước Tề, cũng chẳng thề được ; Còn như đem nó đẽ ở giữa xóm Trang-Nhạc bên nước Tề chừng vài năm, dù mỗi ngày đánh buộc nó nói cũng không thề đặng. Tỷ rằng chúng-sanh văng ở giữa nhóm Chu-thượng Thiên-nhơn, thì đã để lại mau thành bực người bên nước Cực-Lạc.

(34) « Vô-ương-số » : Do tiếng « A-Tăng-Kỳ », mà dịch là Vô-hoặc dịch là Vô-ương. Vô-ương cũng như vô-tận, tức là vô cùng tận.

(35) « Bần mẫu sanh lên » : Thuở xưa, có một cụ già, hết sức nghèo khổ, đến nỗi không có cái chồi để che thân, nên thường vùi núp nơi đồng cỏ rác của chúng nhơn ở chợ đem đồ bỏ ; hằng ngày đi kiếm đồ dư thừa cận cẩu của nhơn dân vứt bỏ đem về ăn !

Tờ Ca-Diếp thấy thương muốn tạo phúc cho, nên đến xin vật ăn ; bần mẫu đem đồ cận bã đã mới lượm về dâng cho Tờ. Tôn Giả hỏi : Bà nguyện được chi ? Bà lão thưa rằng : Già này chỉ muốn trả rồi kiếp nghèo khổ, là được siêu-sanh lên cõi trời, là chi nguyện thế thôi. Vài ngày sau Bà mãn phần, thần thức được sanh lên cõi trời Đao-Lợi, hưởng phúc hơn các trời trong cõi đó.

(36) « Nhạc thần trị ngục » : Vua nước Tỳ-Sa đánh với vua nước Duy-dà-Thí, nhưng vũ-lực chẳng bằng, phải bại trận : Nghĩ giận mà thề rằng : Qua đời sau ta làm Diêm-chúa nơi Địa-ngục để trị bọn quân thù đó, còn 18 vị đại-thần kia, cũng đồng nguyện như thế để theo giúp việc. Hiện nay Diêm-chúa ở địa-ngục đó tức là vua nước Tỳ-Sa trước kia ; còn 18 vị chủ ngục hiện nay, cũng nguyện là 18 quan đại tướng quân trước đó. Đó là tùy nguyện v.v...

(37) « Hiệp như phù tiết » : Thầy Mạnh bàn rằng : Chỗ đặc chí của vua Thuấn vua Văn-Vương, được thi hành nơi Trung-Quốc, nó phù hợp nhau như cái ấn tiết. Phù-tiết : Làm bằng ngọc, hoặc tròn hay vuông theo ý định của đôi bên, giữa thì khắc chữ bằng thứ chữ triện xưa, rồi phân ra làm hai, mỗi bên cầm giữ một nửa, sau mỗi khi có tờ giấy gởi qua lại, đóng con dấu ấy, đem so mà đôi bên nó đều vừa vẹn in hích với nhau, thế là in rằng thật sự của đôi bên, khỏi bị giả mạo, nên nói hiệp như phù-tiết, nghĩa là hợp đồng với nhau.

- (38) « **Cùng tử** » : Một dụ trong 7 dụ của kinh Pháp-Hoa ; cả chúng sanh 3 giới, tỷ như kẻ Cùng-tử, vì chẳng có của cải bằng pháp tài công-đức. Kinh Pháp-Hoa phẩm Tín-giải nói : Thí như người, lúc tuổi còn nhỏ, bỏ cha trốn đi, ở lâu nước khác, 4, 5, chục năm ; đến lúc đã lớn, càng thêm cùng khổ ; Giọng rudi 4 phương, đề van xin ăn mặc... Bài thí dụ ấy, bọn 4 người giữa ông Tu-Bồ-Đề... là 4 thánh Thỉnh-văn : Sau khi lãnh được công-đức Đại-thừa, mới tự nói tỷ mình như Cùng-tử... Kinh Lăng-Nghiêm cuốn nhất nói tỷ như Cùng-tử bỏ cha trốn đi. Ông Lưu-thủy giải lời sơ rằng : Hẳn không công-đức pháp tài để nuôi pháp thân huệ mạng, nên gọi Cùng-tử !
- (39-40) « **Long môn, Dinh-Châu** » : Bên nước Tàu, đời Đông-Hán có ông Lý - Ưng là người chuộng cái khí tiết thanh - bạch cao-thượng, ít giao-thiệp với ai, người nào mà được ông thu nạp, họ lấy làm vinh diệu như được lên chốn Long-Môn ; Tỷ dụ người có danh vọng rất cao cả là Long-Môn. Thư của Lý-thái-Bạch dâng cho Hàn-kinh-Châu có 2 câu : Nhứt đấng Long-Môn giá trọng bách bội ! — Đời Đường vua Thái-Tôn mở cái quán Hàng-Văn, dùng các ông : Đỗ-như-Hối, Ngô-thế-Nam, Chử-toại-Lương... cả 18 người làm chức Học-sĩ ; Người ta khen tặng là rất vinh-hạnh, vì được tuyền vào chốn Dinh-Châu ! Là hòn núi giữa biển Đông. Sử-ký nói : Giữa biển có 3 núi thần tiên, là Bồng-Lai, Phương-trượng và Dinh-Châu (các hòn đảo nước Nhứt-Bồn ngày nay) mà người Tàu xưa cho là chỗ ở của các ông Tiên biết bay! ?
- (41) « **Cầu vào hội Liên-lục** » : Ngài Trường-Lô-Sách Thiền-sư hiệu-triệu tổ-chức thành-lập lên hội Liên-Hoa thắng, để phđ-khuyến niệm Phật. Ban đêm ông nằm mộng : Có người khăn đen áo trắng, vóc-dạng thanh tốt, chấp tay thưa rằng : Xin vào cho tôi Liên-Hoa-Thắng hội của ngài. Thiền-sư hỏi : Tên Chi ? — Phđ-Huệ. Biên rồi. — Gia huynh tôi là Phđ-Hiền cũng nhờ ngài biên vào. Đến chừng thức giấc dậy, Thiền sư nhớ lại trong phẩm Ly-thế-gian của kinh Hoa-Nghiêm có danh đức của hai vị Bồ-tát ấy, thành thử đem hai đức Bồ-tát đứng đầu hội.

« Chọn xóm có ngon » Sách Luận-Ngữ, đức Phu-Tề nói : Xóm nào mà nhân dân lòng đều có ngon, mới là thuần phong mỹ-tục ; người mà chẳng chọn chỗ ở có điều nhân, thì đâu phải là có trí !

(42) « **Đạo** **nhơn** **khó** **thực**, **đạo** **khác** **khó** **thành** » : Với Ngũ Cốc là thứ giống rất tốt, vì loài người sống nhờ nó, nên đã tặng cho nó một danh rất quý báu là « hạt ngọc » ! Thế mà, nếu với việc làm mà không chuyên thực, thì trái lại, nó chẳng bằng giống Đê-Bái, là thứ lúa lép, lúa ma ! Ôi ! Với việc tu nhơn cũng thế : Cố tu làm sao cho được chuyên thực đó mà thôi ! ? Chớ đừng tưởng rằng : Với cái đạo tu nhơn cho là khó chuyên thực, rồi bỏ đi, lại tính tu qua cái đạo gì khác cho có thành. Ý là : Tu trì-danh-niệm Phật khó chuyên thực, rồi thôi đi, để tu pháp gì khác cho mau thành ! Thì ra, người như thế đó, dù tu học cái gì cũng bất thành ! Vì với cái nọ đã lam-nham, thì đầu cái kia cũng trật vuột như nhau !

PHẬT THÍCH-CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN-THÊ LÀM LỜI SỚ-SAO

QUYỂN THỨ TƯ

Đất Cờ-Hàng, chùa Vân-Thê, Sa-môn Chu-Hoàng thuật.

CẨM QUẢ (phân ra làm hai phần)

- 1.- Phật hiện ngã tiền (Phật hiện trước mặt ta)
- 2.- Ngã vãng Phật xứ (Ta sanh qua xứ Phật)

PHẬT HIỆN NGÃ TIỀN

Người kia đến khi mạng chung, Phật A-Di-Đà cùng các vị Thánh chúng, hiện ở trước mặt.

SỚ : Người kia là : Chỉ người tu pháp tri-danh niệm Phật. Nương văn trên nói : Hễ được nhứt-tâm bất loạn, thời đến khi sanh-mạng sắp cuối cùng, Phật ắt hiện trước mặt ; do vì nhờ sức mình với sức Phật lẽ cảm ứng lẫn nhau. Như trong hai bộ kinh và các kinh nói.

SAO : Sức mình là : Phạm người khi mạng-chung, lúc thân tiền-hữu sắp mãn, thân hậu-hữu chưa sanh ; thời cả đời bình sanh làm việc ác hay việc thiện, tự-nhiên bây giờ nó hiện ra trước mặt, như : việc thập-ác, việc ngũ-nghịch, thời tướng địa-ngục hiện ra trước ; xan-tham tật đố thời tướng ngạ-quỉ hiện ra trước. Nhấn đến tu ngũ-giới, thập-thiện thời cảnh nhơn-thiên hiện ra trước.

Nay người chuyên về niệm Phật, nhứt-tâm bất-loan, thời tịnh-niệm thành-tự ; trong tâm thanh-tịnh, lẽ nào Phật không hiện ra trước mặt ư ? Kinh Lăng-Nghiêm nói : Nhớ Phật niệm Phật, hoặc hiện đời, hoặc đời sau, quyết-định thấy Phật, chắc vậy.

Sức Phật là : Kinh Đại-Bổn, Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta làm Phật, trong 10 phương vô-ương số thế-giới các vị chư Thiên, Nhơn dân ai có phát-tâm Bồ-Đề, tu các việc công-đức, nguyện sanh về trong cõi của Ta ; thời đến khi mạng chung. Ta cùng đại-chúng hiện ra trước mặt người đó để dẫn về nước.

Trong bài văn Tam-Bối vãng-sanh, lại nói : Người kia khi mạng sắp chết Phật cùng các vị Thánh-chúng đều đến rước về. Trong Quán-Kinh văn Cửu-Phẩm, hoặc nói Phật A-DI-ĐÀ đến trước người tu kia, hoặc nói đến chỗ người kia, đều là cái ý hiện ra trước mặt vậy.

Nói các kinh là : Kinh Xưng-Dương chư Phật công-đức nói : Nếu có người được nghe danh-hiệu Phật Vô-Lượng-Thọ Như-Lai, nhứt tâm tin muốn, người đó khi mạng chung, Phật A-DI-ĐÀ cùng các vị Tỳ-kheo hiện ở trước người đó ; mà nó chẳng dám phá hoại cái tâm chánh-giác người kia.

Lại kinh Cồ-Âm-Vương nói : trong tứ-chúng (1), hoặc có người nào hay chơn chánh thọ-tri danh hiệu Phật kia, đến khi mạng chung, Phật A-Di-Đà liền cùng với đại-chúng, hiện ra ở trước mặt người đó, khiến cho người đó được thấy. Lại Kinh Hoa-Nghiêm quyển 46 nói : Đức Như-Lai có 10 món Phật Sự : 1.- Nếu có chúng-sanh nào chuyên tâm nhớ niệm, thời Phật hiện trước mặt người đó v.v.... Chính chỗ gọi rằng : chúng-sanh niệm Phật, Phật rước cả không bỏ sót một ai. Nếu y theo kinh Bát-Nhã ; thời sức mình lại có hai nghĩa : 1.- Sức mình niệm. 2.- Sẵn có sức Phật-tánh của mình, và thêm nhờ sức của Phật nguyện rước, mới thành ba sức. — Sức sẵn có là : Như chiếc thuyền. Sức niệm Phật là : Như buồm chèo. Sức Phật nguyện rước là : Như gió xuôi ; ba việc đủ trọn, ắt chóng lên bờ kia.

SỞ : Phật và các vị Thánh-chúng là : Phật gồm cả Báo-thân và Hóa-thân ; Thánh-chúng gồm luôn các vị Bồ-tát, hàng Thanh-văn v.v...

SAO : Gồm Báo-thân, Hóa-thân là : Trong Quán-kinh nói rõ về Phật hiện : Trước nói thân Phật cao 60 vạn ức ; kế nói thân một trượng sáu ; thứ nữa thì nói người sanh về phẩm hạ, vị Hóa-Phật đến rước. — Thế thời biết người sanh trong chín phẩm, chỗ thấy Phật chẳng đồng. Trong Nhiếp-luận cũng nói : Bực-Đẳng-Địa mới thấy được ông Phật Báo-thân lần hồi mỗi địa càng thấy thân Phật càng nhỏ nhiệm. Kinh đây chỉ nói Phật hiện chớ không phân ông Phật Báo-thân hay ông Phật Hóa-thân, do vì nói một gồm nhiều.

Gồm các vị Bồ-tát, Thanh-văn là : Như trong Quán-kinh văn Thượng-phẩm thượng-sanh, nói : Phật cùng Quan-Âm, Thế-Chí, vô số Hóa Phật trăm nghìn Bi-sô, Thịnh-văn đại-chúng vô-lượng các đức chúa trời hiện ra trước mặt người đó. Nhưng cũng có người niệm Phật, mà Phật không đến rước, để các vị Bồ-tát đến rước đấy, vẫn đây theo phần nhiều Phật rước.

SỞ : Hỏi : Con làm chung Phật hiện ra trước, cũng có ma hiện chẳng ? Đáp : Người xưa đã nói không ma ; dẫu hoặc có đó quý tại tự mình biện rành biết lấy.

SAO : Không-ma là : Riêng tu một pháp thiền-định ma ngũ-ấm nó nổi lên ; như trong Lăng-Nghiêm, trong Chỉ-Quán và các Kinh Luận, phân-biệt việc ma rất rành. Kinh đây nói người niệm Phật, nhờ sức oai-thần của Phật, sức bản-nguyên của Phật trong hào-quang lớn của Phật che-phủ, quyết không có việc ma nó phá. Song cũng có người nghiệp-chướng đời trước sâu dày ; hoặc không khéo dụng tâm, để cho có ma nổi lên chưa chắc có thể quyết-định được, phải phòng biện rành biết lấy.

Như trong kinh, Luận nói : Người tu thấy Phật muốn biện-bạch biết cho rành, thời có hai phép như đây : 1.- Thấy Phật hiện mà không hiệp với trong Kinh, Luận, thì đó là ma sự ; 2.- Không hiệp với chỗ tu của mình, thì đó là ma sự. Sở

đĩ vì sao ? Do vì với người riêng tu pháp thiền-định thời gốc chỗ tu nhơn, là duy nhận có tự tâm chờ không nhận có nương nơi cảnh, cho nên ngoài tâm có Phật hiện, điều đó thời không cần luận, do vì quả chẳng hiệp nhơn, Kinh này nói người niệm Phật, một đời nhớ Phật, cơn lâm-chung thấy Phật, nhơn-quả phủ-hiệp, đầu dựng cho là ma sự ư ?

Nếu mà người chưa dựng rõ quyết Phật hay là ma được, thì phải như hai phép trước kia đề biện-biệt xét biết mà thôi. Hỏi : Đã nói rằng không ma ; thời ắt là thiệt Phật. Mà sao tôi nghe người xưa nói Phật không khứ không lai, nay vì lẽ gì có Phật hiện ở trước mặt người kia ? Đáp : Với cái đạo-lý cảm-ứng nó liên-lạc lẫn nhau, cũng chẳng ngại gì, với lẽ không lai mà lai, không thấy, mà thấy. Cho nên ngài Vĩnh-Minh bảo rằng : Như huyền chẳng thật, thời tâm và Phật đều quên ; nhưng tướng huyền chẳng không, thời không hoại tâm và Phật. — Lại nói : Ông Chơn-thật pháp-thân, vốn không sanh không diệt. Song từ nơi chơn Phật mà phát khởi ra ông Phật Hóa-thân, để dẫn dắt người si-mê. Đây chính là công-đức bản-nguyên của Như-Lai, khiến những chúng-sanh nào có duyên kia, chuyên tâm tưởng niệm, hay ở trong tự tâm mình thấy Phật đến rước ; chẳng phải chừ Phật thiệt có sai vị Hóa-thân đến đề rước. Thế thời với thân Phật vẫn thương vắng-lặng mà chúng-sanh thấy có khứ, có lai như hinh trong gương, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, như việc trong mộng, chẳng có chẳng không.

Lại trong kinh Pháp-Hoa nói : Do chúng-sanh muốn cho được thân Phật hóa độ, thời đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát liền hiện thân Phật ra đề vì thuyết-pháp cho nghe, cũng ý đây vậy. Cho nên hễ có nước trong thời trắng tự đến, Tâm thanh-tịnh thời Phật tự hiện ; chỗ gọi rằng cảm-ứng đạo-giao, khó nghĩ, khó bàn.

SỞ : Nên biết khi lâm-chung, thiết một tượng Phật và trợ-niệm, văn đây chép trong kinh Phật, phép đây truyền ra từ bên nước Tây-vực ; không nên nghi ngại.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 15, lời tụng nói : Hễ thấy có người lâm-chung thì ta khuyên họ niệm Phật. Lại

trương tượng Phật cho họ xem kính ; khiến người đó đối với Phật rất sanh tâm qui-ngưỡng theo Phật. Cho nên dựng thành hào-quang ấy. Lời sơ nói : Phép bên Tây-vức có người khi muốn bỏ sanh-mạng, dạy họ trở mặt về hướng Tây ; ở trước để một tượng Phật đứng, tượng kia cũng trở mặt về hướng Tây ; rồi lấy cái đầu tràng-phan treo nơi ngón tay tượng Phật, bảo người bện tay nắm đuôi phan đẩy tượng vãng-sanh theo Phật và bao nhiêu người cùng đốt hương đánh chuông trợ niệm danh hiệu Phật. Chẳng những vong-giả được sanh về ở trước Phật, cũng trọn thành được thấy hào-quang của Phật nữa. Nếu với người xuất thần đạo đi các cõi, đi ở tự-tại không ngăn-ngại, đó là bậc siêu-phàm đề ngoài lời luận. Còn hoặc người chưa được như vậy, thời phải gắng-gỗ làm theo trên đó. Nghĩa là riêng vì trương tượng Phật để trợ việc vãng-sanh ; hưởng chỉ người kia nhứt-tâm bất-loạn, cảm Phật hiện ra trước mặt ; chớ lo là ma-sự mà tự sanh tâm nghi-ngại không nên !!

SỚ : Xứng-lý thời tự-tánh vọng cùng chơn lộ, là nghĩa cơn lâm-chung Phật hiện.

SAO : Vọng-tâm chưa hết thời mờ-mờ mịt-mịt đó là cái nghĩa mạng-căn chưa đoạn ; mê-hoặc dính-chấp trước không, tình-lự tiêu, vọng-kiến hết ; tỷ như người chết nhà hư, khói tắt tro bay là cái nghĩa mạng-chung đấy. Các cái mê-vọng hết rồi, không chơn còn đợi gì nữa ? Bấy-giờ dầu cầu Phật đứng hiện ra trước mặt cũng không thể được vậy. Song mà lòng từ của Phật vô-hạn dầu đợi cơn lâm-chung mới là hiện ra trước. Thế cho nên có câu : *« luôn luôn hiện trước kể thời nhơn, mà kể thời nhơn tự chẳng biết »* (2).

NGÃ VẮNG PHẬT XỨ

Người ấy khi chết tâm chẳng điên-đảo ; liền dựng vãng-sanh về nước Cực-Lạc của Phật A-Di-Đà.

SỚ : Văn trên nói chữ « lâm » đấy : Là mạng gần muốn thác, Văn đây nói chữ « chung-thời » : Chính là nói cái lúc hơi ảm (3) trong mình sắp hết, thần-thức

đi ra. Tâm chẳng điên-đảo là do vì nhứt-tâm bất-loạn, nên chẳng điên-đảo, do vì không điên-đảo, nên chẳng sanh về chỗ khác. Liên đăng là : Nói sự vãng-sanh rất mau chóng.

SAO : Điên-đảo là do người kia khi bình-nhục thuận theo thói vọng-tưởng, không tu chánh-niệm, tâm nhiều tán-loạn. Như văn trước đã nói : Lúc sắp bỏ hơi ấm, thời một đời chỗ làm lành hay dữ ; bấy giờ đều hiện ra trước mặt ; tâm-thần lo sợ trần-trở mò-mẫn co cụm. Người đáng vào trong địa-ngục, thời tự thấy đối với núi đao, rừng kiếm, lại xem là vườn huê-kiêng (vui thích). Người đáng đọa trong loài súc-sanh, thời với bụng ngựa thai lừa lại nhận là nhà cửa. Dầu cho người làm lành, được sanh cõi người hay cõi trời đi nữa. Nhưng cũng chưa khỏi cái khổ : ghét, thương, cha, mẹ (4) ; nhần đến bực Tiểu-Thánh sơ-tâm (5) còn chưa chính biết được chỗ xuất nhập (6) ; nên chỉ gọi rằng điên-đảo (7) ; Nhơn điên-đảo đấy, nên phải tùy nghiệp thọ-sanh trong 3 cõi, 7 thú (8).

Nay kinh này nói : Đã nhứt-tâm bất-loạn, thời trong sẵn chánh-niệm, ngoài cảm Phật rước, bỏ báo-thân này, liền sanh về nước kia ; Như lời Phật dạy : « *Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh* ». Lại nói tất-cả quốc-độ, duy có tâm tưởng kiem giữ, trọn thành tâm tưởng thanh-tịnh, thời ắt đặng vãng-sanh, hẳn không nghi-ngờ gì nữa (không sợ sanh về chỗ khác).

Sanh về chỗ khác là có ba chỗ : 1.- Thế-giới Ta-Bà đây ; 2.- Cõi nước Phật khác ; 3.- Chỗ biên-địa nước kia, nay đều lựa bỏ ra đó. Chữ Tốc nghĩa Mau là : Không trải qua thân trung-âm, không cách ngày giờ. Nên trong Quán-Kinh nói : Như trong khi đờn chỉ đã sanh về nước Cực-Lạc kia rồi.

Lại Ngài Trí-Giả nói : Con lâm-chung mà tâm vẫn ở trong định, tức là cõi tịnh-độ. Khi tâm nó động niệm, tức là liền sanh về cõi lịnh-độ. Chỗ nói tâm ở trong định là : Kinh này nói tâm chẳng điên-đảo vậy. Chỗ nói tâm nó động-niệm là : sau đó nguyện được sanh về nước kia.

SỐ : Kinh Đại-Bồn nói : Thân-thề của người ở bên nước Tịnh-Độ, chẳng phải ; như thân-thề của người ở cõi đời này, và cùng chẳng phải như thân-thề của chúng ở trên cõi trời. Mà là thân-thề ấy đều là những đức chúa các việc lành, nên tự-nhiên cảm đặng cái thân-thề nhẹ nhàng, bởi hóa-sanh trong hoa sen, cũng không có người nhũ-dưỡng.

SAO : Chứa các việc lành ấy : Tức là các thân thành-tựu bằng đa thiện-căn đa phước-đức ; chẳng phải như do tâm ái-dục làm nhơn, cảm quả thân bằng tứ-đại làm thề ; cho nên chẳng do thai ngục, mà là gá-chất nơi ao sen thất-bảo vậy. Cũng không có người nhũ-dưỡng ấy : Nghĩa là tự-nhiên khôn lớn, không phải như bên đất Bắc-Cu-Lô Châu còn đợi để đầu ngón tay ra sữa, mà làm sự nuôi-nấng.

SỐ : Do chỗ « nhứt-tâm bất-loạn trên », thì với những người được vãng-sanh kia phân ra làm cái nhơn tam-bối cứu-phàm ; Lại chín chắn phân tách ra, cũng là vô-lượng.

SAO : Tam-cửu là kinh Đại-Bồn nói : Tam-bối. Kinh Thập-lục-Quán nói : Cửu-phàm, do nhứt-tâm phân ra có sự và lý. Sự lý cũng lại phân mỗi cái có Thắng và Liệt. Sau khi được vãng-sanh đứng như chỗ căn-bồn, là cái nhơn tu đó, mà chia làm phàm-vị.

Tam-bối là : Như kinh Đại-Bồn nói : Bực thượng-bối là do những người phát-tâm Bồ-Đề chuyên niệm Phật A-Di-Đà, tu các việc công-đức, và nguyện-sanh về nước kia ; đến khi mạng gần thác, Phật và các hàng Thánh-chúng hiện trước mặt người đó ; người đó liền ở trong ao thất-bảo, hoa sen hóa-sanh, trụ bực bất-thối-chuyên, trí-huệ đồng-mãnh, thần-thông tự-tại ; chỗ ở thì là các cung-diện bằng bảy báu ở giữa hư-không ; cách Phật rất gần, thế gọi là : người sanh bực thượng bối ; phối-hợp với văn trước ; thời bực này đặng cả sự và lý nhứt-tâm.

Bực trung-bối là những người không thể tu các công-đức lớn, mà cũng phát-tâm bồ-đề, chuyên niệm hồi-hương ;

khi mạng-chung sanh về cõi kia, công-đức tri-huệ sút hơn bậc thượng-bối, thế gọi là người sanh bậc trung-bối. Phối hợp với văn trước, thời bậc này vừa đặng sự nhứt-tâm có dư, nhưng với lý nhứt-tâm thời chưa đủ.

Sanh bậc Hạ-bối là những người không thể làm các việc công-đức, nhưng cũng phát bồ-đề tâm, một bề chuyên-niệm nhứt đến mười niệm, đặng sanh về cõi kia; nhưng cung-điện thì chỉ ở trên đất, lại sút hơn bậc trung-bối; thế gọi là người sanh bậc Hạ-bối. Phối sánh với văn trước, thời bậc này chỉ đặng sự nhứt-tâm, chớ chưa đặng lý nhứt-tâm.

Cửu-phẩm là trong Quán-Kinh có nói : Với trong ba phẩm thượng : Có người sanh về cõi kia liền đặng trăm nghìn pháp Đà-La-Ni; có người sanh về cõi kia phải trải một tiểu-kiếp mới đặng bậc vô-sanh-nhãn, có người sanh về cõi kia, còn phải trải ba tiểu-kiếp mới đặng bách-pháp minh-môn, trú nơi bậc Hoan hỉ-địa; so sánh với văn trước, thời phẩm này đặng cả sự và lý nhứt-tâm; nhưng có cao và thấp, cho nên thành ba phẩm, đây đồng như bậc thượng-bối.

Với trong ba phẩm trung : Có người sanh về nước kia, liền đặng quả A-La-Hán; có người sanh về nước kia, đến nửa kiếp mới đặng A-La-Hán; có người sanh về nước kia, trải một kiếp mới đặng quả A-La-Hán; phối với văn trước, thời ba phẩm này với sự nhứt-tâm đầy đủ, Lý nhứt-tâm còn kém thiếu; cũng có cao và thấp, nên thành ra ba phẩm, lệ này đồng như bậc trung-bối.

Với trong ba phẩm hạ trung : Có người sanh về nước kia, phải trải 10 tiểu-kiếp mới đặng vào bậc Sơ-địa; có người sanh về nước kia trải đến sáu kiếp hoa sen mới nở, phát-tâm vô-thượng đạo; có người sanh về nước kia, 12 đại-kiếp mới phát-tâm bồ-đề; phối với văn trước thời 3 phẩm này chỉ có sự mà không có lý; cũng do cao thấp nên thành ra 3 phẩm; lệ như bậc hạ-bối.

Chín chẵn phân ra là như trong văn trước nói : Trong bối phẩm phân ra lại phân ra, thời có trăm nghìn vạn-ức vô cùng

Bối và Phàm, đều là do sự nhứt-tâm, và lý nhứt-tâm ; chỗ dặng có cao và thấp, mà làm ra có thứ lớp nhiều thế.

SỐ : Như trong Quán-Kinh nói : Bực thượng-phàm thượng-sanh là bực người đã dặng quả vô-sanh-nhẫn. Ngài Thiên-Thai phân phán ra cho thuộc về bực Sơ-Địa. Mà kinh Hoa-Nghiêm nói : Với quả vô-sanh-nhẫn tự có bực thấp và cao. Thời trong phạm thượng-thượng, thật có nhiều phạm ; hướng nữa là các Phạm trung và hạ kia !

SAO : Thấp cao là Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực-Bát-Địa trong phần Tịnh-Nhẫn, lời số nói : Bực Vô-sanh-nhẫn lược có hai nghĩa : 1.- Ước về pháp ; 2.- Ước về hạnh. — Ước pháp thời : Những cái lý vô-khởi tác, đều gọi là Vô-sanh ; Tâm-huệ an trụ trong lý đó, nên gọi là nhẫn. Ước hạnh thời : Báo-thân giới-hạnh thuần-thục, trí hiệp với lý : Không trụ nơi vô-tướng, không chấp nơi vô-công, rộng-rãi như hư-không, lặng trang như biển đứng ; tâm thức vọng hoặc, bật hết không khởi, mới gọi là Vô-sanh. Thuyết trước còn chung các Địa, thuyết sau chỉ riêng về Bát-Địa ; còn bao nhiêu như trong lời tự, quyền trước đã có biện.

Cho nên biết bực Vô-sanh-nhẫn, tự có thấp và cao. Thời trong phạm thượng-thượng, từ bực nhứt-địa, nhẫn đến bực bát-địa đã trùm nhiều phạm. Với các phạm kia khá biết vậy, nên chín chắn phân ra cũng đến vô-lượng.

SỐ : Lại tam-bối cứu-phàm. Hai kinh phối nhau, thời mỗi thuyết có chút khác. Như Ngài Phụ-Chánh chỗ giải dung-thông.

SAO : Trong Quán-kinh lời số nói : Kinh đây nói Cứu phạm, vì khiến cho biết phạm vị có cao và có thấp. Tức kinh Đại-Bồn nói tam-bối.

Ngài Cô-Son nói : Tam-bối trong Đại-Bồn, chỉ ngang với sáu phạm về trước trong Quán-kinh. Vì Tam-bối thuần nói người hành thiện, không nói đến người ác vậy. Ngài Linh-Chi phân Tam-bối, chỉ đối với ba ngành phạm thượng ; cho nên nói : Các thuyết có khác nhau chút đỉnh.

Ngài Thảo-Am Phụ-Chánh giải rằng : Ngài Thiên-Thai nói : Chín phẩm đồng với Tam-bối là : So về ngôi thứ đồng nhau, chứ không phải nói bằng cách so về hạnh hơn (cái hơn tu). Thời Ngài Cô-Son, Ngài Linh-Chi đều không trái với Ngài Thiên-Thai. Sở dĩ vì sao ? Do Ngài Thiên-Thai chỉ ước về ngôi thứ thời bối phẩm ngang đồng. Còn hai Ngài kia chỉ ước về hạnh-nhơn, thời chỉ bằng ngang với phẩm trung, phẩm thượng. Ngài nào cũng đều có chỗ chứng cứ, nhưng dùng nghĩa chẳng đồng, cho nên chẳng trái vậy. Song chắc thật mà luận : Thời tâm phiền-não chẳng khác tâm bồ-đề, trước ác nào ngại gì sau thiện, người ác đã trở thành người thiện, đâu chẳng phải đồng bậc với Thánh - Hiền ? Tam-bối cửu-phẩm phối hiệp ngang nhau, không chi phải nghi hết.

SỐ : Lại kinh Hoa-Nghiêm nói : Người niệm Phật « số » cùng « tâm » bằng nhau v.v... Tức là nghĩa Tam-bối, cửu-phẩm tùy gốc tu-nhơn chẳng đồng.

SAO : Số, Tâm bằng nhau là : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 23, Ngài Ly-Cấu-Tràng Bồ-Tát nói lời kệ rằng : Như người tu pháp trì-danh, lấy Phật làm cảnh-giới, chuyên niệm mãi không thôi, thời người đó được thấy Phật. Số, cùng Tâm kia bằng nhau v.v... Giải rằng : Số cùng đồng bậc với Tâm, nghĩa là : Tùy-niệm tùy-hiện. Tùy-niệm có hai nghĩa : 1.- Tùy niệm nhiều ít ; Phật hiện cũng in như đó.

Như niệm Phật một tiếng, có một vị hóa Phật từ trong miệng bay ra v.v... 2.-Tùy-niệm cạn sâu, thời Phật hiện cũng xứng đó. Như cơn lâm-chung thấy Phật, có thắng có liệt v.v... Nhiều ít cạn sâu, tức bối, phẩm phân-biệt. Người ấy được thấy Phật : Tức là Đức Phật A-Di-Đà hiện ở trước mặt người đó. Chuyên niệm là gì ? Tức là nhứt-tâm bất-loạn.

SỐ : Lại ngài Chí - Nhân nói : Hai món tịnh nghiệp, cũng là nghĩa tam-bối cửu-phẩm.

SAO : Ngài Chí-Nhân pháp-sư nói : Một môn vắng-sanh đây, có hai pháp tịnh-nghiệp : 1.- Pháp chánh-quán thăm-soi trong bản tâm của mình. 2.- Pháp trợ-hành, làm đủ muôn việc lành. Hai việc đều đặn thời rõ thấu bốn cõi tịnh-độ.

Như người chỉ làm đặng sự thiện, gần thời sanh về cõi đồng-cư, còn xa thì làm cái nhơn cho ba cõi kia. Cho nên biết cõi Tịnh-Độ, chính là cảnh-giới của Ông Cứu-Lý Bồ-Tát đi lên; mà cũng là gồm chứa chúng-sanh ngơ ngơ nữa. (Cứu-Lý : Đặc pháp niệm Phật bằng lý nhứt-tâm. Ngơ-ngơ : Cái nhơn còn xa).

Lại nói rằng : Bực viên-cơ thể-đạo (rõ đạo) là phép tịnh-nghiệp tối-thượng. Nếu thêm lời nguyện đề dắt đường, thời liền được dự hàng ưu-phẩm (phẩm thượng). Còn những chúng tối dốt, chỉ niệm Phật phát nguyện thì cũng được sanh về. Xem một môn Tịnh-độ, thời vị Thánh-nhơn không bỏ một ai cả.

Xét câu nói : Pháp chánh-quáa, thời thông cả phẩm thượng, phẩm trung. Câu nói : Pháp trợ-hành, thời đồng cả phẩm trung phẩm hạ. Lại Ngài Pháp-sư làm lời luận đây rất đúng ; kẻ xem đến chớ nên khinh thường.

SỐ : Có người hỏi : Với chín phẩm, mà tám phẩm dưới từ trong hoa sen hóa sanh ra : do vì phẩm thứ nhứt nói : Kim-cang-đài. Nay tham hiệp theo các kinh luận, thời kinh luận nào cũng vẫn nói cả chín phẩm, đều thuộc về hoa sen sanh ra.

SAO : Chấp rằng tám phẩm dưới đều từ hoa sen sanh ; là họ căn cứ trong Quán-kinh văn thượng-phẩm thượng-sanh nói : Người kia tự thấy thân mình ngồi trên đài kim-cang ; bởi trong đó không có hai chữ liên-hoa, đó là phẩm thứ nhứt. Cho nên họ nói Tám phẩm sau mới là từ trong hoa sen sanh ra. Song trong kinh luận đã nói đánh rành, đều nói rằng người sanh Tây-phương, cả chín phẩm đều từ hoa sen mà sanh ra kia mà. Kêu bằng « Cứu-phàm liên hoa vi phụ mẫu... »

Kinh Đại-Bồn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Vô-ương số thể-giới, chư thiên nhơn dân, nhân đến loài quỳn-phi xuân-động, hễ sanh về trong cõi của Ta, thì đều ở giữa ao thất-bảo, trong hoa sen hóa-sanh. Nói chữ Giai : Đều ; Thời gồm cả chín phẩm nốt.

Lại nói các bực đại Bồ-Tát phương khác, muốn thấy Phật A-Di-Đà thì ở nước kia, trong ao thất-bảo, hoa sen hóa-

sanh, nói bực Đại Bồ-Tát, thời ấy không phải phẩm trung phẩm hạ.

Lại nói người đặng sanh bực thượng-bồi kia, khi mạng muốn thác, Phật cùng các vị Thánh Chúng, đều đến rước về. Người kia liền ở trong ao thất-bảo, hoa sen hóa-sanh. Nói bực thượng-bồi, tức là đối ngang với bực thượng-phẩm, đều không có cái ý rằng bực Tối-thượng chẳng có hoa sen ?

Lại kinh Pháp-Hoa nói : Người nghe kinh điển này, y như lời nói trên đây mà tu hành, khi mạng chung liền sanh về Cực-Lạc thế-giới. Phật A-Di-Đà có các vị Bồ-Tát vây doanh chỗ ở ; người ấy trong hoa sen sanh ra đặng bực Bồ-Tát có thần-thông, vô-sanh pháp-nhẫn.

Xét rằng : Đặng bực vô-sanh-nhẫn chẳng phải bực Thượng-thượng phẩm chớ gì ?

Lại phẩm hạnh-nguyện : Đức Phổ-Hiền Bồ-Tát dùng 10 lời đại nguyện vương, đề dặt về nước Cực-Lạc mà nói rằng : Cõi Phật kia chúng hội đều thanh-tịnh ; Ta bấy giờ ở trong liên-hoa tốt nhất sanh ra. Xét rằng : Đức Phổ-Hiền vãng-sanh, chẳng phải bực Thượng-thượng phẩm hay sao ?

Lại kinh Bảo-Tích nói : Các vị Bồ-Tát ở bực Thập-tám Hồi hương, sau đặng vào trong hoa sen hóa-sanh. Xét rằng bực Thập-tám Bồ-Tát chẳng phải bực Thượng-thượng phẩm hay sao ? Lấy đây nghiệm xét ấy có chừng rành.

Hỏi : Quả vậy, thời trong văn Thượng-thượng phẩm, sao lại nói Kim-cang-đài, mà chẳng nói hoa sen ? Đáp : Vì rằng lối hành văn lẫn nhau có và không, chớ nên chấp nhất. Do đâu biết thế ? Bởi văn Thượng-phẩm trung-sanh, cũng nói ngời trên cái tử-kim-đài đó rồi, lại cũng cho rằng từ bảy phẩm dưới mới có hoa sen sanh hay sao ? Hướng chi phẩm trung sắp xuống cũng chỉ nói rằng : người này khi mạng-chung, ví như anh tráng-sĩ trong lúc co duỗi cánh tay, đã sanh về Tây-phương Cực-Lạc Thế-giới. Trong văn đều thiếu hai chữ hoa sen rồi lại cũng cho rằng : 6 phẩm dưới mới là từ trong hoa sen sanh hay sao ? Xét rằng : Đã nói không hoa sen là hơn.

thời phẩm trung, phẩm hạ, là phẩm thua kém, sao cũng chẳng có hoa sen ?

Lại với cái ngành thượng của trung phẩm sắp lên riêng có nói Liên-hoa-đài, thời cái đài đó nó đồng một loại với Kim-cang-đài và Tử-kim-đài chẳng ? Hay là nó đồng một loại với Liên-hoa r ? Lộn-xộn không thứ lớp, tấn thối không căn cứ ; Thế rõ biết vẫn thiếu lẫn mà nghĩa ắt lẫn đủ vậy.

Theo ý hiểu của Tôi (Ngài Văn-Thê) Phẩm nào cũng đều có hoa sen tất-cả, hoa nào cũng đều có đài tất-cả. Nhưng mỗi đài đều chẳng đồng nhau, vì có tốt có xấu, mà cái đài bằng ngọc Kim-cang thì là cái đài tốt hơn hết đấy thôi.

Như Ông Trần-hoài-Ngọc ngán-đài vừa qua, kim đài nổi đến, khá chứng-nghiệm vậy. Vả chẳng chữ Đài có hai nghĩa : 1.- Chữ đài thuộc nghĩa cơ-đài, là cái đài nó ở phía dưới hoa vì nó làm cái nền ; như ở đời, người ta chạm tượng Phật, dưới có làm cái bửu-đài, trên đài để những cánh hoa, trên hoa để vị Phật, phải vậy. 2.- Chữ đài thuộc nghĩa phòng-đài ; là cái đài nó ở trong hoa, vì hoa bao bọc bốn phía, nên gọi là phòng. Như trong kinh Pháp-Hoa-huyền-nghĩa : lấy hoa sen nêu 10 nghĩa Như. Đến văn Như-thị-Báo nói : Vì như hột-sen đều ở quanh giữa cái phòng-đài. Lại nói : Hột nương ở trong cái đài, thì người đời thường nói tức là cái gương sen phải vậy. (Liên-phòng : bồng sen, vì nhốt chứa hột sen).

Lại kinh Hoa-Nghiêm văn Thập-Địa-Liên-Hoa nói : hoa sen kia dùng ngọc lưu-ly làm cọng, gỗ Chiên-đàn làm đài-gương, ngọc Mã-nã làm nhụy, tua vàng Diêm-phù đàn làm lá cánh. Thế thì đều có nói cọng-sen, gương-sen, nhụy-sen và cánh-sen. Mà kinh Niết-Bàn cũng nói, ví như cọng, cánh, nhụy, gương hiệp làm hoa sen ; đây chỗ gọi rằng : Phòng-đài đều là cái gương sen. Tức là ý-nghĩa rằng : ngọc báu chân-thức-ca làm đài gương sen của kinh Pháp-Hoa. Xem đây, thời biết trong Quán-kinh về pháp quán Hoa-tòa trước dạy : Phải tưởng hoa sen ; kể nói lấy ngọc Thích-Ca Tỳ-Lăng-Già làm cái đài sen. Thế là cái đài này nó ở trong hoa.

Lại nói mỗi mỗi sắc vàng, mỗi mỗi chỗ biến hóa ; hoặc biến làm đài Kim-Cang ; hoặc biến làm lưới báu v.v... Thế thời cái đài này lại ở dưới hoa. Cho nên văn Thượng phẩm trung sanh trước nói tử-kim-đài ; kế nói dưới chơn cũng có hoa sen bằng Thất-bảo. Thế thời cái tử-kim-đài này ở dưới hoa đã rõ-ràng.

Phàm hoa sen thời ắt có đài (gương), đài ắt có hoa. Nói Kim-Cang đài không nói hoa, hay nói hoa, không nói đài, văn trước sau lẫn nhau bày rõ không nên chấp. Nhưng những người đặng sanh lên phẩm thượng-thượng, một phen vừa gá vào hoa sen, tức thời hoa nở tức thời thấy Phật, tức thời chứng-đạo ; còn các phẩm sau đó thời hoa nở lần-lần muộn, thấy Phật lần-lần chậm, chứng-đạo lần-lần cách xa. Lấy đây mà phân-biệt, thời biết chỉ có phẩm Thượng-thượng là đặc-biệt riêng hơn, nhưng chẳng phải là không hoa sen, vì hễ nói đài thì đã có gồm cả hoa sen rồi.

Nếu chấp rằng : Không hoa sen là hơn, có hoa sen là thua thế là khi dễ sen vậy ! Mà với hoa sen đã là khinh dễ, thì sao còn cầu về nước Liên-Bang ? Mà trong pháp quán hoa-tóa, cũng nói Phật ngồi trên hoa sen, thời vị Phật đó cũng là thua hèn ư ? Lý đó sẽ nói làm sao cho thông ?

Hỏi : Sao Ngài Tứ-Minh có nói rằng : Chín phẩm nước Cực-Lạc tám phẩm từ hoa sen sanh ra ư ? Đáp : Ngài Tứ-Minh chỉ nói rằng : Tám phẩm từ hoa sen sanh, chứ Ngài chưa nói không hoa sen, thiết là phẩm nào ? Do vì với phẩm trung, phẩm hạ, Ngài cũng không nói hoa sen ; nếu quả phẩm Thượng-thượng không hoa sen, thời chắc Ngài cũng ắt có nói rành, chứ lẽ nào Ngài chỉ mở mồm đầu, mà rốt cuộc rồi Ngài không nói gì hết là sao vậy ?

Hay là chữ Bát đó là người ta viết lầm, cũng chưa biết chừng ! Đâu biết chẳng phải Ngài Tứ-Minh nói : Nước Cực-Lạc chín phẩm từ hoa sen sanh ra ư ? Đợi bậc Cao-minh biện lại đó.

SỐ : Hỏi : Ngoài phẩm hạ, lại có thai sanh, là thiết có hay không ? Đáp : Đó là vì nêu lên cho biết rằng :

Người niệm Phật mà sức tin không kiên cố, chớ thiết không có thai sanh.

SAO : Không có thai sanh đó Kinh Đại-bồ-n nói rằng : Đức Phật Thích-Ca bảo đức Di-Lặc : Nếu có chúng-sanh tu các công-đức, nguyện sanh về cõi kia, mà không rõ trí Phật, chí-ý dụ dự, đến khi mạng-chung, mới ăn-năn lỗi mình ; vì vậy sanh về cõi kia, mới vào đến chỗ biên-địa, thấy thành thất-bảo. Liền ở đó, trong hoa sen sanh ra, cũng có tự-nhiên khoái-lạc, như cõi trời dao-lợi ; nhưng ở trong thành đó trải qua trăm năm không đặng thấy Phật, không nghe kinh-pháp, khổ là vậy đó ! Nên gọi là thai-sanh, chớ không phải thật có thai-sanh như cõi nơn gian này vậy đâu. Lại dụ như nhà vua (Sát-Đế-Lợi) : Thái-tử của Ngài phạm phép bị cầm trong nội-cung, ở nhà bằng hoa ngọc, lầu cao điện âm, đồ ngọc báu trang-sức quý tốt rất đẹp, màn báu giường vàng, thức ăn mặc, vật xài, dùng thấy đều dư giả ; mà lấy dây vàng, Diêm-phù, buộc xiềng hai chơn, chẳng đặng thông-thả, tức dụ như thai-sanh vậy.

Lại nói như người đó biết gốc tội của mình, biết tự hối trách, cầu khỏi chỗ đó, tức đặng về đến chỗ Phật Vô-Lượng-Thọ.

Lại trong Kinh Bồ-tát-xử-thai nói : Bên Tây-Phương cách cõi Diêm-Phù-Đề đây, 12 ức-na-do-tha, có một cõi tên là Giải-nạn. Quốc-Độ đó toàn bằng thất-bảo, sự vui cõi đó không chi bằng, bởi mong ý muốn sanh cõi nước của Phật A-Di-Đà, nhưng còn bị nhiễm-đắm nơi cõi đó, không thể đi tới trước đặng, cũng là đồng-loại với nghi-thành và biên-địa vậy.

Thế là người niệm Phật mà lòng nguyện vãng-sanh không tha-thiết, nên mới ra nóng-nổi !

SỞ : Hỏi : — Đã nói rằng niệm Phật trong 7 ngày ; nhưng mà với người khi lâm chung chỉ có 10 tiếng niệm Phật thì trong giây phút ít quá, như thế làm sao đặng vãng-sanh ?

Đáp : Chính do vì nhứt-tâm bất-loạn, như trong Luận Trí-Độ nói. Lại nhờ sức mình và sức Phật như trong kinh Na-Tiên nói.

SAO : Luận Trí-Độ nói : Chép rằng : Khi người sắp chết, cái tâm trong giờ phút rất ít đó niệm Phật, sao cho hơn đặng trọn một đời gắng-sức tu-hành ? **Đáp :** Tuy trong thời-gian chốc lát, nhưng tâm-lực nó mạnh-mẽ, tâm rớt sau đó gọi là đại-tâm. Phải biết tâm ấy tức là nhứt-tâm bất-loạn.

Kinh Na-Tiên nói : Có Ông vua hỏi Ngài Na-Tiên rằng : Với người cả đời tạo ác, khi lâm chung mới niệm Phật, đặng sanh về nước Phật ta chẳng tin lời đó ? Ngài Na-Tiên đáp rằng : Như người rình một viên đá lớn, để ở trên chiếc thuyền nhờ thuyền đá dặng khỏi chìm. Người tuy trước ác, sau nhờ niệm Phật, khỏi đọa địa-ngục mà đặng vãng-sanh, cũng lại như vậy. Thế là tỏ rằng nhờ tâm-lực của mình, và nguyện lực Đức Phật, cả hai giúp lẫn nhau mới thành được việc.

SỞ : Hỏi : — Đã nói rằng vãng-sanh. Người xưa lại nói, sanh thời quyết-định sanh, đi thời thiệt không đi, đó là có sanh không đi qua. Còn nay đây có đi qua đề hóa sanh, thành ra hai nghĩa trái nhau ?

Đáp : Do sanh trong tâm mình, cho nên qua bằng cách không phải như chơn bước đi qua nên gọi là vãng-sanh. Như trong Kinh Hoa-Nghiêm lời của Ngài Giải-Thoát Trưởng-giả đã nói.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm : Cõi pháp-giới trùng-trùng, nhưng cũng không ngoài cái tâm. Kinh Lăng-Nghiêm Phật bảo A-Nan rằng : 10 phương cõi hư-không, đều ở trong cái tâm của người. Thế nên biết sanh về nước Cực-Lạc lúc sanh nơi tự tâm của mình ; vì tâm nó không giới-hạn thì không Đông, không Tây, thế thì đi đến chỗ nào ? Nghĩa là hình dung ra cái lý : Đồi uest, làm tịnh, cõi cũ thành cái mới, bỏ một đặng một, tưởng như có chỗ qua, kêu đó là vãng, đâu phải rằng từ đây đến kia, như cái tướng đi qua của trong thế-gian khỏi thành này qua ấp nọ ư ?

Câu giải-thoát là : Kinh Hoa-Nghiêm phạm nhập pháp-giới, Ông Giải-Thoát trưởng-giả nói : Các đức Như-Lai kia, chẳng đi đến cõi này, ta cũng chẳng đi đến cõi kia, nhưng hễ muốn nguyện thấy thế-giới An-Lạc Phật A-Di-Đà, tùy ý liền thấy.

Đó đã nói rằng. Tùy ý thời không vượt ngoài một niệm, mà đã được sanh sang nước kia. Cho nên biết rằng : Hình-dung cái lý dặng sanh kia, nên gọi đó là vãng-sanh ; mà thiết ra không chỗ dễ qua. Với lẽ không qua mà qua, cũng không ngại gì nói có qua. Xét tột mà luận : Chẳng những không qua, lại cũng không sanh ; với lẽ không sanh mà sanh, cũng không ngại gì nói có sanh.

SỞ : Hỏi : Với trong nội-viện Đâu-Suất, người xưa cũng nguyện sanh về. Nay sao riêng chỉ nước Cực-Lạc ? Đáp : Vì với nhơn-tu có khó có dễ, cảnh chúng có thắng có liệt, và chủ có thầy có trò.

Lại hỏi : Thế-giới Thắng-liên-hoa, rất hơn nước Cực-Lạc, sao lại không nguyện về ? Đáp : Vì nước Lạc-Bang ở gần không nên tìm xa.

SAO : Ý người hỏi là cho rằng : Đức Di-Lặc cũng hiện tại thuyết pháp, chốn Nội-Viện cũng thanh-tĩnh trang-nghiêm, mà không cầu vãng-sanh về đó là có làm sao ? Đáp : Có ba nghĩa : 1.- Vì cái nhơn tu khó dễ là : Phạm sanh nội-viện phải đủ tri-đức, đoạn-đức (10) có hai công-đức đó mới kham dự hàng Thánh-lưu ấy là khó ; Không bằng nước Cực-Lạc, hễ người cầu vãng-sanh, tịnh-niệm thành-tựu, liền dặng như nguyện, không luận còn hoặc-nghiệp, phải có tri có đoạn gì, vì được đời nghiệp vãng-sanh, ấy là dễ.

Xưa Ngài Huyền-Tráng Pháp-sư nói : Với chốn Nội-Viện dễ sanh, bởi cõi Đâu-Suất cách cõi nhơn-gian số dặm đường có thể tính được ; Cõi Cực-Lạc cách cõi Ta-Bà trải qua nhiều cõi Phật ! Ngài Tráng-sư kia chỉ luận về dặm cõi. Chờ không luận về cái nhơn tu. Nay kinh này luận nhơn tu, không luận dặm cõi, mỗi nghĩa đều có chỗ dùng riêng. Song luận cho tột lẽ,

thì lời Ngài Tráng-sư là vì căn-cơ một loại đương thời; còn lời của kinh này là cái đạo đề muốn đời thường làm.

2.- Cảnh có thẳng và liệt là : Chốn Nội-viện không khỏi ở trong tam-giới. Còn nước Cực-Lạc ra khỏi ngoài tam-giới. Chỗ nghi-thành của nước Cực-Lạc, còn không có nữ-nhơn. Còn sanh về chốn Nội-viện rồi sanh trật ở ngoài, thời bị đắm việc vui ngũ-dục. Cho nên nói sanh nhằm phạm Hạ-hạ là một bực chót của nước Cực-Lạc, còn hơn trăm lần ở chốn thiên-cung.

3.- Chủ, thầy trò là : Phật Di-Đà là bực quả tròn muôn đức đã chứng Như-Lai ; Đức Di-Lặc là ông Bồ-Tát bồ-xứ còn ở bực Đẳng-giác. Kinh nói trong nước Cực-Lạc kia có nhiều vị Bồ-Tát nhưt-sanh bồ-xứ. Thời biết rằng Đức Di-Lặc sánh ngang với Đức Quan-Âm, Thế-Chí đồng hầu bên vị Đạo-sư (Di-Đà) cũng như Thầy trò vậy. Cho nên đặng thấy Phật Di-Đà rồi, tức thấy đức Di-Lặc, thấy đức Di-Lặc vị tất là thấy Phật Di-Đà vậy. Lại bực Cồ-đức có nói : Trước sanh Tây-phương sau sanh Long-Hoa cũng có lý lắm. Riêng câu về Cực-Lạc, đâu chẳng phải ư ?

Vời thế giới Thăng-Liên-Hoa đã rõ thấy trong văn Thọ-Mạng trước. Nay nói kinh Hoa-Nghiêm so luận các quốc-độ, thời kể sau cõi Ta-Bà, tức gọi là nước Cực-Lạc ; còn xa đó lại càng xa, đến trăm vạn vô số thế-giới, mới nói đến cõi Thăng-Liên.

Thế thời cõi Cực-Lạc là nước ở gần, cõi Thăng-Liên là nước ở xa lắm. Dụ như nước Việt mất mùa, nước Ngô dặng mùa, cất bước là tới ngay nước Ngô. Thế nhưng bỏ nước Ngô không tới, mà đi mển nước quá xa cách như nước Yên nước Tần (II) thì cũng lầm lầm đó.

SỐ : Hỏi : Tôi thấy có người một đời niệm Phật, khi lâm-chung chưa át vãng-sanh, là sao vậy ?

Đáp : Bởi họ chỉ một đời niệm Phật, mà chưa phải là nhưt tâm niệm Phật vậy.

SAO : Những bọn lơ lơ một đời niệm Phật đó, mặc dầu là không dãi-dãi, nhưng cũng không tinh-tấn, nên chưa đặng nhứt-tâm, thành thử không đặng sanh về. Nếu quả chơn-thật dụng tâm, mà chưa được thuần-nhứt. Tuy đời nay chưa đặng vãng-sanh, nhưng cũng đã trồng cái nhơn vãng-sanh, sẽ qua đời sau ắt thành-tựu pháp niệm Phật tam-muội, mà đặng vãng-sanh.

Như trong kinh Phạm-Võng nói : Nay tuy chưa đắc-giới, mà cũng đặng thêm phần lợi-ích cho sự thọ-giới đời sau. Trong Tông-môn bảo rằng : Đời sau vừa ló đầu ra chỉ nghe một phần mà biết được một nghìn phần là nghĩa đây vậy. Dè chớ đồ rằng : Tôi thấy người kia niệm Phật lương nhọc vô-ích, rồi chê lời Phật dạy, cho là không đủ tin !.

SỞ : Xưng-lý, thời tự-tánh vô-hình, là nghĩa : bát diên-đảo ; tự-tánh vô cấu là nghĩa : sanh Cực-Lạc Tịnh-Độ.

SAO : Đức Lục-Tồ nói : Ta có một vật không đầu, không đuôi, không hề lưng, không phía mặt ; thế thì dù tìm cái tướng ngay của nó còn không thể được, toan lấy cái gì là xiên là lộn-ngược, mà hồng kêu là diên-đảo ư ?

Bát-Nhã tâm-kinh nói : Đây là cái tướng chơn - không của các pháp vì nó « bát-cấu, bất-tịnh » thế thì tìm cái tướng tịnh của nó còn không thể được, toan chỉ chỗ nào để gọi là cõi Ta-Bà ư ?

Vậy nay nói chỗ không diên-đảo đó, là toàn thân đã ngồi Liên-đài nước Cực-Lạc. Còn nếu một niệm diên-đảo vừa sanh, tức thời đã ở ngay quốc-độ Ta-Bà ! Rõ là tâm-tịnh độ-tịnh ; vì tức tâm tức độ, tức độ tức tâm, thì Tây - phương cách đây chẳng xa.

KẾT KHUYÊN

Này Xá-Lợi-Phất ! Ta thấy điều lợi ích ấy, nên nói lời khuyên bảo này. Nếu có chúng-sanh nghe lời đây rồi, nên phải phát nguyện sanh về cõi nước kia.

SỚ : Ích-lợi ấy là, chỉ văn trước thấy Phật, đặng vãng-sanh. Lời đây là : Thấy lợi lớn này, nên nói lời nhứt-tâm tri-danh đây vậy. Người không nguyện sanh về, thời riêng phụ lời Phật. Đây là lớp khuyên thứ hai.

SAO : Lời mà không lợi-ích, Phật Ngài không nói. Nay pháp tri-danh liền đặng vãng-sanh đối với chúng-sanh, có lợi-ích lớn, nên Phật Ngài nói vậy. — Bởi vì đã đặng vãng-sanh, đó gọi là Tự-lợi. Sanh về nước kia rồi, nghe pháp đắc-đạo, trở lại cõi Ta-Bà có thể rộng ra độ nhiều chúng-sanh, đó gọi là Lợi-Tha.

Đủ hai việc lợi trên, cho nên nói là lợi lớn. Lớp khuyên thứ hai là : ban đầu nói chúng-sanh nghe ấy, chỉ là đặng nghe nước kia trang-nghiêm tốt-đẹp, nên khởi tâm nguyện muốn, mà chưa biết làm như thế nào để đặng sanh đó (là lớp khuyên thứ nhứt).

Nay Phật mời chỉ ra cái nguyên do rằng nhứt-tâm tri-danh, thời được Phật đến tiếp-dẫn, liền đặng sanh nước kia, thời nguyện lại càng thâm, chí lại càng thiết ; cho nên nói lớp khuyên thứ hai.

SỚ : Lại nữa nói việc lợi là. Rõ lại với việc hại bởi không nguyện vãng-sanh, là chỉ chỗ đề ưa và nhàm vậy.

SAO : Cõi này tu-hành trải nhiều kiếp thăng trầm mà chưa chắc đặng giải-thoát. Nay dùng pháp xưng-đanh niệm Phật chắc được vãng-sanh, liền lên bực bất-thối ; so chỗ lợi chỗ hại rõ như xem chỉ bàn tay. Lợi tức là các việc vui, hại tức là các việc khổ, nên phải có ưa và nhàm.

SỚ : Lại chữ <ngã-thuyết> (Ta nói) chính là rõ về phần giáo có nói rằng : không ai hỏi Phật, mà Ngài tự nói vậy, nên gọi bằng <vô-vấn tự-thuyết>.

SAO : Phật thấy lợi-ích lớn ấy, kíp vì chỉ bày ; thế mà còn e các chúng-sanh, chậm-chạp mất nhờ chỗ lợi, cho nên Ngài không đợi ai thỉnh vấn vậy.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh cụ-túc là nghĩa lợi-ích.

SAO : Thử xem tự-tánh, thiếu thốn sự gì ? Trên thế Linh-Tri (Phật-tánh) Phật Di-Đà cùng các Thánh-chúng, cả ngày hiện trước ; trong cõi thường Tịch-Quang (pháp-giới-tánh), nước Cực-Lạc, cõi Tịnh-bang không giờ phút nào chẳng vắng-sanh.

Ngặt vì Phật thấy lợi ấy, chúng-sanh như đui. Phật nói lợi ấy, chúng-sanh như điếc ; tuy đã nhọc Ngài mỗi miệng cạn lời, nhưng cần phải chính ta một phen tự thấy mới được.



C.- GIAO DẪN PHẬT NGÔN LINH ĐOẠN NGHI HOẶC (phân làm 2 phần)

- 1.— **MINH PHẬT ĐỒNG TÁN** : Dẫn Các đức Phật đồng khen.
- 2.— **THÍCH KINH UNG TÁN** : Giải Kinh này nên khen ngợi.

MINH PHẬT ĐỒNG TÁN (phân ra làm hai phần).

1. — **BỒN PHẬT TÁN** : Phật Thích-Ca khen.
2. — **THA PHẬT TÁN** : Các Phật đồng khen.

BỒN PHẬT TÁN

Này Xá-Lợi-Phất ! Như Ta nay đây tán-thán cái lợi-ích là công-đức bằng số Bất-khả-tư-nghì của Phật A-Di-Đà.

SỞ : Nói văn trên chẳng những chỉ mình Ta thấy lợi ấy, và nói lời này, mà cả đến 10 phương các đức Phật cũng đồng thấy lợi ấy, và nói lời này nữa.

Chữ **TÁN** là ngợi khen tốt bậc ; Chữ **THÁN** là : quá cảm-động phải thán-phục !

Câu Bất-khả-tư-nghì là : Trước kia nói ta thấy lợi ấy, nay đây lại cực-lực nói cái lợi ấy nữa, là không

phải nói cái lợi tầm thường dân. Văn nghĩa gập ba lần chuyên lên : 1.- Chẳng phải vô ích, nên nói là lợi. 2.- Chẳng những cái lợi về phước về sự, cho nên nói cái lợi công-đức. 3.- Chẳng những cái lợi chỉ là công-đức mà thôi, cho nên nói cái lợi công-đức mà bất-khả-tư-nghì nữa.

Do vì thế nên đức Phật Ngài phải cực-lực tán-thán, chứ không phải một sự ngẫu-nhiên.

SAO : Xung-tán là tỏ bày khen ngợi công-đức quảng-đại của Phật kia, để cho người ta biết mà qui tín ; hầuặng phần tiếp độ.

Cảm-Thán là : Quá cảm-khích phải than-thở, vì nói pháp này cõi Nhơn-Thiên ít có, nên nhiều kiếp khó gặp, là để khiến người vừa thương lẫn mừng. Hỷ là mừng rằng nay mình đặng nghe. Bi là tủi rằng mình nghe đây rất muộn vậy !

Câu Bất-khả-tư-nghì là : Nguyên tên kinh này. Nghĩa nó đã thấy trong lời tựa văn trước. Kinh tên bất-khả-tư-nghì là : Chính rằng đức Phật A-Di-Đà có đại công-đức chẳng khá nghĩ bàn đó vậy.

Văn có ba lần chuyên là : Trong việc lợi gồm nhiều bậc dần-dần sâu rộng : 1.- Cái lợi phước sự là : Tu về phước sự-tướng, là vì cái nhơn trong thế-gian, nên kêu là lợi nhỏ. 2.- Cái lợi công-đức là : Vì cái nhơn xuất-thế-gian, nên kêu là lợi lớn. 3.- Công-đức chẳng nghĩ bàn là : Vì cái nhơn bậc Thượng-thượng xuất-thế-gian, nên kêu là công-đức lớn hơn trong các công-đức lớn.

Số là công-đức tuy hơn phước-đức và sự tướng, nhưng ở trong đây lại còn phân ra có hơn có kém, có thứ công-đức còn khá nghĩ bàn, có thứ công-đức chẳng khá nghĩ bàn. Nay pháp tri-danh đây là công-đức chẳng khá nghĩ bàn vậy. Cho nên trong lợi lớn lại nói là lợi lớn hơn !

SỞ : Với câu Bất-khả-tư-nghì, như trong kinh Thanh-Vương nói : Thế-giới nước An-Dương kia, phạm

những gì của Phật-pháp đều chẳng khá nghĩ bàn, với pháp thần-thông hiện hiện biến-hóa, chẳng khá nghĩ bàn. Nếu ai có thể tin nhận được sự như vậy, thì người ấy chẳng khá nghĩ bàn, với chỗ dựng nghiệp báo tốt, cũng chẳng khá nghĩ bàn.

Lại nữa với tất-cả bốn món y-báo, chánh-báo, nhơn và quả, cũng đều chẳng khá nghĩ bàn : Không thể lấy tri-thức để suy nghĩ, và không thể dùng lời lẽ để bàn nói cho tường tất được !!!

SAO : Với công-đức ấy phân làm bốn món : 1.- Công-đức thí pháp rộng lớn, nghĩa là đối với thọ-mạng vô-lượng, quang-minh vô-lượng ngôi Tam-bảo vô-lượng, 37 phẩm và các pháp-môn khác nữa đều bất-khả-tư-nghì. 2.- Công-đức thần-thông biến hóa khắp cùng, nghĩa là đối với nước, chim, cây, rừng đều nói pháp nhiệm mầu, món ăn, thức mặc, đến cả việc thọ-dụng đều tự nhiên sẵn có, chúng-sanh đều đủ tướng hảo, đều đủ thần-thông biến hóa, cũng đều bất-khả-tư-nghì. 3.- Công-đức tín thọ do căn lành đời trước, nghĩa là đối với pháp « nan tin » đây, những người mà hay tin thọ được, là người đó đời trước đã có tu căn lành nhân đến vô-lượng, với người ấy cũng bất-khả-tư-nghì. 4.- Công-đức quả báo khó hơn, nghĩa là đối với hễ niệm Phật được nhưt-tâm, liền đặng vãng-sanh, liền đặng vào ngay hội Thượng-thiện, chứng liền bậc bất-thối chuyển, rốt ráo thành quả Phật, với điều vượt khỏi thường tình, cho nên đều nói với công-đức chẳng khá nghĩ bàn. Như Kinh Kim-Cang Bát-Nhã nói : Nghĩa kinh này chẳng khá nghĩ bàn, đặng quả báo cũng chẳng khá nghĩ bàn, thật thế.

Câu : « Y, Chánh, Nhơn, Quả ». Chữ Y : Nghĩa là cõi Đồng-cư tức là cõi Tịch-Quang ; chữ Chánh : Là Ứng-thân tức là Pháp-thân ; chữ Nhơn : Là bảy ngày niệm Phật thành công ; chữ Quả là : Một phen sanh về, đặng bậc bất-thối chuyển, lại cũng vượt khỏi thường tình, cho nên đều nói chẳng khá nghĩ bàn.

Thuở xưa Ngài Anh-Pháp-sư ở đất Đông-Độ, giảng kinh Hoa-Nghiêm đã 40 lượt, nhơn khi vào trong tịnh nghiệp Đạo-

tràng của Ngài Xươt thiên-sư, thâm nhập được pháp-môn Tam-muội ; sư than rằng : Giận mình nhiều năm lưỡng tim vẫn sớ nhọc thân tâm vậy, nào dè pháp niệm Phật này nhiệm mầu chẳng khá nghĩ bàn ! !

SỚ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó lia hẳn hai cái tướng : Tâm và ngôn, là nghĩa « công-đức chẳng khá nghĩ bàn ».

SAO : Luận Khởi-Tín nói Tâm (tánh) này từ xưa đến nay mãi đến bao giờ cũng vẫn ly tướng tâm duyên, ly-tướng ngôn thuyết. Thế cho nên hễ vừa manh tâm niệm là lầm, móng ý tướng là sai, chấp câu văn là mê, theo lời nói là mất ; thế thì phải như thế nào ? Mà dù cho ngoài ngậm miệng, trong tắt máy suy nghĩ cũng là y-nhiên bị lạc về tánh vô ký : Là không nhớ không quên. Do đây mới biết công-đức kia là chẳng khá nghĩ bàn.

THA PHẬT TÁN (phân ra làm sáu phần)

1.- ĐÔNG-PHƯƠNG

2.- NAM-PHƯƠNG.

3.- TÂY-PHƯƠNG.

4.- BẮC-PHƯƠNG.

5.- HẠ-PHƯƠNG.

6.- THƯỢNG-PHƯƠNG.

ĐÔNG-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1.- Liệt Danh hiển quảng : Kể tên rõ rộng nhiều.

2.- Hiện Tướng Biền Chơn : Bày tướng lười chắc thật.

3.- Phát ngôn Khuyến Tín : Thốt lời đề Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỂN QUẢNG

Phương Đông cũng có các đức : A-Sơ-Bệ-Phật, Tu-Di-Tướng Phật, Đại-Tu-Di-Phật, Tu-Di-Quang Phật, Diệu-Âm Phật v.v... như vậy các vị Phật nhiều bằng số hằng-sa.

SỞ : Dẫn lời khen của các đức Phật, thời người ta thấy rằng: Đối với pháp-môn Tịnh-Độ đây. Chính là một thành-pháp rất hiệu lực. Vì được hàng nghìn vị Phật, vô-lượng các vị Phật khác đều riêng miệng, chung lời cùng nhau đề khen ngợi, nên người ta phải tin chắc chớ không còn nghi gì nữa. Bản dịch của nhà Đường có đủ 10 phương. Nay thiếu bốn gốc là bớt vắn.

Trước dẫn Phương-Đông đó là: Theo phương phép thông thường, mà cũng là lấy Phương-Đông đề nêu trí-huệ.

SAO : Mười Phương là: Ngài Tráng-Sư dịch có bốn gốc, thời thành 10 phương. Nay chỉ nói 6 phương là do phương chánh nó gồm phương gốc (phụ) nên nói bớt vắn.

Nói theo phương pháp thông thường là: Trong các kinh phạm chỗ nói 10 phương, thường trước nói phương Đông làm đầu. Vì phương Đông theo bốn mùa thì nó thuộc về mùa xuân, vạn vật sanh trưởng nên có nghĩa như trí-huệ tiến triển. Bởi trí là như đấng Tiên Đạo (Ông dắt đường) sáng suốt phát sanh ra vạn pháp thật dụng, cho nên bắt đầu nói phương Đông, tức như ý nghĩa rằng: Ông Xá-Lợi-Phất, đức Văn-Thù làm bậc dẫn đạo trong chúng (làm đầu trong chúng).

SỞ : Nói lên 6 phương đó là: Vì đức Phật Thích-Ca ở phương giữa (trung-ương).

SAO : Đã nói có 6 phương là: Trên, dưới, và bốn phía mà sao lại không nói đến trung-ương? Sở là đức Thích-Ca ở thế-giới Ta-Bà, lấy chỗ bản-sở Ngài ở làm trung-ương, đối với chính giữa thì phía trước, phía sau, bên tả, bên hữu, cõi trên, cõi dưới, thành 6 phương.

SỞ : Phật A-Sơ-Bệ, dịch là: Bất-động. Vì pháp thân Phật bất-động; có một thuyết khác nói: Vì chẳng bị hai bên nó làm lay động nên nói bất-động.

SAO : Nghĩa Pháp-thân là: Bất-sanh, Bất-diệt, vô-khư vô-lai, với bực Diệu-Giác (quả Phật) cũng không thêm; với

kẻ vô-minh (chúng-sanh) cũng chẳng giảm, vì lặng lẽ thường còn, như như bất-động.

Hai bên là : Bên có bên không vậy : Vời có nó không thể làm cho ta đắm mắc vào các cái tướng có, vời không nó chẳng thể làm cho ta phải dính vướng cái không. Nghĩa là không chấp đoạn, không chấp thường, vì hai bên đều bất-động, bởi lẽ tuyệt-đối.

Hỏi : Phương Đông thuộc mùa Xuân, sanh trưởng muôn vật. Đối với quẻ, là quẻ chấn, mà quẻ chấn là động vậy. Chớ sao nói đức Phật kia hiệu là bất-động ?

Đáp : Do lẽ tức động mà tức tịnh đó, mới có được cái diệu-dùng sanh trưởng vạn vật bằng cách biến hóa vô cùng, nhưng mà cái bản-thể vẫn thường vắng lặng. Vì vắng-lặng nên nói là bất động. Kinh Hoa-Nghiêm lấy Phương Đông tiêu biểu cho trí bất-động cũng là chính ý đây vậy.

SỞ : Phật Tu-Di-Tướng là : Vì tướng của Phật tốt đẹp vô-cùng, như núi Tu-Di.

SAO : Tu-Di : Dịch Diệu-Cao. Núi này do các ngọc báu dựng thành, nên gọi là Diệu là tốt qui nhứt ; vượt khỏi các núi nên nói là Cao là trên cả.

Tướng-hảo của Phật do tu được trăm phước kết-thành không phước chẳng cụ-túc, thế gọi đó là Diệu sang đẹp nhất. Tướng-hảo của người, của trời và bực nhị-thừa, vời các vị Bồ-tát cũng đều không bì kịp, thế gọi là Cao.

SỞ : Thế nào gọi là Phật Đại-Tu-Di ? Vì đức của Phật cao rộng, dụ như núi Tu-Di lớn. Có một thuyết khác nói : Danh của Phật lớn hơn núi Tu-Di, vì tinh thần cao cả như trong kinh Duy-Ma đã nói.

SAO : Núi Tu-Di cao rộng vượt khỏi 7 lớp núi vàng (núi thất-kim). Do đối với núi thất-kim gọi đó là lớn. Đức của Phật cao rộng, không chi sánh bằng dụ như núi Tu-Di lớn vậy.

Danh Phật là : Kinh Duy-Ma nói : Danh của Phật đồn khắp cao xa, vượt khỏi núi Tu-Di, nghĩa là lớn hơn núi Tu-Di kia vậy, bởi núi kia dù quý báu, nhưng chỉ bằng vật-chất vô-tri vô-giác.

SỐ : Phật Tu-Di-Quang, là hào-quang của Phật rộng phóng ra chiếu khắp hơn hết, cũng như núi Tu-Di, vì ánh sáng phủ hết các núi vậy.

SAO : Hào-quang sáng có hai nghĩa : 1.- Núi Tu-Di do các ngọc báu kết tinh làm thành thể chất của ngọc báu, nó chói ra ánh sáng, cũng như thân Phật tâm rất thanh-tịnh, thời trí giác sáng suốt phóng ra. 2.- Núi Tu-Di thể nó lớn, thì tia sáng nó cũng lớn ; cũng như Phật có trí lớn, thì hào-quang sáng vô-lượng vậy.

SỐ : Phật Diệu-Âm là : Tiếng pháp tròn trịa nhiệm màu vì Ngài thuyết-pháp thích hợp cả các căn-cơ.

SAO : Tiếng pháp tròn màu là : Như kinh Duy-Ma nói : Đức Phật dùng một tiếng diễn-thuyết pháp, chúng-sanh tùy theo mỗi loại, mỗi trình-độ đều nghe hiểu được cả. Lại nói : đối với tiếng của chúng nhơn, tiếng của Phật là nhiệm màu đệ nhất, vì là có cái tương hảo phạm-âm.

SỐ : Như vậy hết thấy là : Nhiều quá không thể nói kê cho hết. Nên chỉ kê nói năm vị Phật, còn thì dùng nghĩa chữ đặng là tất cả hay v.v... đề bao gồm đó. Với hăng hà, cũng nói Căng-già-hà. Chữ sa : Là hột cát ; đề dụ số nhiều Phật kia.

SAO : Hăng-hà, là một con sông tại bên nước Tây-Vực (Ấn-Độ), bên ao vô nhiệt, trên đỉnh núi Hương-Sơn, có ao vô-nhiệt nảo, phát nguyên chạy ra bốn con sông. Sông Hăng này ở về phía Nam, rộng bốn mươi dặm, cát trôi theo dòng nước rất là nhỏ, Phật thuyết pháp ở gần con sông kia, nên phàm nói số nhiều, thường lấy số cát kia để ví dụ.

Nay nói bên phương đông có rất nhiều vị Phật như số cát rất nhiều trong sông hăng kia. Nếu cứ theo kinh Pháp-Hoa về lời dụ một mảy bụi làm một kiếp, thì số cát sông hăng ấy

cũng là rất ít. Nay ví số cát sông hằng, để tỏ ý thật là vô-tận, cho nên kinh Đại-Bồn nói : Vô-lượng vô-số, bất-khả-tư-nghi ; vô hữu đẳng đẳng, cả vô-biên thế-giới sở hữu chư Phật Như-Lai, đều đồng khâm khen Phật A-Di-Đà sở hữu công-đức, thời số cát sông hằng kia chưa đủ dùng để dụ cho hết đó vậy.

SỐ : Với các danh Phật trên đó. Ngài Linh-Chi nói : Giữa các nhà TỒ xưa nay, có vị truyền nhau không giải ; cũng có Ngài thích nghĩa như thế này ; hoặc vì lấy cái nhơn, hoặc vì lấy cái quả, hoặc, dùng về Tánh, hoặc dùng về Tướng, hoặc thủ theo tâm từ, bi, trí, đức, hạnh, và nguyện v.v... của chư Phật để giải thích ra mỗi danh nghĩa thì cũng không ngại gì.

SAO : Không giải là : Vì bởi Phật đủ muôn đức-tánh, không thể lấy một cái danh đức mà giải nói cho rõ hết, những đức tánh ấy, còn dịch giải thì cái tên Phật quá dài vì nhiều chữ. Cũng có giải là : Vì bởi Phật đức dung-thông vô-tận, nên cũng có thể lấy một đức mà gồm thông muôn đức, thế thì riêng kể một đức, tức đủ các đức rồi.

Cho nên hễ nói nguồn nhơn thì đã gồm biên quả ; nói quả thời suốt thấu đến nhơn ; vì không lẽ có trí mà chẳng có bi ; có bi mà chẳng có trí. Không có hạnh nào chẳng do nguyện khởi ; không có nguyện nào phi hạnh mà thành. Như vua Nghiêu có nhơn, vua Thuấn có hiếu, vua Võ có kiem, vua Thang có khoan ; nghĩa là cũng có lẫn nhau đều đủ hết cả.

SỐ : Xứng lý, thời tự tánh có trí huệ chẳng khác cùng tận, là nghĩa phương Đông có hằng sa Phật.

SAO : Với phương đông nghĩa thấy giải văn trước, vật có hình tướng thời có cùng tận, chứ trí huệ thời không tận hết, vì bản thể nó là vô tướng tìm trí-huệ bên ngoài có thể hết, tìm trí-huệ trong tự-tánh không thể hết được.

Nói cát sông hằng đó, cũng chỉ là dụ được phần ít đấy thôi. Sở dĩ chúng nhơn đem hết cả tâm lực tư duy, cùng nhau đề so lường cũng chẳng xét lường được trí của Phật.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Mỗi vị Phật đều ở nước mình hiện ra tướng lưởi rộng dài khắp trùm cõi Tam-Thiên Đại-Thiên thế-giới.

SỐ : Chữ Kỳ-Quốc, là Nước bản sở của mỗi Phật tử ở. Các kỳ- quốc là : thấy mỗi vị Phật, Phật nào cũng đều vậy cả. Bên tả bên hữu là : Bề rộng. Tiền hậu là : Bề dài. Cõi Tam-thiên đại-thiên rõ như trong luận Cu-Xá nói. Khắp trùm cõi Tam-thiên là : Cực-lực nói bề rộng dài của tướng lưởi của chư Phật.

Do vì đức Phật đã nhiều kiếp tu khâu nghiệp được thanh-tịnh, nếu muốn rõ nguyên do đây, thì xem trong kinh Hoa-Nghiêm đã có nói.

Nói đoạn văn đây, là đề rõ rằng với lời Phật, là át đáng tin, khiến đoạn hết tâm nghi.

SAO : Luận Cu-Xá bài tụng nói : Kê từ bốn đại châu mặt nhứt mặt nguyệt, núi Tô-Mé-Lô, cõi trời lục-dục tột đến cõi trời Phạm-thiên cộng là một thế-giới ; lại đủ một nghìn lần như vậy, gọi là một cõi tiểu-thiên ; lại đủ một nghìn lần cõi tiểu-thiên như vậy, mới gọi là một cõi trung-thiên ; lại một nghìn lần cõi trung-thiên như vậy, mới gọi là một cõi Đại-thiên. Cả cõi đại-thiên ấy đều chung một số kiếp thành tru, hoại, không.

Nay giải nghĩa bốn châu lớn, hai vừng nhứt-luân, nguyệt-luân, một núi Tu-di, từ dưới Địa-ngục, đến cõi trời Lục-dục ; từ cõi trời Lục-dục đến cõi trời Phạm-thiên, ngang từ trời Sắc-giới đây, gọi là một thế-giới. Như thế ; đếm làm một, đếm đến một ngàn gọi là một cõi tiểu-thiên. Lại lấy cõi tiểu-thiên làm con số một cũng như đếm là một, như thế đếm đến số nghìn, kêu là một cõi trung-thiên.

Lại lấy cõi trung-thiên đếm làm con số một, cứ như thế mỗi mỗi đếm chồng chất cho đến số nghìn, kêu là một cõi Đại-thiên. Do gặp ba lần nói số nghìn, cho nên nói Tam-

thiên Đại-thiên ; kỳ thật một Đại-thiên mà thôi. Một thế-giới Đại-thiên, tức trong Kinh nói một cõi của một vị Phật giáo-hóa chúng-sanh,

Phật A-Súc-Bệ, nhần đến hằng sa các đức Phật kia, mỗi vị làm chủ trong một cõi Đại-thiên thế-giới ấy.

Nay nói các vị Phật, mỗi Ngài đều ở trong cõi nước của mình phát ra tướng lưỡi rộng dài phủ trùm trong cõi ấy, không chỗ nào mà chẳng khắp.

Khâu-nghiệp nhiều kiếp thanh tịnh là : Với điều nói năng thì không dùng lời nói vọng-ngữ, lời nói thêu dệt, lời nói hung dữ, và lời nói hai lưỡi.

Thường dùng lời chơn thật, lời ngay thẳng, lời nhu-nhuễn, và lời hòa hiệp. Mà nói nhiều kiếp đây là : Trong kinh nói lưỡi của phàm-phu có dài quá lắm là chỉ tới chót mũi, là nêu cái tướng ba đời không nói vọng ; còn Phật là vô-lượng kiếp lại đây từng không nói vọng, đã từ lâu đời chứa nhiều công-đức của lời chơn thật nên mới cảm được cái tướng lưỡi dài tốt như vậy.

Muốn rõ nguyên do đây thì : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm Ly thế-gian nói : Vị Bồ-Tát có 10 thứ lưỡi chỗ gọi rằng : Lưỡi mở bày diễn nói cả hạnh-nghiệp của vô-tận chúng-sanh ; lưỡi mở bày diễn nói cả pháp môn nhiều đến vô cùng tận ; lưỡi khen ngợi các đức Phật đều có công-đức nhiều đến số vô-tận ; nhần đến lưỡi nói pháp đề ngăn dẹp tất cả các loại ma, chúng ngoại-đạo, dứt hết sanh-tử, phiền-não khiến chúng-sanh đến cõi Niết-Bàn, ấy là 10 thứ lưỡi. Vị Bồ-Tát thành-tựu 10 pháp này, mới được tướng lưỡi vô-thượng của Như-Lai, phủ khắp các cõi nước ; cho nên nói rõ nguyên do Phật được tướng lưỡi như thế, thì chẳng những chỉ một hơn.

Câu ắt đặng tin ấy là : tướng lưỡi của phàm-phu không hơn ba tấc. Người xưa nói : Khua ba tấc lưỡi thời chê khen, yếm khoe theo ý riêng của mình, chưa đáng tin nổi. Còn Phật đủ tướng lưỡi rộng dài như thế đâu có dối ư ? Nay đây với lời của 6 phương Phật khen ngợi Phật A-Di-Đà, còn nghị

không tin, thời không có lẽ đó, nếu là người không có duyên với Phật!

SỐ : Lại nữa Bồ-Tát trong ngôi Thập-hạnh còn có tướng lưỡi rộng dài đã hơn với lượng trùm đại-thiên thế giới đây ; nay cũng sơ lược mà nói thế thôi.

SAO : Tướng lưỡi của Bồ-Tát là : Kinh Hoa-Nghiêm nói bực Thập-Hạnh Bồ-Tát, thành-tựu 10 món vô-tận-tạng. Nên khi Bồ-Tát thuyết-pháp, dùng tướng lưỡi rộng dài nói ra tiếng tám nhiệm màu, khắp đầy 10 phương tất cả thế-giới.

Nói 10 phương tất cả, thời chẳng những một thế-giới đại-thiên mà thôi ; Bồ-Tát còn thế hưởng chi đức Như-Lai !

Vấn đây chỉ nói đều ở trong bốn quốc của mỗi đức Phật, cho nên nói rằng là sơ lược. Thật ra thì Phật khen cõi Tịnh-độ, mà khắp cả 10 phương tất cả thế-giới không vị nào mà chẳng khen.

SỐ : Ngài Từ-Ân nói : Tướng lưỡi của Phật chứng việc nhỏ, thời lưỡi nó phủ cả cái mặt cho đến mé tóc ; nay nói phủ cả Đại-thiên thế-giới là chứng sự lớn, tức là « đại sự nhơn duyên ».

Lại nói Bồ-Tát dựng tướng lưỡi phủ cả mặt, cho nên Bồ-Tát chỉ nói một lời không hai, vì đều là lời chơn thật. Thời biết tướng lưỡi phủ mặt đã không nói vọng, hưởng lưỡi phủ khắp cõi Đại-Thiên ư ?

SAO : Tướng lưỡi lớn nhỏ là : Do Phật chúng dựng cái pháp sắc thân tam-muội, sáu căn đều được tự-tại, giải-thoát giữa cảnh sắc 6 trần, nên chứng việc nhỏ, chứng việc lớn, đều theo ý Ngài biểu hiện ra. Nói việc lớn ấy là kinh Pháp-Hoa nói : Phật vì một việc nhơn duyên lớn, nên mới xuất hiện ra đời, dạy bảo chúng-sanh đều được vào bực Phật.

Nay 6 phương chư Phật khen cõi Tịnh-Độ bằng cách hiện tướng lưỡi như thế đây, thời biết pháp-môn Tịnh-Độ việc lớn đồng với kinh Pháp-Hoa. Nếu không phải việc lớn, thì theo lối

thường người ta nói : Cắt cổ gà đầu phải dùng đến con dao giết trâu (12).

Lại câu BỒ-Tát lưởi phủ cả mặt đầy, là nói bực thua, sánh đó để biết bực hơn, là một biện chứng pháp triết để, để khuyên người tin chắc.

SỐ : Lại với 10 phương đầy, là nói theo bề ngang ; bằng luận theo bề dọc thì thông đồng đến 3 đời, không vị Phật nào mà chẳng khen ngợi.

SAO : Lấy 10 phương để so 3 đời, thời trước từ Phật Ca-Điếp, nhân đến đời quá-khứ không lường các vị Phật. Vời sau từ Phật Di-Lặc, nhân đến đời vị-lai không lường các vị Phật, ắt cũng vẫn hiện ra tướng lưởi rộng dài phủ khắp 3 đời vậy. Các vị Phật tướng đã đồng, thời tâm cũng đồng, trí cũng đồng và nguyện cũng đồng. Đã sáu phương Phật đều khen ngợi Kinh này, thời biết ba đời các vị Phật, cũng ắt khen ngợi Kinh này như sáu phương Phật kia vậy.

Chính chỗ gọi rằng nói và khen không hở dứt đối với kinh này phải vậy.

SỐ : Xưng lý, thời tự tánh khắp pháp-giới, là nghĩa tướng lưởi rộng dài.

SAO : Bực Cồ-Đức nói : Tiếng nước suối tức là tướng lưởi rộng dài. Thế thời với tướng lưởi rộng dài ấy, chẳng những chỉ các vị Phật có thời, mà tất cả chúng-sanh cũng đều có, tức là muôn hình vạn tượng, cũng đều có cả ; cho nên nói loài bū-tình cùng vô-tình, cũng chung thành một cái lưởi. Lưởi tức là cả pháp-giới ; cả pháp-giới tức là một cái lưởi : nếu nói phủ khắp đã thành hai cái !

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : các ông và chúng-sanh, phải tin kinh Xưng-Tán Bất-Khả Tự-Nghì công-đức, Nhất thể chư Phật sở hộ niệm này.

SỐ : Nói lời thành thật là cái lời đáng tin, do nơi đầu của tướng lười rộng dài ấy, nói ra lời thành thật. Nghĩa là đối với kinh Xưng-tán Bất-khả Tư-nghi công-đức nhưt-thiết chư Phật sở hộ niệm này. Các ông nên tin chắc, chớ đem lòng nghi-ngờ. Nghĩa chữ Tin giải rõ ở văn sau.

SAO : Lời đáng nên tin là : Do lời thành thời chắc thiết không dối thiết thời chín xét không sai ; chỗ gọi rằng như con sư-tử hầu, lời nói vô-úy, nghìn vị Thánh ra đời không thể đòi muốn đời giữ đó làm khuôn mẫu.

Câu xưng-tán Bất-Khả Tư-Nghi Công-Đức, luôn sau 16 chữ là nguyên tên kinh này vậy. Bản dịch nhà Đường chỉ nói : Xưng-tán Tịnh-Độ Phật Nhiếp-thọ kinh là muốn bớt văn chớ để. Do vì câu Bất-khả Tư-nghi Công-đức nó bị gồm trong hai chữ Tịnh-Độ. Bốn chữ « Bất-khả Tư-nghi » đây, với văn trên kia là nghĩa khen Phật, với văn đây lại là nghĩa khen kinh, nghĩa kia với đây như một nên không giải lại nữa.

Thế nào là hộ niệm ? Vì những người niệm Phật, nhờ sức Phật bảo hộ, khiến kia được an ổn, không các việc chướng-nạn. Tâm Phật nhớ tưởng, khiến người kia tinh-tấn mãi, không hề lui sụt vậy.

Trong Quán-Kinh nói với chúng-sanh niệm Phật, Ngài thấu rước không bỏ. Kinh lại nói : Những người niệm Phật được Phật A-Di-Đà thường ở trước đầu người kia. Lại trong 10 món lợi ích nói : Những người niệm Phật, Phật A-Di-Đà thường phóng hào quang sáng, để tiếp rước người đó.

Đây thì đức Bồn-sur Hộ-niệm, mà 10 phương các đức Phật kia cũng đồng hộ-niệm người đấy ; phải biết người xưa niệm Phật, thời được Phật hộ-niệm cho ; cảm ứng tự-nhiên chẳng khá đối vậy.

SỐ : Lại bực Bất-Đọa Bồ-tát mới nhờ Phật hộ-niệm cho nên biết người vãng sanh, địa vị chẳng phải thấp hèn,

SAO : Bực Bát-địa được Phật hộ là : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực Bát-Địa Bồ-Tát, thường được đức Như-Lai, Ngái hộ-niệm. Nay kinh này nói : Người niệm Phật được Phật hộ-niệm, thế là chóng lên bực Bát-Địa, cho nên nói chẳng phải hèn thấp.

SỞ : Các đức Phật dạy bảo chúng-sanh, xưa có hai thuyết : 1.- Chuyên-dẫn ; 2.- Đồng thời ; nay gồm dùng cả hai thuyết.

SAO : Chuyên-dẫn là : Ông Từ-Ân nói : Với lời nói của chư Phật ở 6 phương rao bảo trong các nước của các Phật, Đức Thích-Ca lại đem lời ấy về thuật lại, để chứng lời nói của Ngài.

Ông Linh-Chi nói : Khi đức Thích-Ca nói Kinh này, sáu phương các đức Phật cũng đồng thời khen ngợi.

Nay gồm dùng đó là : Do pháp môn quảng-đại rất thiết-yếu này các đức Phật khi bình thời ắt đã thường khen, mà chính khi đức Phật Thích-Ca đang nói kinh này, thì đồng thời 10 phương các đức Phật đều khen, cũng không ngại gì ?

Càng rõ kinh này chính là pháp môn Phổ-Nhãn (khắp soi) ! cùng cả pháp giới ; một đức Phật nói, tức tất cả các đức Phật đồng nói.

SỞ : Xứng lý, thời tự tánh không biến đổi, là nghĩa : thành-thật ; tự tánh không lý là nghĩa : hộ-niệm.

SAO : Lời nói thuần là chơn, tuyệt hẳn vọng, dù muôn kiếp vẫn như vậy.

Nói rằng thành thật chi nữa cũng chẳng hơn nơi đây ; tức nay đây một phen ngó, một phen nghe, một khi nói, một khi làm, không một cái nào mà không thành thật, suốt xưa, suốt nay thường hộ, thường niệm, đi đứng, ngồi, nằm chẳng lìa cái ấy (tự-tánh) đâu đặng với lời thành thật của Phật mà không tin. Với Phật hộ ta mà ta riêng bỏ ? Ôi ! Tại sao mình gạt mình, mình dối mình, mình tự trốn, mình tự đi ! ?

NAM-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

- 1.- Liệt danh hiền-quảng.
- 2.- Hiện tướng biểu-chơn.
- 3.- Phát ngôn khuyến-tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế-giới phương Nam, có các đức Nhưt-Nguyệt-Đăng Phật, Danh-Văn-Quang Phật, Đại-Diệm-Kiên Phật, Tu-Di-Đăng Phật, Vô-Lượng Tinh-Tấn Phật. Như vậy cả thấy các vị Phật nhiều bằng số hằng hà sa.

SỞ : Phật Nhưt-Nguyệt-Đăng là : Vì trí lớn vô cùng tận.

SAO : Trí lớn vô cùng tận là, kia như ánh của mặt nhưt chiếu ban ngày, mặt nguyệt chiếu ban đêm, ánh của đèn chiếu vào những chỗ mà nhưt nguyệt chiếu không tới, kể truyền sáng khắp, đều vô cùng tận. Trí lớn của Phật : Ngang thời suốt 10 phương, dọc thấu ba đời, cũng như ánh sáng của nhưt nguyệt thể đấy.

Lại ánh sáng mặt nhưt, phá chỗ tối tăm, có nghĩa Bát-nhã, gọi là nhưt-thế-tri ; mặt nguyệt do ánh mát mẻ chiếu ban đêm có nghĩa giải-thoát, gọi là Đạo-chủng-tri ; ánh đèn tiếp nối để bỏ-khuyết cho nhưt-nguyệt, chiếu suốt cả ngày đêm không mắc hai bên như ngày và đêm chẳng hạn. Đây là nghĩa đẽ-trung đạo-đệ-nhứt, có nghĩa Pháp-thân gọi là Nhưt-Thế chủng-tri. Vì ánh-huệ sáng suốt.

SỞ : Phật Danh-Văn-Quang là : Được tiếng khen khắp đồn, như ánh sáng chiếu xa.

SAO : Đức Phật lớn, tiếng rất to, cho nên có danh khen đồn khắp cả 10 phương vô-lượng thế-giới. Như ánh sáng mặt nhưt chiếu không chỗ nào chẳng khắp.

SỞ : Phật Đại-Diệm-Kiên là : Chử Kiên nghĩa hai vai, tiêu biểu hai trí ; chử Diệm là hực-hở ; dụ hai trí chiếu sáng.

SAO : Hai trí là : Quyền-trí đề chiếu về sự-tướng ; thật trí chiếu tâm lý, sự lý rõ ràng, đều chiếu phá không mê muội, dụ như hai cái vai phát ra ánh sáng. Lại hai trí này, gánh vác tất cả Phật-pháp, cho nên có nghĩa là hai vai.

SỞ : Phật Tu-Di-Đăng là : Dùng núi Tu-di làm đèn, đề chiếu cả 4 châu thiên-hạ, hào-quang của Phật rộng lớn cao chiếu cũng như thế.

SAO : Núi Tu-di làm đèn là : Như nói : Dùng núi Tu-di làm bút, dùng núi Tu-di làm dùi v.v... là để nói cái lượng của đèn, rất rộng và rất lớn.

Núi Tu-di ở giữa, hào-quang chiếu khắp bốn châu ; Phật dùng trí lớn trung-đạo, mà chiếu các chúng-sanh như ánh đèn không lờ là đèn Tu-di núi chúa vì lớn như thế-giới vậy. Song kinh Duy-Ma nói : Có đức Tu-Di-Đăng Vương Phật, thân cao tám vạn bốn nghìn do-tuần, nhưng xét cõi nước của Ngài, là ở về phương Đông cách đây ngoài 36 hằng hà sa thế-giới. Mà nay Phật Tu-Di-Đăng này ở về phương Nam là do vì các Phật trùng tên với nhau rất nhiều vậy.

SỞ : Phật Vô-Lượng Tinh-Tấn là : Chử Tinh-tấn giải thấy trong khoa tự-phần trước. Nhưng khoa kia nói : Thường-tinh-tấn, còn văn đây nói : Vô-lượng Tinh-tấn.

SAO : Vô-lượng có hai nghĩa : 1.- Thời-vô-lượng : tức là nghĩa thường ; 2.- Sự-vô-lượng là : Tự-lợi lợi-tha ; vì trí và hạnh vô biên cố vậy.

SỞ : Xứng-Lý, thời tự-tánh, sáng-suốt bất-khả-tận, là nghĩa Nam phương có hằng sa Phật.

SAO : Nam phương thuộc cung ly mà ly là Bình đình hỏa, hỏa thời trong tối ngoài sáng, ấy là Tịch mà thường chiếu. Tánh chơn tri bất muội, sự sáng-suốt nào cùng. Kinh Hoa -

Nghiêm phạm Quang-Minh-Giác nói : Hào-quang đức Như-Lai soi sáng vượt khỏi một thế-giới, 10 phương thế-giới nhần đến bất-khả thuyết thế-giới. Đây là hào-quang trong tâm của mình giác chiếu tất cả, chẳng do tự ngoài mà đặng. Cho nên nói : Ta thấy đức Đấng-Minh Phật, hào-quang tốt của Ngài xưa cũng như thế.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, vị nào ở nước nấy đều phóng ra tướng lưỡn rộng dài phủ khắp cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật rằng : các ông và chúng-sanh, phải tin kinh Xưng tán bất-khả-tư-nghì công-đức nhưt thiết chư Phật sở hộ niệm này.

TÂY-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

- 1.- Liệt Danh Hiền Quảng.
- 2.- Hiện Tướng Biểu Chơn.
- 3.- Phát Ngôn Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế giới phương Tây có các đức : Vô-Lượng-Thọ Phật, Vô-Lượng-Tướng Phật, Vô-Lượng-Tràng Phật, Đại-Quang Phật, Đại-Minh Phật, Bảo-Tướng Phật, Tịnh-Quang Phật, như vậy cả thầy hằng hà sa số các vị Phật.

SỞ : Phật Vô-Lượng-Thọ đây ; nhưn đồng một danh hiệu với đức Bôn-Phật (Di-Đà) xưa có hai thuyết cũng đều có lý.

SAO : Hai thuyết là : Ông Linh-Chi nói : Các vị Phật đồng danh nhiều lắm, quyết chẳng phải một vị Phật do Ngài Pháp-tạng tu thành. Bởi vì đức Bôn Phật đây không lẽ tự khen

minh. Ông Từ-Ân nói : Dù cho tự khen mình, lý cũng không hại, là do vì dẫn-dắt chúng-sanh, khiến cho nó sanh tâm thích đẹp. Nay dùng cả hai thuyết nghĩa là : Cứ trong kinh Đại-bồ-đề qua khỏi vô-biên cõi Phật, có nhiều vị Phật đồng một danh với đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, không thể kể xiết.

Lại Thầy đức Quan-Thế-Âm, cũng là Quan-Âm Như-Lai v.v...

Thế thời biết danh hiệu Phật Vô-Lượng-Thọ đầu những một vị Phật A-Di-Đà mà thôi. Mà còn có cả trăm cả nghìn hằng vạn hằng ức không thể cùng tột các vị Phật đồng danh hiệu nữa kia kia.

Nếu cứ bên phần sự của Phật ; đầu dặng lấy việc phạm thượng so sánh đó, thì chỉ cho khỏi khen mình chê người, phạm 10 tội trọng trong Bồ-tát giới ư ? Kinh Pháp-Hoa Phật nói : Ta là vị Pháp-vương... đối trong các pháp, đều được rảnh rang, dọc ngang, cho lấy, quyền, thiết đều bày. Nếu có lợi ích cho chúng-sanh thì làm sao lại chẳng được ! Như câu « trên trời dưới trời, duy một mình Ta độc tôn » ; khá dặng nói rằng : Ngài tự khen mình chẳng ? !

Một thuyết trước, vì e người không biết các vị Phật số nhiều như bụi trần, mà câu chấp một bên, như lối thành kiến !

Một thuyết sau, vì sợ người chấp chỗ không nên khen mình, mà mờ ám pháp thần thông diệu dụng của Phật nên hai thuyết đều phải lý, vốn không ngại.

SỞ : Phật Vô-Lượng-Tướng là : Vì tướng-hảo vô cùng tận.

SAO : Tướng-hảo là : Hoặc 32 tướng hoặc tám vạn bốn ngàn tướng (84.000), hoặc vi trần tướng, phước đức vô-lượng, thời tướng-hảo cũng vô-lượng vậy. Xưa Ngài Chí-Công hiện tướng Quan-Âm có 11 mặt, Ông Tăng-Do là một nhà họa-sĩ khéo nhưt đương thời còn không thể dĩ ngòi bút vẽ dặng, huống là tướng-hảo của Phật ư ?

SỞ : Phật Vô-Lượng-Tràng là : Vì công-đức cao vợi, dụ đó như cây tràng-phan tột chỗ cao vợi kia, nên gọi là vô-lượng. Lại nghĩa vô-lượng là rộng nhiều,

SAO : Chữ tràng là cây phước thuộc về cái phan, lại nói : thuộc về cây cờ. Sách San-định-ký nói : Tràng có bảy nghĩa, tóm lại còn năm : 1.- Nghĩa cao vòi : Ví dụ vị Phật là ngôi rất tôn trọng. 2.- Nghĩa kiến-lập : Ví dụ đức Phật dùng lòng bi, trí, kiến lập cho chúng-sanh với quả Bồ-đề. 3.- Nghĩa Qui-hướng : Ví dụ đức Phật là chỗ tôn ngưỡng của tất cả chúng-sanh. 4.- Nghĩa bẻ dẹp : Ví hàng phục tất cả ma quân. 5.- Nghĩa hết sợ : Như trời Đế-thích bảo các vị Thiên-chúng rằng : Các người cùng thần Tu-la khi giao chiến với nhau, dầu có e sợ, phải nhớ cây tràng thất-bảo của ta, thời cái điều sợ kia liền diệt ; dụ đức Phật được pháp vô sở úy nếu chúng sanh niệm Phật, liền khỏi sợ-sệt. Với trong năm nghĩa nay chỉ lấy một nghĩa cao vòi, tức gồm hết các nghĩa kia vậy.

Rộng nhiều là : Cái tràng kia, nhiều đến vô-lượng. Như kinh nói tràng phan, bảo cái khắp đầy chớ hư không. Phật lập vô-lượng nghĩa màu, chỉ bày cho chúng-sanh, cũng lại như vậy.

SÓ : Phật Đại-Quang là : Vì hào-quang sáng chói rộng khắp.

SAO : Hào-quang là chỗ diệu-dùng của đức Phật biến hóa dạy người, các người trời thần cũng có hào-quang, không cần ánh sáng của mặt nhật, mặt nguyệt ; Nhị-thừa là bực quả nhỏ, và nhơn địa của Bồ-tát cũng đều có hào-quang sáng, nhưng sánh với hào-quang của Phật thì nhỏ hơn, vì hào-quang của Phật, ánh sáng che-phủ tất cả, nên nói là đại-quang vậy.

SÓ : Phật Đại-Minh là : Vì nói đức Phật dùng Đại trí phá hết những phiền-não mê hoặc.

SAO : Phá hết những phiền-não mê hoặc là : Phật dùng nhưt thể trí phá hết kiến hoặc tư hoặc. Dùng đạo-chủng-trí phá hết trần sa hoặc ; dùng nhưt-thể-chủng-trí phá hết vô-minh hoặc, cũng như mặt trời sáng giữa hư-không, không chỗ nào chạng chiếu, rủa là đại-minh vậy,

Tuy Phật trước tựa hồ như giác-tha ; còn đức Phật đây in tuồng chỉ tự giác, nhưng với mỗi Ngài chỉ nói một đức, chứ nói nghĩa thật lẫn đủ, như trong lời TÔNG-thuyết văn trước đã biện rành.

SỐ : Phật Bảo-Tướng là : Vì tướng tốt lạ lùng như ngọc báu quý trọng.

SAO : Tướng tốt như ngọc báu là : Vì Phật có vô-lượng tướng tốt. Nay chỉ nói một hai tướng mà thôi. Với tướng con mắt như trong kinh nói : Phật có tám vạn bốn nghìn con mắt báu thanh tịnh. Với tướng bạch hào : Như trong kinh nói : Long tướng bạch hào như ống Lưu-ly. Với tướng trước ngực : Như trong kinh nói : sắc vàng tử - kim. Tướng nhục - kế : Như trong kinh nói : Ngọc Chân-thúc-Ca ; đó là chỗ gọi rằng : Bảo tướng vậy.

SỐ : Phật Tịnh-Quang là : Vì đức Phật thanh-tịnh phát ra hào-quang sáng, lại vì hào-quang kia thanh-tịnh nên gọi là Tịnh-Quang.

SAO : Thanh-tịnh phát ra hào-quang là : Nếu trí có nhiễm, thời không thể phát ra hào-quang nhiệm mầu.

Nay nói đức của Phật thanh-tịnh, nên mới phóng ra hào-quang sáng lớn. Vì như cái thể gương thanh-tịnh nó hay soi các hình tượng.

Hào-quang thanh-tịnh kia. Vì như lửa đốt ngoài đồng nội, cũng có hào-quang sáng, nhưng sánh với mặt trời, mặt trăng chẳng gọi là tịnh vậy.

SỐ : Xứng-lý, thời tự-tánh thanh-tịnh bất-khả-tận, là nghĩa Tây-phương có hằng sa Phật.

SAO : Nghĩa Tây-phương đã thấy giải văn trước. Bởi do tự-thể của chơn-như, nó lặng như hư-không, tuyệt điểm thuần thanh đầu tầng có bờ mé ! Nhưng mây niệm trần thoát khỏi ; Phật diệt-độ đã nhiều đời ; tâm trần vừa dứt, cớ Phật liền hiện (Phật tánh bày ra).

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật vị nào ở trước ấy, đồng hiện ra tướng
lưỡi rộng dài, phủ khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh, phải tin kinh :
Xưng-tán-bất-khả-tư-nghì-công-đức-nhứt-thế-chư - Phật - sở - hộ -
niệm này.

BẮC-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

- 1.- Liệt Danh Hiền Quảng
- 2.- Hiện Tướng Biểu Chơn
- 3.- Phát Ngôn Khuyến Tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế-giới Bắc-phương có các đức :
Diệm-Kiên Phật, Tối-Thắng-Âm Phật, Nan-Trở Phật, Nhứt-Sanh
Phật, Vãng-Minh Phật, như vậy hết thầy hằng-hà sa số các
vị Phật.

SỞ : Phật Diệm-Kiên đã thấy giải ở văn trước.

SAO : Văn trước có chữ Đại, nhưng nghĩa không hơn
kém.

SỞ : Phật Tối-Thắng-Âm là : Vì tiếng đức Phật
rất lớn tất-cả các tiếng-tâm, không tiếng nào bì kịp.

SAO : Phật có tám thứ tiếng : 1.- Tiếng cực-hảo. 2.-
Tiếng nhu-nhuỷm ; nhân đến tiếng thứ 8.- Tiếng không dứt.
Nay cứ theo tiếng cực-hảo để giải cái nghĩa tối-thắng, cũng có
thể gồm đủ 8 thứ tiếng, cho nên kêu là Tối-Thắng-Âm. Thế là
tất-cả tiếng cõi nhơn thiên, tiếng Thanh-Văn, tiếng Bồ-Tát,
không tiếng nào có thể bì kịp vậy.

SỞ : Phật Nan-Trở là : Vì Đức của Phật bền chắc
không thể phá hoại.

SAO : Chữ Trở là tên con sông. Và một nghĩa nữa là hoại, vì Phật chứng pháp-thân, đã đặng thể kim-cang bất-hoại, không còn các cái dư hoặc : là trần-sa hoặc ; vô-minh hoặc. Nên dù phiền-não nhầy tràn, cũng không thể phá hoại ; cho nên gọi Nan-Trở. Người xưa nói : Nước Ngô thành ao kia ư ? Cũng như nói không thể thành ao vậy. Lại nghĩa chữ Trở thông dụng với chữ Trở là ngăn dứt.

SỐ : Phật Nhứt-Sanh là : Hào-quang khi hiện ra, cũng như mặt trời mới vừa mọc, là nói gồm hai việc lợi.

SAO : Hai việc lợi là : 1.- Tự-lợi : Nghĩa là tánh bản giác Phật của chúng-sanh, vui lấp trong tánh vô-minh, cũng như giữa đêm khuya, ánh sáng mặt trời không hiện ; chứng phá vọng-hoặc bày trí chơn, thời tánh Thi-giác Phật mới tỏ chiếu, ví như mặt trời mọc phương Đông vậy.

2.- Lợi tha : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 23 nói : Ví như Ông Nhứt-Thiên-Tử (cũng là mặt trời mà nói bằng tên khác) chẳng vì có trăng Mù không thấy mà ẩn không hiện (mọc) ; chẳng vì có thành Càn-thác-Bà ánh, tuy thần A-Tu-La che cây Diêm-Phù để khuất, cùng là gộp cao, hang thâm, bụi mù, khói mây v.v... Các vật phủ che ẩn mà không hiện ; chẳng vì có thời tiết đời ẩn mà không hiện.

Dụ như Phật mới thành ngôi chánh-giác thuyết-pháp lợi đời, hào-quang tri-tuệ khắp soi, cũng như mặt trời mọc phương Đông vậy.

SỐ : Phật Vãng-Minh là : Vì trí như lưới báu khắp soi tất-cả chúng-sanh.

SAO : Chữ Vãng : tức là cái lưới nghìn hột châu của trời Phạm-Thiên, ánh tia của ngàn hột châu đều chiếu nhau, sáng lạng rỗng suốt ; như trí của Phật phủ khắp cả chúng-sanh, không chỗ nào mà chẳng chiếu. Lại mỗi pháp môn lẫn nhau dung suốt, vì giác-ngộ cho kẻ quàn mê.

SỐ : Xứng-Lý, thời tự-tánh hàm-nhiếp bất-khả-tận, là nghĩa : Bắc phương có hằng sa các vị Phật.

SAO : Bắc phương (nhâm qui thủy) thuộc về mùa đông ; Đông là chủ về việc thu chứa, Đông là mùa rớt sau của vạn-vật trưởng-thành mà cũng là đầu tiên của vạn-vật sanh thành vậy. Thế nay trăm nghìn pháp-môn, cũng đồng về trong vòng tác (tự-tánh) không ngăn đức dụng, đều ở trong nguồn tâm.

Tim đó thời không tướng không hình, buông đó cũng vô cùng vô tận. Xưa nay sẵn đủ, chẳng cần tìm cầu. Thế cho nên trong Tâm của chúng-sanh, tức là Như-Lai tạng tánh.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, Ngài nào tự ở nước này, hiện ra tướng lưỡn rộng dài, khắp trùm cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh, phải tin kính : Xưng - tán - bất-khả-tư-nghì-công-đức-nhứt-thế chư Phật sở hộ niệm này.

HẠ-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. — Liệt Danh Hiền Quảng
2. — Hiện Tướng Biểu Chơn
3. — Phát Ngôn Khuyến Tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế-giới Hạ-phương có các đức : Sư-Tử Phật, Danh-Văn Phật, Danh-Quang Phật, Đạt-Ma Phật, Pháp-Tràng Phật, Trì-Pháp Phật, như vậy hết thấy hằng hà sa số các vị Phật

SỞ : Sư-Tử Phật là : Dụ như con Sư-tử đẹp các thú vậy.

SAO : Sư-tử có hai nghĩa : 1.- Sư-tử là chúa trong các loài thú đạo đi không sợ ; dụ như đức Phật là bậc Đốc-tôn trong 6 cõi phạm 4 cõi Thánh, ra vào trong ba cõi tự-tại không

ngăn ngại. 2.- Su-tử rống lên một tiếng, thời trăm thú đều ghê sợ; dụ như Phật thuyết pháp, thời chúng Thiên-ma, bọn ngoại-đạo thấy đều tin phục.

Lại Phật không có năm món sợ và đủ bốn món vô-úy, đều là nghĩa Su-tử.

SỐ : Danh-Văn Phật giải nghĩa đồng như trước.

SAO : Văn trước Danh-Văn-Quang. Văn đây thiếu chữ Quang. Bởi do Danh-văn là Đức. Quang là dụ. Tuy Phật đây không dụ như kia. Nhưng mà không khác với đức của Phật kia.

SỐ : Danh-Văn Phật là : Cái danh của Phật như mặt nhật sáng, không chỗ nào mà chẳng khắp, cũng có thể xưng luôn; do vì cái danh tỏ-rạng, thời ánh-sáng chói xa.

SAO : Nghĩa chữ Quang đồng như văn trước. Danh tỏ rạng là : Như Phật A-Di-Đà cái danh khen đồn khắp 10 phương 3 đời, không đời nào chẳng chiêm-bái và tưởng-niệm.

Ánh sáng chói xa là : Như Phật A-Di-Đà hào-quang khắp soi 10 phương 3 đời, không chỗ nào ngăn che được.

SỐ : Đạt-Ma dịch là Pháp, cũng gồm hai lợi.

SAO : Chữ Pháp là nghĩa phép-tắc, giữ-gìn : Dùng phép tắc giữ-gìn đức của mình; dùng phép tắc giữ-gìn thân chúng-sanh. Đều chứng dặng pháp thân.

SỐ : Pháp-Tràng là : Vì chữ pháp là phép-tắc, dụ như cái tràng (cây cờ nêu cao),

SAO : Phép-tắc như Tràng là : Phật pháp cao vợi, người trời kính đó, là tôn trọng và ngoại. Trông đó, thời rõ như văn trước nghĩa vô-lượng tràng.

SỐ : Trì pháp là : Có hai nghĩa 1.- Giữ nghĩa trung-đạo gọi là trì. 2.- Giữ gìn pháp-niệm cũng gọi là trì.

SAO : Giữ trung-đạo là : Không sa về bên có, chẳng mắc về bên không, vì khéo giữ pháp màu của trung-đạo.

Giữ gìn là : Vì giữ phép màu đây, khắp truyền ba đời không cho dứt mất.

SỐ : Xứng-lý, thời tự-tánh, lượng đó càng sâu không thể tốt, ấy là nghĩa Hạ-phương có hằng hà sa các vị Phật.

SAO : Với việc lấy binh bát đức Văn-Thù thông cánh tay bên hữu đưa xa xuống khỏi cõi Hạ-phương 72 hằng hà sa thế-giới. Nay kinh này lại nói : Khỏi cõi Hạ-phương bất-khả thuyết hằng hà sa thế-giới, mà tìm trong tự-tánh. Ví như cầm sào thọc biển, muốn tột đáy kia, rốt cuộc không thể được.

HIỆN TƯỚNG BIÊU CHƠN

Các vị Phật, Ngài nào ở nước nấy, hiện ra tướng lười rộng dài, khắp trùm cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh phải tin « kinh xưng-tán-bất-khả-tư-nghì công-đức nhưt thể chư Phật sở-hộ niệm » này.

THƯỢNG-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. — Liệt Danh Hiền Quảng.
2. — Hiện Tướng Biêu Chơn.
3. — Phát Ngôn Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế giới Thượng-phương có đức Phạm-Âm Phật, Tú-Vương Phật, Hương-Thượng Phật, Hương-Quang Phật, Đại-Diệm-Kiên Phật, Tạp-Sắc-Bảo Hoa-Nghiêm-Thân Phật, Ta-La-Thọ-Vương Phật, Bảo-Hoa-Đức Phật ; Kiến-Nhứt-Thế-Nghĩa Phật, Như-Tu-Di-Sơn Phật, như vậy hết thấy hằng hà sa số chư Phật.

SỞ : Phạm-Âm Phật là : Vì tiếng của Phật thanh-tịnh không tạp nhiễm ?

SAO : Không tạp-nhiễm là : Như Phật Ngài thuyết-pháp cho các thừa kia (tam thừa) đều còn là tạp-nhiễm. Vì pháp chưa được cứu-cánh thanh-tịnh. Nay Phật chỉ dùng một pháp nhưt thừa dạy bảo các chúng-sanh, gọi bằng thuần nhưt bất-tạp, hoàn-toàn cái thể thật-tướng thanh bạch phạm hạnh ; cho nên nói là Phạm-Âm Phật (Phạm-âm : tiếng trong sạch).

SỞ : Tú-Vương Phật là : Một nghĩa rằng : Mặt trăng là Tú-vương (sao chúa), một nghĩa nữa chính là ngôi sao lớn nhưt giữa các ngôi sao. Ví như Ngôi sao Bắc-thần ; hai nghĩa đều đặng.

SAO : Mặt trăng là ngôi sao chúa, chỗ gọi rằng : Muốn ngôi sao chung sáng, chẳng bằng một ánh chiếu của mặt trăng. Mà trăng thời phi đồng loại với sao. Dù rằng Phật là bậc đại-giác ; mà giác thời chẳng phải đồng loại với mê. Vì hơn tất-cả các loài, bởi mọi loài còn mê, cho đến các Thánh, Bồ-Tát cũng chưa cứu-cánh giác !

Chính là ngôi sao chúa giữa các ngôi sao là : Sách Luận-ngữ nói : Ví như ngôi sao Bắc-Thần ở tại chỗ nào, thời các ngôi sao kia đến châu theo đó. Rằng dù Bắc-Thần cũng loài sao, nhưng siêu hơn đồng loại, đề dụ rằng : Phật tức cũng chúng-sanh, mà sáng-suốt cao thâm hơn chúng-sanh, lại làm chỗ đề cho chúng-sanh qui-y, vì lẽ được giác-ngộ giải-thoát.

Hai nghĩa đều đặng là : 1.- Do ngôi sao với mặt trăng đối nhau vì ánh sáng hơn, nên xưng là vương (chúa). 2.- Chính trong các ngôi sao, riêng một ngôi sao này (Bắc-Thần) là hơn hết, nên xưng là vương (sao chúa).

Nay nói : Phật ở trong dị-loại, thì tự-tại hơn cũng như làm chúa trong dị-loại ; vì đã giác-ngộ, hơn một loài ; Phật ở trong đồng loại và các Thánh đã Giác-ngộ, cũng làm pháp-vương như chúa trong đồng loại ; vì vô-thượng cứu-cánh-giác ; cho nên hai nghĩa đều dùng đặng là như thế.

SỞ : Hương-Thượng Phật : Vì Phật là bực Thánh sư giữa các hàng Thánh như thứ hương thơm nhứt giữa các loại hương thơm ; Vì trên hết cả không bực nào sánh kịp.

SAO : Hương bực nhứt trong các loại hương là : Như Hương chiên-đàn, hương này nặng chừng sáu thù (14) giá đáng bằng ba nghìn đại-thiên thế-giới.

Lại nói : Hương này một phen đốt lên, ngoài 40 dặm không người nào chẳng nghe mùi thơm của nó ; ấy là hương rất trên hết vậy.

Đức Phật chứng đặng hương ngũ phần Pháp-thân. Hương này khắp xông tới vô-lượng thế-giới, tất cả hương của trời người, thần A-Tu-La, kẻ ngoại đạo, bực nhị thừa không thể bì kịp, nên nói là Hương-Thượng Phật.

SỞ : Hương-Quang Phật là : Hương kia phát ánh sáng, như đoạn và trí hai đức vậy.

SAO : Đoạn-Đức là : Mùi hương thơm có thể trừ được mùi hôi hám, có nghĩa diệt uế ; các mùi hôi sạch hết, gọi đó là hương. Trí-Đức là : Ánh-sáng hay phá được các tối, có nghĩa trí-huệ ; tỏ sáng rộng soi, gọi đó là quang.

Lại mùi hương thường chỉ thơm nội lỗ mũi thôi : trong hương phát ra ánh sáng, thơm tới con mắt nữa. Dụ như hàng Thanh-Văn chỉ hay, diệt được điều ác ; có thể mà không dụng. Phật diệt được tất cả ác, nên hay đủ tất cả việc lành. Đoạn và Trí đều cụ-túc ; như hương đã thơm mà lại phát ra ánh sáng nữa vậy.

SỞ : Đại-Diệm-Kiên Phật là giải nghĩa đồng như văn trước.

SAO : Tên Diệm-Kiên Phật thường có nêu ra ; chính do vì đức Phật này, đồng danh trùng hiệu tới vô lượng vô biên.

SỞ : Tạng Sắc-Bảo-Hoa-Nghiêm-Thân Phật là : Vì như tu đủ nhiều hạnh tốt như hoa đẹp, đề kết quả làm trang nghiêm Pháp thân thanh tịnh.

SAO : Muốn hạnh trang nghiêm là : Bực nhị-thừa tuy chứng đẳng pháp-thân, nhưng nếu không tu muốn hạnh, gọi là pháp thân suông (15) ; còn Phật xưng là bực nhất-thể chủng trí, là đã cần tu pháp Tứ-đẳng, pháp Lục-độ món món hạnh môn, không môn nào chẳng nhóm đủ ; chứa công dồn đức, để giúp rõ pháp thân như muốn món qui báu để trang nghiêm sắc thân. Do vì pháp thân sẵn đủ hằng sa tánh lành đức tốt.

SỚ : Ta-La-Thọ-Vương Phật là : Ta-La dịch là Kiên-Cổ, cũng dịch Tối-thắng. Vì đức của Phật không đời đời, là bực Độc tôn giữa ba cõi dụ như cây thọ-vương (16) vậy.

SAO : Kiên-cổ là : Cây này gặp năm lạnh không úa tàn, búa riu không hại nổi, có nghĩa kiên-cổ. Như Phật chứng Pháp-thân ; Vì tâm mê hoặc không thể lay gió, hoàn cảnh không thể động.

Tối-Thắng là : cây này cao lớn ; tất cả rừng cây không thể sánh kịp. Như Phật vượt khỏi ngoài 3 cõi ; là bực độc-tôn giữa các Thánh ; dù hai đức này (tối-thắng và kiên-cổ) gọi là cây thọ-vương vậy.

SỚ : Bảo-Hoa-Đức Phật là : Vì Đức của Phật như Hoa báu.

SAO : Văn trước nói Nghiêm-Thân Phật : Vì chữ Nghiêm có nghĩa của Nhơn hoa. Văn đây nói Bảo-Hoa Phật : ý lấy hoa đẹp dụ đức tốt. Nghĩa là : Phật đủ muốn đức, qui trọng xinh tốt, cũng như hoa đẹp rất qui báu vậy.

Một thuyết khác nói : Phật có bốn đức : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đức Chơn-Thường như : Hoa bằng chất báu, vì không tàn rụng.

Đức Chơn-Lạc như : Hoa rất qui báu, vì đẹp ý người.

Đức Chơn-Ngã như : Hoa báu vì không đối đãi với hoa ngoài.

Đức Chơn-Tịnh như : Hoa báu vì thể nó ngồi sạch, giàu có muốn đức, qui trọng xinh tốt, khá sợ độ để biết vậy.

SỞ : Kiến-Nhứt-Thế-Nghĩa Phật là : Vì đối tất cả nghĩa của các pháp, không nghĩa nào mà Phật chẳng biết.

SAO : Tất-cả là : Pháp thế-gian và pháp xuất-thế-gian, các pháp vô lượng thời nghĩa cũng vô lượng. Có người biết nghĩa gần, mà không biết nghĩa xa ; có người biết nghĩa lệch, mà không biết nghĩa tròn ; có người biết nghĩa chung, mà không biết nghĩa riêng ; có người biết nghĩa thiết, mà không biết nghĩa quyền. Còn Phật thì không có nghĩa nào mà Ngài chẳng thấy, chẳng biết.

Như Ông Thái-tử Tất-Đạt-Đa tên là Nhứt-Thế-Nghĩa-Thành (17) tức là ý đây vậy.

SỞ : Như-Tu-Di-Sơn Phật là : Vì núi Tu-Di là chúa các núi. Đức của Phật vượt hẳn lên trên các thánh tam-thừa, như núi Tu-Di kia.

SAO : Văn trước nói : Phật Tu-Di-Tướng, quyết chỉ về tướng hảo văn đây không chỉ tướng, là vì chuyên theo đức mà nói ; hiệp lại cả muôn đức đề tỏ thành, như núi Tu-Di, kết tinh bằng các thứ báu hiệp thành nên gọi là « Diệu ». Phật ở trong thiên hạ mà tự-tại độc lập, như núi Tu-Di cao lên trên hết, gọi là « Cao ». Núi Tu-Di là chúa trong các núi, cũng như đức Như-Lai là pháp-vương trong ba cõi, nghĩa ấy cũng đồng như một.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh ngược đó càng cao, chẳng khá tốt, là nghĩa Thượng-phương có hắng sa các vị Phật.

SAO : Đối với cái đạo của Không-Phu-Tử, thầy Nhan-Uyển tán thán rằng : Ngược đó càng cao. Nay muốn dùng đề dụ : Cái tâm linh vượt khỏi, thể bất vương-vin, ngược đó càng gần, cao đó càng lắm.

Ngày xưa ông Tịnh-Danh qua khỏi thế-giới Thượng-phương cách với Ta-Bà 42 hắng hà sa thế-giới, để lấy cơm thom (đem về làm Phật-sự). Nay kinh này nói : lại còn qua khỏi thế-giới Thượng-phương bất-khả-thuyết hắng hà sa thế-giới mà tìm

nơi tự-tánh. Ví như nổi tre thọc trời, muốn tột trên đánh kia
rốt cuộc chẳng thể được.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, Ngài nào ở nước này hiện ra tướng lười rộng
dài khắp trùm cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh phải tin « kinh
Xưng - tán - bát - khả - tu - nghi - công - đức - nhưt - thế chư Phật
sở hộ niệm » này.

SỞ : Nhấn trên 6 phương Phật mà sở dĩ tán-thán
và hộ niệm đó, cũng là do vì sức bản-nguyện Phật A-
Di-Đà.

SAO : Bản-nguyện là : Kinh Đại-Bổn, Ngài Pháp-Tạng
nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, danh đồn khắp cả mười phương
vô ương số thế-giới, các Phật mỗi ngày đều ở trong Đại-chúng,
khen công-dec Ta, với cùng cõi nước v.v...

Nên nay Ngài thành Phật được y như lời sở nguyện kia.

SỞ : Có người chấp kinh Lăng-Nghiêm nói : Pháp
Nhĩ-Căn của Đức Quán-Âm hợp với giáo thế phương
này. Còn pháp niệm Phật của Đức Thế-Chí chẳng dự
vào bực viên-thông, vì sao ngày nay khắp xa gần đều
dạy pháp niệm Phật ?

Do đấy mà nghi, chính bởi không hiểu 6 phương
Phật đồng khen pháp-môn niệm Phật.

SAO : Người nghi cho rằng : Pháp-môn niệm Phật, đã
chẳng hợp với cơ người phương này, lại chẳng dự vào hội chọn
lựa viên thông, đã ở cõi này hà tất niệm Phật làm chi ? Nay
xem 6 phương các Đức Phật đều khen kinh này, thời biết pháp
Nhĩ-Căn ấy, riêng hợp với căn cơ phương này ; còn pháp niệm
Phật thời hợp cả các căn cơ trong 10 phương thế-giới vậy. Kinh
Đại-Bổn nói : Mười phương chúng-sanh, hễ xưng danh hiệu Ta,
ật sanh về nước Ta phải vậy.

Pháp Nhĩ-Căn là : Riêng hợp với trình độ hơn-loại mà thôi, còn pháp niệm Phật thời đều hợp cơ cả 6 đường chúng-sanh.

Kinh Đại-Bổn nói : Địa-ngục, quỷ, súc-sinh, cũng sanh về trong cõi của Ta, thật thế. Thế thời pháp Nhĩ-Căn chẳng gồm pháp niệm Phật, mà pháp niệm Phật hay gồm pháp Nhĩ-Căn. Cho nên pháp Nhĩ-Căn đây chỉ phương này một Đức Thích-Ca Như-Lai khen mà thôi ; còn pháp niệm Phật kia cả 10 phương hằng sa các Đức Như-Lai đều khen ngợi ; nay theo lời khen phần nhiều cơ vậy.

Và nay khắp cả trong thiên-hạ kẻ tăng người tục, kẻ nam người nữ, tự-nhiên niệm Phật, như văn trước đã nói. — Thế thời pháp niệm Phật hợp-cơ rất nhiều, lại còn nghi chi nữa ?

Thử lập lời dụ : Như trong nước ta đây có trăm nghìn ấp mà kẻ sĩ-tử ở trong đó, phân nhau đề tập học ngũ-kinh. Hoặc có một ấp kẻ sĩ phần nhiều tập học kinh-thi, hoặc có một ấp kẻ sĩ phần nhiều tập học kinh-lễ, mà chỗ nói tập học phần nhiều đó. Vì cứ trong bốn ấp mà thôi ; nhưng mà hiệp hội các kinh (ngũ-kinh) so chung cả nước, thời sự tập học nhiều hơn hết là không chi hơn kinh Dịch.

Nay Pháp Nhĩ-Căn đây, ví như kinh Thi, kinh Lễ, còn pháp niệm Phật đây, ví như Châu-Dịch vậy.

SỐ : Hỏi — Đã sáu phương các Đức Phật đồng khâm khen cõi Tây-phương.

Vì lẽ gì Đức Lục-Tồ chẳng tùy theo các đức Phật đề khâm khen ; trái lại tưởng như chê rằng không có ; các cơ ấy tại đâu ?

Đáp : — Đây có 4 ý : 1.- Vì chỗ lập môn chẳng đồng. 2. Ví tưởng như chê, nhưng thiệt ra là khen. 3.- Chẳng vì kẻ sơ-cơ. 4.- Vì người biên chép có sai lầm.

SAO : Trong Lục-Tồ Đàn kinh nói : Người Phương-Đông tạo tội niệm Phật, cầu sanh Phương-Tây ; Người Phương-Tây tạo tội niệm Phật cầu sanh về nước nào ? Lại nói : Người ngu

nguyên Đông nguyên Tây. Người đời sau chấp theo đây rồi sanh nghi-ngờ ! Lục-Tổ nói : Không có cõi Tây-Phương, cho nên làm lời biện đây :

1.- Câu ban đầu vì chỗ lập môn chẳng đồng, lại có hai nghĩa : Một là : Vả cứ sự, lý hai môn. Lời đức Lục-Tổ nói : Là môn dùng lý đoạt sự nghĩa là chỉ dùng lý tánh ; còn về môn dùng sự đoạt lý, thì thời trong các pháp môn Phật sự không bỏ một pháp nào, vì chỉ dùng sự là hơn lý, thì đâu đáng bác bỏ đi mà cho rằng không có cõi Tịnh-Độ.

Hai là Đời Tấn, đời Tống sắp về sau, người tu Phật đều đua nhau lấy việc Thiền-định quán tưởng làm cao thượng hơn, là cho ý Trục chỉ đơn truyền, gần đến mờ lấp. Bấy giờ tổ Đạt-Ma mới xướng ra cái lý đoạt sự ấy, các tổ kế tiếp chấn-hưng thêm, chỉ muốn đạo lý ấy (trục chỉ thiền) phóng đại quang-minh ra, mà đạo-lý ấy không phân-biệt có Phật có chúng-sanh gì cả, nghĩa là chỉ một lý-tánh mà thôi. Nay pháp môn Tây-phương đây, chính là vì mở bày cho chúng-sanh thú hưởng về Phật. Với đạo-lý ấy hễ móng tâm thời sai, động niệm thời trái. Nay pháp môn Tây-phương đây, chính vì dạy người móng tâm niệm Phật. Đạo lý ấy Tâm và Cảnh đều tịch tịnh. Nay pháp môn Tây-phương đây chính là vì lấy nước Phật làm cảnh, phát tâm cầu sanh. Thế tuy lý không hai nẻo nhưng các môn-định thi-thiết chẳng đồng. Vì theo thời, theo cơ phép nó sẽ phải vậy.

Giả-sử mới vừa mở pháp Trục-chỉ, lại tiếp khen pháp Tây Phương, thời ý Trục-chỉ rốt cuộc không do đâu tổ dựng. Cho nên, biết rằng : Đức Lục-Tổ bên Thiền-Tông cùng với các Tổ bên pháp môn Tịnh-độ dù rằng lập môn có khác chớ nếu đổi lại thì cũng đồng nhau, gọi bằng dịch địa giai-nhiên (18).

2. Tuồng như chè, thiết ra khen : Đức Lục-Tổ Ngài nói cái thuyết Đông, Tây chỉ là để khuyên người cốt yếu phải thiết tâm làm lành là hơn, đừng nguyên suông vô ích, chớ nào Ngài nói không Tây-phương ?

Dụ như : Đức Khổng-Tử sanh ở nước Đông-Lỗ, người nước Tề làm ác, trong đó có kẻ ngưỡng mộ đức Khổng-Tử, nên kẻ ấy cầu tẩn-cư qua nước Lỗ, còn như người nước Lỗ làm ác trong đó có kẻ mộ đức Khổng-Tử thì cầu tẩn-cư qua nước nào ?

Số là nói hễ làm lành là thiết học với Đức Khổng-Tử chớ nào tăng nói không nước Đông Lỗ ?

Lời Đức Lục-Tồ nói đó, lý đó chính như trong kinh này nói : Ất dùng đa thiện-căn mới đặng sanh về nước kia, thế thời đầu đặng nói rằng Ngài chề !

3.- Chẳng vì kẻ sơ-cơ là : Đức Lục-Tồ Ngài nói : Giới, Định, Huệ của Ta chỉ tiếp người bực tối thượng thừa, mà nay kẻ sơ tâm hạ phạm chỉ tự-hào có chút mảy thế trí (tri thế-gian) đã coi rẻ pháp Tây-phương quấy bàn lý Bát-Nhã, chẳng những vô-ích mà lại hại thêm.

Cho nên quyền Pháp Bửu-đàn kinh, dè chớ đưa cho kẻ sơ-cơ xem đọc. Nếu trao cho người không phải căn trí Đại-thừa, thời họ liền lạc vào loài cuồng ma, thiết đáng thương tiếc.

4.- Biên chép có sai lầm là : Trong Đàn-kinh lại nói Tây-phương cách đây 10 muôn 8 nghìn dặm, thiết là nhận lầm lấy cõi Ngũ-Thiên-Trúc đồng cho là nước Cực-Lạc vậy.

Ngũ-Thiên Trúc với nước Chấn-Đán (Tàu) đồng là cõi Ta Bà uế-độ nào cần phân biệt nguyên Đông nguyên Tây. Mà nước Cực-Lạc tự cách xa Ta-Bà đây đến 10 muôn ức cõi Phật.

Số là với bốn Đàn-kinh đều là người hậu học biên chép, đầu giữ khỏi sai lầm. Chẳng thế thời Tồ Ngài mượn cõi Tây-Vực để dụ cõi Tây-phương kia vậy thôi. Người xưa nói : Tận tin thơ, bắt như vô thơ, là ý đây vậy. (Mỗi việc gì cũng đều tin theo sách cả, thì đừng có sách còn hơn, là cái bệnh cũng như đây vậy).

Hướng chi với cõi Tây-Phương, nghìn Phật đồng khen. Nay lại nghi lời nghìn Phật, mà tin lời của một vị Tồ ! Ôi : Với lời Phật còn không đủ tin, huống nữa là lời của Tồ ư ! ? ?

Vậy ai là người minh trí, hãy vì người đời giải quyết giùm tâm nghi để cho họ phát khởi tâm chánh-tín. Nơi nơi chỗ chỗ tùy ở đến đâu cũng rộng ra khen ngợi khắp truyền tới đó; tức là thay thế cho các Đức Phật ra tương lưởi rộng dài. Tức là trả ơn sâu cho Phật. Bằng ai trái cãi lời Phật, cố làm lời ma thuyết, thời mắc tội ngay, đâu thể nói cho hết !!!

Nay dùng một lời dụ cho rõ : Như ở đây có người, mỗi ngày nói ra một vạn lời để chê bai một vạn vị Phật, như thế chưa đủ một nghìn năm người ấy tội nghiệp thiệt vô-lượng vô-biên, lại có người nói ra một lời ác bác rằng không cỡi Tịnh-Độ, cản trở người niệm Phật, người đây tội nghiệp quá hơn người trước gấp trăm gấp nghìn hàng vạn phần hơn, nhần đến không còn số tính. Vì sao thế ? Bởi vi-trần chư Phật đều tán-thán cỡi Tây-Phương, chỉ muốn cho mỗi người đều thành Phật ; Nay riêng một mình người ấy sanh tâm phỉ báng, tức là phỉ báng tất cả vi-trần các Đức Như-Lai. Hãm hại cho tất cả chúng-sanh, thường chìm trong bể khổ, chẳng đặng thành Phật ; cho nên mắc tội mới nặng như thế, rất phải cẩn thận lời nói cho lắm !

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh khắp soi, là nghĩa 6 phương Phật đồng khen.

SAO : Ánh linh-thiênng tự sáng, xa tuyệt chính giữa và hai bên, Phật chiếu không riêng, nào phân đây đó, cho nên đặng một không ngại với nhiều, chủ bạn lẫn thành không ngại, thời ngàn sai tuy cách mà chẳng khác nhau, lẫn thành thời muốn pháp chẳng hện mà tự hợp-hội. Thế thời 6 phương chẳng lia nơi gang tấc (tâm niệm). Các Đức Phật đều hiện trong đầu máy lông. Thế thời, nay kinh này đây sẽ ở chỗ nào ?

THÍCH KINH UNG TÁN (phân ra làm hai phần)

1.- *TRUNG DANH (gạn danh đề)*

2.- *THÍCH NGHĨA (giải thích nghĩa)*

TRUNG DANH

Này Xá-Lợi-Phất ! Trong ý ông nghĩ sao ? Có gì tên là « kinh : Nhất-Thế Chư-Phật Sở-hộ Niệm » ?

SỐ : Có tên át có nghĩa. Nay tỏ bày nghĩa đó, mới đáng xưng làm, không chỗ nghi vậy.

SAO : Đề mục 16 chữ, nay chỉ gạn 8 chữ sau là do 4 chữ « Bất-khả-tư-nghi », Phật Thích-Ca Ngài khen, nghĩa kia đã rõ.

Phật phương khác khen, thêm 8 chữ này ; nên gạn nghĩa đó ; Thế nào là Phật hộ ? Và Phật niệm bằng cách nào ? Bởi vì văn trước dạy phải tin kinh này. Văn đây rằng : Với nghĩa đã rõ rồi vậy sau mới tin chắc được.

THÍCH NGHĨA (phân ra làm ba phần)

- 1.- **VĂN-TRÌ** (nghe rồi giữ)
- 2.- **LỢI-ÍCH** (được lợi ích)
- 3.- **MIỄN-TÍN** (gắng sức tin)

VĂN - TRÌ

Này Xá-Lợi-Phất ! Nếu có thiện-nam-tử thiện-nữ-nhơn nào, nghe kinh này, và nghe danh hiệu các Đức Phật rồi, đều phải thụ-trì

SỐ : Nghe kinh này là : Lập lại văn trước nói y, chánh, tín, nguyện và trì-danh được vãng-sanh v.v... Người nghe thọ trì, tức văn trước nói pháp tam-huệ và pháp tam tư-lượng có vậy.

SAO : Nghe, tức Văn-Huệ ; Thọ, tức Tư-Huệ ; Trì tức Tu-Huệ ; Văn tức nghĩa Tín ; Thọ tức nghĩa Nguyện ; Trì tức nghĩa Hành. Rõ thấy văn trước đã giải.

SỐ : Nghe danh hiệu chư Phật tức là lập lại trên, nghe danh hiệu chư Phật ở 6 phương. Vì nghe kinh đã thọ trì thì nghe danh hiệu Phật cũng phải thọ trì.

SAO : Hỏi : Kinh này, nghe danh hiệu Phật A-Di-Đà làm cái nhơn vãng-sanh cũng đủ rồi, nào lại gồm nghe danh hiệu chư Phật làm chi nữa ?

Đáp : Công-dức của Phật A-Di-Đà, được hằng sa chư Phật đồng khen, thời nghe danh hiệu chư Phật, biết chư Phật khen mới tin thọ kinh này càng thêm thân-thiết, cho nên đều nêu vậy.

Kinh Hoa-Nghiêm quyển thứ 6 bài văn Hồi-hướng nói : Lại ở chỗ Phật, được nghe danh hiệu Phật, càng thêm gặp gỡ vô số chư Phật. Tức là ý nghe kinh này, và nghe danh hiệu của chư Phật vậy.

SỚ : Kinh Đại-Bồ-đề nói : Có nhiều vị Bồ-tát, muốn nghe kinh này, mà không được nghe.

Lại trong kinh nói : Thà ở dưới Địa-ngục mà được nghe danh hiệu Phật. Thời biết nghe kinh này, và nghe danh hiệu chư Phật, rất chẳng phải là sự dễ.

SAO : Vị Bồ-tát muốn nghe mà chẳng được nghe, thời với bực nhị-thừa kẻ phạm phu ta khá biết vậy.

Lời kệ kinh Đại-Bồ-đề : Nếu đời trước chẳng tu Phước-Huệ, thời đối với chánh-pháp đây không dặng nghe. Đã từng vâng thờ các đức Như-Lai, nên mới có nhơn-duyên được nghe nghĩa kinh này.

Ở dưới Địa-ngục được nghe danh hiệu Phật là : Kinh Hoa-Nghiêm lời kệ nói : Thà chịu khổ trong Địa-ngục, mà được nghe danh hiệu chư Phật ; chớ chẳng muốn sanh trong cõi trời, mà chẳng dặng nghe danh hiệu Phật.

Nên biết kinh này, với danh hiệu Phật, chẳng dễ gì nghe vậy.

Nay được nghe đó, khá chẳng tin thọ hay sao ?

SỚ : Xứng-lý, thời tự-tánh tự giữ lấy kiêu-mẫu là nghĩa nghe kinh này. Tự-tánh tự-giác Bồ-đề-Phật, Thi-Phật là nghĩa nghe danh hiệu chư Phật.

SAO : Tự-tánh tự giữ gìn lấy qui-tắc của nó thời Đức Tôn-giả (Tu-Bồ-Đề) không thuyết-pháp. Ta (Đề Thích) cũng không nghe, thế thiệt là lý Bát-Nhã. Tự-tánh tự-giác chiếu lấy

bồn thì của nó thời không danh không tự, không thể không tương thể gọi là Như-Lai. Vậy thời với pháp-mẫu khó tin giữa thể-gian đây dù không nghe mà được đánh-rành tỏ rõ; với HỒNG danh của hằng sa chư Phật, bật thình mà vẫn âm-âm bên tai. Nên nói với những kinh chưa nghe, tin đó không nghi. Vưng thờ chư Phật không bỏ qua vậy.

LỢI ÍCH

Các Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhơn này, đều được tất cả các đức Phật đồng hộ-niệm, đều đặng bực bất-thối-chuyên nơi quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề.

SỐ : Vì chư Phật hộ niệm, nên đặng bực Bất-thối-chuyên bồ-đề. Nghĩa Bất-thối đã thấy giải văn trước.

SAO : Văn trước gan hỏi : Thế nào là hộ niệm ? Văn đây chỉ ra căn do ấy. Ý nghĩa là người nào thụ trì kinh này, và được nghe danh hiệu chư Phật, thời được chư Phật hộ niệm cho, khiến không thối tâm.

Lại bản kinh của nhà Đường dịch nói : Ất được 10 phương 10 số căn già hà sa các đức Phật đồng nhau thấu nhận, thời chẳng phải chẳng những 6 phương mà cũng chẳng những một số hằng sa mà thôi.

SỐ : Chữ A, dịch : Vô. Nậu-đa-la, dịch : Thượng. Tam-miệu, dịch : Chánh đẳng ; Tam Bồ-đề, dịch : Chánh-giác. Tức là bực Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác ; nghĩa là bực đã giác-ngộ chân chánh, bình-đẳng không còn bực nào hơn nữa.

SAO : Với quả vị cứu-cánh cực-điểm gọi là vô-thượng, vì đối với bực hạ nên nói không còn bực nào cao hơn nữa. Chính xét được chân-lý chắc thật, nên gọi là Chánh ; vì đối với tà. Xem xét tục đế bằng tâm bình-đẳng, nên gọi là Đẳng, cũng gọi là Biến Mãn vì không thiên lệch không phân biệt giai cấp. Chữ giác là sáng tỏ trong tâm mình. Chánh-giác là : Gồm có hai nghĩa :

Vô-thượng và Chánh-đẳng. Nói chữ giác đây, là bực Chánh giác Vô-thượng Chánh-đẳng vậy.

Bởi loài xuẩn-động hàm-linh, đều có tánh Phật. Thời qua Bồ-đề đây, Phật cùng chúng-sanh, xưa nay không hai. Nhưng bị vô-minh là nghiệp chướng che phủ mới thành mê-vọng chấp-trước phân-biệt ngã, nhơn, đó là tà giác, chẳng kêu là Chánh. Tất cả lục phàm đều như thế. Hàng Thanh-Văn, Bích-Chi, chỉ phá được kiến-hoặc, tư-hoặc, tuy cũng đặng đạo quả Bồ-đề, nhưng Đạo kia chưa được trung-chánh, vì chỉ tự-giác, ấy là thiện-giác, không kêu là đẳng. Tất cả Bồ-tát đã hết trần-sa-hoặc, nhưng chưa hết vô-minh hoặc.

Tuy đặng bực chánh-đẳng Bồ-đề, nhưng đối với bực Phật còn kém xa, không gọi là Vô-thượng. Duy một mình Phật vọng hết Giác mãn như mặt trăng đêm rằm, không còn có bực Giác nào hơn nữa, nên gọi là bực Vô-thượng Chánh-đẳng-Giác vậy. Nay chỉ trì danh hiệu Phật, nhờ Phật hộ niệm, đối với bực Giác như thế, tức đặng Bất-thối-chuyển. Nghĩa là thẳng đến Đạo-tràng, trọn không còn đọa trong 3 cõi, và lưng chừng nơi hóa-thành, quyết-định thành Phật.

Kinh Đại-Bổn Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Nghe danh hiệu Ta rồi, với quả A-nậu-đa-la-tam-miệu tam-bồ-đề, mà có thối chuyển ấy, thời Ta không thủ ngôi chánh-giác.

Lại nói : Do vì đối với pháp đây, không chịu nghe nên có một ức Bồ-tát, thối chuyển nơi quả A-nậu-đa-la-tam-miệu tam Bồ-đề.

SỚ : Văn trước nói : A-Bệ-Bạc-Tri. Chính là văn đây nói nghĩa Bất-thối Bồ-đề vậy. Nhưng trước khi vãng-sanh và sau vãng-sanh, ý có hơi sai khác.

SAO : A-Bệ-Bạc-Tri, mà gọi rằng : Bất-thối đó, chính là nói đối với quả Vô-thượng Bồ-đề, không thối-chuyển vậy.

Song văn trước nói : Người sanh nước kia, đều đặng bực bất-thối.

Văn đây nói : Nghe kinh này và nghe danh hiệu Phật, thế đều đặng bực bất-thối, thời chẳng đọa, sanh về nước kia,

mà trước khi chưa sanh về, tức đã đặng thành-tựu, thiện-căn Bồ-đề, không thể hư hoại, hưởng lại sanh về kia rồi mà có thói chuyền hay sao !...

Lại có hai nghĩa : 1.- Hiện thời không thói, như trên đã nói. 2.- Dầu người kia ít tuổi thọ, nhiều nghiệp chướng, chẳng đặng vãng-sanh, nhưng nhờ sức chấp trì của mình đây, và sức Phật hộ niệm, ắt qua đời sau với thiện-căn Bồ-đề, cũng chẳng tan mất, rốt ráo đặng sanh về cõi Phật kia.

Người xưa nói : Đời nay đã gieo các hạt giống Bát-Nhã này, dầu nay chưa tỏ ngộ, nhưng qua đời sau vừa ló đầu ra, mặc dầu ở trong tánh Bát - Nhã sẵn sẵn thọ dụng, chính là nghĩa đây vậy.

SỐ : Xứng - lý, thời tự - tánh thường giác, là nghĩa Bát-thối Bồ-đề.

SAO : Tánh khôn thiêng riêng chiếu, rõ rõ thường tri, không giảm không tăng, không đặc, không thất, Bồ-đề tức ta, ta tức Bồ-đề lẫn còn không có làm gì có thói ?

MIỄN TÍN (phân ra làm ba phần)

- 1.- *Nhơn văn tín thọ (nhơn nghe tin chịu)*
- 2.- *Tùy nguyện đặc sanh (theo nguyện sanh về)*
- 3.- *Tổng kết tín nguyện (gồm kết nguyện tin)*

NHƠN VĂN TÍN THỌ

Thế cho nên, này Xá-Lợi-Phất ! Các ông đều phải tin chịu lời của Ta, và lời nói của chư Phật.

SỐ : Đều phải tin thọ, ấy là lời khuyên lần thứ ba. Có người phân cho đoạn văn đây thuộc về phần lưu-thông. Nhưng nay cũng đề thuộc về phần Chánh-Tôn, vì do nương-văn trên, chính khuyên người tín thọ, khiến đặng vãng-sanh. Hai văn trước, đều khuyên phát nguyện. Văn đây lại khuyên tín thọ.

SAO : Khuyên lần thứ ba là : Văn trên nói : Nghe lời nói Ta đây, chỉ phải tri-danh thời đặng sanh. Nhưng chưa rõ : Thối

hay là không thời. Văn đây nói : Chẳng đặng vãng-sanh, mà với quả Vô-thượng Bồ-đề ắt hẳn không thời chuyển.

Như thế thời nguyện càng thêm thiết, cho nên nói ba lần khuyên chưa thuộc phần lưu-thông là do Tín, Nguyện, vãng-sanh, là cang-yếu trong bộ kinh này. Văn sau trùng-trùng khuyến tín, khuyến nguyện, phần thuộc phần Chánh-Tôn, đối với nghĩa là đúng.

Các ông là : Chính chỉ ông Thân-Tử, nhấn đến đại-chúng hiện tiền, và gồm tất cả các chúng-sanh đời vị lai, v.v...

Bởi vì với một vị Phật ngài nói đã tin chắc, hướng chỉ chư Phật đồng khen, lại còn nghi chi. Tín, Hạnh, Nguyện, ba món, không đặng thiếu một, cho nên văn trước khuyến nguyện, văn đây lại khuyến tín.

Lại khuyến là gì ? Văn trước, trong văn 6 phương Phật, đã khuyến phải tin kinh này.

Văn đây lại nói rành. Phải tin lời Ta. Bởi vì không nguyện, là do trong tâm không tin. Không tin thời không do đâu khởi hạnh tu ; cho nên đối với trong kinh này Phật Ngài trùng trùng khuyến tín.

Như kinh Đại-Bổn nói : Người không tin lời Phật nói chính người đó trong ác-đạo mới tiến hóa ra, tội thừa chưa hết, ngu si bất, tín, chưa đặng giải-thoát.

Lại ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Hết lòng tin mến, muốn được về cõi của Ta, 10 tiếng niệm Phật ắt được sanh về, duy trừ tội ngũ-nghịch và phỉ báng chánh-pháp. Báng chánh-pháp là nghĩa : Bất tín vậy.

Lại kinh Văn-Thù Bát-nhã, như văn trước đã dẫn. Rồi sau cũng nói rằng : Duy trừ người bất tín. Lại kinh Hoa-Nghiêm nói : Tín là gốc của Đạo, tin là mẹ sanh ra công-đức, mà Phật lại nói mãi không thời, đâu lường vậy ư ?

Ngài Thanh-Lương Đại-Sư nói : Ông Cao-Tề Đại-Hạnh Hòa - thượng tôn sùng pháp niệm Phật, dùng 4 chữ dạy bảo, nghĩa là : Hai chữ tin nhớ, không lìa trong tâm : Hai chữ kính niệm, không lìa nơi miệng, sanh về Tịnh-Độ, căn yếu phải có

tâm tin. Nghìn người tin thời nghìn người được sanh về, muôn người tin thời muôn người được sanh về. Tin danh hiệu Phật, thời chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ niệm. Tâm thường nhờ Phật, miệng thường niệm Phật, Thân thường kính Phật, mới gọi là thâm tin, mặc ý sớm hay muộn gì quyết không có phép nào ở trong cõi Diêm-Phù-Đề này. Văn đây khuyên người đời phát tin tâm rất là thiết yếu.

SỚ : Tin là : Nghĩa không nghi, Thọ là nghĩa tin rồi lãnh nạp không quên. Tín mà không Thọ cũng như không Tín vậy.

SAO : Tín mà không thọ lãnh : Vì như có người đem cho vật báu rất tin không nghi, song mà cứ cự mãi không nhận lấy, dầu tin cũng chẳng ích gì ! Cho nên nói cũng như không tin vậy.

SỚ : Lại chữ Tín, tức là tâm thanh-tịnh, như trong bộ Duy-thức đã nói.

SAO : Trong thành Duy-thức luận nói : Đức Tín tánh cách nó là tâm tịnh. Nghĩa là đối với chỗ thật đức hay thâm nhẫn ưa muốn (bởi có trí-huệ tin hiểu thấy được lý chân-đế, nên gọi chỗ thật đức). Thế nào là tâm tịnh ? Vì tâm thù thắng vậy. Như ngọc Thủy-Thanh hay làm cho nước đục được trong.

Lại trong các món nhiễm, mỗi món đều có hình tướng, chỉ có tâm bất tín, tướng nó vẫn đục. Lại hay khuấy đục đến các tâm-vương, tâm sở. Tỷ như vật rất nhơ, vì nó đã làm nhơ mình lại nhơ lây người khác. Nếu tâm tín, chính là đổi được cái tướng nhơ kia, nên lấy tâm tịnh làm tướng.

Nay người tu Tịnh-Độ, chủ về tâm-tịnh, tâm tín là việc gấp cũng rõ lắm rồi.

SỚ : Xưng-ly, thời tự-tánh bản lai vẫn là Phật, là nghĩa tín thọ.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực Thập-tín, toàn dùng quả Phật làm tín tâm của mình (mỗi bực giữa 10 tín).

Bởi do Phật tức là tâm, cho nên trong tâm chúng-sanh, mỗi niệm mỗi niệm thường có tánh Phật thành ngôi chánh-giác. Nên người mà dấy lòng tin như vậy, thì đối với ý mâu chốn kỳ-viên, lời nhiệm của nghìn vị Phật, chỉ một thời người ấy đã thu-tri tất cả.

TÙY NGUYỆN ĐẮC SANH

Này Xá-Lợi-Phất ! Nếu có người trước đã phát nguyện, nay đương phát nguyện, hoặc sau sẽ phát nguyện để muốn sanh về nước Phật A-Di-Đà kia, thì các người đó đều đặng bực bất-thối-chuyển đối với quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam Bồ-đề nơi cõi nước kia, hoặc đã vãng-sanh, hoặc nay vãng-sanh, hoặc về sau sẽ vãng-sanh.

SỐ : Văn trước nói : Tín, Thọ. Văn đây nói : tin rồi phát nguyện vãng-sanh vậy. Đã nguyện, nay nguyện và sau nguyện, là phối với ba thời : Quá khứ, hiện tại và vị-lai.

Nói ba thời kỳ đó để rõ rằng : Hễ có nguyện, không một người nào mà chẳng vãng-sanh.

SAO : Đã phát nguyện, đã vãng-sanh là : Thì trước khi Phật nói kinh này, đã có người cầu nguyện sanh về nước kia đã được vãng-sanh rồi.

Nay nguyện, nay sanh là : Chánh thời kỳ Phật còn tại thế vậy.

Sau nguyện, sau sanh là : Nghe kinh này vừa rồi, mãi cho đến ngày nay, ngày sau và đời sau nữa...

Văn trước nói : Bất-thối Bồ-đề, Văn sau nói : Người đặng vãng sanh đó rõ ràng : Hễ người phát nguyện, thời ngay đương đời đây đã thuận theo đường Chánh-Giác rồi, hướng đã đặng vãng sanh ư ?

Không một người nào chẳng được sanh là : Rõ nói những người vãng sanh rất nhiều đến vô-lượng.

Hỏi : Người được sanh đã nhiều vô-lượng, nay sao tinh cò mới thấy có một người ?

Đáp : 10 phương thế-giới, đông như số vi-trần, những người vãng sanh kia nào ai biết được số hạn. Nay người chỉ thấy cõi Ta-Bà chứ không thấy nhiều cõi như số vi-trần trong 10 phương.

Lại hỏi : Người sanh đã nhiều vô-lượng ; cõi kia làm sao mà chứa cho hết ?

Đáp : Biển cả chứa trăm sông mà chẳng tràn, gương sáng trùm muôn tượng còn có dư, huống cõi Tịnh-Độ ư ? Tức tâm là tịnh-độ, tức độ là tâm vì lẽ, lấy tâm qui về tâm thì nào lại chẳng chứa hết ?

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó chẳng phải quá khứ, vị lai và hiện tại là nghĩa đã sanh, nay sanh và sau sanh.

SAO : Muôn năm thâu vào trong một niệm thì xưa nào mà chẳng phải nay ? — Một niệm suốt đến muôn năm thì nay nào chẳng phải xưa ? Thế thời mỗi niệm mỗi niệm đạo đi nước Cực-Lạc mỗi giờ mỗi giờ ra mắt Đức Từ-Tôn, đâu chẳng phải vãng sanh đấy ? Tâm quá khứ không thể dặng, tâm hiện tại không thể dặng, và tâm vị-lai cũng không thể dặng. Đã không tâm ấy còn ai nữa mà vãng mà sanh, nhưng không sanh mà sanh, đó là cái nghĩa đã sanh, nay sanh và sau sanh.

TỔNG KẾT TÍN NGUYỆN

Thế nên này Xá-lợi-Phất ! Các gã thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn, nếu có người tin, cần phải phát nguyện, để nguyện sanh về cõi nước kia.

SỞ : Văn trước nói : Có nguyện thời ắt có sanh thời như quả rõ-ràng, chỉ e người không tin cùng người tin mà không nguyện sanh : cho nên tổng-kết Tâm tín và nguyện. Nghĩa là nếu ai không tin thì thôi, còn nếu có người tin thì nên phát nguyện sanh về nước kia : đây là lần khuyên thứ tư.

SAO : Lần khuyên thứ tư là : Từ lần khuyên ban đầu đến lần khuyên thứ hai đều nói : Phát nguyện cần sanh, đến trong lần khuyên thứ ba lại nói rõ-ràng nguyện là từ tâm tín mà khởi : Như trên ba lần nói, chỉ là khuyên nói cần phải phát - nguyện, nhưng chưa nói rõ công đức phát nguyện.

Văn đây nói : Đời quá-khứ, đời vị-lai và đời hiện-tại, hễ có người nguyện, không một người nào mà chẳng được sanh, mới biết cái nguyện lực rộng lớn như thế, đâu đặng không tin, đâu đặng không nguyện ? Nên nói bốn lần khuyên và nói lời tổng-kết.

Ngài Trí-Giả nói : Ngục Hỏa-xa hiện tướng còn đặng vãng-sanh. Hướng chi giới, định ròng tu, công chẳng lưỡng uổng, đây là lòng tin rất tốt vậy.

Ngài Vĩnh-Minh nói : Kiếp đá còn có thể mòn, chớ nguyện ta không bao giờ thay đổi ; đây là lời nguyện rất rộng vậy.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh. Như và trí thãm hiệp, ấy là nghĩa trí và nguyện đều thành.

SAO : Thuần nhiên chơn-thật mà không lưỡng là nghĩa : tự-tánh chơn như vậy ; thế nên gọi là Tín. Xí nhiên trung-bình sanh ra mà không cùng tận ấy là nghĩa : Tự-tánh trí-huệ vậy ; thế gọi là nguyện.

Như hiệp với Trí ; Trí hiệp với Như, ngoài Trí không Như, ngoài Như không Trí, Văn-Thủ là bực Tín-Thủ sẵn đủ trong nhứt tâm. Phổ-Hiền là bực nguyện-vương, cũng không rời trong nhứt niệm.



D.- HỒ CHƯƠNG NAN SỰ LINH THIẾT CẢM PHÁT

(Phân ra làm ba)

- 1.- KỶ TÁN CHU-PHẬT: (Thích-Ca khen Chư-Phật)
- 2.- CHU-PHẬT TÁN KỶ: (Chư-Phật khen Thích-Ca)
- 3.- TỔNG KẾT NAN SỰ: (Chung kết việc khó)

KỶ TÁN CHU PHẬT

Nầy Xá-Lợi-Phất! Như Ta nay đây, khâm khen công-đức Chư Phật bất-khả tư-nghi.

SỐ: Bốn kinh của đời nhà Đường dịch đã nói : Như ta đây rao bày khâm khen đức Vô-lượng-thọ Phật. Kinh này nói : Khâm khen các đức Phật. Như lời Cồ-Nhai nói : Do vì đức Phật Di-Đà với chư Phật đồng một pháp thân.

SAO : Đồng một pháp thân là : Như kinh Hoa-Nghiêm lời tụng nói : 10 phương các đức Phật Như-Lai, đồng chung một pháp-thân ; một thân một trí-huệ, Thập-lục, Tứ-vô-úy cũng thế.

Thời đức Phật Di-Đà tức là các Đức Phật, các đức Phật tức là Phật Di-Đà ; cho nên chẳng nói Đức Di-Đà, mà nói các Đức Phật ; số là gồm Đức Di-Đà ở trong các Đức Phật. Văn sau nói các Đức Phật, cũng là Đức Di-Đà cùng các Đức Phật đồng khâm khen Đức Thích-Ca vậy.

SỐ : Bản dịch Đời nhà Đường, do Đức Di-Đà gồm các Đức Phật ; nay kinh này : Do các Đức Phật gồm Đức Di-Đà. Nếu cả hai thuyết gồm nói đủ thời với văn đã thuận, mà nghĩa lại cũng cụ-túc.

SAO : Đủ hai thuyết là nói : Như ta nay đây, khâm khen Đức Phật A-Di-Đà, cùng với các Đức Phật đều có công-đức Bất-khả tư-nghi ; Thế thời văn kinh đã thuận, mà với nghĩa đồng một Pháp-thân, cũng ở trong đó, văn nghĩa đều tốt. Nên biết. Ngài La-thập vốn có ý đây, nhưng vì Ngài muốn bớt văn cho dễ

Ngài Huyền-Tráng dịch sau chỉ vì riêng nói, ấy là muốn cho người đối trong hai kinh khéo hiểu nói ý kia mà không chấp nơi văn tự vậy. Lại các Đức Phật với Phật Di-Đà đồng nhau, cũng là Bất-khả-tư-nghì.

CHU PHẬT TÁN KÝ (phân ra làm 2 phần)

1. **ĐẮC ĐẠO NAN** (chứng đạo là khó)

2. **THUYẾT PHÁP NAN** (nói pháp là khó)

ĐẮC ĐẠO NAN

Hết thấy các Đức Phật kia, cũng khâm khen công-đức của Ta, bất-khả-tư-nghì, mà nói lời như vậy : Thích-Ca-Muru-Ni Phật hay làm những việc ít có rất khó, lại hay ở trong cõi nước Ta-Bà, nhằm đời dữ năm trước : Kiếp-trước, kiến-trước, phiền-não-trước, chúng-sanh-trước, và mạng-trước mà được chứng quả A-nậu đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề.

SỚ : Mỗi vị Phật khâm khen lẫn nhau, là vì đề tiêu-biêu pháp-môn Tịnh-Độ này, quyết phải tin thọ.

SAO : Mỗi vị Phật lẫn nhau khen là : Vì với pháp-môn niệm Phật cầu sanh Tịnh-Độ đây, dầu một vị Phật riêng khen, cũng phải tin thọ không nghi, huống nay chẳng những một Đức Thích-Ca khen nơi hội Kỳ-Viên mà thôi, cho đến chư Phật ở 6 phương cũng vẫn đồng khen-ngợi. Lại Phật đây Phật kia lẫn nhau tán-thán, há chẳng phải pháp-môn tối-yếu siêu-sanh thoát-tử hay sao ? Thế nên nhắc đi nhắc lại bốn phen dặn dò, nhiều phương dạy bảo, ơn hơn mẹ đẻ, ơn hơn quá trời cao, dầu cho có làm hạnh chi đến tan xương nát thịt đi nữa, cũng khó mà đền đáp cho vừa.

SỚ : Các Đức Phật kia tức là Phật Di-Đà cùng 6 phương chư Phật vậy. Thích-Ca, dịch : Năng-Nhơn ; Muru-Ni, dịch : Tịch-Mặc.

SAO : Năng-Nhơn-Tịch-Mặc, đủ có hai nghĩa : 1.- Theo đối đãi mà nói thời chữ Năng là pháp phương-tiện quyền khéo

chịu theo cơ ưa hợp. Chữ Nhơn là trí, đức hồng ân khắp muôn loài ; là lòng đại-bi lợi vật. Chữ Tịch là lặng vậy bất-động, bất dứt muôn điều. Chữ Mặc là vắng vậy, quên lời, hắng lia sự hý-luận, ấy là cái đại-trí hiệp với chơn lý. 2.- Với Viên-dung mà nói : Do vì bi tức là trí, nên trọn ngày độ sanh mà không có tướng chúng-sanh nào khá độ, đấy là tức Động mà Tĩnh vậy.

Do vì Trí tức là Bi, nên chẳng khởi lên một mảy niệm mà thường độ chúng-sanh, đấy tức là Tĩnh mà Động vậy. Cho nên biết rằng chỉ nói hai chữ Bi, Trí nhắc đến một lời, thì toàn đức của Phật đều gồm được hết.

SỞ : Câu : Ít có rất khó : là lời nói chung cả hai việc khó ở dưới. Làm đủ hai việc khó đây, nên gọi công-đức Bất-tư-nghì.

SAO : Nói hai việc khó là : Ở trong đời ngũ-trược, mà tu chứng đặng quả Bồ-Đề, đó là một việc khó. Lại ở trong đời ngũ-trược mà nói ra pháp-môn Tịnh-Độ này, đó là việc khó thứ hai. Gồm cả hai việc đây thật là cái việc rất khó làm, mà duy có Phật làm được ; với việc ít có, khó thấy ấy, cũng chỉ một mình Phật có đó.

Lại việc khó làm mà làm được, cũng chưa phải là điều ít có. Nay việc rất khó làm mà được đó, đấy mới là tốt xưa suốt nay, siêu Hiền vượt Thánh, trên trời dưới trời đở-sộ đặc-biệt riêng một mình, mà không ai so-sánh cho bằng bực ấy nên nói là ít có.

SỞ : Chữ Ta-bà dịch là Kham-nhẫn, cũng dịch là : Nhẫn-giới. Tức là : cõi Đại-thiên Thế-giới của đức Phật Thích-Ca Thế-Tôn làm Pháp-chủ. Chữ Ngũ - trược là gì ? Do năm việc uế-trược nó đánh lẫn lộn nhau làm như đục chơn tánh của chúng-sanh, nên gọi là đời ác-trược. Thời kỳ nào không năm món trược đây thì gọi là đời Thiện-tịnh vậy.

SAO : Kham-nhẫn là do vì chúng-sanh ở đây, kham xiết đành chịu ba điều độc-hại phiền-não, xoay vần trong đường

sanh-tử, mà không nhầm lia. Nhân-giới là : Vì đức Như-Lai ở trong cõi này, riêng một mình Ngài chứng đặng bậc Tự-Thệ tam-muội (19).

Lại thời kỳ sơ kiếp có vị Phạm-Vương tên là Nhân (20) Ngũ-trực quấy lộn lẫn nhau là, Bản-tánh vốn vắng-lặng, do kiếp-trực v.v.

Cả năm trực xáo lẫn nổi lên cát bụi-bặm, cặn cáu. Như kinh Lăng-Nghiêm nói : Vì như nước đang trong, lấy đất cát quăng vô, đất rả làm cho nước mất tánh trong sạch, vì lộn-lạo đục ngàu.

Chữ Thế là Nghĩa đời đời không ngừng. Thời đời trước đời này, và sau đời này, phải có một đời gọi là Thiện-Thế, vì bây giờ không ngũ-trực. Nay nói đời ác-thế (21) là : Căn-cứ vào thời kỳ Phật Thích-Ca đương hiện thế mà nói.

SỐ : Chữ kiếp đọc đủ tiếng Phạm là Kiếp-Ba, dịch là Thời-Phận. Chữ Kiếp-trực là nó không có cái thề riêng. Do có 4 trực, kia mà đặt cái tên cho nó (là kiếp trực) ; các điều trực cấu cặn lẫn với nhau tức là tướng hiện thật của nó (kiếp-trực).

SAO : Kiếp-trực là : trong một đại kiếp, có bốn trung kiếp là : Thành, trụ, hoại, và không ; mỗi một Trung-kiếp đều có 20 tiểu-kiếp, xây vòng tăng, giảm.

Thuở mà loài người tuổi sống tăng đến khi mỗi người sống được 8 muôn (80.000) tuổi là số tăng đã tột. Lại một trăm năm giảm xuống một tuổi, cứ giảm như vậy cho đến khi con người còn sống được 2 muôn (20.000) tuổi, tức là vào thời kỳ kiếp-trực rồi.

Không có cái thề riêng là : Do bốn trực sau đều ở trong kiếp trực đây, như đó mà đặt tên là « Kiếp-trực », phần của kiếp đây, nội-dung hiện-tượng của nó là các trực đua nhóm lẫn nhau, tối bối xen lộn, cho nên nói là trực.

Trái lại đề thêm rõ trong nước Cực-Lạc, đương thời là Phật A-Di-Đà hiện tại thuyết-pháp; là vì thời-gian thanh-tĩnh không phải kiếp-trước... Ngày nay chúng ta vì sao đành ở trong đời kiếp-trước này, mà chẳng cầu sanh về nước kia ư? Bốn trước sau cũng nương theo đây.

Nên Ngài Trí-Giả nói: Cõi Tịnh-Độ kia, vì không có ba độc và năm trước, nên gọi là cõi ngũ-thanh, là ý đây vậy.

SỞ : Kiến-trước là lấy năm món Lợi-sử làm thề, chia ra thì thành 62 cái v.v... Các tà-kiến lừng-lấy, tức là tướng của nó (kiến-trước).

SAO : Năm món Lợi-sử là : 1.- Thân-kiến: Nghĩa là chấp ngã, và ngã sở, mà khởi ra tà-kiến chấp có thân ta. 2.- Biên-kiến: Nghĩa là chấp đoạn, chấp thường mất lý trung-đạo mà khởi ra tà kiến, chấp một bên. 3.- Giới-thủ: Nghĩa là chẳng phải chánh-nhơn mà chấp cho là hơn, đề tu theo lối khổ hạnh của Tà-đạo, mà khởi ra Tà-kiến, chấp trước rằng ta hãy giữ giới (giới của tà-đạo). 4.- Kiến-thủ: Nghĩa là chấp quấy làm phải, như: Chuyện gánh gai bỏ vàng, mà khởi ra tà-kiến, tự-phụ chỗ sở-kiến của mình. 5.- Tà-kiến: Nghĩa là bác đi nói không có hơn-quả, mắc về cái tội chấp không, trống rỗng (ngoan-không) gây ra cái thấy biết không chánh-đáng của bọn tà-ngoại.

Năm điều ấy, nó hay khiến chúng-sanh đi vào con đường sanh-tử cho nên gọi là «Sử». Nhưng mà cái thề nó mảy mún nhậm lệ làm hại chẳng phải nhỏ. Vì đối với năm Độn-sử đề nói, nên kêu là Lợi-sử, nghĩa là nó sai khiến rất nhanh chóng.

Chia ra thời thành 62 Sử là: Dùng hai cái chấp đoạn, và chấp thường làm gốc, mà sắc-ấm v.v... Năm ấm, mỗi ấm có đủ bốn câu, hơn cho ba đời thành 60, thêm hai gốc Đoạn và Thường kia cộng thành 62 sử (sai khiến).

Các cái Tà-kiến đấy, cũng như rừng-rậm quấn-buộc quanh-co, người đời không thể ra khỏi, khuấy rối chơn-tánh; cho nên nói là trước.

Trái lại với trên là dễ rõ trong nước Cực-Lạc, mỗi người đều đủ sức chánh-kiến vì chẳng mắc cái kiến trực như chúng-sanh ở cõi này.

SỞ : Phiên-não-trực là : Lấy năm món Độn-sử làm thề, nhưn rộng ra thì nhiều đến thành 10 món, 108 món, tám vạn bốn ngàn (84.000) món, và hằng-sa hằng món, v.v... để với mắc lấy tam-tai, tức là cái hiện-tượng của phiên-não-trực.

SAO : Năm món Độn-sử là : 1.- Tham : Nghĩa là gặp các cảnh thuận tình thì khởi ra tâm yêu đắm, vì không thể bỏ lia. 2.- Sân : Nghĩa là gặp những cảnh trái tình thì khởi tâm hờn giận, vì không thể dung nhân. 3.- Si : Nghĩa là đối với cảnh không phải trái, chẳng phải thuận thì khởi ra tâm ngu ám, vì không thể xét biết. 4.- Mạn : Nghĩa là : Đối với tất cả chúng-sanh, khởi tâm kiêu-ngạo trên lẫn dưới lướt, vì không hay kính nhường. 5.- Nghi : Nghĩa là đối với các pháp lành khởi ra tâm nghi nan, khi muốn tấn, lúc muốn thoái, vì chẳng hay tự quyết-định được.

Năm cái đây, cũng hay khiến người thẳng vào trong đường sanh-tử, cho nên gọi là « Sử » sánh với năm sử trước thì nặng nề chậm-chạp hơn, nên gọi nó là Độn-sử, nghĩa là cũng sai khiến mà chậm lụt lắm !

Nhưn rộng ra, là đem năm Độn-sử hiệp cộng với năm Lợi-sử trước, làm thành 10 món phiên-não. Lại chia ra thời làm thành 98 món phiên-não, thêm món Thập-triền thời thành 108 món phiên-não. Lại chín chắn suy ra nữa, thời tới tám vạn bốn nghìn (84.000) phiên-não, nhân đến hằng-sa và đa-đa vô-lượng. Bởi nó làm nhọc nhân tâm ta, không dặng an-ôn, nóng-nảy tâm ta không dặng mát-mẻ !

Lại các món rộn-ràng, nó ép-ngặt tâm thần, làm cho tánh chơn minh chẳng xán lạn ; cho nên gọi nó là phiên-não.

Vì mắc Tam-tai là : Do lòng tham nên cảm chịu lấy tai cơ-cần, lòng sân cảm chịu lấy tai đao binh ; lòng si cảm

thụ ra tai tật-dịch ; nhấn đến tai nước, tai lửa, tai gió các tai nạn lớn, cũng đều do theo một loại, của phiền-não nó sai khiến, cho nên nói nó là trước vậy.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực-Lạc, mỗi người đều trí - huệ trong sạch, vì chẳng phải phiền - não - trước như cõi này.

SỐ : Chúng-sanh trước là : Một chỗ nói : Lấy ba nghĩa của kinh A-Hàm đề làm thề. Lại chỗ thì nói trộn lẫn với năm-ấm : Ấm, kiến-thức, Mạn-khinh ; Quả báo đề làm thề, tên xấu tiếng như tức là tướng của nó vậy.

SAO : Ba nghĩa là Kinh A-Hàm nói : 1.- Ban đầu kiếp trụ do chúng-sanh cõi trời Quan-Âm bị đọa xuống ở mặt đất này. 2. Hòa-hợp với 5 ấm đề lẫn sanh ra. 3.- Tùy theo mỗi chỗ (6 đường) đề thụ - sanh theo mỗi trường - hợp ; cho nên nói Chúng-sanh-trước.

Năm ấm tức là sắc-ấm, thọ-ấm v.v... Chữ kiến là không thật có chủ-tề, mà chấp bướng rằng thân này thật có chủ-tề, thế là ngã-kiến, (chấp ta, tự-ái, bản-ngã : tự nhận thấy có làm chủ thân này, vật nọ).

Chữ Mạn là chấp cu-sanh chủ-tề (cu-sanh là cái chấp đời trước, còn thừa lại đều theo sanh ra với thân đời này) gọi là ngã-mạn (trọng mình khinh người).

Quả-báo là đời trước đã tạo nơn, đời này phải chịu quả báo cũng là nghĩa thọ sanh như trên.

Tên xấu, tiếng như là : Đối với Phật, thì Chúng-sanh là cái tên tuổi tiếng tăm rất hèn-xạ xấu-xa, bởi luân-hồi trong sáu đường chịu đủ các việc thống-khổ cho nên nói là Trước.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực-Lạc, người người toàn là bực Thượng - thiện đồng hội - hợp một xứ, vì chẳng phải như chúng-sanh mang những danh xưng ác-trước như cõi này !

SỐ : Mạn-trước là : Lấy sắc và tâm chuyên luôn nói giữ làm thề, thâm thức năm, tuổi, giảm ngắn số thọ tức là tướng của nó vậy.

SAO : Chuyện luôn nối giữ là : Y theo nghiệp-lực nó dẫn dắt hột giống thức thứ tám ; ngoài sắc-thân, trong thời tâm-thức, liền thuộc lẫn nhau. Tức là do « hơi-thở », « chất-ấm », và « thần-thức » ba cái nó cùng giữ-gìn nhau, như hồ keo không cho tan-rã (sống trong một thời kỳ) đó gọi là Mạng-căn. Nếu rui-ro một cái không luôn giữ cho nhau, tức thì cái Mạng-căn liền đoạn, như chất keo hết dính (chết), nên lấy ba cái đây làm thể của Mạng-căn.

Thâu năm, giảm thọ là : Đương trong kiếp giảm đây, mạng căn con người sống không đến trăm năm, mà lại dường như bọt bóng như đèn giữa gió, trong giây-phút, chẳng dừng rất là ngắn-ngủi, cho nên nói là trước vậy.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực-Lạc. Nhơn-dân thọ mạng đồng với Phật vô-lượng. Vì chẳng phải mạng-căn ô-trước như cõi này.

SỞ : Với ngũ-trước mà giải nói như thế là căn cứ theo phần quả ; còn như Kinh Lăng-Nghiêm nói : Hoặc phối với tam-tế, lục-thô ; hoặc phối với ngũ ấm thì nghĩa nó cũng chẳng khác.

SAO : Phối với tam-tế lục-thô v.v... là : Lấy cái kiếp trước phối với nghiệp tương. Nghĩa là : Cái vô-minh khi ban đầu khởi ra, vì, tánh nó liền như trước vậy ; Kế lấy kiến-trước phối với chuyển-tướng, và hiện-tướng.

Kế lấy phiền-não trước phối với : Tri-tướng, tương-tục tướng, Chấp-thụ tướng ; kế Danh-tự tướng ; kế lấy chúng-sanh trước phối với Tạo-nghiệp tướng ; kế lấy Mạng-trước phối với nghiệp hệ khổ tướng.

Phối với ngũ-ấm là : Lấy kiếp-trước phối với sắc-ấm, nghĩa là với điều không, điều thấy chẳng rành, cái thấy bậy vốn không, cả hai đều không thật-thể ; vì tánh nó vẫn trước vậy. Kế lấy Kiến-trước phối với Thụ-ấm ; kế lấy phiền-não trước, phối với Tướng-ấm ; kế lấy chúng-sanh trước phối với hành-ấm ; kế lấy mạng-trước phối với thức-ấm.

Nói không khác là : Một thuyết trước nói : Tâm không có cái tướng ban đầu, là vô minh thì vượt khỏi kiếp-trước, nhân đến không có cái tướng nghiệp hệ-khở, thì vượt khỏi mạng-trước, thế là đoạn được cái vô minh v.v... Nên gọi Phật Ngài ở cõi đời ngũ-trước mà chứng quả Bồ-Đề.

Một thuyết sau nói : Phá được sắc-ấm thì vượt khỏi kiếp-trước, nhân đến phá được thức ấm v.v... Nên gọi là Phật Ngài ở trong cõi đời ngũ-trước mà chứng đặng quả Bồ-Đề. Vì hai thuyết nói có chút khác, nhưng nghĩa rất đồng nhau.

SỞ : Trong Quán-kinh nói : Tạo cái nhơn trước ác, bất thiện, nên bị cái quả năm món khổ ép ngặt. Nay ở đây không nói năm món khổ là văn bớt.

SAO : Năm món khổ là : Lời sở nói : Sự khổ giữa ngũ-đạo (năm loài) là hoặc cái khổ ngũ-thống, cái khổ ngũ-thiếu, cái khổ ngũ-ác, (23) v.v... Rõ đủ như trong kinh Đại-bồ, đây chẳng chép nhiều. Do trước ấy có khổ, nói trước thì gồm khổ, nên nói bớt văn.

SỞ : Ở trong cõi đời ngũ-trước đây, những người có thể tự-lập (làm nên mình) cũng đã ít lắm rồi ; huống đặng thành bậc chánh-giác, đâu chẳng khó ư ? — Thế là việc khó lần thứ nhất, thế là rõ công-đức tự-lợi thiết không thể nghĩ-bàn.

SAO : Tự-tập là : Cái thời kỳ đủ năm điều ác-trước, mà loài người sanh ra nhằm trong đời ấy với hoàn-cảnh ngoài, thời bị thời thế ép ngặt, với trong thân-tâm thì bị mê hoặc nghiệp chướng nó buộc ràng, huống hồ cái thân-thể thuộc giữa bốn loài, mạng còn trong hơi thở, bởi thế nên muốn sạch mà nó cứ như, cầu lên mà lại rớt trở xuống. Thế mà có năng lực ở trong cõi này, khéo phân biệt điều thiện ác là tri-giới tu phước để lập được cái địa-vị chốn nhơn thiên. Kẻ mà được như thế cũng rất ít có lắm rồi ! Huống nữa hay ở trong cõi ngũ-trước này có một số người rất sợ cơn vô thường, biết tu pháp Tứ-Đế, pháp Thập-Nhị nhơn duyên để tự lập cái địa-vị các Thánh Thanh-Văn, Duyên-Giác, lại càng ít có hơn nữa. Phương chi cũng ở giữa cõi này mà đoạn hẳn màn Vô-Minh,

vượt cao ngoài ba cõi, để chứngặng quả Vô-thượng Chánh-đẳng Bồ-Đề, thiết là chẳng khác nào đồng ở trong đám nhà chầy, mà riêng một mình được ngồi trên chiếc xe báu đi ra. Đồng chìm đắm trong sóng mê mà riêng lên bờ giác. Thế đâu chẳng phải là kẻ nhẫn được những cái mà đại đa số người không thể nhẫn; làm được những cái mà đại đa số không thể làm! Vậy mới gọi là khó, thế mới là công-đức tự lợi không thể nghĩ bàn.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh Thi-Giác hiệp với Bồn-Giác, là nghĩa ta khen chư Phật. — Bồn-Giác ngầm hợp với Thi-Giác là nghĩa chư Phật khen ta Tự-tánh tịch mà thương chiếu; chiếu mà thương tịch là nghĩa Thích-Ca Mưu-Ni. Tự-tánh không nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà không nhiễm, là nghĩa ở trong cõi ngũ-trược mà chứng quả Bồ-Đề.

SAO : Nhơn trùm biển quả, quả suốt nguồn nhơn, thời Thi Bồn chẳng hai; dụng chẳng lia thề, thề chẳng lia dụng, thời tịch và chiếu đồng thời không nhiễm mà nhiễm, khó đặng tỏ biết, là quả Bồ-đề chìm ngập trong cõi ngũ-trược. Nhiễm mà không nhiễm, khó đặng tỏ biết, là đồng ở trong cõi ngũ-trược mà riêng chứng quả Bồ-Đề.

Nên biết rằng Phật đây, Phật kia, cũng đồng qui về một cái tự-tâm tịch vẫn chiếu; phiền-nã hay Bồ-Đề cũng chẳng ra ngoài một niệm Ngộ với Mê thế thì Bồn-Sur tức là ta, ta tức là Bồ-Đề và chứng đặng Bồ-Đề thiết không chỗ đặng.

THUYẾT PHÁP NAN

Vì các chúng-sanh mà ta nói ra pháp này, tất cả Thế-gian lấy làm khó tin.

SỞ : Văn trước là nói : Việc khó giữa loài người ; văn đây là nói việc khó nhưt trong các việc khó vậy.

Bởi vì với pháp môn Tịnh-Độ, tất cả thế-gian đều khó tin. Phật ở giữa đời ác-trược mà chứng đặng đạo-quả, lại ngay trong đời ác-trược nói trắng ra pháp này

đề độ chúng-sanh, lại là việc khó rất tốt bực trong các việc khó vậy. Thế là việc gặp hai lần khó đề rõ rằng công-đức lợi-tha của Ngài thật không thể nghĩ bàn.

SAO : Nói điều khó tin lược kể có mười nghĩa. Nay ở trong cõi uế ác đây, chúng-sanh an tâm chịu đã lâu đời rồi ; bỗng nghe nước kia trang-nghiêm thanh-tịnh, tất là nghi không có sự thật đó, ấy là một điều khó tin vậy.

Dầu tin có nước kia, nhưng lại nghi rằng 10 phương cõi Phật đều có thể tùy ý muốn sanh về cõi nào cũng được, hà tất quyết-định sanh về Cực-Lạc ? Là hai điều khó tin vậy.

Dầu tin sẽ được sanh về, nhưng lại nghi rằng cõi Ta-Bà đây cách xa nước Cực-Lạc, đến 10 muôn ức cõi, thế làm sao rất xa mà đặng sanh về nước phước-đức kia, là ba điều khó tin vậy.

Dầu tin là không xa, nhưng lại nghi rằng tất-cả phạm-phu tội-chướng sáu nặng, làm sao mau đặng sanh về nước kia ? Là bốn điều khó tin vậy.

Dầu tin đặng sanh về, nhưng lại nghi rằng sanh về cõi Tịnh-Độ đó quyết phải có tu pháp môn kỳ diệu gì, và nhiều món công-hạnh mới được ; làm sao chỉ tu trì danh hiệu Phật mà liền đặng sanh về ? Là năm điều khó tin vậy.

Dầu tin tu pháp trì-danh, nhưng lại nghi rằng tu trì-danh hiệu này, ắt phải cho nhiều năm nhiều kiếp mới đặng thành-tựu, làm gì chỉ niệm một ngày hoặc bảy ngày mà liền đặng sanh về nước kia ? Là sáu điều khó tin vậy.

Dầu tin bảy ngày đặng sanh về, nhưng lại nghi rằng trong bảy thứ thọ sanh, chẳng lia : Noãn, thai, thấp, hóa, làm sao sanh về, vì nước kia, đều là chỉ sanh bằng Hoa-sen hóa sanh ? Là bảy điều khó tin vậy.

Dầu tin gá nơi hoa sen đề hóa sanh, nhưng lại nghi rằng kẻ sơ tâm vào đạo gặp nhiều chướng-duyên phải thối lui, làm sao một phen sanh về nước kia, liền đặng bực Bất-thối ? Là tám điều khó tin vậy.

Dầu tin không thối, nhưng lại nghi rằng : Pháp-môn đây là đề dẫn dắt những chúng-sanh tối đốt, chớ bực thượng trí sáng-suốt, không cần sanh về nước kia ? Là chín điều khó tin vậy.

Dầu tin người sáng-suốt cũng sanh về, nhưng lại nghi rằng : Trong kinh khác hoặc nói có Phật ; hoặc nói không Phật, hoặc có cõi Tịnh-Độ, hoặc không cõi Tịnh-Độ, rồi trong tâm hồ nghi chẳng quyết ; là mười điều khó tin vậy.

Cho nên nói pháp khó tin mà nói rằng : Tất cả thế-gian đó, là chẳng những chúng-sanh trong ba đường ác nó khó tin, mà là chúng-sanh cõi Nhơn-Thiên hoặc còn nghi đó, chẳng những kẻ ngu mê khó tin, mà bực hiền trí hoặc còn nghi đó, chẳng những kẻ sơ-cơ khó tin, mà đến những bực tu lâu hoặc còn nghi đó, chẳng những kẻ phàm-phu khó tin, mà đến hàng Nhị-Thừa hoặc còn nghi đó ; cho nên nói là cái pháp mà tất-cả thế-gian khó tin là vậy.

Nay ở trong đời ác-trược này, diễn nói ra pháp đây thiệt là chẳng khác nào như vào trong nước lã hình, mà trau bày việc oai nghi ; đối với người mù quáng mà chỉ cho màu mè đen, trắng, thế mới gọi là khó, thế mới gọi là công-đức lợi-tha không thể nghĩ bàn vậy.

SỚ : Lại kinh Pháp-Hoa, kinh Kim-Cang đều nói nghĩa khó tin đó cũng đồng với ý đây.

SAO : Kinh Pháp-hoa nói : Muốn cho chúng-sanh đều đặn nghe biết cái pháp mà tất-cả thế-gian khó tin.

Lại nói : Kinh này khó nghe, mà tin thọ cũng khó.

Kinh Kim-Cang Bát-Nhã nói : Nghe nói Kinh này tâm bèn cuồng loạn, hồ nghi không tin. Nay nói kẻ nghe rồi không kinh, không hãi, không sợ là ít có.

Không kinh sợ v.v... tức là tin đặn. Nay kinh này (Di-Đà) nói cái điều khó tin của kinh thời đồng với hai kinh (Kim-Cang, Pháp-Hoa) đâu nên kinh vậy. (Kinh này cũng như kinh Kim-Cang, kinh Pháp-Hoa là pháp tối thượng thừa chỉ

ngay tự tánh thành Phật. Chúng-sanh cõi này mê nhiều ngộ ít, khó nhận, nên gọi « nan tín ».

SỞ : Hỏi : Đã nói rằng khó, thời nói ra thêm rầy-rà, vậy nói làm chi? Đáp : — Nhưng vì Phật nói cũng có người tin.

SAO : Nhơn Phật nói có người tin là cái pháp nhiệm-mầu đây, nếu đức Như-Lai chẳng từng nói ra, thời muốn đời hằng đồng như đêm tối, trọn không có một người niệm Phật cầu sanh. Cho nên Ngài than là pháp nan tín ! Đó là để cho hiểu rằng : Nếu như người thấy mà không tin là tại người tự bỏ, còn người nào có thể tin là người có duyên. Khiến cho tất cả chúng-sanh tự biết thương tủi e mất phần, mà hân hạnh được nghe. Cho nên nay những người tin Tịnh-Độ, đều là nhơn nhờ Phật nói mà phát khởi lòng tin vậy.

Mặc dầu nay không tin, nhưng một phen nghe lọt vào tai, hằng làm hột giống đạo muôn đời.

SỞ : Xưng-lý, thời với tự-tánh không thể đo lường, là nghĩa pháp khó tin.

SAO : Phải biết với Tự-tánh đây không thể lấy cái hữu tâm mà tìm, không thể lấy cái vô tâm mà đặng ; không thể lấy lời đề tạo ; và không thể lấy cái vắng-lặng mà thông, lia bốn câu dứt trăm lỗi trông hoa giữa hư-không, đập mặt trắng trong lẫn sóng ; không chỗ để cho nhà người đặt tay chùn ; cho nên trên hội Linh-Sơn bực Thượng-Đức trọn thành cái hại bại Bắc. Đốt Hưn-Địa, kinh Kim-Cang, mới có cái tướng diệt Nam (24) hay tin pháp này, há chẳng khó ư ?

TỔNG KẾT NAN SỰ

Này Xá-Lợi-Phất ! Phải biết ta ở cõi đời ngũ-trược ác-thế, làm những việc khó đây, mới đặng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại vì tất cả thế-gian, nói pháp khó tin đây, thiệt là rất khó !...

SỞ : Nhắc lời của chư Phật lặp lại tỏ bày ra đề cho chúng sanh nhìn thấy rõ hai việc khó đây đáng hiểu rằng : Phật xưa chẳng lường làm lời khen, Phật nay chẳng làm chịu tiếng ngợi tốt, thật nói thật làm, cả hai đều phù-hợp với nhau, muốn đời chúng-sanh phải tin chắc mà chớ nghi, cảm ơn mãi không thôi. Ấy vậy khá gọi rằng căn kẽ dặn-dò, ba tâm rất thiết.

SAO : Đắc-Đạo là khó, cái khó kia có hai nghĩa.

Một là, Tu ở trong đời Thiện-Thế đắc-đạo, chưa đủ là khó vì hoàn-cảnh thuận tiện. Nay Phật tu ở trong đời ác thế đắc-đạo, mới thiết là khó, (vì cảnh trái ngược).

Hai là, ở trong đời ác-thế gắng tu đắc-đạo, mà đắc quả tiêu-thừa, cũng chưa lấy làm khó, bởi việc nhỏ dễ làm. Nay đắc đạo-quả vô-thượng Bồ-đề, thế mới thiết là khó (bởi là bực lớn khó thành mà thành được).

Thuyết-pháp là khó, cái khó này cũng có hai nghĩa :

Một là, ở trong khoản đời Thiện-thế thuyết-pháp, chưa đủ là khó ; vì người lành dễ dạy. Nay ở trong khoản đời ác-thế thuyết-pháp mới thiết là khó (vì phần ác nhưn rất khó cảm hóa).

Hai là, ở trong đời ác-thế thuyết-pháp, mà thuyết những pháp dễ tin ấy, cũng chưa lấy làm khó, vì chúng dễ hiểu ? Nay thuyết-pháp khó tin thế thiết là khó vậy (vì mặc dầu có Phật-quốc nhưng ở rất xa, bởi chưa từng nghe thấy).

Lược làm bốn lời dụ : Lời dụ thứ nhất :

Ví như có người thân đi vào trong biển lớn, lại ngồi trong chiếc thuyền bè, lại nhằm gió ngược, lại đụng sóng to, lại gặp quỷ dữ (La-sát), cá lớn, rồng độc, sự nguy còn chỉ trong giây phút, mà có thể ở trong đó an-đnặng qua thiết là khó, nhưng chẳng những qua một mình mình, mà lại còn đem nhiều người đều qua, đề trên bờ kia ; thế mới thiết là cái khó trong các cái khó,

Biển lớn, thuyền bễ, gió ngược, sóng to, và quĩ dữ, các điều ấy là dụ ở trong đời ngũ trước. Một mình qua khỏi, là dụ Đắc-đạo, cứu các người đều qua là dụ thuyết-pháp vậy.

Lời dụ thứ hai :

Ví như có người thân mang bệnh nặng, lại ở chỗ sương gió, lại thiếu đồ ăn uống, lại bị trặc chơn gãy giò, lại gặp thầy dở, cho uống lầm thuốc, sự nguy hiểm chỉ còn trong giây phút mà hay ở trong đó điều trị mạnh lành, thiết gọi là khó ; nhưng chẳng những mạnh khỏe một mình mà lại còn cứu luôn bộn các người khác, đều được bình phục, thế mới thiết là cái khó trong các cái khó !

Lời dụ thứ ba :

Ví như có người thân ở trong tù-giam lại bị tra-tấn, lại gông-cùm, lại nhiễm bệnh dịch, lại bị cấm-cố, sắp đến kỳ giết, sự nguy chỉ còn trong giây-phút, mà hay ở trong đó, bỗng nhiên thoát khỏi, thiết gọi là khó ; nhưng chẳng những khỏi một mình, mà lại cứu luôn các người tội, đềuặng lìa khỏi, thế mới thiết là cái khó ở trong các cái khó !

Lời dụ thứ tư :

Ví như có người thân té xuống giếng, lại gặp rắn độc, lại bị chông gai, lại dầm nước lạnh, lại trúng kẻ ác-nhơn, quăng liệng đất đá, sự nguy còn trong giây phút, mà hay ở trong đó, vượt nhảy lên khỏi, thiết gọi là khó, nhưng chẳng những ra một mình mình, mà lại đem luôn các người đồng té, đều lên một lượt, thế mới thiết là khó trong các cái khó.

Các lời đây đều dụ trong đời ngũ trước, nghĩa đã nói đồng văn trên ; Trong bốn lời dụ đây lượt dụ Đức Thích-Ca với hai việc khó. Nói cạn dễ hiểu. Cho biết rằng : Đức Như-Lai chẳng sợ nhọc nhằn ; từng trải cực khổ, là vì bộn chúng ta, làm việc khó trong các việc khó làm, đến đổi như thế này ! Người nghe cái khó đây đều phải mừng thương khắp khởi, cảm tột kêu la, tiếng vang cả ba nghìn đại-thiên thế-giới, rồi chăm-hằm săn sóc, lo làm sao để trả ơn Phật.

Song muốn trả ơn cho Phật, chẳng ngoài hai việc : 1.- Lợi mình. 2.-Lợi người khác,

Lợi mình là : Ở trong đời ác thế này, gắng-sức tu pháp môn này, như được vãng-sanh, cũng đã gọi rằng khó.

Lợi cho người khác là : Ở trong đời ác-thế này, lại khuyên mọi người chung tu pháp-môn này, đồng được vãng-sanh, thế mới thiệt là khó trong các cái khó.

SỞ : Lại trong kinh Pháp-Hoa rất khen các kinh, cũng đồng ý đây.

SAO : Kinh Pháp-Hoa rất khen là : Nói hết các kinh... tay quăng hòn núi Tu-di, chưa đá sập cõi Đại-thiên đều chưa phải là khó, hay ở trong đời ác-thế này, nói kinh Pháp-Hoa thế mới thiệt là khó, nay nói kinh này (Di-Đà) sự khó nói lại cũng như vậy.

SỞ : Lại có hai nghĩa : Văn trước nói rất khó ấy đề rõ lại rằng : Bên nước Cực-Lạc tu đặc đạo rất dễ. Văn sau nói rất khó đó là đề cho chúng ta nghe được rõ lại rằng bên nước Cực-Lạc thuyết-pháp rất dễ.

SAO : Với điều đặc-đạo rất dễ là : Trong luận Bà-Sa nói : Niệm Phật được vãng-sanh, nhờ nguyện lực của Phật là các đạo rất dễ làm. Còn ở trong đời ngũ-trược ác-thế này, tu các pháp khó tấn vì là cái đạo rất khó làm cơ vậy.

Thuyết-pháp rất dễ là :

Trong nước kia chúng như toàn là người bực Thượng-Thiện, huệ nhiều chương ít, chí ý hòa-dịu, tiếng gió, cây, chim đều giúp cho mình tỏ-ngộ. Vì chẳng phải như cõi này chúng cang-cường khó dạy ? Nói điều khó là đề rõ dễ, chính là đề chỉ rõ rằng với nước Cực-Lạc chúng ta quyết định phải cầu về đó.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó vừa lẫn với tâm vừa lẫn với cảnh, là nghĩa làm được hai việc khó đây.

SAO : Tâm niệm dù theo cảnh đề sanh nhưng tâm-thê nguyên thường vắng-lặng, thời tâm tánh nó là « vô-sở-đắc » thế đắc cái « vô-sở-đắc » đó gọi là đắc vô-thượng Bồ-Đề. Cảnh tùy tâm hiện. Tự-thê của cảnh vốn không, thời với cái mà

không pháp nào khá thuyết đó mới gọi là thuyết đó. Vì ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không có tâm. Thế mới gọi là Tự-giác, Giác-tha, Giác-hạnh viên-mãn.

* * *

LƯU THÔNG PHẦN (phân ra làm hai phần)

- 1.- TRÙNG CỬ THỈNH CHÚNG (Lặp lại chúng nghe)
- 2.- MINH TẮT PHỤNG HÀNH (Rõ rồi vưng tu)

TRÙNG CỬ THỈNH CHÚNG

Phật thuyết kinh này rồi, ông Xá-Lợi-Phất, và các bực tỳ theo tất cả thế-gian, các vị chư Thiên và chúng nơn, Thần A-tu-la v.v... đồng nghe thọ lãnh.

SỐ : Pháp át phải lưu-thông, vì Phật thuyết-pháp đề phổ-độ chúng-sanh. Lại kê bày chúng thỉnh-giả là : Đầu kinh nói số chúng nghe pháp, cuối kinh lại nói chúng thọ pháp.

Riêng nói một mình ông Thân-tử là : Vì ông đương cơ kinh này. Đây không nói Bồ-tát là : Vì gồm thân trong hàng Tỳ-kheo A-tu-la dịch : Phi thiên. Chư Đẳng : Gồm luôn cả Bát-bộ và chúng-sanh trong sáu đường.

SAO : Lưu-thông là : Kinh Quang-Minh lời số nói ; chữ Lưu cũng như nước chảy xuống, chữ Thông là nghĩa không ngăn trở.

Lại Ngài Khuê-Phong nói : Pháp nếu không có người di tuyên truyền thời chẳng lưu-động. Lưu là không dừng, truyền mà gặp sự ngăn-ngại thời chẳng thông. Thông là không phải ngăn ; nghĩa là suốt thể lau rộng phổ-cập vậy.

Phổ-độ là gì ? Lưu-thông khắp cả 10 phương, nhần đến ba đời chẳng những chỉ vì chúng-sanh trong một xứ một thời mà thôi.

Đương cơ là chi ? Do pháp khó tin đây, duy người tri mới tin nổi không nghi, cho nên từ đầu chí cuối, đều gọi bảo nói ông Xá-Lợi-Phất vậy.

Nhiếp thuộc trong hàng Tỳ-kheo là : Các Bồ-Tát mặc dầu không thường theo Đức Như-Lai. Song vì cùng với các hàng Tỳ-kheo đồng làm bạn lữ giữa hiền thánh.

Lại các vị Bồ-Tát đều có lẫn giữa Chơn-đế và Tục-đế. Vì tùy loại ứng-cơ cũng có thể nói nhiếp thuộc trong cả Thế-gian cũng được.

Tất-cả trong thế-gian chỗ bao gồm thì đông (nhiều) mà nay đây riêng nói về 3 đường lành là Thiên-đạo, Nhơn-đạo, A-tu-la-đạo đó, là dễ cho rõ biết rằng đối với « pháp tri-danh niệm Phật » đây, tất-cả chúng-sanh trong sáu đường, so-sánh ra, thì phần nhiều hơn hết là chúng-sanh trong đường lành đều tu pháp niệm Phật. Phi-Thiên là : Cõi Thần A-tu-la sự giàu có vui sướng cũng đồng như cõi trời, nhưng vì cái đức hạnh không bằng trời ; rõ có bốn loài (25), đây chẳng kể nhiều.

Trong bài kể tên chúng hội trước kia không nói đến tên Tu-La là vì nhiếp thuộc trong hàng Thiên-nhơn và Đại-chúng...

Hỏi : Loại thần Tu-La rất là hung hăng, làm gì chấp tri Thánh hiệu là đề tu niệm Phật ?

Đáp : Loài quỷ, súc sanh còn biết qui-y, Thần Tu-La đâu không tin thọ ư ? Há chẳng nghe trong phẩm Thế-Chúa Diệu Nghiêm nói : các Thần Tu-La v.v... đều đặng pháp-môn giải-thoát hay sao ? Nay ở giữa loài người đây mấy kẻ ngơ lúng không biết tin niệm đó mới đáng trách la !!

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó cứu-cánh viên-mãn, là nghĩa Phật nói kinh rồi. Tự-tánh châu biến hàm dung, là nghĩa tất-cả Thế-gian.

SAO : Cứu-cánh : Thời trước sau viên chiếu, không thiếu không đủ. Châu biến : Thời phạm thánh bao gồm, nghìn đủ, muôn đủ ; Với bốn-kinh như thế thì, trước khi Phật chưa kêu ông Thần-Tử đã nói hết toàn văn, lại nào đợi Ngài Diệu-Thủ (Văn-Thù) bạch chùy, ông Song-Lâm (Di-Lặc) phủ xích sau rồi mới bảo là thuyết-pháp hay sao ?

Cho nên nói : Khi thăng đường nhập thất, đại-chúng không thêm, lúc trống lặng chuông ngưng, các Nhơn-Thiên cùng chẳng giảm.

MINH TẮT PHỤNG HÀNH

Nghe Phật nói rồi hoan-hỉ tín-thọ, làm lễ mà lui.

SỚ : Hoan-hỉ là : Vì mừng chỗ được nghe. Tín-thọ là : Vì lãnh thọ chỗ đã được nghe. Làm lễ là : Vì trọng chỗ đã được nghe. Chữ Khử là : Nghe rồi thời lui về giữ tu vậy. Cũng là ba món tư-lương và ba-huệ, như văn trước đã nói.

SAO : Mừng chỗ được nghe là : Nhiều kiếp phiêu linh, là chính do chưa nghe pháp này. Nay biết pháp tri-danh được vãng sanh. Khá gọi như chứng bệnh mê-mạn nơi chiếu gối, bỗng gặp phương hay thần diệu. Ví như khách ngu lâu xứ lạ quê người, thoát nghe tin nhà hân-hạnh chi xiết, nên nói là mừng.

Lãnh chỗ đã được nghe là : Tin rồi không còn nghi. Thọ rồi chẳng dám sai như vâng lời của Quốc-hội, tuân mạng-lệnh của đấng gia-thân (cha lành) cho nên nói là lãnh vậy.

Trọng chỗ đã được nghe là : Trong lòng cảm kích, năm vóc kiêu-cần, như nhớ ơn rất tốt, lạy tạ không thôi, cho nên nói là trọng.

Giữ-tu là : người xưa nói : Tới mà nghe Đạo nơi Thầy, lui về làm Đạo nơi mình, chẳng phải như đời bây giờ, nghe vào lỗ tai, nói ra lỗ miệng (năng-thuyết bất năng-hành).

Ba món tư-lương là : Như văn trước nói : Nghe mà tin là Tín-tư lương ; Tin mà chịu là Nguyễn-tư-lương, chịu rồi đi là Hành tư lương.

Ba huệ là : Văn tức thuộc văn huệ. Hoan-hỉ tín thọ đó, tức thuộc Tư-huệ. Đi về giữ tu đó tức là thuộc tu huệ.

SỚ : Lại chữ Hoan-hỉ đây, cũng đủ ba nghĩa Thanh-Tịnh, như lời sớ trong Quán-kính nói.

SAO : Ba nghĩa là : Lời sớ trong Quán-kinh nói :
1.- Người năng-thuyết được thanh-tịnh. 2.- Pháp bị thuyết được thanh-tịnh. 3.- Y theo pháp tu đạo quả, được Thanh-tịnh, đủ ba nghĩa đây, cho nên nói hoan-hỉ.

Nay nói pháp tri-danh được vãng-sanh, chính là đức Phật Ngài thuyết. Phật là người bậc Nhất-Thế-Trí, chẳng phải như cái pháp của bốn hạng người kia thuyết vậy ; thế là người được thanh tịnh. Gặp người như vậy đâu chẳng hoan hỉ ?

Tri-danh được vãng-sanh, liền chứng pháp tam-muội, thế là thật giáo Đốn và Viên, chớ chẳng phải pháp quyền-thừa vậy ; thế là pháp được thanh-tịnh. Nay nghe pháp như vậy đâu chẳng hoan-hỉ.

Tri-danh được vãng-sanh, liền chứng đặng bậc Bất-thối-chuyên, thẳng đến thành Phật, chớ chẳng phải bậc tiểu-quả vậy ; thế là quả được thanh-tịnh ; chứng quả như vậy đâu chẳng hoan-hỉ.

SỚ : Lại chữ hoan-hỉ đây cũng gồm có cao có thấp, là mỗi mỗi đều tùy theo sở đắc của mỗi người tu.

SAO : Cao và thấp là : Như kinh Hoa-Nghiêm bậc sơ-địa, gọi là bậc Hoan-hỉ địa. Lại trong văn kinh nói : Đủ hai mươi món hoan-hỉ.

1.- Đòi sau được 10 câu : Như chỗ nói : Vì niệm được danh các vị Phật, nên sanh tâm hoan-hỉ. Vì niệm được các pháp-môn nên sanh tâm hoan-hỉ v.v...

Nay người nghe được kinh này tự mừng rằng : Ta đời sau cũng được như Phật A-Di-Đà, ta đời sau cũng được các pháp-mầu như thế của Phật A-Di-Đà vậy.

2.- Hiện đời được 10 câu : Như chỗ nói : Đã xa lìa tất-cả cảnh-giới thế gian, nên sanh tâm hoan-hỉ. Vì được thân cận tất-cả vị Phật, nên sanh tâm hoan-hỉ v.v... Nay người nghe được kinh này, hiện đời được xa lìa cảnh-giới Ta-Bà ngũ-trược. Hiện đời được sanh về Tịnh-Độ cứu-liên được gần gũi Phật A-Di-Đà và chư Phật vậy.

Hai mươi hoan-hỉ đây, thuộc về trong địa vị (ngôi thập-địa). Cứ theo kinh Hoa-nghiêm thì, điều hoan-hỉ của kinh này thuộc về trong ngôi thập-địa Bồ-tát. Ngoài ra thì ngôi thập-hạnh, về sơ-hạnh cũng tên là hoan-hỉ ; trong văn Thập-trụ về ngôi sơ-trụ cũng nói : được vô-biên việc hoan-hỉ v.v... Cho nên nói cao có thấp. Nếu thấp lại còn thấp nữa, thời tùy theo phân lượng tu nhơn của mỗi người kia thì cũng được phần vui về pháp hỉ mà thôi.

SỞ : Lại kết-qui về chữ Tín-thọ là : Do vì từ ban đầu cho đến cuối sau đều dùng chữ Tín làm căn-bản.

SAO : Ban đầu, cuối sau là : Đầu kinh nêu hai chữ Như-thị, là lời Tín-Thuận. Nay cuối kinh lại nói Tín-Thọ thời biết nhơn Tín mới sanh ra nguyện, nhơn nguyện mới khởi ra hạnh. Từ đầu phát tâm, kể cuối được vãng sanh, rốt-ráo thành Phật, đều nhờ sức Tín, cho nên nói, từ đầu chỉ cuối lấy chữ Tín làm căn bản.

SỞ : Kinh Đại-Bồ-đề lời kết kinh có đủ các chúng-sanh đều được lợi-ích vị Long-Thiên Hộ-pháp xuống phước lành. Nay kinh này, không nói là bớt văn vậy.

SAO : Kinh Đại-Bồ-đề nói : Phật nói kinh này rồi, có vô-lượng chúng-sanh phát tâm đề tu chứng bực vô-thượng chánh-giác, một vạn hai nghìn số na-do-tha, người chứng pháp Nhãn-Tịnh ; 22 ức vị chư Thiên, kẻ Nhơn dân đặc quả A-Na-Hàm. 80 vạn tỷ-kheo đặng bực Lưu-Tận-Ý-Giải ; 40 ức Bồ-tát đặng bực Bất-thối-chuyên. Ba nghìn Đại-thiên thế-giới sáu môn rừng động, hào-quang sáng lớn, tỏa chiếu khắp 10 phương các quốc độ, trăm nghìn tiếng âm-nhạc tự-nhiên nổi lên, vô-lượng thứ hoa màu, lẳng xăng rải xuống, nhả đến trời A-Ca-Ny-Tra, đều sắm đủ món vi-diệu cúng-dường.

Lại nói : có 25 ức chúng-sanh đặng bực Bất-thối chuyên nhữn bốn vạn ức số na-do-tha chúng-sanh đối với quả Vô-thượng Bồ-Đề, chưa từng Phát tâm, nay mới bắt đầu phát khởi, trồng các thiện-căn, nguyện sanh về Cực-Lạc thế-giới, đồng sẽ sanh về, đều ở các phương khác, theo thứ lớp thành Phật, đồng một danh-hiệu là Diệu-Âm. Lại có 80 vạn ức số na-do-tha chúng-sanh được thọ-ký pháp nhữn.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồ-Đa có dạy-dò công-đức tri kinh. Nay tri kinh này cũng phải có công-đức như vậy.

SAO : Kinh Đại-Bồ-Đa Phật bảo Ngài Di-Lặc : Nay đem pháp môn này giao phó lại cho ông, ở trong đại-chúng, ông cũng khai thị cho chúng, phải dạy viết tả giữ-gìn đối trong kinh này sanh lòng tưởng như vị Đạo-Sư.

Lại nói có vô-lượng ức các vị Bồ-tát cũng đều cần pháp-môn vi diệu này. Các ông chớ trái lời Ta (Phật) mà bỏ qua, sẽ khiến cho các ông mê man trong đêm dài, chịu đủ muôn điều nguy khổ. Thế cho nên Ta nay nói lời đại chúc luy. Nay kinh này không nói, đều là bất văn vậy.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồ-Đa và kinh Pháp-Diệt đều nói : Đến ngày Pháp của Phật tiêu diệt, riêng còn để lại kinh này. Cho nên biết kinh này có cái năng-lực tông-trì cho đời mạt-pháp như trong Luận Hoa-Nghiêm nói.

SAO : Kinh Đại-Bồ-Đa nói : Qua đời Đương-lai (26) trong buổi khói lửa, kinh điển và đạo-lý đều bị diệt hết. Ta do tâm từ-bi riêng để lại kinh này một trăm năm Chúng-sanh, được gặp, không có một người nào mà chẳng đắc độ.

Nếu có chúng-sanh đối với quyền kinh này, viết tả cúng-dường thọ-trì đọc-tụng, vì người khác diễn nói, đến khi mạng chung Phật cùng các vị thánh chúng hiện ra trước mặt người ấy trong giây lát liền sanh về cõi kia vậy.

Kinh Pháp-Diệt nói : Chừng đó kinh Thủ Lăng-Nghiêm diệt trước (27) kể đến các kinh, thấy đều diệt hết riêng còn kinh Vô-Lượng-Thọ độ các chúng-sanh (kinh này có tên là Vô-Lượng-Thọ).

Trong Hoa-Nghiêm luận nói đến cái thời chánh-pháp đã diệt (28) do nhờ sức tông-trì (29) kinh này (Kinh-Hoa-Nghiêm) gìn-giữ các tông-pháp khác, làm cái nền cho giáo-lý được hoạt-động lưu-chuyển.

Nay đây nói các kinh đều lần lượt tiêu-diệt, riêng còn kinh A-Di-Đà tức kinh Vô-Lượng-Thọ này là một môn niệm

Phật, rộng độ chúng-sanh. Thời ra các kinh đã diệt, mà kinh Tiều-Bồn tức Đại-Bồn này không diệt, tức là còn để lại một món tri-danh niệm Phật này lưu-chuyển vô-tận, thế thì biết rằng : chính cái pháp tri-danh niệm Phật của kinh này nó cũng có cái sức tổng-trì như kinh Hoa-Nghiêm kia.

Tất cả chúng-sanh, phải nên tôn-trọng cung-kính, tín-thọ phụng-hành kinh này, vì kinh này ở chỗ nào cũng như Phật ở chỗ đó.

Hỏi : Câu riêng đề kinh này một trăm năm. Hai chữ kinh này số là chỉ cho kinh Đại-Bồn, này sao lại đem chỉ cho kinh Tiều-Bồn này.

Đáp : Văn trước đã chẳng nói rồi hay sao ? Văn có nhiều và ít, nhưng nghĩa không hơn kém, nghĩa là nói rộng thời là kinh Vô-Lượng-Thọ còn nói hẹp thời là kinh Tiều-bồn Di-Đà này chớ chẳng phải có hai vậy. Vì A-Di-Đà dịch là : « Vô-Lượng-Thọ » ; thế thì Vô-Lượng-Thọ kinh tức A-Di-Đà kinh.

SỐ : Xứng-lý, thời tự-tánh không phiền-não, là nghĩa hoan-hỉ tín thọ, Tự-tánh không tự trước, là nghĩa tác lễ nhi khứ.

SAO : Tâm phiền-não vốn vắng lặng tánh hoan-hỉ cũng không ; thời cõi khổ đâu chẳng phải là cõi vui. Đến, thiệt không biết từ đâu mà đến, đi cũng chẳng biết sẽ đi về đâu.

Thế thời vắng-sanh mà rốt ráo vô-sanh, dùng vô-sanh đầy đủ mà sanh về cõi kia, dùng ra chẳng phải sanh về cõi kia, mà thiệt là sanh nơi tự-tâm của mình vậy.

Vậy sau không ai hỏi tự nói : Đức Thế-Tôn khởi phụ lời không đảm ; riêng lãnh đương cơ, ông Thân-Tử khởi phụ lời trọng thác (lời giao-phó). Đây thiệt là hoan hỉ, đây thiệt là tín-thọ, mới gọi là đúng phép làm lễ đức Như-Lai. Nếu ngoài cõi Cực-Lạc Cứu-Liên kia mà riêng nói là duy-tâm ; bỏ tên Di-Đà vạn đức, mà riêng tìm tự-tánh. Nên gọi rằng : Đang qua sông mà hỏi bến đò, đối trước đèn, mà đi tìm lửa đó vậy.

KẾT THÍCH CHỦ Ý :

(Kết giải ý nghĩa chú vãng-sanh)

Bài Thần-chú « Đa-la-ni. Nhờ tất-cả cội gốc nghiệp chướng, đặng sanh về cõi Tịnh-Độ ».

SỞ : Giải thích đại-ý của bài Thần-chú này : Do chú đề giúp với kinh, kinh có Thần-chú thời kinh càng rõ. Do kinh trước chú, chú có kinh văn thời chú càng linh, xen nhau mà dùng, nên cần phải kết giải. Chú này rõ thấy trong truyện Bất-tư-nghi thần-lực.

Người trì chú này, hết tội được vãng-sanh. Nên dùng danh nghĩa là Nhờ hết nghiệp-chướng được sanh về Tịnh-Độ.

Chữ Đa-La-Ni dịch là Tổng-trì vậy.

SAO : Nghiệp-chướng là : kẻ chướng có ba nghĩa : 1.-Phiền-não-chướng. 2.- Nghiệp-chướng. 3.- Báo-chướng.

Nay nói nghiệp chướng là nói cái giữa thì đã gồm luôn cái trước và cái sau. Bởi sao ? — Vì phiền-não là cái Nhơn của nghiệp ; vì báo-chướng là Quả của nghiệp. Nghiệp ắt có Nhơn ; nghiệp ắt chịu Quả ; nên nói nghiệp-chướng thì đã gồm hai chướng kia. Nay chúng ta muốn trừ chướng, qui nhứt là trừ cội gốc của nó. Như gốc tuyết thời không đơm chồi ; chồi không nảy thời cành lá hoa trái đều không sống vậy.

Nay trì chú này, thời phiền-não không khởi, là nghĩa nhờ trừ gốc nghiệp-chướng vậy.

Như trong truyện nói : Ngày đêm đều trì ba hoặc bảy hay là 21 biến diệt được tội ngũ-nghiệp, tội bàng-pháp v.v... các tội ; phải vậy.

Đặng sanh về Tịnh-độ là : chúng-sanh luân-hồi trong cõi Ta-Bà, đều là do nghiệp-chướng, nghiệp-chướng đã không, thời hột giống cõi uế-độ liền diệt, tùy nguyện vãng-sanh, nên được sanh về cõi nước Cực-Lạc Phật A-Di-Đà.

Tổng-trì là : Tổng thống nhiếp trì lại không sót và mất ; tức là tên riêng của chú này,

Truyện tên « **Bất tư nghi thần lục chú** ». Tức kinh này tên là : « **Bất-tư-nghi công-đức kinh** ».

Tri thần-chủ hay tri danh hiệu Phật, cũng đều được vãng-sanh một cách nên đồng tên là : **Bất-tư-nghi**.

Đời nhà Tống, niên hiệu Nguyên-Gia (30) nước Thiên-trúc, Ngài Tam-Tạng tên **Cầu-Na-Bạt-Đà-La** dịch ra thần-chủ này.

SỐ : **Chữ Tống** là tên nước thuộc về đời **Nam Bắc-triều (31)**, **Nguyên-Gia** là niên hiệu. **Chữ Thiên-Trúc** là nước **Tây-Vức**, **Cầu-Na-Bạt-Đà-La** dịch : **Công-Đức-Hiền**.

SAO : Đời Tống mà nói là đời **Nam Bắc** đây, là đương thời đời đó **Nam Bắc** phân chia làm vua. Vua nhà **Tống** ở miền **Giang-Nam**, thì gọi là **Lưu-Tống (32)**.

Chữ Nguyên-Gia là : Vua **Văn-đế** niên hiệu **Nguyên-Gia** năm **rốt vậy (453)**. Nước **Thiên-Trúc** có, chỗ khác nói : Nước **Thán-Độc**, **Thiên-Trúc** có năm nước đều chung gọi là cõi **Tây-Vức**.

Ngài **Bạt-Đà** là người rộng thông ba tạng, rất chuyên pháp Đại-thừa nên hiệu Ngài là : **Ma-Ha-Điễn**. Nhưng cái thần dị ặc sắc của Ngài chẳng phải một, chép đủ trong bộ truyện ký ; đây sợ nhiều không dẫn. Có một bản dịch hai chữ : **Đà-La**, mà dưới chữ **Đà** không có chữ **La**. Hoặc có người nghi là Ngài : **Cầu-Na-Bạt-Ma**. Do vì hai Ngài đồng thời đó, chưa rõ thần chủ này là của Ngài nào dịch (mà đầu của Ngài nào dịch cũng đều đúng cả).

Tụng chú như đây :

Nam-mô A-Di-Đa Bà-Dạ, đa tha dà đa dạ đa diệt dạ tha,
a di rị đò bà tỷ a di rị đa tất đam bà tỷ, A di rị đa tỷ ca lan đế,
a di rị đa tỷ ca lan đa, già di nị dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha.

Nếu có **Thiện-nam-tử**, **Thiện-nữ-nhơn** nào, hay tụng chú này thời Phật **A-Di-Đà** thường đứng trên đỉnh đầu người đó

ngày đêm ủng-hộ không cho kẻ oán thù làm hại, đương đời thường dặng an-ôn, đến khi mạng-chung, được tự-tại vãng-sanh.

SỐ : Các Bồn kia nghe phân câu cách có hơi khác ; nay y theo bản xưa, với thần chú không phiên dịch bất-tất gì cưỡng-giải.

SAO : Các bồn chẳng đồng là : Như câu : Nam-mô A-Di-Đa bà-dạ, một bồn khác viết : Nam-mô a-di-đa-bà-da-đa lấy chữ Đa ở đầu câu kể, đem liên thuộc với dưới câu trên, cho nên nói là có hơi khác. Nay bất tất gì nhọc-nhắn tìm xé phải quấy. Miễn y theo một bồn, chỉ tâm tụng trì tự thành lợi-ích.

Lại có chỗ nói : câu « Nam-mô a-di-đa bà-dạ, dịch : kính lạy đức Vô-Lượng-Thọ Phật ; câu » « đa-tha-dà đa-dạ » tức là câu « đa-đa-a-dà-độ » dịch Như-Lai. Câu « Đa-diệt dạ tha ». Bản tân dịch : « Tha đích giả thất » Bản cựu dịch. « Đát-diệt tha ».

Chữ diệt bộ mịch âm chữ Diệt bộ xước tức hai chữ : « Địa-dạ » nói nhập lại làm một tiếng dịch : Tức thuyết chú viết. Từ đây sắp sau mới thiết là lời mật ngữ :

Song câu thần chú từ xưa dịch đề nguyên âm chữ không dịch nghĩa lược nói có năm ý :

1. - Như lời mật chỉ của vị quốc-chủ, chớ quấy rao truyền, vì chỉ phải kính vưng.
2. - Hoặc một danh-từ hàm có nhiều nghĩa, ví như chữ Tiên Đà-Bà (33).
3. - Hoặc phương này không có, ví như cây Diêm-phù-Đề (34).
4. - Hoặc thuận theo văn xưa, ví như chữ A-Nậu-Bồ-Đề.
5. - Hoặc tôn-trọng, chẳng phải tiếng nói của người Tàu đối chiếu dặng, ví như chữ « Bát-Nhã » (dịch « Tri-Huệ » cũng chưa hết nghĩa).

Có một chỗ nói : cũng có thể cưỡng giải. Nhưng đã nói rằng cưỡng chi bằng nin là hơn.

SỞ : Kinh và chú tương liên với nhau, chính là nghĩa Hiền và Mật viên-thông.

SAO : Rõ bày nước kia, y chánh trang-nghiêm, và môn Tín, Hạnh, Nguyện, như trong kinh đã giải rõ đó gọi là Hiền.

Tuân theo lời kín-nhiệm của Phật, chỉ tung chú này, thời liền đặng vãng-sanh, đó gọi là Mật.

Hiền là bày rõ chỗ Mật ấy ra. Mật là giấu kín chỗ Hiền vậy. Gồm tung cả hai, thời đều tốt cả. Riêng tung tri chừng một cũng tóm thâu không sót, nên nói rằng Viên-thông.

SỞ : Tuy nói rằng tóm thâu không sót. Nhưng mà pháp chuyên tri danh hiệu, còn hơn tri-chú, cũng hơn thần chú khác và cũng hơn tất cả công-đức khác.

SAO : Riêng khen pháp tri-danh niệm Phật là :

1.- Hơn thần-chú vãng sanh này.

Vi lời giải của thần chú nói : tung 30 vạn biến thời mới được thấy Phật A-Di-Đà. Mà pháp tri-danh niệm Phật này thời, chỉ một ngày được nhưt tám liền có Phật hiện trước mặt.

Lại chú nói : Ngày đêm 6 thời, đều 3 hoặc 7 biến, hay là 21 biến diệt được tội ngũ-nghịch cùng các tội khác. Mà pháp tri-danh thời chỉ chỉ tâm niệm Phật một tiếng, liền diệt được 80 ức kiếp đường sanh-tử tội nặng.

2.- Hơn các thần chú khác là : Chuyên niệm danh hiệu Phật tức là : Chú Đại-thần, chú Đại-Minh, chú Vô-thượng và chú Vô-đẳng-đẳng.

Vi do 10 tiếng niệm Phật liền đặng vãng-sanh, một phen sanh liền đặng bất thối, oai linh chẳng lường, thế gọi là Đại-thần, còn mấy nghĩa khác so đó để biết vậy.

Hỏi : Công-đức của Chuẩn-Đề rất rộng rất lớn, mà thế nào chỉ niệm danh hiệu Phật lại đặng hơn kia ?

Đáp : Vì phẩm và lượng của Chuẩn-Đề là còn ở nơi Nhơn-Địa Bồ-Tát, còn Di-Đà là quả vị Như-Lai. Vậy hơn đó để so mà biết được rằng :

Tri chú Chuẩn-Đề đã có thần lực rất rộng rất lớn như thế thì niệm Phật A-Di-Đà há chẳng linh-ứng nhiều hơn chú Chuẩn-Đề à?

Cho nên trong kinh nói : niệm 62 ức số hằng hà sa danh hiệu các vị Bồ-Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Nam-mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát, phước kia bằng nhau.

Lại nói : Niệm vô-lượng vô số danh hiệu đức Quan-Thế-Âm Bồ-Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Nam-Mô Địa-Tạng Bồ-Tát, phước kia bằng nhau. Đó, niệm Bồ-Tát còn được như thế, huống chi là niệm Phật?!

3.- Cũng hơn các công đức khác là : Lục-Độ vạn hạnh, Pháp-môn vô-lượng. Nhưng chuyên niệm một danh hiệu A-Di-Đà thì gồm thâu được tất cả công-đức của mỗi mỗi pháp-môn khác. Do vì không ngoài một lý Nhất-tâm. Như trong văn trước đã nói rộng.

Vậy xin các bạn giữa « Tịnh-nghiệp Đệ-tử » nên chuyên một đức tin, chuyên một tâm niệm Phật mà thôi chớ đừng lưỡng-gi nửa.

Như trong kinh nói : Dầu có một pháp nào cao hơn cõi Niết-bàn đi nữa, cũng là chẳng đoái đến.

Trong Thiên-tông các vị Tri-thức có dạy người chỉ giữ một câu thoại đầu (một câu niệm Phật) không cần tu các pháp nào khác.

Nên biết rằng : Nguyên những người đã tu học các pháp môn khác, còn phải bỏ đi để tu theo pháp niệm thay! Huống chi những người vốn đã tu pháp-môn niệm Phật, lại đổi chỗ sở-thú của mình, mà chuộng về môn khác ư?

Thế là tâm muốn hàng hai, chi chẳng qui nhất, làm sao đểặng thành-tựu pháp Tam-muội?

Rủi tới cơn vô-thường, lương không đặng chi, chẳng xét nhờ lỗi mình, trở đem phao lời hủy báng than ôi! Làm lắm!!

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó không. Thì vẫn là không, là nghĩa nhờ trước hết nghiệp-chương.

Tự-tánh nó có, thì cũng vẫn có nó là nghĩa Đà-la-Ni. Tự tánh nó chẳng có chẳng không, là nghĩa sanh về Tịnh-Độ.

SAO : Tìm tâm rốt không thể đặng, thời là nghĩa tất cả nghiệp chương ai làm cội gốc ? Tức là Tâm nó không chỗ nào mà chẳng đủ tất cả công - đức, không đức nào nó chẳng Tổng-tri !

Đương khi nó Tổng-tri mà chẳng dính một mảy trần, thì cái có đó là có bằng « tức không ».

Thế nó không có cội gốc, mà sanh ra cả muôn pháp, thì cái không đó là không bằng cái « tức có ».

Tức có thời chẳng phải thật không, tức không thời chẳng phải thật có ; Chẳng không chẳng có, chỉ là nhưt Tâm, chẳng vượt ngoài nhưt tâm, ấy gọi là Tịnh-Độ.

CHÚ - THÍCH

KINH A-DI-ĐÀ SỚ-SAO

QUYỀN THỨ TƯ

- (1) « **Tứ-chúng** » : 1.- Tỳ-Kheo (Bhiksu) ; 2.- Tỳ-Kheo-Ni (Bhiksuni) ; 3.- Ưu-Bà-Tắc (Upasaka) ; 4.- Ưu-Bà-Di (Upasika).
- (2) « **Thời hơn tự chẳng biết** » : Xưa nói : Di-Lặc thật Di-Lặc, hóa thân nghìn trăm ức, mỗi giờ hiện trước người, mà tự người không biết.
- (3) « **Hơi ấm** » : Cái thân của người ta lúc chết ; Chỉ có nơi trái tim là còn hơi ấm rồi sau, vì cái thức A-lái-da nó còn ở tại đó ; đến chừng mà nơi đó lạnh là, thức ấy lìa khỏi xác, gọi bằng « khứ hậu lai tiền » lúc chết thì nó đi rồi sau ; lúc đầu thai thời nó đến trước. (Trong luận Duy-Thức có nói rõ).
- (4) « **Ghét thương cha mẹ** » : Sau khi thờ hơi cuối cùng thân-thức nó bỏ cái thân tiền-ấm (tử-thi), lìa ra, nó hóa sanh làm cái thân trung-ấm ở giữa không-gian, bấy giờ, đối với nó, cả vũ-trụ toàn là đen tối, chỉ chỗ nào có hơn-duyên với nó, là nó thấy ánh-sáng : Lửa dâm-dục của cha mẹ đương hành dâm, thì nó đến liền nhanh hơn chớp ; hoặc thương cha ghét mẹ, nếu nó sắp đầu thai để sanh làm con gái ; hoặc thương mẹ ghét cha, nếu nó sẽ là con trai ; vì tình thân ái khiến nó phải như thế ; gọi là « hơn ái tình làm giống ». Kể đó, nó sanh tâm niệm vọng-tướng : Chính nó hành dâm với giống đực, nếu nó là giống cái ; hoặc tương ái-ân với giống cái, nếu nó là giống đực ; Với vọng tướng ấy, gọi là « tối sơ nhứt niệm điên-đảo », vì nó tưởng chính nó hành dâm, chứ không còn thấy có cha mẹ nữa, nên nói là điên-đảo ; bấy giờ nó đã đầu thai rồi gọi là « nạp tướng thành thai » (xem bài tựa thức nhứt của bộ Duy-Thức Tam-tự-kinh thấy rõ).

- (5) « **Tiểu-thánh Sơ-tâm** » : 1.- Đối với Đại-thừa, thì 4 quả Thánh Thinh-Văn, gọi là Tiểu-Thánh ; 2.- Đối với Phật-thừa thì các Bồ-tát trong Đại-thừa, gọi là Tiểu-thánh. Vì chỗ chúng ngộ còn cạn thấp Sơ-tâm : Hoặc mới phát tâm cầu học đạo Bồ-đề ; hoặc mới phát tâm học đạo Đại-thừa Bồ-tát. Tiểu-thánh sơ-tâm đây cũng chưa biết được chỗ « sanh-lai từ-khứ » của mình, vì lòng vọng-hoặc còn nhiều, đương dứt hoặc, chúng chơn chưa được mấy, nên có chỗ báo : Sanh bất tri từng hà xứ lai, từ bất tri từng hà xứ khứ, gọi là Bồ-tát cách âm hôn-mê : Cái thân ngũ-âm hiện nay cách biệt với thân ngũ-âm đời trước, nên nói là hôn-mê, không nhớ được quá-khứ, bởi còn vô-minh. (Trừ bực Đăng-giác Bồ-tát).
- (6) « **Chưa biết chỗ xuất nhập** » : Các Hiền-Thánh trong pháp xuất-thế-gian, cũng nhiều vị chưa tự biết sự luân-hồi của mình, nếu chưa chứng-ngộ pháp « nhập nhị nhơn-duyên » và chưa chứng pháp túc-mạng-thông. Huống chi là các Hiền-Thánh trong thế-gian thì làm gì biết được ? Như các Ngài : Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Châu-Công, Khổng-Tử... đều được thiên-hạ từ xưa nay tôn-sùng là bực Thánh ; thế mà các Ngài cũng đều chưa tự biết kiếp trước là gì. Các Ngài : Trần-nhơn-Tôn, Trần-hưng-Đạo trở về già đều có đi tu cả, mà cũng chưa chứng « túc-mạng-thông ». Chỉ như đức Thánh-Tổ Hoàng-Đế là vua Khang-Hy đã từng than rằng : « Ngã bôn Tây thiên nhứt nợ từ, vân hà đọa lạc Đế-vương-gia » ? (Ta vốn là một nhà sư của đạo Phật, thế sao sa vào nhà Đế-vương ?) Cũng có hơi biết nhưng mập-mờ ! Vì chưa được tự sáng-suốt. Trừ các Ngài và những bực đã có chứng túc-mạng-thông và cả lục-thông, từ bực La-Hón sắp lên.
- (7) « **Nên gọi là diên-đảo** » : Khi trung-âm đến đề đầu thai, với giữa cha mẹ nó, nó tư-tưởng là nó làm sự ái-ân, chớ nó không còn nhận thấy sẽ là cha mẹ của nó, đó là với cái thân ngày nay đây, gọi cái tương-tự làm ái-ân hồi đầu thai đó, là tối sơ nhứt niệm đảo-diên (xem ở số 4 trên).
- (8) « **Bảy thú** » : Bảy chỗ đề đến (thú) đầu thai : 1.- Địa-ngục thú (narakagati) ; 2.- Nga-quì thú (preta) ; 3.- Súc-sanh thú (tiriyagyon) ; 4.- Nho thú (manusya) ; 5.- Thần-tiên thú (bsi) ;

6.- Thiên thú (deva) ; 7.- A-Tu-La thú (Asura). Kinh Lăng-nghiêm cuốn 9 nói : « các thú : Địa-ngục, Nga-quỉ, Súc-sanh, Nhơn-loại, Thần-tiên, Thiên-loại và Tu-la, xét ra các thú ấy đều bị khổ tới tám trăm-nịch ! Về với các cái thân tướng hữu-vi, chúng vọng tưởng đề thụ-sanh, chúng vọng tưởng đề theo nghiệp ». Bảy thú ấy đều ở trong ba giới, đều chịu cái công-lệ luân-hồi sanh-tử mà không tự biết được cái kiếp đời sống thác của mình, gọi là túy sanh mộng-tử.

- (9) « **Ngài Tứ-Minh** » : Đời Tống, Ngài Trí-Lễ pháp-sư ở núi Tứ-Minh (núi này ở phía Nam Phủ Khâm-nguồn, Ninh-Ba tỉnh Chiết-giang) để chấn-hưng chánh-nghĩa của Tôn Thiên-Thai, nên gọi Tứ-minh Tôn-giả. Ngài Pháp-Trí Tôn-giả, húy Trí-Lễ, tự ước ngôn ; người đời sau hơn chỗ Ngài ở nên xưng là Tứ-Minh đại-sư. Ngài xuất-gia từ hồi 7 tuổi, 15 tuổi thụ Cụ-túc-giới, chuyên-tinh học bộ luật Thiên-Thai-Tôn, hậu học đa sùng tôn-trọng.
- (10) « **Trí-đức, đoạn-đức** » : Soi rõ được chơn-lý là Trí-đức, dứt hết phiền - não là Đoạn-đức. Tức là Bồ - Đề và Niết-bàn. Luận vãng-sanh lời chú giải rằng : « Luận về Trí thì không nghĩa nào không thông ; nói về đoạn thì bao tập-khí cũng không còn. Với Trí Đoạn đều đủ, mới có thể làm ích-lợi cho đời ».
- (11) « **Việt, Ngôn, Yên, Tần** » : Việt : Nước Việt, tức là giống U-Việt, nay là tỉnh Chiết-Giang. Nước Ngô, nay là địa-phận đất huyện Vô-Tích. Tỉnh Giang-Tô. Nước Yên, nay là đất các tỉnh : Phụng-Thiên, Trục-Lệ và Bắc-bộ của nước Triều-Tiên. Nước Tần nay là các tỉnh : Cam-Túc, Thiềm-Tây.
- (12) « **Dao giết trâu** » : Sách Luận-ngữ nói : Đức Khổng-Tử qua ấp Vũ-thành nghe tiếng : Cầm-sắc và Ca-xướng, Ngài chúm-chím mỉm cười rằng : « Với việc cắt cõ-gà đầu lại dùng đến cái dao thọc cõ trâu ! Lời chú Vũ-thành là cái ấp nhỏ. Hà tất dùng đến cái dao lớn ? « cắt kê » : Cắt cõ gà. Tỷ-dụ : Với cái tài-năng lớn lại đem sử-dụng vào việc nhỏ. Nên nói : « cắt-kê yên dụng ngư dao ».
- (13) « **Nước Ngô thành ao** » : Người xưa là ông Ngũ-Tử-Tư, Tô-quần nước Sở, đời Xuân - thu. Ông nói : « Nước Việt nó sanh nở, sống chung chừng 10 năm, giáo dục huấn-luyện lối 10 năm, sau

20 năm đó, nó sẽ đánh nước Ngô thành ao vũng mà chớ ». Lời chú : Cả cung-thất thành-lũy của nước Ngô đều thành ao nước như đực !

- (14) « Sáu thù » : 24 thù là 1 lượng, 16 lượng là 1 cân. Phía nam nước Ấn-Độ, có hòn núi tên là Nguu-đầu, vì hình núi giống cái đầu-trâu. Núi ấy nó sản-xuất thứ cây Chiên-dàn đó có kết Tinh-huon quý giá ấy.
- (15) « Tổ pháp-thân » : « Pháp thân suông » : Chữ Tổ nghĩa là không tron. Như không thật sự làm việc, mà có ăn lương bổng gọi là « tổ-xan ». Không chức tước phẩm-vị gì cả mà giàu có, gọi là « tổ-phong ». Đời Tấn, ông Đỗ-Dự xung tưng đức Khổng-Tử là « Tổ-Vương » : Do vì kẻ thất-phu mà làm thầy cả muôn đời, bởi không nương-cậy nơi uy-quyền mà thế lực cũng đồng bực với Đế-Vương. Tổ-pháp-thân : Chỉ có cái hiện-thể của pháp-thân, mà chẳng đủ những công-đức của pháp-thân. Ngài Thiên-Thai bảo là « Lý tức-Phật », chính là cả chúng-sanh giữa 3 ác-đạo. Sách Tứ-giáo Nghi nói : « Nay dù rằng Tức-Phật ». Đây là « Phật bằng lý » cũng là « Tổ-pháp-thân », thì Phật ấy có quan-hệ gì với công-tu chúng đâu, vì chưa có phước-đức công-hạnh để trang-nghiêm thân thể. Lời chú giải rằng : Không việc rõ công-đức trang-nghiêm, thể pháp-thân trống không, là chỗ bị Thiên-long Bát-bộ khinh hèn.
- (16) « Cây thụ vương » : Lớn nhất giữa các loại cây trên thế-giới nên gọi Thụ-vương : Cây chúa, Tự phẩm kinh Pháp-Hoa nói : « Cõi nước tự nhiên xinh đẹp lạ-lùng, như bông nở rộ của Cây-chúa trên trời ». Cây lớn nhất thế-giới đây tức là cây Ba-lợi-chất-da ở trên cung trời Đao-lợi ; mà trong kinh Khi-Thế cuốn thứ 6, và kinh Trường-A-Hàm cuốn 20 đều có nói.
- (17) « Nhứt-thế-nghĩa-Thành » : Gọi đủ là « Nhứt-thế-nghĩa-thành-tựu » tức « Tên », hồi còn làm Thái-Tử của Phật, mà dịch nghĩa bởi danh « Tất-Bà-Hạt-Thích-Ca-Tất-Đạt » (Đời Đường dịch Nhứt-thế-nghĩa thành-tựu), cụy dịch Tất-Đạt là sai. Với nghĩa trên, thấy trong cuốn 7, bộ Tây-vực-ký. Kinh Hoa-Nghiêm cuốn 12 nói : « Với giữa 4 châu thiên hạ, đức Như-Lai hoặc là « Nhứt-thế-nghĩa-thành-tựu », hoặc tên là « Thích-Ca-Mưu-Ni ». Vì « Nhứt-thế-nghĩa-thành-tựu » là : Trọn nên tất cả nghĩa ».

- (18) « **Dịch-Địa giai nhiên** » : Đương thuở thái-bình, mà ông Vũ, ông Tác đã 3 lần đi ngang qua cửa ngõ đều chẳng vào nhà mình, vì cần với bọn phận đương làm việc, nên được đức Khổng-Tử khen ngợi ; Đương thời loạn-lạc mà thầy Nhan-Uyên ở nơi xóm hẻm nhỏ, trong lều tranh chỉ có một đai com, một bầu nước mà thôi, theo người ta thì chẳng xiết nỗi âu-lo ; mà thầy Nhan vẫn không đổi chí vui ! Nên cũng được đức Khổng-Tử khen ngợi. Thầy Mạnh nói : Hạ-Vũ, Hậu-Tác và Nhan-Uyên đồng một đạo thể. Lại nói : « Các Ngài : Vũ-Tác, Nhan-Tử, đổi địa vị thì đều thể ». Vì vẫn vui với bọn phận dù cảnh ngộ, trường hợp có khác chứ tâm địa vẫn đồng.
- (19) « **Tự-thệ Tam-muội** » : Như tiền-thân của Phật Thích-Ca là Ngài Đại-thần Bửu-Hải phát-nguyện tương-lai ở cõi kham nhẫn uế-độ thành Phật, để tế-độ chúng-sanh ; mà nay lời thệ nguyện đó Ngài đã chứng đặng rồi, nên nói : Riêng một mình Ngài chứng đặng tự-thệ tam-muội đủ thấy trong : « Như-Lai độc-chứng tự-thệ tam-muội kinh ».
- (20) « **Phạm-vương tên Nhẫn** » : Kiếp sơ là ban đầu « Kiếp thành nghĩa là bắt đầu mới thành cái thế-giới Kham-nhẫn này. Trước nhứt Trời Phạm-vương đọa xuống làm người, do lấy tên người đặt tên cho cõi, nên nói là Kham-nhẫn thế-giới. Vì người tên Nhẫn cõi phải tên Nhẫn, người, cõi Kham chịu với nhau, nên gọi Kham-Nhẫn. Sách Huyền-tán cuốn 2 nói : « Các khổ khổn ngặt, mà chúng-sanh vẫn kham chịu nhọc-nhẫn ; các Bồ-tát ra làm lợi-lạc cho, lại bị nhiều ganh-ghét, mà Bồ-tát cũng kham chịu được, nên chung lập thành tên cho cõi này là Kham-nhẫn ».
- (21) « **Đời ác thế** » : Là cái thời kỳ mà loài người làm việc ác rất thịnh hơn hết. Sách Tán-thiện nghĩa gọi là ngũ-trước ác-thế. Trong kiếp « Trụ » từ cái thời-kỳ mà loài người mỗi người còn sống được 2 vạn tuổi (kiếp giảm) là bắt đầu sanh 5 điều ác trước ; « kiếp trước » là phần chung 4 trước kia là phần riêng, vì giữa kiếp trước nó có 4 trước ấy, bởi có 4 trước đó, nên gọi là kiếp trước. Trong kiếp trước, từ mỗi người sống còn được 2 muôn tuổi, thì cả thế-giới đã bắt đầu xây ra 5 trước, nhưng còn nhẹ ít ; dần dần theo thời đại biến giảm xuống, thì cái trình-độ 5 trước càng tăng kịch lên cao. Mà đức Thích-Ca ra đời nhằm cái

thời mỗi người chỉ sống còn có trăm tuổi, thì trước nó lại quá v
kịch-liệt ! Huống nữa lại giảm xuống đến thời mà mỗi người chỉ
còn 10 tuổi là kiếp giảm đã cực điểm, thì trước nó lại càng không
thể tưởng-tượng được ! Hiện nay mỗi người còn sống được trong
ngoài 70 tuổi, trước nó đã quá với thời Phật ở đời (100 tuổi),
vậy từ nay bắt một kẻ đi... thì còn 9.000 năm nữa mới đến cái
thời mà con người chỉ còn có 10 tuổi là một đời (hết tiêu kiếp
thứ 9), thế thì giữa thời kỳ « chín ngàn năm » đđ, ở thế-giới này,
chúng-sanh làm gì có những : Đại-đồng ? Tự-do ? Hạnh-phúc ?
Vì ngũ-trước còn kịch-liệt kia mà !

(22) « Ngũ-thanh » : Năm điều thanh-tịnh : 1.- Kiếp thanh là bên
cõi nước Thanh-thái, chẳng có cái kiếp giảm xảy ra 4 trước như
cõi ế-độ, nên gọi Kiếp-thanh ; 2.- Kiến-thanh : Nhận thấy không
mê lầm như Thân-kiến, Biên-kiến, Tà-kiến của cõi này ; 3.- Ý-
thanh : Ý-thức không tham, sân, si... phiền-não mê-tịn tu-làm luyện-
sái như cõi này ; 4.- Mạng-thanh : Thọ-mạng vô-lượng, không
tăng lên 8 vạn 4 nghìn tuổi, không giảm xuống còn chỉ 10 tuổi,
mà phải chịu cái khổ thọ-mạng rút ngắn bằng sanh, lão, bệnh, tử ;
5.- Chúng-sanh thanh : Toàn chư Thiện-nhơn cu-hội nhưt xú đều
là bậc Thánh ; chứ chẳng phải như nhơn gian này, cái thân quã-
báo sút kém, cái tâm tối-dốt khiếp-nhuợc ; khổ nhiều phước-ít
như chúng-sanh cõi này. Vì đều được kết-quả bởi đa thiện-căn
phước-đức nhơn-duyên bằng cái tu-nhơn trì danh niệm Phật đã
thanh-tịnh.

(23) « 5 thống, 5 thiếu, 5 ác » : Tạo-tác 5 điều ác là : Sát-sanh,
thâu-đạo, tà-dâm, vọng-ngữ và ầm-tửu, đó, thì khi còn sống bị lấy
pháp-luật của nước nhà làm hại. Lúc chết sa vào ác đạo gọi là 5
điều thống khổ làm cho thân-tâm bị đau khổ như lửa cháy, nên dụ
là 5 điều thiếu đốt. Kinh Vô-lượng-thọ nói : « Ta nay làm Phật
giữa thế-giới này ở trong 5 thống 5 thiếu rất là kịch-khổ, đđ
giáo-hóa chúng-sanh khiến chúng-sanh bỏ 5 ác, trừ 5 thống, lìa 5
thiếu. Thế mà chúng-sanh không bỏ, cứ say-sưa trong biển hồ
sanh-tử, Phật rất đau lòng, khác nào người con bất-hiểu không
nghe lời, cứ tạo nghiệp, cha mẹ lòng thương lo-lắng !

(24) « **Tướng-diệt Nam** » : Trên hội Linh-sơn, Phật thuyết kinh Pháp-hoa, bảy giờ bực Thượng-đức, Thỉnh-văn nghe chẳng nổi pháp nhứt-thừa thật tướng, đứng dậy lạy Phật rồi lui về, kè có 5.000 người, gọi bằng Ngũ-thiền thối tịch. Và trên hội Hoa-Nghiêm, những chúng chẳng thấy được cái thân tốt của Phật Xá-Na, cũng là đồng một hạng nghe pháp không hiểu nổi, đành chịu thua lui về, như quân-sĩ bại trận nên bảo là bại-bắc. Ngài Đức-sơn, hiệu là Châu-kim-Cang, chẳng tin cái thuyết đơn truyền trực-chỉ của Nam-Tôn, ngài chép ra bộ « Thanh-long-Sao », để làm tài liệu đem qua phương Nam, dựng đánh đố Nam-tôn. Đến gần biên-cảnh, ghé vào quán nước, để dùng điềm-tâm. Mục quán hỏi : Ngài mang thứ chi đó ? Kim-Cang Thanh-long-Sao. Kinh Kim-Cang nói 3 tâm chẳng thể có, vậy Ngài điềm tâm nào ? Đức-sơn Ngài không trả lời được ! Sau đến nơi ngài Long-Đàm gạn hỏi đôi phen, bỗng dựng giác-ngộ, bèn than rằng : Lẽ mầu đã biện tột rồi, bộ Thanh-long-Sao như mây lông dề giữa không ; cả lý do của thế-gian dường như một nhều nước thả xuống biển thẳm, có ăn nhập vào đâu ? Rồi Ngài đốt luôn bộ Kim-cang Thanh-long-Sao. Ba tâm : Quá-khứ tâm, Hiện-tại tâm và Vị-lai tâm.

(25) « **A-Tu-La có 4 loại** » : Kinh Pháp-Hoa, phạm tự, kè 4 loại A-Tu-La : 1.- Ba trí A-Tu-La vương ; 2.- Khu-La-Khiêm-Đà A-Tu-La vương ; 3.- Tỳ-Ma-Chất-Đa-La vương ; 4.- La-Hầu A-Tu-La vương đều có hàng trăm hàng ngàn quyến thuộc, kinh Khi-Thế chép rằng : Giữa loài A-Tu-La có một nhóm rất liệt-nhược ở trong chốn núi sâu cõi nhơn-gian, tức giữa núi phương Tây có một cái hang đá rất sâu, ở đó có rất nhiều cung-điện, A-Tu-La, kinh Pháp-Hoa Văn-Cú cuốn năm nói : Thứ A-Tu-La thuộc về Qui-đạo thì ở bên Đại-hải, thứ A-Tu-La thuộc về Súc-sanh-đạo thì ở dưới đáy biển.

(26) « **Qua đời tương lai** » : Là nói về khoản : Cuối tiêu-kiếp thứ 9 và đầu tiêu kiếp thứ 10. Kinh La-hán Hộ-pháp chép rằng : Cuối thứ 9 này, lúc mà cả nhơn loại mỗi người chỉ sống còn có 10 tuổi là mãn đời đó, bảy giờ cả thế-giới đều nổi lên cái tai đao-binh, chỉ trong 7 ngày, toàn cả loài tàn-sát lẫn nhau lúc đó (hết tiêu-kiếp thứ chín) giáo-pháp của đức Thích-Ca phải tiêu diệt lần ; sau cái tai đao-binh 10 ngày, bắt đầu qua cái tiêu-kiếp thứ 10 v.v...

- (27) « **Kinh thủ Lăng-Nghiêm diệt trước** » : Vì nghĩa-lý quá w sâu xa cao-thượng, mà tâm-trí của nhơn-loại bấy giờ lại cực-kỳ đơn-giản tối-tâm nên không tu-học nổi kinh pháp ấy ! Đã chẳng học nổi thì còn ai đâu hoằng-truyền pháp-thủ Lăng-nghiêm tam-muội nữa, thành thử nó phải tiêu-diệt trước là vậy.
- (28) « **Thời Chánh-pháp đã diệt** » : Kể từ ngày mà Phật nhập-diệt về sau đủ một ngàn năm, là cái thời-kỳ chánh-pháp : Trong đời chánh-pháp đó, hễ người xuất-gia thụ giới Tỷ-kheo đều học-tu thuộc lòng cả 3 tạng, nhất là tạng-luật nên giới đức hoàn-toàn. Bởi vừa thuộc lòng 3 tạng, vừa trọn đủ giới-hạnh, để ấn-tâm truyền-khâu với nhau về cái quan-diêm « giải-thoát kiên-cố », nên gọi là chánh-pháp. Nghĩa là chánh-thức giữ đúng pháp của Phật. Mà ở đây nói đời chánh-pháp đã diệt, là đã qua khỏi một ngàn năm nói trên rồi, tức là thuộc về đời tượng-pháp, nó tương tự chứ không được chánh-thức. Vì kẻ xuất-gia phần nhiều không thuộc lòng tam-tạng chẳng giữ trọn hạnh-giới, chỉ chuyên về văn-tự ngữ-ngôn hơn tu chứng.
- (29) « **Sức Tổng-trì** » : Đà-La-Ni (Dharani) Dịch là Tổng-trì gồm giữ nghĩa là : Với việc lành giữ không cho mất, với việc ác giữ chẳng cho gây : Thẻ nó là Niệm, Định và Huệ, là chỗ của Bồ-tát tu đủ công-đức. Tổng-trì có 4 : 1.- Pháp-tổng-trì cũng gọi là Văn-tổng-trì : Với Giáo-pháp của Phật, nghe nhớ giữ không quên. 2.- Nghĩa-tổng-trì : Với nghĩa lý của Pháp gồm giữ không cho mất. 3.- Chú tổng-trì : Bồ-tát y nơi tâm định rồi khởi niệm đề trì-tụng thần-chú, trì chú đã được thần lực linh-nghiệm, trừ được tai nạn bệnh hoạn cho nhân-dân. 4.- Nhẫn tổng-trì : Trí chơn-thật của Bồ-tát, nhẫn chịu giữ được thật-tướng của Pháp mà không cho mất. Chơn-ngôn-tôn, Đà-La-Ni đây, tức là Chú-tổng-trì đây vậy.
- (A) « **Riêng đề kinh này một trăm năm** » : Tức là kinh Vô-lượng-Thọ cũng kinh A-Di-Đà : Về tiêu-kiếp thứ 10, trong thời-kỳ tăng : Bấy giờ từ 10 tuổi đó, tăng lên, đến chừng mà mỗi người sống được 8 vạn tuổi, thì kinh pháp của đức Thích-Ca đều diệt hết. chỉ còn lại kinh A-Di-Đà cũng như pháp « trì-danh niệm Phật » còn lại một trăm năm độ sanh, vì chỉ có 6 tiếng dễ học dễ tu với trình-độ của chúng-sanh trong thời-gian đó tăng đến mỗi người sống đủ 8 vạn 4 nghìn tuổi, là thời tăng đã mãn, trở lại giảm

xuống đến lúc mà mỗi người sống còn 8 vạn tuổi, bấy giờ đức Di-Lặc ra đời v.v...

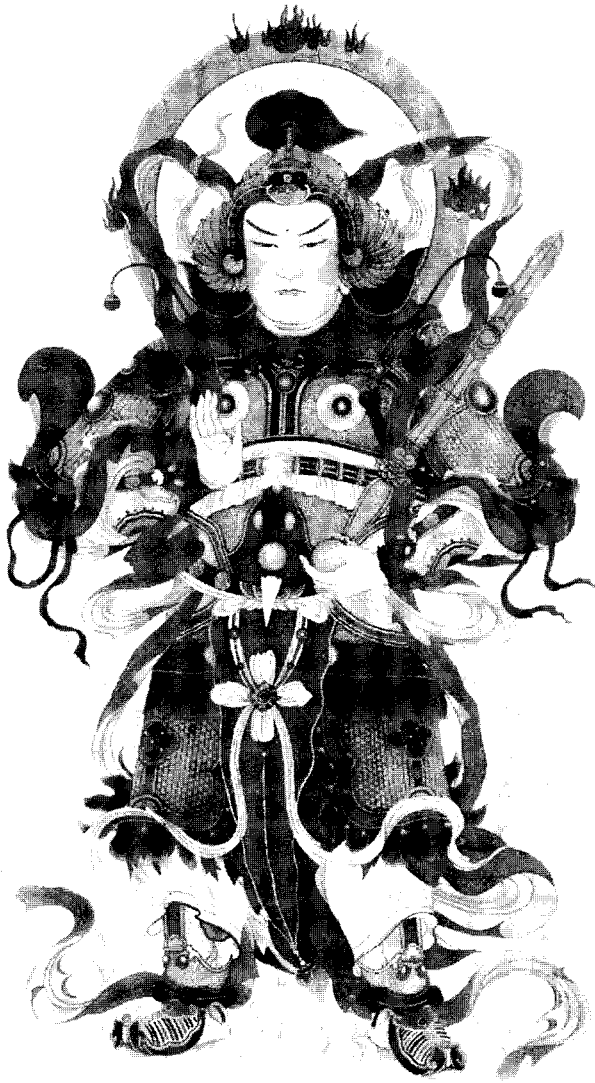
- (30) « **Nguồn-gia** » : Niên hiệu của Văn-đế (đương-lịch 424, trước Dân-quốc 1488 năm) đời Lưu-tống miền Nam bên Tàu bấy giờ (theo đương-lịch thì trong khoản : 420 — 476).
- (31) « **Nam Bắc triều** » : Từ đời Đông-Tán, Nguồn-Đế (317) về sau, gọi là Nam Bắc triều : Chiếm-cứ về khu-vực phương Nam gọi là Nam-triều, có 4 triều là : Tống, Tề, Lương, Trần đều là Hán-tộc, chiếm-cứ về miền Bắc là Bắc-ngụy : Bắc-Tề, Bắc-châu. Cả Nam Bắc-triều ; khởi từ năm Canh-Thân (420) đến năm Ất-Dậu (589) là hết, vì Tùy-văn-Đế thống nhất nước Tàu, lên ngôi năm ấy ký-hiệu là Khai-hoàng Nguồn-niên.
- (32) « **Lưu-Tống** » : Gọi riêng về Tống Nam-triều, bởi ông Lưu-Dũ làm vua, xưng Tống, nên gọi Lưu-tống, để cho riêng biệt với triều Tống, là ông Triệu-khuôn-Dẫn làm vua sau này cũng xưng Tống.
- (33) « **Tiên-đà-bà** » : Với danh-từ « Tiên-đà-bà » đủ có bốn nghĩa là : 1.- Muối. 2.- Nước. 3.- Ngựa. 4.- Đồ vật dụng. Chỉ có một bề tôi đủ trí-thức, mới có thể hiểu được. Nghĩa là : Như lúc mà nhà vua dùng bữa, Ngài gọi rằng : Tiên-đà-bà ! Thì vị trí-thần hiểu ngay là vua cần dùng muối, lúc nhà vua tắm gội, gọi Tiên-đà-bà ! trí-thần biết liền là Hoàng-thượng cần dùng nước. Khi nhà vua làm công chuyện, bảo : Tiên-đà-bà ! Vị trí-thần ấy rõ ngay là Thánh-thượng Ngài cần dùng đồ-đạc gì đó. Lúc nhà vua, Ngài muốn ra dạo chơi, gọi rằng : Tiên-đà-bà ! Thì quan trí-thần ấy tức hiểu là Thiên-tử Ngài cần dùng ngựa.
- (34) « **Diêm-phù-đề** » : Đọc đủ là Diêm-phù-đề-bệ-ba (Jampudvipa) : Châu Diêm-phù, nghĩa là giữa trung tim Châu này có rừng cây Diêm-phù, dùng tên cây, để đặt tên cho Châu này, lại ở về phía Nam núi Tu-Di, nên gọi là Nam Diêm-phù Đề-bệ-ba, tức là cái Châu mà loài người chúng ta ở đây. Luận-cu-Xá cuốn 11 chép rằng : Phía Bắc núi Đại-tuyết có núi Hương-túy, khoảng giữa 2 núi ấy, có cái ao nước lớn, tên là Vô-nhiệt. Bên ao ấy có rừng cây Thiệm-bộ tức Diêm-phù, hình cây rất cao lớn, trái rất ngon ngọt, hơn danh rừng cây ấy, nên đặt tên cho Châu này là Thiệm-bộ-Châu cũng như Diêm-phù-Châu.

MỤC LỤC

- <i>Lời giới thiệu</i>	5
- <i>Lời nói đầu</i>	9
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ nhất</i>	11
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ nhất</i>	101
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ hai</i>	145
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ hai</i>	241
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ ba</i>	257
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ ba</i>	349
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ tư</i>	359
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ tư</i>	452

KINH A DI ĐÀ SỬ SAO
Hòa thượng THÍCH HÀNH TRỤ





Nam mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát